

Lời nói đầu

(Gợi mở cho bạn đọc)

HÀN KHỞI

Sau khi cuốn “Chu dịch và dự đoán học” ra đời, tôi và ông Thiệu Vĩ Hoa đã lần lượt nhận được hơn bốn vạn bức thư của bạn đọc, nội dung thư gửi vì không ngoài hai loại: xin bói và xin học. Ở đây; tạm không nói về người xin bói, chỉ những gì người cầu học đề xuất cũng đã sôi nổi, lắm vẻ. Lúc đó, tôi đang lãnh nhiệm vụ Phó trưởng ban thường vụ Hội nghiên cứu dịch học tỉnh Thiểm Tây. Tôi đã nói với ông Bàn Tài Hưng xem có thể viết cuốn hướng dẫn học “Chu dịch và dự đoán học” giúp cho người có trình độ văn hoá tiểu học cứ thế mau chóng đọc hiểu, học biết được. Ông Hưng cũng có ý nghĩ như vậy. Thế là chúng tôi bắt tay ngay vào đi sâu giải quyết hàng vạn thắc mắc được nêu lên trong thư gửi về của bạn đọc. Mấy năm sau, “Sách hướng dẫn đọc “Chu dịch và dự đoán học” của Thiệu Vĩ Hoa” hoàn thành bản thảo. Sau khi đọc chúng tôi hết sức phấn khởi, cảm thấy đạt được ý nguyện về viết cuốn sách này.

Những sách viết về dự đoán Chu dịch rất nhiều, rất rộng. Lúc ông Thiệu Vĩ Hoa viết “Chu dịch và dự đoán học”, trong xã hội còn chưa có xuất bản phẩm hiện đại. Trải qua đại cách mạng văn hoá, sách tàng trữ của tượng nhân về loại này cũng bị hủy hoại nặng nề. Xét thấy như vậy “Chu dịch và dự đoán học” phải có trách nhiệm về hai mặt: một là phải có dung lượng đồ sộ, hai là phải có giá trị thực dụng cao. Như thế dễ gây khó khăn, trở ngại cho số người chưa có cơ sở về văn hoá cổ điển Trung Quốc.

Mọi người đều biết “Chu dịch”, vốn là sách bói toán. Sách mang ý nghĩa thật sự vì sự sinh tồn của bản thân, về đạo lý suy ngẫm về lập thân xử thế, vì mong muốn tìm may tránh rủi của loài người cổ xưa. Vì sách chứa đựng triết lý sâu sắc, đời sau đã lập ra các nhóm chuyên nghiên cứu về nội dung của nó. Cá biệt lại có người đi đến cực đoan, mất gốc, tùy tiện phủ nhận công năng bói toán của “Kinh dịch”. Nhưng mà, không có bói toán thì đâu có “Kinh dịch”. Có khác gì mẹ sinh con, con lớn khôn lại phủ nhận sự tồn tại của mẹ, chẳng phải là xằng bậy sao?

Ngày nay, người học tập dự đoán Chu dịch ngày càng đông, sách viết về loại này ngày càng nhiều. Đây là một tình hình rất tốt đẹp. Nhân dịp xuất bản cuốn “Hướng dẫn đọc “Chu dịch và dự đoán học” của Thiệu Vĩ Hoa”, xin mượn lời trong “Kinh dịch” gửi tặng đồng nghiệp:

“Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức”.

NỘI DUNG SƠ LƯỢC

“Hướng dẫn đọc “Chu dịch và dự đoán học” của Thiệu Vĩ Hoa” (dưới đây gọi tắt là “Sách hướng dẫn”) dựa theo những thắc mắc và yêu cầu nêu ra trong hơn bốn vạn bức thư của bạn đọc mà Hàn Khởi và Thiệu Vĩ Hoa đã nhận được để đi sâu trình bày một cách đơn giản lý luận trong cuốn sách gốc và cải chính rõ ràng nhiều chỗ sai sót trong sách gốc. “Sách hướng dẫn bắt đầu từ những khái niệm cơ bản nhất, đi vào dần dần tuần tự từng bước, điều này đưa ra được sự đối chiếu rõ rệt với sách gốc, vì sách gốc trình bày khó trước dễ sau, đưa ra khái niệm mà không có giải thích, làm cho người mới học như đi vào trong đám sương mù, chẳng thấy lối được. Số đông bạn đọc miệt mài bao năm tháng vẫn không bước nổi vào lĩnh vực dự đoán. “Sách hướng dẫn”, theo yêu cầu của bạn đọc, cố gắng hết sức đơn giản hoá lý luận dự đoán,

mạnh dạn loại bỏ những gì hoang đường trong sách gốc, bằng lời rõ ràng nhất nêu lên những gì sâu xa huyền diệu trong đó.

Ông Bàng Tài Hưng học quẻ đã nhiều năm, trình độ rất sâu. Về tướng học, bát quái, phong thủy, khí công đều có sự nghiên cứu cặn kẽ, cho nên trong “Sách hướng dẫn” đã chứa đựng đầy đủ những kỹ xảo và những điều tâm đắc của bản thân ông, kiên quyết phải bỏ mọi vở học hoang đường. Mỗi loại phương pháp đều có kèm thêm ví dụ về quẻ. Ví như về vấn đề khái niệm quá nhiều, khó ghi nhớ, mà bạn đọc nêu lên, ông chỉ rõ cho biết cái gì phải nhớ, cái gì không cần nhớ. Ông đưa vào trong sách một cách vô tượng một số bảng kê ông vẫn thường dùng giúp cho một người mới có trình độ văn hoá tiểu học trở lên, nếu chịu khó đọc sách này là có thể nắm được nội dung then chốt của dự đoán.

“Sách hướng dẫn” xét thấy bạn đọc không phải đều có sách gốc, phải tập trung vào Xây dựng hệ thống lý luận của mình, nên đã lấy sách gốc làm chỗ dựa, chứ không phải là chú thích sách gốc, như vậy, cho dù không có sách gốc, bạn đọc vẫn có thể học được dự đoán. Một người bình thường chỉ cần chịu khó học, chỉ trong mấy tháng là có thể nắm được những điểm cốt lõi. “Sách hướng dẫn” tôn trọng ý kiến bạn đọc, đối với những thắc mắc có tính phổ biến trong thư gửi về của đa số bạn đọc, đều có thêm phần giải thích đầy đủ.

Cuốn “Sách hướng dẫn” rõ ràng là tập sách rất hay và hiếm trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng Chu dịch, khắc phục lối học kiểu bác học, ra sức nêu lên vấn đề phổ thông hoá cách nghiên cứu. Nếu như tước bỏ được cái vỏ ngoài huyền hoặc của dự đoán, mọi người đều nắm vững được dự đoán, thì rõ ràng đó là một đóng góp to lớn đối với sự quyết đoán giữa đúng và sai của dự đoán Chu dịch.

Dự đoán Chu dịch bị một số cán bộ và công nhân nghỉ hưu gọi là câu đố không lời giải. Hiện nay một số người cao tuổi học tập dự đoán, tìm được sự thanh thản cho tuổi già, cảm thấy hết sức phấn khởi. Lời đố thì có hạn, là cứng nhắc. Những nội dung giải đố trong dự đoán Chu dịch gần gũi với đời sống, rất linh động hứng thú. Một cụ già vì đoán đúng thời gian con trai đi họp ở Bắc Kinh trở về, tinh thần rất phấn chấn, ăn khỏe lên nhiều, đi đâu cũng trao đổi kinh nghiệm dự đoán với người khác, đấy là một điều minh chứng. “Sách hướng dẫn” viết ra cũng là để cho những người này.

Cách dự đoán chữ của ông Bàng Tài Hưng có nhiều sáng tạo so với truyền thống, chu đáo tỉ mỉ, ngay các bậc đạo sĩ cũng chưa biết được. Cũng nhân dịp này, xin vấn tất thêm đôi điều tiết lộ.

Phần một PHÉP DỰ ĐOÁN TƯỢNG QUẺ

“Có thể trên đường phấn đấu của cuộc đời, bạn có thể đạt tới được sự phấn khởi trong thành công. Thế thì trong giờ phút vui sướng, không được quên những người, cũng như bạn trước đây, vẫn còn gian nan dẫn bước trên những nẻo đường nhỏ hẹp, khúc khuỷu, ngoằn ngoèo”. Đó là lời của một đạo sư võ thuật đã nói với tôi. Cho đến nay, tôi chưa thể quên được.

Con người, đối với việc theo đuổi mục tiêu của mình, phải có ý chí bền bỉ là biểu hiện cụ thể của tinh thần tốt đẹp đó. Khi mà bạn quyết tâm học tập Chu dịch – cuốn sách văn hoá kinh điển cổ đại rất quan trọng của Trung Quốc và có ý định vận dụng phương pháp dự đoán mà “Chu dịch” đã đề ra, để tiến hành dự đoán hàng loạt vấn đề tự nhiên, xã hội và dân sinh, xin đừng coi học tập Chu dịch và dự đoán là quá khó, cũng đừng xem học tập Chu dịch và sự đoán là quá dễ. Suy nghĩ theo cách trước sẽ làm cho người ta mất lòng tin, suy nghĩ theo cách sau, vì chuẩn bị tượng tưởng không đầy đủ, gặp vấp vấp sẽ lùi bước. Những người có chí học tập “Chu dịch và dự đoán” cần phải ngẩng cao đầu, phải có tinh thần không sợ khó và ý chí

ngoan cường, đánh lui mọi thử thách trên đường học tập. Vượt qua mọi vướng mắc, trở ngại, ánh sáng ban mai sẽ ở phía trước.

Chương 1

DỰ ĐOÁN NHÂN SỰ CÁT HUNG KHÔNG PHẢI LÀ HOANG ĐƯỜNG

“Chu dịch” là bộ sách kinh điển lâu đời nhất, có ảnh hưởng lớn nhất, nổi tiếng nhất của Trung Quốc, là kết tinh trí tuệ thông minh của dân tộc Trung Hoa. Ông Thành Trung Anh, Chủ tịch Học hội “Kinh dịch” quốc tế nói: “Chu dịch là học vấn của sinh mệnh, chân lý của vũ trụ, trí tuệ của văn hoá, ngọn nguồn của giá trị. “Chu dịch” chẳng những là của Trung Quốc, cũng là của Phương Đông, càng là của thế giới; chẳng những là của cổ đại, cũng là của hiện đại, càng là của tương lai. “Chu dịch” là khoa học của dự đoán, khoa học của quyết sách”.

Phục Hi vẽ bát quái là hình nét chữ viết của Trung Quốc. Văn Vương diễn giải Chu dịch là mở đầu văn hoá Trung Quốc. Bộ sách “Kinh dịch” từ xưa đến nay được mọi người tôn sùng hết mức, tôn lên hàng đầu các kinh sách. Tác giả “Kinh dịch” ngược lên xem thiên văn cúi xuống xét địa lý, ở giữa thông hiểu mọi vật, nghiên cứu ranh giới trời và người, tìm tòi nguyên lý chung của cái tất biến, sở biến, bất biến của vũ trụ, nhân sinh, thông hiểu sự biến hoá xưa nay, vạch rõ quy tắc chung của nhân sinh, lấy làm chuẩn cho hành vi của loài người.

Nhìn lại lịch sử, chúng ta dễ dàng nhận thấy bên cạnh các vị quân vương các thời đại, đều có các bậc cao minh tinh thông bát quái Chu dịch, lập mưu hoạch sách cho sự thành công trong sự nghiệp. Được mọi người biết tiếng có rất nhiều nhân vật lớn ở địa vị cao như Khương Tử Nha, Trương Lương, Tiêu Hà, Gia Cát Lượng, Lý Thuần Phong, Lưu Bá Ôn, Tống Thiên Sách ... Điều có thể thấy chung ở họ là vận dụng những hiểu biết về bát quái Chu dịch, hoạch định sách lược quân sự nơi cung cấm, tru hoạch phần chắc thắng ngoài vạn dặm, thể hiện khả năng đoán độn làm kinh động lòng người.

Trong thực tiễn lâu dài vận dụng bát quái Chu dịch, họ đã tích lũy được vô vàn kinh nghiệm. Câu chuyện “Gia Cát Lượng trí đoán Lưu Bá Ôn” là một ví dụ.

Gia Cát Lượng là nhà chính trị, nhà quân sự nổi tiếng, cũng là cao thủ bát quái Chu dịch nổi tiếng thời Tam Quốc. Một số tiểu thuyết và truyền thuyết dân gian đã miêu tả ông như thánh nhân có thể biết nhân sự, cát hung hàng nghìn năm. Rất nhiều nơi ở Trung Quốc vẫn lưu truyền những câu chuyện giữa ông và tể tướng Lưu Cơ Lưu Bá Ôn thời Minh.

Theo truyền thuyết, sau khi Lưu Bá Ôn giúp Chu Nguyên Chương thống nhất thiên hạ thì tỏ ra đắc chí. Một hôm đến trước mộ Gia Cát Lượng, lòng nghĩ thầm: mọi người đều nói Gia Cát Lượng tính toán cao tay, mưu lược hơn người, cuối cùng lại cũng không giúp Lưu Bị thống nhất thiên hạ được, còn ta đây... Ông vừa nghĩ đến đây bỗng nghe “rầm” một tiếng, từ trên giàn nho, một viên bùn khô, rơi xuống đất vỡ tan để lộ ra một viên giấy. Lưu Bá Ôn nhặt viên giấy, mở ra xem, sợ toát mồ hôi. Số là trên mảnh giấy có ghi “Chủ ta không có phúc như chủ người, tài người không được cao bằng tài ta”.

Sợ quá Lưu Bá Ôn liều cúi đầu tạ tội.

Một truyền thuyết khác. Một hôm Lưu Bá Ôn dẫn đầy tớ đi săn, chính lúc ông ta thả chó săn ra đuổi con mồi bỗng thấy trong cát bụi lộ ra một hòn đá bia trên ghi bảy chữ “Tam phân thiên hạ Gia Cát Lượng”. Lưu Bá Ôn không cầm được tức giận, nói: “Người chia ba thiên hạ, lại dám khoe khoang trước mặt ta, người biết ta là ai không”, liền tung chân lên đá, hòn đá bia vỡ toác ra, bên trong lại lộ ra một đá bia nhỏ có khắc bảy chữ “Thống nhất sơn hà Lưu

Bá Ôn”. Lưu Bá Ôn liền quỳ xuống, khấu đầu lia lịa. Số là trên đá bia đã khắc bảy chữ mà chính ông ta đã nghĩ trong lòng. Ông vái lạy, muốn dậy, ai ngờ đầu gối như mọc rễ, hoảng sợ quá luôn mồm xin khoan thứ thì nhìn thấy trong cát bụi đã hiện ra bốn chữ “xả giáp nhi khởi”. Lưu Bá Ôn hoảng sợ cởi mũ giáp ra, lại khấu đầu mà đứng dậy, từ đó không còn dám so bì với Gia Cát Lượng nữa.

Lại còn truyền thuyết “cái gối kỳ lạ của Gia Cát”. Năm dân quốc thứ 3, ở phố Tây An, có một hiệu lương thực xây mở rộng cửa hàng. Một người trong khi làm đào được một cái gối cổ bằng sứ màu xanh, sáng óng ánh, gõ vào có tiếng kêu như tiếng vàng đá, liền mang về nhà, buổi tối đem ra dùng. Ai ngờ dựa đầu lên gối, liền nghe thấy tiếng đàn hát du dương phát ra từ trong gối, lòng thấy nhẹ nhõm thoải mái. Ban ngày làm việc mệt nhọc không khỏi tránh khỏi mệt mỏi. Một lần đang ngủ gật, anh ta bị người cai bắt được, lớn tiếng quở trách, hỏi nguyên nhân; anh ta đành phải nói thực ra sự việc kỳ quái của cái gối sứ. Người cai không tin, bắt đưa gối lại thử. Buổi trưa, lúc nghỉ, người cai vừa dựa đầu lên gối, âm nhạc lại nổi lên du dương. Anh ta sợ quá bật dậy, định đập ngay ra xem ngọn nguồn thế nào. Liền ngay lúc đó, chỉ nghe “ình” một tiếng, cái gối cổ đã rơi vào hòn đá vỡ làm đôi, nhìn thành phía trong gối thấy hai hàng chữ khải “Gối này vốn là gối của Gia Cát, năm dân quốc thứ 3 bị Lý Vĩnh làm hỏng”. Anh kinh sợ, dời hẳn cả người, hồi lâu không tỉnh lại. Vốn là người cai này tên là Lý Vĩnh. Đây là “số kiếp” mà Gia Cát Lượng đã vận dụng bát quái Chu dịch tính ra cho cái gối của mình, cuối cùng quả nhiên là “tại hiệp nan đào”.

Mấy chuyện này đọc lên ai cũng muốn nghe, kể lại đều hấp dẫn, nhưng xét đến cùng, đều là truyền thuyết, người đời nay rất khó tìm ra chứng cứ.

Chương này có tiêu đề “Dự đoán nhân sự cát hung không phải là hoang đường” chỉ dựa vào truyền thuyết, chuyện kể để luận chứng là không khoa học, dưới đây xin giới thiệu chuyện thực, được khoa học hiện đại nghiệm chứng.

Tháng 7 năm 1987, Cục Hàng không vũ trụ quốc gia Mỹ tuyên bố: hành tinh lớn thứ 10 trong hệ mặt trời do nhà bác học Phi-lan Thấy-len-ân của đài thiên văn Mỹ, phát hiện năm 1981 đang bay quanh mặt trời. Kỳ thực từ 4 – 7 năm trước, đã có người kết hợp nguyên lý bát quái Trung Quốc với khoa học hiện đại, dự đoán có sự tồn tại của hành tinh thứ 10, gọi tên “Mộc Vương Tinh” và vì thế đã giành được học vị bác học quốc gia của nước Pháp. Người đó là Lưu Tử Hoa, lưu học sinh Trung Quốc sang Pháp dày công nghiên cứu từ năm 1919.

Theo sự giới thiệu của tờ “Báo buổi chiều Dương thành” xuất bản ở hải ngoại Áo môn Hương Cảng ngày 10 – 10 – 1987 thì ông Lưu Tử Hoa là người Thành Đô, Tứ Xuyên, năm ấy 87 tuổi, làm tham sự ở Phòng Tham Sự tỉnh Tứ Xuyên. Năm 1937, ông vào học ban luận văn bác học của Đại học Pa – ri với đề tài nghiên cứu về bát quái kinh dịch và thiên văn học hiện đại. Hồi ấy, có người nêu vấn đề hành tinh thứ 10, rất nhiều đã đi vào tính toán đo đạc, lần lượt đều thất bại cả. Lưu Tử Hoa quyết tâm tìm con đường khác, lấy thiên văn học hiện đại chứng minh nguyên lý bát quái, lấy bát quái vũ trụ luận chỉ đạo nghiên cứu khoa học hiện đại. Ông tiến hành nghiên cứu, so sánh, miêu tả tính chất các quỹ vị của bát quái từ và những tinh cầu này trong hệ mặt trời có quan hệ đối xứng. Lưu Tử Hoa đi sâu vào đoán ra khoảng cách hành tinh mới và mặt trời khoảng 7,4 tỷ cây số. Lưu Tử Hoa dựa vào quy tắc đặt tên theo thần thoại Hy Lạp gọi hành tinh này là “Mộc Vương Tinh”. Năm 1940, Lưu Tử Hoa viết cuốn “Bát quái vũ trụ luận và thiên văn học hiện đại dự đoán một hành tinh mới” bằng tiếng Pháp, trình lên ủy ban giám định luận án bác học của Đại học Pa – ri, dương nhiệt liệt hoan nghênh và được phong học vị bác học quốc gia Pháp. Trong cuộc sống về sau này của mình, ông Lưu Tử Hoa vẫn lặng lẽ chuyên tâm nghiên cứu nguyên lý bát quái, chính lý và dịch trước tác của

mình. Ông nói “Để cho càng nhiều người tìm hiểu được di sản văn hoá cổ đại của Trung Quốc, đó là niềm vui to lớn của tôi”.

Ông Lưu Tử Hoa trong lĩnh vực nghiên cứu kết hợp bát quái Chu dịch và khoa học hiện đại đã thu được thành quả lớn lao như vậy làm cho bao người yêu thích bát quái Chu dịch thêm hâm mộ hơn nữa. Rất nhiều người không chỉ biết khen ngợi mà còn bỏ công nghiên cứu sâu về văn hiến lâu đời của Trung Quốc có liên quan đến Chu dịch, quy luật phổ biến về dự đoán nhân sự, cát hung, phục vụ hạnh phúc của nhân dân và giành được hàng loạt thành quả dự đoán đủ để làm cho mọi người tính phục. Sách “Chu dịch và dự đoán học” của ông Thiệu Vĩ Hoa ở thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây đã thăng thần chân thành giới thiệu phương pháp thực tiễn về bát quái Chu dịch trong dự đoán và cả một số thành tựu nghiên cứu ngày nay đã giành được.

Bạn đọc nếu như đã đọc “Chu dịch và dự đoán học” do ông Thiệu Vĩ Hoa viết hoặc đã có đọc các trước tác của các triều đại có liên quan đến “Chu dịch” và đã tiến hành một chặng đường thực tiễn của bản thân, nói chung đều có thể tin tưởng vận dụng bát quái Chu dịch dự đoán, nhân sự cát hung không phải là hoang đường mà là chân thực trong đời sống.

Ngày 31-1-1991, ông Trần ở Yết Đài Tử thành phố Trùng Khánh đáp máy bay đến Tây An, gặp gỡ các nhân sĩ giới Chu dịch. Tôi và ông gặp nhau ở nhà ông Hàn Khởi, mọi người trò chuyện rất ăn ý “Ông Trần đưa ra cuốn sổ tay ghi chép các ví dụ về quẻ đã tích lũy được trong thực tiễn dự đoán theo Chu dịch của mình, nói với tôi: “Tôi gom góp được một số ví dụ vận dụng quẻ ghi trong cuốn sổ này, tại sao quẻ tôi đoán đều không sát với sự thật, rất lấy làm khổ tâm. Lần này chủ tâm nhân kỳ nghỉ tết, đáp máy bay đến Tây An tìm thầy thăm bạn để được khuây khoả trong lòng. Ông có thể đoán cho tôi mấy quẻ không?”

Tôi vui vẻ nhận lời và ngay tại chỗ đó tám quẻ, chín quẻ, các quẻ đoán đều đúng. Nguyên quẻ so với nhân sự, cát, hung mà ông cần dự đoán, biết quẻ dự đoán hoàn toàn giống nhau. Ông Trần rất cảm động, ông nói: “Tuy chưa gặp được ông Thiệu Vĩ Hoa, nhưng lần gặp gỡ này, đã không uổng công đi Tây An”.

Sai lầm trong đoán quẻ của ông Trần chủ yếu do không hiểu được vị trí chính xác của “dụng thần” trong quẻ hào. Khi vận dụng bát quái Chu dịch để dự đoán, xác định hào nào là dụng thần là cực kỳ quan trọng. Dụng thần chọn sai, cả quẻ đều sai. Vấn đề này sẽ bàn kỹ trong chương có liên quan trong sách này.

Điều phấn khởi là ông Trần qua chuyến đi Tây An này, mau chóng nắm sâu hơn tri thức bát quái Chu dịch có, bắt đầu thoát khỏi lầm lạc, đi lên một trình độ mới.

Tục ngữ nói: “Đã thuộc đường thì làm sao sợ lạc lối. Mùa đông năm 1989, đơn vị của người viết dòng này có một nữ đồng chí nhận được điện báo “Vào viện vì ốm” của bố chồng đánh từ huyện Hoa. Chồng chị đi vội về huyện Hoa. Còn chị phải ẵm con nhỏ trời lại mưa tuyết, có nên đi ngay không? Chị xin tôi đoán một quẻ, nếu ông cụ nằm viện ốm nặng, chị phải đi gấp để lo liệu; nếu bệnh không nặng thì đợi trời tạnh, sẽ đi cũng không muộn. Lúc ấy, bốc được quẻ “càn” từ “hoả thiên đại hữu”:

Hoả thiên đại hữu

(Ly) Hoả $\left\{ \begin{array}{c} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array} \right\}$ Dụng

(Càn) Kim $\left\{ \begin{array}{c} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array} \right\}$ Thể

Càn vi thiên

(Càn) Kim $\left\{ \begin{array}{c} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array} \right\}$ Dụng

(Càn) Kim $\left\{ \begin{array}{c} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array} \right\}$ Thể

NGŨ HÀO ĐỘNG BIẾN

Hoả thiên đại hữu, thượng quẻ là hoả, hạ quẻ là kim, ly hoả là dụng, cần kim là thể; vận dụng nguyên tắc đoán quẻ “Mai Hoa dịch số”, “dụng khắc vận sự hung”, bố chồng chị gặp nạn phải nằm viện. Lại xem hồ quẻ, lấy được bốn hào giữa quẻ hoả thiên đại hữu, trong bốn hào, ba hào đầu đôi kim là hồ của dụng, ba hào dưới cần kim là hồ của thể. Đôi kim hồ ly hoả không những vô công, ngược lại cần “hao hoả” kiềm chế, như vậy tác dụng “hung thần” của ly hoả giảm nhỏ đi nhiều, hạ quẻ cần kim được sự phù trợ của hồ quẻ cần kim, kháng lại sự tiến công của “hung thần” ly hoả, có sức phòng vệ khá mạnh, do đó đoán rằng bệnh của bố chồng chị sẽ không nặng thêm. Lại xem bệnh, của bố chồng chị xem bệnh ở chỗ nào; căn cứ ngũ hào động, đoán vùng ngực của ông có vấn đề. Do đó, dựa vào cái gì để xác định – xin xem bảng sau đây.

Vùng đầu	hào sáu (thượng)	vùng đùi	hào ba
Vùng ngực	hào năm	vùng ống chân	hào hai
Vùng bụng	hào bốn	vùng bàn chân	hào đầu

Có sự phán đoán như trên, tôi phân tích bố chồng chị khí quản giãn nên xuất huyết, phải nằm viện, bệnh tình đã cầm lại. Vậy thì khi nào thì bệnh có thể khỏi. Phải đợi đến ngày biến quẻ thể dụng cần, ngày cần tử hoà. Phương pháp tính toán cụ thể là chủ quẻ cần kim là 1, ly hoả là 3, hoả thiên đại hữu là số 4; hồ quẻ thượng đôi là số 2, hạ cần là số 1, cộng vào là số 3; biến quẻ cần, thượng quẻ là số 1, hạ quẻ cũng là số 1. Bây giờ chủ quẻ, hồ quẻ, biến quẻ cộng số lại với nhau: $4+3+2=9$ ngày. Dựa vào trạng thái tinh thần nôn nóng của người xem bói, tôi vận dụng nguyên tắc đoán quẻ “cấp quẻ cấp ứng”, lấy 9 chia cho 2 rút ra kết luận là nội trong 5 ngày sẽ khỏi. Chị tin đoán quẻ của tôi có lý, quyết định không đi huyện Hoa thăm bố chồng ốm. Sau đó, chồng chị cũng xác nhận quẻ này đã đoán đúng.

Vận dụng bát quái dự đoán nhân sự cát hung có sự khác nhau giữa dự đoán đơn giản và dự đoán phức tạp. Dự đoán một sự việc quan trọng, nhân tố suy đoán tương đối nhiều, phân tích tương đối tỉ mỉ, do đó cũng mất thì giờ và công sức. Dự đoán chỉ một vấn đề thông thường, thường thường chỉ cần nắm vững mấy nhân tố chủ yếu, đoán một cách đơn giản là có thể tìm ra kết luận cho dự đoán. Như vậy thì cuối cùng làm thế nào để có thể nắm vững tri thức vận dụng bát quái Chu dịch thực hành chính xác dự đoán nhân sự, cát hung...? Xin cho phép tôi có một điều trao đổi đơn giản.

Trên thế giới, bất cứ môn khoa học nào, bạn muốn nắm vững, vận dụng đều phải có một quá trình tuần tự tiệm tiến lũy nhiều năm tháng, học tập “Chu dịch và dự đoán học” cũng phải như thế. Ví như các ví dụ về quẻ đã phân tích như trên, trên cơ bản đã phân tích rõ ràng từng loại từng điều. Nhưng có thể còn có chỗ không phải ai xem cũng hiểu được cả. Đó là vì người lần đầu tiếp xúc với bát quái, Chu dịch còn chưa có kiến thức cơ bản về mặt này, thậm chí không biết cần kim sao lại là số 1. đôi kim lại có thể là số 2, tất nhiên cũng không có cách nhận biết được bộ mặt trọn vẹn của quẻ này.

Để giúp cho mọi người đọc hiểu “Chu dịch và dự đoán học”, sách này cố gắng đi sâu, biểu đạt ngắn gọn phổ thông, dễ hiểu.

Căn cứ vào kinh nghiệm của chính mình vận dụng tri thức Chu dịch, tiến hành thực tiễn dự đoán, xin chia làm hai phần lớn: tri thức cơ bản và thực tiễn dự đoán, giới thiệu có trọng điểm về học tập, nắm vững ngọn nguồn tinh hoa của “Chu dịch và dự đoán học” như thế nào.

Chương 2

NẮM VỮNG CHÌA KHÓA NGHIÊN CỨU

“CHU DỊCH”

Người ta cần phải có chìa khoá để mở khoá. Mở khoá thường chúng ta lựa chìa vào là có thể được khoá; nếu mở khoá của két sắt, sợ rằng rất nhiều người vặn khoá toát mồ hôi cũng không có cách mở được khoá. Điều này nói lên rằng muốn mở khoá két sắt, không chỉ cần một chìa khoá, mà còn phải nắm được phương pháp và bí quyết mở khoá. Mở khoá là như vậy, nghiên cứu Chu dịch cũng là như vậy. “Chu dịch” là cái két sắt giữ kín những điều bí hiểm. Các loại sách nghiên cứu Chu dịch có kiến giải chính xác và thấu triệt là chìa khoá để người ta tìm tòi bí hiểm của “Chu dịch”. Hiện nay, đối với chúng ta, không phải là thiếu chìa khoá, mà là thiếu phương pháp sử dụng chìa khoá và các bước thao tác cụ thể. Để nắm vững chìa khoá nghiên cứu “Chu dịch”, chúng ta trước hết phải bàn luận, nhận ra cấu tạo của “chìa khoá”.

Tiết 1. TIÊN THIÊN BÁT QUÁI VÀ HẬU THIÊN BÁT QUÁI

“Chu dịch và dự đoán học” của Thiệu Vĩ Hoa, Chương 1, hai tiết đầu trước hết giới thiệu “Phục Hy tiên thiên bát quái” và “Văn vương hậu thiên bát quái”. Cá biệt có bạn đọc vừa mới mở sách đã thấy chán ngán, mới xem được “tiên thiên bát quái”, lại đến cái “hậu thiên bát quái”, tiếp theo lại còn cái “thực dụng bát quái đồ”. Như vậy, rốt cùng là cái gì. “Tiên thiên bát quái”, “hậu thiên bát quái”, “thực dụng bát quái” và dự đoán Chu dịch có mối quan hệ như thế nào?

“Chu dịch và dự đoán học” là một trước tác hoà trộn nghiên cứu dịch lý và dự đoán thông tin làm một, tương đối hoàn chỉnh; đã muốn nghiên cứu dịch lý, bắt buộc phải làm rõ ngọn nguồn đầu đuôi của tiên thiên bát quái và hậu thiên bát quái”. Đối với số đông bạn đọc nặng về nghiên cứu dự đoán Chu dịch, chúng tôi chẳng ngại gì, chỉ xin nói hết qua, có sự tìm hiểu trên những nét lớn là được rồi. Đối với việc nghiên cứu dịch lý, có thể lấy làm mục tiêu thứ hai, để đến sau này sẽ đi vào.

Bây giờ chúng ta gác bỏ cách nhìn phân tán, tập trung xem xét thực dụng bát quái đồ.



Download Ebook Tai: <https://downloadsachmienphi.com>

Trong “Chu dịch và dự đoán học” chương 1, tiết 3, tiết 4 đến tiết 7, bạn đọc có thể tìm hiểu chúng. Sách này không đưa ra giải thích và gợi ý.

Tiết 2 ĐỒ HÌNH GHI NHỚ NGŨ HÀNH SINH KHẮC

Bạn đọc học tập dự đoán bát quái Chu dịch, cần nắm vững tri thức cơ bản về học thuyết ngũ hành.

Học thuyết âm dương ngũ hành là học thuyết duy vật mộc mạc, là tượng tượng triết học biện chứng tự phát cổ đại của Trung Quốc. Nó cho rằng thế giới là một chỉnh thể có tính vật chất, sự vật nào trong vũ trụ cũng đều do năm loại nguyên tố mộc – hoả – thổ – kim – thủy cấu thành và dựa vào quy tắc cơ bản thống nhất đối lập, chuyển hoá tiêu tướng, quy luật sinh, khắc, thừa, vũ của ngũ hành để trình bày rõ ràng quá trình biến hoá khách quan của sự phát sinh, phát triển, và cả sự tiêu vong của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Vì vậy học thuyết âm dương ngũ hành, sớm đã trở thành hạt nhân lý luận về khoa học tự nhiên cổ đại của Trung Quốc và luôn luôn chỉ đạo sự phát triển khoa học tự nhiên cổ đại Trung Quốc.

Rất dễ dàng nhận ra đối tượng nghiên cứu học thuyết ngũ hành là quy luật biến hoá khách quan của vạn sự vạn vật và cả sự phát sinh, phát triển, đến cả sự tiêu vong của chúng trong vũ trụ; mà đối tượng nghiên cứu của học thuyết “Kinh dịch” là; “ngẩng lên nhìn thiên văn, cúi xuống xét địa lý, ở giữa thông hiểu tình hình vạn vật, nghiên cứu ranh giới trời – người, tìm tòi nguyên lý chung về vũ trụ, về cái tất biến, sở biến, bất biến của nhân sinh; thông hiểu sự biến đổi cổ kim, trình bày rõ quy tắc chung về tri biến, ứng biến, thích biến của nhân sinh, lấy làm chuẩn mực cho hành vi của loài người.

Giữa hai mặt có mối liên hệ rất mật thiết giống nhau và không thể tách rời. Như vậy học thuyết ngũ hành âm dương rõ ràng là cái chìa khoá, là nhóm mật mã để mở ra cánh cửa lớn thần bí của “Chu dịch” cho người ưa thích dự đoán Chu dịch. Thực tế cũng là như vậy, dự đoán Chu dịch ở rất nhiều mặt đều phải dựa vào chuyển hoá tương sinh tương khắc, tương hỗ tứ sinh, tương hỗ chế ước, tương hỗ thừa chế, tương hỗ kỳ vũ và tương hỗ tiêu trường mà tìm ra sự phán đoán cho dự đoán.

Về học thuyết âm dương, chúng ta cần tìm hiểu quy tắc cơ bản của nó:

- 1 – Tính phổ biến của đấu tranh đối lập âm dương
- 2 – Tính đặc thù của đấu tranh đối lập âm dương
- 3 – Hình thức đấu tranh đối lập âm dương
- 4 – Tiêu tướng và chuyển hoá âm dương
- 5 – Hỗ tương y tồn của âm dương

Về học thuyết âm dương, phần chúng ta phải đi sâu nắm vững là “âm dương có thể chuyển hoá”, “âm tiêu dương trưởng”, “âm dương y tồn” cũng còn gọi là “âm dương hỗ căn”, “cô âm bất sinh”, “cô dương bất trưởng”.

Học thuyết âm dương vận dụng vào dự đoán bát quái Chu dịch về bệnh tật có tác dụng và hiệu lực rất lớn, ở đây cần phải giới thiệu tỉ mỉ, tường tận. Về chia kết cấu tổ chức nhân thể thì phần trên là dương, phần dưới là âm, bên ngoài là dương, bên trong là âm, vùng lưng là dương, vùng bụng là âm, ngoài cơ thể là dương, trong cơ thể là âm. Về chia phủ tạng, lục phủ là dương, ngũ tạng là âm. Trong ngũ tạng lại chia âm dương: tâm và phế là dương; can, tỳ, thận là âm; tâm là dương trong dương, phế là âm trong dương, thận tất là âm trong âm, phế là dương trong âm, tỳ là âm trong âm.

Về học thuyết ngũ hành, chúng ta cần tìm hiểu quy luật cơ bản của nó bao gồm tương hỗ tứ sinh, tương hỗ chế ước, tương hỗ thừa chế, tương hỗ kỳ vũ của ngũ hành. Trong dự đoán

Chu dịch, chủ yếu phải nắm vững tương sinh và tương khắc của ngũ hành. Thứ tự lần lượt của ngũ hành tương sinh là mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc, tại sao lại là thứ tự tương sinh lần lượt như vậy, nền Trung y học Trung Quốc đã có nghiên cứu lý luận căn kẽ. Trong phạm vi thuộc về nghiên cứu dịch lý trong nghiên cứu Chu dịch, ở đây xin miễn giới thiệu căn kẽ hơn.

Ngũ hành tương khắc là quan hệ chế ước lẫn nhau giữa một sự vật và một sự vật khác. Thứ tự của tương hổ chế ước của ngũ hành là: mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Để giúp bạn đọc hiểu được, nhớ được quan hệ ngũ hành sinh khắc, sinh này giới thiệu với bạn đọc một “đồ hình ngũ hành sinh khắc”.

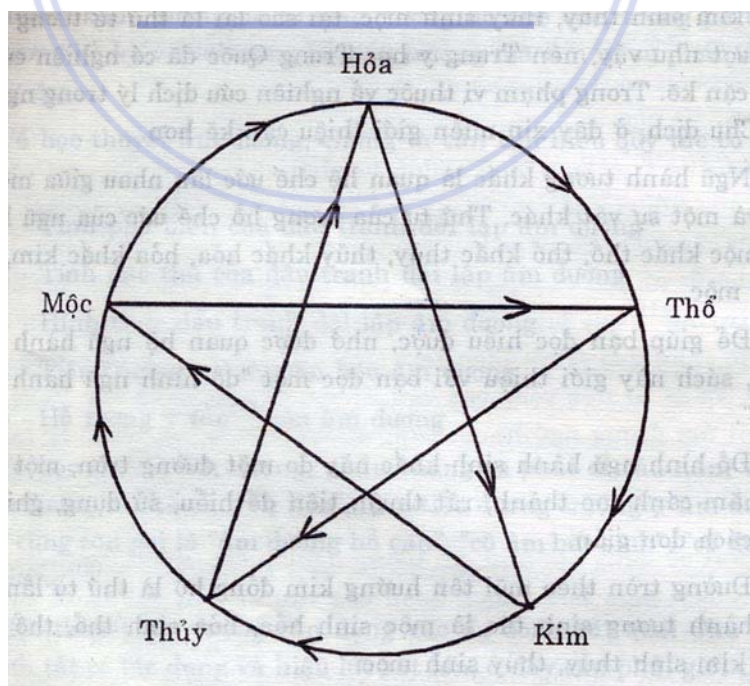
Đồ hình ngũ hành sinh khắc này do một đường tròn, một hình sao năm cánh tạo thành, rất thuận tiện để hiểu, sử dụng, ghi nhớ một cách đơn giản.

Đường tròn theo mũi tên hướng kim đồng hồ là thứ tự lần lượt ngũ hành tương sinh tức là mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.

Phía trong, đường nối đỉnh của hình sao theo mũi tên chỉ phương vị là thứ tự lần lượt ngũ hành tương khắc, tức là mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Có được hiểu biết như trên, chúng ta trở lại xem xét “thực dụng bát quái đồ”. Trong đồ hình, chữ viết đậm chỉ tám quẻ: càn – khảm – cần – chấn – tốn – ly – khôn – đoài. Phương vị của các quẻ này chính là ngược lại với cách xem đọc ngày nay, tức chấn là phương đông, đoài là phương tây, ly nam, khảm bắc là bốn phương chính; bốn phương bàng là tốn đông nam, khôn tây nam, cần tây bắc, càn đông bắc. Thuộc tính ngũ hành của bát cung bát quái được quy định như thế nào?

Càn đoài kim, khôn cần thổ, chấn tốn mộc, khảm thủy, ly hỏa chúng ta phải ghi nhớ 13 chữ này.



Trong dự đoán Chu dịch, để phán đoán đúng nhân sự cát hung, hưng suy, vinh nhục, chúng ta phải nắm vững vượng, suy của quẻ khí đối với các quẻ. Quẻ khí vượng: Hai quẻ càn đoài là kim, vượng ở thu, vì vậy nói có kim thu; quẻ khảm thuộc thủy, vượng ở đông: hai quẻ

chấn tổn thuộc mộc, vượng ở xuân; quẻ ly thuộc hoả, vượng ở hạ; hai quẻ không chấn thuộc thổ, vượng ở tháng cuối của mỗi mùa.

Quẻ khí suy: mùa xuân mộc vượng, mộc khắc thổ, hai quẻ khôn坎 khí suy; mùa hạ hoả vượng, hoả khắc kim, hai quẻ坎 khí suy, mùa thu kim vượng, kim khắc mộc, hai quẻ chấn震 khí suy; mùa đông thủy vượng, thủy khắc hoả, quẻ ly khí suy; tháng cuối của mỗi mùa thổ vượng, thổ khắc thủy, quẻ khảm khí suy.

BẢNG HỆ THỐNG XẾP LOẠI NGŨ HÀNH BÁT QUÁI

Quẻ thể Thuộc tính Hạng mục	Chấn Tổn	Ly	Cấn khôn	Cấn Đoài	Khảm	Âm Dương
Ngũ hành	Mộc	Hoả	Thổ	Kim	Thủy	
Ngũ phương	Đông	Nam	Giữa	Tây	Bắc	
Ngũ quý	Xuân	Hạ	Trường hạ	Thuộc	Đông	
Ngũ khí	Phong	Thử	Thấp	Táo	Hàn	
Ngũ cổ	Sinh	Trường	Hoá	Thuộc	Tàng	
Ngũ sắc	Thanh	Xích	Hoàng	Bạch	Hắc	
Ngũ vị	Toan	Khổ	Cam	Tân	Hàm	
Ngũ âm	Giác	Chinh	Cung	Thương	Vũ	
Ngũ thanh	Hô	Tiêu	Ca	Khốc	Thân	
Ngũ chí	Nộ	Hỉ	Tư	Ưu	Khủng	
Ngũ thể	Cân	Mạch	Nhục	Bì mao	Cốt	
Ngũ phù	Đảm	Tiểu tràng	Vị	Đại tràng	Bàng quang	Dương
Ngũ tạng	Can	Tâm	Tỳ	Phế	Thận	Âm...
Ngũ quan	Mục	Thiệt	Khẩu	Tì	Nhĩ	

Tri thức về âm dương ngũ hành, phương vị, vượng suy của quẻ khí, sự quy thuộc âm dương ngũ hành của tạng, phủ nhân thể và cả những mặt khác như “ngũ khí”, “ngũ hoá”, “ngũ sắc”, “ngũ vị”, “ngũ âm”, “ngũ chí”, “ngũ thể”, “ngũ quan” đều dễ hiểu không dễ nhớ, ghi nhớ rồi lại quên, đi vào tra tìm có rất nhiều bất tiện. Chính cái gọi là không dùng ngược mắt là thấy, cần dùng thì dốc hòm lục bàn đều chẳng có làm cho người ta phải thốt lên phàn nàn. Người viết dòng này trong thực tiễn dự đoán Chu dịch đã quy nạp, chỉnh lý bảng hệ thống xếp loại ngũ hành bát quái; ở đây xin chân thành đem tặng các bạn đọc giả. Trong bảng hệ thống có một số hạng mục thường dùng, một số hạng mục một thời gian chưa dùng được, sau này khi đi sâu học hỏi lại có thể dùng được, cá biệt có hạng mục có thể phải đợi khi đi vào chuyên đề dự đoán Chu dịch mới dùng tới. Ta thường nói biển học mênh mông, tri thức của chúng ta thường là tìm hiểu nhiều hơn một chút thì tốt, hướng hồ điều không thường dùng hoàn toàn không cần phí thì giờ, phí công sức ghi nhớ. Suy nghĩ như vậy, người viết dòng này, bắt tay vào chỉnh lý bảng hệ thống xếp loại ngũ hành bát quái, không làm sách tóm lược, xin ghi phụ lục ở bảng trên đây.

Tiết 3. BẢNG LIÊN HỆ HƯỚNG NGANG THIÊN CAN ĐỊA CHI

“Thiên can có 10, địa chi đôi 2” có nghĩa là thiên có số 10, lần lượt là giáp – ất – bính – đinh – mậu – kỷ – canh – tân – nhâm – quý – “Địa chi đôi 2”, địa chi có 12 số, lần lượt là tỵ – sửu – dần – mão – thìn – tị – ngọ – mùi – thân – dậu – tuất – hợi.

Thiên can, địa chi trong “bát quái thuộc dụng đồ” theo thứ tự lần lượt có phương vị nhất định, trong dự đoán Chu dịch có tác dụng không thể coi nhẹ.

Thiên can, địa chi trong dự đoán bát quái Chu dịch, phát huy tác dụng như thế nào? Vốn dĩ nó và ngũ hành âm dương có quan hệ rất khăng khít. Người ưa thích dự đoán Chu dịch ra sức tìm hiểu sâu quan hệ thiên can, địa chi với ngũ hành âm dương và một số quan hệ hướng ngang khác là hết sức quan trọng.

Chúng ta hãy xem thiên can trước, trong mười thiên can, phân phối ngũ hành là giáp, ất thuộc mộc; bính, đinh thuộc hỏa; mậu, kỷ thuộc thổ; canh, tân thuộc kim; nhâm, quý thuộc thủy.

Số thuộc âm, dương của mười thiên can là: số lẻ là dương, số chẵn là âm; tức là:

Dương là giáp, bính, mậu, canh, nhâm.

Âm là ất, đinh, kỷ, tân, quý.

Như thế là đan xen có sự phân chia dương mộc, âm mộc, dương kim, âm kim, dương thủy, âm thủy. Vận dụng trong nhân sinh, dự đoán Chu dịch sẽ có tác dụng rất lớn.

Vì sự phân biệt âm dương ngũ hành trên thiên can, người xưa nói chung có cách sắp xếp như thế này:

Giáp mộc	mộc của rừng rậm	- Ất mộc	mộc của cỏ hoa
Bính hỏa	hỏa của mặt trời	- Đinh hỏa	hỏa của đèn đóm
Mậu thổ	thổ của vùng đất lớn	- Kỷ thổ	thổ của ruộng vườn
Canh kim	kim của dao búa	- Tân kim	kim của đồ trang sức
Nhâm thủy	thủy của biển lớn	- Quý thủy	thủy của mưa, sương

Chúng ta hãy xem lại địa chi; trong mười hai chi, phân phối ngũ hành là: dần, Mão, thuộc mộc; tị, ngọ thuộc hỏa; thân, dậu thuộc kim; Hợi, tị thuộc thủy, thìn, tuất, Sửu, Mùi thuộc thổ. Vì thìn, tuất, Sửu, Mùi trong “năm mùa” một năm chiếm vị trí của “trường hạ” (xin bạn đọc trở lại xem qua bảng hệ thống xếp loại ngũ hành bát quái). Ý nghĩa của “trường hạ” là chỉ tháng cuối của bốn mùa, tức tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12 (tất nhiên là theo âm lịch). Như vậy, thìn, tuất, Sửu, Mùi trong bốn mùa có một thuộc tính ngũ hành khác, tức là thìn thuộc mộc, Mùi thuộc hỏa, tuất thuộc kim, Sửu thuộc thủy.

BẢNG PHỐI HỢP ÂM DƯƠNG THIÊN CAN ĐỊA CHI

	Thiên can	Địa chi
Dương	Giáp Bính Mậu Canh Nhâm	Tý Dần Thìn Ngọ Thân Tuất
Âm	Ất Đinh Kỷ Tân Quý	Sửu Mão Tị Mùi Dậu Hợi

Chỉnh lý lại thành

BẢNG PHÂN PHỐI NGŨ HÀNH THIÊN CAN ĐỊA CHI

	Thiên can	Địa chi
Mộc	Giáp Ất	Dần Mão Thìn
Hỏa	Bính Đinh	Tị Ngọ Mùi
Thổ	Mậu Kỷ	Thìn Tuất Sửu Mùi
Kim	Canh Thân	Thân Dậu Tuất
Thủy	Nhâm Quý	Hợi Tý Sửu

Bạn đọc phải chăng có cách tư duy nhiều chiều, cảm giác lộn xộn không rõ ràng? Chẳng hề sao, chúng ta hãy cùng dứt khoát với nhau một chút, liệt ra mấy bảng kê thì học và dùng được thuận tiện, thoáng nhìn là rõ. Trước hết chỉnh lý được bảng phối hợp âm dương thiên can, địa chi.

Xét từ địa chi thì dần, Mão, thìn tuy nói đều là mộc, nhưng dần là mộc sơ sinh, Mão là mộc cực thịnh, thìn là mộc tiệm suy. Cũng như vậy, xét từ hỏa thì tị là hỏa sơ sinh, ngọ là hỏa

cực thịnh, mùi là hoả tiệm suy; xét từ kim thì thân là kim sơ sinh, Dậu là kim cực thịnh, tuất là kim tiệm suy; xét từ thủy thì hợi là thủy sơ sinh, tý là thủy cực thịnh, Sửu là thủy tiệm suy.

Thìn, tuất, Sửu, mùi là cuối cùng của bốn mùa, không những được gọi là thuộc thổ mà ngoài ra có cách gọi là tứ khố, trong đó, Sửu là kim khố, sinh hợi, tý mà khắc dần, Mão; thìn là thủy khố, sinh dần, Mão là khắc tị hoả, Ngọ hoả; mùi là mộc khố, sinh tị, Ngọ mà bị kim khắc; tuất là hoả khố, khắc thân, Dậu mà bị thủy chế.

Chúng ta nghiên cứu dự đoán Chu dịch, chỉ có biết quy luật thuộc ngũ hành đơn nhất của địa chi là còn chưa đủ. Ngũ hành của địa chi không giống thiên can, giáp mộc tức là giáp mộc, canh kim tức là canh kim. Ngũ hành của địa chi ngoài thể khí ra, còn bao hàm ở trong một hoặc mấy thành phần ngũ hành của thiên can bản khí ra, còn có thêm cả thành phần bính hoả và tuất thổ ở trong.

Điều gọi là bản khí chính là một thiên can tiêu biểu cho tính chất của nó, chứa đựng trong mỗi một địa chi. Trong 12 địa chi, bản khí của dần là giáp mộc, bản khí của Mão là ất mộc, bản khí của thìn là Mậu thổ, bản khí của tị là bính hoả, bản khí của Ngọ là đinh hoả, bản khí của mùi là kỷ thổ, bản khí của thân là canh kim, bản khí của Dậu là tân kim, bản khí của tuất là Mậu thổ, bản khí của hợi là nhâm thủy, bản khí của tý là quý thủy, bản khí của Sửu là kỷ thổ. Về bản khí và các thiên can khác chứa đựng trong địa chi, còn có một bài ca cổ:

Tý cung quý thủy toại kỳ trung	Sửu quý tân kim kỷ thổ đồng
Dần cung giáp mộc thừa bính Mậu	Mão cung ất mộc độc tương phùng
Thìn tàng ất Mậu tâm phân quý	Tị trung canh kim bính Mậu tông
Ngọ cung đinh hoả tịnh kỷ thổ	Mùi cung ất tị đinh cộng tông
Thân vị canh kim nhâm thủy Dậu	Dậu cung tân tị độc phong long
Tuất cung tân kim cập đinh Mậu	Hợi tàng nhâm giáp thị chân tung

Để cho rõ ràng, tiện tra tìm khi dự đoán Chu dịch, bây giờ hay ghi ngũ hành bao hàm trong 12 địa chi thành bảng kê.

BẢNG ĐỐI CHIẾU THIÊN CAN NGŨ HÀNH TRONG 12 CHI

Địa Chi Ngũ hành	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Hàm thiên can	Quý Thủy	Quý Thủy	Giáp Mộc	Ất Mộc	Ất Mộc	Canh Kim	Đinh Hoả	Ất Mộc	Canh Kim	Tân Kim	Tân Kim	Nhâm Thủy
can		Tân Kim	Bính Hoả		Mậu Thổ	Bính Hoả	Kỷ Thổ	Kỷ Thổ	Nhâm Thủy		Đinh Hoả	Giáp Mộc
ngũ hành		Kỷ Thổ	Mậu Thổ		Quý Thủy	Mậu Thổ		Đinh Hoả	Mậu Thổ		Mậu thổ	

Người ta thích dự đoán Chu dịch còn phải nhớ kỹ quan hệ giữa địa chi với tháng và giờ theo dương lịch, xin ghi lại thành bảng dưới đây:

Địa chi Tháng giờ	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi

Tháng	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10
Giờ	23 24	1 2	3 4	5 6	7 8	9 10	11 12	13 14	15 16	17 18	19 20	21 22

Chương 3

ĐI VÀO TÌM HIỂU NỘI DUNG 64 QUẾ

64 quẻ của Chu dịch thực chất là một phòng triển lãm bao trùm mọi hiện tượng, nội dung cực kỳ phong phú. Phòng triển lãm này lớn rộng vô cùng, đường ngang lối dọc chồng chéo, chúng ta hơi sơ ý một chút là sẽ lạc lối, nhìn không thấy cảnh tượng chân thực, không hiểu được nội dung triết học phong phú, đoán không hết được những điều kỳ diệu chứa đựng trong đó. Để cho những người yêu thích dự đoán Chu dịch khỏi phải đi đường vòng, khi đi vui vẻ, khi về thuộc hoạch đầy bao, chúng ta không ngại gì, mà phải nghiên cứu từ gần đến xa, từ nông đến sâu, một cách tỉ mỉ, đến nơi đến chốn.

Tiết 1. TÌM HIỂU TƯỢNG QUẾ

Sau khi chúng ta đã nắm vững được kiến thức cơ sở mà chúng tôi đã hướng dẫn ở phần trên, điều cần thiết nhất là phải tìm hiểu được toàn diện mạo của tám cung càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, đoài, và 64 quẻ được biến đổi thành tiếp sau đó.

Hệ từ Chu dịch có câu: “Dịch giả, tượng dã”. “Triệu giả ngôn hổ tượng giả dã”. “Bát quái thành liệt, tượng tại kỳ trung hĩ”. Ngày xưa gọi bát quái là kinh quẻ, hai quẻ chồng lên nhau thì tượng quẻ hình thành.

Bây giờ chúng ta hãy làm quen với 64 quẻ của 8 cung:

1. Cung càn bát quái thuộc kim

Càn vi thiên (Kiên)		Thiên phong cẩu	
Thiên sơn độn		Thiên địa bĩ (phủ)	
Sơn địa bố bác		Hoả địa tấn	
		Phong địa quán	
		Hoả thiên đại hữu	

2. Cung đoài bát quái thuộc kim

Đoài vi trạch		Trạch thủy khốn	
Trạch địa tụy		Trạch sơn hàm	
Địa sơn khiêm		Lôi sơn tiểu quá	
		Thủy sơn kiến	
		Lôi trạch quy muội	

3. Cung ly bát quái thuộc hoả

Ly vi hoả	Hoả sơn lữ
--------------	---------------

			
Hoả phong đỉnh		Hoả thủy vị tể	
Phong thủy hoán		Thiên thủy tụng	
		Thiên hoả đồng nhân	

4. Cung chấn bát quái thuộc mộc

Chấn vi lôi		Lôi địa dự	
Lôi thủy giải		Lôi phong hàng	
Thủy phong tỉnh		Trạch phong Đại quá	
		Lôi tùy	

5. Cung tốn bát quái thuộc mộc

Tốn vi phong		Phong thiên tiểu súc	
Phong hoả gia nhân		Thiên lôi vô vọng	
Hoả lôi phê lập		Sơn lôi di	
		Sơn phong cố	

6. Cung khảm bát quái thuộc thủy

Khảm vi thủy		Thủy trạch tiết	
Thủy vi thủy		Trạch thủy cách	
Lôi hoả phong		Địa hoả minh di	
		Địa thủy sư	

7. Cung坎 bát quái thuộc thổ

Cấn vi sơn		Sơn hoả bôn	
Sơn thiên đại súc		Sơn trạch tổn	
Thiên trạch lý		Phong trạch trung phù	
		Phong sơn tiệm	



8. Cung khôn bát quái thuộc thổ

Khôn vi địa		Địa lôi phục	
Địa trạch lâm		Địa thiên thái	
Trạch thiên quái		Thủy thiên nhu	
		Thủy địa tỷ	

Bát quái, quẻ đơn gọi là kinh quẻ, hai quẻ đơn chồng lên nhau gọi là biệt quẻ. Bát quái theo ngũ hành chia làm tám cung, mỗi cung có tám tượng quẻ, tượng quẻ thứ nhất là quẻ đầu hoặc gọi là quẻ thuận. Quẻ đầu là cơ sở để phân tách bảy quẻ khác của cung này. Chúng ta học tập dự đoán Chu dịch phải tìm hiểu quy luật biến hóa của nó.

Chúng ta hãy lấy quẻ cần làm ví dụ:

Quẻ đầu (thủ)	Biến 1	Biến 2	Biến 3	Biến 4	Biến 5	Tứ biến 4	Hạ hoàn chủ (đầu)

Để cho các bạn lần đầu tiếp xúc với bát quái Chu dịch cũng có thể xem hiểu được biến hoá của nó, chúng tôi giới thiệu đơn giản về tượng của hào.

Tượng của hào chỉ có hai hoặc là những ký hiệu cơ bản tạo nên bát quái. Hai gạch ngang ngắn (— —) là hào âm, một gạch ngang dài (—) là dương. Bất cứ quẻ nào trong 64 biệt quẻ đều cho 6 hào hoặc là dương hoặc là âm cấu thành. Cách xếp thứ tự của số hào là từ dưới lên trên.

Bây giờ chúng ta hãy xem một thí dụ về diễn biến của quẻ cần. Quẻ đầu cần là trời. Quẻ 2 biến hào 1, dương hào biến thành âm hào, lúc ấy quẻ đơn do 3 hào trên (— — —) cấu thành là quẻ kinh cần, quẻ đơn khác do 3 hào dưới (— — —) cấu thành là quẻ kinh tốn. Cần là trời, tốn là gió cho nên quẻ cấu này lấy tên là thiên phong cấu. Quẻ 3 trên cơ sở biến hào 1, lại biến hào 2, một hào khác do 3 hào dưới (— — —) cấu thành là quẻ kinh cần; cần là núi cho nên biệt quẻ này lấy tên thiên sơn độn các biến 3, biến 4, biến 5 sau đó đều theo kiểu này; ở quẻ thứ 7 hào thứ 4, nội dung của “hồi biến tứ, là sau khi 5 hào đã biến xong thì quay lại biến hào 4 một lần nữa, lúc này 3 hào trên là ly giữa khuyết (— — —) ly là hoả, 3 hào dưới là khôn sáu đoạn (— — —), khôn là địa, quẻ này lấy tên là hoả địa tấn. Quẻ thứ 8 “hoàn thủ” là chỉ 3 hào dưới khi bản quẻ cuối ở cung này lại trở về bản thể quẻ đầu, trở thành cần ba liền. Lúc ấy, 3 hào trên là ly hoả, 3 hào dưới là can thiên, tên quẻ là hoả thiên đại hữu.

Biến hoá của 8 cung đều tuân theo một quy luật chung này, cách biến của chúng là âm biến thành dương, dương biến thành âm, bắt đầu biến từ sơ hào, mỗi lần một hào được biến thì

lại xuất hiện một tượng quẻ mới. Mỗi cung bắt đầu từ sơ hào của quẻ đầu, khi biến đến hào thứ 5 thì dừng lại, hào thứ 6 tức là hào thượng thì không biến nữa. Quẻ thứ 7 quay đầu biến hào 4 vẫn là hào dương biến thành hào âm, hào âm biến thành hào dương. Quẻ thứ 8 là do sơ hào, hào 2, hào 3 của quẻ biến đổi mà có được. Đặc trưng của nó là 3 hào phía dưới hoàn nguyên thành bản thể của quẻ đầu, vì vậy gọi là quẻ “quy hồn”. Mà quẻ 7 trong khi biến không biến hào 6, hào 6 trên không biến mà quay xuống phía dưới biến lại hào 4, nên gọi là quẻ “du hồn”.

Quẻ “du hồn, quy hồn”, khi dự đoán người đi xa, có một ý nghĩa đặc biệt. Nếu như đoán người đi xa bao giờ trở về, mà gặp quẻ du hồn, thì người đó không thể về ngay được. Nếu gặp quẻ quy hồn, người đó đi không xa, sẽ rất nhanh chóng trở về.

Trên đây, khi chúng tôi giới thiệu sự biến hoá của bát cung, đã sử dụng các cách “càn là trời”, “tốn là gió”, “cấn là núi”, bây giờ xin giới thiệu bằng tượng quẻ của bát quái.

Trong bát quái Chu dịch, bốn quẻ can, khảm, cấn, chấn là quẻ dương, bốn quẻ tốn, ly, khôn, đoài là quẻ âm. Bảng kê lập ra để tham khảo.

Trong bảng tượng quẻ vạn vật bát quái Chu dịch, tượng quẻ kê ra chỉ là một bộ phận của quẻ tượng chỉnh thể trong bát quái bởi vì những điều mà tám quẻ tượng trưng, phản ánh thì quá nhiều, chỉ có đĩa compac mới ghi hết được toàn bộ. Bản thân tôi trong quá trình học tập Chu dịch trước đây cũng đã rất đau đầu về chuyện này. Để tiện cho việc sử dụng, tôi đã bỏ ra nhiều công sức lựa chọn, xử lý, thử kê ra hai bảng dưới đây, sao chép trong cuốn sổ tay học tập “Chu dịch”, cung cấp cho mọi người sử dụng để giúp cho các bạn học tập “Chu dịch và dự đoán”.

Khi chúng ta có trong tay bảng đơn giản tượng quẻ vạn vật chủ Chu dịch bát quái, tra tìm sẽ tương đối tiện lợi. Điều cần nhắc là những tượng quẻ sắp xếp trong bảng nói chung có thể chia thành hai loại thường dùng và không thường dùng, cũng có nghĩa nửa trên của bảng là thuộc về loại thí dụ tỉ mỉ, nửa dưới thuộc về loại thí dụ sơ sài; nửa trên của bảng được dùng rất nhiều trong dự đoán chu dịch, chúng ta cần học thuộc, nhớ kỹ. Nửa dưới cũng cần có một kỹ năng nào đó để khi dùng có thể tra tìm thành thạo là được.

BẢNG TƯỢNG QUẺ BỐN QUẺ DƯƠNG: CÀN, KHẢM, CẤN, CHẤN

Tên quẻ Loại tượng	Càn	Khảm	Cấn	Chấn
Tự nhiên	Thiên	Thủy	Sơn	Lôi (sấm)
Người	Phụ (cha)	Trung nam	Thiếu nam	Trưởng nam
Thuộc tính	Kiện (khỏe)	Hãm (lún vào)	Chỉ (ngừng)	Động
Động vật	Kiện (khỏe)	Thể (lợn)	Cẩu (chó)	Long (rồng)
Thân thể	Thủ (đầu)	Nhĩ (tai)	Thủ (tay)	Túc (chân)
Phương vị	Tây Bắc	Bắc	Đông Bắc	Đông
Quý Tiết	Giữa thuộc đông	Đông	Giữa đông xuân	Xuân
Các tượng vật biểu hiện khác	Là: Vàng (kim), ngọc, rét, băng, vua, quan quý, vật trong vườn, cây ăn quả, mũ, xương, kính màu	Là: vũng nước, bánh xe vênh; nhu mì đối với người; bệnh tim, thêm lo, đau tai, huyết, trắng,	Là: đường đi, đá nhỏ, cửa đình, quẻ dưa, miếu chùa, ngón tay, chuột, hổ; đối với cây: dai,	Là: màu đen, màu vàng, đường lớn, quán trọ, quyết đoán, cây trúc, xanh, lau sậy, đối với

	đỏ thắm, lưỡi dao, sư tử, voi, vật rắn...	móng, màu đỏ, đen, luật, xà, gai, cáo, gông, thứ nấu rượu, thủy tộc...	nhiều đốt, (quẻ khảm có: đối với cây: cây lõi cứng), đầu gối, thuộc vật có mỏ, màu vàng...	ngựa: giỏi hí, ngựa trắng; tóc, côn trùng, nhạc khí; thảo mộc, màu xanh bích, xanh đen, quả, cây có rễ.
--	---	--	---	---

**BẢNG TƯỢNG QUẺ BỐN QUẺ ÂM
TỐN, LY, KHÔN, ĐOÀI**

Tên quẻ Loại tượng	Tốn	Ly	Khôn	Đoài
Tự nhiên	Phong	Hoả	Địa	Trạch
Người	Trưởng nữ	Trung nữ	Mẫu (mẹ)	Thiếu nữ
Thuộc tính	Nhập (vào)	Lệ (đẹp)	Thuận	Thuyết (nói năng)
Động vật	Kê (gà)	Trĩ (gà lôi)	Ngưu (trâu, bò)	Dương (dê)
Thân thể	Cổ (đùi)	Mục (mắt)	Phúc (bụng)	Khẩu (miệng)
Phương vị	Đông nam	Nam	Tây nam	Tây
Quý tiết	Giữa xuân hạ	Hạ	Giữa hạ thu	Thu
Các tượng vật biểu hiện khác	Là: Cây, buộc thẳng (căng), trắng, công việc, dài, cao, tiến thoái, không quẻ, mùi hôi, đối với người: thừa tóc, trán hói, mắt trắng, được lợi ba lần; bách thro, mùi thơm, lông vũ, cánh buồm, quạt, tiên dạo, thợ, màu xanh lục...	Là: mặt trời, điện chớp, răng mây, giáp cốt, đao binh, văn thư, cái lò, đối với người: bụng to; ba ba, cua, thẳng, vật có vỏ cứng, hoa, văn nhân, vật khô, gỗ khô, màu đỏ hồng, màu tím...	Là: vải, văn chương, xe thuyền, vật lạnh vuông, cân, đồ sành, gạo thóc, quần áo, sách vở, màu xỉn, chia đều, số đồng, cái nồi, vàng xám...	Là: phù thủy, cái cọ, thiếp, phước, nô tỳ, vật bị gãy, quả rơi, đồ vật có miệng, thuộc kim, sắt rỉ, đất chua, màu vàng...

Tiết 2. NHẬN BIẾT CÁC HÀO NHƯ ĐẾM CÁC VẬT QUÝ TRONG NHÀ

64 quẻ của Chu dịch mỗi quẻ đều do sơ hào, nhất hào, nhị hào, tam hào, tứ hào, ngũ hào, thượng hào tạo thành. Hào thứ nhất, hai, ba tạo thành một quẻ đơn; hào thứ tư, năm, sáu tạo thành quẻ đơn khác. Hai quẻ đơn xếp chồng lên nhau tạo thành biệt quẻ có biểu tượng rất sinh động. Do hình thái, âm dương, vị trí của hai quẻ đơn đều có sự xác định riêng biệt, nên trong dự đoán Chu dịch đã xuất hiện một số câu nói ước định quen thuộc, chúng ta không thể không tìm hiểu cặn kẽ, nếu không thì khi nghe người khác giảng giải về quẻ, chúng ta sẽ không hiểu. Nếu như chúng ta giải thích về quẻ cho người khác, không hiểu “nền nếp” này, dùng nhiều lời nói xa lạ với quẻ dịch thì người khác nghe cũng khó mà hiểu được.

Vị trí của quẻ đơn trong biệt quẻ gọi là quẻ vị. Quẻ vị thuộc về tượng quẻ, tượng quẻ bao gồm quẻ vị. Quẻ vị tất cả chia làm bảy loại:

1. Hai quẻ đơn xếp lên nhau, có sự phân chia trên dưới, như quẻ , khôn ở trên gọi là quẻ thượng, càn ở dưới gọi là quẻ hạ, hai quẻ này kết hợp với nhau thành địa thiên thái.

2. Hai quẻ xếp lên nhau có sự phân chia trong ngoài, vẫn thấy quẻ  làm ví dụ, khôn là quẻ ngoài, càn là quẻ trong.

3. Hai quẻ chồng lên nhau, có vị trí trước sau, quẻ thượng là trước, quẻ hạ là sau.

4. Hai quẻ khác nhau chồng lên nhau có phân chia âm vị, dương vị, cũng gọi là quẻ âm, quẻ dương. Vẫn lấy  làm ví dụ, khôn là âm, càn là dương. Khi dự đoán, theo thói quen thường gọi là ngoại âm, nội dương hoặc ngoại nhu, nội cương.

5. Hai quẻ chồng lên nhau có sự phân chia vị cương, vị nhu, giải thích điều này như điểm 4.

6. Hai quẻ chồng lên nhau có sự phân chia vị trí gần, xa. Ngoại quẻ là xa, nội quẻ là gần.

7. Quẻ giống nhau chồng lên nhau có vị trí cân bằng hay vị trí trùng lặp, khi dự đoán, quen gọi là thượng, hạ tỉ hoà hoặc nội ngoại tỉ hoà.

Thuyết về quẻ vị nói có tới 7 loại, trong thực tiễn dự đoán, hàm nghĩa cũng không giống nhau. Như khi dự đoán thủy tai, ngoại quẻ có thủy, nội quẻ không có thủy, tức là ở đất khác có nạn lụt còn nội địa (nơi gần) không có nạn lụt. Như thế đương nhiên phải xem thế nước lớn, nhỏ; nếu như ngoại quẻ có thủy mà thủy không vượng thì cũng chỉ có khả năng là trận mưa mà không thể biến thành nạn lụt được. Ở đây chúng ta phải dùng vị trí nội, ngoại mà phân quẻ vị. Nếu như dùng quẻ vị thượng, hạ hoặc cương, nhu thì không thể nói cho thông được. Vì thế, việc sử dụng quẻ vị phải dựa vào tình hình cụ thể của dự đoán mà vận dụng linh hoạt không thể cứng nhắc rập khuôn theo quy định được.

Âm hào, dương hào là ký hiệu cơ bản cấu tạo nên $8 \times 8 = 64$ quẻ; đối với tên gọi, thuộc tính, đặc trưng hào vị, nói đến là phải thuộc như đếm các vật báu trong nhà.

Trước hết nói về hào tượng:

Hào dương (—): tượng dương, tượng trời, tượng vua, tượng cha, tượng quân tử, tượng đại nhân, tượng đàn ông, tượng số lẻ, tượng các vật mang thuộc tính dương, tượng cứng cáp, tượng khỏe mạnh, tượng động v.v...

Hào âm (— —): tượng âm, tượng đất, tượng dân, tượng mẹ, tượng tiểu nhân, tượng đàn bà, tượng số chẵn, tượng hình dáng mềm nhũn, tượng vật mất, tượng nhẹ, tượng tĩnh v.v...

Trong thực tiễn, còn có thể suy ngẫm về rất nhiều tượng hào, như hào dương có thể biểu thị chính thực quang minh, hào âm biểu thị hôn ám tối tăm.

Để phân chia thuộc tính âm dương của hào, dương hào dùng chữ “cửu”, âm hào dùng chữ “lục”.

Dương hào của dương quẻ gọi là “sơ cửu”, “sửu nhị”, “cửu tam”, “cửu tứ”, “cửu ngũ”, “thượng cửu”.

Âm hào của âm quẻ gọi là “sơ lục”, “lục nhị”, “lục tam”, “lục tứ”, “lục ngũ”, “thượng lục”.

Trong một quẻ, có âm hào có dương hào, theo hào thứ mà hào đó giữ, phân biệt bằng cách thêm vào trước một hào dương “cửu” hoặc âm “lục”. Thí dụ quẻ hoả địa tấn  sẽ là do “sơ lục hào”, “lục nhị hào”, “lục tam hào”, “cửu tứ hào”, “lục ngũ hào”, “thượng cửu hào” tạo thành.

Quẻ cần thì thêm một “dụng cửu” để tạo thành.

Quẻ cần thêm một hào “dụng cửu”, quẻ khôn thêm một hào “dụng lục”, vì vậy hai quẻ này mỗi quẻ có tới 7 số hào. 62 quẻ khác đều không có tình trạng này. Vì vậy hai quẻ cần, khôn còn có cách nói “cần khôn hồ biến”. Cho nên, gặp quẻ cần biến thành quẻ khôn, phải dùng hào từ “dụng cửu” để định cát, hung; gặp quẻ khôn biến thành quẻ cần, phải dùng hào từ “dụng lục” để định cát hung.

Bạn đọc có thể chưa rõ, có thể hỏi: “Có phải khi chúng ta dự đoán hễ cứ gặp quẻ cần là biến thành quẻ khôn, gặp quẻ khôn là biến thành quẻ cần không?”.

Chúng tôi nói: “Không phải, dùng “dụng cửu” và “dụng lục” phải có điều kiện riêng của nó”.

“Dụng cửu” là khi chúng ta dự đoán có xuất hiện quẻ khôn mà toàn bộ 6 hào đều là “lão âm” tức lời đoán đã dựng trong lúc biến hào.

Trường hợp như thế này tương đối ít gặp.

Nhận biết hào như đếm vật quý trong nhà. Chúng ta chỉ biết những tri thức liên quan đến hào như đã nói ở trên là chưa đủ. Phải tìm hiểu một cách toàn diện vị trí, thuộc tính, đặc trưng của hào và cả cách nói theo thói quen khi dự đoán.

1. Thiên vị, nhân vị, địa vị

Hào 5, hào 6 là thiên vị, hào 3, hào 4 là nhân vị, sơ hào, hào 2 là địa vị. Sơ hào, hào 3, hào 5 là chính vị của địa, nhân, thiên.

2. Thượng vị, trung vị, hạ vị

Thượng hào của một quẻ là thượng vị. Trung hào của quẻ thượng và trung hào của quẻ hạ là trung vị, sơ hào là hạ vị.

3. Âm vị, dương vị

Sáu hào của một quẻ thì sơ, tam, ngũ hào là dương vị; nhị, tứ, thượng hào là âm vị

4. Đồng vị

Sáu hào của một quẻ thì vị trí của sơ hào ở dưới nội quẻ, của tứ hào ở dưới ngoại quẻ, gọi là đồng vị. Vị trí của nhị hào ở giữa nội quẻ, vị trí của ngoại hào ở giữa quẻ ngoại là cùng ở trung vị. Tam hào ở trên quẻ nội, thượng hào ở trên quẻ ngoại đều ở thượng vị.

5. Vị trí quý, tiện

“Hệ từ” nói: “Thiên tôn, địa ti, cần khôn định hĩ” (trời tôn quý, đất thấp hèn, cần khôn đã định). “Cần cao quý ngũ, địa ti tiện nhị” (quẻ cần cao quý ở hào 5, địa ti tiện ở hào 2). Sáu hào trong một quẻ thì hào 5 là quý vị, hào 2 là tiện vị, là hèn kém của tiểu nhân.

6. Cường nhu cư tôn vị

Hào 5 của mỗi quẻ là chính vị của trời, là vị trí của quân vương, là vị trí của tôn quý. Dương ở hào 5 là dương ở vị trí tôn quý. Âm ở hào 3 là âm ở vị trí tôn quý. Ở vị trí tôn quý là tượng trưng người ở vị trí đế vương, thuộc vương thế.

7. Âm dương đắc vị và không đắc vị

Ở mỗi quẻ, sơ, tam, ngũ hào là dương vị; nhị, tứ, thượng hào là âm vị. Dương hào ở dương vị, âm hào ở âm vị, gọi là đắc vị, hoặc còn gọi là đương vị, chính vị, vị chính, tại vị. Nếu âm hào ở dương vị, dương hào ở âm vị, là không đắc vị hoặc còn gọi là thất vị, không

đương vị, vị bất chính. Đặc vị biểu hiện địa vị, hoàn cảnh mà con người có là có lợi, hoặc là tài đức và chức vị tương xứng hoặc là người với việc làm và chức vị tương xứng, ngược lại thì không tương xứng và bất lợi. Đặc vị là hiện tượng có lợi, không đặc vị là hiện tượng không có lợi.

8. Nhu tòng cương

Hào âm ở dưới hào dương là biểu hiện của cái yếu mềm thuận theo cái cứng rắn, như thần dân thuận theo vua, phụ nữ thuận theo nam giới... Xin đưa ra ví dụ về quẻ  ý nghĩa nguyên thủy của “tốn” là trên bàn có bày đồ vật, mượn chữ “tốn” là đồng âm trở thành có nghĩa “thuận theo”. Tượng hào của quẻ tốn là hào âm cách bên dưới đương hào 2, tượng trưng cho sự phục tùng và thuận theo. Thuận theo tâm ý người khác. Tốn lại tượng trưng gió, không có khe hở không lọt vào được. Quẻ tốn là quẻ âm, lấy một hào âm làm hào chủ, bởi vậy âm nhu không thể thuận lợi lớn, chỉ có thể thuận lợi nhỏ mà thôi. Quẻ tốn là hào âm một thuận theo hào dương; âm thuận dương, là lẽ tự nhiên, cho nên tiến lên phía trước là có lợi.

9. Nhu thừa cương

Hào âm ở trên hào dương là hiện tượng kẻ yếu hèn lừa kẻ cứng rắn, như bề tôi lừa vua, nữ lừa nam... Ví dụ: quẻ  hào lục nhị nhu ở trên hào sơ cửu, là nhu thừa cương.

10. Cương nhu tương thắng

6 hào của một quẻ, năm hào dưới là cương, hào lục trên là nhu, như  là cương thắng nhu, hoặc là cương có thể chế được nhu. Trái lại, năm hào phía dưới là nhu, hào thượng cửu là cương, như  là nhu thắng cương, nhu có thể chế cương.

11. Cương nhu tương ứng

năm nhu ứng một cương, sáu hào của một quẻ, hào cửu ngũ là hào dương là cương; năm hào trên dưới là nhu, là tình trạng năm hào nhu bảo vệ một cương. Thí dụ , các hào đều theo hào ngũ. Trong dự đoán, chủ thể của quẻ này là “cửu ngũ”, “cửu ngũ” dương cương ở vị trí giữa chí tôn của quẻ thượng, dương hào dương vị, chí trung chí chính, trên dưới có năm hào âm đi theo, tượng trưng hình tượng trong một đoàn thể, quần chúng dựa vào và phục tùng lãnh tụ của mình. Trong quan hệ giữa người với nhau, người người tương thân tương ái, hỗ trợ hợp tác, cùng tồn tại và hoà bình, đương nhiên là điều tốt lành.

12. Tương ứng

Sáu hào của một quẻ còn có vấn đề tương ứng giữa hào với hào. Thứ tự tương ứng là sơ hào tương ứng tứ hào, nhị hào với ngũ hào, tam hào với thượng hào. Sự tương ứng này chỉ rõ ràng hào âm tương ứng với hào dương, tức là âm dương tương ứng. Nếu như hai hào dương ở vào vị trí của sơ hào và tứ hào thì hiển nhiên không thể gọi là tương ứng, mà là bất hoà. Cũng như vậy, hai hào âm đồng thời xuất hiện ở vị trí của nhị hào và ngũ hào, cũng không thể tương ứng được, lúc ấy gọi là bất tương ứng.

13. Hào vị cát hung

“Hệ từ” nói: “Nhị dữ tứ đồng công nhi dị vị” (nhị hào và tứ hào cùng chung công năng mà vị trí khác nhau); nhị hào và tứ hào đều là chẵn, là âm nhu. Vì phải làm theo cái nhu, nên nói “nhị dữ tứ đồng công”. Như một cái ở quẻ nội, một cái ở quẻ ngoại, nên nói là “dị vị”. “Nhị đa dự; tứ đa cự” (nhị hào có nhiều vinh dự, vẻ vang; tứ hào có nhiều khiếm sợ lo lắng). Hào từ của hào thứ hai nhiều cái vinh, hào từ của hào thứ tư nhiều cái lo, vì vị trí của

chúng có phân biệt về gần xa. Nhị hào ở trong quẻ nội, ở nơi gần có nhiều cái vinh. Tứ hào ở quẻ ngoại, nơi xa nên nhiều cái lo.

“Tam đa hung, ngũ đa công” (Tam hào có nhiều điều hung, ngũ hào có nhiều công năng). Hào từ của tam hào nhiều cái hung vì nó ở cực đỉnh của quẻ dưới, ở vị trí thấp hèn, nên đa hung. Hào từ của ngũ hào nhiều công năng, là ở trung vị của quẻ trên, ở vị trí tôn quý. Sự phân biệt nhiều công, nhiều hung của hai hào này, chủ yếu là phân biệt cái quý và cái tiện.

Tiết 3. VẬN DỤNG QUẺ TỬ VÀO HÀO TỬ

Chúng ta biết rằng Phục Hy vẽ bát quái là hình nét đầu tiên của chữ viết của Trung Quốc. Văn Vương diễn giải Chu dịch, là mở đầu của văn hoá Trung Quốc. Bộ sách “Kinh dịch” là bộ sách kinh điển lâu đời nhất. “Kinh” là sách kinh điển thiêng liêng nhất, là trước tác có ảnh hưởng lớn nhất, cũng là ngọn nguồn của tất thảy mọi chân lý. Còn “Chu dịch” từ xưa đến nay đều được tôn sùng hết mức, tôn là “Hàng đầu của các loại kinh điển”. “Kinh dịch” là nền tảng, là cội nguồn của mọi tư tưởng học thuật, cũng là cái nét đặc sắc nhất trong văn hoá truyền thống của Trung Quốc.

Tuy vậy, trong số học giả đời sau, cũng có người coi thường “Kinh dịch”, cho rằng đó chẳng qua chỉ là cuốn sách xem bói đời xưa. Nhưng cũng chính vì như vậy mới không bị Tần Thủy Hoàng đốt hủy và được lưu truyền đến ngày nay.

Những học giả sau này xem thường “Kinh dịch”, lý do chủ yếu là xem bói, là quay lưng lại với lập trường luân lý. Hành vi của con người phải dựa vào lương tâm, không nên suy nghĩ nhiều đến hậu quả, cái gì đáng làm thì làm, cái gì không nên làm thì không làm; chỉ mong chăm bón, không cầu gặt hái, mới là thái độ cần có của người quân tử. Xem bói trước hết muốn xem kết quả, nếu có lợi thì mới hành động, động cơ đã không đúng đắn rồi.

Đại nho thời Tống là Chu Hy Đăng nói: “Dịch là dùng để xem bói, để quyết đoán những điều còn nghi hoặc. Nhưng theo đạo lý thì việc đáng làm thì phải làm, việc không nên làm thì không được làm, trong tình hình ấy, căn bản không cần đến xem bói. Duy chỉ có chính sự về phương pháp còn có sự bất đồng, do đó đi đến nghi hoặc, mới có thể xem bói. Những việc ác, những dục vọng cá nhân, không được xem bói”. Đó là “cái đức của quẻ”.

Lối biện bạch như vậy là tương đối khiến cưỡng gò bó. “Chu dịch” phát triển đến thời nay, người ta đã vận dụng vũ trụ quen phân tích rạch ròi, đối lập thống nhất, vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, kết hợp với “Chu dịch” ngàn xưa, vạch ra quy luật phát triển và biến hoá của sự vật trong vũ trụ, nội dung của nó cực kì phong phú, phạm vi liên quan rất rộng. Chu dịch trên thì luận thiên văn, dưới bàn địa lý, giữa thì đề cập đến nhân sự; từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội, từ nền sản xuất xã hội đến sinh hoạt xã hội, từ phương châm trị quốc đến cảnh sống làm người của dân thường, đều có sự luận bàn tường tận.

Dự đoán “Chu dịch” kết hợp với khoa học hiện đại đã khai phá được kho tàng thông tin quý báu mà loài người vốn có, làm cho con người bất cứ việc gì cũng làm được “có dự tính đầy đủ”, làm cho thông tin trở thành hướng dẫn dắt cho mọi công việc, trở thành sự đảm bảo thắng lợi cho mọi công việc, khiến cho con người ít bị nguy hiểm, ít gặp tổn thất, tăng thêm sáng láng cho cuộc sống hạnh phúc của con người. Giá trị khoa học của nó quả là quý báu.

Chúng ta nghiên cứu dự đoán “Chu dịch” không phải là hỏi kết quả như thế nào một cách tiêu cực, mà là tiến lên một bước nghiên cứu sâu nữa thì nên như thế nào? Vì thế, “Kinh dịch” không chỉ mở ra cơ hội tinh tế phát sinh sự vật, hơn nữa còn chỉ dẫn người ta phải nên như thế nào để ứng biến nắm thời cơ, tránh cái hung hướng đến cái cát; không phải là xem bói một cách tiêu cực mà là dự đoán một cách tích cực. Điều này khiến cho dự đoán “Chu dịch” tiến vào phạm vi của triết học.

“Kinh dịch” bao gồm hai bộ phận: nguyên văn và giảng giải, phần nguyên văn gọi là “kinh”, phần giảng giải gọi là “truyện”.

Sau 64 quẻ của “Kinh dịch”, có kèm theo “quẻ từ” giải thích toàn quẻ cũng gọi là “Triệu từ”. “Triệu” chính là tên của một loài động vật có răng rất sắc, có nghĩa là “đoán”, cũng tức là “quẻ từ” là lời đoán quẻ của mỗi một quẻ.

“Quẻ từ” là do Chu Văn Vương soạn viết ra. Trong lời tựa cuốn “Sử kí” có viết: “Tây Bá (tước vị của Chu Văn Vương khi chưa xưng vương) bị giam ở thôn Mỹ, đã viết ra “Kinh dịch”. Do bị ràng buộc về hoàn cảnh, nên hàm nghĩa của “quẻ từ” ẩn ý tinh vi, đầy rẫy cảm nghĩ về nguy cơ.

Sau “quẻ từ” là “hào từ”, giải thích hàm nghĩa của mỗi hào trong sáu hào. Đã nói: hào từ là của Chu Văn Vương viết ra. Có điều là trong đó đã đưa vào rất nhiều sự kiện phát sinh sau đời Văn Vương, vẫn là do con trai của Văn Vương (tức là Chu Công, người đã sáng tạo ra nền văn hoá hoàng kim đời Chu) trước tác, cách nói như vậy về “hào từ” là tương đối thoả đáng.

Từ xưa đến nay, sách chú thích “Dịch” có thể nói là nhiều vô kể. Có loại không coi trọng ý nghĩa tượng trưng toàn bộ của “quẻ từ” mà là từng chữ từng chữ một, từ trong hình tượng của quẻ ấy, đi tìm đáp án. Có loại lại đi đường ngoằn ngoèo, không trình bày được rõ thêm. Có loại thì chú trọng nắm vững ý nghĩa trọn vẹn của kinh văn, cho rằng chỉ cần nắm vững hàm nghĩa của toàn văn, từng chữ từng câu trong kinh văn, còn những điều khác đều có thể coi nhẹ, bỏ qua. Có loại chú thích lại tràn đầy cái hứng thú cổ cơ mưu và nhân tản. Có loại lại thay thế nó bằng cảm xúc về đạo nghĩa chân thành. Có loại thì bình dị nhưng lại rườm rà thiếu sâu sắc. Có loại chữ nghĩa ngắn gọn lại hạ thấp kết cấu của “dịch”. Có loại có phong thái có thể làm rung động lòng người nhưng có phần lại sai lạc. Giới thiệu tình hình trên đây, chủ yếu là muốn nhắc mọi người là khi vận dụng quẻ từ, hào từ “Chu dịch” tiến hành dự đoán, không thể hoàn toàn rập khuôn cứng nhắc. Rập khuôn cứng nhắc sẽ làm cho thực tiễn dự đoán của chúng ta rơi vào mê cung. Nói như vậy có nghĩa là trong dự đoán Chu dịch, khi vận dụng quẻ từ, hào từ tiến hành đoán quẻ, mức độ của nó rất khó nắm được. Biện pháp giải quyết theo tôi là:

1. Phải lựa chọn bản in tương đối chính xác.
2. Dựa vào khả năng nhận thức của mình mà vận dụng linh hoạt một cách có cân nhắc kĩ lưỡng.
3. Trong thực tiễn dự đoán Chu dịch, bản thân phải thể nghiệm nhiều, tổng kết nhiều, hơn nữa phải chú ý kinh nghiệm thực tiễn của người khác, biến kinh nghiệm thành công của người khác thành của mình, có như thế bản hình của chúng ta sẽ lớn lên.

Vận dụng quẻ từ và hào từ “Chu dịch” tiến hành đoán quẻ chỉ là một trong các phương pháp, sau này khi phân tích cụ thể những thí dụ về quẻ, mọi người sẽ phát hiện ra không biết có bao nhiêu quẻ, trong khi đoán quẻ, hầu như không hề có dính dáng đến quẻ từ và hào từ.

Chương 4

SẮP XẾP THÀNH THẠO BÁT TỰ

Học được cách sắp xếp tám chữ là thành công cơ bản của dự đoán “Chu dịch”, mỗi người yêu thích dự đoán “Chu dịch” chúng ta đều cần phải nắm vững nó một cách thành thực.

Ở trên, đã giới thiệu mười thiên can và mười hai địa chi. Bội số chung nhỏ nhất của 10 thiên can và 12 địa chi là 60. chúng ta hãy sắp xếp đối xứng thiên can và địa chi:

Tý – Sửu – Dần – Mão – Thìn – Tị – Ngọ – Mùi

Giáp – Ất – Bính – Đinh – Mậu – Kỷ – Canh – Tân

Xếp tiếp:

Thân – dậu – tuất – hợi – tị – Sửu...

Nhâm – quý – giáp – ất – bính – đinh...

Chúng ta đem số thiên can hàng dưới chuyển lên trước số địa chi đối xứng ở hàng trên, sẽ tạo thành: giáp tý – ất Sửu – bính dần – đinh Mão – Mậu Thìn – Kỷ tị – Canh Ngọ – Tân Mùi – Nhâm Thân – Quý Dậu – Giáp Tuất – ất Hợi – Bính tý – Đinh Sửu. Nếu như chúng ta cứ theo thứ tự từ đầu xếp đến cuối cùng, sẽ hoàn thành một vòng tuần hoàn. Thiên can, địa chi sẽ kết hợp thành 60 đôi. Sáu mươi đôi này gọi chung là “sáu mươi giáp tý”.

Sáu mươi giáp tý này, mỗi một đơn vị đều có thể theo thứ tự trước sau trong âm lịch đặt tên cho các năm, tháng, ngày, giờ khác nhau. Như vậy tức là: năm có 2 chữ, tháng có 2 chữ, ngày có 2 chữ, giờ có 2 chữ, cộng lại vừa vặn là 8 chữ, gọi tắt là “bát tự”.

“Bát tự” trong dự đoán “Chu dịch” tác dụng rất rộng, rất lớn. Vì vậy, chúng ta phải nghiên cứu sâu hơn một bước.

“Bát tự” là cái gì, về đại thể chúng ta đều biết rồi. Nhưng mà, nếu có người tự nhiên nói đến một năm nào đó, như nói công nguyên năm 1931. Trong “bát tự”, gọi tên năm này là hai chữ nào?

Có người sáng dạ, biết nhắm nhanh, lập tức nghĩ đến năm 91. Năm 1991 là năm Mùi trên tường nhà có treo lịch ngày, ngẩng đầu vừa nhìn ta thấy năm Tân Mùi. Thế là biết ngay trong “bát tự”, hai chữ gọi tên năm 1931 là “Tân Mùi”.

Ví như năm mà có người tự nhiên nói ra không phải là năm 1931, mà là năm 1948. chúng ta nói ngay, trong “bát tự” hai chữ gọi tên năm này khó tìm hơn nhiều.

Xác định “bát tự” của năm là như thế, xác định “bát tự” của tháng, ngày, giờ cũng như vậy. Buộc phải mất một ít thì giờ để tìm hiểu, tìm ra đầu mối rồi sẽ thấy giản đơn thôi.

Trên đây đã giới thiệu “60 giáp tý”, chúng ta không ngần ngại xếp 60 giáp tý từ đầu đến cuối thành một vòng tuần hoàn:

1. Giáp tý	17. Canh Thìn	33. Bính Thân	49. Nhâm Tý
2. Ất Sửu	18. Tân Tị	34. Đinh Dậu	50. Quý Sửu
3. Bính Dần	19. Nhâm Ngọ	35. Mậu Tuất	51. Giáp Dần
4. Đinh Sửu	20. Quý Mùi	36. Kỷ Hợi	52. Ất Mão
5. Mậu Thìn	21. Giáp Thân	37. Canh Tý	53. Bính Thìn
6. Kỷ Tị	22. Ất Dậu	38. Tân Sửu	54. Đinh Tị
7. Canh Ngọ	23. Bính Tuất	39. Nhâm Dần	55. Mậu Ngọ
8. Tân Mùi	24. Đinh Hợi	40. Quý Mão	56. Kỷ Mùi
9. Nhâm Thân	25. Mậu Tý	41. Giáp Thìn	57. Canh Thân
10. Quý Dậu	26. Kỷ Sửu	42. Ất Tị	58. Tân Dậu
11. Giáp Tuất	27. Canh Dần	43. Bính Ngọ	59. Nhâm Tuất
12. Ất Hợi	28. Tân Mão	44. Đinh Mùi	60. Quý Hợi
13. Bính Tý	29. Nhâm Thìn	45. Mậu Thân	
14. Đinh Sửu	30. Quý Tị	46. Kỷ Dậu	
15. Mậu Dần	31. Giáp Ngọ	47. Canh Tuất	
16. Kỷ Mão	32. Ất Mùi	48. Tân Hợi	

Bảng tóm tắt tuần hoàn “60 giáp tý” này, trong đó mỗi một đơn vị tuy rằng có thể theo thứ tự trước sau mà lần lượt chỉ năm, tháng, ngày, giờ khác nhau, nhưng vẫn không thể phản

ánh được quy luật phổ biến về âm dương biến đổi và ngũ hành sinh khắc rất cần đến trong dự đoán “Chu dịch”.

Chúng ta biết trong khoa học về nhân thể, đối với việc dự đoán thông tin các mặt của con người, đặc biệt là dự đoán tốt xấu về vận mệnh con người, không kể là cách dự đoán bằng tứ trụ hay là cách dự đoán bằng bát quái đều phải lấy biến hoá âm dương làm nguyên lý, lấy ngũ hành sinh khắc, chế hoá làm quy tắc.

Khí của âm dương ngũ hành là một vật chất cực kỳ tinh vi, người bình thường không thể nhìn thấy được, không thể sờ thấy được. Hiện nay, trong giới khí công Trung Quốc, nghe nói đã có người bằng tri thức cơ bản sâu sắc về khí công, dựa vào “thủ cảm” với bàn tay có độ linh cảm cực cao... hoặc dựa vào “Thiên mục huyết với con mắt thấy tạng, phủ trong cơ thể người, cũng như sự mạnh yếu và sắc thái ngũ khí âm dương của các huyết trên toàn thân, từ đó mà phán đoán chính xác tình trạng sức khỏe của con người. Nói về các thiết bị khoa học hiện đại thì cũng chưa có thể nào tìm ra sự đánh giá chuẩn xác ở chỗ này cả về mặt định tính và định lượng.

Về ngũ khí âm dương trong cơ thể người ta, sự phân bố, kết cấu, sắp xếp chuyển hóa mạnh yếu của nó thì lại phát sinh quan hệ với ngũ hành sinh khắc như thế nào? Con người phải biết và tìm hiểu như thế nào về âm dương ngũ hành, vào lúc nào, trong hoàn cảnh nào, ở địa điểm nào thì có ảnh hưởng đến thành trưởng, hành vi, cát hung của con người; khoa học hiện đại vẫn chưa làm rõ được vấn đề khó khăn này. Vì vậy, con người không có cách nào chọn lọc được hành động và phương pháp phòng tai nạn, tránh khó khăn, tìm cái may, tránh cái rủi.

Tổ tiên chúng ta để giải quyết khó khăn nói trên, đã phát minh ra thiên can, địa chi, lấy đó làm tiêu chí cụ thể phản ánh các loại thông tin của âm dương ngũ hành có tác dụng đến nhân thể. Như vậy, con người đã có thể thăm dò, dự đoán sự tổ hợp phân bố, sắp xếp của khí âm dương ngũ hành trong nhân thể, cũng với quy luật biến hoá ngũ hành sinh khắc trong bốn mùa một năm, từ đó phán đoán được chúng nảy sinh quan hệ mật thiết với vận mệnh của con người như thế nào.

Chính vì vậy, “Sáu mươi giáp tý” tức là khí âm dương ngũ hành trong nhân thể, lại cũng là tiêu chí thông tin về phương vị thời gian, không gian, lại cũng tiêu là tiêu chí thông tin về ngũ hành âm dương của nhân thể ảnh hưởng đến sự tốt xấu của thân thể và sự tốt xấu của nhân thể, lại cũng là tiêu chí thông tin phát sinh khắc chế hoá của âm dương ngũ hành.

Tóm lại, trong cả một đời người, các loại thông tin đều được tồn trữ trong “bát tự” do thiên can, địa chi xếp theo thứ tự kết hợp lại. Vì vậy, năm tháng, ngày, giờ ra đời của con người, tức là “bát tự” không chỉ là thời gian biểu cả đời của một người, hơn nữa còn là một bảng tiết mục và kịch bản có nội dung phong phú, giàu kịch tính.

Công dụng của bảng sáu mươi giáp tý rất rộng, nhưng từ bảng đơn giản kê ra trên đây, vẫn chưa thể phản ánh hết nội dung khá nhiều của nó, cũng không có cách vận dụng cụ thể trong thực tiễn dự đoán Chu dịch và trình bày sự huyền diệu nội tại của nó.

Bây giờ chúng ta kết hợp ngũ hành của sáu mươi giáp tý với ngũ âm thập nhị luật, giới thiệu với các bạn một bài cách theo luật ngũ âm trong đó có sáu mươi nạp âm ngũ hành.

Giáp tý, ất sửu hải trung kim
Mậu thìn, kị tị đại lâm mộc
Nhâm thân, quý dậu kiếm phong kim
Bính tí, đinh sửu giản hạ thủy

Canh thìn, tân tị bạch lập kim
Giáp thân, ất dậu tuyền trung thủy
Mậu tí, kị sửu tích lịch hỏa
Nhâm thìn, quý tị trường lưu thủy

Bính thân, đinh Dậu sơn hạ thủy
 Canh tý, tân Sửu bích thượng thổ
 Giáp Thìn, ất Tị phú đăng hỏa
 Mậu thân, kỷ Dậu đại trạch thổ
 Nhâm tý, quý Sửu tang đố mộc
 Bính Thìn, đinh Tị sa trung thổ
 Canh thân, tân Dậu thạch lựu mộc

Bính dần, đinh Mão lô trung hỏa
 Canh Ngọ, tân Mùi lộ bàng thổ
 Giáp Tuất, ất Hợi sơn đầu hỏa
 Mậu dần, kỷ Mão thành đầu thổ
 Nhâm Ngọ, quý Mùi dương liễu mộc
 Bính Tuất, đinh Hợi ốc thượng thổ
 Canh dần, tân Mão tùng bách mộc
 Giáp Ngọ, ất Mùi sa trung kim
 Mậu Tuất, kỷ Hợi bình địa mộc
 Nhâm dần, quý Mão kim bạch kim
 Bính Ngọ, đinh Mùi thiên hà thủy
 Canh Tuất, tân Hợi thoa xuyên kim
 Giáp dần, ất Mão đại khuê thủy
 Mậu Ngọ, kỷ Mùi thiên thượng hỏa
 Nhâm Tuất, quý Hợi đại hải thủy

Bài ca nạp âm sáu mươi hoa giáp phân chia những người sinh ra trong vòng tuần hoàn sáu mươi năm theo kim, mộc, thủy, hỏa, thổ thành năm loại hình về mệnh; trong bài ca, cứ hai năm là một nhóm, là một niên mệnh. Người sinh năm kim là mệnh kim, người sinh năm hỏa là mệnh hỏa. Như: người sinh năm 1924, năm 1984 (năm giáp tý) năm 1925, năm 1985 (năm ất Sửu) đều là người mệnh “Hải trung kim”, gọi tắt là người “mệnh kim”. Các mệnh khác như bài ca đã nói, cứ 60 năm một vòng, hết vòng lại quay lại từ đầu.

Sự biến hóa sáu mươi hoa giáp là vô cùng vô tận. Nội dung và sự ra đời của bài ca nạp âm sáu mươi hoa giáp đối với giới học thuật “Chu dịch” Trung Quốc tất nhiên là một “câu đố”.

Trong bài ca nạp âm sáu mươi hoa giáp, đã chia con người ra làm năm loại mệnh: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; Năm loại mệnh này tồn tại và làm nảy sinh quan hệ sinh khắc giữa ngũ hành với nhau, đặc biệt là đối với tương khắc, chúng ta nhất định phải có sự phân tích cụ thể, xem xét cụ thể, phải phân biệt rõ ràng tính khắc của nó.

Ví như hỏa khắc kim: “hải trung kim” ở đáy biển, “sa trung kim” ở trong cát, hỏa không dễ gì khắc kim. Có loại “ki” không những không sợ hỏa khắc mà lại còn ưa thích hỏa nữa. Thí dụ như “Kiếm phong kim” rất ưa lửa để tôi luyện, vì nó chỉ có qua lò lửa tôi luyện mới có thể có kiếm sắc được. “Bạch Lạp kim” là loại kim rất mỏng, rất dễ bị hỏa khắc chế. “Hải trung kim”, “sa trung kim” tuy rằng không dễ bị hỏa khắc chế, nhưng cũng sợ “Tích lịch hỏa” vì “Tích lịch hỏa” có thể đánh sâu xuống đáy biển, đánh xuống lòng đất rất sâu.

Kim có thể khắc mộc, nhưng trong tứ trụ, mộc nhiều thì lại thích kim khắc chế nó. Là vì trong tứ trụ, mộc nhiều nếu không chịu sự khắc chế của kim sẽ làm cho ngũ hành trong nhân sinh, nhân thân mất đi sự cân bằng tròn vẹn. Trong dự đoán “Chu dịch”, lại phải chú ý kim mà yếu không thể khắc chế mộc vượng có hiệu quả. Mộc yếu gặp kim vượng thì ít nhiều sẽ là bất lợi. Trong tình huống bình thường “đại lâm mộc”, “bình địa mộc” không dễ dàng bị kim khắc chế. Nhưng mộc rất sợ “Kiếm phong kim”, vì “Kiếm phong kim” là kim của công cụ.

Mộc có thể khắc thổ, trong tứ trụ, thổ nhiều thổ vượng ngược lại rất muốn được mộc khơi thông, bởi vì trong trụ, thổ nhiều nếu không được mộc chế ước hữu hiệu, cũng sẽ làm cho ngũ hành trong nhân sinh, nhân thân mất đi sự cân bằng tròn vẹn.

Trong dự đoán “Chu dịch”, còn phải chú ý mộc suy không thể khắc chế thổ vượng. Nếu như mộc vượng mà thổ suy, thổ nhược tất sẽ bị mộc vượng khắc chế. Trong tình huống bình thường, “bích thượng thổ”, “đại trạch thổ” không dễ chịu mộc khắc chế. Nhưng thổ rất dễ chịu “đại lâm mộc”, “bình địa mộc” khắc chế.

Thổ có thể khắc thủy, thủy nhiều thủy vượng thì rất ưa có thổ vây quanh, có thể tưới mát cho ruộng, làm tươi tốt vạn vật, nhưng thổ suy thì rất khó khắc chế thủy vượng, chuyện hồng thủy phá vỡ đê, vẫn thường nghe thấy.

Trong dự đoán “Chu dịch”, gặp tình huống thủy suy thổ vượng, thủy tất sẽ bị thổ khắc. Giả dụ: được thủy đại biểu là bản thể của một người nào đó, điều phải dự đoán là “Bệnh trong người biến đổi, có thể hồi phục sức khỏe hay không”, như vậy chỉ cần xem xét hình thủy, thổ của ngũ hành, sự hồi phục của người bệnh là vô vọng. Nếu như trong toàn quẻ, lại xuất hiện thủy nhược, thủy được kim phù sinh hoặc là thổ vượng gặp mộc kị khắc, như vậy kết luận của dự đoán lại phải xem xét lại từ đầu, hoặc có thể người bệnh hồi phục được là có hy vọng.

Thủy có thể khắc hỏa, nhưng trong trụ, hỏa nhiều hỏa vượng lại thích có thủy đến chế ước. Hỏa vượng thủy suy không những không sợ thủy khắc, ngược lại lại có lợi cho sự cân bằng trọn vẹn của nhân sinh, nhân thân.

Trong dự đoán “Chu dịch”, thủy vượng hỏa suy, hỏa nhược tất bị thủy vượng khắc chế. Trong tình huống bình thường “thiên thượng hỏa”, “tích lịch hỏa” không dễ dàng bị thủy khắc chế. “Tích lịch hỏa” không những không sợ thủy khắc, trái lại trong ngày mưa càng vượng, càng lợi hại, khi ra oai còn có thể xuống tận đáy biển để thực hiện sự khắc chế.

Tương sinh tương khắc của âm dương ngũ hành có ảnh hưởng to lớn có tính chất quyết định đối với cả đời người, sinh nhiều là cát, khắc nhiều là không có lợi. Nhưng khi xử lý quan hệ giữa người và người, đặc biệt là quan hệ vợ chồng, nói chung thì niên mệnh tương sinh là tốt đẹp. Nhưng chúng ta xem xét kỹ càng một chút “bài ca lục thập hoa giáp nạp âm”, loại tổ hợp tốt đẹp nhất của niên mệnh tương sinh thường chịu sự hạn chế về tuổi kết hôn mà không thể làm theo ý mình được.

Nếu như hai bên nam nữ gặp được niên mệnh tương đồng, chúng ta quen gọi là “tử hoà”. Niên mệnh tử hoà là một loại hình thức tổ hợp tương đối tốt.

Chỉ đơn thuần xét về niên mệnh tương khắc, đã phải xem tính khắc chế của nó lớn hay nhỏ, cũng phải xem có khả năng khắc chế nổi không, càng phải xem tổ hợp sắp xếp, sự tương sinh, tương chế và tương hợp... của tứ trụ năm, tháng, ngày giờ. Không thể vừa thấy niên mệnh tương khắc là cho rằng không có cát, như thế là không toàn diện.

Trong đời sống thực tế, nếu chúng ta chú ý điều tra một chút, các cặp vợ chồng niên mệnh tương sinh tất nhiên cũng có người cuộc sống không hoàn toàn như ý, thậm chí quan hệ đôi bên xung khắc như nước với lửa. Ở đây chủ yếu là nhân tố tiên thiên, cuối cùng tất phải chịu ảnh hưởng của các nhân tố hậu thiên về các mặt địa lý, hoàn cảnh, nhân sự jở quanh mình. Đó cũng tức là một chữ “biến” mà những nhà nghiên cứu “Chu dịch” đặc biệt coi trọng.

Ngũ hành các thứ đều có sở chủ, đặc điểm hai loại đều có khác biệt, về mặt tính cách con người ta, tình hình chung là như thế này:

Người mệnh kim thích nghĩa khí, trong tự kim nhiều, kim vượng, tính cách của họ tỏ ra cứng rắn, do đó dễ bị căng gãy.

Người mệnh hỏa chủ lễ, đối nhân xử thế đều là nhã nhặn hào hoa, nếu như trong trụ hỏa nhiều; hỏa vượng, thì tính cách của họ rất có thể là nóng vội và vì vậy dễ phiền muộn.

Người mệnh thổ chủ tính, lời nói việc làm đều coi trọng lòng tin, thường thường nói một là một, đã nói là làm. Trong trụ, nếu thổ nhiều, thổ vượng thì tính cách của người ấy là thích tĩnh, không thích động, do đó cũng dễ dàng để mất thời cơ tốt.

Người mệnh mộc chủ từ, có lòng lương thiện, thích cứu mang người. Trong trụ, nếu mộc nhiều, mộc vượng, tính cách khá cương nghị, nhất là người niên mệnh “tang đố mộc”, thù chết đứng không chịu sống quỳ; những người này làm binh lính, trinh sát, đặc công là thích hợp nhất.

Người mệnh thủy chủ trí, thông minh hiểu học, những người mệnh thủy gặp nhiều gặp khúc quanh co, đúng như nước từ núi cao miền tây chảy vào biển lớn miền đông, phải trải qua ngàn vạn trở ngại, vất vả nhọc nhằn. Nếu thủy vượng, thủy nhiều thì tính tình nóng nảy, hung bạo, dễ gây ra tai họa.

Bài ca sáu mươi giáp tý nạp âm phản ánh không phải chỉ là tiêu chí thông tin về nhân thể mà cả tiêu chí thông tin về hưng suy của vạn sự vật trong giới tự nhiên.. nói về một quốc gia cũng là như thế. Nếu có lúc gió thuận mưa hoà, nông nghiệp được mùa, tình hình các mặt đều tốt. Có lúc không là đại hạn thì có thủy tai hoặc là động đất... các tai họa trong tự nhiên và nhiều, tai nạn khác luôn luôn xảy đến, tạo ra thiên tai nhân họa làm cho nhân lực, vật lực của quốc gia bị tổn thương nặng nề. Nguyên nhân tạo nên mất thăng bằng nghiêm trọng trong tình hình, chung giữa năm này với năm khác có liên quan với âm dương ngũ hành sinh khắc, chế hoá của vũ trụ, trời đất, giới tự nhiên và loài người.

Năm 1988 là năm “đại lâm mộc”, niên mệnh của nó là mệnh mộc, năm này can chi mậu thìn là thổ, cấu thành mộc khắc thổ. Điều này gọi là tự hành tương khắc của niên mệnh, cho nên năm 1988, các loại thiên tai nhân họa khá nhiều.

1. Về dịch viêm gan A xảy ra ở thành phố Thượng Hải Trung Quốc. Thượng Hải ở phía đông (bất quá thời cổ lấy Tây An ở Thiểm Tây làm trung tâm); phương đông là mộc, phương đông vì sao lại là mộc? Chúng ta có thể xem dụng bát quái đồ một chút; trong đồ hình đã chỉ rõ: chấn là đông, ly là nam, kim là tây, khảm là bắc. Thượng Hải là mộc, niên mệnh “đại lâm mộc” lại là “mộc” mạnh. Tháng giêng, tháng hai âm lịch lần lượt là dần và mão của 12 địa chi; thuộc tính ngũ hành của dần và mão đã được giới thiệu ở trên đây, dần mao đều là mộc. Đất Thượng Hải ở sát bờ nước, mộc được thủy sinh, thông thường thì mộc thủy sinh là điều tốt, là điều kiện tự nhiên tốt để cho thành phố Thượng Hải thịnh vượng, phát đạt. Nhưng gặp năm này, mộc được thủy sinh, đã vượng lại thêm vượng. Cái quá vượng trở thành thái quá.

Chúng tôi đã giới thiệu ở trên, ngũ hành của can tạng trong nhân thể thuộc mộc; nay tính mộc vượng thái quá, can tạng quá tải tất sẽ có bệnh về gan. Năm này, niên mệnh tự hành tương khắc, ngũ hành là mộc khắc thổ, vì vậy dịch viêm gan A hoành hành làm cho cả vùng Thượng Hải không yên đến mức làn sóng sợ hãi ấy lan tràn khắp nơi trong cả nước. Mãi cho đến tháng 3 âm lịch, “thìn thổ” trong 12 địa chi xuất hiện, “thành phòng” có sự gia cố; tháng 4 âm lịch “Ty hoả” trong 12 địa chi xuất hiện, lúc này vượng mộc sinh hoả, tiêu hao năng lượng của chính mình, thế “mộc tính thái quá” mới dần dần giảm xuống. Tháng 5 “ngọ hoả” trong 12 địa chi xuất hiện, giảm bớt thêm thế “mộc tính thái quá”, nạn dịch viêm gan A làm cho nhân dân toàn thành phố khiếp sợ mới được hoàn toàn khống chế.

Có lẽ cũng sẽ có người nói sự lan tràn của dịch viêm gan A ở Thượng Hải nếu như Trung ương Đảng, Quốc Hội, Thị ủy và Chính quyền Thượng Hải không tích cực tổ chức những đội cứu chữa, không thực thi những biện pháp cấp cứu mà để cho bệnh viêm gan A này tự do hoành hành thì lẽ nào dịch bệnh này lại là tự sinh tự diệt?

Chúng tôi trả lời rằng: “Đương nhiên là không phải như vậy”. Điều vô cùng kỳ diệu là vận nước, vận nhà, vận khí của mỗi con người, việc trị quốc, trị gia và trị dân đều có mối quan hệ khăng khít với sinh khắc chế hoá của âm dương ngũ hành. Đó chính là cái ý nghĩa triết học chứa đựng bên trong câu trả lời. “Đương nhiên không phải là như thế” của chúng tôi.

Các bạn đọc đi sâu hơn thì có thể phát hiện ra rằng trong cách giải thích và phân tích trên đây, chúng tôi chú trọng nhấn mạnh sự biến hoá của “mộc” trong ngũ hành mà rất ít đề cập đến “thổ” trong ngũ hành. Đúng vậy, đó là vì dịch viêm gan A khởi nguồn là “vượng mộc khắc thổ”, “thổ” trong ngũ hành tạng phủ của nhân thể là vị, là tỳ, bị khắc chế đầu tiên tất nhiên là vị và tỳ. Cho đến vị bị khắc chế như thế nào, nguyên nhân ấy mọi người đều đã biết.

2. Thủy tai nhiều. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến năm 1988 thủy tai nhiều là mộc khắc thổ, thổ chịu tổn thương mà không có lực để khắc thủy, do đó gây ra nạn lụt lội.

3. Lương thực giảm thuộc. Đất đai là người mẹ nuôi dưỡng vạn vật. Năm 1988 là năm mệnh mộc, tự khắc thổ của thái tuế mậu thìn, thổ chịu tổn thương, cũng giống như người mẹ bị bệnh mà không thể sinh và nuôi được, đương nhiên là không có lợi cho mùa màng. Mặt khác, vị thổ bị khắc chế, thổ sẽ không trị được thủy. Thủy tràn lan thành lụt lội, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh tồn và phát triển của cây trồng, do đó thuộc hoạch lương thực không thể tốt.

Vận khí của quốc gia và của một người cũng giống nhau, cũng có tốt xấu, hơn nữa cũng có quy luật nhất định có thể tìm tòi nắm bắt được. Thí dụ: dương hào là “cửu” năm ấy lại gặp “chín”, cương dương đến cực đỉnh, đất nước luôn luôn xảy ra các tai nạn sôi động, đổ máu và đối kháng quân sự động binh, động đao thương.

Xa hơn một chút, mọi người vẫn còn nhớ được, năm 1949 ở vào thời gian then chốt của chiến tranh giải phóng, năm 1959, Trung Quốc có chiến sự “Chống phản loạn Tây Tạng”; năm 1969, biên giới đông bắc Trung Quốc xảy ra sự kiện “Chân bảo đảo”, năm 1979 biên giới đông nam Trung Quốc xảy ra “chiến tranh phản kích tự vệ” năm 1989, ở Bắc Kinh xảy ra rối loạn. Đây chỉ là những sự kiện tương đối lớn, mọi người biết được một cách rộng rãi, người quan tâm có thể nêu ra các ví dụ sâu sắc hơn, thậm chí men theo dòng phát triển lâu dài của lịch sử nêu ra rất nhiều ví dụ khác hơn cả người viết những dòng này.

Dựa vào thực tiễn của bản thân những chuyên gia, học giả, những người yêu mến dự đoán “Chu dịch”, chúng ta dễ dàng nhận ra rằng nếu chúng ta đi sâu nghiên cứu tỉ mỉ bài ca nạp âm sáu mươi giáp tý và tận dụng một cách cụ thể và hữu hạn và trong dự đoán “Chu dịch” thì sẽ đem lại cho loài người lợi ích to lớn biết chừng nào.

Nếu như chúng ta có thể đoán trước được nạn lụt, sớm làm tốt công tác phòng lụt, dự đoán trước được nạn hạn hán, kịp thời tu bổ các hồ chứa nước, trạm bơm và thiết bị tưới tiêu, dự đoán trước được các bệnh dịch, áp dụng hữu hiệu biện pháp dự phòng; dự đoán trước được địa chấn, kịp làm tốt công tác phòng hộ, chống động đất... thì sẽ có thể giảm thiểu được rất nhiều sự thương vong về người, giảm thiểu được rất nhiều sự tiêu hao tổn thất về nhân lực, vật lực, tài lực.

Chúng ta nói rằng, bài ca nạp âm “60 giáp tý” là cái kho lớn chứa đựng tất cả những thông tin về vũ trụ. “Trong kho tàng lớn toàn là của báu, ai biết mà lại không muốn có”.

Bản thân tôi trong quá trình vận dụng Chu dịch để tiến trình học tập và thực hành dự đoán, cảm thấy “Lục thập hoa giáp tý nạp âm ca” trong khi vận dụng cụ thể chưa được thuận tiện như mong muốn. Có người sửa nó thành “Bảng nạp âm sáu mươi hoa giáp tý”. Như thế là đã có một bước tiến bộ lớn. Nhưng trong quá trình dự đoán Chu dịch, vẫn thấy chưa thuận tiện lắm. Ví như nói: “Năm 1986 là năm gì? Niên mệnh là gì?” Người ta luôn luôn nghĩ ngay “năm 1991 là năm gì?”... rồi nhớ ra năm nay là năm tân mùi, sau đó lại tìm đến “bảng” hay “bài ca”,

lần ngược trở lại để đếm, như thế tra tìm rất mất thì giờ. Bây giờ xin tặng các bạn “Bảng nạp âm 60 hoa giáp tý” mà bản thân tôi đã cải tiến đi đôi chút.

“Bảng nạp âm 60 hoa giáp tý” (cải tiến) là do bản thân tôi căn cứ vào nhu cầu phổ biến nhất trong dự đoán Chu dịch mà cải tiến khi sử dụng quả là thuận tiện hơn nhiều. Những năm dương lịch xếp vào bảng này chỉ có 70 năm từ 1924 đến 1995. Như vậy, khi gặp người được chúc thọ sinh trước năm 1924 yêu cầu tra tìm niên mệnh hay yêu cầu dự đoán thì có thể chỗ năm Quý Hợi càng dưới góc bên phải của bảng, ghi vào “năm 1923”, sau đó ngược lên 22 năm, 21 năm... lần lượt theo thứ tự đẩy lùi lên phía trên là được.

Đọc đến đây, các bạn xác định được hai chữ “bát tự” thuộc về năm không còn vấn đề gì nữa, xác định được “niên mệnh” cũng không còn vấn đề nữa. Tính năm có nhiều cách, không cứ bằng phương pháp nào, đều phải theo một quy định nghiêm ngặt lấy lập xuân của âm lịch là giới tuyến của một năm. Như những người sinh sau lập xuân của tháng giêng nhưng lúc ấy lại là trước lập xuân (chưa đến lập xuân), thì phải tính là sinh vào năm trước, mà lấy can chi của năm trước làm niên trụ. Cũng theo lẽ này, tuy cùng là người sinh vào tháng 12 âm lịch, người sinh trước lập xuân, lấy can chi năm này; người sinh sau lập xuân phải tính vào năm sau.

Dưới đây, xin giới thiệu cách xếp tháng.

Một năm 12 tháng, địa chi của mỗi tháng là cố định, tháng giêng là dần, tháng hai là mão, theo thứ tự thuận xếp tiếp đến tháng mười một: tý, tháng mười hai: sửu, trên đây đã có bảng để tra.

Thiên can của một tháng là không cố định, phải thực hiện một cách tính toán nhất định mới có thể xếp được. Bài về để tính toán như sau:

Giáp kỷ chi niên bính tác thủ

Ất canh chỉ niên mậu vi đầu

Bính tân tất định tâm canh khởi

Đinh nhâm nham vị thuận hành lưu

Cánh hữu mậu quý hà phương mịch

Giáp dần chỉ thượng hảo truy cầu

Cách làm cụ thể là: Như một người sinh tháng 5 âm lịch Canh thìn, trước hết dựa vào câu về “Ất canh chỉ niên mậu vi đầu”, rút ra tháng giêng là tháng mậu dần của năm Canh Thìn, sau đó theo thứ tự hiện tính ra tháng hai là kỷ mão, tháng ba canh thìn.

BẢNG NẠP ÂM SÁU MƯƠI HOA GIÁP TÝ (CẢI TIẾN)

Năm	Dương lịch	Niên mệnh	Năm	D ương ng lịch h	Niên mệnh	Dương lịch	Nă m	Niên mệnh	Dương mệnh	Nă m	Niên mệnh	Dương lịch	Nă m	Niên mệnh
Giáp Tý	84 24	Hải trung kim	Bính Tý	36	Giản hạ thủy	Mậu Tý	48	Tích lịch hoá	Canh Tý	60	Bích thượn g thổ	Nhâm Tý	72	Tang đổ mộc
Ất sửu	85 25		Đinh sửu	37		Kỷ dậu	49		Tân sửu	61		Quý sửu	73	
Bính dần	86 26	Lô trung hoả	Mậu dần	38	Thành đầu thổ	Canh dần	50	Tùng bách mộc	Nhâm dần	62	Kim bạc kim	Giáp dần	74	Đại khê thủy
Đinh mão	88 27		Kỷ mão	39		Tân mão	51		Quý mão	63		Ất mão	75	
Mậu thìn	88 28	Đại lâm mộc	Canh thìn	40	Bạch lạp kim	Nhâm thìn	52	Trường lưu thủy	Giáp thìn	64	Phú đăng hoả	Bính thìn	76	Sa thổ trung
Kỷ tị	89 29		Tân tị	41		Quý tị	53		Ất tị	65		Đinh tị	77	
Canh ngọ	90 30	Lộ bàng	Nhâm ngọ	42	Dương liễu	Giáp ngọ	54	Sa trung thổ	Bính ngọ	66	Thiên hà	Mậu ngọ	78	Thiên thương

Tân mùi	91 31	thổ	Quý mùi	43	mộc	Ất mùi	55		Đinh mùi	67	thủy	Kỷ mùi	79	hoả
Nhâm thân	92 32	Kiếm phong kim	Giáp thân	44	Tuyên trung thủy	Bính thân	56	Sơn hạ thủy	Mậu thân	68	Đại trạch thổ	Canh thân	80	Thạch lựu mộc
Quý dậu	93 33		Ất dậu	45		Đinh dậu	57		Kỷ dậu	69		Tân dậu	81	
Giáp tuất	94 34	Sơn đầu hoả	Bính tuất	46	Ốc thượng thổ	Mậu tuất	58	Bình địa mộc	Canh tuất	70	Thoa xuyến kim	Nhâm tuất	82	Đại hải thủy
Ất hợi	95 35		Đinh hợi	47		Kỷ hợi	59		Tân hợi	71		Quý hợi	83	

Tháng năm nhâm ngọ, có thể biết tháng 5 năm này can chi là nhâm ngọ. Để thuận tiện cho việc sử dụng trong dự đoán, bây giờ từ bài về tính tháng xin nêu đơn giản thành bảng.

BẢNG TÍNH THÁNG THEO THIÊN CAN CỦA NĂM

Tháng Thiên can	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Giáp tý	Bính dần	Đinh mão	Mậu thìn	Kỷ tỵ	Canh ngọ	Tân mùi	Nhâm thân	Quý dậu	Giáp tuất	Ất hợi	Bính tý	Đinh sửu
Ất canh	Mậu dần	Kỷ mão	Canh thìn	Tân tỵ	Nhâm ngọ	Quý mùi	Giáp thân	Ất dậu	Bính tuất	Đinh hợi	Mậu tý	Kỷ sửu
Bính tân	Canh dần	Tân mão	Nhâm thìn	Quý tỵ	Giáp ngọ	Ất mùi	Bính thân	Đinh dậu	Mậu tuất	Kỷ hợi	Canh tý	Tân sửu
Đinh nhâm	Nhâm dần	Quý mão	Giáp thìn	Ất tỵ	Bính ngọ	Đinh mùi	Mậu thân	Kỷ dậu	Canh tuất	Tân hợi	Nhâm tý	Quý sửu
Mậu quý	Giáp dần	Ất mão	Bính thìn	Đinh tỵ	Mậu ngọ	Kỷ mùi	Canh thân	Tân dậu	Nhâm tuất	Quý hợi	Giáp tý	Ất sửu

Từ trong bảng này, chúng ta có thể tìm thấy can chi của tháng cũng như năm, bắt đầu từ bính dần, thuận theo sáu mươi giáp tý đếm xuống, rồi lại quay về tháng bính dần, lúc này đã hết 5 năm. Vì một năm 12 tháng, 5 năm vừa vặn là 60 tháng.

Ở đây, điều phải chú ý là: nhất định phải chú ý kết hợp tiết khí âm lịch để tính tháng. Trong 24 tiết của một năm thì lập xuân, kinh trập, thanh minh, lập hạ, mang chủng, tiểu thử, lập thu, bạch lộ, hàn lộ, lập đông, đại tuyết, tiểu hàn gọi là “tiết”.

Vũ thủy, xuân phân, cốc vũ, tiểu mãn, hạ chí, đại thử, xử thử, thu phân, sương giáng, tiểu tuyết, đông chí, đại hàn, là “khí”.

Trong dự đoán Chu dịch, tính tháng phải lấy tiết làm giới hạn. Nếu sinh trước tiết của tháng này, thì phải dùng can chi của tháng trước. Nếu sinh sau tiết của tháng này, cũng tức là tiết khí của tháng sau đã đến sớm, thì phải dùng can chi của tháng sau. Bởi vì trong tình hình bình thường, một tháng chỉ có một “tiết” và một “khí”, nhưng cũng có lúc xảy ra trường hợp khí tiết đến sớm hay đến muộn. Ví dụ: sinh 26 tháng 1 bính dần dương lịch năm 1985, tra “lịch vạn niên tân biên”, ngày này đúng là tiết kinh trập của tháng sau đến sớm, như thế không thể tính là sinh tháng 1 canh dần được, mà phải tính vào tháng 2 tân mao.

Sự phân phối 24 tiết khí và các tháng theo bảng kê sau:

Tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Tiết khí												
Tiết	Lập	Kinh	Thanh	Lập	Mang	Tiểu	Lập	Bạch	Hàn	Lập	Đại	Tiểu

	xuân	trập	minh	hạ	chúng	thử	thuộc	lộ	lộ	đông	tuyết	hàn
Khí	Vũ thủy	Xuân phân	Cốc vũ	tiểu mãn	Hạ chí	Đại thử	Xử thử	Thu phân	Sương giáng	Tiểu tuyết	Đông chí	Đại hàn

Trong bảng xác định phân chia 12 tháng như sau:

Tháng 1	tháng	dần	từ	lập	xuân	qua	vũ thủy	đến	kinh	trập	là	hết
- 2	-	mão	-	kinh	trập	-	xuân phân	-	thanh	minh	là	hết
- 3	-	thìn	-	thanh	minh	-	cốc vũ	-	lập	hạ	là	hết
- 4	-	tị	-	lập	hạ	-	tiểu mãn	-	mang	chủng	là	hết
- 5	-	ngọ	-	mang	chủng	-	hạ chí	-	tiểu	thử	là	hết
- 6	-	mùi	-	tiểu	thử	-	đại thử	-	lập	thuộc	là	hết
- 7	-	thân	-	lập	thu	-	xử thử	-	bạch	lộ	là	hết
- 8	-	dậu	-	bạch	lộ	-	thu phân	-	hàn	lộ	là	hết
- 9	-	tuất	-	hàn	lộ	-	sương giáng	-	lập	đông	là	hết
- 10	-	hợi	-	lập	đông	-	tiểu tuyết	-	đại	tuyết	là	hết
- 11	-	tý	-	đại	tuyết	-	đông chí	-	tiểu	hàn	là	hết
- 12	-	sửu	-	tiểu	hàn	-	đại hàn	-	lập	xuân	là	hết.

Ghi thêm: Bài ca về 24 tiết khí:

Chính nguyệt lập xuân vũ thủy tiết,
 Tam nguyệt thanh minh tịnh cốc vũ,
 Ngũ nguyệt mang chủng dữ hạ chí,
 Thất nguyệt lập thuộc kiêm xử thử,
 Cửu nguyệt hàn lộ hoàn sương giáng,
 Tý nguyệt đại tuyết cộng đông chí,
 Nhị nguyệt kinh trập cập xuân phân
 Tứ nguyệt lập hạ tiểu mãn phương
 Lục nguyệt tiểu thử, đại thử đương
 Bát nguyệt bạch lộ thuộc phân mang
 Thập nguyệt lập đông tiểu tuyết trường
 Lạp nguyệt tiểu hàn đại hàn xương

Giới thiệu cách tính ngày

Các bạn yêu thích Chu dịch cần có trong tay cuốn “lịch vạn niên”; có lịch vạn niên rồi, cách tính tháng sẽ rất giản đơn, chỉ cần tra, tính một chút là có thể biết thiên can, địa chi cụ thể của mỗi ngày. Chẳng hạn như cuốn “Tân biên vạn niên lịch” do Nhà xuất bản Khoa học phổ thông xuất bản đã ghi rất rõ các can chi của ngày 1, 11, 21 của mỗi tháng âm lịch trong 210 năm từ năm canh tý, dương lịch năm 1840 đến năm canh ngọ, dương lịch năm 2050; khi cùng chỉ cần dựa theo thứ tự thiên can, địa chi để tính là có thể biết ngay.

Ví dụ: Tính sang ngày tháng âm lịch: ngày 10-3 năm Canh ngọ, dương lịch năm 1930 (Dân quốc năm thứ 19). Thiên can của năm là “canh” như đã biết, năm có thiên can ất canh thì tra “Bảng tính tháng theo thiên can của năm”, có thể biết can chi của tháng 2 là ất mão (vì tháng 3 dương lịch là tháng 2 âm lịch). Ngày 10-3 dương lịch đúng là ngày kỷ mùi 11-2 âm lịch. Nếu là ngày 15-3 dương lịch thì sao? Chỉ cần từ 11-2 âm lịch, đếm lui về sau năm ngày là 16-2 âm lịch, thiên can, địa chi cũng lùi về sau năm ngày, tức là canh thân, tân dậu, nhâm tuất, quý hợi, giáp tý; 15-3 dương lịch sẽ là ngày giáp tý. Kết hợp lại thì ngày 10-3-1930 dương lịch là ngày kỷ mùi, tháng ất mão, năm canh ngọ. Ngày 15-2-1930 dương lịch là ngày giáp Tý, tháng ất mão, năm canh ngọ. Cách tính ngày là như vậy.

Giới thiệu cách tính giờ

Cách tính giờ và tính tháng cần có một đoạn vòng vèo. Chúng ta biết năm địa chi ở phía dưới thời trụ là địa chi truyền thống đã biết, tức là có thể lấy giờ hiện đại mà thêm chút ít để tính đối sáng, quen gọi là “Thời thần”. Nếu như đoán bát tự ngày sinh một người mà không biết rõ sinh vào giờ nào thì không có cách nào lập được bát tự. Nếu như phải lập “bát tự” khi chúng ta đoán quẻ (đây là một khâu rất quan trọng khi dự đoán), thiên can của thời gian có thể

tính toán nắm bắt được. Chúng ta chỉ cần biết can chi của ngày dự đoán hay ngày sinh (của người nào đó) là có thể dựa vào bài về tìm ra được.

Bài ca về như sau:

Giáp kỷ hoàn sinh giáp, ất canh bính tác sơ

Bính tân tòng mậu khởi, đinh nhâm canh tỵ cư

Mậu quý hà phương phát, nhâm tỵ nhị chân đồ

Điều đó có nghĩa là: thiên can là của người sinh vào ngày giáp kỷ, như thế can chi của thời gian sinh của người này là từ nửa đêm, 23h – 1h là giáp tỵ, bắt đầu tính cho đến hết “thời thần” đã dùng giờ hiện đại tính đổi ra được. Nếu là của người sinh vào ngày ất canh là thiên can, như thế can chi của thời gian sinh từ 23h đến 1h là bính tỵ bắt đầu tính cho đến hết “thời thần” đã dùng giờ hiện đại tính đổi ra được.

Ví dụ: người nào đó sinh vào giờ thìn, ngày đinh sửu, tháng quý mao, năm nhâm thân. Căn cứ vào câu về “Đinh nhâm canh tỵ cư”, cũng từ nửa đêm 23h – 1h là canh tỵ, thuận thứ tự mà tính ra canh tỵ, tân sửu, nhâm dần, quý mao, giáp thìn.

Không kể là đoán quẻ hay đoán bát tự giờ sinh của một người, sau khi tính xong sẽ là tám chữ này: nhâm thân, quý mao, đinh sửu, giáp thìn.

Để tiện cho việc dự đoán, nay dựa vào bài về tính giờ theo thiên can địa chi của ngày, sắp xếp thành bảng:

BẢNG TÍNH GIỜ THEO THIÊN CAN CỦA NGÀY

Giờ sinh Địa	Giờ Tý 23 24	Sửu 1 2	Dần 3 4	Mẹo 5 6	Thìn 7 8	Tị 9 10	Ngọ 11 12	Mùi 13 14	Thân 14 15	Dậu 15 16	Tuất 17 18	Hợi 19 20
Giờ chi sinh												
Can Chi												
Ngày sinh Thiên can												
Giáp kỷ	Giáp tý	Ất sửu	Bính dần	Đinh mão	Mậu thìn	Kỷ tị	Canh ngọ	Tân mùi	Nhâm thân	Quý dậu	Giáp tuất	Ất hợi
Ất canh	Bính tý	Đinh sửu	Mậu dần	Kỷ mão	Canh thìn	Tân tị	Nhâm ngọ	Quý mùi	Giáp thân	Ất dậu	Bính tuất	Đinh hợi
Bính tân	Mậu tý	Kỷ sửu	Canh dần	Tân mão	Nhâm thìn	Quý tị	Giáp ngọ	Ất mùi	Bính thân	Đinh dậu	Mậu tuất	Kỷ hợi
Đinh nhâm	Canh tý	Tân sửu	Nhâm dần	Quý mão	Giáp thìn	Ất tị	Bính ngọ	Đinh mùi	Mậu thân	Kỷ dậu	Canh tuất	Tân hợi
Mậu quý	Nhâm tý	Quý sửu	Giáp dần	Ất mão	Bính thìn	Đinh tị	Mậu ngọ	Kỷ mùi	Canh thân	Tân dậu	Nhâm tuất	Quý hợi

Trong bảng trên, các giờ hiện đại 24 – 2 – 4 – 6 – 8 – 10 – 12 – 14 – 16 – 18 – 20 – 22 ở vào giữa hai giờ, đều bao gồm ở trong mỗi giờ một tiếng đồng hồ trọn vẹn mãi đến 59 phút 59 giây trước khi mỗi giờ đồng hồ chấm dứt.

Bây giờ theo một số phương pháp và bảng kê đã giới thiệu để tính cụ thể bát tự niên mệnh và ngày sinh của người sinh lúc 23h10' ngày 2 tháng 5 năm 1986 dương lịch:

1. Tra “bảng nạp âm 60 hoa giáp tý (cải tiến)” thì được: niên mệnh “Giản hạ thủy mệnh”; thiên can, địa chi của năm sinh là năm bính tý.

2. Dem ngày, tháng đổi sang âm lịch. Tháng 5 năm này là tháng 3 nhuận âm lịch. Vì tiết “lập hạ” của tháng 4 âm lịch mãi 16 tháng 3 nhuận mới đến, còn ngày 2 tháng 5 dương lịch đổi sang âm lịch là 12 tháng 3 nhuận âm lịch. Thuận theo đó mà tính ra thiên can, địa chi của ngày 12 âm lịch: giáp thân.

3. Tính tháng

Tra “Bảng tính tháng theo thiên can của năm”, thấy năm Bính Tý tháng giêng là canh dần, tháng ba là nhâm thìn.

4. Tính giờ

Vì can chi của nhật trụ là “giáp thân”. Tra bảng tính giờ theo thiên can của ngày, thấy 23h10' là giờ tý, tra bảng được kết quả là “giáp tý”.

5. Chính lý và tổng hợp lại

Niên mệnh và bát tự ngày sinh của người sinh 23h10' ngày 22 tháng 5 năm 1936 dương lịch là:

Niên mệnh: “Giản hạ thủy mệnh” gọi tắt là thủy mệnh

Bát tự ngày sinh là:

Niên trụ – Nguyệt trụ – Nhật trụ – Thời trụ

Bính tý – Nhâm thìn – Giáp thân – Giáp tý

downloadsachmienphi.com
Chương 5

**TRƯỚC HẾT TẠM GÁC LẠI NHỮNG TÀI LIỆU
KHÔNG THƯỜNG DÙNG**

Sách vở liên quan đến dự đoán “Chu dịch” có rất nhiều. Tư liệu được giới thiệu từ khảo cổ, nguồn gốc, diễn biến phát triển, từ các nhà nghiên cứu “Chu dịch” nổi tiếng các thời, những nhà nghiên cứu dịch học, đến những bất đồng quan điểm, các tông phái học tập, đến phương pháp dự đoán, của quẻ mẫu cổ kim, có thể nói là muôn hình muôn vẻ, bao la vạn tượng. Do sức lực và tinh thần của một người là chỉ có hạn, tay ta lại sẵn có tài liệu, trong quá trình học tập, chúng ta buộc phải có sự lựa chọn, cân nhắc.

Chẳng hạn như, chỉ một cuốn “Kinh dịch nhập môn” do Nhà xuất bản văn hoá Nghệ thuật xuất bản, đã dài tới 40 vạn chữ, 597 trang. Chúng ta dùng thời gian rảnh rỗi để đọc qua, tạm gọi là có chăm chỉ một chút, sợ rằng mất tới hai tháng trời cũng chưa phải đã xong. Đọc các loại sách nghiên cứu “Chu dịch” không giống như xem tiểu thuyết. Đọc tiểu thuyết có những tình tiết hấp dẫn mạnh mẽ ở trong, khi đọc thấy tương đối thoải mái. Nghiên cứu học vấn là phải động não suy nghĩ, phải có nâng cao, phải có giải đáp. Do đó thời gian đọc sách mỗi lần không thể kéo dài quá lâu.

Như cuốn “Kinh dịch nhập môn” trong tay nên có một quyển, nhưng đọc qua một lần là được rồi. Đợi đến khi dự đoán, cần tham khảo sẽ mở ra mà tra cứu. Điều cần chỉ ra ở đây là phải chú trọng đến như người đang học tập, thực hành dự đoán “chu dịch”. Còn chú trọng đến những người nghiên cứu “Chu dịch” lại là vấn đề khác.

Thiệu Vĩ Hoa tuyển chọn và viết “Chu dịch và dự đoán học” gộp dịch lý và dự đoán vào một quyển, trước sau đã tham khảo 21 quyển sách “Chu dịch đại truyện toàn chú”, có thể thấy tư liệu thuộc thập là rất nhiều.

Khi tôi bắt tay vào viết cuốn sách này, vì cách nhìn nhận khác nhau mà tránh không bàn đến rất nhiều chương tiết trong đó, không phải là chương tiết nào đó trong “Chu dịch và dự đoán học” không quan trọng mà là tạm thời chưa sử dụng, dồn sức trước hết tìm hiểu những tri thức thường dùng tới trong dự đoán “Chu dịch”. Không sợ những tư liệu này rõ ràng có điều còn vụn vặt, người mới học tạm thời còn chưa rõ chúng có tác dụng gì. Xin đừng nóng vội, rất nhanh chóng khi chúng ta liên hệ với các thí dụ thực tế về sử dụng dự đoán, bạn sẽ thấy sáng to ngay, tự bạn cũng có thể vận dụng được một cách linh hoạt.

Trên đây, khi giới thiệu, chúng tôi đã tạm thời bỏ qua một số tư liệu, có những tư liệu, sẽ xen vào giảng giải khi phân tích các ví dụ thực tế về dự đoán. Liên hệ thực tế, vừa học vừa vận dụng điều thứ nhất là không cảm thấy khô khan, điều thứ hai là dễ dàng lý giải, điều thứ ba là có thể giúp chúng ta nhớ được kỹ hơn nữa.

Chương 6

CUỘC THỬ NGHIỆM DỮNG CẢM ĐI SÂU DẦN TỪNG BƯỚC

Học vấn bao giờ cũng phải là từ nông đến sâu, tuần tự tiệm tiến, dần từng bước đạt tới mức độ cao hơn.

Học tập dự đoán “Chu dịch” cũng là như vậy, chúng ta đã học được rất nhiều kiến thức cơ bản, rất có ích liên quan đến thực tiễn phải củng cố nó, tiêu hoá nó, thực sự lý giải nó, làm cho nó biến thành công cụ và vũ khí dự đoán “Chu dịch”, không qua thực tiễn phán đoán hàng loạt là rất khó làm được điều đó. Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu cuộc thử nghiệm đi sâu dần từng bước. Cho dù trước tiên chỉ là bước đầu, tầng thứ thấp, nhưng qua lĩnh hội được sự phân tích rất nhiều lần và xem hiểu, đoán đúng thì bản thân sẽ nắm được các điểm mấu chốt trong đó, sau đó lặp đi lặp lại việc vận dụng vào trong hoạt động dự đoán một cách sáng tạo. Tôi nghĩ trong tương lai không xa, trong số các bạn sẽ xuất hiện một loạt các vị cao thủ vận dụng tri thức Chu dịch, dự đoán nhân sự cát hung, làm điều phúc cho nhân loại.

Tiết 1. LẤY QUẢ HOÀN TOÀN KHÔNG KHÓ

Cách lấy quả rất nhiều, như lấy quả theo năm, tháng, ngày, giờ; lấy quả theo số âm thanh nghe được, lấy quả theo số chữ mắt nhìn thấy, lấy quả theo độ dài nhìn được; lấy quả theo cách dùng ba đồng tiền tung lên, lấy quả theo cách đi của người đến; lấy quả theo màu sắc nhìn thấy v.v...

Lấy quả lại có thể theo đối tượng phục vụ chia thành nhiều loại dự đoán cho chính mình, dự đoán cho người khác, dự đoán về các việc mà một quần thể quan tâm, dự đoán về trạng thái động, dự đoán sự vật tĩnh.

A. GIỚI THIỆU CÁCH LẤY QUẢ THEO NĂM, THÁNG, NGÀY, GIỜ

Lấy quả theo năm, tháng, ngày, giờ nguyên tắc chung là: lấy năm, tháng, ngày làm quả thượng; lấy năm, tháng, ngày thêm giờ làm quả hạ; lấy lại tổng số năm, tháng, ngày giờ để tìm ra hào động.

Đương nhiên, giới thiệu như vậy thì các bạn đọc bình thường không có cách nào xem hiểu được, đương nhiên cũng không có cách nào lý giải được, xin hãy để chúng tôi phân giải từng tiết để cho tất cả mọi bạn đọc đều có thể nắm vững một cách tốt nhất.

Trước hết, chúng ta cần nêu rõ các khái niệm về số có liên quan đến năm, tháng, ngày, giờ.

Xin các bạn hãy dùng đến kho tàng tri thức của chúng ta, liệt ra 12 địa chi. Đó là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Số của năm nằm trong đó, năm tỵ là số 1, năm sửu số 2, năm dần số 3, năm mao số 4, năm thìn số 5, năm tị số 6, năm ngọ số 7, năm mùi số 8, năm thân số 9, năm dậu số 10, năm tuất số 11, năm hợi số 12. chỉ cần chúng ta thuộc lòng 12 địa chi, tính số của năm là rất dễ dàng.

Xác định số của tháng lại càng dễ dàng hơn, tháng 1 âm lịch là số 1, tháng 2 âm lịch là số 2, tháng 3 âm lịch là số 3... cho đến tháng 12 âm lịch là số 12.

Số của ngày là hoàn toàn giống số của ngày âm lịch, ngày 1 là số 1, ngày 9 là số 9,... cho đến ngày 30 là số 30.

Thế là chúng ta đã biết nguyên tắc xếp số đối với năm, tháng, ngày; bây giờ, lấy năm dần, tháng 4, ngày 1 làm thí dụ để thử xếp thượng quẻ.

Năm dần là số 3, tháng 4 là số 4, ngày 7 là số 7, tổng số là $3 + 4 + 7 = 14$ Chúng ta lấy $14 : 8 = 1$, số dư là 6, 6 là thượng quẻ.

Chúng ta lại vận dụng kho tri thức dự đoán “Chu dịch” của mình: Càn 1, đoài 2, ly 3, chấn 4, tốn 5, khảm 6,坎 7, khôn 8.

Đối chiếu một chút thì 6 là khảm lục, như vậy quẻ đơn khảm là thượng quẻ của biệt quẻ, trước hết ghi lấy tượng của thượng quẻ “Khảm trung măn: là  quẻ khảm.

Hạ quẻ nảy sinh như thế nào?

Sau năm, tháng, ngày, chúng ta thử đưa một giờ “ngọ” chẳng hạn thêm vào. Lúc ấy, năm, tháng, ngày, giờ đã đủ: năm dần – tháng 4 – ngày 7 giờ ngọ.

Cách xác định số của giờ giống như cách xác định số của năm, cũng là giờ tỵ số 1, giờ sửu số 2... cho đến giờ hợi, số 12. Như vậy giờ ngọ là số 7.

Chúng ta cộng số của năm, tháng, ngày, giờ lại: $3 + 4 + 7 + 7 = 21$.

Chúng ta lấy $21 : 8 = 2$, số dư là 5. Số 5 là hạ quẻ.

Cũng như trước, đem số 5 đối chiếu với số của bát quái, quẻ tốn là 5, tượng quẻ là “Tốn hạ đoạn”, ký hiệu là .

Kết hợp thượng quẻ và hạ quẻ, được chủ quẻ , tra 64 quẻ, thì biết đây là quẻ thủy phong tinh trong bát quái – cung坎.

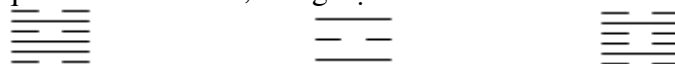
Sau khi đã có biệt quẻ, bước sau phải xác định là hào động. Hào động xác định như thế nào, cách tìm như sau:

Cách tính toán để tìm hạ quẻ không thay đổi, vẫn là

$$3 + 3 + 7 + 7 = 21$$

Lấy $21 : 6 = 3$... số dư là 3

Con số 3 này có ý nghĩa là hào thứ 3 trong sáu hào của quẻ thủy phong tinh. Lúc này, tượng hình của toàn quẻ đã hình thành, trong dự đoán sẽ viết thành:



Để cho các bạn có thể nhanh chóng nhìn ra và hiểu được tượng quẻ ở trên, cũng không ngại nhắc lại một chút về tượng bát quái càn ba liên – khôn sáu đoán – chấn cốc ngựa –坎 bát xuôi – ly giữa khuyết – khảm giữa đầy – đoài trên khuyết – tốn dưới rời.

Hình thứ 1 là quẻ chủ; thượng quẻ là khảm thủy, hạ quẻ là tốn phong, biệt quẻ là thủy phong tinh.

Hình thứ 2 là số của hào động; hào động là hào thứ 3, trong bát quái ly là 3, cho nên dùng quẻ ly chỉ số của hào động.

Hình thứ 3 là biến quẻ, sự khác nhau của nó với hình 1 chỉ là hào thứ 3 từ dương hào — biến thành âm hào —. Lúc này, tên quẻ cũng theo đó mà thay đổi. Thượng quẻ vẫn là khảm thủy, hạ quẻ sau khi biến cũng thành khảm thủy, toàn quẻ là: quẻ đầu của bát quái khảm thủy cung “khảm vi thủy”.

Tóm tắt những điểm quan trọng về lấy quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ:

1. Ba số năm, tháng, ngày, cộng lại cho 8, số dư là thượng quẻ. Dư là 1 cần, dư 2 là đoài, địa chi 3 là ly, dư 4 là chấn, dư 5 là tốn, dư 6 là khảm, dư 7 là cấn, không dư là khôn, tức là lấy số 8 để lập ra quẻ.

2. Bốn số năm, tháng, ngày, giờ cộng lại, chia cho 8, số dư là hạ quẻ. Thứ tự lập quẻ giống như trên.

3. Bốn số năm, tháng, ngày, giờ cộng lại, chia cho 6, số dư là hào động. Dùng đơn quẻ tương ứng trong bát quái làm ký hiệu để ghi.

4. Đưa diễn biến của hào động dương hào biến âm hào, âm hào biến dương hào, xếp thành quẻ biến.

5. Có người hỏi: lấy quẻ sao lại phải lấy 8 để chia cho 8, tìm hào động tại sao lấy 6 để chia? Đó là vì bát quái chiếm 8 phương cho nên phải lấy 8 để chia, mỗi quẻ do 6 hào hợp thành cho nên phải lấy 6 để chia.

6. Có người hỏi: khi tìm hào động, một số nào đó vừa vặn chia đúng cho 6 thì làm như thế nào? Trả lời: lấy hào sáu là hào động.

7. Có người hỏi: Nếu một số nào đó nhỏ hơn 8, nhỏ hơn 6, làm thế nào? Trả lời: lấy chính số đó mà lấy quẻ hoặc lấy hào động. Thí dụ: Năm tỵ, tháng tỵ, ngày 5, giờ mao, lấy quẻ như sau:

$1 + 1 + 5 + 7$, 7 nhỏ hơn 8

Số 7 là thượng quẻ, quẻ tượng ☶ quẻ cấn 7

Hạ quẻ là: $1 + 1 + 5 + 4 = 11$. 11 lớn hơn 8, chia được cho 8, 11 chia 8, số dư là 3.

Số 3 là hạ quẻ, quẻ tượng ☲ quẻ ly 3

Tìm động hào cũng như vậy.

Thí dụ: sinh năm tỵ, tháng tỵ, ngày 1, giờ tỵ.

Tổng số của quẻ đúng: $1 + 1 + 1 + 1 = 4$; như vậy chẳng khó khăn gì có thể nhận ra, thượng quẻ ấy là 3, hạ quẻ ấy là 4, động hào ấy cũng là hào động thứ 4. Tượng quẻ là:

Hoả
lôi
phệ
hạp



(1)



(2)



(3)

Sơn
lôi
di

Hình 1 là quẻ chủ, do hai đơn quẻ hợp thành, thượng quẻ là ly, giữa khuyết quẻ ly ☲, hạ quẻ là chấn, cốc ngửa, quẻ chấn ☳; quẻ chấn ☳ là 4, do đó cũng là ký hiệu ghi chép của động hào, như hình 2. Hình 3 là biến quẻ, sự khác biệt của nó với chủ quẻ hình 1 là ở hào thứ 4 của chủ quẻ, do dương hào — gốc biến thành âm hào —

Ở đây, còn cần giới thiệu với các bạn khái niệm của một “hỗ quẻ”.

1. Hỗ quẻ sinh ra như thế nào

Hỗ quẻ lấy chủ quẻ làm chuẩn cơ bản, vứt bỏ sơ hào và thượng hào, giữ lại 4 hào: nhị hào, tam hào, tứ hào, ngũ hào ở giữa, lại chia bốn hào này thành hai đơn quẻ là thượng quẻ và

hạ quẻ. Trong bốn hào giữ lại, thượng quẻ do tam hào, tứ hào, ngũ hào hợp thành hồ quẻ; hạ quẻ do nhị hào, tam hào, tứ hào hợp thành hồ quẻ.

2. Thí dụ về hồ quẻ

Chúng ta lấy chủ quẻ ở hình 1 trên đây “hoả lôi phệ hạp” làm thí dụ. Quẻ số 6 của bát quái cung tốn: “hoả lôi phệ hạp”

Lục hào	(thượng hào)	một ngang dài là dương
Ngũ hào		hai ngang ngắn là âm
Tứ hào		một ngang dài là dương
Tam hào		hai ngang ngắn là âm
Nhị hào		hai ngang ngắn là âm
Nhất hào		một ngang dài là dương

Bỏ sơ hào và thượng lục hào, sẽ là

Tam hào, tứ hào, ngũ hào hợp thành thượng hồ quẻ là quẻ

Nhị hào, tam hào, tứ hào hợp thành hạ hồ quẻ là quẻ

Thượng hồ quẻ là quẻ khảm

Hạ hồ quẻ là quẻ cấn

Hồ quẻ có thuộc tính ngũ hành riêng, trở thành một trong những căn cứ quan trọng trong dự đoán quẻ.

B. GIỚI THIỆU CÁCH LẤY QUẺ THEO TIẾNG ĐỘNG

Cách lấy quẻ theo tiếng động thường được gọi là “Văn thanh chiêm” hay “Thanh âm chiêm”. Bản thân tôi nhận thấy không phải chúng ta nghe thấy bất cứ âm thanh cũng tùy ý mà lấy quẻ được, phải là một loại âm thanh có đầy đủ tính đặc thù nhất định bắt buộc phải lấy quẻ, thì mới lấy quẻ được.

Ví như: đêm khuya nghe thấy có người gõ cửa, người gõ cửa đến để làm gì? Cần phải nhanh chóng lấy một quẻ; sau đó dựa vào tượng quẻ, tượng hào, nhanh chóng đưa ra sự phán đoán, có lẽ trong thời gian trở dậy ra mở cửa là có thể xong việc dự đoán và phán đoán.

Các bước của lấy quẻ là:

1. Nghe thấy tiếng đập cửa hay tiếng động vật kêu, tiếng đập nổ v.v... phải lấy số tiếng động mình nghe thấy sớm nhất làm chuẩn. Là số mấy thì lấy số ấy làm thượng quẻ. Ví dụ: trong đêm khuya mà có tiếng gõ cửa gấp, liền một lúc bảy lần thì lấy quẻ cấn số 7 làm thượng quẻ.

2. Số của thượng quẻ cộng thêm số của giờ thì là hạ quẻ. Nếu số ấy lại lớn hơn 8 thì đem chia cho 8, lấy số dư làm hạ quẻ.

3. Nếu tìm động hào thì lấy số của thượng quẻ cộng thêm số của giờ tức là tổng số của thành quẻ chia cho 6, số dư là động hào.

C. GIỚI THIỆU CÁCH LẤY QUẺ BẰNG SỐ CHỮ

Cách lấy quẻ bằng số chữ được sử dụng tương đối nhiều. Ví như nhận được một bức điện báo, nội dung chính của điện báo là “mẹ ốm nặng về ngay”. Người nhận điện do chưa hề có sự chuẩn bị về tượng tượng, trong lòng hết sức hoang mang. Mẹ ốm nặng, không biết là bệnh gì? Đó là một câu hỏi. Có thể qua khỏi được không? Đó là câu hỏi thứ hai. Có thể bỏ việc đang làm để về thăm không? Đó là câu hỏi thứ ba.

Hai câu hỏi đầu là muốn biết tình hình người mẹ và kết quả chữa chạy; câu hỏi sau là muốn dựa vào kết quả phán đoán mà quyết nên làm như thế nào.

Những câu hỏi trên đây là chủ yếu, đợi tâm trạng bình tĩnh lại, có thể còn đặt ra nhiều câu hỏi khác. Như: Mẹ đã nằm viện chưa? Nằm ở bệnh viện nào? Bệnh viện này có bác sĩ chuyên khoa giỏi điều trị được loại bệnh này của mẹ không? Thuốc men trong bệnh viện có đủ không? Anh ba, chị hai, em gái năm đã lên đường về nhà chưa v.v... cả một loạt câu hỏi được nêu ra.

Cần phải trực tiếp tìm hiểu các vấn đề này; người mẹ nếu ở thành phố lớn có phương tiện thông tin hiện đại, tất nhiên chỉ một cú điện thoại đường dài là có thể rõ được tình hình đại thể. Cho dù là như vậy đi nữa, cũng không có cách đoán ra kết quả sau khi điều trị. Nếu mẹ ở thị trấn nhỏ hẻo lánh, thậm chí ở nông thôn nữa, như vậy con đường dựa vào điện thoại đường dài để nắm tình hình là hoàn toàn bế tắc.

Lúc này, dự đoán đã trở thành lối thoát và giải pháp rất quan trọng. Nếu bạn là người cao tay về bát quái “Chu dịch”, giải quyết những điều nghi vấn này chẳng khó khăn gì.

Năm 1989, có người nhận được bức điện “Mẹ ốm nặng”, lúc ấy đã nhờ sự trợ giúp của một người cao tay về bát quái “Chu dịch” ở tỉnh Thiểm Tây là một đạo sĩ xuất gia, dự đoán hộ. Đạo sĩ đoán rằng “bệnh ở vùng bụng, thiếu thầy thuốc giỏi điều trị, trong ba ngày không về kịp, sợ rằng khó gặp được mẹ còn sống”. Kết quả dự đoán hoàn toàn là đúng.

Nhìn chữ số để lấy quẻ, nguyên tắc tổng quát là chia đều lấy một nửa là thượng quẻ, nửa còn lại là hạ quẻ. Nếu số chữ không bằng nhau thì phần thiếu chữ là thượng quẻ, bởi vì có nghĩa “Nhẹ và trong là trời”. Phần nhiều hơn một chữ là hạ quẻ, lấy từ nghĩa “địa mạng mà lại đục”. Lại lấy tổng số toàn quẻ chia cho 6, số dư là động hào.

• *Cách lấy quẻ một chữ:*

Một chữ được gọi là “Thái cực vị minh”. Nếu chữ viết thảo, không nhìn rõ nét chữ thì không thể dùng để lấy quẻ được. Nếu một chữ viết theo lối “khải thư”, nét chữ rõ ràng minh bạch thì có thể dùng số các nét để lấy quẻ.

Nguyên tắc là: các nét bên trái là dương, các nét bên phải là âm, các nét ở trên là dương, các nét ở dưới là âm. Số nét dương là thượng quẻ, số nét âm là hạ quẻ. Lại tổng số các nét của chữ này chia cho 6, số dư là hào động.

Ví dụ: có người viết chữ “tín” (信). Theo nguyên tắc nét chữ bên trái là dương, nét chữ bên phải là âm, lấy hai nét của “nhân” (人) trong đó thượng quẻ. Thượng quẻ là “đoài trên khuyết”, tượng quẻ là ☶ . Theo nguyên tắc phải là âm, là hạ quẻ, lấy “ngôn” trong đó làm hạ quẻ. Chữ “ngôn” (言) bảy nét, quẻ cần là 7, tượng quẻ là ☵ .

Tổng số nét của chữ “Tín” là 9, đem chia cho 6, dư 3, cho nên hào thứ 3 là động hào.

Quẻ này là quẻ “Trạch sơn hàm”: ☶ ☵

Thêm một ví dụ nữa:

Có người viết chữ “nam” (男). Theo nguyên tắc nét chữ ở trên là dương, là thượng quẻ, lấy chữ “điền” (田) năm nét làm thượng quẻ, tượng quẻ là “Tốn 5” tốn dưới rời ☲

Theo nguyên tắc nét chữ ở dưới là âm, là hạ quẻ, lấy chữ “lực” (力) 2 nét làm hạ quẻ, tượng quẻ là quẻ đoài.

Sau đó lấy tổng số nét là 7 chia cho 6, dư 1 là sơ hào là động hào. Toàn quẻ tượng là quẻ thứ bảy của bát quái cung坎 “phong trạch trung phu”.

Động hào  

Đến đây, các bạn chưa rõ là nếu người đến không viết chữ “nam” chỉ viết một chữ “điền” thì làm thế nào? Nét của chữ “điền” khó phân trái phải, cũng khó phân trên, dưới, phải lấy thượng quẻ và hạ quẻ như thế nào? Còn có nhiều thí dụ kiểu này như chữ “xa” (車), chữ “dụng” (用), chữ “thủy” (水), chữ “sơn” (山) v.v...

Cách giải quyết là lấy nét chữ làm tiêu chuẩn, như chữ “điền”, tất cả 5 nét, lấy 2 nét làm thượng quẻ, 3 nét làm hạ quẻ, tổng số nét 5 là động hào. Chữ “xa” là 7 nét, đưa 7 chia 2 được 3, dư 1. như vậy, số 3 là thượng quẻ, số 4 là hạ quẻ. Lại lấy 7 chia cho 6 dư 1, số 1 chỉ sơ động hào.

- *Cách lấy quẻ 2 chữ.*

Lấy quẻ hai chữ trong dự đoán “Chu dịch” gọi là “lưỡng nghi bình phân”. Đó là lấy tổng số nét của chữ trên chia cho 8, số dư là thượng quẻ; lấy tổng số nét chữ sau chia cho 8, số dư là hạ quẻ. Tổng số nét của hai chữ chia cho 6, số dư là động hào.

Ví dụ: Hai chữ “Tín nam” (信男). Chữ “Tín” 9 nét, đem chia cho 8, số dư là 1, thượng quẻ sẽ là quẻ can .

Chữ “nam” 7 nét, không phải đem chia cho 8. Cho nên hạ quẻ là quẻ cấn .

Tổng số nét của hai chữ “Tín nam” là 16, đem chia cho 6, dư 4, cho nên tứ hào là động hào.

Toàn quẻ tượng là   (thiên sơn độn) quẻ thứ ba của bát quái cung càn.

- *Cách lấy quẻ 3 chữ*

3 chữ là tam tài “Thiên – nhân – địa”. Chúng ta lấy số nét của chữ trước làm thượng hào, lấy số nét của chữ sau là hạ quẻ. Tổng số nét chữ của cả 3 chữ chia cho 6, số dư là động hào.

Nếu chúng ta lấy tên họ của người để lấy quẻ, thì nguyên tắc là lấy số nét chữ của họ làm thượng quẻ, lấy số nét của tên là hạ quẻ. Tổng số nét của cả 3 chữ chia cho 6, số dư lấy làm động hào.

Một số bạn đọc khi xem đến đây, có thể cảm thấy đã nắm được cách lấy quẻ theo số chữ. Kỳ thực trong dự đoán còn rất nhiều điều cần nghiên cứu kỹ lưỡng. Ở đây xin tiếp tục giới thiệu thêm.

- *Cách lấy quẻ 4 chữ.*

Bốn chữ là tứ tượng. Bốn chữ chia đều là thượng, hạ quẻ. Nhưng lại không nhất thiết phải đếm số nét chữ. Lấy quẻ từ 4 chữ trở lên thì lấy thanh điệu bằng trắc của mỗi chữ làm số để lấy quẻ.

Nguyên tắc là bình thanh là số 1, thượng thanh là số 2, khứ thanh là số 3, nhập thanh là số 4.

Tra từ điển hiện đại, vần bằng trắc chỉ chia làm 4 loại âm bình, dương bình, thượng thanh, khứ thanh. Thanh điệu của ngữ âm Bắc kinh: âm bình cao và bằng, dương bình từ thấp lên cao, thượng thanh trước xuống sau lên thành vòng cung, khứ thanh đi từ cao xuống thấp.

Âm bình, dương bình hợp lại gọi là thanh bằng; thượng thanh, khứ thanh hợp lại gọi là thanh trắc. Trong thanh trắc cổ đại có nhập thanh là một loại thanh điệu ngắn. Trong tiếng Bắc Kinh và phương bắc hiện phần lớn không còn nhập thanh nhưng trong một số ngôn ngữ địa phương thì vẫn còn có. Trong tiếng phổ thông hiện đại còn có thanh nhẹ, không kể âm của một chữ đọc nhẹ và ngắn, nghe không rõ được thanh điệu gốc của nó đều là thanh nhẹ. Cách

lấy quẻ 4 chữ do người cổ xưa nghĩ ra và duy trì cho đến ngày nay. Chúng ta học tập theo cái cũ, qua thực tiễn dự đoán của mình, tiếp tục nghiên cứu thì có thể sẽ đạt tới những cải tiến thích đáng hay không. Để giúp bạn đọc nắm chắc hơn, tác giả đã đọc và tra cứu cuốn “Gieo vần như thế nào” và “Từ điển Tân Hoa” và đưa ra sự giải thích như trên.

- *Cách lấy quẻ 5 chữ*

5 chữ là ngũ hành, lấy 2 chữ trên làm thượng quẻ, 3 chữ dưới làm hạ quẻ. Cách tính toán cũng không khác gì cách lấy quẻ 4 chữ.

- *Cách lấy quẻ 6 chữ*

6 chữ là tượng của 6 hào. Phần chia đều trên, dưới là quẻ, cách tính toán cũng như trên.

- *Cách lấy quẻ 7 chữ*

7 chữ là “số tề thất chính”. Lấy 3 chữ trên là thượng quẻ, 4 chữ dưới làm hạ quẻ.

- *Cách lấy quẻ 8 chữ*

8 chữ là “bát quái định vị”. Lấy 4 chữ trên làm thượng quẻ, 4 chữ khác làm hạ quẻ.

- *Cách lấy quẻ 9 chữ*

9 chữ là “cửu trù chi nghĩa”. Lấy 4 chữ làm thượng quẻ, 5 chữ làm hạ quẻ.

- *Cách lấy quẻ 10 chữ*

10 chữ là “Thành số”; lấy số 5 thượng quẻ, số 5 làm hạ quẻ.

- *Cách lấy quẻ 11 chữ*

11 chữ trở lên cho đến 100 chữ trở lên đều có thể dùng để lấy quẻ. Nhưng lấy quẻ 11 chữ trở lên thì không lấy âm bằng trắc làm chuẩn để lấy quẻ nữa.

Cách làm là chỉ dùng số chữ để lấy quẻ.

Ví dụ: 151 chữ thì số 75 là thượng quẻ, lấy số 75 chia cho 8 thì được thượng quẻ, lấy số 76 chia cho 8 thì được hạ quẻ. Lấy tổng số thành 151 chia cho 6, số dư là động hào.

Lấy quẻ theo xem chữ, nhất là lấy quẻ theo số nét của chữ, yêu cầu chữ phải ngay ngắn, nét chữ phải đúng quy cách, nếu không thì không thể dùng để lấy quẻ. Lấy quẻ theo nét chữ phải lấy nét chữ của chữ đủ nét làm chuẩn.

4. Giới thiệu cách lập quẻ theo độ dài của vật thể

Ngày xưa, cách đo độ dài của vật thể thường là: phân, thốn (tấc), xích (thước), trượng (mười thước), lý (dặm). Khi dự đoán, lấy trượng và xích làm một bậc, lấy xích và thốn làm một bậc. Loại trên gọi là “Trượng xích chiêm”, loại sau gọi là “Xích thốn chiêm”.

“Trượng xích chiêm” lấy số trượng làm thượng quẻ, lấy số xích làm hạ quẻ. Tổng số trượng và xích chia cho 6, số dư là động hào.

5. Giới thiệu một số cách lấy quẻ khác.

Ngoài các cách lấy quẻ giới thiệu ở trên, còn có một số cách lấy quẻ có thể vận dụng được. Ví như “Cách lấy quẻ theo bản thân mình”. Cách lấy quẻ như sau: đầu động là càn, bụng thất lại là khôn, chân động đây là chấn, hông động đây là tốn, tai động đây là khảm, mắt nháy là ly, tay động đây là cấn, miệng động đây là đoài. Vật tượng ở trên có thể làm thượng quẻ, lấy phương vị đối mặt với người đến là hạ quẻ, mặt quay hướng nam hạ quẻ là ly, mặt quay hướng bắc hạ quẻ là khảm, mặt quay tây bắc là càn, mặt quay đông nam, hạ quẻ là tốn v.v... Tiếp sau đó, tổng số của thượng hạ quẻ, thêm số của thời thần, chia cho 6, lấy số dư làm động hào.

Khi chúng ta vận dụng cách “lấy quẻ theo bản thân mình” thì tất phải là động tác ở bộ phận nào đó của người đến phải hết sức thuộc hút được sự chú ý của người khác, thậm chí có thể làm cho người ta kinh ngạc. Như thế mới là có sự cần thiết lấy quẻ. Nếu không thì đầu, tay, chân, miệng, mắt... của người đó có bao giờ lại không động đây, cuối cùng thì lấy cái gì

làm chuẩn được ? Quẻ tượng mà lấy miễn cưỡng như vậy, rất khó đoán định đặc tính và kết quả của sự vật.

Ngoài ra, còn có cách “lấy quẻ bằng cách xem nhân phẩm của người đến”.

Ví dụ: gặp một người, nhìn tướng mạo bề ngoài và khí sắc của anh ta, hoặc là tính cách rất kỳ lạ, hoặc là trong trò chuyện lại biểu lộ tâm tình nào đó quan tâm đến anh ta thì lúc đó muốn dự đoán cho anh ta thì có thể vận dụng cách lấy quẻ này.

Cách làm như sau: Thượng quẻ: ông già là quẻ càn, bà già là quẻ khôn, thiếu nữ quẻ đoài, thiếu nam quẻ cấn, trung nam là quẻ chấn hoặc quẻ khảm; trung nữ là quẻ ly hoặc quẻ tốn, rồi theo kinh nghiệm và thực tế mà đoán định.

Hạ quẻ: lấy phương vị bát quái của hướng đi hoặc là chỗ đứng, chỗ ngồi của người đến mà định động hào. Lấy tổng số hai quẻ thêm số thời thần, chia cho 6, lấy số dư làm động hào.

Ví dụ: có một cụ già (nam) đi về hướng đông nam, mặt buồn rười rượi; vì hiếu kỳ và đồng cảm, có một người xem bói hỏi ông ta: “ông có việc gì buồn nhiều vậy?”, cụ đáp: “Không có”. Đó là điều rất kỳ lạ, người xem bói lấy ngay một quẻ.

Ông già là càn, là thượng quẻ, ông đi về hướng đông nam là quẻ tốn, là hạ quẻ, được quẻ tượng quẻ “Thiên phong cấu”.

Lại lấy càn là 1, tốn là 5, hai số cộng lại thêm thời gian lấy quẻ hôm đó là giờ mao là số 4, tất cả là số 10, chia cho 6, số dư là 4, tức là hào thứ tư là hào động.

Quẻ tượng “Thiên phong cấu” là 

Còn một cách lấy quẻ thường dùng khác: lấy quẻ bằng gieo tiền, đợi khi có chương tiết liên quan sẽ luận bàn đi sâu.

Tiết 2. CĂN CỨ ĐOÁN QUẺ CỦA NGƯỜI DỰ ĐOÁN

1. Tri thức về hào động.

Cách lấy quẻ mà chúng tôi giới thiệu ở trên, sau khi đã lập được chủ quẻ, đều phải tìm được “hào động”, mà chỉ có một hào động, ý nghĩa và tác dụng của hào động này như thế nào?

Trước hết, hào động là dấu hiệu chủ yếu phân biệt hoặc xác định quẻ thể, quẻ dụng.

Mỗi biệt quẻ đều có thượng quẻ và hạ quẻ do hai đơn quẻ tạo thành. Hai đơn quẻ tác dụng với nhau như thế nào? Bước đầu tiên chúng ta phải làm rõ cái chủ và cái thứ của hai đơn quẻ, trong dự đoán, quen gọi là “thể” và “dụng” để phân biệt.

Hào động nằm trong thượng quẻ thì thượng quẻ là quẻ dụng; hào động nằm trong hạ quẻ thì hạ quẻ sẽ là quẻ dụng.

Trong biệt quẻ, đơn quẻ nào không có hào động là “quẻ thể”, có nghĩa là trong biệt quẻ, hào động ở thượng quẻ, như vậy hạ quẻ là “thể”, thượng quẻ là “dụng”; trong biệt quẻ, hào động ở hạ quẻ, như vậy thượng quẻ là “thể”, hạ quẻ là “dụng”.

Quẻ thể là chủ, là bản thân mình; quẻ dụng là người khác, là sự vật. Quẻ thể là tĩnh, quẻ dụng là động. Quẻ thể là chủ, quẻ dụng là khách.

Thứ hai, hào động là dấu hiệu chủ yếu của “quẻ biến”.

Nguyên tắc là: có động thì có biến, quẻ chủ là hào dương, hễ động thì biến thành hào âm; quẻ chủ là hào âm, hễ động thì biến thành hào dương. Do sự biến hoá này của hào, đã dẫn đến sự biến hoá rất lớn về tượng quẻ của quẻ chủ. Ví dụ: động hào sơ cửu của quẻ “càn”

, hào sơ cửu từ hào dương biến thành hào âm; lúc này quẻ “càn” biến thành quẻ “Thiên phong cấu” 

Thứ ba, hào động là dấu hiệu biểu hiện sự vật và dự đoán cát hung. Sau khi lập quẻ, chúng ta thường vận dụng âm dương ngũ hành sinh khắc và sự sinh khắc để hoà lẫn nhau của quẻ thể và quẻ dụng để đoán nhân sự cát hung và những sự việc có thể xảy ra theo tình huống của quẻ.

Có rất nhiều quẻ, chúng ta còn phải dựa vào hào từ trong “Chu dịch” để làm ra sự phán đoán chính xác. Như: sơ hào của quẻ chủ động, chúng ta xem hào từ trong sơ hào; hào năm động thì chúng ta tham khảo hào từ của hào năm; nếu hào sáu động thì chúng ta tham khảo hào từ của hào sáu.

Xin nêu ví dụ: sau khi lập quẻ, quẻ chủ là quẻ càn, hào đầu là hào động. Hào sơ cửu động thì chúng ta tra xem hào từ của hào sơ cửu; hào từ nói: “rồng ẩn, chớ dùng” (Tiềm long, vật dụng).

Chúng ta kết hợp quẻ tượng chủ thể của quẻ càn, phân tích ý nghĩa tượng trưng của “Rồng ẩn, chớ dùng”.

“Sơ” là bắt đầu từ phần cuối cùng, là hào thứ nhất của quẻ càn.

“Cửu” là biểu thị hào dương.

Khi chúng ta dự đoán được quẻ “càn”, hào thứ nhất của quẻ càn xuất hiện “lão dương” tức là hào động. Do vậy “sơ cửu” tuy là hào dương nhưng nó có khả năng biến thành hào âm.

Ở thời Chu công, chỗ này có lời đoán như sau:

“Long (rồng) là động vật thần bí được tôn sùng nhất trong cổ đại Trung Quốc, có thể ở ba nơi khác nhau: lặn dưới nước sâu, đi trên mặt đất, bay trên không trung, có thể biến hoá vô lường, lúc ẩn lúc hiện, cho nên dùng để tượng trưng cho sự biến hoá của thiên đạo, sự tiêu trưởng của âm dương và cả sự biến hoá vô thường về tiến lui nhân sự; đồng thời cũng tượng trưng cho tiềm năng vô cùng tận của trời, cho các nhân vật vĩ đại hiện tài. “Tiềm” có nghĩa là tiềm tàng, ẩn náu. Hoạt động của rồng thuộc về dương tính. Hào này tuy là hào dương nhưng vị trí lại ở nơi thấp nhất, cũng có nghĩa là khí dương vừa nảy sinh ra ở dưới đất, còn chưa có thể là lúc hoạt động ra ngoài được, cho nên dùng “Tiềm long” để tượng trưng.

Vận dụng hào này để phán đoán sự vật cát hung, Chu công nói “Vật dụng” (chớ dùng). “Dụng” chỉ công dụng, hành động. “Vật dụng” chỉ chưa có thể phát sinh công dụng hay chưa có thể sử dụng để hành động. Nhưng cũng còn có nghĩa là sức mạnh tiềm ẩn, không thể dự đoán, không thể thăm dò. Khi quẻ “càn” ở trạng thái hào động, thì nên như con rồng ẩn, không thể vùng vẫy để đời thời cơ.

Đương nhiên, ở đây chỉ là nêu ví dụ. Trong dự đoán cụ thể, khi phán đoán phải căn cứ vào sự vật cần dự đoán, có một số điều chỉnh đúng định hướng nếu không sẽ mắc sai lầm râu ông nọ cắm cằm bà kia, làm cho người khác hiểu lầm.

“Quẻ càn” nếu là hào hai động thì tình hình hoàn toàn khác hẳn. Hào từ của nó là “Kiến long tại điền, lợi kiến đại nhân” (nhìn thấy rồng ở ruộng, có lợi khi gặp đại nhân).

Hào thứ hai của quẻ càn ở vị trí trung tâm của hạ quẻ, do đó mà “đắc trung”. “Đắc trung” là một vị trí hết sức có lợi, chiếm giữ ưu thế nhất định.

“Nhị” là số chẵn, thuộc âm. Trên vị trí âm, xuất hiện hào dương thông thường cho là “bất chính”. Nhưng trong hai quẻ: quẻ càn và quẻ khôn, hoàn toàn không có vấn đề chính và bất chính.

Ngoài ra, “ngôi thứ hai” tương ứng với hào dương “ngôi thứ năm” phải là hào âm mới có thể “tương ứng”. Nhưng đặc thù của quẻ “càn” tuy là hào dương “cửu nhị”, vẫn có thể tương ứng với hào âm ngôi thứ năm.

“Kiến long tại điền, lợi kiến đại nhân”. “Kiến” có nghĩa là “hiện”. Rồng ẩn tàng ở ngôi “sơ cửu”, đã bay lên ở ngôi cửu nhị và xuất hiện trên đồng ruộng. Do hào dương là khoẻ mạnh, hơn nữa lại ở vị trí đắc trung “ngôi thứ hai” của hạ quẻ, có đầy đủ tượng tượng và hành vi đúng đắn.

“Đại nhân” chỉ bậc thánh minh, nhân vật có vị trí và đức hạnh song toàn. Giống như những nhân vật phi thường cứng rắn mà có đầy đủ đức hạnh tốt đẹp, đã xuất hiện từ trong tiềm ẩn, tất sẽ có khả năng hành động. Đức hạnh của họ tất sẽ ban ơn cho mọi người, đem lại cho họ sức sống và hy vọng. Người dân thường có thể gặp được những nhân vật như thế này, đương nhiên đối với bản thân là có lợi, không có hại.

Do vậy, hào hai của quẻ cần động, bởi vì “kiến long tại điền”, đối với bản thân có sự phù trợ, cho nên việc bản thân muốn làm sẽ tương đối dễ thành công.

Thứ tư, hào động là dấu hiệu chủ yếu của sự việc biến thành tốt, biến thành xấu, biến thành sinh, biến thành khắc, biến thành tử hoà, biến thành tiết khí.

Ví dụ: vẫn lấy quẻ “cần”, hào động cửu nhị là đối tượng chúng ta phân tích. Toàn bộ quẻ tượng là:

Chủ	Cần		hào		Biến	Thiên
quẻ	vi		động		quẻ	hoả
	thiên					đồng
						nhân

Trên đây đã trình bày này, hào hai của quẻ cần động, bởi vì “kiến long tại điền” có sự trợ giúp đối với bản thân mình, cho nên việc bản thân muốn làm thì tương đối dễ dàng thành công.

Bây giờ chúng ta hãy quan sát kỹ lại một lần nữa toàn bộ quẻ tượng. Chủ quẻ cần, ngũ hành thuộc kim. Hào cửu nhị động, thượng quẻ cần kim là thể, hạ quẻ cần kim là dụng; thuộc tính ngũ hành toàn quẻ của “thể” và “dụng” là “tử hoà”; giữa chúng không có tình huống sinh khắc xung phạm.

Hào hai hễ động thì biến quẻ “Thiên hoả đồng nhân”, thượng quẻ là cần, ngũ hành thuộc kim; hạ quẻ là ly, ngũ hành thuộc hoả. Thượng quẻ là thể, hạ quẻ là dụng do đó đã biến thành “hoả khắc kim” “dụng khắc thể”.

Lời đoán của “dụng khắc thể” là: “dụng khắc thể, vạn sự hung”. Bạn đọc có thể chưa thấy rõ ràng; chúng tôi vừa phân tích, hào “cửu nhị” động, hào từ nói: “Kiến long tại điền, lợi kiến đại nhân”, thì đoán là có lợi hoặc là “cát”, bây giờ như thế nào lại nói hào cửu “nhị động”, quẻ biến là “thiên hoả đồng nhân”, trở thành “dụng khắc thể, vạn sự hung”?

Thì ra sự phát triển biến hoá của sự vật là hết sức phức tạp, chúng ta dự đoán cát, hung của sự vật không phải chỉ tìm ra một kết luận “cát” hay “hung”, còn phải đề ra được phương sách “đã cát càng thêm cát, hung phải biến thành cát”.

Chúng ta tiếp tục phân tích.

Quan điểm trình bày trên đây tổng hợp lại là: Trước cát sau hung.

Nhưng cái “hung” này không phải là cái “hung chết chóc” tuyệt vọng, cũng không phải là cái “hung thất bại” không có tiền đồ mà là cái “hung” có hy vọng, có tiền đồ, có biện pháp khắc chế. Theo cách nói ngày nay, chữ “hung” này chẳng qua chỉ là khó khăn tạm thời trên bước đường đi lên, hay là phiền phức, trở ngại trong sự phát triển. Phiền phức thì có thể quét sạch; trở ngại thì có thể vượt phá. Vấn đề là ở sự nỗ lực chủ quan của con người và phương hướng nỗ lực có đúng không.

Nói như vậy là căn cứ vào đâu?

Về quẻ “Thiên hoả đồng nhân”, quẻ từ nói: “Đồng nhân va da, hành; lợi thiệp đại xuyên, lợi quân tử trinh”.

“Đồng” có nghĩa là cùng giống, giống như muốn đột phá cái giới bị che lấp bởi cái nhìn nông cạn của mình, cần phải có sự hoà hợp và đoàn kết giữa người với người.

Ly trong “Đồng nhân” là hoả, “càn” là kim, hoả khắc kim, ngũ hành tuy bất hoà, nhưng hoả là ánh sáng, là hướng đi lên, có thể ngang bằng với trời, cho nên hình tượng “Thiên hoả đồng nhân”.

Quẻ “đồng nhân” lục nhị là âm, ngôi thuộc chính giữa và tương ứng với dương hào “cửu ngũ”, lại là một hình tượng của “đồng nhân”. Nhìn từ góc độ khác, quẻ này chỉ có hào âm, năm hào dương khác kết hợp với nó, cũng có hàm nghĩa “đồng nhân”. Trong “lễ ký” có nói: “Thế giới đại đồng của chung thiên hạ chính là giới hạn lý tưởng của quẻ này”.

Hào từ nói, quần chúng tập hợp ngoài đồng ruộng tượng trưng trong khoảng trời đất mệnh mông, trong xã hội đông đúc, trong sự đồng hành theo một sự nghiệp, trong cái vòng xoay giữa con người, trong sự quây quần với bạn bè, cần phải có sự hoà đồng, hợp tác cộng sự công bằng vô tư giữa con người với con người.

Một hào âm đại biểu cho mình, như vậy phải hoà đồng với toàn bộ mà năm hào dương đại diện, trong đó bao gồm cả sự tương ứng với năm hào dương. Xử thế bằng đức hạnh chính trực vô tư, trong sạch như vậy, trong lòng như ánh lửa nhu hoà, bên ngoài có tính cách kiên cường, chỉ cần không ngừng vươn lên, đương nhiên sẽ có kết quả cuối cùng là “cát”.

Vì thế, lời đoán quẻ này trong dự đoán của chúng ta là: trước cát sau hung. Nhưng chỉ cần có thể làm nên sự điều hoà với người, đoàn kết cộng sự, đối xử khiêm nhường, tư tưởng thoải mái, cho dù tạm thời có gặp khó khăn nguy hiểm, cũng có thể vượt qua khó khăn, giành được thông đồng bên giọt.

Thứ năm, hào động là dấu hiệu chủ yếu của hướng đi và thay đổi phương hướng của người đi

Ví dụ: Chúng ta lấy được quẻ “Thiên phong cấu” , hào cửu tam động. Toàn thể quẻ tượng là:

Chủ	Thiên		hào		Biến	Thiên
						
Quẻ	phong		động		quẻ	thủy
	Cấu					tụng

Hạ quẻ của chủ quẻ là “quẻ tốn”, là “quẻ dụng”, coi đó là người cần tìm phương mà quẻ tốn chiếm giữ là phương đông nam, là người cần tìm, phương đi trước.

Hào cửu tam động, biến quẻ là quẻ “Thiên thủy tụng”, hạ quẻ là quẻ dụng, coi đó là người cần tìm. Hạ quẻ bây giờ biến thành quẻ khảm. Phương vị mà quẻ khảm chiếm giữ là phương bắc, là hướng đi sau này của người cần tìm này.

Nhìn nhận toàn quẻ, qua quan trắc Chu dịch, người cần tìm này khi bắt đầu rời chỗ ở, đi ra ngoài, trước tiên đi về hướng đông nam, nếu sớm đi tìm anh nọ, phải đi về hướng đông nam mà tìm. Còn bây giờ, người ra đi này đã đi về hướng bắc, muốn tìm thấy anh ta, trước hết phải phân tích một chút, ở phương bắc liệu anh ta có chỗ dừng chân đáng tin cậy hay không. Nếu như có nơi đáng tin cậy, như nhờ vả người nhà, thăm bạn bè chẳng hạn, thì chúng ta không ngại đánh điện báo đi hỏi trước, để nắm tình hình. Nếu không có chỗ dừng chân đáng tin thì người ra đi này có thể đã ra đi lang thang, không mục đích theo phương hướng này. Chúng ta

muốn đi tìm anh ta, cũng là đi tìm không có mục đích, thà rằng không tìm nữa, hay bản thân không đi tìm mà nhờ người khác đi tìm hộ.

Về kiến thức có liên quan đến hào biến hay hào động, trong những chương tiết có liên quan sau này, chúng ta sẽ còn đề cập đến.

2. Quẻ thể, quẻ dụng, quẻ hổ, quẻ biến

Sự sản sinh ra quẻ thể, quẻ dụng, quẻ hổ, quẻ biến, mọi người đã nắm được rồi. Bây giờ điều phải cùng mọi người tiến thêm một bước nghiên cứu sâu hơn là: vai trò, quan hệ nặng nhẹ của chúng trong dự đoán cũng như nguyên tắc xử lý giữa chúng với nhau như thế nào.

Sau khi chúng ta lấy quẻ dự đoán, chủ quẻ là tình trạng ban đầu của sự vật, xem xét “thể” và “dụng” cũng như vị trí của sáu hào của toàn quẻ, chúng ta đã có sự phán đoán bước đầu.

Bước phán đoán thứ hai là phải xem sự phối hợp giữa quẻ hổ. Quẻ hổ là đưa quẻ chủ bỏ đi sơ hào, hào sáu, còn lại bốn hào ở giữa, ba hào phía trên là quẻ hổ của quẻ thể; ba hào phía dưới là quẻ hổ của quẻ dụng. Khi bốn hào này ghép thành quẻ hổ, hai hào ở giữa là các hào mà hai quẻ hổ thượng, hạ dùng chung. Tiền đề của cách nói như thế này là hào động ở trong thượng quẻ thì bốn hào còn lại, ba hào ở trên ghép thành quẻ hổ của dụng, ba hào ở dưới ghép thành quẻ của thể. Hổ trợ cho quẻ thể là cần thiết nhất, hổ trợ cho quẻ hổ đứng hàng sau.

Quẻ biến là bước phán đoán thứ ba cũng là kết quả cuối cùng của chúng ta dự đoán về nhân sự cát hung.

Gợi thiệu đại cương về thể, dụng của “Mai hoa dịch số”.

“Quẻ thể” và “quẻ dụng” nắm vững được là mấu chốt của dự đoán. “Thể” và “dụng” mà chúng ta thường nói là mượn ở hai chữ “thể dụng”, so sánh động và tĩnh của sự vật để phân rõ hai quẻ thượng và hạ, ai là chủ, ai là khách?

Nguyên tắc chung xử lý “thể” và “dụng” là quẻ thể là chủ, quẻ dụng là sự vật. Quẻ hổ là tình huống bên trong của sự phát triển của sự vật; quẻ biến là kết quả cuối cùng của sự việc.

“Quẻ thể” thì quẻ khí phải thịnh, không thể suy.

Thế nào gọi là quẻ khí của quẻ thể thịnh? Quẻ chấn, quẻ tốn thuộc mộc, dự đoán vào mùa xuân, gặp mộc vượng, quẻ khí sẽ vượng. Quẻ cần, quẻ đoài, ngũ hành thuộc kim, dự đoán vào mùa thu, gặp kim vượng, quẻ thể tất nhiên là vượng.

Quẻ ly ngũ hành thuộc hỏa, dự đoán vào mùa hạ gặp hỏa vượng, quẻ ly là thể, quẻ khí là vượng. Quẻ khôn, quẻ cấn thuộc thổ, dự đoán vào tháng cuối cùng của bốn mùa, tức là tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12 lúc gặp thổ vượng, quẻ khôn, quẻ cấn là thể, quẻ khí sẽ thịnh.

Mùa xuân mộc vượng. Quẻ khôn, quẻ cấn, quẻ khí suy; mùa thu kim vượng. Quẻ chấn và quẻ tốn khí suy; mùa hạ hỏa vượng. Quẻ cần, quẻ đoài khí suy; mùa đông thủy vượng, quẻ ly khí suy. Tháng cuối của bốn mùa, thổ vượng. Quẻ khảm khí suy.

Quẻ thể thích nghi được với ngũ hành tương sinh tương trợ của quẻ dụng, quẻ hổ, quẻ biến.

Quẻ thể không thích nghi được ngũ hành tương khắc tương hại của quẻ dụng, quẻ hổ, quẻ biến.

Tương sinh: cần, đoài thể kim, thích gặp khôn, cấn tương sinh; khôn, cấn thể thổ, thích gặp ly hỏa tương sinh; ly là thể hỏa, thích gặp chấn mộc, tốn mộc tương sinh; chấn, tốn thể mộc, thích gặp khảm thủy tương sinh, khảm là thể thủy, thích gặp cần, đoài tương sinh.

Tương khắc: như càn, đoài thể kim, không thích gặp ly hoả tương khắc, không liệt ke ra nữa.

Về quan hệ giữa thể dụng, phải quan sát động và tĩnh, chủ và khách của nó, tương sinh tương khắc của ngũ hành.

Quẻ thể thì tốt nhất là được quẻ dụng tương sinh; quẻ dụng thì tốt nhất là gặp quẻ thể tương khắc.

Thể thịnh thì tương đối cát lợi, thể suy thì tương đối hung hiểm.

Dụng khắc thể là điều chúng ta kiêng kỵ. Thể sinh dụng cũng không phải là điều chúng ta mong muốn.

Nếu như thể bè đẳng nhiều thì thể là thịnh. Ý của “thể bè đẳng” là: ví như quẻ càn là kim, là quẻ thể, trong quẻ hồ và quẻ biến đều là càn kim và đoài kim, như vậy thì ngũ hành cũng loại nhiều, gọi là “thể đẳng” nhiều:

Nếu như quẻ dụng khắc quẻ thể, mà “dụng bè đẳng” nhiều, thì quẻ thể là đáng thương, thể của thể tất phải suy. Vì vậy, trong dự đoán, bè đẳng của thể cần phải nhiều, bè đẳng của dụng cần phải ít.

Thể sinh dụng cũng không phải là điều chúng ta mong muốn, vì thể sinh dụng sẽ tiêu hao năng lượng của bản thân, làm suy yếu thể lực của bản thân. Ví như tổn mộc, chấn mộc là thể, ly hoả là dụng. Thể sinh dụng sẽ là mộc sinh hoả, sinh hoả tất nhiên tiêu hao mộc, như thế chẳng phải tiết khí ra là gì, làm tổn hại đến nguyên khí của bản thân.

Giữa thể và dụng, nếu như tỷ hoà, cũng tức là ngũ hành tương đồng, như vậy chính là biểu hiện của may mắn (cát tường).

Trong dự đoán, nếu như thể dụng của chủ quẻ là may mắn, quẻ hồ cũng không có vấn đề gì, quẻ biến thì lại xuất hiện những điểm “hung”, như vậy nhìn chung là trước cát sau hung. đương nhiên còn phải phân tích cụ thể chủng loại của các điểm hung và các biện pháp khắc chế, chuyển hung thành cát.

Trong dự đoán, nếu trong chủ thể, thể dụng bất hoà, quẻ dụng có biểu hiện khắc thể, thì trong sự phát triển biến hoá sau này, sẽ xuất hiện những điểm “cát”. Đó chính là trước hung mà sau cát. Trước hung mà sau cát, sự việc đều là có hy vọng, do vậy đó là hiện tượng tốt lành.

Tiểu kết đoạn này:

Thể khắc dụng, mọi sự cát; dụng khắc thể, mọi sự hung. Thể sinh dụng thì có điều lo lắng về hao tổn mất mát; dụng sinh thể thì có niềm vui trong tiến triển. Thể dụng tỷ hoà thì trăm sự thuận theo ý muốn.

3. Phân biệt thực chất của quẻ tương sinh thể

“Dụng sinh thể”, mọi sự đều may mắn, có niềm vui trong tiến triển, như vậy là việc tốt thuộc về mặt nào?

Quẻ *càn* sinh thể:

Chủ nhân ở cửa công có niềm vui về tiến đạt, theo cách nói bây giờ là trong sự nghiệp có phát đạt, hoặc là mở rộng sản xuất, hoặc là nắm được kỹ thuật mới, hoặc là được lên chức, hoặc là tăng lương, thêm thu nhập, hoặc là thắng lý trong kiện tụng ở toà án, hoặc là được chỗ dựa của bậc trên, hoặc là được lãnh đạo đề bạt, hoặc là trong công tác phụ trách được sự phù trợ đắc lực v. v...

Quẻ *khôn* sinh thể:

Chủ nhân có niềm vui tăng tiến về ruộng vườn. Có thể chủ có lợi về phân chia ruộng vườn, có lãi về chuyển bán ruộng vườn, hoặc là được sự giúp đỡ của người cùng làng, cùng

xóm, người cùng làm ăn, công tác, làm cho mình được lợi; cũng có thể là được di sản hay trả ơn của người chết đi, người đã quá cố; cũng có thể là được thu hoạch bí, rau, bông (vải) v.v... mà giàu có lên.

Quẻ chấn sinh thể:

Chủ nhân có cái vui ở chốn sơn lâm: hoặc là thu được tiền tài, lợi ích ở nơi rừng núi; hoặc thu lợi vì sử dụng hợp lý gỗ, lâm sản; hoặc là thu được tài sản từ phía đông; hoặc được tiền bạc trong việc lưu động công tác; hoặc là nhận được điều kiện thuận lợi ở người có mang tên họ và tên thảo mộc; hoặc là thu lợi vì học tập tri thức về rừng núi v.v...

Quẻ tốn sinh thể:

Chủ có niềm vui ở sơn lâm: hoặc là được vui mừng vì cây trà, hoặc thu lợi về rau cỏ; hoặc là được lợi ở phía đông nam; hoặc là được sự giúp đỡ của người mang họ là tên thảo mộc.

Quẻ khảm sinh thể:

Được lợi về những việc có liên quan ở phương bắc; hoặc là được người phương bắc giúp đỡ, làm cho bản thân thoát khỏi cảnh khốn; hoặc là thu được lợi ở ven sông nước; hoặc là được điều tốt lành của người mang tên họ có bộ chấn thủy; hoặc là phát đạt lên bởi có liên quan đến các loại cá, muối, rượu; hoặc là phát đạt lên bởi giấy tờ có liên quan đến ven sông nước; hoặc là được khoản đãi các món có thủy sản, rượu cá v.v...

Quẻ ly sinh thể:

Chủ có tài lộc ở phương nam, hoặc là có điều kiện thuận lợi; hoặc là vui về sách vở giấy tờ, hoặc là có điều kiện tốt có liên quan đến lò nung, lửa, nung luyện; hoặc là được sự giúp đỡ của người mệnh hỏa, họ có chữ hỏa mà làm cho mình thu được lợi. Nếu như phải suy ngẫm về ngũ hành vượng suy theo mùa tiết, thì mùa hạ có thể thu được lời v.v...

Quẻ cấn sinh thể:

Có tài lộc hoặc điều tốt ở phía đông bắc; hoặc là có tin vui về ruộng nương, đồi núi; hoặc là được tiền của do ruộng đất vùng cao nguyên; hoặc là phát tài do được sự giúp đỡ của người mệnh thổ; hoặc là được điều tốt từ nơi mai táng một người đã mất; hoặc là tài vật được yên ổn, hoặc vì một việc vốn làm cho tâm thần bất định bây giờ bắt đầu ổn định lại, vì cấn là dừng lại, là biểu hiện ổn định, đình chỉ.

Quẻ đoài sinh thể:

Có tài lộc hoặc thu lời ở phương tây.

Có thể có sự vui mừng, có thể có nguồn hàng về thực phẩm, vàng ngọc, từ đó mà thu được lời; có thể có sự giúp đỡ của người có thanh thương trong ngũ âm mà được lợi ích; có thể do ngẫu nhiên gặp một người trong chợ mà thu được thông tin do đó mà được điều tốt; còn có thể được niềm vui tương tự giữa chủ và khách, hoặc là sự gặp gỡ bạn bè, trong trò chuyện mà được lợi ích v.v...

Sự phân biệt thực chất của quẻ tượng sinh thể, trong đó những điều cần học hỏi còn rất nhiều, không có thể đem kể ra hết được. Nguyên tắc phải theo là xuất phát từ tượng quẻ, quẻ thể được quẻ dụng sinh, như vậy, các loại quẻ tượng của quẻ dụng đều có thể là đối tượng thu được lợi ích của quẻ thể. Ngoài ra, trong tượng quẻ còn một số hạng mục là những thứ mà cổ nhân hay dùng, mà thời đại hiện nay thì đã biến hoá đi rồi, do đó quẻ tượng cũng nên có ít nhiều thay đổi thì mới đúng được. Bản thân tôi cho rằng phải sử dụng một cách linh hoạt, cơ động những quẻ tượng này, hơn nữa phải chú ý tổng kết kinh nghiệm trong thực tiễn dự đoán không thể cứng nhắc, giáo điều.

4. Phân biệt thực chất của tượng quẻ khắc thể

“Dụng khắc thể”, mọi việc đều hung. “Hung” lại có thể là sự việc ở mặt nào?

Quẻ *cần* khắc thể:

1. Chủ có nỗi lo buồn trong công việc công; có thể là trong công việc gặp khó khăn, không thể tìm ra ngay đầu mối, nghĩ không ra đối sách, làm cho bản thân rơi vào luẩn quẩn, lúng túng.
2. Chủ có lo buồn về việc nhà cửa. Vì cần thuộc kim, “kim” không nhất định phải là kim của “kim ngân” mà là hàm ý kim trong ngũ kim. Do đó kim khắc mộc, về sự an toàn của nhà cửa phải quan tâm. Lưu ý đến cửa đã kiếm được có thể bị mất mát.
3. Chú ý kiểm tra, an toàn các đồ vật kim loại, các loại đồ dùng trong nhà bằng điện, kim khí.
4. Có thể là mắc lỗi với cấp trên, nhất là cấp trên cao nhất, dẫn đến hoang mang hoặc bất an cho mình, vì cấp trên cao nhất có thể ảnh hưởng đến bước đường đi lên của mình; mà cấp cao thường coi là người thuộc trong quan trường, vì vậy thuộc về quẻ tượng của quẻ cần.
5. Còn có thể là tai hoạ đi đến từ hướng tây bắc, bao gồm tin tức không lợi, không lợi cho nhân sự bản thân, và bản thân đi về hướng tây bắc thì làm việc không thuận lợi v.v...

Quẻ *khôn* khắc thể:

1. Chủ có nỗi lo lắng về ruộng đất, do đó phải chú ý các vấn đề từ ruộng đất, để tránh sơ suất, khỏi bị tổn thất không cần có và bất ngờ.
2. Chủ có nỗi lo lắng bởi kẻ tiểu nhân. Phải chú ý đến những tính toán nhỏ nhặt của những kẻ tâm thuật bất chính. Bạn ở nơi sáng, quẻ thể đã sáng, tiểu nhân ở vị trí khắc thể thường ở nơi tối tăm không công khai lộ rõ, do đó, phòng bị tương đối khó khăn, gọi là “tri âm tri diện bất tri tâm”, do đó phải đặc biệt chú ý quan sát.
3. Chủ có sự xâm phạm của âm nhân, có nghĩa là có thể có người đã quá cố, là vì lúc sống có việc chưa giải quyết xong nên ảnh hưởng đến bản thân. Ví như món nợ chưa trả xong ảnh hưởng đến người thừa kế, đến sự phát triển của sự nghiệp. Còn nữa là vì sự ràng buộc do di chúc dẫn tới và cả một số sự việc khác có thể xảy ra.
4. Chủ mất mát của cải, mất vải vóc. Người buôn vải vóc, lựa là... phải hết sức chú ý. Sản xuất ra vải vóc hay dùng vải vóc làm nguyên liệu cũng phải đặc biệt chú ý. Chẳng hạn kẻ “mặc phải hàng giả” cũng thuộc loại này.
5. Việc an táng thì sẽ có thể sẽ xảy ra rắc rối do an táng dẫn tới.
6. Ngoài ra còn có thể có một số việc làm tổn hại đến bản thân.

Quẻ *chấn* khắc thể:

1. Chấn là sam, là động, chủ về sự việc sợ hãi.
2. Có khả năng nảy sinh một số hiện tượng làm cho tâm thần của mình không yên.
3. Nhà cửa không yên.
4. Người có người mang tên thảo, mộc ảnh hưởng đến sự nghiệp của mình, thậm chí cả đến sự an toàn.
5. Có khả năng sự việc có liên quan đến sơn lâm, tiến triển không thuận lợi, làm cho bản thân bị tổn hại.
6. Ngoài ra còn về các mặt khác nữa.

Quẻ *tốn* khắc thể:

1. Cũng có sự cản trở do người có họ thảo mộc, phương hại đến sự nghiệp bình thường và sinh hoạt bình thường của mình.
2. Bởi sự việc có liên quan đến sơn lâm nên phát triển không thuận lợi, làm nảy sinh tâm tư lo ngại.

3. Đề phòng người ở hướng đông nam, bất ngờ ảnh hưởng đến mình. Hoặc là bản thân mưu sự ở hướng đông nam, gặp phải khó khăn không lường được.

4. Có khả năng nảy sinh sự việc nữ nhân ảnh hưởng đến sự nghiệp và tiền đồ của bản thân.

5. Ngoài ra còn có các mặt khác nữa.

Quẻ *khảm* khắc thể:

Chủ có những việc về âm hãm

1. Bị người khác châm chọc, làm cho mình rơi vào cảnh khó khăn nào đó mà tạm thời không có thể tìm ra nguyên nhân. Là vì tiểu nhân hoàn toàn không phải là quân tử, thường thường “chơi trò bắn lên”. Do đó quẻ *khảm* khắc thể; khi mưu một việc, phải đặc biệt lưu tâm, đề phòng sự hãm hại mà mình không biết được.

2. Có khả năng nảy sinh lo lắng về trộm cắp, một mặt có thể là tài sản thuộc về mình, một mặt có thể lại là kế hoạch có liên quan đến sự nghiệp và hành động của mình.

3. Có khả năng gây ra mất lòng với người ở ven sông nước, hoặc là gặp sự quấy nhiễu ở ven bờ sông nước.

4. Bị hại do người mang họ có bộ thủy.

5. *Khảm* là phương bắc, có khả năng bản thân gặp khó khăn khi làm một công việc gì đó ở phương bắc. Cũng có khả năng tin tức từ phương bắc đưa lại làm cho bản thân gặp khó khăn, không hiểu rõ đầu đuôi. Cũng có khả năng là người ở phương bắc đến, đưa lại buồn phiền cho bản thân.

Quẻ *ly* khắc thể:

1. Chủ có nỗi lo về văn thư.

2. Có kinh sợ về hỏa hoạn.

3. Chủ có sự lo lắng ở phía nam; hoặc vì người từ phương nam tới làm ảnh hưởng, hoặc vì bản thân đi về phương nam gặp tình hình không lợi.

4. Hoặc là bị ảnh hưởng, bị phương hại từ người mệnh hỏa.

5. Hoặc là bị thương vì binh đao v.v...

Quẻ *đoài* khắc thể:

1. Chủ bất lợi ở phương tây. Tiếp xúc với người hay việc có liên quan ở phía tây, cần đặc biệt chú ý.

2. Chủ việc cãi cọ. Có khả năng vì một việc nào đó mà nảy sinh tranh chấp với người khác, làm cho lòng không vui, trong nhà không yên, thậm chí phải đi đến toà án phân trần phải trái. Còn có thể vì một chút việc nhỏ mà tranh cãi thêm quyết liệt, gây nên trắc trở và tổn thất không ngờ được.

3. Chủ bị người có họ mang bộ khẩu làm hại.

4. Chủ có nỗi lo về sự đổ vỡ, dập gãy.

5. Hoặc là vì ăn uống quá độ mà dẫn đến lo lắng về sức khỏe và các mặt khác.

Những quẻ khắc thể, nội dung tượng quẻ cũng rất nhiều, không thể nêu thí dụ đầy đủ được. Trong dự đoán “Chu dịch”, chúng ta đã sử dụng nhiều, cũng sẽ lý giải sâu hơn, vận dụng linh hoạt hơn. Tóm lại, vẫn phải nhắc lại câu nói thường ngày: Từ thực tiễn rút ra chân lý.

Tiết 3. PHÂN LOẠI CÁC CHUẨN MỤC CỦA DỰ ĐOÁN

1. Dự đoán thiên thời

Khi chúng ta dự đoán thời tiết, cả quẻ không phân biệt thể dụng. Phải chú trọng quan sát quẻ tượng của các quẻ, phân rõ sinh khắc của ngũ hành. Trong tượng quẻ, ly nhiều chủ về tạnh ráo; khảm chủ về mưa ướt; càn biểu thị trời trong sáng, khảm biểu thị trời âm u; chấn

nhiều ở xuân hạ biểu thị có sấm chớp; tổn phần nhiều ở cả bốn mùa là có gió; cần nhiều thì mưa nhiều tất tạnh ráo; đoài nhiều thì không mưa mà sẽ âm u. Dự đoán về mùa hạ, ly nhiều mà không có khảm thì có thể khô can, viêm nhiệt. Dự đoán mùa đông, khảm nhiều mà không có ly, thì mưa tuyết liên miên.

Chú trọng quan sát quẻ tượng của các quẻ tức là chỉ quẻ chủ, quẻ hỗ và quẻ biến.

Suy xét kỹ ngũ hành thì phải biết ly thuộc hoả, chủ về tạnh ráo; khảm là thủy, chủ về mưa; khôn là khí đất, chủ về râm mát; càn là dương, càn là trời, chủ về tạnh ráo; chấn là sấm sét, tổn là gió, vào mùa thu, nếu chấn quá nhiều, lại thiếu khắc chế thì mùa thu sẽ có tiếng sấm không bình thường; nếu gặp tổn gió lại nổi thì là triệu chứng của gió mạnh là chấn động.

Chấn là khí của mây núi, nếu mưa được hoả, được quẻ cần thì có sấm, mưa tạnh. Quẻ cần có ý ngừng lại, cũng hàm nghĩa thổ khắc thủy ở trong.

Đoài là hồ đầm, cho nên không mưa, tượng của nó là trời râm. Nếu cả hai quẻ càn, không cùng xuất hiện có khả năng là lúc thì tạnh, lúc thì mưa, thay đổi không dứt khoát.

Nếu quẻ khôn và quẻ cần đồng thời xuất hiện, có khả năng trời u ám bất thường. Số quẻ có âm mà cũng có dương, chủ dương tạnh âm mưa.

Lúc khôn là lão dương, nếu đạt tới cực đỉnh rồi thì tạnh lâu tất sẽ mưa. Nếu gặp trùng khảm, trùng ly, trong cùng một ngày cũng có thể lúc tạnh, lúc mưa.

Càn, đoài thuộc kim, về mùa thu có thể là ngày tạnh trong sáng; về mùa đông, kim sinh thủy, cũng có thể hoa tuyết đầy trời.

Thổ của khôn, cần, trong mưa cuộn liên miên có thể thành thủy trạch, gặp hoả của ngày hạ lại là biểu hiện của nồng nực viêm nhiệt.

Trong “Chu dịch” có nói: vân tòng long, phong trọng hổ (mây theo rồng, gió trọng hổ). Cần là mây, tổn là gió. Vì vậy, nếu hai quẻ cần, tổn trùng phùng thì là phong vân gặp hội, có khả năng là cát bay đá cuốn, che mờ trời, che mờ núi. Một năm bốn mùa, lúc nào cũng có thể có tình hình như thế này.

Quẻ khảm nếu ở trên quẻ cần, có thể là trời đầy mây mù; nếu ở trên quẻ đoài, lại có thể là sương ngưng sấm động.

Càn, đoài, lại là sương tuyết, mưa đá; quẻ ly lại là mặt trời, là chớp mống cụt. Ly là chớp, chấn là sấm, hai quẻ gặp nhau thì có thể sấm chớp đều nổi lên.

Khảm là mưa, tổn là gió, hai quẻ trùng phùng, có thể là mưa to gió lớn; nếu lại gặp thêm quẻ chấn, rất có thể tiếng sét sẽ kinh động trăm dặm, vang động đến làm cho con người khiếp sợ.

Hai quẻ thiên địa thái và thủy thiên nhu là tượng của mù mịt mung lung, hai quẻ thiên địa bĩ, thủy địa tỷ là hình của u ám.

Quẻ ly trong quẻ bát độn về mùa hè ở mùa đông sẽ tạo thành hạn hán, còn ở cả bốn mùa tất nhiên chủ về ngày nắng ráo. Quẻ khảm trong bát độn về mùa đông tất nhiên tạo thành giá buốt; trong bốn mùa lại chủ về nhiều mưa, thường là mưa không tạnh, nếu cũng gặp quẻ cần thì mưa lâu tất sẽ tạnh.

Hai quẻ thủy hoả ký tế và thủy hoả vị tế, cả bốn mùa không đoán được mây gió.

Hai quẻ phong trạch trung phu và trạch phong đại quá, ba tháng mùa đông tất nhiên có mưa tuyết.

Hai quẻ thủy sơn khiên và sơn thủy môn, sương mù che phủ nên cách một trăm bước cũng không nhìn rõ.

Hai quẻ địa phong thăng và phong địa quán, bốn mùa đều có thể ảnh hưởng đi lại của tàu thuyền.

Quẻ ly ở trên quẻ cấn, rất có khả năng chiều mưa, sáng tạnh.

Quẻ ly hồ cấn, có khả năng xuất hiện tình hình chiều tạnh, tối tạnh sớm mưa. Tốn khảm hồ ly, có thể nhìn thấy cầu vồng; tốn ly hồ khảm cũng có tác dụng tương tự.

Tóm lại, khi chúng ta nghiên cứu chuyên đề dự báo thời tiết, không thể tin vào những lý lẽ cứng nhắc, các đồng chí có hứng thú có thể qua thực tiễn từng bước tổng kết kinh nghiệm. Những gì nói ra trên đây hoàn toàn chỉ để tham khảo.

2. Dự đoán nhân sự

Trong dự đoán nhân sự, điều quan trọng là phải phân tích “quẻ thể” và “quẻ dụng”, phân rõ động và tĩnh, chủ và khách. Dụng khắc thể thì không hay; thể khắc dụng thì tốt. Dụng sinh thể thì có điều mừng về tiến tới; thể sinh dụng là có điều lo về hao tổn. Thể dụng ty hoà là việc có cát, có lợi.

Phải chú ý phân tích sự biến hoá ngũ hành của quẻ hồ và quẻ biến từ chú ý quan sát thịnh suy của quẻ khí rồi sau đó mới đoán cát hung. Còn phải chú ý các vấn đề “phân biệt thực chất của tượng quẻ sinh thể” và “Phân biệt thực chất của tượng quẻ khắc thể” đã được giới thiệu ở phần trên.

3. Dự đoán gia trạch

Dự đoán gia trạch lấy thể làm chủ, lấy dụng làm nhà cửa. Nếu thể khắc dụng thì bản thân mình hay nơi cư trú của mình tương đối yên ổn, nam mẫn. Dụng khắc thể thì hung. Có khả năng sau này tất có những sự việc không ngờ được sẽ nảy sinh. Dụng lại có thể chủ về vật chất, tài sản, thiết bị, nhân khẩu v.v... Nếu tượng quẻ là dụng sinh thể thì sau này cửa nhà sẽ hưng vượng; nếu thể sinh dụng, chắc là có sự tiêu hao, mà hàm nghĩa của tiêu hao bao gồm nhiều mặt.

4. Dự đoán hôn nhân

Dự đoán hôn nhân lấy thể làm chủ, lấy dụng là hôn nhân. Tượng quẻ nếu là dụng sinh thể thì hôn nhân tương đối dễ thành. Hàm ý khắc của “dụng sinh thể” có khả năng vì sự thành công của hôn nhân mà dẫn đến mình hoặc gia đình được một số lợi ích cần có. Thể sinh dụng thì khả năng thành của hôn nhân là không lớn.

“Thể khắc dụng”, hôn nhân có thể thành nhưng cuộc hôn nhân có khả năng phải chậm lại một chút. Bởi “khắc dụng” là một quá trình, ở khoảng giữa có một ít phiền phức nhỏ cần phải tốn một ít thì giờ suy ngẫm mà giải quyết từng phần một. Nó không như “dụng sinh thể” mà có hàm một nghĩa ở phía khác về cuộc hôn nhân, chủ động tích cực hàm nghĩa thực tâm thành ý kết duyên với “mình”. Thể “khắc dụng” phải có một quá trình, có khả năng là ý nguyện của bản thân đối phương hơn nữa trong cha mẹ, người thân thích hay đồng nghiệp cũng có cách nhìn khác nhau; hoặc là người nhà của đối phương đặt ra một số đòi hỏi làm cho mình ngay lúc đó phải khó chịu v.v... “Dụng khắc thể”, hôn nhân không dễ thành được. Tượng khắc thể nội dung bao gồm rất nhiều.

Một là không có cách thỏa mãn điều kiện lựa chọn hôn nhân mà phía chủ yêu cầu.

Hai là từ mọi góc độ nảy sinh ra nhiều tình tiết làm cho mình cuối cùng không thể vứt bỏ.

Ba là điều kiện của đối phương tương đối thấp, bản thân mình không muốn, người thân của hai bên lại ra sức thúc đẩy, nhưng cuối cùng bản thân lại không muốn.

Bốn thì cho là hôn nhân thành thì sau khi lấy nhau sẽ đưa lại cho mình những nhân tố bất lợi về nhiều mặt, có khả năng không gỡ ra được, cuối cùng thì mỗi người một nẻo.

Năm là sau khi cưới, sẽ xảy ra những việc không lường trước được, sự nghiệp và thân thể bị tổn hại. Còn có khả năng dẫn tới những sự việc khác nữa.

“Thế dụng tử hoà”, hôn nhân có thể thành, hơn nữa còn đĩ coi là khá cát lợi, an tường.

Dự đoán hôn nhân, “thế” là cái nhà được yêu cầu dự đoán. “Dụng” là nhà của đối tượng.

Quẻ thế vượng chỉ cái nhà này khá hưng vượng; quẻ dụng vượng là nhà cửa đối phương có điều kiện khá tốt, có khả năng gia sản tương đối dồi dào; cũng có khả năng mặt nhân phẩm, nhân duyên tương đối tốt v.v...

Dụng sinh thế, có thể hôn nhân vừa ý hoặc đắc tài, rất có khả năng tâm đầu ý hợp, ân ái tốt đẹp không bì.

Thế sinh dụng, nói chung là không có lẽ vật hồi môn hoặc là đòi bản thân phải đi cầu hôn.

Thế dụng tử hoà là hai bên đều vừa ý, tình đẹp duyên ưa.

Giới thiệu những quẻ tượng thuộc bát cung trong dự đoán cổ đại, cung cấp để tham khảo trong thực tiễn.

Càn: đoan chính mà thon dài.

Khảm: đa tình, da đen, đố kỵ, xa xỉ.

Cấn: sắc vàng, nhiều xảo nghệ.

Chấn: mặt đẹp, khó gần.

Tốn: tóc ít, thừa, lòng tham.

Ly: lùn, sắc đỏ, tính không bình thường.

Khôn: không đẹp, bụng to, da vàng.

Đoài: cao thon, nói năng hoạt bát vui vẻ, da trắng.

5. Đoán sinh đẻ

Dự đoán sinh đẻ, quẻ thế là mẹ, quẻ dụng là sinh nở.

Hai quẻ “thế” và “dụng” đều ở vào thế vượng, là tốt nhất; nghi thừa vượng, không nghi thừa suy.

“Quẻ thế” và “quẻ dụng” không được tương khắc. Thế khắc dụng không lợi cho sự ra đời của đứa trẻ; dụng khắc thế không lợi cho sinh dưỡng của người mẹ.

Thế khắc dụng mà quẻ dụng lại ở vào thế suy, đứa trẻ ra đời tương đối không lợi; dụng khắc thế mà quẻ thế lại ở vào thế suy như vậy tương đối không lợi đối với sự sinh nở của người mẹ.

Dụng khắc thế, tương đối có lợi cho người mẹ; thế sinh dụng tương đối có lợi cho sự ra đời của đứa trẻ. Thế dụng tử hoà, thì cả hai quá trình sinh nở thuận lợi, nhanh chóng mà bình yên.

Muốn đoán trai gái trước khi sinh, khi dự đoán sinh nở, phải xét kỹ quẻ; quẻ dương và hào dương nhiều thì sinh trai; quẻ âm và hào âm nhiều thì sinh gái. Quẻ và hào âm dương chênh nhau không nhiều thì có thể tham khảo số người đứng bên cạnh lúc đoán quẻ, số lẻ là dương, số chẵn là âm.

Nếu muốn dự đoán ngày sinh thì khảo sát thứ tự thời bát quái của quẻ dụng. Muốn đoán giờ sinh thì lấy số của quẻ dụng mà tham khảo và quyết định. Ứng dụng cụ thể như thế nào, phần sau chúng tôi sẽ còn giới thiệu các thí dụ thực tế.

6. Dự đoán cầu mưu

Dự đoán cầu mưu thành bại của một sự việc, lấy thế làm chủ, lấy dụng làm việc cầu mưu.

Thế khắc dụng, việc mình cầu mưu có thể thành nhưng phải khắc phục một số khó khăn, hao tổn một đoạn suy nghĩ, do đó có thể về thời gian phải chậm lại một chút.

Dụng khắc thể, việc mình cầu mưu do các loại nguyên nhân khác nhau mà hy vọng thành công không lớn; hoặc tuy là thành nhưng không thể có thu hoạch gì lớn, thậm chí lại nảy ra tình trạng bất lợi cho mình.

Dụng sinh thể, cầu nư hết sức thuận lợi, có khả năng được sự giúp đỡ của mọi người bên cạnh, dễ dàng thành công.

Thể sinh dụng, cầu mưu không thuận lợi lắm, tuy con đường dẫn tới sự việc cầu mưu rộng thênh thang, kế hoạch cũng tương đối chu đáo, nhưng trải qua vấp vấp, va chạm rồi vẫn là khó được như ý.

Thể dụng tử hòa, mưu cầu không những có hy vọng mà còn được toại nguyện như ý.

7. Dự đoán cầu danh

Dự đoán cầu danh, lấy thể làm chủ, lấy dụng là công danh.

Thể khắc dụng, công danh có thể thực hiện nhưng danh lợi đến muộn một chút. Dụng khắc thể, công danh rất khó thực hiện.

Thể sinh dụng, công danh rất khó thực hiện, cố gắng bản thân bỏ ra cũng dễ tiêu tan. Cũng có thể tuy có thành danh nhưng liền sau đó lại nảy sinh hàng loạt vấn đề, cuối cùng thì làm cho đầu óc căng thẳng, nảy sinh ra tư tưởng thà không có công danh còn hơn.

Dụng sinh thể, công danh dễ đến tay, còn có thể nhờ có công danh mà bản thân thu được nhiều lợi lộc khác.

Thể dụng tử hoà, công danh có thể đến tay hơn nữa rất có thể toại ý đẹp lòng.

Khi nào thì công danh đến? Phải xem xét kỹ lưỡng quẻ khí của sinh thể. Muốn biết đến nơi nào nhậm chức, phải xem phương vị của biến quẻ mà đoán định. Nếu không có quẻ khắc thể, cần xem thứ tự thời của quẻ, là có thể đoán định được thời gian.

Nếu bạn đã tại chức rồi, thì đáng ngại nhất quẻ tượng khắc thể. Phải cẩn thận về việc gì đó không lợi cho bản thân nảy sinh; phải tính toán trước để phòng bị trước lúc xảy ra.

8. Dự đoán cầu tài

Dự đoán cầu tài, lấy thể làm chủ, lấy dụng làm tài.

Thể khắc dụng, có tài vật tăng tiến. Dụng khắc thể, không lợi cho thu nhập tài vật.

Thể sinh động, có nỗi lo về tổn hao tài vật, có khả năng là vì muốn cầu tài mà lại mất đi, kết quả ngược lại là mất không một số tài sản mà cầu tài lại không được như mong muốn.

Thể dụng tử hoà, việc cầu tài có thể làm cho bạn vừa lòng, mãn ý, vui mừng khi đi, phấn khởi khi về.

Dụng sinh thể, việc cầu tài có thuận lợi, có thể có niềm vui về tăng tiến. Dự đoán thời gian được tiền tài, phải tham khảo kỹ lưỡng quẻ khí sinh, thể, số của quẻ dụng mà đoán định.

Dự đoán thời gian mất mát tiền tài cũng như vậy, phải tham khảo kỹ quẻ khí khắc thể, số của quẻ dụng mà đoán định.

9. Dự đoán xuất hành

Lấy “quẻ thể” là chủ, “quẻ dụng” là sự việc đi du hành ở ngoài của bản thân.

“Thể khắc dụng” có thể xuất ngoại, nơi mà mình định đến làm mình vừa ý, hơn nữa trên đường đi, các mặt đi máy bay, tàu thuyền, nghỉ trọ, ăn uống v.v... đều có thể làm cho mình cảm thấy tương đối mãn ý.

“Dụng khắc thể”, không nên xuất ngoại du hành, miễn cưỡng mà đi thì trên đường đi hay sau khi đến nơi, sẽ nảy sinh mất vui vì thời gian sai lệch, nơi đến bố trí không chu đáo, người muốn gặp thì không đến; sức khoẻ vốn vẫn tốt bỗng thấy mệt mỏi vì không quen với việc đi đường; đáng sợ nhất là tai nạn xe cộ xảy ra bất ngờ, thậm chí nguy hại cả đến tính

mạng. “Thể sinh dụng”, xuất hành có sự tổn thất hao hại, không phải việc đặc biệt quan trọng hay việc đặc biệt khẩn cấp, cũng phải tạm thời xếp lại không nên đi.

“Dụng sinh thể”, có thể xuất hành, hơn nữa trong khi đi có thể được sự giúp đỡ của người khác mà mình không ngờ tới được, hoặc là được sự thuận lợi cũng không ngờ tới được; tóm lại là xuất hành có thể giúp cho mình có sự tiến tới cho bản thân.

Thể dụng tử hoà, có thể xuất hành tương đối thuận lợi, ít nhất, không xảy ra điều gì.

Khi xuất hành, quẻ thể cần ở thể vượng thì tương đối tốt, có thể hy vọng các quẻ có thể gây nên tác dụng tương sinh, tương phù.

Quẻ chấn chủ về động, có thể hành động. Quẻ cấn là dừng lại, không nên xuất ngoại. Quẻ tổn hợp với đi tàu thuyền. Quẻ ly hợp với đi lại trên bộ.

Nếu gặp quẻ khảm, khảm là hãm, không phòng bị trong thời gian đi, do các nguyên nhân khác nhau, làm cho mình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, cũng có thể gây nên tranh chấp v.v...

10. Dự đoán hiệu quả của thăm viếng

Dự đoán thăm viếng, lấy thể là chủ, lấy dụng là người mình muốn đến thăm.

“Thể khắc thể”, có thể đi thăm.

“Dụng khắc thể”, không nên đi thăm. Nếu đã đi cũng sẽ không có kết quả gì. Một là có thể người ấy không ở nhà; hai là người ấy không muốn gặp bạn vào lúc này, ba là việc bạn muốn làm, điều kiện còn chưa chín mùi; bốn là trên đường đi thăm, có thể có trở ngại không lường được v.v...

“Thể sinh dụng” là có lo lắng về hao thất, bởi vì đối với bản thân, cũng sẽ có hao thất, cho nên gọi là “muốn gặp, gặp lại khó”.

“Dụng sinh thể”, có thể đi thăm, chọn lúc như thế này đi, chủ nhân vui, bản thân cũng phấn khởi, tại sao lại không đi? Huống hồ đi rồi, đối với mình; rất có thể thu được niềm vui và sự tiến tới không thể ngờ tới được.

11. Dự đoán mất của

Dự đoán kết quả mất của cải, thường là gặp một số việc cần dự đoán.

Lúc dự đoán, lấy thể là chủ, lấy vật chất là dụng quẻ.

“Thể khắc dụng” thì vật mất có thể tìm về, nhưng mất thì giờ tìm lại.

“Dụng khắc thể” không tìm thấy vật đã mất, khả năng tìm lại là rất nhỏ.

“Thể sinh dụng”, muốn thấy lại vật đã mất, muốn tìm lại vật đã mất, cũng như vậy, khả năng cũng là rất nhỏ.

“Dụng sinh thể”, tương đối may mắn. Khả năng tìm lại được vật đã mất là rất lớn, nói một cách so sánh thì tương đối dễ dàng.

Nếu như quẻ tượng tử hoà, nói chung, vật không hợp chủ, do đó mà nó sẽ mất đi.

Dự đoán vật mất, lấy quẻ biến là phương hướng hay phương vị của vật mất đó. Nếu quẻ biến là càn thì đi về phương tây bắc mà tìm, hoặc là tại các nơi công cộng, hoặc bên cạnh có đá, có sắt, hoặc là nơi có vật hình tròn, hình ống, hoặc trên nền nhà đất cao. Nếu quẻ biến là khôn, phải đi về phương tây nam mà tìm, hoặc ở nơi đồng không, hoặc nơi cạnh kho lương, hoặc ở gần đám rơm rạ, hoặc ở cạnh nơi đánh trống chuông, hoặc là nơi sơn lâm, nơi ồn ào huyền ảo, hoặc ở bên cạnh đường cái.

Nếu quẻ biến là quẻ khôn, thì phải đi về hướng tây nam mà tìm. Hoặc ở nơi đồng không mông quạnh hoặc gần kho tàng chứa lương thực, hoặc gần đồng rơm rạ, hoặc ở nơi có những hang động hầm hố, hoặc ở trong những bình gốm hình vuông. Nếu như quẻ biến là chấn thì đi về phía đông mà tìm. Hoặc ở vùng rừng núi hoặc ở nơi đồng cỏ, hoặc cạnh tháp chuông,

nơi có chiêm trống hoặc náo nhiệt hoặc gần đại lộ. Nếu là quẻ tổn thì đi về hướng đông nam tìm. Hoặc nơi rừng núi, hoặc ở nơi miếu đường chùa chiền, nơi thờ cúng hoặc tại vườn rau, hoặc trên xe trên thuyền hoặc trong các tủ hòm bằng gỗ.

Nếu như quẻ biến là khảm thì đi về phương bắc mà tìm. Hoặc giấu ở nơi mép nước. Hoặc cạnh nơi có suối giếng, rãnh nước. Hoặc trong những bình đựng rượu, giấm. Hoặc ở nơi có liên quan đến cá và muối.

Nếu quẻ biến là ly thì về phía nam mà tìm. Hoặc giấu ở dưới bếp quán cơm, cạnh lò than. Hoặc ở trong phòng bỏ không có cửa sổ sáng. Hướng gần tủ tài liệu hoặc nơi có lửa và khói.

Nếu như quẻ biến là càn thì đi về phía đông bắc mà tìm. Hoặc ở chốn núi rừng, bên cạnh đường đi. Hoặc cạnh một hang đất, hố đào.

Nếu quẻ biến là đoài thì đi về hướng tây mà tìm. Hoặc ở cạnh hồ đầm có liễu ru. Hoặc ở những vườn hoang nhà đổ. Hoặc ở những giếng hoang ao tù. Tìm nơi mà vật mất đang ở, lấy quẻ biến là chỗ đang có mặt. Cho nên cần phải xem xét kỹ lưỡng tượng quẻ của quẻ biến. Phải có sự phán đoán có lựa chọn, giảm bớt được tính vô mục đích trong việc đi tìm.

Chỉ ra được nơi hoang vắng mà vật chất đang nằm cũng có thể giúp con người ổn định được trạng thái tinh thần, bình tĩnh tìm ra được đối sách tốt nhất.

12. Dự đoán bệnh tật

Dự đoán bệnh tật lấy thể làm bệnh nhân, lấy dụng làm bệnh tật. Quẻ thể cần phải vượng và thịnh; sợ nhất là thể suy, dụng khắc thể. Dụng phải sinh thể. Quẻ thể phải khắc dụng, loại tượng quẻ này có lợi chuyển nguy thành yên. Gặp hung hoá cát, sức khoẻ sớm bình phục.

Thể sinh dụng, bệnh tật khó bề chữa khỏi. Thể khắc dụng: bệnh nhanh chóng chữa khỏi, thậm chí không cần sử dụng những biện pháp trị liệu đặc biệt nào cũng có khả năng chống đỡ được bệnh tật. Bệnh đỡ trông thấy. Đối với người bệnh nặng, nếu như tượng quẻ là dụng sinh thể thấy trong cái hung được cứu vớt, ít nhất, cũng không phải cấp cứu ngay.

Thể sinh dụng cho dù là bệnh nhẹ, chuyển biến thì có thể kéo dài, phải chữa trị một thời gian thì mới đỡ được.

Dụng sinh thể chữa chạy tương đối nhanh. Thể dụng tử hoà, bệnh dễ khỏi, thể trạng cũng bình an.

Nếu như dự đoán ngày nào, bệnh đỡ thì lấy quẻ sinh thể mà quyết định.

Nếu như dự đoán ngày nào bệnh nhân nguy cấp thì lấy quẻ khắc thể mà định.

Về các loại dự đoán khác như dự đoán kiện tụng, phần mộ, giao dịch, ăn uống, thắng bại v.v... phương pháp và lý luận nói chung cũng giống nhau.

Sau khi đã dựng xong quẻ theo đúng cách thì quan sát kỹ quan hệ ngũ hành sinh khắc của chủ quẻ, hỗ quẻ và biến quẻ, phân rõ chủ khách, động tĩnh kết hợp với vượng và suy của quẻ; khi cần thiết thì tham khảo quẻ từ và hào từ để có sự phán đoán tương đối chính xác, cứ vận dụng mãi rồi sẽ quen.

Tiết 4. GIỚI THIỆU NHỮNG KINH NGHIỆM DỰ ĐOÁN

Vận dụng “Kinh dịch” để tiến hành dự đoán thực tiễn đã có lịch sử hàng ngàn năm. Người xưa đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm quý báu. Những kinh nghiệm này, chúng ta tìm hiểu, nắm vững được nó, còn rất ít ỏi.

Trong thực tiễn dự đoán, nếu chúng ta biết dựa vào kinh nghiệm người xưa, thì chúng ta – những người bước tiếp, khỏi phải đi qua đường vòng mà lại còn nâng cao được tính chính xác của dự đoán.

Vì thế, trong tiết này, chúng ta cùng nhau tìm hiểu sơ bộ một chút kinh nghiệm cổ. “Tam yếu linh ứng thiên” và “Thập ứng áo luận” là những bài viết quan trọng mà người xưa đã đúc kết.

Ở đây, chúng tôi giới thiệu một cách tóm tắt, lựa chọn một số lý luận về dự đoán cung cấp cho các bạn đọc giả.

1. Sơ lược về “Tam yếu linh ứng thiên”

Môn dự đoán Chu dịch mà chúng ta đang học, thuộc về môn học tình và lý. Tình và lý tồn tại trong tâm của con người cần phải có tư tưởng kiên định, suy nghĩ thanh khiết, không bị làm nhiễu bởi những nguyên nhân bên ngoài. Phải có trí tuệ và chí lớn trong việc học tập, nghiên cứu sáng tạo trong môn học dự đoán Chu dịch.

Nếu được như vậy, chúng ta sẽ có thể phán đoán được tình hình và sự phát sinh, phát triển, biến hoá, kết thúc trước khi sự việc đó nảy sinh.

“Tam yếu” đó là muốn nói đến ba bộ phận: tai, mắt và tâm của cơ thể con người. “Linh ứng” tức là những cái mà người khác nghe không thấy, ta lại nghe thấy và sử dụng trong thực tiễn dự đoán.

Những cái mà người khác nghĩ không tới, ta nghĩ tới và giúp chúng ta rút ra kết luận chính xác về dự đoán, cái được gọi là “Thần quỹ bất tri, ngã độc tri chi” (thần quỹ không biết nhưng ta thì biết).

“Tam yếu” là ba cơ quan cảm giác quan trọng trong cơ thể một con người. Tức là thính giác, thị giác và tâm giác. Sự thấu hiểu vạn vật bắt nguồn từ sự sàng lọc và suy nghĩ đúng đắn từ tai, mắt và tâm.

Những nhà dự đoán cao minh có thể làm được:: “nghe âm thanh, biết cát hung; nhìn hình thể, biết thiện ác; xét các tình lý, biết hoá phúc”. Đạt đến mức độ này, chẳng khác nào tiếng vọng trong hang trống, chẳng khác nào cái bóng đi theo người. Đoán độn không sai mấy may, kết quả hoàn toàn đúng với thực tiễn.

Những lý luận trong đó đều rút ra từ Chu dịch “Viễn thu chư vật, cận thu chư thân”. Trong rất nhiều người học tập Chu dịch, về phương diện dự đoán thì: “Quỷ Cốc Tử, Nghiêm Quần Bình, Đông Phương Sóc, Gia Cát Khổng Minh, Quách Bặc, Quán Các, Lý Thuần Phong, Viên Thiên La, Hoàng Phú Chân Nhân, Ma Ý Tiên, Trần Hy Di, các học giả sau đó là Triệu Khang Tiết, Lưu Bá Ôn, Ngưu Tư Kê, Cao Sư Sy, Lưu Khâm Nhiên, Phú Thọ Tử, Thái Nhân Tử, Chu Thanh, Linh Tử đều là những bậc cao thủ.

“Thiên cao địa hậu, vạn vật tán thù, âm trợ dương thanh, ngũ khí thuận bố. Hoạ phúc mạc đào hồ số. Cát hung giai hữu kỳ cơ. Nhân vi vạn vật chi linh. Tâm nãi nhất thân chi chủ. Mục ngụ nhi vi hình ư sắc. Nhĩ đắc nhi vi âm ư thanh. Tam yếu tổng chi vạn vật bị hi”.

(Trời cao đất dày. Vạn vật đều có đặc tính riêng. Âm trợ dương trong. Năm khí đều đã sắp xếp theo thứ tự. Hoạ phúc không tránh nổi số (số phận). Cát hung đều có duyên cơ. Người là linh của vạn vật. Tâm là chúa tể của một thân hình. Mắt chứa đựng hình hài bởi màu sắc. Tai nghe được âm bởi có thanh. Đó là tổng hợp của ba điều quan trọng, vạn vật tất ở trong đó).

2. Giới thiệu kinh nghiệm dự đoán của “Thập ứng áo luận”

Trong quá trình dự đoán, nếu gặp điềm cát xuất hiện, có thể theo đó ứng làm điềm cát. Gặp điềm hung xuất hiện thì khó tránh khỏi sự việc khó thành. Nhìn thấy vật tròn, sự việc khả năng có thể chu toàn. Trông thấy một vật nứt mẻ, sự việc có khả năng không vừa được lòng người. Nói như thế nếu bậc cao thủ có kinh nghiệm dự đoán thì sẽ cho rằng: đó là điều có lý.

Song, phán đoán như thế nào là điềm cát, như thế nào là tượng hung? Đó là một việc rất khó nhận ra.

Xia đưa ra một thí dụ từ cổ xưa: Trên đường đi, có một người phụ nữ. Chồng cô có việc bận phải xa nhà đã lâu, tin tức không có. Cô ta sốt ruột, thế là mời một bậc cao thủ dự đoán. Ngày đó, cô muốn tìm bậc cao thủ Lý Thuần Phong – một danh gia dự đoán “Chu dịch” nổi tiếng đương thời. Nhưng thật không may, ngài Lý Thuần Phong bận việc, không có nhà.

Con trai của ngài Lý Thuần Phong ở nhà đã học được cách đoán Chu dịch. Người phụ nữ này liền nhờ con trai ông đoán cho một quẻ.

Trong khi đoán quẻ, con trai Lý Thuần Phong nhìn thấy cô ta cầm trong tay một cái quạt đã gãy. Chính lúc cô mở quạt chuẩn bị quạt thì mảnh giấy bọc quạt rơi xuống đất.

Thế là con trai Lý Thuần Phong căn cứ vào việc đó đoán rằng.

“Cốt nhục chia ly, bất đắc tương kiến” (cốt nhục chia lìa, không thể gặp nhau). Dùng ngôn ngữ ngày nay để nói: chính là chồng cô ta đã mất ở nơi xa không bao giờ gặp được cô nữa.

Người phụ nữ này nghe được kết quả bất hạnh ấy khóc rống lên, đau xót muôn phần. Trên đường về, may thay cô gặp được Lý Thuần Phong đang trên đường trở về nhà. Ngài Lý liền hỏi:

“Tại sao cô buồn bã như vậy? Có việc đau lòng phải không?”

người phụ nữ này kể đầu đuôi câu chuyện “xem bói quẻ dịch” cho ông nghe. Ông nói với cô: “Kỳ thực không có việc gì đâu”.

Ông nói tiếp: “Mặc quần áo đi thăm bố cõi quần áo đến với chồng, chồng cô sẽ về ngay tối nay”.

Đến tối, chồng cô quả nhiên về thật.

Cùng một sự việc, cùng một tượng quẻ tại sao có 2 sự phán đoán khác nhau như vậy? Điều này có thể là ngoài những tri thức dự đoán phổ thông chủ yếu, còn dựa vào kinh nghiệm thực tiễn dự đoán của mỗi người.

Con trai Lý Thuần Phong tất còn non nớt. Thế mới biết tri thức bản thân của việc dự đoán là tinh tế và uyên bác.

Khi chúng ta dự đoán mà gặp được mây tan, mặt trời xuất hiện, có thể cho đó là hy vọng, tăng thêm sự thành công của việc mà ta định dự đoán.

Nếu gặp phải mây đen che lấy mặt trời, hoặc sương mù bao phủ thì hy vọng thành công vì đó mà nhòa đi.

Gặp phải lúc gió nổi thì niềm hy vọng bay theo gió.

Gặp phải sấm sét thì khó tránh khỏi một trận hải hùng.

Mặt trăng trước mặt nên gần nơi ánh sáng.

Mưa ướm dầm có thể được sự ân huệ.

Những cái đó chính là những kinh nghiệm dự đoán. Trong khi đoán quẻ, ngoài việc phân tích tượng quẻ cần phải nhờ vào quan sát thiên văn để nghiệm chứng những quẻ ở dưới nhân gian.

Núi rừng trùng điệp tượng trưng cho sự trở ngại của công việc; Hồ đầm liên tiếp là tượng trưng cho sự xâm lấn dần dần.

Nhìn nước chảy thì con đường để mình làm việc có thể vượt qua. Các vấn đề có thể giải quyết thuận chiều như một dòng nước chảy. Gặp phải gò đất thì sự việc có thể bị trắc trở, đình trệ không thể giải quyết được ngay.

Ngẩng đầu nhìn thấy đá thì phải kiên định ý chí của mình. Chí bền có thể giúp bạn đạt đến mục tiêu mà mình định sẵn.

Cúi đầu nhìn thấy cát thì phải tin tưởng những người xung quanh hoặc người dưới quyền mình, phải thả lỏng để cho mọi người cùng chung gánh vác trách nhiệm. Thì gánh nặng trên vai mình sẽ nhẹ bớt đi.

Rất nhiều những công việc mà bản thân mình chưa có những biện pháp đầy đủ, người khác có thể giúp anh làm điều đó tốt hơn nhiều so với bản thân mình tự làm.

Cái được gọi là “đại quyền độc lẫm, tiểu quyền phân tán” chính là cái đạo lý này.

Khi dự đoán tự nhiên lại chú ý đến những đợt sóng dào dạt ở bên cạnh mình thì khả năng việc mình dự đoán sẽ có những biến động lên xuống kinh người. Nếu như lại gặp gió thổi, gió nổi thì gió giúp cho sóng chạy.

Khi tiến hành công việc khó khăn, gặp phải sóng, gió như trên thì công việc càng khó khăn hơn.

Khi dự đoán ở ngoài cánh đồng ruộng, lúc gặp phải đất sụt, núi lở thì tất sẽ có việc về phương diện ruộng đất nảy sinh hoặc vì đó mà bị tổn thất.

Khi dự đoán, nếu bỗng nhiên để ý đến các hồ đầm bị khô cạn bên cạnh thì người đến dự đoán có khả năng sẽ có những biểu hiện sức cùng lực kiệt.

Khi dự đoán đột nhiên phát hiện thấy mình đang ở trong khu rừng khô héo cần cỗi thì người chủ đến xem việc có thể là một sự việc nào đó quá đổi gian nan, suốt ngày vắt óc suy nghĩ nhưng lại không có chủ trương gì. Do đó sẽ có cảm giác người đó là người già yếu trước tuổi.

Trên đây chính là một số những kinh nghiệm để nghiệm chứng nhân sự nhờ vào việc quan sát địa lý bên cạnh việc phải lập quẻ phân tích quẻ.

Nếu như trong quá trình dự đoán lại gặp người đi vào. Đó cũng có thể trở thành những nghiệm ứng của việc mình dự đoán.

Những người đến là bậc cao quan quyền quý, thì khả năng cái việc ta đang dự đoán sẽ nâng cao được giá trị của người chủ.

Nếu như người đến là nhà thương gia cự phú, khả năng việc ta dự đoán sẽ làm cho chủ nhân thu được tiền tài (đắc tài). Nếu người đến là trẻ con đang khóc lóc thì rất có khả năng người đến xem đang có nỗi lo về con cháu. Nếu người đến là một nhân viên cảnh sát thì cần phải tỉnh táo. Không nên vì một sự việc nhỏ, do xử lý không thoả đáng mà tạo thành một vụ kiện tụng lớn.

Nếu như người đến là 2 trai, 2 gái thì phải chú ý đừng phạm phải sai lầm “trùng hôn” lấy 2 vợ hoặc 2 chồng.

Nếu người đến là một sư, một tiểu thì cần phải chú ý liên hệ quần chúng đừng nên quá cô độc.

Nếu như người con gái tiến vào vui vẻ cười nói thì khả năng sẽ có việc “vui kín” của sự đi lại với người con gái ngoài giá thú. Điều đáng lo là sự việc này sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt của mình cũng như tiền đồ của mình, hoặc ảnh hưởng đến thanh danh tốt đẹp vốn có của mình.

Nếu như dự đoán lại vừa vặn có những người thợ đấu, thợ đào đất tiến vào thì có khả năng thay đổi nhà cửa. Nó có hàm nghĩa là cải biến nơi ở hoặc là thay đổi chỗ ở của đơn vị công tác.

Nếu như khi dự đoán có người thợ săn bước vào thì khả năng thu được những của cải ngoài ý muốn.

Nếu có một ngư dân bước vào nhà thì có thể thu được những điều đáng mừng từ cạnh sông nước.

Nếu khi dự đoán có người phụ nữ mang thai bước vào thì khả năng sự việc đang ở thời kỳ mạnh nhen, chưa chín mùi.

Nếu khi dự đoán có người mù bước vào thì có khả năng sự việc chưa minh bạch còn tù mù.

Những điều trên đây là những kinh nghiệm quan sát người, nhân phẩm để nghiệm chứng nhân sự mà chúng ta cần phải chú ý trong khi dự đoán.

Kinh nghiệm tổng kết của người xưa chúng ta có thể thông qua thực tiễn, nghiệm chứng thêm một bước.

Những ứng nghiệm của những động tác quanh người.

Xưa nay mà không hành động gì, cúi đầu biểu thị sự không chịu chấp nhận, dụi mắt, hắt hơi những người như vậy cần lưu ý sẽ có những việc nhỏ lẻ nảy sinh. Những người hay gãi đầu, phủ bụi thì sự việc có nỗi lo ngại. Hai chân rung đều là điềm báo sắp xuất hành. Hai tay ôm vai, khả năng có những thứ để mất và những người khoanh tay, sự việc có nhiều trở ngại.

Người thở dài thì khả năng có việc buồn lo nảy sinh. Những người lè lưỡi sẽ có những thị phi trong giao tiếp. Người ngồi quay lưng lại phòng có những việc mất mát nhanh chóng. Ngẫu nhiên mà giơ một cánh tay lên, khả năng sẽ trải qua một cuộc vật lộn mới có khả năng có những thu hoạch mới. Những người bỗng nhiên quỳ gối, khả năng gặp sự uất ức, bó buộc và phải tìm đến.

Nếu gặp đứa trẻ con đọc sách sẽ có việc kiện tụng khiêu nại. Trong quá trình dự đoán, thấy ông chủ đánh người đầy tớ phải đề phòng sẽ có việc bị người khác trách móc nảy sinh.

Còn trong trường hợp dự đoán nhân sự nói về trời đất, giảng giải về kinh sử mà đoán nhân sự thì phải kết hợp tượng quẻ, chú ý đến việc mình đang dự đoán có phải là đoán suông, không có những quyết tâm, biện pháp thực tế.

Nếu như lúc dự đoán có người hát những điệu nhạc, khả năng những việc đang định làm sẽ phải trải qua khúc mắc và nếu nhìn trên nét mặt thì biểu lộ vẻ tự đắc, coi thường.

Nếu trong khi dự đoán có người bàn về cờ bạc thì khả năng việc đang xem phải trải qua một phen tranh đoạt mạo hiểm mới có thể có kết quả.

Nếu trong khi dự đoán gặp người đang cầm bút, viết chữ thì việc mình đoán có khả năng liên quan đến giấy tờ.

Nếu như khi dự đoán có người cầm một vật xách đi nơi khác thì việc đang dự đoán khả năng là có sự quan tâm chặt chẽ của cấp trên. Vì thế sẽ được đề bạt, thăng chức.

Nếu như khi dự đoán gặp người dặt tay nhau đi vào thì việc sắp đoán thường không phải là việc của người đơn độc mà là việc cùng bắt tay người khác để làm. Việc thành bại của nó đều liên quan đến cả hai bên.

Những ứng nghiệm lấy từ các vật ở xa:

Giả như chúng ta dự đoán du lịch, hoặc đi xa làm việc, muốn đoán một chút, dùng phương tiện giao thông nào tương đối tốt.

Nếu như nhìn thuyền bè thì cứ việc ngồi thuyền mà đi. Nếu có người đẩy xe đạp đi vào, nếu đi gần thì cứ xe đạp mà đi. Nếu đi du lịch ở xa thì ngồi ô tô hoặc tàu hỏa. Giả như lúc ấy có máy bay trên trời qua đầu thì dùng máy bay đi du lịch là thích hợp. Chẳng may nhìn qua cửa sổ, gần đó đúng lúc có tai nạn xe cộ, có khả năng là một điều đáng sợ nào đó thì tốt nhất đừng ngồi xe đạp hoặc phải đổi ngày khởi hành để tránh được những việc bất lợi cho mình, xảy ra trên đường đi.

Nếu như nhìn thấy người khác giơ súng bắn chính là: “Tiền tại huyền thượng, bất đắc bất phát” có nghĩa là: Tên đã căng trên nỏ không thể không bắn. Việc cần dự đoán không thể không làm, còn việc thành bại của nó thì phải xem tượng của quẻ toàn thể mà định, không thể đoán bừa.

Nếu như chúng ta nhìn thấy chỉ một người cầm súng trên vai thì khẩu súng ấy rất có thể là khẩu súng không đạn, việc ta dự đoán có lẽ cũng chưa đến lúc phải thực hiện ngay.

Khi dự đoán, nếu như có người sử dụng dao (ví dụ như dao gọt vỏ táo) thì cái cần thiết nhất của sự việc chúng ta dự đoán là tinh thần nhanh nhạy liền tay phạt cỏ dại, không kéo dài thời gian.

Nếu gặp được hàng quân thì việc chúng ta xem xét cần phải dùng thủ đoạn cứng rắn. Nu nhược thường gặp phải thất bại.

Gặp được công nhân dệt bước vào đang vùn về việc dệt thì xử lý việc chúng ta đang dự đoán cần phải thật chuẩn xác tỷ mỉ. Kế hoạch phải thật chu đáo như dệt vải thật. Vải là do từng sợi một dệt mà thành.

Nhìn thấy cảnh tượng xúm xít vào bàn cờ thì việc mình gặp phải hoặc việc mình đang làm mọi người đều biết, đều nhìn vào, bản thân cần phải chừng chặc, hành động phải cẩn thận, ít nhất cũng không nên làm hại người khác hoặc làm hại công chúng để tránh bị người đời căm ghét.

Nếu đàm đạo về hình hoa giấy, quả khắc bằng gỗ, quán bằng nến, các loại hình bằng quẻ hình dáng chúng giống như thật nhưng rút cuộc chúng không là những việc thực.

Vì vậy, khi chúng ta dự đoán phải đề phòng đồ giả, tránh bị mắc lừa, hối hận không kịp. Cũng không nên bám may mắn giành thắng lợi, dùng những thủ đoạn giả dối để lừa người khác, kết cục lại mắc lừa, cẩn thận kéo nhặt đá ném vào chân mình. Hại người cuối cùng hóa ra hại mình.

Nếu như để ý đến những “bức họa, bức tranh” thì việc mình dự đoán giá trị không lớn, nhưng đã phí công phí sức để giành được. Chẳng qua đó chỉ là hư danh mà thôi không có gì là thực tế cả.

Nếu gặp đúng lúc khai thông một con đường hoặc khai trương một nhà hàng thì việc dự đoán những vấn đề chủ yếu đã được giải quyết, có thể đi nhận công tác hoặc tiến hành bản thân sẽ có một nơi dừng chân tương đối tốt.

Những nơi mình ngồi dự đoán có những nét chữ, những tờ giấy có sẵn, hoặc nhìn rõ thì đối với công việc liên quan đến văn thư tương đối có lợi. Thí dụ thư gửi có trả lời, báo cáo được phê duyệt, kiến nghị được tiếp nhận. Bài văn bài báo được đăng tải, văn kiện được coi trọng v.v...

Ngẫu nhiên gặp phải cốc vỡ, bát mẻ, nắp đầy rồi thì việc mình dự đoán có khả năng là bất lợi, thường liên quan đến việc mất chức, mất quyền hoặc mất cửa. Lúc ấy cần nghĩ tới lối mở là cơ hội về sau còn đó, con người không phải lúc nào cũng rủi ro. Cho nên người ta nói: núi non trùng điệp tưởng đã hết đường; nào ngờ lại gặp một làng hoa nở trong rừng liễu “Sơn trùng thủy phục nghi vô lộ, liễu ám hoa minh hựu nhất thôn”.

Khi dự đoán, ngẫu nhiên lại có người soi gương người trong gương và hình của mình là một; thế thì việc mình dự đoán khả năng sẽ có một người bạn tâm đầu ý hợp với mình cùng hợp tác. Hai người rất ăn ý với nhau, dù có chút không thống nhất cũng có thể bàn bạc với nhau tìm ra được ý kiến thống nhất.

Nếu như việc dự đoán là cuộc gặp gỡ đàm phán thì hết sức đi đến đúng hẹn. Cuộc hội đàm sẽ có kết quả tốt.

Nếu trong khi dự đoán có người khoe ra những đồ đạc quý trọng thì việc mình dự đoán có tầm quan trọng, là cơ hội tốt cho cả đời người, cần phải nắm bắt thật nhanh, gọn như việc thu gom giữ gìn vật báu, thường xuyên lưu tâm, luôn luôn sửa sang.

Nếu như đúng lúc người ta vận chuyển gỗ, mộc chính là tài, đồng âm với tiền tài, việc mình dự đoán có thể là việc có liên quan tới tiền tài, ví như là một chuyến buôn bán lớn hoặc làm xong sự việc này sẽ có một sự thu nhập kinh tế lớn, kết quả của nó như thế nào đương nhiên phải xem xét tỉ mỉ. Sau đó mới có lời phán đoán.

Nếu nhìn thấy cái đầu, cái chân, những dụng cụ đo lường thì việc mình dự đoán, yêu cầu sự cân nhắc toàn diện một cách chu đáo. Phải có phương án hành động tương đối thoả mãn, không làm bừa tránh tình trạng sai một ly đi một dặm.

Nếu trước mắt bày ra thước, kéo điều đó nói rằng – quyền chủ động làm việc của việc ta đang dự đoán đã nằm trong tay mình. Giống như một người thợ may trước một mảnh vải, thiết kế sao để may một bộ quần áo đẹp, chắc chắn, mới mẻ. Điều đó cần phải xem người chủ đến xin đoán việc này và trí tuệ như thế nào. Kỹ năng kỹ xảo như thế nào, tinh thần của anh ta ra sao? Nếu như bản thân mình không có cơ sở vững chắc nhất định thì không ngại gì đi tìm mấy người bạn thân để bàn bạc với họ. Nếu ta qua loa, vội vã thì thường biến một miếng vải tốt thành một miếng vải vụn vô dụng.

Đó là điều rất đáng tiếc.

Nếu nhìn thấy người đá bóng, việc mình dự đoán sẽ gây khó khăn cho chủ nhân. Thí dụ, việc này người khác không muốn chịu trách nhiệm, không muốn quản, trước mắt, xem ra muốn giao quyền lực cho bản thân người chủ. Nhưng công việc không phải công việc dễ dàng xử trí.

Quả thật là làm cũng không được, không làm cũng không xong. Công việc này nếu làm tốt thì không sao nhưng làm không tốt lại bị ảnh hưởng lớn. Phải làm thế nào đây? Trước hết phải xem xét tỉ mỉ tượng quẻ, phân tích cho kỹ xem cơ hội làm tốt việc này nhiều hay ít, sau đó hạ quyết tâm áp dụng những hành động thích hợp.

Khi dự đoán, nếu có người đang nghịch chìa khóa hoặc đã có người đưa chìa khóa đến thì việc mình đoán mười phần đã đạt được 8 phần. Nước đã chảy thành ngòi. Một số vấn đề mới nhất, mấu chốt nhất đã được xử lý thỏa đáng. Nó chẳng khác nào mọi việc xong xuôi, chỉ thiếu gió đông, chỉ cần thời cơ đến là vấn đề sẽ có thể giải quyết.

Khi dự đoán, nếu như nhìn thấy người đang vá quần áo thì việc mình đang dự đoán rất có khả năng có sơ suất, có những vấn đề phiền phức. Cái việc cần kíp nhất hiện giờ là phải nhanh chóng bù đắp những chỗ khiếm khuyết. Điều cần phải đề phòng là những chỗ mà được sửa sang: một là dấu vết có thể tìm thấy, hai là nó sẽ không còn bền chắc và đáng tin cậy như lúc đầu, ba là sự an toàn của cái vật mình vừa sửa xong thì sẽ làm cho người ta tâm thần bất định, canh cánh lo âu bên lòng. Điều đó đương nhiên phải xem xét kỹ lưỡng tình trạng của toàn quẻ làm rõ độ lớn, tầm vóc của sự việc.

Nếu như sự việc thuộc về tính chất tội phạm, nhưng lại là việc ngẫu nhiên mà làm, hoặc buộc phải phạm phải thì không ngại gì tự ra đầu thú, tranh thủ sự xử lý khoan hồng của chính quyền, cố gắng lấy công chuộc tội, thì sẽ được thanh thản.

Nếu như sự việc thuộc loại sai phạm trong công tác thì cần phải báo cáo kịp thời với lãnh đạo hoặc cơ quan có liên quan, áp dụng ngay những phương pháp, hỗ trợ có hiệu quả không nên tự mình lặng lẽ giấu giếm để tránh tạo ra tổn thất lớn hơn. Đó chính là miệng “rách nỏ không khâu, rách lớn khó vá”.

Nếu quả là cái áo rách hoặc đồ vật thông thường bị vỡ hỏng, đương nhiên quan hệ không lớn, dù sao chẳng nữa cũng không có chuyện gì to tát xảy ra. Tóm lại là xử trí những việc đại loại như vậy phải làm cho rõ sự nghiêm trọng của tính chất cũng như hậu quả sự việc, rồi sau đó ứng dụng những đối sách cần thiết.

Khi dự đoán có người lau kính lau giường thì việc mình dự đoán sẽ có một số nhân tố đến gây nhiễu làm cho bản thân nhìn không rõ hết sự vật. Do đó mà không đủ quyết tâm, lúc ấy cần phải gạt bỏ những cái nhiễu, phân rõ quan hệ những cái chủ yếu và những cái chi tiết nhỏ nhất. Rồi sau mới quyết định sự việc nên tiến hành như thế nào.

Khi dự đoán có người mài dao thì sự việc ta đang dự đoán, khả năng điều kiện trước mắt vẫn chưa chín mùi: Đó là “Mài dao không phụ chặt củi” dần dần sẽ tìm ra hết các đường, làm việc cuối cùng, sự việc nhất định sẽ làm xong, hơn nữa còn thu được lợi ích.

Khi dự đoán nếu có người dùng dao chặt củi, thời gian tương đối gấp rút, việc định làm có thể rất nhanh chóng hoàn thành vấn đề là ở chỗ chữ “tài” trong “mộc tài” với chữ “tài” trong “tài” là đồng âm.

Vì vậy khi bạn tiến hành làm công việc có khả năng làm mất cảm tình của một số người và làm cho một số nhân tài bị phượng hại. Vì thế, cho dù là vì sự việc mới làm được như thế thì sau khi làm việc xong cũng phải có sự đền đáp tất yếu. Có như vậy mới tạo được điều kiện thuận lợi cho công tác và phát triển sự nghiệp sau này.

Khi dự đoán nếu gặp phải người đang cởi quần áo bên cạnh thì đừng bao giờ quên đạo lý triết học trong đó là sau khi phá thì mới thành công.

Có lẽ việc ta đang đoán cần phải xóa ở cách thức xử lý như hiện nay, điều chỉnh thích đáng một số mặt về nhân sự. Thí dụ: trong đá bóng có lúc đưa toàn cầu thủ mạnh ra chưa chắc đã thắng, thay một số cầu thủ dự bị vào, trái lại vì đối phương chưa quen sẽ phạm những sai lầm và có cơ hội để chúng ta chủ động. Trong đó còn có một nguyên nhân chủ yếu nữa là những cầu thủ mới vào sân thì có thể như tân quân mới nhận chức, hân hoan bốc lửa, sức lực dồi dào của họ chính là những điều cần thiết để tạo ra một cục diện mới.

Nếu chỗ dự đoán lại là nơi sản xuất những đồ gốm, sứ dễ vỡ thì cần phải đề phòng sự việc mình dự đoán, cho dù có thành công cũng phải ngăn ngừa những vấn đề nảy sinh. Vì những đồ gốm sứ, sau khi đã thành hình rồi cũng dễ vỡ. Vì vậy sau khi việc của chúng ta đã thành công, không phải không đề phòng chú ý để xử lý.

Thuật chơi cờ tướng, mấu chốt là dùng mưu kế trong bàn cờ. Nhìn thấy người khác chơi cờ thì việc mình dự đoán phải đặc biệt coi trọng kế hoạch. Phải kín kẽ mọi vấn đề, làm ở phía trước nhưng phải nghĩ đến việc làm như thế nào? Đặc biệt trong những trường hợp cạnh tranh gay gắt, cần phải biết mình, biết người, mới có thể chiến thắng đối thủ. Nếu không thấp mưu hơn người tất sẽ chuốc lấy thất bại.

Khi dự đoán, nếu như nhìn thấy những loại như: lưới đánh cá ở mép nước thì việc mình dự đoán e rằng cần giữ bí mật.

Bởi vì người ngư dân đánh cá, những thứ kiếm được là thực, lưới có hình thể nhưng nhìn như không có gì. Nếu dùng vải để làm lưới chắc chắn bắt không được cá. Mục đích là tốt nhưng đạt được mục đích ấy cần phải có phương pháp, kỹ xảo tốt.

Khi dự đoán nếu như đúng lúc người khác đi ăn cơm, trước khi ăn còn có nước chè, thì khi mình tiến hành công việc dự đoán sẽ không lo đến việc cơm nước. Đã có người lo việc cơm nước.

Khi dự đoán, nếu có người đang cầm quạt để quạt thì công việc ta dự đoán có thể vốn là không muốn để cho anh làm hoặc người khác đã tranh thủ lấy để làm, nhưng bây giờ có khác rồi. Người chủ sự thay đổi chú ý, muốn để mắt đến anh, giao việc cho anh.

Khi dự đoán, đột nhiên phát sinh quần áo bị dây bẩn thì việc mình dự đoán cần phải đặc biệt chú ý đến sự gây rối của những việc bên ngoài. Có lẽ sẽ có người đang bàn mưu tính kế phá hoại sự tiến triển của công việc cũng như bản thân. Việc ứng nghiệm lấy từ việc xa cũng như gần (các cơ quan của cơ thể) có ý nghĩa như nhau. Đó là những trợ thủ đắc lực trong dự đoán Chu dịch. Nhưng phải chú ý rằng gđự đoán không thể xa rời tượng quẻ hay thể của quẻ. Lời phán quyết đầu tiên tất phải là kết quả của sự suy ngẫm tổng hợp, để tránh được tình phiến diện của lời phán ấy.

Trong quá trình dự đoán những sự vật chúng ta nhìn thấy, nghe thấy cũng như thu nhận được hoặc là nảy sinh ra việc khác; đối với việc thường, đó chẳng qua là sự việc vật, nhưng đối với người dự đoán, đó không phải là sự việc đơn lẻ này sinh một cách ngẫu nhiên, mà đó là điềm báo trước việc tốt hoặc việc xấu của sự phát sinh và biến hóa của sự vật. Chúng ta sẽ không được tùy tiện bỏ qua.

Ứng nghiệm của thảo mộc (cây cỏ):

Người ta phần lớn cho rằng thảo mộc vô tình. Những năm gần đây các nhà khoa học cả nước Mỹ thông qua thực tiễn chứng minh rằng cây cỏ cũng có tình cảm. Chỉ có một điều con người không biết đến mà thôi.

Thí dụ như: chúng ta tưới nước, bón phân cho hoa, trong một số dụng cụ đo đạc nào đó có những biểu hiện tình cảm của việc nở hoa, khi ở trong trạng thái tĩnh lặng. Nói cách khác, hoa là vui. Những người thí nghiệm đã dùng miếng sắt nung đỏ áp dần vào cây và hoa, thì trong dụng cụ đo đạc nào đó có thể đo được sự sợ hãi hoặc bất an của chúng. Thảo mộc có cảm tính là điều rất khó nói cho người khác biết được. Cho nên, không có cách nào để cho mọi người thừa nhận một cách rộng rãi. Dự đoán của Chu dịch là kết hợp tam tài: “thiên – địa – nhân” là kết quả của việc tổng hợp thông qua trí tuệ của con người.

Trong thực tiễn dự đoán lâu dài người xưa đã tổng kết và ghi chép được rất nhiều những kinh nghiệm thành công.

“Ứng nghiệm của thảo mộc” cũng là một trong kinh nghiệm đó.

Sách này giới thiệu cho độc giả nhằm cung cấp những nghiệm chứng tham khảo trong dự đoán.

Trong khi dự đoán, nếu có người đem lại hoa tươi hương thơm ngào ngạt, chúng ta coi đó là điềm tốt, đó là điềm có triển vọng, có lợi ích mà việc chúng ta dự đoán có thể tiến hành theo trình tự nhất định.

Nếu như bên cạnh có những cây gỗ rậm rạp hay cứng rắn như tùng bách mùa đông không rụng lá thì việc dự đoán chính là tình hình sức khỏe của người đi kèm. Cây tùng là điềm có thể giúp cho sức khỏe. Đó là sự bền vững mùa đông không rụng lá. Bốn mùa lá xanh biếc là điềm trường thọ.

Nhưng nếu bên cạnh đó có cây xoan lá non hương thơm có thể làm thuốc bồi bổ cơ thể. Chất gỗ xoan cũng tốt, giúp ích cho con người. Thông cũng là cây gỗ xanh bốn mùa, thớ gỗ mịn, có mùi hương. Hai loại cây này đều tượng trưng cho sự trường thọ, dài lâu, đem lại điềm lành.

Nhưng gặp lại các loại như nấm mốc thì không phải là điềm lành với sức khỏe con người. Tuy rằng các loại nấm để ăn giá trị trong y học cũng rất lớn, có những tác dụng to lớn

cho con người. Nhưng chu kỳ sinh trưởng của nấm ngắn, thiếu hẳn khía cạnh bền vững để con người yên lòng.

Nếu nhìn thấy lá khô rơi lả tả trước mặt, đó cũng không phải là điều tốt. Nếu dự đoán tình hình sức khỏe của con người thì báo trước một sự suy thoái, lụn bại, khó trở lại được như cũ.

Nếu nhìn thấy rễ cây lộ ra trên mặt đất, việc mình dự đoán có khả năng có nhiều việc dặt dầy, liên quan khi xử sự không thể không nghĩ đến quan hệ phức tạp xung quan, để tránh được sự việc vốn là tốt, chỉ vì không chu đáo dẫn đến kết quả xấu.

Nếu như nhìn thấy một bức thêu (hoặc một bức tranh thêu hoa lạ) thì phải chú ý việc anh cần làm. Có thể là hư danh, đẹp nhưng không có ý nghĩa thực gì.

Nếu như nhìn thấy quả sai thì anh nên vui mừng việc đó, việc mà anh cố gắng là có thể kết quả tốt giống như quả trên cây đó sẽ thu được kết quả mỹ mãn.

Ứng nghiệm về động vật:

Dân gian có lưu truyền câu: “Chim khách báo tin lành, quạ đen báo tin dữ” kỳ thực trong những tình huống bình thường không biểu hiện kết quả trên đây, chỉ có khi kết hợp với dự đoán Chu dịch thì quạ đen và chim khách vật có thể dùng để chúng ta đối chiếu quẻ tượng của bát quái, giữa quạ và chim khách mới có khả năng này. Kinh nghiệm tổng kết trong dự đoán của người xưa là “chim khách cát tường, quạ đen bất cát”. Còn các động vật khác thì:

Hồng nhạn chủ về bạn bè gửi thư tới, rắn độc phòng bị người khác hại ngầm ngấm.

Chuột cắn quần áo, e rằng có tai họa từ những điều tiếng xấu đem lại.

Chim sẻ kêu trước và sau nhà, khả năng có công việc phải đi xa.

Chó cắn đề phòng bọn trộm vào cửa, gà chọi nhau, chủ sẽ có sự tranh cãi, bất đồng ý kiến.

Dắt dê, sẽ có việc vui mừng nảy sinh; người cưỡi ngựa đi qua thì ra vào đều có lợi cho mình. Thấy khỉ leo cây e rằng lòng dạ bất an; Nhìn thấy cá chép nhảy ra khỏi mặt nước, sẽ có những thay đổi tốt; Thường buộc ngựa chủ bệnh tật khó yên; Trong lồng nhốt chim, phải chú ý đến việc không thuận, cả đến người phải vào nhà giam.

Ứng nghiệm quan sát sự vật khác:

Trên đây, đã có rất nhiều sự việc hay hiện tượng, bổ trợ cho dự đoán. Vì vậy, sau này chúng ta không nói lại kỹ nữa. “Mượn rượu giải sầu”, con người đã quen dùng rượu là một trong những cách quên đi âu sầu. Vì thế, trong dự đoán, không thể gặp một cốc rượu bị đập vỡ vô cớ.

Thuốc là một yếu tố quan trọng để trị bệnh. Giữa đường mà gặp thầy thuốc thì người bệnh trong nguy nan lại có phương cứu chữa.

Nhìn thấy loại cây như dây leo, mây, sắn thì có thể coi là sự việc có chỗ dựa.

Hình tượng hổ báo tương đối uy nghiêm, chủ về uy tín của mình sau này sẽ được nâng cao.

Cày ruộng, cuốc ruộng có biểu tượng đất lật úp, sự việc có khả năng có sự lật ngược trở lại.

Trông thấy dao sắc chặt tre, chẻ mía có khí thế như thể nước chảy, núi cao, công việc tương đối thuận tiện. Hoa về mùa xuân, trăng về mùa thu tuy nhiên có cảm giác đẹp mà không thực, nhưng nó vẫn là cảnh sắc có khí thế.

Bông về mùa hạ, gai gài của mùa đông. Tuy bông và gai đều là nhu yếu phẩm trong cuộc sống. Nhưng nếu nói về nhu cầu đòi hỏi của bốn mùa thì rút cuộc chúng vẫn tỏ ra “trái

mùa”. Cái quạt sau mùa thù mát mẻ thì sẽ có lúc có cảnh ngộ vượt quá ranh giới bị người khác vứt bỏ. Đó là điều có thể hiểu được.

Cái ô sau khi trời đã tạnh đã lâu, tạm thời bị người ta lãng quên. Đó chính là sự nhần tản nhất thời – là lẽ thường tình. Bong bóng, tia chớp đặc trưng là: lúc có, lúc không, thay đổi không nhất định, vì vậy đem lại cảm giác hư ảo.

Cho nên sự việc ta dự đoán cũng có những tình tiết làm người ta khó tin.

Con nhện chăng tơ để bắt côn trùng nếu như nó không có mưu trí và cơ quan chức năng tuyệt diệu, chắc không có cách làm nổi.

Ứng nghiệm về chiết tự:

Bản thân chiết tự là một môn học trong dự đoán “Chu dịch”. Phương pháp thường dùng dự đoán bằng chữ đó là chiết tự, cái độ khó nắm bắt của nó có thể tưởng tượng được.

Chữ Hán của Trung Quốc thiên biến vạn hóa, tinh thông bộ môn này quyết không thể chỉ nói vài lời mà có thể thực hiện được. Ở đây, chỉ được coi là một phương pháp dự đoán. Xin đưa mấy ví dụ để chứng minh rằng khi dự đoán có thể dùng chiết tự để làm chuẩn mực.

Đời Tống có một người tên là Tạ Thạch. Ông đã nổi tiếng thiên hạ bằng tài chiết tự. Có một hôm, Tống Cao Tông đi vi hành bắt gặp Thạch, Tống Cao Tông đã dùng gậy viết xuống đất một chữ “nhất” bảo Tạ Thạch đoán thử.

Tạ Thạch nghĩ một lúc rồi nói “Thổ thượng gia nhất hoặc thành vương (bên trên chữ thổ (土) thêm một gạch thành chữ “vương” (王) xem ra ông không phải một người bình thường”.

Trong khi Tống Cao Tông nửa tin nửa ngờ thì lại viết thêm chữ “vấn” (問) bởi vì mặt đất gồ ghề không phẳng, cho nên 2 nét ngoài của chữ “vấn” đều bị chênh lệch và bay sang hai phía. Từ Thạch giật mình và nói: bên trái nhìn ra chữ “quân” (君) bên phải vẫn nhìn ra chữ quân. (君). Ngài tất nhiên là chúa thượng đang trị vì” Quý nhân là hoàng đế lập tức Tạ Thạch quý xuống bái lạy.

Tống Cao Tông nói: “Thôi không cần làm âm ĩ như thế nữa”, sau đó ngài với Tạ Thạch vào cung và tiếp trong cung điện.

Tống Cao Tông lại viết một chữ “xuân” (春) để cho Tạ Thạch đoán. Tạ Thạch nói: “Bên trên chữ xuân chính là đầu của chữ Tần: (頻) bên dưới là chữ “nhật” (日); tượng trưng cho sự quang minh. Hiện nay trên đầu chữ “Tần” (頻) quá nặng đè lên chữ “nhật” (日) không thể phát quang”. Tống Cao Tông nghe xong lặng lẽ không nói câu nào.

Lúc bấy giờ Tần Cối chuyên quyền, các quan tả hữu và ngay cả Tống Cao Tông, cũng không có cách gì cản lại. Sau này khi Tần Cối biết việc này đã hạ chức quan của Từ Thạch, đày lên biên cương.

Tạ Thạch lên đường, đi đến miền biên ải gặp một người con gái, cô ta nói cô biết chiết tự. Từ Thạch rất ngạc nhiên. Lẽ nào trên thế gian này vẫn còn có người hiểu biết chiết tự như mình hay sao. Ông tiện tay viết ngay chữ “tạ” (謝) để cô gái đoán. Cô trả lời: “Ngài chẳng qua là một người xem bói và chiết tự”.

Tạ Thạch nói: “Căn cứ vào đâu mà cô nói như vậy”. Cô gái trả lời: chữ “thân” (身) đứng giữa chữ “thốn” (寸) và chữ ngôn (言) dựa vào chữ “thốn” (寸) và “ngôn” (言) để lập thân sống ở trên đời không phải là người xem bói chiết tự thì ngài có thể làm được việc gì?

Tạ Thạch lại viết một chữ “bì” (皮), cô gái nói “bì” mà gặp đá thì câu đó đã được giải rồi, chữ Bì (皮) vốn là thứ để che và ép đá. Nhưng bây giờ thì gặp đá vỡ. Ông vốn là họ Bì nhưng tên là Thạch. Tạ Thạch vốn trước đây tên là “Bì Thạch” (皮石).

Tạ Thạch kinh ngạc vô cùng, nói một cách khâm phục: “Tôi cũng là người biết chết tự. Cô hãy viết một chữ để tôi đoán xem sao”. Cô gái nói: “Tôi đứng ở đây cũng là một chữ, ngài đoán đi!”

Tạ Thạch trả lời: “Nhân tại sơn bàng lập” (người đứng cạnh núi) là chữ “tiên” (仙) lẽ nào cô là một nàng tiên?” Cô mỉm cười rồi ra đi.

Người đời sau than mà rằng: Chiết tự quả thật là một học thuật kỳ diệu! Nó kỳ diệu chính ở trong nhân tâm. Nhưng đối phương viết chữ gì? Chọn đi chọn lại không thoát khỏi vòng quy định của tướng số bát quái. Điều đó nói lên rằng: tướng số cũng có lý lẽ, có lập luận.

Khi chiết tự nhìn thấy hình dáng của vật có thể nhìn thấy hình của chữ. Khi đã nhận ra được chữ nên hoặc có thể hiểu ra nội dung và hàm ý chứa đựng trong nó. Thí dụ: “nhân” đứng cạnh mộc là chữ “hưu” (休); nón trôi mép nước (lập phiêu thủy bại, rõ ràng đó là chữ “khấp” (𡗗立). Hoả nhập sơn lâm có thể trông thấy ngay đó là chữ “phân” (焚) (đốt thiêu). Ba chữ “nữ” (女) sẽ có sự quấy nhiễu của tư tình. Ba chữ “ngưu” (牛) sẽ có nỗi lo phải bôn tẩu. (bôn 奔)

Nhất mộc lưỡng hoả là biểu tượng sáng ngời của kết “quả” (果)

Nhất thủy tứ ngữ, đó là tình huống cô quả là chữ “quan” (鰥) (goá vợ).

Nhân kế ngư đao (người đi rồi trâu đến) phòng thất thoát (đó là chữ “mất” (thất) (失). Một người đứng cửa, mọi việc bị phai mờ (chữ “Thiêm” lấp ló 閃).

Hai người cạnh cây có việc tất phải đến hỏi (chữ “lai” (đến) (來)).

Những thí dụ trên đây chỉ là giới thiệu phương pháp một chữ chiết thành hai chữ hoặc ba chữ.

Chữ “Thiêm” (閃) là do chữ “môn” (門) và chữ “nhân” (人) tạo thành chữ quan (鰥) là do chữ ngư (魚), tứ (四) và chữ “thủy” (水) (ba chữ) tạo thành. Khi dự đoán, yêu cầu đối phương tùy ý viết một chữ. Chắc chắn sẽ có kết quả tương ứng với những điều dự đoán. Xin nêu ra mấy thí dụ cụ thể.

Một lần, đồng chí họ Vương đến tìm tôi nhờ đoán một việc. Tôi nói, “Trước hết chưa cần nói việc gì, hãy viết cho tôi một chữ”. Anh ta nghĩ một lát rồi chữ “triệu” (召)

Tôi nói: “thời gian gần đây, anh muốn chuyển công tác phải không? “anh trả lời: “đúng. Tôi muốn chuyển công tác, anh xem tôi có chuyển dương không?” Tôi nói: “trước tháng ba anh vốn có cơ hội điều động công tác, tại sao anh không chuyển?”.

Anh trả lời: “đúng vậy, trước tháng 3 đúng là tôi có cơ hội điều động nhưng tôi muốn xem tình hình sắp xếp của đơn vị mình. Anh xem hộ tôi liệu bây giờ có thể chuyển được không?”

Tôi nói: “cơ hội là đừng bao giờ để mất, vì nó không trở lại, tạm thời không có hy vọng nữa”.

Anh hỏi căn vặn: “tại sao anh lại căn cứ một chữ “triệu” mà lại có nhiều phán đoán như vậy? Hơn nữa anh lại nói đúng?”.

Tôi thành thực nói hết cho anh nghe:

Chữ “triệu” là do 3 chữ “tẩu” “nguyệt” “tiểu” mà thành. Tôi phân tích 3 chữ này nói:

Bên trái của chữ là chữ “tẩu”:

Chữ tẩu (走) vốn có nghĩa là di động.

Chữ ở bên trái là dương, dương là chủ động; căn cứ vào hai điểm này tôi cho rằng: anh đến tìm tôi là sự điều động công tác. Tại sao nói trước tháng 3 anh có cơ hội điều động công tác?

Thứ nhất bên phải của chữ “triệu” là hai chữ “tiểu” (小), “nguyệt” (月) điều đó là rất dễ.

Thứ hai: một năm 12 tháng, theo sắp xếp của chữ số 1, 2, 3 là chữ số nhỏ, cho nên, coi đó là tiểu nguyệt (đó là tháng nhỏ).

Thứ ba: ở bên trái của chữ là dương, bên phải là âm, dương là lớn, âm là nhỏ. Vì vậy là ở trước tháng 3. Nếu sau tháng 3 thời cơ động đã trôi đi mất.

Anh ta nói: “nếu như bây giờ tôi cứ cố mà đi thì sao?. Thì việc chiết tự của anh là không linh nghiệm rồi”.

Tôi nói: “bây giờ anh không muốn đi và cũng không thể đi. Bởi vì hôm nay là ngày âm, âm chủ tĩnh. Ban ngày là “mặt trời” không có ánh sáng. Ban đêm trời không có trăng. Mặt trời không có sáng thì tướng động đã biến mất, anh không thể đi được. Trời không có mặt trăng, chứng tỏ rằng bụng dạ cũng chưa thiết trong sáng, nếu tướng tĩnh chưa có sự yên định hoàn toàn. Vì thế anh mới đi tìm tôi tán chuyện, mong cho lòng mình thanh thản”.

Tôi cũng chẳng lập quẻ cho anh nữa, chỉ chiết một chút cho anh, anh vui vẻ ra về.

Lại một lần khác, có một phụ nữ nông thôn từ xa đến tìm tôi nhờ xem giúp một quẻ, tôi nói: “cô có việc gì quan trọng phải không? Nếu như có tôi sẽ lập quẻ cho cô nhưng cô không cần nói cho tôi biết cụ thể là việc gì. Trước hết, để tôi đoán thử, sau đó rồi hãy so sánh”.

Cô trả lời: “không có việc gì quan trọng đâu ạ, tùy bác tính thế nào cũng được”. Tôi bảo cô viết một chữ tùy thích. Cô ta nói là cô không biết viết chữ, nhưng rồi một lúc nghĩ ngợi, cô ta viết chữ “hậu” trong chữ “tiền hậu” (后).

Tôi nói: “trong nhà cô là một người chuyên chủ trì những công việc trong nhà rất bận rộn. Trong lòng có chút ưu phiền. Khả năng trong nhà cô có một cụ già không giúp được gì mà còn đòi cô phải chăm sóc cụ. Cô muốn nuôi con lợn, mà chưa nuôi được, có đúng không?”.

Cô nói: “đúng ạ, bác chưa đến nhà tôi bao giờ, sao bác biết?”.

Chẳng là bên trái – chữ “hậu” thuộc dương. Chữ “xưởng” ở trên là dương tiếp cận sự chiếu sáng của mặt trời, tôi cho đó là ngôi nhà hoặc căn phòng. Bên trái và bên dưới chữ hậu thuộc âm nếu như phân ra trong và ngoài thì chữ “xưởng” bên ngoài là dương, chữ “nhất” và chữ “khẩu” (口) bên trong thuộc âm).

Âm dương của chữ “hậu” không liên nét bút. Chúng ta có thể thấy người con trai thuộc dương, công tác ở bên ngoài.

Người phụ nữ thuộc âm đang ở trong nhà, cho nên nói người phụ nữ này một mình phải gánh vác mọi việc. Do đó trong một năm ít được sự quan tâm, chăm sóc nâng đỡ của nam giới (dương tính), nên trong lòng có chút ưu phiền là điều đương nhiên.

Bên trong, bên dưới, bên phải của chữ “hậu” là chữ “nhất” chữ “khẩu” (口) là âm, âm ở vị trí đó là tương trùng. Tôi coi đó là sự thống nhất tuổi tác của người đàn bà, vì thế đoán rằng trong nhà còn có một bà mẹ già.

Tuy rằng “tướng âm trùng điệp, có thể giải thích là “lão âm”, “lão âm” có thể chuyển hoá thành “dương tính”. Thế thì liệu trong nhà có bố già không? Lúc ấy tôi nhận thấy rằng cô ta đến vào ban đêm, đêm ấy lại là đêm không trăng, sự việc chưa rõ ràng. Nhưng chữ “hậu”, dương chủ ngoại, âm chủ nội, thì cho dù có bố già cũng không ở nhà. Cho nên tôi đoán rằng trong nhà có một mẹ già chứ không phải còn có một bố già.

Tại sao nói: cô ta muốn nuôi một con lợn mà lại chưa nuôi?

Bởi vì thời gian lúc đoán chữ là giờ Hợi. Mà “hợi” trong thuộc tướng thập nhị địa chi là lợn; chữ “nhất”, chữ “khẩu” có liên quan đến lợn. Nhưng sau đó tại sao lại không nuôi? Là vì

lúc tôi chiết tự mặt trăng lại lần đi mà “nguyệt vô quang sự bất thành” cho nên tôi đoán rằng không nuôi lợn.

Tình hình thực tế là:

Người đàn bà này vào mùa xuân định nuôi một con lợn, nhưng vì việc nhà, việc đồng quá bận rộn, người chồng nói: “hãy dẹp đi thôi”.

Đến mùa thu thì giá thịt lợn năm ấy tăng hẳn lên, cô ta hối tiếc là lúc đầu không nuôi.

Sau đó tôi không kịp lập quẻ mà chỉ chiết tự cho cô mỗi chữ ấy.

Người xưa cho rằng: chiết tự thuộc về tướng số, nó cùng một nguyên lý như tượng quẻ. Vì thế có nghiệm ứng về chiết tự. Tôi đã xem một tạp chí trong đó đã giới thiệu một dẫn chứng về sự linh nghiệm trong cuộc sống hiện thực.

Tạp chí đó giới thiệu: câu chuyện chiết tự xem bói của cô diễn viên nổi tiếng. Ông Mỹ Linh, đóng vai Hoàng Dung trong bộ phim truyền hình nhiều tập “Anh hùng xạ điêu”. Ông Mỹ Linh tiện tay đã viết một chữ “mai” trong Mai hoa”.

Người đoán chữ nói tức là điềm dữ bởi vì bên trái chữ “mai” là chữ “mộc”. Mộc là một thứ trồng trên mặt đất, ông ta đã suy từ chữ mộc ra chữ “thụ”, “thụ” tất là không có đất, là cây không lớn. Người đoán chữ đã nghĩ đến chữ “mai” là từ chữ “hải” phát triển mà thành. Tức nước biển sau khi cạn đất sẽ lộ ra. Sau đó mới có thể trồng cây lên đất đó, cây mới có thể thành gỗ.

Trong thời gian từ “hải” biến thành “mai” sẽ phải trải qua một phen biến đổi cực kì to lớn. Đó là bãi bể nương dâu. Đối với một con người, phải chịu đựng nỗi đau khổ đến cạn nước biển tất nhiên là không dễ dàng.

Kết quả, Ông Mỹ Linh đã chứng tỏ nỗi bất hạnh đã được chiết tự nói đúng. Chưa kịp nhìn thấy nụ cười vui vẻ của hoa mai nở mà sau đó ít lâu đã từ sát, xa rời trần thế.

Bản thân tôi rất thích hình tượng trên màn bạc của Ông Mỹ Linh đóng vai Hoàng Dung. Thậm chí còn cho rằng: sẽ không bao giờ có được một diễn viên diễn tốt như cô. Vì thế tôi cảm thấy vô cùng hối tiếc. Chỉ vì một người đoán chữ chưa thể giúp đỡ “Hoàng Dung” tránh được nghiệp chướng, tránh cái hung, hướng tới cái cát.

Học vấn (nguồn tri thức) trong dự đoán Chu dịch rất nhiều. Nếu như không phải không có người trước nêu ra hoặc chỉ bảo thì bản thân chúng ta rất khó mò mẫm ra đầu đuôi.

Dưới đây xin giới thiệu kinh nghiệm mượn tên của sự vật, dịch âm lấy nghĩa trong những lời đoán định của người xưa.

Nhìn thấy lập tức con hươu (鹿) có thể liên tưởng thấy chữ lộc (祿) trong nhân sự.

Nhìn thấy phong (蜂) (là ong) có thể liên tưởng tới phong (封) (là phong tước) sau khi việc đã thành thời nay gọi là thăng quan tiến chức.

Khi đoán quả nhìn thấy “lê” (梨) (quả lê) có thể liên tưởng tới “ly” (離) sự phân ly chia rẽ.

Trông thấy cây “đào” (桃) có thể liên tưởng tới “đào tẩu” (逃走).

Nhìn thấy chữ “lí” (李) (là mận) có thể liên tưởng đến kiện tụng “đắc” lí (理).

Nhìn thấy “quan” (冠) là cái mũ thì khả năng sẽ được làm “quan” (官).

Thấy “hài” (鞋) (giày) thì bách sự có thể “hài” hoà (和 谐).

Thấy “hạp” (嗑) thì bách sự có thể “hợp” (合). Cách lấy âm mượn nghĩa là rất nhiều khi thể đưa ra hết được. Khi dự đoán phải kết hợp vận dụng tượng quẻ, mấu chốt là ở chỗ sắc bén.

Những ứng nghiệm có liên quan đến bản thân mình trong dự đoán:

Điều chúng tôi muốn giới thiệu ở đây là lấy những vật trong bản thân mình trong những trường hợp xét đoán.

Người xưa cho rằng: những cảm thụ của tâm linh chúng ta có thể nghiệm ứng với sự việc mà đối phương cần dự đoán.

Trong lòng chúng ta buồn bã thì việc dự đoán cũng sẽ làm cho người ta buồn rầu. Lòng chúng ta vui thì việc chúng ta dự đoán cũng làm cho người ta vui. Ta có thời gian rảnh rỗi thì việc ta dự đoán cũng tỏ ra là rất dàng dàng. Nếu như ta đang bận túi bụi thì việc chúng ta dự đoán có thể xuất hiện những tình huống quẩn bách. Ngoài ra, quan sát sự tĩnh, sự động ngôn ngữ, cử chỉ của đối phương cũng có thể cung cấp cho ta những cứ liệu để dự đoán.

Thí dụ: người mà sắp làm một việc phản bội thì ngôn ngữ của họ, hành động của họ đã lộ ra những biểu hiện như xấu hổ, nói năng ấp úng, những cử chỉ đáng để người khác hoài nghi.

Người may mắn, thẳng thắn trong lòng bình yên thì thường ít nói.

Người buồn bực, nóng tính thì thường nói năng không đúng chủ đề.

Những người lừa gạt và dối trá người khác thì nói năng đưa đẩy, câu trước mâu thuẫn với câu sau.

Người bị oan ức trong lời nói của họ có nhiều những câu uất ức.

Nguyên tắc chuẩn xác của dự đoán là ở cái huyền diệu của sự thông hiểu trong thâm tâm.

Khi chúng ta phán đoán sự biến hoá sinh khắc hoặc tử hoà của ngũ hành thì cần phải nghiên cứu tỉ mỉ, căn cứ những tượng quẻ bất quái. Quẻ cát thì ứng nghiệm cũng cát, kết quả cuối cùng tất nhiên là cát.

Quẻ hung, ứng nghiệm là hung, kết quả cuối cùng tất nhiên là hung.

Ứng nghiệm một cát một hung thì sự việc nửa cát nửa hung hoặc là tiền hung hậu cát.

Nếu ta muốn dự đoán chính xác, đương nhiên phải hiểu quan hệ tương hỗ của ngũ hành, rà xét kỹ sự biến hoá và thời cơ của cái động, cái tĩnh trong tượng quẻ đó chính là những điểm quan trọng của sinh khắc ứng với động tĩnh trong bát quái ngũ hành.

Sự phán đoán linh hoạt chính là ở chỗ dựa vào sự khai động của huyền cơ, tổng hợp được cái biến hoá vô lường của quẻ tượng hòa trộn được với nhau. Khi có việc phải dự đoán sẽ tùy cơ mà sử dụng.

Nhà tiên tri cổ đại Đông Phương Sóc có thể biết được những phần bí ẩn của sự vật. Gia Cát Lượng có thể dùng được “Chu dịch mã tiền khóa” để định cát hung trong khoảnh khắc.

Hoàng Phủ là người mà bạn có thể nhìn thấy ông ngồi chễm chệ dàng dàng nhưng dự đoán của ông vô cùng kỳ diệu.

Lý Thuần Phong chỉ cần dựa vào con chim đã có thể phán đoán một sự việc.

Mỗi người trong họ khi dự đoán cụ thể những phương pháp vận dụng có khác nhau nhưng những nguyên lý đều là những tri thức mà chúng tôi giới thiệu nhiều lần trên đây.

Tiết 5. XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM CỦA QUẺ.

Trên đây, ngoài việc nắm vững một số tri thức cơ sở của dự đoán ra, chúng ta còn hiểu được cách lập quẻ, đoán quẻ.

Nghiên cứu tượng quẻ như thế nào, khá nhiều những căn cứ và còn rất nhiều những kinh nghiệm phán đoán mà người xưa đã tổng kết. Bây giờ chúng tôi muốn tiếp tục giới thiệu với các bạn: đó là sự quyết đoán khi nào thì quẻ ứng nghiệm. Hoặc nói cách khác là làm thế nào để xác định thời gian ứng nghiệm của quẻ (gọi là quái kỳ ứng nghiệm).

Sau khi lập quẻ, trải qua sự nghiền ngẫm phân tích sự việc mà chúng ta dự đoán cát hung đã rõ ràng, cái mà còn lại tự nhiên sẽ là thời gian ứng nghiệm của kết luận quẻ đoán, sự quyết định của thời gian ứng nghiệm quan hệ đến sự thành bại của toàn bộ quá trình dự đoán.

Thời gian ứng nghiệm của cát hung từ xưa tới nay đều là cái cực kỳ được coi trọng đối với người đoán quẻ và người yêu cầu đoán quẻ. Những sách bán về phương diện này không ít, có sách thì lấy tượng quẻ để làm định kỳ ứng nghiệm. Có sách lại lấy số của quẻ mà định. Có sách lại lấy hào quẻ để định...

Ở đây, chúng tôi chỉ giới thiệu cho các bạn phương pháp dự đoán định kỳ ứng nghiệm cát hung thường dùng nhất.

I. ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM BẰNG TƯỢNG CỦA QUẺ.

Trong dự đoán, kết luận thời gian ứng khắc, tất nhiên phải quan sát cái “động” cái “tĩnh” của người xem quẻ, giúp chúng ta tìm hiểu được ứng kì đến chậm hay nhanh? Nếu có người đang đi trên đường yêu cầu bạn xem cho anh ta thì ứng kì đến tương đối nhanh và gấp.

Chúng ta có thể lấy tổng số toàn quẻ chia cho 2, lấy thương số (một nửa tổng số định ứng kì).

Nếu có người đang đứng yêu cầu bạn dự đoán hoặc có hiện tượng đứng hoặc chuẩn bị đi hoặc định ngồi xuống thì có thể gọi đó là nửa chậm, nửa nhanh. Thí dụ: Lập được quẻ “Tốn”, thì tổng số quẻ tốn là 10, nếu ứng nhanh, chia cho 2 sẽ là 5.

Nửa nhanh tính như thế nào thì sẽ là:

$$(5 : 2) + 5 = 7,5$$

Nửa chậm tính thế nào, sẽ là:

$$(5 : 2) + 10 = 12,5$$

Trong đó, 10 chính là số bình thường

Nếu có người ngồi mà yêu cầu chúng ta xem đó là dấu hiệu tương đối yên ổn. Vậy lấy quẻ Tốn làm thí dụ, Tổng số quẻ tốn là 10 thì phải lấy 10 nhân 2, lấy số bình thường ấy tăng gấp 2 làm ứng kì của việc chúng ta dự đoán.

Khi chúng ta dự đoán còn phải chú ý quan sát những biểu hiện thay đổi của người đến xem.

Nếu như người đến xem có những biểu hiện vui cười thoải mái thì điều ứng cát càng nhanh. Nếu như người đến xem trong hành động của họ có những biểu hiện xấu như: cầm giận, trợn mắt... thì việc dự đoán không thể cố ép mà làm được. Bởi tâm tư của mình không yên thì làm sao có thể dự đoán được. Nếu như “hung tượng” ấy biểu hiện ra tiếng khóc bi ai hoặc tuôn trào nước mắt thì các ứng nghiệm xấu đến tương đối nhanh.

Nếu người đến xem có nét mặt không hề có biểu hiện buồn bã hoặc vui mừng, trên nét mặt họ, ta nhìn không ra, việc chúng ta hỏi chỉ là cát hay hung (hung) thì chỉ sau khi lập quẻ mới biết được.

Bất quá những cái lớn cũng không thể vượt ra ngoài. Những cái nhỏ cũng không thể lọt vào trong. Xa thì lấy mọi vật để làm ứng nghiệm. Gần (gần) thì lấy các bộ phận quanh thân mình để làm nghiệm chứng. Xa thì ứng với năm và tháng. Gần thì ứng với ngày và giờ.

Cho nên, đoán định ứng kỳ phải căn cứ vào tình hình thực tế vào sự vật mà định. Nếu như không phân ra việc lớn việc nhỏ, vật thể tồn tại ở thể vĩnh cửu hay là tạm thời, mà cứ nhất loạt dự đoán thì kết quả dự đoán tất sẽ có sự sai lệch.

Trong dự đoán có một số thí dụ về quẻ. Chỉ cần coi trọng kết quả của sự vật mà không cần chú ý định đoán ứng kỳ của nó.

Thí dụ: đá bóng thì điều chủ yếu của nó là thắng – thua. Người ta chỉ quan tâm tới ai thắng ai thua chứ không để ý đến trận đấu kết thúc mấy giờ mấy phút.

Vì thế, phải hết sức nhanh chóng đoán thắng thua mà không cần tính toán đến ứng kì.

Đua ngựa cũng như vậy. Người ta chỉ để ý đến con ngựa nào có thể chiếm được giải nhất chứ không để ý đến cuộc đua bao giờ kết thúc? Con ngựa nào về sau?

Vì vậy, người đoán quẻ phải tập trung vào những vấn đề chủ yếu.

Tiết 6. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN QUẺ TRONG CÁC THÍ DỤ THỰC TẾ

Thế giới này có muôn vàn sự vật và hiện tượng. Đời người cũng sẽ gặp không biết bao nhiêu sự kiện. Nhưng mọi việc, mọi sự đều không qua khỏi chữ “Lý”. Trong tượng quẻ của bát quái có lý về âm dương, biến hoá âm dương, âm dương tiêu trưởng.

Những cái lí này, chúng ta, những người làm công tác dự đoán Chu dịch không thể không biết đến.

1. Sự tương sinh của ngũ hành.

Sự tương hỗ tư sinh (tương sinh) và giúp nhau phát triển của ngũ hành gọi là “Ngũ hành tương sinh”. Quy luật chung vốn có giữa thuộc tính của 5 loại sự vật. Thứ tự tương sinh của ngũ hành chúng ta đã giới thiệu. Nguyên lí của ngũ hành tương sinh là:

Mộc sinh hỏa: Tính chất có mộc là tương đối ẩm áp, tượng hoả nằm sẵn trong đó. Chỉ cần đốt là phát sinh ra khói và lửa. Cho nên nói là mộc sinh hoả.

Hoả sinh thổ: Sự đốt cháy của hoả tự nhiên sẽ tiêu hao bản thân mộc (củ). Một phần của mộc bị đốt cháy sẽ biến thành than. Than chui xuống đất thì thành thổ. Cho nên nói là hoả sinh thổ.

Thổ sinh kim: Kim nằm trong núi, trong đá. Đá núi do đâu mà có? Theo quan điểm của các nhà khoa học địa chất hiện đại bất kể là nham thạch trầm tích hay phun thạch, hoặc nham thạch, đá biến chất đều không thể tách rời thành phần ban đầu của đất.

Vì vậy, đất kết lại thành đá núi, rất nhiều loại đá núi đã xen lẫn hay chứa các nguyên tố vật chất của giới tự nhiên để tạo thành các vỉa kim loại (hay vàng), chữ kim ở đây có thể hiểu rộng là kim loại. Chúng cũng ở trong núi, trên đá. Vì thế người ta nói: thổ sinh kim.

Kim sinh thủy: Đó là khí của thiếu âm, là dòng chảy nham thạch. Tiêu kim thì thành thủy. Cho nên nói kim sinh thủy. Trong cuộc sống hàng ngày ta thường nghe nói đến nước sắt, nước thép, nước bạc và kim cũng có thể hoá thành thủy. Đó là những bằng chứng về kim sinh thủy.

Thủy sinh mộc: Vì sự thấm (thấm đượm của nước mà làm cho cây cối sinh trưởng (trưởng) là điều rất phổ thông không cần nói tới. Nhưng xét từ quy luật tương sinh của ngũ hành thì bất cứ một “hành” nào trong ngũ hành cũng đều có 2 mặt tức là “sinh ra ta” và “ta sinh ra”.

Thí dụ: Mộc sinh ra hoả là ta (tức: sinh ra ta)

Hoả sinh ra thổ (tức ta sinh ra)

Người sinh ra ta thì gọi là mẹ

Người ta sinh ra thì gọi là tử tôn

Cho nên: Quan hệ tư sinh của ngũ hành cũng gọi là “quan hệ mẫu tử”. Quan hệ này trong phương pháp dự đoán khác của dự đoán “Chu dịch” tức là cách dự đoán bằng gieo quẻ đồng tiền, hay dự đoán bằng 6 hào, là khái niệm cực kì quan trọng.

Để giúp các bạn ghi nhớ từng bước có thể sử dụng được một số tri thức cần thiết trong dự đoán, chúng tôi đều nhắc lại một lần những khái niệm liên quan để các bạn nắm chắc dự đoán, biến nó thành “của riêng mình”.

2. Sự chế ước lẫn nhau của ngũ hành

Sự chế ước lẫn nhau của ngũ hành còn gọi là sự khắc chế lẫn nhau, hay ngũ hành tương khắc. Trong cuốn sách “Tố vấn” trong phần bảo mệnh toàn hình của nền y học Trung Quốc có nói:

*“Mộc đắc kim nhi phạt
Hoả đắc thủy nhi diệt
Thổ đắc mộc nhi đạt
Kim đắc hoả nhi khuyết
Thủy đắc thổ nhi tuyệt
Vạn vật tận nhiên
Bất khả thắng kiệt”*

Nghĩa là: mộc mà gặp kim thì bị phạt (chặt). Hoả gặp thủy thì tắt. Thổ gặp mộc thì bị xâm nhập. Kim gặp hoả thì bị đốt, thủy gặp thổ thì hết. Vạn vật đều như vậy không thể chống được.

Trong quan hệ chế ước lẫn nhau của ngũ hành, bất kể hành nào cũng có 2 mặt: ta khắc và khắc ta.

Cái ta khắc được là ta thắng, cái khắc ta là cái ta không thắng. Ví như ta là thủy khắc hoả thì ta khắc ta thắng. Thổ khắc thủy, thủy là ta thì gọi là khắc ta.

Không thắng cho nên quan hệ chế ước lẫn nhau của ngũ hành cũng được gọi là sở thắng và sở bất thắng. (Cái thắng và cái thua).

Cái được gọi là thắng không được xem là quá đáng, “mọi vật đều như vậy không thể thắng hết mức được”.

Ví như kim có thể thắng mộc nếu như thắng quá mức. Thắng mọi chỗ thì cây cối rừng rậm đều bị phát quang toàn bộ, sự sinh tồn của nhân loại sẽ bị hủy diệt.

3. Thừa chế lẫn nhau của ngũ hành:

Thừa chế lẫn nhau của ngũ hành gọi tắt là “ngũ hành tương thừa”.

Đó chính là cái mức độ chế ước thái quá, quá mức bình thường của quan hệ khắc chế lẫn nhau trong ngũ hành.

Đó là hiện tượng khác thường trong sự phát triển biến hoá của sự vật.

Thí dụ như: hỏa khí quá vượng qua khắc chế của nước. Chẳng khác gì ngôi nhà bốc cháy. Nếu cảnh sát cứu hỏa đến ngay thì mấy thùng nước có thể dập tắt được lửa. Vì lúc ấy thủy mới có thể phát huy được tác dụng chế ước hoả của nó. Nhưng một khi lửa đã lan tràn, nếu muốn cứu hoả thì mấy thùng nước sẽ chẳng giải quyết được gì. Lửa quá lớn sẽ không bị thủy khắc chế. Sau khi lửa đã thiêu hủy những dụng cụ bằng gỗ và cửa sổ, tất nhiên lửa sẽ tấn công vào xà, kèo của kim loại, lấy hoả khắc kim, uy chế của lửa lại tăng lên.

Hiện tượng thủy bất chế hoả, để cho hoả khắc kim được gọi là hoả thừa kim, sẽ làm cho kim suy yếu.

Nếu như khí của thổ quá thịnh vượt tới mức bị mộc khắc chế. Khi mộc không thể chế khắc đối với thổ thì thổ thái quá ben phải đi “Thừa thủy” làm cho khí của thủy vượng hẳn. Cứ suy đoán kiểu này, quy luật khách quan tương thừa ngũ hành chúng ta có thể hiểu rõ được.

4. Sự khi vạ lẫn nhau của ngũ hành.

Sự lừa gạt chèn ép lẫn nhau của ngũ hành gọi tắt là “Ngũ hành tương vự” là hiện tượng khác thường, là phù với cái thịnh để lừa cái yếu.

Thí dụ: nước lũ dâng cao khắp chốn, con người tự nhiên sẽ dùng đất đắp thành đê cao hạn chế sự chảy lan tràn của nước lũ. Bình thường nước cao đến đâu, thổ chắn giữ đến đấy. Vì thổ là thứ có thể khắc chế thủy.

Nhưng nếu như nước quá lớn, đê đập nhà cửa bằng đất bị lũ cuốn trôi tạo ra tai nạn. Hiện tượng bị khắc ngược lại trở thành thịnh, phát hùng mạnh, có thể khinh thường và lấn át ngược lại. Cái khí mà khắc nó là sự phản hướng của tương khắc, từ trước gọi là “phản khắc”.

Đúng như trong sách “Tổ vắn” phần bàn về ngũ vận hành nói:

“Khí mà quá thừa, thì có thể khắc chế cái đã thắng nó và khinh rẻ cái mà nó không thể thắng được”.

Một ví dụ khác.

Thủy vốn khắc được hỏa, nhưng vì hỏa khí quá vượng thì hỏa sẽ quay lại khinh thủy. Hoặc là: Do thủy khí kém mà hỏa nhân cơ hội này là lừa thủy.

Tóm lại, học thuyết ngũ hành cho rằng: ngũ hành tương sinh, tương khắc là quy luật bình thường của sự biến hoá và vận động của mọi vật trong vũ trụ. Sự vật chỉ có thể thay đổi không ngừng trong điều kiện có lúc sinh có lúc khắc. Trong lúc khắc có cái sinh. Trong lúc sinh có cái khắc. Tương thừa, tương vự của ngũ hành chính là sự thừa cơ tập kích và chèn ép các khí khắc khí nó ở tình trạng thái quá. Đó là 2 hiện tượng khác thường trong sự phát triển của vạn vật.

Vạn sự vạn vật đều có cái “Lý” của nó. Âm dương tiêu trưởng ngũ hành sinh khắc cũng có cái “Lý” của nó. Sự vật phát triển biến hoá, đối lập thống nhất cũng có “Lý”. Vua chúa, tổng thống quản lý quốc gia như thế nào cũng có cái “Lý” riêng. Một con người, muốn làm người như thế nào cũng có cái “Lý” riêng của họ.

Tóm lại, Trời đất sinh ra vạn vật vạn loài đều có cái “Lý” ở trong đó. Cho nên hệ từ của Chu dịch có câu:

*“Bát quái dĩ tương cáo
Hào tượng dĩ tình ngôn”*

(Bát quái cho người ta biết rằng tượng quẻ, tượng hào, nói ra bằng tình).

Công việc dự đoán của chúng ta trong các loại tượng quẻ, trong hào từ, quái từ của bát quái. Cái “Lý” này đều đã nói rất rõ. Chỉ cần chúng ta chịu khó nghiên cứu nhất định chúng ta có thể biết được hết. Cho nên, có người nói: “Biết được tượng thì đã biết cái “lý” ở trong đó.

“Lý” không chỉ là một nguyên tắc chủ khách “Kinh dịch” và diễn giải “Kinh dịch” bắt buộc phải tuân theo mà còn là một kim chỉ nam cho việc dự đoán các tin tức.

Đặc biệt là: khi quyết định những lời phán quyết về kết quả của dự đoán thì “Lý” tỏ ra là đặc biệt quan trọng. Nếu bạn biết sử dụng thì dự đoán sẽ “trăm phát trúng cả trăm”. Nếu vận dụng sai thì kết quả dự đoán của chúng ta coi như bằng không.

Do phương pháp lập quẻ cũng như nội dung dự đoán của bát quái không ngừng được thay đổi, cải tiến, cho nên phương pháp đoán quẻ cũng ngày càng hoàn thiện, càng có tính khoa học, độ chuẩn xác ngày càng cao. Nhưng theo đó thì càng ngày càng phức tạp. Cái kho của kỹ thuật tương đối lớn. Việc nắm vững nó có khó khăn nhất định. Ngoài việc học tập nắm vững tri thức cơ sở ra, điều cần thiết hơn là phải thông qua việc mổ xẻ phân tích cái thí dụ cụ thể của cổ – kim mà chúng ta còn phải lĩnh hội được cái bí quyết nội tại của việc đoán quẻ.

Chỉ có làm rõ những điều mới của các ví dụ đoán quẻ thành công của cổ kim từ xưa tới nay, mới có thể tự bản thân mình dự đoán thực tiễn và vận dụng một cách linh hoạt (những thí dụ ấy trong khi sử dụng sẽ nâng cao trình độ dự đoán của bản thân).

Bây giờ, chúng tôi sẽ tiến hành đối chiếu và phán đoán các thí dụ về quẻ. Kết hợp cổ, kim, giới thiệu cho các bạn mấy cách đoán quẻ khác nhau, nhằm cung cấp cho các bạn khi tham khảo nghiên cứu.

Thứ 1. Phép đoán quẻ bằng động hào

Trong dự đoán: “Bát quái Chu dịch” sau khi đã lập xong quẻ, bước tiếp theo của chúng ta là xem tình hình động hào của nó. Tóm lại là: Hào động là “Biến”.

Hào không động là không “Biến”.

Do cách lập quẻ khác nhau mà trong một quẻ có lúc chỉ một hào động, có lúc vài hào động, có lúc cả sáu hào đều động.

Tất nhiên cũng sẽ có quẻ không hề có hào động. Những quẻ mà có hào động ngoài việc quan sát kĩ tình huống toàn bộ của tượng quẻ còn có thể kết hợp xem hào từ để phán đoán. Sơ hào động thì xem hào từ của sơ hào. Tam hào động thì xem hào từ của tam hào. Thượng hào động thì xem hào từ của thượng hào.

Hào từ thường có những trường hợp không ăn khớp với tính chất của sự việc chúng ta đang dự đoán.

Thí dụ: người xem yêu cầu chúng ta dự đoán kết quả thi cử, lên lớp của con cái họ như thế nào?

Xem được quẻ sơn thủy mông  sơ hào động, giờ xem hào từ của “sơ lục”, “sơ lục” viết: “phát mông, lợi dụng hình thân, dụng thoát trất cổ, dĩ vãng lận”. “Hình” là trường phạt có nghĩa là sửa đổi, cái chính.

“Trất cổ” đó là dụng cụ trong nhà tù, cái cùm, cũng có thể hiểu là sự trói buộc, bắt buộc.

“Lận” có hàm nghĩa là khó khăn.

Sơ “lục” là hào âm lại ở vị trí dưới cùng, đó là thời kì ấu trĩ và mông muội nhất cho nên lại phải tháo gỡ cái mông muội, để gợi ý cho con người biết về sự mông muội đó.

Hào từ của sơ “lục” điểm trung tâm của nó là: khi bắt đầu giáo dục phải nghiêm khắc nhưng không được quá đáng. Hơn nữa, trước hết phải đặt ra được các quy luật”.

Thoạt nhìn, hào từ của sơ lục hình như nó không có một liên quan gì đến việc đi học của trẻ em. Đối với việc dự đoán của chúng ta cũng chẳng giúp được là bao. Thực tình, không phải như vậy: biết nghĩa của nó vận dụng vào việc xem thì ý nghĩa của nó lớn hơn nhiều. Lĩnh hội ý nghĩa của “sơ lục”, liệu chúng ta có phải giải thích vấn đề dự đoán lên lớp dưới đây được chăng?

Cần phải tiến hành giáo dục khi trẻ con thì vào trường hằng hai cách thức chuẩn bị:

Nếu thì được, tất vui sướng hơn hở.

Nếu thì trượt thì không nên chán nản, thoái chí.

Trước khi đi thi phải tập trung ôn tập nắm thật chắc kiến thức cơ bản làm thêm nhiều bài tập, không hiểu thì hỏi cho rõ.

Những yêu cầu nghiêm khắc của phụ huynh cần kết hợp với tình hình thực tế của con cái. Không nên quá vì theo đuổi việc lên lớp mà trách mắng quá đáng.

Việc lên lớp không dễ. Đó là vấn đề mà mỗi đứa trẻ và mỗi phụ huynh càng phải có trách nhiệm giải quyết cho đúng đắn.

Sau đó, căn cứ vào toàn quẻ mà đưa ra những lời phán đoán. Đối với kết quả thi cử của đứa trẻ này, tự nhiên chúng ta đã có cơ sở nhưng không thể tất cả nói hết ra được. Có thể để lại những phần thích đáng cho đối phương suy nghĩ, để tránh được việc “đội nước lạnh” vào trái tim “nóng bỏng nhiệt tình”. Hoặc giả sẽ đem lại một áp lực mà đứa trẻ không thể chịu đựng nổi, ảnh hưởng đến sự ôn tập và phát huy trí lực của đứa trẻ trước khi đi thi.

Trong quẻ, nếu như không có hào động, tất nhiên chỉ cần dùng quẻ đó mà phán đoán.

Đoán quẻ mà đúng thì có thể xem thêm quái từ để lĩnh hội được thực chất và hàm nghĩa của nó và có những phán đoán sát thực.

Trong “Hệ từ Chu dịch” có nói: “Động thì xem cái biến của nó mà đem ra những lời tiên đoán”.

Một quẻ mà có một hào động thì sự phát triển và biến hoá của sự vật ta xem sẽ có tính chuyên về một mặt nhất định. Phạm vi biến hoá và hoạt động của nó tương đối nhỏ. Vì thế, độ khó khăn của dự đoán cũng như kết luận đều tương đối dễ nắm bắt.

Ngày xưa, phần đông người ta đoán việc lấy một quẻ, một hào động là mục đích chính cuốn sách này. Hiện tại, chúng tôi cũng giới thiệu các bạn một quẻ chỉ có một hào động.

Căn cứ vào một hào động để phán đoán sự việc chiếm một vị trí rất quan trọng trong dự đoán Chu dịch. Người thí dụ như vậy trong tài liệu lịch sử cổ như: “Tả truyện” “Quốc ngữ” đều có ghi chép:

CÁC THÍ DỤ ĐỜI CỔ

Thí dụ 1: “Tả truyện – Tuyên công thập nhị niên”

Quân Tấn đi cứu nước Trịnh, đi đến giữa đường thì được biết: nước Trịnh và nước Sở đã giảng hoà.

Người chủ tướng cho là không cần phải tiến quân nữa. Nhưng phó tướng Tử Cương Phục tính tình hiếu chiến, không nghe vẫn chỉ huy quân tiếp tục tiến quân.

Tri Trang Tử đã vận dụng quẻ “Địa Thủy Sư” của Chu dịch cùng biến quẻ là “Địa Trạch Lâm” (Động sơ hào). Dùng hào từ của sơ hào quẻ “Sư xuất dĩ luật phủ tàng hung” (Khi ra quân thì theo luật, nếu trái lại thì gặp hung) và nói với Tử Cương Phục là:

Làm trái quân kỷ, không phục tùng chỉ huy – tất nhiên sẽ gặp thất bại,

Lời nói của Tri Trang Tử rất có lý vì ngay sau hào từ của sơ hoặ là có lời tượng viết: “Sư xuất dĩ luật, thất luật hung dã”.

Nghĩa là: ra quân phải có kỷ luật. Mất đi kỷ luật là điểm hung, điểm xấu. Quẻ sư và sơ hào tượng trưng cho việc quân đội xuất phát và chiến đấu.

Ngay từ lúc đầu, phải dùng kỷ luật, quân luật nghiêm khắc để chỉ huy quân đội – Nếu không, cho dù thắng vẫn là thất bại – đều là những điểm xấu.

Chúng ta thử phân tích hình của quẻ:

Địa		Thổ		Địa		Thổ
Thủy		Thủy		Trạch		Kim
Sư	(1)		(2)	Lâm	(3)	

Chủ quẻ (1) thượng quẻ là thể là chủ, là thổ. Hạ quẻ là dụng là ứng là thủy lúc mới đầu là thổ khắc thủy, chiến sự vẫn chưa triển khai. Quân đội vẫn giữ nguyên là quân đội, nhìn bề ngoài vẫn hùng mạnh khí thế không phải tầm thường.

Thời gian giữa quẻ hồ chấn mộc lộ rõ là cái tướng khắc chủ khắc thể, thể ở quẻ trên là được khôn thổ tương phu, nhưng rút cục cũng không chống nổi cái uy nghiêm của mộc và thủy trong quẻ hồ chủ dụng và bản thân quẻ đặng. Tất nhiên chiến sự thất bại.

Thời gian sau là quẻ Địa trạch lâm đã xuất hiện “quẻ thể” sinh “quẻ dụng”.

Thổ sinh kim, tức là: “Thể sinh dụng chủ hao chi chủ hoạn”. Kết quả: quân Tấn đã bị quân Sở đánh cho đại bại, đã tiêu hao thực lực quân đội nước Tấn.

Thí dụ 2: “Tả truyện – Viên công cứu niên”.

Tổng công phật Trịnh, Triệu Ương của nước Tấn đem quân cứu nước Trịnh. Dương Hồ đã dùng Chu dịch lập quẻ, được quẻ Địa Thiên Thái. Ngũ hào động biến quẻ thành quẻ: Thủy Thiên Nhu:

Phân tích hình quẻ:

Địa		Khôn thổ		Thủy		Thủy
Thiên		Cần kim		Thiên		
Thái			Động 5	Nhu		Kim
	(1)		(2)		(3)	

Chủ quẻ: cần kim là thể. Khôn thổ là dụng

“Dụng sinh thể, chủ sự cát”

Quẻ hồ của thượng quẻ là chấn mộc, của hạ quẻ là đoài kim. Đối với cần kim của chủ thể thì không có điểm nào là xấu. Quẻ biến: thể sinh dụng – kim sinh thủy có nạn về của cải, tổn thất. Chúng ta hãy xem hào từ của ngũ hào.

Lục ngũ: đế ất quy muội, dĩ chỉ, nguyên cát. “Đế ất” là danh hiệu của thiên tử “quy” tức là giá (giá thú), “chỉ” nghĩa là phúc.

“Lục ngũ” ở vào tôn vị là chủ thể của quẻ Thái. Âm hào được ở giữa, nhu thuận – trung dung. Giữa hào âm là khoảng không tượng trưng cho sự khiêm tốn.

Vị thiên tử này bản thân khiêm tốn lại tâm đắc, với “cửu nhị” khỏe khoắn cương trực ở bên dưới. Đó chính là hình tượng thiên tử gả em gái mình cho một nhân vật dưới quyền có sức mạnh. Đương nhiên, đó là điều cát khánh.

Y nghĩa thực chất của hào từ: “Lục ngũ” là trong lúc yên thái càng cần phải chọn người hiền, có năng lực. Thế thì nó có quan hệ gì tới việc Triệu Ương dẫn quân đi giúp Trịnh?

Chúng ta có thể liên tưởng như thế này: “Hành động cứu nước “Trịnh” tất nhiên là phải hỏi tội nước Tống, dẫn đến sự tranh giành giữa nước Tống và nước Tấn. Nhân dân nước Tấn vốn đang yên lành lại rơi vào khói lửa của cuộc chiến tranh. Họ sẽ phải chịu nỗi thống khổ vô cùng của cuộc chiến.

Mặt khác, chiến tranh với một ông vua hiền hoà khiêm nhường, nắm vững các đạo trị quốc ôn hoà, từ đó xét về mặt tượng quẻ:

Ra quân tuy không đến nỗi bại trận, song, tất nhiên nước Tấn phải tiêu hao nhân lực, vật lực và tài lực của bản thân mình trong cuộc chiến tranh này. Vì thế, trong việc chọn lựa: đánh hay không đánh? Xét về lợi ích của nước này thì thà rằng không đánh còn đảm bảo được quốc tế dân sinh.

Chính vì vậy, Dương Hồ đã dựa vào hào từ mà đoán: Đánh Tống thì không tốt, kết quả là: không nên đi.

Thí dụ hiện đại về đoán quẻ bằng sơ hào động: chúng tôi sao lại nguyên văn các thí dụ thực tế đã dự đoán của ông Thiệu Vĩ Hoa, sau đó để giúp các bạn hiểu thêm, có phân tích, tóm

tất cốt để giúp các bạn nắm được ngọn nguồn trong quá trình dự đoán đầy nhanh tiến bộ thực tiễn của bản thân bạn.

Xem và hiểu các thí dụ thực tế về đoán quẻ sẽ có ích trong thực tế dự đoán sau này, và dần dần các bạn sẽ mở được luồng tư duy của mình. Từng bước, bạn sẽ phân tích trong dự đoán, quan sát và kết luận.

Thí dụ thứ nhất.

Ngày 9 – 8 – 1984. Đồng chí Nhiệm ở đơn vị tôi có việc cần tôi dự đoán. Được quẻ

“Tụng” từ quẻ “Khốn” (trạch thủy khốn) . Hào từ của thượng lục hào quẻ “Khốn” nói: “Khốn vu cát lũy, vu niết ngột, viết, động hối, hữu hối, chinh, cát”.

“Bị hãm ở trong các khóm dây leo ràng buộc, đứng không vững nên quyết tâm thay đổi, thế cục và hối cải thì sẽ có kết quả may mắn”.

Trong cuốn “Chu dịch thiển thuật” có nói: “dây leo đang néo chân mình, bị lung lay dao động ở trạng thái bất an, trong lúc khốn cùng vẫn có lúc hối cải – Đó chính là hành động biểu hiện cái may mắn”.

Tôi nói với anh ta:

Anh bởi vì có quan hệ nam nữ bất chính mà cảm thấy vô cùng hối hận.

Anh ta nói: “Đúng! Đó là cô gái goá đã quấn chặt, tôi không có cách thoát thân, trong lòng vô cùng bối rối. Sự cứ tiếp tục thế này sẽ sinh chuyện, anh xem phải làm thế nào?”

Tôi dựa vào quan hệ xung khắc – khuyên anh ta giải quyết một cách êm ả, nếu không tai họa lớn sẽ giáng xuống đầu. Vì nghe tôi, anh ta đã bình yên vô sự.

Phân tích những điểm khó trong quẻ này của ông Thiệu.

1) Quẻ “Khốn” từ đâu mà có?

Điều kiện hiện có: 8/9/1984 là năm Giáp tý, năm tý là số 1, tháng 8 là số 8, mùng 9 là số 9.

$1 + 8 + 9 = 18$. Chia cho 8 còn thừa 2. 2 là quẻ .

Thượng quẻ là  đã xuất hiện

Hạ quẻ của “trạch thủy khốn” là khảm thủy, là số 6. Những số lớn hơn 18 thì số nào chia cho 8 còn dư 6?

Chúng ta làm phép tính ngược lại, có thể biết: số $22 : 8$ là dư 6.

Giờ tý là số 1 Sửu là số 2. Vậy số 6 là giờ tỵ. Giờ tỵ chính là từ 9 đến 11 giờ theo giờ hiện tại. Như thế, thời gian để lập quẻ đã có đủ. Quẻ Trạch thủy khốn là xuất phát lúc giờ tỵ ngày 9 – 8 – 1984.

$1 + 8 + 9 + 6 = 22$, đem chia 6, thì số dư sẽ là 4. Biến quẻ sẽ là quẻ “Khảm”. Điều này không phù hợp với biến quẻ cũ của ông Thiệu Vĩ Hoa.

Ở đây, chúng ta phải loại bỏ các sai sót về cách viết, thì có thể cho rằng quẻ trong thí dụ không phải để lập ra bằng phương pháp lập quẻ theo thời gian mà có khả năng là lập quẻ bằng gieo đồng tiền – Hoặc là những phương pháp khác mà thành. Thượng quẻ là  chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên.

2) Thượng lục hào là hào động. Căn cứ vào quái từ có thể đoán rằng: người đến xem quẻ đang ở vào tình trạng bó buộc. Trong lòng bất an. Điều đó có thể hiểu được tại sao lại đoán rằng người đến xem: “Vì có quan hệ bất chính mà cảm thấy hối hận vô cùng”.

Hãy nhìn hình quẻ:

Trạch

Thiên

Thủy Khốn		Thượng quẻ kim Hạ quẻ thủy		Thủy Tụng		Thượng quẻ kim Hạ quẻ thủy
	(1)		(2)		(3)	

Cột 1:

Hạ quẻ là thủy, là thể.

Thượng quẻ là kim, là dụng.

Ở quẻ thể, vị của hào dương “cửu nhị” bất chính, dương là đàn ông. Sơ lục, lục tam, hai hào là âm. Âm là đàn bà.

Quẻ thể đã có tượng của một nam hai nữ. Thời kỳ đầu, quẻ dụng sinh quẻ thể. Dụng kim sinh thể thủy có thể được cái gọi là “niềm vui cá nước” tạm thời.

Sau đó, quẻ hồ là thủy và hỏa không chung sống được. Cái biểu hiện của quẻ thể bị khắc đã lộ rõ. Xét về mặt đạo đức con người thì bản thân người đến xem đã có một tâm lý bất an và hối hận đối với quan hệ nam nữ không chính đáng của mình.

Người mà chúng ta nghiên cứu dự đoán đã có một tinh thần vì điều thiện. Tất nhiên cần phải khuyên anh ta “cải tà quy chính”, xử lý việc này một cách thoả đáng. Giải quyết êm đẹp là tốt hơn cả, không cần thiết phải chịu sự đau khổ của “đại họa giáng xuống đầu”.

Trong khi dự đoán, gặp những quẻ như thế này phán đoán đến bước thứ 2 là cũng có thể được.

Thí dụ thứ hai:

Ngày 27 – 7 – 1986 đồng chí Ngô Hán Thu ở đơn vị tôi dẫn thầy dạy nghề họ Hầu đến nhà. Nói là sắp đi công tác. Thử xem đi có an toàn không? Được quẻ “Tiệm” từ quẻ “Gia nhân” sơ hào, hào tử của quẻ “phong hỏa gia nhân” nói: “Nhàn hữu gia, hối vong” “Trong nhà có người nhàn rồi sẽ hối hận về người ấy”. Trong “Thích văn” giải thích: “Chữ Nhàn có nghĩa là phòng”, phòng chuyện đạo tặc v.v... Quẻ gia nhân trong Chu dịch nói: “Suy từ lục hào thì thượng hào là bố, sơ hào là con, ngũ tam hào là chồng, tứ nhị hào là vợ, ngũ hào là tượng về anh em trai, nên gọi là gia nhân”.

Căn cứ vào tượng quẻ và hào sơ tử tôn động tôi nói: “Căn bản là ông không phải đi công tác mà là vì con trai ông có việc trộm cắp vi phạm pháp luật”. Ông hầu nói: “Đúng! Đúng! Chính vì đứa con trai tôi trộm cắp mà bị bắt rồi ông xem có cách nào giải thoát được không?”.

Tôi nói: “Con trai ông sẽ hai lần phải vào tù, nó cam bị đánh chứ không chịu bị phạt. Lần này nhiều nhất là bị một năm lao động để cho nó chịu khổ. Được giáo dục thì tai họa thứ hai nếu có vào ngục cũng có thể tránh khỏi. Nếu không thì sẽ bị trọng phạm”.

Rất đáng thương những tấm lòng cha mẹ; Thấy Hầu đã chịu tiền phạt để cứu con ông về. Đứa con trai ông sau đó quả nhiên vào tù năm 1987 lại phạm tội trộm cắp lần thứ hai. Bình tuyến án 7 năm tù Thầy Hầu rất hối hận vì lúc mới đầu không nghe lời tôi, để đến bây giờ: người và của đều mất trắng.

Phân tích điểm khó của quẻ này:

1. Quẻ này từ đâu mà ta điều kiện ta đã biết là: thời gian dự đoán vào ngày 27/7/1986. Năm 86 là năm Bính dần, là số 3. Tháng 7 là số 7, ngày 27 là số 27.

$$3 + 7 + 27 = 37$$

37 : 8 = 4 còn dư 5. Quẻ tổn là số 5 vì vậy thượng quẻ là tổn
hạ quẻ nảy sinh như thế nào? Cách tính là:

$(3 + 7 + 27 + \text{số giờ}) : 8 = X...$ và còn dư 3.

$3 + 7 + 27 = 37$, thế thì số nào lớn hơn 37 chia cho số 8 số dư lại chính là 3?

$37 : 8$ số dư là 5, $5 + 3 = 8$ vừa vặn chia hết cho 8. Nếu như cần số dư là 3 thì số 5 phải cộng thêm số 6 nữa.

Như vậy: $3 + 7 + 27 + 6 = 43$

$43 : 8 = 5$ còn dư 3.

Ly là 3 cho nên hạ quẻ sẽ là quẻ ly  thời gian là số 6 là giờ tỵ. Theo giờ hiện đại là từ 9 giờ đến 11 giờ sáng.

Vậy thời gian sinh ra chủ quẻ là: giờ Tỵ ngày 27/7/1986 : chia 6 = 7 còn dư 1.

Hào động là số 01 biến quẻ sẽ là: quẻ gia nhân: 

3) Tại sao nói: “con trai anh vì việc trộm cắp mà phạm pháp”

Quẻ “phong hoả gia nhân” hào từ cửa sơ hào nói: “sơ cửu nhân hạ là sẽ hối vong – hối hận và mất mát”. Tượng nói: “Nhân hữu gia, chí vị biến dã”.

“Nhân” là có ý đề phòng phạm pháp.

“Sơ cửu” là bắt đầu quẻ này. Dương hào, dương vị cương nghị, chính trực tượng trưng trong gia đình có thể đề phòng được những tai họa chưa đến, thì sẽ không có những sự việc phát sinh hối hận về sau.

Hiện tại, thầy Hầu lại do một người khác dẫn đến để xem quẻ, cho thấy là chea có khả năng làm được cái việc “đề phòng hoạn nạn khi nó chưa xảy ra”.

Phán đoán thứ nhất là:

Sơ cửu động. Trong quẻ phong hoả gia nhân, sơ cửu nằm ở dưới thấp nhất tính thuộc dương. Vì thế chính là con trai thầy Hầu đã sinh chuyện. Vậy chuyện gì đã xảy ra? Có phải là việc đề phòng phạm pháp không chu đáo mà dẫn đến không?

Trong “Vạn vật, loại tượng” về quẻ Tốn có nói: “lợi thị tam bội, tiến thoái bất quá”.

Nghĩa là: buôn bán ở chợ thì lãi ba lần, việc tiến việc thoái không có kết quả”.

Phân tích và lý giải ý này.

Một là: việc buôn bán lãi gấp 3 lần.

Trong quá trình thu lợi nhuận sẽ xảy ra những việc tranh cãi lẫn lộn.

Một mặt khác là trong xã hội có một số thanh niên không chịu học, coi trộm cắp làm nghề buôn bán không cần vốn. Nếu trộm cắp được thì đâu có phải là “lãi 3 lần”.

Nhưng làm như vậy thì phạm pháp và nền đạo đức của xã hội không thể cho phép. Cho nên bất luận là trộm cắp thành công hay thất bại thì “tiến thoái” đều không có kết quả.

Thiệu Vĩ Hoa tiên sinh là người có kinh nghiệm trong thực tế. Ông dự đoán rất phong phú. Nói câu nào đúng câu ấy điều đó chẳng gì là lạ.

Điểm khó thứ ba:

“Con của ông có hai lần tai họa bị vào ngục – Nó thà bị đánh chứ quyết định không chịu nộp phạt” chữ “bị đánh” là cách nói rất quen thuộc đã thành lệ trong xã hội có ý là:

bị tuyên án còn nộp phạt là chỉ việc xử phạt về kinh tế.

Ở đây, tại sao lại nói: “Con ông có hai lần bị vào tù” và khuyên ông: Hãy để cho con trai ông tiếp thu cải tạo mà không cần phải chịu nộp phạt về kinh tế thay để bảo lãnh cho nó?

Chúng ta hãy xem quẻ này:

Phong

động hào 1

Hoả Thể



Thể tốn mộc



Phong



tốn mộc

Gia	Dụng	sơn	
Nhân	Dụng ly hoả	tiệm	cẩn thổ

Quẻ phong hoả gia nhân, thượng quẻ tổn mộc là thể. Hạ quẻ ly hoả là dụng. Tượng quẻ là mộc sinh hoả. Thể sinh dụng chủ có lo một lần mất mát.

Vì trên đây chúng ta đã phân tích tính chất của mất mát đã xác định, cho nên có thể đoán định đây là một lần tai hoạ phải vào tù mà không thể là cái gì khác được.

Lại phân tích quẻ hồ. Quẻ thượng lại là ly hoả. Hồ cũng là dụng, thể sinh hồ, thể sinh dụng. Đó lại là một lần mất mát nữa như trên. Tính chất của mất mát ta đã xác định được, vì thế có thể kết luận rằng: sẽ còn một lần vào tù ngục nữa.

Điểm khó thứ tư.

Tại sao nói: lần này, là lần lâu nhất bị án một năm lao động cải tạo? Đó là vấn đề bạn đọc quan tâm. Cũng là một trong những vấn đề nghiên cứu học tập dự đoán rất khó mà nghĩ cho ra.

Kỳ thực, đã hiểu rồi thì rất đơn giản. Nhất hào động thì chủ một năm, 1 tháng, 1 ngày, 1 giờ, nhị hào động thì chủ 2 năm, 2 tháng, 2 giờ. Lục hào động thì 6 năm, 6 tháng, 6 ngày, 6 giờ.

Trong tình trạng chịu án nói chung, phải tính bằng năm, bằng tháng. Tình trạng chịu án 1 tháng 1 ngày ít có. Cho nên dựa vào tính nghiêm trọng của tội trạng, quẻ này đã đoán định là phải một năm lao động cải tạo là tương đối thoả đáng.

Con trai của thầy Hầu, trong khi bị giam tù lần thứ nhất, một mặt là do tính nghiêm trọng của tội trạng tương đối thấp. Hơn nữa, lại phạm tội lần đầu. Nếu để cho nó tiếp thu giáo dục cải tạo thì khả năng cải tạo tương đối lớn. Chỉ cần sự giáo dục chịu khổ để sửa chữa lỗi lầm cũ thì cái họa vào ngục lần thứ hai sẽ có khả năng tránh được. Lần này, đã dùng hình thức nộp tiền phạt để thay thế cho việc giáo dục cải tạo. Tiền là của cha mẹ, nên con không hề thấy xót của đau lòng, mặt khác lại thấy thoát khỏi lao tù không khó khăn gì. Vì vậy, sửa chữa lỗi lầm rất khó.

Kết quả khi bị tai họa lần hai vào ngục lại một lần nữa phạm tội, tính phạm tội của nó lần này tăng lên nhiều.

Kết quả bị phạt xử tù 7 năm. Bố mẹ rơi vào tình trạng người mất của chẳng còn, ngẫm lại quả cũng có điều đáng tiếc.

Từ sự phân tích những tình huống của 2 quẻ trên đây, một số tư liệu đã làm cho bạn đọc tiếp nhận và cảm thấy lạ lùng.

Để giúp cho các bạn học tập và vận dụng tư liệu, xoá đi mặc cảm “sách chỉ đến khi dùng mới cảm thấy thiếu”.

Nay, chúng tôi sẽ giới thiệu cho các bạn tượng của vạn vật từ “Mai hoa dịch số” theo 8 cung.

Tượng của vạn vật là bộ phận rất quan trọng trong phương pháp dự đoán của “Mai hoa dịch số”, là yếu tố không thể thiếu được trong khi dự đoán tin tức. Những điều nói tượng của vạn vật là tượng của các vật theo bát quái. Không ít bạn đọc đã nhắc đến vấn đề là khi gặp trường hợp biệt quẻ xuất hiện, sự không ăn khớp giữa thượng quẻ và hạ quẻ như thế nào?

Gặp tình huống này thì xem thượng quẻ là quẻ gì? Hạ quẻ là quẻ gì? Đối chiếu với việc mình dự đoán. Xem thượng quẻ và hạ quẻ, các quẻ chủ về việc gì? Quẻ này thuộc tượng nào là được? Còn quẻ hồ và quẻ biến cũng đều theo cách này:

Tượng về vạn vật của MAI HOA DỊCH SỐ

Quẻ càn

1. Thiên thời: là trời, là băng, là tuyết sương.
2. Địa lý: phương tây bắc, kinh đô, đại quân, là nơi có cảnh đẹp, là nơi cao và khô.
3. Nhân vật: là vua, là cha, là đại nhân, người già, trưởng giả, quan lại, gia nhân, người ở cửa quan.
4. Nhân sự: khỏe mạnh vũ dũng, quả quyết, nhiều động ít tĩnh, từ cao cúi xuống dưới.
5. Nhân thể: đầu, xương, phế.
6. Thời gian: thu, giao thời giữa tháng 9 và 10, năm tháng ngày giờ của tuất hội, những năm tháng ngày giờ thuộc kim.
7. Động vật: ngựa, thiên nga, sư tử, voi.
8. Tĩnh vật: vàng, ngọc, cửa châu báu, những vật tròn, quả cây, những vật cứng, mũ, gương.
9. Công trình xây dựng: nhà xí công cộng, lâu đài, nhà cao, biệt thự, nhà tiếp khách, nhà ở hướng Tây bắc.
10. Gia trạch: xem về mùa thu, gia trạch hưng long; mùa hạ thì nhà có hoạ; mùa đông thì nhà lạnh lẽo; mùa xuân thì có rất lợi.
11. Hôn nhân: một gia đình quan quý, nhà có thanh danh xem mùa thu thì thành, đông hạ bất lợi.
12. Đồ ăn: thịt ngựa, những thức ăn quý hiếm, có nhiều xương, gan, phổi, thịt khô, các hoa quả, đầu các loại, vật tròn, thức ăn có vị cay.
13. Sinh sản: dễ sinh, thu xem sinh quý tử, mùa hạ xem có tổn, ngồi lên quay hướng Tây bắc.
14. Cầu danh: có danh, nên nhận chức trong triều, hình quan võ chức, nắm quyền, thiên sứ và quan tuần nên nhận chức ở hướng Tây bắc.
15. Mưu vong: có thể thành, lợi ở hướng cửa quan, có cửa khi động (hành động); xem mùa hạ không thành – xem mùa đông thì lắm mưu nhưng không đạt.
16. Giao dịch: nên buôn hàng vàng, đồ ngọc quý, những hàng đắt giá, dễ thành. Mùa hạ xem không lợi.
17. Cầu lợi: có cửa, lợi của vàng ngọc. Được lộc ở trong cửa quan. Thu xem thì đại lợi. Hạ xem tổn tài. Đông xem thì vô tài.
18. Xuất hành: lợi về xuất hành, nên đi về kinh đô, lợi những chuyến đi về phương Tây bắc, hạ xem không lợi.
19. Yết kiến: có lợi khi gặp đại nhân, gặp người có đức hạnh, nên gặp quan quý, có thể gặp.
20. Tật bệnh: có bệnh ở đầu và mặt, bệnh phổi, bệnh về gân cốt, bệnh hoả bốc lên trên. Mùa hạ xem thì bất yên.
21. Kiện tụng: thắng lý, có quý nhân phù trợ, mùa thu xem được kiện, hạ xem thì thua kiện.
22. Phương hướng: Tây bắc
23. Ngũ sắc: màu đỏ chói, màu đen.
24. Tên tuổi: người có họ mang bộ kim, thương âm; ở hàng thứ nhất, thứ tượng và thứ chín.
25. Con số: 1, 4, 9
26. Ngũ vị: chua cay

Quẻ khôn

1. Thiên thời: có mây và râm, sương mù.

2. Địa lý: ruộng đồng, thôn quê, đất bằng, hướng Tây Nam.
3. Nhân vật: mẹ già, mẹ kế, nông dân, người ở quê, số đông, bà già, người bụng to.
4. Nhân sự: lằm lỳ, hiền hoà, nhu nhược, số đông, kẻ tiểu nhân.
5. Thân thể: là bụng, tỳ, vị, thịt.
6. Thời gian: tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi; năm, tháng, ngày, giờ: Mùi thân; tháng ngày 5, 8, 10.
7. Tình vật: vật vuông, vật mềm, bằng vải, bằng tơ, ngũ cốc, rìu, búa, đồ sành sứ.
8. Động vật: trâu, bò, bách thú, ngựa con.
9. Công trình xây dựng: hướng Tây Nam, nhà nông thôn, nhà thấp, bậc lên xuống bằng đất, kho tàng.
10. Gia trạch: yên ổn, nhiều âm khí, mùa xuân xem thì gia trạch bất an.
11. Đồ ăn: thịt trâu bò, những vật phẩm từ đất, vị ngọt, những vị tự nhiên, vị ngũ cốc; những vật, thức ăn về măng, mầm, lòng ruột.
12. Hôn nhân: lợi cho hôn nhân, thích hợp những nhà cho thuê. Nhà ở làng quê, nhà của bà góa mùa xuân xem bất lợi.
13. Sinh đẻ: dễ sinh, xuân xem khó sinh, có tổn thất, việc không lợi cho mẹ, nên ngồi hướng tây nam.
14. Cầu danh: có danh – nên đi hướng Tây Nam hoặc nhận chức quản giáo, quản nông, quản nhà đất. Xem mùa xuân thì hư danh.
15. Giao dịch: lợi về giao dịch, nên giao dịch về đất đai, lợi về ngũ cốc, vay mượn, vật nặng vải vóc, có cửa được tài, trong lúc tĩnh, mùa xuân xem bất lợi.
16. Cầu lợi: có lợi nên làm về đất đai, có lợi cho vay hoặc việc nặng. Được lợi trong trạng thái tĩnh. Xuân xem thì vô tài.
17. Mưu vọng: lợi về cầu mưa, cầu mưa bên làng bên cạnh. Cầu mưu trong trạng thái tĩnh. Xuân xem thì không đạt, hoặc mưu bởi phụ nữ.
18. Xuất hành: có thể đi – nên đi về hướng Tây nam – về vùng quê – nên đi đường bộ, xuân xem không lợi cho xuất hành.
19. Yết kiến: có thể gặp – gặp người ở vùng quê có lợi. Nên gặp bạn bè hoặc ân nhân, mùa xuân không nên gặp.
20. Tật bệnh: bệnh ở bụng, bệnh ở tỳ vị, bệnh ở đường tiêu hoá do ăn uống, bệnh khó tiêu.
21. Kiện tụng: lý thuận, được số đông ủng hộ, tụng sẽ được xoá.
22. Tên họ: âm cung, người có họ mang bộ thổ ở hàng 8, 5, 10.
23. Con số: 8, 5, 10.
24. Phương hướng: Tây Nam.
25. Ngũ vị: ngọt.
26. Ngũ sắc: vàng, đen.

Quẻ chấn

1. Thiên thời: sấm sét.
2. Địa lý: phương đông, có cây cối, chợ ồn ào, đường lớn rừng trúc, nơi cây cỏ xum xuê.
3. Cơ thể: chân, gan, tóc và âm thanh.
4. Nhân vật: trưởng nam.
5. Nhân sự: lúc khởi đầu, cấu gắt, kinh sợ, thôi thúc, động nhiều, tĩnh ít.
6. Thời gian: tháng 2 mùa xuân, năm tháng ngày giờ Mão. Tháng ngày 4, 3, 5.

7. Tỉnh vật: tre gỗ, lau sậy, nhạc khí (thuộc gỗ tre), chỗ có hoa cỏ tươi tốt.
8. Động vật: rồng – rắn, các loại côn trùng, ngựa hí.
9. Công trình xây dựng: nhà cửa ở hướng đông, nơi núi rừng, nhà lâu có gác.
10. Gia trạch: trong nhà đôi lúc có sự kinh sợ. Mùa xuân, đông xem thì tốt. Thu xem bất lợi.
11. Đồ ăn uống: gót, móng, thịt, vị hoang dã của rừng núi, thịt tươi, vị quả chua, rau, thịt cá.
12. Hôn nhân: có thể thành, nhà có thanh danh, lợi cho việc hôn nhân của trưởng nam, mùa thu xem không nên kết hôn.
13. Cầu tài: có cửa bởi tre trúc chốn rừng núi, tài cầu ở trạng thái động hoặc có lợi vì rừng núi, tre gỗ, trà.
14. Cầu danh: có danh, nhậm chức ở phương đông, chức tước là ra hiệu lệnh, quan nắm về hình ngục. Có chức, lại quản về trà, tre, gỗ, thuế khoá, hoặc chức quản lý hàng hoá ở chợ.
15. Sinh đẻ: có nỗi kinh sợ, động thai không yên. Con đầu lòng tất sinh con trai. Ngồi nên hướng đông – thu xem có tổn hại.
16. Tật bệnh: bệnh ở chân, bệnh ở gan, hoảng hốt không yên.
17. Mưu vọng: có thể cầu được, nên đặt kế sách trong trạng thái động. Thu xem không đạt.
18. Giao dịch: có lợi trong giao dịch. Thu xem khó thành, nếu ở trạng thái động thì sẽ thành. Có lợi ở chốn rừng núi, tre gỗ hoặc trà, lá.
19. Kiện tụng: có kiện lớn, có nỗi khiếp đảm, phải đi lại nhiều lần.
20. Tiếp kiến: có thể gặp, nên gặp người miền núi rừng. Mùa thu xem không nên đi sợ sẽ có nỗi khiếp đảm.
21. Xuất hành: nên đi, lợi hướng đông, lợi cho người ở rừng núi.
22. Tên họ: người có âm giác, họ có bộ mộc, đứng hàng thứ tượng, tám, ba.
23. Con số: 4, 8, 3.
24. Phương hướng: phương đông
25. Ngũ sắc: xanh sẫm, màu lục bích.

Quẻ tổn

1. Thiên thời: gió.
2. Địa lý: đất phía Đông Nam, nơi có cỏ cây xanh tốt, vườn rau quả.
3. Nhân vật: trưởng nữ, miền đất đẹp, người quả phụ, người đạo sĩ ở vùng rừng núi.
4. Nhân sự: nhu mỳ, bất định, lãi gấp ba ở chợ, tiến thoái không kết quả.
5. Thân thể: mộng, khí hơi, bệnh phong.
6. Thời gian: giao thời xuân hạ, tháng ngày giờ 3, 5, 8, năm tháng ngày giờ thìn tỵ, tháng 4.
7. Tỉnh vật: mộc hương, dây thừng, thực vật, những vật dai, tre trúc, những dụng cụ mỹ nghệ, có mùi, lông gà, cánh bướm, cái quạt.
8. Động vật: gà, các loại chim, các loại côn trùng trong rừng núi.
9. Công trình xây dựng: ở hướng đông nam, vườn và lâu đài nơi đền miếu ở chốn núi rừng.
10. Gia trạch: yên ổn, lợi về buôn bán, xuân xem thì tốt. Thu xem thì bất an.
11. Đồ ăn: thịt gà, những mùi của núi rừng, rau quả, vị chua.
12. Hôn nhân: có thể thành, lợi hôn nhân trưởng nữ – Thu xem bất lợi.

13. Sinh đẻ: dễ sinh – con đầu lòng là gái, Thu xem thì tổn thai, nên ngồi hướng đông nam
14. Cầu danh: có danh, nên làm quan văn có quyền về văn hiến, nên giữ chức quản về trà, tre, gỗ, thuốc khoán. Nên nhận chức ở hướng đông nam.
15. Cầu lợi: có lãi gấp ba, có lợi ở chốn rừng núi, có lợi về buôn bán tre, trúc, trà, gỗ lạt, thu xem bất lợi.
16. Giao dịch: có thể thành, tiến thoái bất nhất, lợi về giao dịch. Giao dịch ở chốn rừng núi có lợi ở trà lá, gỗ lạt, chốn núi rừng.
17. Mưu sinh: có thể đi, có lợi về xuất nhập nên đi hướng đông nam. Thu xem bất lợi.
18. Yết kiến: có thể gặp, có lợi khi gặp người ở chốn núi rừng, hoặc văn nhân chí sỹ.
19. Tật bệnh: có bệnh ở đùi, hông, bệnh cảm gió, bệnh đường ruột, bệnh hàn, tà bệnh về khí, trúng phong.
20. Tên họ: có âm giác. Họ có bộ thảo, bộ mộc, thứ hạng năm, ba, tám.
21. Kiện tụng: nên hoà, sợ là có liên quan đến giấy tờ, luật lệ.
22. Con số: 5, 3, 8.
23. Ngũ vị: vị chua.
24. Màu sắc: xanh lục hoặc trắng bóng.

Quẻ khảm

1. Thiên thời: mặt trăng, tuyết, mưa, sương móc.
2. Địa lý: phương bắc, sông hồ, suối khe, vũng giếng, nơi đất thấp trũng, mương rạch đầm ao, vũng nước.
3. Nhân vật: trung nam, người trên sông hồ, người trên thuyền, trộm cướp.
4. Nhân sự: nham hiểm, thấp kém, bên ngoài yếu đuối, bên trong ác độc, phiêu bạt đi xuôi dòng nước, luồn lách.
5. Thân thể: tai, máu huyết, thận.
6. Thời gian: mùa đông tháng 11. Năm tháng ngày tý, tháng ngày 1, 6.
7. Tính vật: những thứ đựng nước, những vật có hạt, những vật có hình cung, mềm, những đồ đựng rượu, đựng nước, gai sắc nhọn, lê, gông cùm, muối, rượu.
8. Động vật: lợn, cá, những vật trong nước, cáo, những loại thủy tộc.
9. Hướng bắc gần nước, lầu trên nước (thủy các), chòi, trà, rượu trên sông, nơi đất ẩm thấp ở trong nhà.
10. Đồ ăn: thịt lợn, rượu, các đồ lạnh, các thứ của biển, canh, vị chua. Ăn ở quán trọ, cá, có máu, được giấu kín, những thứ có hạt, những thứ trong nước, những thứ có xương.
11. Gia trạch: bất an, ám muội, phòng trộm cắp.
12. Hôn nhân: lợi hôn nhân trung nam, nên thành hôn ở hướng bắc, bất lợi thành hôn, không được kết hôn vào những tháng thìn, tuất, Sửu, Mùi.
13. Sinh nở: khó sinh, tốt là ở thai con dạ, con trai thứ hai, tức là trung nam, những tháng thìn, tuất, Sửu, Mùi thì có tổn thương, nên ngồi hướng bắc.
14. Cầu danh: gian nan, sợ có tai vạ, nên nhận chức phía bắc, hoặc những chức có liên quan đến: cá muối, sông, nước, rượu, giấm.
15. Cầu lợi: có cửa nên phòng mất mát. Lợi ở cạnh nước, sợ bị lừa, có lợi ở các hàng cá, muối, rượu, phòng mất mát, phòng trộm.
16. Giao dịch: giao dịch bất lợi, sợ bị lừa nên giao dịch cạnh nước, nên giao dịch các hàng cá, muối, rượu hoặc người có họ mang bộ chấn, thủy.

17. Mưu sinh: khó khăn không thành, thu đông mà xem có thể được.
18. Xuất hành: không dễ đi xa, nên đi thuyền, nên đi về phương bắc. Phòng trộm, sợ gặp phải nạn chìm đắm.
19. Yết kiến: khó gặp, gặp những người trên sông hồ hoặc có họ bộ chấn thủy.
20. Tật bệnh: đau tai, bệnh tim, cảm hàn, bệnh thận, bệnh tả do ăn lạnh, các bệnh sưng, gió rét, mạch máu, đường huyết.
21. Kiện tụng: bất lợi, có âm mưu hiểm độc, có sự mất mát về kiện tụng, mắc lừa.
22. Tên họ: âm tập, người có họ mang bộ thủy ở hàng một, sáu.
23. Con số: 1, 6.
24. Phương hướng: bắc.
25. Vị: chua
26. Màu: màu đen.

Quẻ ly

1. Thiên thời: mặt trời, điện, cầu vồng, mống, ráng.
2. Địa lý: phương nam, đất cao, khô nứt nẻ, có hố không có nước, bếp lò, đất nóng bỏng, cần khô, đất hướng về dương.
3. Nhân vật: trung nữ, văn nhân, bụng to, có tật về mắt, binh sĩ có giáp trụ.
4. Nhân sự: người có văn hoá, thông minh có tài học, gặp gỡ khiêm tốn, mỹ lệ.
5. Thân thể: mắt, tim, ruột non, thượng tiêu (dạ dày, gan, ruột non...)
6. Thời gian: mùa hè, tháng 5, năm tháng ngày giờ Ngọ hoả, ngày 3, 2, 7.
7. Tịch vật: lửa, sách, văn, giáp cốt, can qua, gỗ xếp, quần áo xếp, những vật khô ráo màu đỏ.
8. Động vật: rùa, trĩ, ba ba, trai, ốc, cua.
9. Công trình: cư ở phía nam, nhà có ánh sáng mặt trời, có nhiều cửa sổ sáng sủa.
10. Gia trạch: yên ổn, bình thiện, mùa đông xem thì không tốt, đề phòng cháy.
11. Ẩm thực: ăn thịt chim trĩ, các thứ rán sém cạnh, có những vật nướng và thịt ninh nhừ. Đặc biệt là phổi và lòng.
12. Hôn nhân: không thành, nếu thành tốt cho bậc trung nữ. Xem vào mùa hạ thì thành, mùa đông xem bất lợi.
13. Sinh đẻ: dễ sinh, sinh trung nữ, mùa đông xem có tổn hại, nên ngồi hướng nam.
14. Cầu danh: có danh ở phương nam, là quan văn hoặc coi các lò xướng.
15. Cầu lợi: có tài nhưng cầu ở phương Nam, có tài văn thư, đông xem thì hao tổn.
16. Giao dịch: có thể thành công, nên giao dịch có văn thư.
17. Xuất hành: nên đi, nên đi về hướng nam, thì đi vào các quan hệ về giấy tờ, đông xem không lợi cho việc đi, không đi đường thủy.
18. Yết kiến: có thể gặp người ở phương nam, đông xem không thuận lợi, mùa thu xem thì gặp kẻ tài sĩ, văn thư án hình.
19. Quan tụng: dễ giải, dễ tán vì văn thư động. Đặc biệt là về tố tụng nếu tụng gặp quẻ này thì trắng án.
20. Bệnh tật: bệnh về mắt, tim, bệnh thượng tiêu, mùa hạ xem thì sốt cao thời dịch.
21. Tên họ (tính tự) những người có bộ hoả, nhân đứng, hàng thứ 2, 3, 7.
22. Con số: 2, 3, 7.
23. Màu sắc: tím, hồng, đỏ.
24. Mùi vị: đắng.

Quẻ cần

1. Thiên thời: mây, sương mù, lam chướng.
2. Địa lý: đường trên núi, thành gần núi, gò đồng, mồ mả, phần mộ, hướng đông bắc, những cái lỗ trên thành.
3. Nhân vật: thiếu nam, người nhàn rỗi, người trong núi, con trẻ.
4. Nhân sự: sự cách trở, thích im lặng, sự tiến thoái không quyết, sự phản bội, sự dừng lại và không gặp.
5. Thân thể: ngón tay, cái xương, mũi, lưng.
6. Thời gian: tháng giữa đông và xuân, tháng 12 giờ, ngày, tháng năm Sửu, dần, ngày tháng 7, 5, 10, giờ, ngày, tháng, năm thỏ.
7. Tĩnh vật: đá, đất, quả dưa, các vật màu vàng, các vật ở trong đất, ngô chùa, những đồ vật về mộc, vật sinh từ dây leo.
8. Động vật: hổ, chó, chuột, bách thú, những con vật mõm dài, cáo.
9. Công trình: nhà hướng đông bắc, xây nhà ở gần núi đá hoặc nằm gần đường cái.
10. Gia trạch: yên ổn, việc có trắc trở. Trong nhà không được hoà thuận, mùa xuân xem không tốt.
11. Ẩm thực: mùi vị các loài vật ở trong đất và nhiều thịt, các loại măng tre, trúc, vị thôn dã.
12. Hôn nhân: cách trở, khó thành, có thành cũng rất khó khăn. Có lợi cho việc hôn nhân với người thiếu nam. Quan hệ hôn nhân với người nhà quê thì tốt, mùa xuân xem không lợi.
13. Cầu danh: cách trở, không có danh, nên nhậm quan vào hướng đông bắc, nên nhậm chức thổ quan và sơn thành.
14. Cầu lợi: trắc trở, nên cầu tài ở vùng rừng núi, mùa xuân xem thì không có lợi mà còn mất.
15. Sinh đẻ: khó sinh, nguy hiểm, nên ngồi hướng đông bắc, mùa xuân xem thì có tổn thất.
16. Giao dịch: khó thành, có sự quan hệ với loại sơn lâm điền thổ. Mùa xuân xem có sự mất mát.
17. Xuất hành: không nên đi xa, có sự cản trở, nên đi gần ở trên cạn.
18. Mưu sinh: trở ngại khó thành, tiến thoái không quyết được
19. Yết kiến: không gặp được, có trở ngại, nên gặp những người ở rừng núi.
20. Bệnh tật: bệnh tật ở ngón tay, dạ dày, lá lách.
21. Quan tụng: có quý nhân cứu, nhưng kiện tụng không dứt khoát, dây dưa.
22. Họ tên: những người có tên họ có bộ thổ, âm cung, hàng thứ năm, bảy, mười.
23. Con số: 7, 10, 5.
24. Phương : phương đông bắc.
25. Màu sắc: vàng.
26. Vị: ngọt (cam).

Quẻ đoài

1. Thiên thời: mưa dầm, trăng non, vì sao.
2. Địa lý: đầm hồ, mép nước, ao tù, giếng hoang, đất nứt nẻ, núi lở, đất chua.
3. Nhân vật: thiếu nữ, thê thiếp, ca kỹ, đầu sai, nô bộc, tỳ thiếp, người phù thủy.
4. Nhân sự: vui vẻ, lăm mòm, gièm pha, sự ăn uống.
5. Thân thể: lưỡi, mồm, hầu, phổi, đờm.

6. Thời gian: tháng 8 mùa thu, giờ ngày tháng năm dậu, ngày, tháng, năm kim, ngày, tháng 2, 4, 9.
7. Tỉnh vật: dao bằng vàng, các loại kim khí, nhạc khí, các đồ phế thải, các vật, túi có miệng, vờ.
8. Động vật: con dê, von vật trong đầm hồ.
9. Công trình: nhà xây ở hướng tây, nhà ở gần đầm hồ, nhà có vách tường đổ, quan kiến trúc ở có một chỗ bị hỏng.
10. Gia trạch: bất an, phòng khẩu thiệt, mùa thu xem thì vui, mùa hạ xem thì có họa.
11. Ẩm thực: ăn thịt dê, những vật ở hồ ao đầm, ăn các vị của nhà hàng và những thứ cay, chua.
12. Hôn nhân: bất thành, mùa thu xem có thể thành, có vui, chủ thành hôn thì cát, lợi cho việc hôn nhân với thiếu nữ, mùa hạ xem không lợi.
13. Sinh đẻ: bất lợi, sợ có sự tổn thai hoặc sinh con gái, mùa hè xem không lợi, nên ngồi hướng tây.
14. Cầu danh: khó thành, vì danh mà tổn hại, lợi lập nghiệp phía tây, nên nhận các về hình quan, quan võ, có lợi nhất cho việc làm quan dịch.
15. Cầu lợi: không lợi, có họa, nếu được tài thì chủ về khẩu thiệt. Mùa thu xem thì mừng, mùa hạ xem không tốt.
16. Xuất hành: không nên đi xa, phòng khẩu thiệt, hại mất tiền. Nên đi về hướng Tây, mùa thu xem có lợi, nên xuất hành vào mùa thu.
17. Giao dịch: khó có lợi, phòng khẩu thiệt, có sự cạnh tranh, mùa thu xem thì có tài, mùa hạ xem không có lợi.
18. Yết kiến: lợi cho việc đi về phía Tây, nếu gặp thì hay gặp phú thương.
19. Mưu sinh: khó thành, trong lúc mưu đồ có tổn thất, mùa thu xem có tin vui, mùa hạ xem không lợi.
20. Bệnh tật: bệnh về lưỡi, hầu, hen suyễn và ăn uống không tiêu.
21. Quan tụng: tranh tụng liên miên, khó tra xét, trắng đen không rõ, tổn hao vì kiện tụng, phòng bộ hình ngục. Mùa thu xem thì lý, thắng tụng.
22. Họ tên: người tên có bộ “Kim”, âm thương, đứng hàng thứ hai, bốn, chín.
23. Con số: 2, 4, 9.
24. Phương vị: Tây.
25. Màu sắc: Trắng.
26. Mùi vị: chua, cay.

Thứ 2: các thí dụ về cách đoán bằng tượng quẻ:

Bát quái bao la vạn tượng, bao trùm vạn vật của trời đất đều ở trong đó.

Việc lấy tượng quẻ, lấy tượng để nói về sự việc, nói rõ việc ấy, vì thế căn cứ tượng quẻ để đoán cát – hung cũng là cách thường dùng.

A) Những thí dụ cổ điển đoán bằng tượng quẻ.

Thí dụ 1.

“Quốc ngữ, Tấn ngữ” Trùng Nhĩ là công tử của nước Tấn, bị đuổi khỏi nước Tấn lâu rồi 19 năm. Tần Huệ Công quyết tâm giúp đỡ Trùng Nhĩ giành chính quyền bằng vũ lực. Để xem xét cát hung Đồng Nhân đã xem cho Trùng Nhĩ một quẻ được quẻ “Địa thiên thái”  Đồng Nhân dựa vào quẻ tượng gọi là “Thiên địa phối”. Địa thiên thái” là địa ở bên trên, thiên ở bên dưới, có thiên khí hạ giáng và địa khí thượng hăng.

Đó là tượng của thiên địa thăng, vạn vật sinh sôi, là thời cơ tốt được nước được dân. Về sau, Trùng Nhĩ đã giành được chính quyền, xưng là Tấn Công.

Phân tích tượng quẻ:

(1) Lập được quẻ “Địa thiên thái” vì không có hào động nên không phân “quẻ thể” “quẻ dụng” và không xuất hiện “quẻ biến”. Toàn bộ đều dựa vào tượng quẻ để đoán.

(2) Quẻ từ chính là những căn cứ mấu chốt để làm rõ sự việc, giải thích và đoán. Cái lý mà thông, sự việc sẽ rõ. Cát hung sẽ nằm trong lòng bàn tay.

(3) Ý nghĩa của từ quẻ “thái” là hanh thông thái bình: cái thái nhỏ đi đón cái lớn đến nên cát hung, “thái tức là đã thông”.

Quẻ này, “càn” là trời, lại giáng xuống hạ quẻ. Khôn là đất lại lên thượng quẻ. Hình như không thích hợp. Song trong thực tế đó chính là thiên địa tương giao. Địa có sức nặng từ trên đi xuống. Trời nhẹ lại từ dưới bay lên. Có như thế mới kết hợp mật thiết với nhau thành một cục diện an thái âm dương tương thông.

“Cái nhỏ đi, cái lớn đến” “nhỏ” là chỉ âm, “lớn” là chỉ dương. Thượng quẻ “khôn” chính là cái nhỏ của thuần âm.

Hạ quẻ càn là cái lớn của thuần dương.

“Đi” tức là đi ra ngoài, “đến” tức là nhập vào trong. Cũng tức là “Khôn” đã đến, ngoại quẻ tức là quẻ ngoài là “cái nhỏ đi”. “Càn” đi vào trong nội quẻ là “cái lớn đến”. “Thái” là đại biểu cho thảng giềng. Là thiên địa tương giao vạn vật hanh thông cho nên lợi đoán sẽ là cát tường, hanh thông. Truyện viết: “thái” – tức là cái nhỏ đi, cái lớn đến, là cát hanh, cũng là thiên địa tương giao nên vạn vật thông.

Thượng hạ tương giao, chí sẽ đồng. Nội dương mà ngoại âm. Nội khỏe khoắn, ngoại thuận phục. Nội tử mà ngoại tiểu nhân, quân tử là lớn mạnh, tiểu nhân la tan rã.

Nếu lên hệ về nhân sự, tức là ý kiến trên dưới đều thông là hình tượng đồng tâm nhất trí. Hơn nữa, quẻ càn của quẻ nội là dương quẻ, khôn quẻ ngoại là liên hệ con người là tính

cách của người quân tử. Nội cương, ngoại nhu. Từ quẻ thuần âm  quẻ khôn chuyển hoá

thành quẻ thái  dương đã lớn lên ở nội quẻ. Đẩy âm ra ngoại quẻ, điều này nói lên thanh thế người quân tử đã được vương rộng. Thanh thế kẻ tiểu nhân đã bị đẩy lùi. Tượng quẻ của quẻ thái là như thế. Vậy sự việc ta xem tất nhiên là may mắn cát tường.

Thí dụ 2: “Quốc ngữ, Chu ngữ”

Tấn Thành Công lưu vong ở nước Chu, Triệu Xuyên nước Tấn đón Thành Công về làm vua nước Tấn. Trước khi lên đường, người nước Tấn đã đoán một quẻ xem cát hung và được quẻ “Bĩ” của quẻ  “càn”.

Người Tấn căn cứ vào 2 tượng quẻ “càn” và “bĩ” nói: “Càn là trời, là vua”. Trời trên vua dưới, đó là biểu tượng vua một nước thuận lẽ (phối) với trời.

Nhưng hạ quẻ càn, từ càn biến khôn, tức là “phối nhưng không trọn vẹn”, hoặc là “vua phải ba lần ra đi”.

Phân tích tượng quẻ.

(1) Càn quẻ không có vấn đề gì, càn quẻ chủ cát (2) cái khó ở đây lại là quẻ bĩ và phân tích quẻ như sau.

Quẻ “thiên địa bĩ”  chính là lộn ngược của quẻ “Thái”, thành quẻ bĩ. Trong truyện về tượng quẻ có nói: “Thái tức là thông. Nhưng vật không thể dừng lại được, cho nên phải giữ lại bằng bĩ”. Hai vật cực tất phản tiếp sau. Sau cái thông thì phải là cái bế tắc.

“Bĩ” có hai hàm nghĩa là phủ định và bế tắc. Nếu về mặt “thông tin” thì quẻ này là tháng 7, cũng tức là thiên địa bất tương giao, vạn vật không sinh trưởng. Nếu đối với con người, đó là thời kỳ không bình thường. Vậy sẽ đoán là không có lợi với sự chính trực của người quân tử. Hoặc là dù cố giữ chính đạo thì cũng không thu được lợi ích gì.

Lấy tượng nói về lý, “càn” mà ra thượng quẻ tức là “cái lớn đi”. Khôn xuống hạ quẻ tức là “cái nhỏ đến”. Lại nữa, quẻ bĩ là do quẻ “tiệm” ䷗ biến hoá mà thành: hào dương “cửu tam” của quẻ “tiệm” đã lên tới vị trí của thượng quẻ. Vị trí của hào bốn. Hào âm “lục tứ” lại xuống hạ quẻ – vị trí của tam hào để thành quẻ “thiên địa bĩ”.

Cho nên nói: “Cái lớn đi, cái nhỏ lại” quân tử phải ba lần ra đi. Tóm lại, cái âm đã lớn lên ở nội quẻ, đã đuổi cái dương ra ngoại quẻ.

Nếu ví nó với nhân sự, đó là biểu tượng của tiểu nhân đắc thế. Mà người quân tử lại bị xua đuổi. Vì thế, cho nên “bất cát”.

B) Những thí dụ đoán quẻ thời nay (là những quẻ do ông Thiệu Vĩ Hoa, xin chép nguyên văn).

Thí dụ 1:

Ngày 4 – 5 – 1987, khi tôi đang ở Bắc Kinh, Đinh Tiêu Tiêu đã cầm tờ Bắc Kinh nhật báo hỏi tôi nói với tôi rằng: trên báo nói năm nay thành phố Bắc Kinh sẽ có nạn lụt vào lúc giao mùa, giữa hạ và thu. Yêu cầu tăng cường phòng lụt.

Họ yêu cầu tôi đoán thử một quẻ xem rút cuộc, ở Bắc Kinh có nạn lụt hay không?

Lúc ấy đã lập được quẻ “Khôn” từ quẻ thuần “Cấn”. Tôi thấy hai quẻ đều vượng thể bên nói: năm nay ở Bắc Kinh quyết không có nạn lụt. Quả nhiên không có lụt.

Phân tích tượng quẻ:

(1) Quẻ thuần “cấn” ䷑ biến thành quẻ “khôn” ䷁ là hào “cửu tứ” hào động, thượng cửu chuyển biến mà thành.

(2) Dự đoán lũ lụt: thuộc vào phạm vi “dự đoán thiên thời”. Dự đoán thiên thời có thể không phân thể và dụng:

Quan sát các quẻ, suy xét ngũ hành là: có thể đưa ra kết luận ở quẻ này chủ quẻ có 2 hào động. Bản thân cũng không thể xác định được đâu là “quẻ thể”, đâu là “quẻ dụng”. Chỉ có thể dựa vào phân tích tượng quẻ mà phán đoán.

(3) Câu ghi nhớ (khẩu quyết) khi đoán “Thiên thời” của Cấn và Khôn là: Khôn là râm, tối. Cấn nhiều thì: mưa lâu sẽ tạnh. Khôn là địa khí chủ về râm, cấn là dừng lại.

(4) Trong quẻ hồ, tuy có xuất hiện “khảm thủy trong dự báo khí tượng dài ngày thì ở giữa chừng có thể có mưa một chút thì cũng là sự thường. Trong tình hình mà quẻ khôn cấn đang ở kỳ thể vượng để tạo ra nạn lụt thì khả năng không thể có được. Trên thực tế đã không có nạn lụt xảy ra.

Thí dụ 2:

Chiều ngày 28 – 2 – 1985 Đồng chí Tần Ngọc Quý ở đơn vị tôi đến và nói: đơn vị của ông có một người đã nhận được điện báo của người vợ vào ngày 24. nói là ngày 26 đến Tây An, nay đã 28 rồi mà vẫn chưa thấy đến. Không biết là vợ con đồng chí ở trên đường có xảy ra vấn đề gì không, rất sốt ruột.

Thầy Thiệu đã lập được quẻ “dự” từ quẻ “khôn”. Vì quẻ khôn chính là “Đại dư... vì chúng, xa dã” (dịch nghĩa là: xe lớn đông – vẫn là xe), “chúng” ở đây là người đông”. Khôn thổ có hàm nghĩa là bất động. Tôi nói: “Bình yên vô sự, chỉ vì người nhiều, xe chật chưa đi nổi, ngày 1 – 3 sẽ đến”.

Quả nhiên sau đó, vì người nhiều xe ít, vợ con ông ngày 1 – 3 sẽ đến.

Phân tích tượng quẻ:

a. Vợ đồng chí Tần Ngọc Quý sau khi đã đánh điện báo nguyên nhân tại sao lại đến Tây An không đúng hạn, đã nói rất rõ (ở đây chúng tôi không nhắc lại).

b. Vì sao đoán “bình an vô sự”, xin xem tượng quẻ:

Khôn		thổ		Động		Lôi
là				hào		địa
thổ		thổ		bốn		dư
(A)		(B)		(C)		

Ở hình (A) thượng quẻ là thổ, hạ quẻ cũng là thổ. Thổ với thổ là tỷ hoà, đoán việc mà có quỷ tỷ hoà, tự nhiên sẽ bình an vô sự.

c. Điểm khó của quẻ này là: tại sao nói vợ con của Tần Ngọc Quý ngày 1 – 3 sẽ đến chúng ta nhìn hình (B) và (C) động hào của quẻ là tứ hào. Quẻ biến là quẻ “chấn”. Chấn có tượng “động”. Đó là điểm thứ nhất.

Điểm thứ 2: hạ quẻ là thể vẫn nguyên không có động. Hiện tại khôn thổ bị chấn mộc. Nay, động thổ đã có biểu hiện là sắc động. Thứ ba là tứ hào động chủ số 4, 4 tiếng đồng hồ, 4 ngày hoặc 4 tháng nếu theo thói quen lấy ngày lên đường thì dùng ngày để tính thì tương đối thỏa đáng. Vì thế lấy mốc thời gian đã định lùi sau 4 tức 1 – 3 sẽ đến đích.

Thứ tượng là: thời gian định là ngày 26 – 3 đến Tây An. Tra lịch vạn niên thì tháng 2 năm 1985 có 28 ngày. Vậy ngày 26 chưa đến coi như tính lùi một ngày. Thêm 2 ngày: 27, 28 đến ngày 1 – 3 vừa vặn 4 ngày cho nên đoán đến ngày 1 – 3 về đến Tây An.

Thứ 3

Những ví dụ về dự đoán bằng nghĩa và lý

Đoán quẻ bằng “nghĩa và lý” đó là một phương pháp phổ biến được dùng từ xưa tới nay. Đoán quẻ bằng “nghĩa và lý” tức là một phương pháp đoán quẻ lấy nghĩa từ quẻ, hào từ và tượng quẻ, kết hợp với tình hình thực tế dự đoán để phán đoán cát – hung của sự vật, sự việc.

Hiện nay, các bộ môn khoa học của chúng ta đều đề xướng “lý luận liên hệ thực tế”. Có người tiến hành học tập nghiên cứu một cách rất sát thực, khoa học triết học cổ của “Chu dịch” cũng không ngoài những vấn đề này.

“Lý luận, liên hệ thực tế” chỉ là một phần, nhưng nếu làm được như vậy là rất khó khăn. Rất nhiều những danh nhân theo đuổi việc nghiên cứu “Chu dịch” đã rất coi trọng vấn đề này.

Thiệu Khang Tiết nói: “Đoán mà đúng tất phải dùng lý lẽ mà suy luận mới đầy đủ được. Nếu chỉ luận về nghĩa mà không luận về lý thì: dù có nói ra được cũng không nghiệm. Ví dụ như: ăn uống mà được quẻ chấn, thì chấn là rồng. Nếu cứ lý ấy mà dịch thì lấy rồng ở đâu ra mà nên thay nó bằng hình ảnh cá chép. Lại nữa, nếu đoán được thiên thời mà được quẻ chấn thì chắc sẽ có sấm sét. Nhưng nếu xem về mùa đông mà được quẻ chấn, cứ lý ấy mà dịch thì mùa đông lấy đâu ra sấm sét...”.

Điều đó nói với ta rằng: trong thực tiễn, dự đoán “Chu dịch” phải dựa vào thực tế, dùng lý luận để luận sự, có lúc phải nói xa xôi, nếu không, sẽ phạm phải sai lầm về “chủ nghĩa sách vở” và “chủ nghĩa kinh nghiệm”.

Xin nêu những thí dụ cổ.

Thí dụ 1: Tả truyện – chiến công thập nhị niên:

Nam Khoải là thủ lĩnh của một ấp của họ Lý, của Lý thịnh Hương Lỗ, người nước tề. Trước khi đi đã xem một quẻ Dịch, được quẻ “Thủy địa tỷ” từ quẻ “Khôn”

Hào từ của lục ngũ hào, quẻ “Khôn” nói:

“Áo vàng, nguyên cát” liền vui vẻ sung sướng kêu lên: “đã được một quẻ đại cát” – liền mang quẻ này cho chuyên gia Dịch xem; Nam Khoải nói: “Tôi có việc ông xem như thế nào?” Huệ Bá nói:

“Xem những việc trung tín có thể được, xem việc xấu thì không thành”. Tất nhiên là thất bại. Sau đó ông đã giảng cho Nam Khoải nghe về “Hoàng Thường, Nguyễn Cát” như sau:

“Hoàng” là màu sắc ở trong, ở giữa (trung tâm) “Thường” là quần, váy”.

“Nguyên” là lớn lên của cái thiện.

Ở giữa (trung) mà không trung (lòng người) thì cái sau đó không đạt được...”

Điều đó có nghĩ a là: nếu điều đó không có một tấm lòng của đức hạnh trung và thiện, một đức hạnh cao thường dùng “Chu dịch” để xem những người làm việc xấu thì quẻ cát biến thành hung. Nam Khoải không nghe, quả nhiên thất bại.

Ông Lý Kinh Chí cho rằng: Huệ Bá đoán chuẩn có nguyên nhân. Đó là Huệ Bá nhìn thấy Nam Khoải “ăn nói ấp úng, ắt không phải việc tốt” (từ “Chu dịch Thám nguyên”). Điều đó phù hợp với câu trong “Hệ từ”.

“Kẻ sắp làm phản lời nói lúng túng”:

Thiệu tiên sinh cho rằng: còn phải chú ý một nguyên nhân khác: Huệ Bá đoán đúng chính là ngũ lục hào của quẻ Khôn tuy là ở giữa nhưng bất đắc vị. Ngũ hào chính là vị của hào dương nay hào âm chiếm chỗ. Đó chính là biểu hiện của sự bất đắc vị, bất lợi, bất chính. Bất chính tất có việc gian tà.

Hơn nữa, khôn thổ có nghĩa là bất động, nếu cứ liều lĩnh mà hành động ắt sẽ gặp tai họa.

Cho nên Huệ Bá có câu: “giữa mà không trung thì không được màu sắc ấy. Bất trung tức là không phải màu sắc của cái quần vàng chân chính.

Hãy thử phân tích điểm khó trong quẻ.

Quẻ này bạn đọc có thể hiểu được cái nghĩa của nó làm điều khó hiểu: đó là chữ trung ở giữa câu hỏi thứ nhất: “Hoàng, trung chí sắc dã” (vàng là màu sắc của trung tâm) câu đó có ý nghĩa gì?

Học thuyết ngũ hành của triết học tự nhiên cho rằng: Những nguyên tố cấu thành vật chất là mộc, trắng, vàng. Và phương vị của chúng là: Đông – Nam – trung ương nghĩa là giữa Tây và Bắc. Vì thế, vàng là đất cũng là màu sắc của mặt đất. Cũng là màu sắc của trung tâm, ở giữa. Đó cũng là màu của đất. Câu 2 “Trung bất trung – bất đắc kỳ sắc” (ở giữa mà không trung thì không được màu sắc của nó). Chữ “trung” (giữa) ở đây chỉ cái gì?

Hào “lục ngũ” ở vị trí chính giữa của thượng quẻ. Vì vậy nó lấy màu vàng làm tượng trưng. Nhưng hào “lục ngũ” ở đây lại ở dương vị số lẻ, chiếm vị nhưng lại không chính đáng, cho nên phải dùng chữ “thường” để ví. Cái quần màu vàng đó là những người có chức vị từ “sĩ” trở lên. Khi mà mặc lễ phục màu đen thì thường mặc phía dưới.

Áo thời cổ xưa mặc rất dài, che cả phía ngoài của quần, lại buộc thêm hai vào tức là muốn nói cái quần đẹp được giấu trong cái áo màu đen. Dùng để ví cái đức tốt của con người được giấu ở bên trong. Nên những người có đức tốt thì rất ung dung dàng hoàng, rất cát tường.

Nam Khoải mưu phản, trong lòng tự nhiên không đẹp, vì thế nói:

“Trung bất trung – bất đắc kỳ sắc”

Không thể so sánh cùng với sự đẹp đẽ cát tường của bộ quần áo vàng. Nam Khoái không nghe lời khuyên, mưu phản thất bại là điều không tránh khỏi.

Thí dụ 2

“Luận hành, bốc chiêm thiên”: Trong thời gian tướng nước Lỗ đi phạt nước Việt, Tử Cống đã xem được quẻ “Cổ” biến từ quẻ “Đỉnh” .

Quẻ “hoả phong đỉnh” hào động “cửu tứ”. Hào từ nói: “Đỉnh gãy chân, dựng nó lại thì hình nó nghiêng, xấu (hung)”.

Tử Cống nói: “Đi phải dùng chân, nay chân gãy rồi thì phải là hung vậy”.

Khổng Tử lại nói là cát:

“Người nước Việt sống ở dưới nước đi bằng thuyền chứ không đi bằng chân cho nên nói là cát. Nước Lỗ đi phạt nước Việt, quả nhiên là chiến thắng.

“Tiêu chuẩn của chân lý chỉ có thể là thực tiễn xã hội” (“thực tiễn luận”). Khổng Tử đã căn cứ vào thực tiễn là: nước Lỗ đánh nước Việt, tấn công bằng đường thủy chứ không bằng đường bộ. Vậy căn cứ vào đó mà đoán. Thuật toán quẻ của Khổng Tử cao minh ở chỗ này. Phân tích các quẻ, cả quẻ đã phán đoán rõ ràng.

Những điều khó không nhiều:

a. Giải thích danh từ, trong hào từ có câu: “Đỉnh triết túc, phúc công sức, kỳ hình ốc” (hung). Chữ “sức” ở đây chính là một loại canh, cháo là thứ đồ ăn quý. “Hình ốc” ở đây có nghĩa nó bị rò, chảy nước. Câu trên có thể dịch nguyên văn như sau: “Cái vạc đã gãy chân, ông có nấu cháo chân châu cũng sẽ bị chảy”. Đó là điềm xấu.

b. Hào động “cửu tứ” tương ứng với “sơ lục” của hạ quẻ. Nhưng “sơ lục” là hào âm, là tiểu nhân, nhu nhược. “Cửu tứ” là chủ của dương và cương. Nếu như giao việc chinh chiến quan trọng như thế cho loại tiểu nhân, nhu nhược như “sơ lục” gánh vác thì sự sẽ không thành, chắc chắn sẽ thất bại. Hình ảnh này chẳng khác gì đánh gãy cái chân vạc, lật đổ nồi cháo ngon, cháo chảy khắp mặt đất. Nghĩa là: biến từ việc tốt sang một việc xấu, đó là điều không tránh được.

c. Tượng hình quẻ định, giống như một cái đỉnh. “Sơ hào” chính là chân của nó, “ngũ hào” là quai của nó. Ngoài ra, hạ quẻ là tổn mộc, thượng quẻ là ly hoả cũng là tượng trưng cho cái đỉnh đang được củi đốt lửa nấu món ăn.

Thí dụ 3:

Thí dụ về nghĩa và lý trong “Mai hoa dịch số”:

Xưa ông Lý Thuần Phong đã xem có 2 con ngựa đen và đỏ cùng đi xuống sông, có người hỏi: 2 con ngựa đó, con nào sẽ lên trước?

Có người bấm được “quẻ ly”  thì nói: “Ly là hoả, hoả màu đỏ, con ngựa đỏ lên trước”.

Lý Thuần Phong nói: “Lửa chưa bốc, khói bốc lên trước, vậy con ngựa đen sẽ lên trước”. Quả nhiên là như thế.

Ở đây Lý Thuần Phong dựa vào đồng lửa vì khi đốt lửa, khói nhìn thấy trước lửa nhìn thấy sau. Ông đã căn cứ vào lý mà đoán. Vậy thì ông là đúng.

Thí dụ 4:

Thí dụ về đoán nghĩa và theo “Mai hoa dịch số”:

Vào giờ Dậu của một ngày mùa đông, ông Lý Thuần Phong và con trai của ông ngồi sưởi ấm. Nghe có người gõ cửa, bắt đầu gõ 1 tiếng sau đó gõ 5 tiếng. Người gõ cửa nói:

“Muốn mượn ông một thứ”. Lý Thuần Phong nói: “Đừng nói là mượn cái gì”. Ông bảo con trai ông đoán thử xem người đến gõ cửa mượn gì?

Người con trai ông dùng 1 tiếng gõ đầu là quẻ Càn (thượng quẻ) lấy 5 tiếng gõ sau là quẻ Tốn (hạ quẻ) rồi lấy:

Càn là 1, tốn 5 cộng giờ Dậu là 10, được 16. Lấy 16 chia cho 6, còn dư 6 được quẻ “Thiên phong cấu”. Hào động là tứ hào, quẻ biến thành tốn xem trong quẻ càn. Trong quẻ có 3 càn kim, 2 tốn mộc vậy người gõ cửa định mượn chính là cái thứ có cả sắt và gỗ. Con trai ông nói: “Sắt thì ngắn, mộc thì dài. Cái ông ta muốn mượn là dụng cụ lao động. Chắc ông ta mượn cái cuốc”.

Ông Lý Thuần Phong nói: “Không phải, cái định mượn phải là cái rìu”. Quả nhiên đúng là anh ta định mượn cái rìu.

“Nguyên nhân gì vậy?” Lý Thuần Phong nói: “Lập số phải biết cái lý, lấy quẻ mà suy: Mượn rìu thì được, mượn cuốc cũng được. Hãy lấy lý mà suy. Bây giờ là buổi tối, làm gì có chuyện mượn cuốc, tất nhiên là mượn rìu để bổ củi. Đó mới là phù hợp với cái lý của quẻ”.

Thí dụ quẻ trên nói cho ta biết rằng: Khi suy đoán phải thấy cái lý. Đó là mấu chốt để phán đoán.

Thí dụ 5:

Ví dụ trong sách “Chu dịch cổ phệ khảo”:

Đời Thanh, có người tên là Kỷ Hiểu Lam, trước khi đi thi có xem một quẻ, được quẻ “Khốn” động lục hào. Hào từ là:

“Khốn vu thạch, cứ tại bệnh tật, dẫn đến hoạn nạn, không thể gặp được vợ nữa” (Điềm hung). Thầy giáo xem xong nói “Bất cát”.

Kỷ Hiểu Lam cho rằng: “Bản thân mình chưa lấy vợ thì nói gì đến chuyện hung không gặp được vợ”. Lại nói: Khốn quẩn vì: Thạch – tên thứ nhất có thể là họ Thạch, hai là người mang bộ thạch, mình có thể là thứ hai. Về sau quả nhiên đúng là vậy.

Lại như, có người xem quẻ được biết: bố mẹ sắp gặp tai ương. Nhưng bố mẹ anh ta chết sớm vậy có cái gì nữa mà gặp hung!

Kỷ Hiểu Lam chính vì đã dựa vào tình hình thực tế là chưa có vợ mà đoán nên rất đúng.

Phân tích điểm khó:

a. Quẻ “trạch thủy khốn”  lục hào động, không có hào từ như ở trên đã nói. Nhà xuất bản Văn nghệ Hoa Sơn có sai lầm trong nguyên văn.

“Lục tam” hào từ sẽ là “Khốn vu thạch, cứ vu tật lê, nhập vu kỳ cung, bất biến kỳ thê, hung – Khó khăn về thạch, bị tật bệnh. Nếu vào cung ấy, sẽ không nhìn thấy vợ con, hung”.

b. Hào “lục tam” âm, nhu, tiểu nhân, bất trung, bất chính không yên được ở hai vị trí này. Muốn tiến lên nhưng bị hào “cửu tứ” như một hòn đá lớn ngăn cản, không có sức mà đột phá. Muốn lui về sau, lại bị hào “cửu nhị” giống như một đồng gai góc chặn đường, khó mà yên ổn. Bất đắc dĩ phải quay về nhà thì lại không thấy vợ con. “Thê” ở đây chính là chỉ “thượng lục” hào tương ứng. Nhưng “lục tam” và “thượng lục” đều là hào âm đồng tính, loại bỏ lẫn nhau. Tốt cuộc là không tìm được chỗ an thân vì thế mà gặp hung hiểm.

c. Phân tích tượng quẻ.

Trạch



Thủy
Khốn

Động tam hào



Trạch phong



đại
quá

(A)

(B)

(C)

Chủ quẻ (A) có tượng của tiết khí, quẻ hồ có tổn và ly tào thành cục diện bất lợi của “thể”. Biến quẻ (C) không có tượng hung, biểu hiện ra là thể khắc dụng một việc tốt. Nhìn lại toàn quẻ: quẻ biến tuy có điểm cát nhưng ở quẻ A, 2 đường đều có chương ngại thì sao có thể dễ dàng vượt qua? Gặp khó khăn, hoạn nạn đều ở trong toàn ý này cả.

(4) Kỷ Hiểu Lam được kết quả cuối cùng là “cát”, có hai nguyên nhân:

Thứ nhất: Kỷ Hiểu Lam chưa lấy vợ vì thế mà “Phùng hung hoá cát”.

Thứ hai: Hào từ của “lục tam” cốt lõi là: nếu cứ liều mạng mà tiến lên tiếp tất sẽ gặp cảnh khốn quẫn”. Nếu như đi mà có chuẩn bị, không mưu đồ một sự may mắn, hành động thận trọng thì tất nhiên phải có cách nói khác: Kỷ Hiểu Lam nói: Khốn vu thạch, bản thân mình sẽ có thể là người thứ hai”, đủ thấy, Kỷ rất có lòng tin vào bản thân mình. Chứ không phải như những người khách, đi “thi đình” chỉ mong gặp vận may đến. Cho nên Kỷ Hiểu Lam đã thành công.

Những thí dụ ngày nay về phán đoán bằng nghĩa và lý. Đó là những ví dụ thực tiễn đoán quẻ của Thiệu Vĩ Hoa.

(chúng tôi chép nguyên văn)

Thí dụ 1:

Ngày 13/12/1984, nguyên Phó chủ nhiệm ủy ban công tác quốc phòng Trương Tấn Hoàn đến Tây An. Sau khi gặp tôi, nói: “Bí thư trung ương đảng Liên Xô Brêgionép đang ốm. Dùng bát quái đoán bệnh của ông ta đến bao giờ khỏi hoặc khi nào ông ta từ trần được không?”

Tôi nói có thể được! Ngay lúc đó tôi đã lập được quẻ “phong” từ quẻ “cách” 

Tôi đã vận dụng cái lý về ngũ hành xung khắc của tượng quẻ, tượng hào và “lục thần” và đoán rằng: “Brêgionép nhất định sẽ mất vào tháng giêng năm 1985 không còn nghi ngờ gì nữa” (xin xem thêm bài luận văn của tôi “Bát quái và thông tin” tại hội thảo học thuật quốc tế do hội Chu dịch quốc tế tổ chức năm 1987, dưới đây gọi tắt là “Thông tin”, tức là một trong những phụ bản của “Chu dịch Dự đoán học”). Luận văn “Thông tin” sau khi phát hành đã được không ít chuyên gia, học giả và đồng nghiệp coi trọng và rất phấn khởi. Có chuyên gia đã nói: “Quẻ đoán về Brêgionép tuyệt vời quá”. Nhưng đồng thời cũng đưa ra câu hỏi: “Trong quẻ, ly hoả là thể, mùa xuân thì mộc vượng, tháng giêng là thời kỳ mộc vượng. Mộc có thể sinh ly hoả. Brêgionép được cứu không đáng chết, sao lại gọi là chết? Tại sao lại đoán như vậy?”

Tháng giêng là tháng mộc vượng. Mộc có thể sinh hoả. Nếu căn cứ vào quẻ mà nói thì đúng nhưng xem sinh vượng tử tuyệt thì phải suy nghĩ đến điều kiện khí hậu địa lý. Vào tháng giêng, ở Trung Quốc chính là mùa mộc vượng, nhưng ở miền Bắc Trung Quốc thì vẫn là thời kỳ giá lạnh. Mátxcơva ở nơi xa tít tắp phía Tây Bắc Trung Quốc là nơi trắng xoá băng phủ tuyết dày. Tuy thời lệnh là mùa xuân nhưng hoả vẫn đang trong tử địa. Mộc mà lạnh lẽo thì làm sao có thể sinh vượng?

Vậy thì làm sao có thể cứu cái nguy của hoả. Cho nên nguyên thần đã vô lực thì không cứu được cái khó của thảo mộc khô hạn. Chính vì vậy có chuyên gia nói: “Cách đoán quẻ này sáng tạo độc đáo – Không phải người có học uyên bác thì không thể đoán được”.

Thí dụ quẻ này tương đối là tinh tế. Nghĩa là lý vận dụng cũng giỏi. Nhưng phương pháp sử dụng trong quẻ này là “phép đoán bằng lục hào” mà rất nhiều tri thức cơ sở trong đó, chúng ta đều còn chưa nhận thức được đầy đủ, đành phải đợi đến khi nghiên cứu “cách đoán quẻ bằng hào” chúng ta mới có điều kiện phân tích và thưởng thức nó.

Thí dụ 2:

Ngày 23/7/1986, đồng chí Lương Kiến đem đến cho tôi quẻ “đoài” biến từ quẻ “tùy”. Hào từ lục nhị của nó là: “Hệ tiểu tử, thất trượng phu – Vì quan hệ với kẻ tiểu tử mà mất chồng”. Đó là quẻ đồng chí xem cho một phụ nữ vào ngày Canh thân tháng 4 năm đó, yêu cầu tôi giải thích xem quẻ này có việc gì hệ trọng, cát hung thế nào? Tôi xem hào động và quẻ hoá khác trở lại của quẻ này. Tôi nói:

“Việc người phụ nữ đến xem là em gái cô ta đã chết, xem việc kiện có thể thấy thắng được không?”

Đồng chí Lương ngay lúc ấy rất kinh ngạc mà nói: “Đúng, em gái cô ta vì tai nạn lao động mà chết, đang đi kiện”. Hào từ đã nói rõ là vì quan hệ với một tiểu tử mà mất chồng” cần phải xem, đoán việc chồng cô ta mới đúng, làm sao anh lại đoán việc quan hệ đến em gái cô ta?”

Tôi nói: “Điều đó rất giản đơn. Lục nhị huynh đệ hào đóng ở âm vị, tức là chính vị (vị), lại hoá quẻ “đoài”. Đoài là thiếu nữ, vậy chắc chắn là em gái cô ta. “Đoài” trong quẻ nhiều – “Đoài” là khẩu thiệt, kiện tụng, cho nên tôi đoán chắc là việc kiện tụng.

Quẻ này cũng là một ví dụ hay, song cũng thuộc về “cách đoán quẻ sáu hào” cho nên bạn đọc vẫn chưa nắm được. Có điều, đời này chắc được phép dự đoán bằng sáu hào” thì rất nhiều người trong số bạn đọc, tự mình sẽ hiểu. Những thí dụ về quẻ mà chúng ta sử dụng ở đây, cốt để nói rõ tầm quan trọng của nghĩa và lý trong dự đoán.

Thứ 4: Số Lý trong dự đoán.

Lập quẻ có số, đoán quẻ cũng có số. Số ở trong quẻ thì có: số của quẻ, số của hào cũng là dấu hiệu về các mặt: cự ly, số lượng, trọng lượng, độ cao, độ sâu, độ dài và thời gian ngày giờ.

Nếu dùng “số” để quyết đoán kết quả và ứng nghiệm của dự đoán thì gọi là “số lý” cho nên trong “Chu dịch thiên thuật” có câu “Biết về tượng thì lý số của nó ở trong đó”.

Phán đoán quẻ bằng số thì chưa hề thấy trong sử liệu. Như trong “Tả truyện”, “Quốc ngữ – Chu ngữ” nhưng sau nhà Tống thì bắt đầu có. Chúng ta hãy xem một số thí dụ:

NHỮNG THÍ DỤ CỔ VỀ ĐOÁN THEO SỐ LÝ*Thí dụ 1: “Mai hoa dịch số”: “Xem ông già có vẻ buồn”*

Thiệu Khang Tiết vào giờ Mão, ngày Sửu của một năm nào đó, trên đường đi bỗng gặp một ông già từ phương Tốn – (đông nam) đi tới. Trên mặt ông có vẻ ưu tư. Thiệu Khang Tiết liền hỏi:

“Cớ sao ông buồn?”

Cụ già trả lời: “Không”

Thiệu Khang Tiết thấy rất lạ bèn bố quẻ xem,

Lấy ông già làm càn, làm quẻ thượng. Lấy phương ông ta là phương tốn đi tới làm quẻ

hạ là quẻ “Thiên phong cấu” . Lại lấy càn là số 1, tốn là số 5, giờ mão số 4 tổng 16. Lấy 16 : 6 = 2 dư 4 tìm được hào động là tứ hào.

Hào từ “cửu tứ” của quẻ “Thiên phong cấu” lại nói: “bao không cá, gây hung” – Lời từ không lành.

Thiệu Khang Tiết nói với ông già: “Nội trong 5 ngày, ông phải đi lại cẩn thận, sợ sẽ có đại họa”.

Quả nhiên, đến ngày thứ 5, ông già đi ăn cỗ, hóc xương cá mà chết.

Phân tích những điểm khó:

(1) “Bao không có cá” (bao vô ngư, hung) đó là một điều ví von. Hào “cửu tứ” vốn là tương ứng với “sơ lục”. Nhưng “sơ lục” gặp hào “cửu nhị” ngăn trở không thể đi tiếp ứng. Sơ lục là hào âm lấy cá để ví. Trong cái bao “cửu tứ” không có cá, đó là vì xa rời dân chúng (hào âm “sơ lục”).

Cũng là thể hiện sự thiếu can đảm của mình, không thể bao dung người khác. Như thế, chỉ dựa vào đơn thương, độc mã hành động thì chắc sẽ gặp nguy hiểm.

(2) Luận bằng tượng quẻ, tượng quẻ là:

Thiên		Dụng	Động tứ hào	Tốn	
Phong				vi	
Cầu		Thế		mộc	
	(A)		(B)		(C)

Hình (A): Tốn mộc là thế – cần kim khắc thế, quẻ hồ lại trùng cần – tức là có 2 quẻ đơn cần, đều là tượng khắc thế, hơn nữa lại không có sinh khí. Vì thế sự việc sẽ không đợi được đến lúc 2 quẻ thượng hạ của quẻ biến tỵ hoà. Sau khi hào tứ động sẽ xảy ra.

(3) Còn một nguyên nhân khác đó là đoán quẻ trên đường đi. Tức quẻ nhanh, ứng nhanh.

(4) Nội dung: “Nội trong 5 ngày ông phải cẩn thận, ra vào sẽ có đại hoạ. Vì sao như vậy?

Cần 1 + tốn 5 + giờ mao 4 = 10.

Lấy 10 : 2 = 5. Bởi vì quẻ ứng thì ứng nhanh, ứng kỳ sẽ là : 5.

(5) “Hóc xương cá” mà chết, bởi vì “Bao không có cá” mà “cửu tứ” không thể bao dung được cá. Thịt cá thì nuốt trôi được nhưng xương cá thì không thể nuốt được qua cổ họng. Cuối cùng là hóc xương cá, tình huống này với nội dung hào từ đã “xuyên suốt”. Quẻ này thật là “diệu”.

Thí dụ 2: “Chu dịch cổ phệ khảo”:

Hồ Uyên và Viên Kỷ đời Minh, hai người đi chơi Kim Lăng, nhìn thấy một ông chủ vì mất một cái cốc bằng vàng mà nghi ngờ người theo hầu đánh cắp. Do đó, đánh người đầy tớ rất đau.

Hai người thấy thế liền bói được quẻ “Di” từ quẻ “Bắc”. Hai người liền nói với ông chủ: “Cốc vàng của ông không mất ông hãy đào ở góc Tây Nam nơi ông trọ xuống 5 tấc là thấy. Sự thực đúng như vậy.

Những điểm khó của quẻ:

(1) “Cốc vàng không mất” tương đối dễ hiểu. Trong “Mai hoa dịch số” đã có câu “thể dụng, tỵ hoà, vật bất thất hĩ”. “Cấn” là sơn. Thổ là dừng lại, có nghĩa bất động.

(2) “Cốc vàng ở góc tường tây nam” cũng dễ lý giải vì “khôn” ở phương vị tây nam.

(3) Cái khó hiểu chính là “đào 5 tấc đất sẽ tìm thấy”. Bắt đầu từ con số 5. Vấn đề này thầy Lưu Đại Quân đã giảng: trong “Bát cùng của phương pháp bói toàn năng” thì: Khôn ở cung thứ 5, cho nên đào 5 tấc sẽ thấy.

Thầy Thiệu Vĩ Hoa cho rằng cách nói đó có lý. Căn cứ vào kinh nghiệm thực tế của bản thân mình, ông cho rằng: vẫn còn có hai điều.

Một là “đi thì ứng nhanh”, lúc ấy trong tình huống nhìn thấy chủ đánh đầy tớ, có lẽ là đang đuổi đánh, vì vậy nhanh lại càng thêm nhanh. Quẻ “bác” chính là số 15, được chia làm 3, là số 5.

Hai là số của quẻ “bác” trừ đi số của quẻ “Di”, vừa vặn là 5 cách tính là: $(7 + 8 + 1) - (7 + 4) = 5$.

Theo thiên ý của tôi thì : “Cấn là thổ, là sơn biểu hiện bất động. “Cốc vàng không mất là phá thổ để trốn vào bên “trong” (ở giữa). “Thổ” bất động là tiên thiên. Thổ đã động là hậu thiên. Quẻ này khi quyết đoán đã sử dụng “văn vương hậu thiên bát quái đồ”:

“Văn vương hậu thiên bát quái đồ” – số quẻ theo hậu thiên là:

Khảm 1, khôn 2, chấn 3, tốn 4, trung 5, càn 6, đoài 7, cấn 8, ly 9. Quẻ này lấy số 5 là số ở chính giữa tương ứng trong bát quái. Thứ tự trong ngũ hành là thủy 1, hỏa 2, mộc 3, kim 4, thổ 5.

Những thí dụ ngày nay của dự đoán theo số lý.

(Sao chép thí dụ về 2 quẻ thực mà thầy Thiệu Vĩ Hoa đã dự đoán).

Thí dụ 1.

Giờ Thân, ngày 19.10.1983 đồng chí Lão Mạnh ở xưởng 32 đơn vị tôi nói là vợ đi buôn ở xa đã một tháng nay không tin tức. Xin xem một quẻ có an toàn không và bao giờ về.

Lập được quẻ “vô vọng” từ quẻ “Ly”



Tôi an ủi anh ta: “Hiện giờ, người nhà anh đang ở hướng Tây Nam, bình an, có cãi cọ nhau nhưng không ngại, nội trong 5 ngày, người không về thì sẽ có tin lại. Nếu không có tin tức thì sẽ về”.

Đến chiều ngày thứ 5 anh ta nói: “Chẳng thấy về mà cũng không thấy tin tức gì, xin xem lại”.

Tôi nói không cần xem lại, anh về đơn vị sẽ có tin tức.

Quá 3 giờ buổi chiều, nhận được điện báo về bảo anh đến mai ra ga đón chị ấy.

Khi anh ta trở về kết quả đúng như dự đoán.

Phân tích điểm khó: [Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Phần lớn bạn đọc đã tự mình có thể phân tích được loại quẻ như thế này, khi phân tích, bước 1 phải vẽ được quẻ. Quẻ này là:

Thiên



Thể

Động hào hai

Thiên lôi



Thể

Trạch

Dụng

vô

Dụng

Lý

vong

(A)

(B)

(C)

Phân tích quẻ:

(1) “Người ở Tây Nam” tại sao?

Quẻ thể là chủ, quẻ dụng là việc quẻ “đoài” vị ở Tây. “Hỗ của dụng” vị ở Nam. Cho nên kết luận là vợ ông Mạnh đang ở hướng Tây Nam.

(2) “Bình an có cãi cọ nhưng không đáng ngại” Tại sao?

Quẻ đoài chính là sự tranh cãi – Khẩu thiệt, mà quẻ hỗ của hạ quẻ lại có ly hỏa tương khắc, nhưng thể dụng tỷ hoà. Quẻ dụng là chính, quẻ hỗ là phụ. Nhìn lại quẻ biến, thể là càn kim, khắc dụng chấn mộc “Thể khắc dụng thì mọi việc cát” cho nên tuy có tranh cãi nhưng cũng không đáng ngại.

(3) Sẽ ứng trong 5 ngày: càn 1, đoài 2, hào động 2.

$1 + 2 + 2 = 5$

Thí dụ 2

Tháng 4 năm 1987 trong thời gian tôi giảng bài ở lớp “Nghiên cứu kinh dịch thứ 4 toàn quốc” mở tại Bắc Kinh. Vào lúc nghỉ giữa giờ ngày 13/4 một nghiên cứu sinh là Trương Lập Mẫn nói:

“Thưa thầy, đơn vị tôi có một đồng chí sắp đi công tác, thầy xem lúc nào thì đi được”.

Lập được quẻ cần sơ hào động.

“Cần” là sơn – là đất, có tượng bất động.

“Cần” là số 7. Sơ hào động là số 1. Tổng cộng là:

$$7 + 7 + 1 = 15$$

$$15 : 2 = 7,5$$

Tôi nói: “Nội trong vòng 7 ngày rưỡi nữa không thể đi được”. Cô ta nói: “Đúng ạ, anh ta đang chuẩn bị đi trong ngày 20”. Mọi người có mặt trong đó đều rất kinh ngạc.

Phân tích điểm khó:

Quẻ này cơ bản không khó lắm. Cách tính tổng cộng chia cho 2. Nguyên nhân chủ yếu quẻ được xem vào lúc giải lao. Về thời gian thì rất gấp rút. Cho nên nó có biểu hiện của “quẻ nhanh”. Hơn nữa lúc xem quẻ là đứng xem, lại thêm biểu hiện quẻ gấp, nhanh”. Cứ theo nguyên tắc “quẻ nhanh ứng nhanh”, cho nên lấy tổng số của quẻ chia cho hai.

Chương 7

NHỮNG DẤU CHỨNG CÓ CHỌN LỰA CỦA MAI HOA DỊCH SỐ

“Mai hoa dịch số” là tác phẩm của Thiệu Ung đời Tống. Tác giả có những điểm tinh diệu độc đáo. Như gng kể tục ông theo nghề dự đoán “Chu dịch” sau này đều vô cùng coi trọng “Mai hoa dịch số”.

Phương pháp lập quẻ của “Mai hoa dịch số” không giống nhau. Quẻ được phân làm 2 loại lớn. “Tiên thiên” và “hậu thiên”.

“Quẻ tiên thiên” là quẻ số được khi chưa bắt được quẻ; lập quẻ bằng số gọi là “tiên thiên”. Quẻ hậu thiên là quẻ được trước, trước khi lập thành số. Lập số bằng quẻ gọi là “quẻ hậu thiên”. Những thí dụ được ghi chép trong “Mai hoa dịch số” rất nhiều. Ở chương này có thể cung cấp cho các bạn những thí dụ về quẻ hay đã được lựa chọn có trọng điểm.

Bởi vì: mỗi người đều đã có cơ sở phân tích các thí dụ về quẻ – những phần mà tác giả tìm hiểu chỉ là những lời phát biểu, thảo luận của tác giả cùng nhau thảo luận nghiên cứu.

Tiết 1. NHỮNG THÍ DỤ VỀ LẬP QUẺ

NĂM, THÁNG, NGÀY, GIỜ

Giờ Thân ngày 17/12 năm Thìn – ngài Thiệu Khang Tiết bỗng nhiên nhìn thấy trên cây mai có hai con chim sẻ chọi nhau và rơi xuống đất. Ông nói:

Không có động không xem, không có việc không xem. Hôm nay, hai con sẻ đánh nhau rơi xuống đất có điều lạ, bởi thế xem một quẻ.

Năm Thìn số 5, tháng 12; số 12, ngày 17 số 17 cộng vào thành 34 chia cho 8.

$4 \times 8 = 32$ còn dư 2. Đoài 2 là thượng quẻ. Số 34 cộng thêm giờ Thân số 9 được 43. Chia cho 8 còn dư 3. Ly là 3, là hạ quẻ. Tổng số 43 chia cho 6 còn dư 1. Tức là nhất hào là động hào – Tượng quẻ sẽ là:

Trạch		Thượng thể	Động hào 1	Trạch		Thượng thể
Hoả		Hạ		sơn		Hạ
Cách		hỗ		hàm		hỗ
	(A)		(B)		(C)	

Hổ quẻ là “càn”, “tốn”. Thiệu Khang Tiết đoán rằng:

“Xem kỹ quẻ này, tối mai sẽ có một thiếu nữ đến hái hoa. Người coi vườn không biết nấp tẻ ra sao lại đuổi cô – người con gái sợ quá ngã xuống đất bị thương vào mông”.

Đoài kim là thể. Ly hoả khắc kim. Quẻ Hổ tốn mộc; đã hợp thành 3 thứ để nhen nhóm ly hoả tức là khí của quẻ khắc thể thịnh – Đoài là thiếu nữ – vì thể biết được có cô gái bị thương. Mà tốn mộc trong quẻ hổ lại gặp càn kim – đoài khắc chế thì tốn mộc bị thương – Tốn mộc là cái mông. Cho nên, ứng nghiệm là bị thương ở mông.

Rất may, quẻ biến là cấn thổ – đoài kim được phù – cho nên biết rằng người con gái bị thương song không đến nỗi tử vong.

Phân tích tượng quẻ:

Quá trình phán đoán của quẻ này tương đối nhiều, nên suy xét cho kỹ thì rất hay. Đó là một thí dụ cổ xưa. Dự đoán rất điển hình. Xem hiểu điều này bên cạnh sẽ hiểu thêm nhiều điều khác. Nó có một tác dụng rất tốt đến việc dẫn dắt hay chỉ đạo.

(1) Tối ngày mai sẽ có một cô gái hái hoa. Tại sao vậy?

“Tối mai” là đối ứng của tối nay. Số hào của chủ quẻ động thủ số 1. Quẻ này được lập ra vì hai con sẽ đánh nhau và rơi xuống đất. Sự việc đã nảy sinh trong một giây chớp mắt. Cho nên, lấy số của hào là xứng. Biết hào trong thời gian ngắn tương đối chuẩn xác. Số 1 có hào động là một ngày. Nói một cách cụ thể: Đó là “tối mai”.

(2) Đoán là một “cô gái hái hoa” vì sao?

Quẻ này “Đoài kim” là thể, ly hoả là dụng. Tượng quẻ của bát quái cho ta biết càn là phụ, khôn là mẫu, chấn là trưởng nam, tốn là trưởng nữ, khảm là trung nam, ly là trung nữ, cấn là thiếu nam, đoài là thiếu nữ.

Vì vậy biết rằng: Đoài kim là thể – tất nhiên biết là một cô gái tuổi chưa lớn lắm đã hái hoa.

(3) Tại sao đoán rằng “cô gái sợ mà ngã xuống đất”?

“Lấy các vật từ xa” “Cô gái sợ quá rơi xuống đất” nghĩa đó lấy ra từ ứng nghiệm của “hai con sẽ đánh nhau rơi xuống đất”.

(4) Tại sao lại đoán rằng rơi xuống đất bị thương ở mông?

Tượng quẻ nhân thể trong bát quái là:

Càn là đầu

Khôn là bụng

Chấn là chân

Tốn là mông

Khảm là tai

Ly là mắt

Cấn là tay

Đoài là miệng

Tốn mộc trong quẻ gặp càn kim, đoài kim khắc chế – tốn mộc bị thương, trước tiên đã lấy tiền đề một cô gái bị rơi xuống đất. Cho nên đoán rằng cô gái bị ngã và bị thương ở mông.

Tại sao đoán rằng “người con gái bị thương nhưng không đến nỗi quá đau”? Nguyên nhân là nhất hào của chủ quẻ động biến quẻ là “trạch sơn hàm”, cấn thổ của “quẻ dụng” – sinh phù cho đoài kim “quẻ thể” – khiến cho người con gái này “thoát khỏi cái chết”.

Thí dụ 2: “Xem hoa mẫu đơn”.

Giờ Mão, ngày 16/3 năm tỵ. Thiệu Khang Tiết cùng người khách đến nhà Tư Mã công để ngắm hoa mẫu đơn. Lúc ấy, mẫu đơn đang nở rộ, người khách hỏi:

“Hoa đang nở đẹp như thế này lẽ nào lại cũng có “số” à?”

Thiệu Khang Tiết nói: “Tự nhiên có số”. Việc này vì có người hỏi thì có thể nhân đó mà lập quẻ.

Năm tỵ số 6, tháng 3 số 3, ngày 16 số 16. Cộng lại bằng 25. Lấy 25 : 8 còn dư 1. Thế là được quẻ Càn làm thượng quẻ. Số 25 thêm giờ Mão số 4; cộng là 25 + 4 = 29. Chia cho 8 còn dư 5. Tốn là số 5, lấy quẻ Tốn làm hạ quẻ. Được quẻ thiên phong cấu. Lại lấy tổng số 29 chia cho 6. Còn dư 5. Hào động sẽ là ngũ hào. Chủ quẻ cần biến thành quẻ đỉnh, hồ quẻ là trùng càn. Tượng quẻ sẽ là:

Thiên		Dụng	Động ngũ hào	Hoả		Dụng
Phong		Thế		Phong		Thế
Cấu	(A)		(B)	Đỉnh	(C)	

Ông Thiệu nói với khách: “Lạ thật, khóm hoa này vào giờ Ngọ ngày mai sẽ bị ngựa dẫm nát”. Người khác ngạc nhiên không tin. Giờ Ngọ hôm sau quả nhiên có quý quan đến thưởng ngoạn mẫu đơn. Hai con ngựa đánh nhau đã chạy thẳng vào vườn hoa mẫu đơn mà quần thảo. Hoa bị xéo nát.

Vì sao mà Thiệu Khang Tiết lại dự đoán như vậy?

Tốn mộc là thế, bị càn kim khắc. Hồ quẻ lại thấy trùng càn. Tượng khắc thế mạnh, trong quẻ không hề có sinh khí cho nên biết rằng: mẫu đơn sẽ bị phá huỷ. Bị ngựa dẫm chính là quẻ càn của tượng ngựa. Bị vào lúc giờ ngo. Vì quẻ ly được sinh phù rất sáng cho nên biết như vậy.

Phân tích tượng quẻ: downloadsachmienphi.com

(1) Trong “lời quyết về quẻ” có nói:

“Bất động bất chiêm, Bất vấn bất chiêm”.

Khi nào có người hỏi mới xem.

(2) Là giờ Ngọ thì tượng của quẻ ly rất sáng

Ngũ hào là quẻ thiên phong cấu động. Quẻ dụng đã biến thành quẻ ly. Thời gian của ly hoả là thời gian năm tháng ngày giờ thuộc ngo hoả cho nên, thời gian bị ngựa dẫm vào mẫu đơn đúng lúc giữa trưa. Căn cứ vào đầu để nói rằng: “Ngày mai hoa bị dẫm”? Bởi vì: Càn kim khắc thế. Càn kim là số 1, nên đoán là một ngày. Vì thế nên đoán: “Ngày mai giờ Ngọ...”

Thí dụ 3:

Khi xin “lập quẻ phải thêm số”.

Giờ Ngọ 01/12 năm Dần, có tới mấy nhà trên đường phố cùng xây nhà. Có 3 nhà lấy năm tháng ngày giờ nhờ Thiệu Khang Tiết dự đoán cát hung.

Theo lệ thường, nếu lập quẻ năm tháng ngày giờ như nhau, tất nhiên được quẻ giống nhau thì khó có thể đoán được cát – hung, họa – phúc của từng người.

Thiệu Khang Tiết đã lập quẻ bằng cách lấy năm, tháng, ngày giờ – cộng thêm số nét trong tên họ mỗi nhà. Kết quả dự đoán hoàn toàn chính xác.

Cách lập quẻ như sau:

Người người đến nhờ xem của 3 nhà ấy có họ tên riêng là: Vương, Điền, Hàn.

Họ Vương: số 4

Họ Điền: số 6

Họ Hàn: số 21

Cứ một nét tính là 1 số.

Năm Dần số 3. Tháng 12 số 12. Mồng 1 số 1 cộng tất cả lại là 16. Thêm số của họ Vương $16 + 24 = 20$. Chia cho 8 dư 4. Thượng quẻ là chấn. Lại thêm giờ Ngọ số 7. Tổng cộng là 27 chia cho 8 còn dư 3. Đượng quẻ ly là hạ quẻ.

$27 : 6$ còn dư 3. Động Tam hào. Quẻ đó sẽ là:

Lôi		Chấn mộc	Động tam hào	Chấn		Chấn mộc
Hoả		Ly hoả		vi		Chấn mộc
Phong				lôi		
	(A)		(B)		(C)	

Ở hình (A) quẻ hồ có đoàn và tổn.

Tượng quẻ trên là của nhà họ Vương.

Quẻ của nhà họ Điền xem được là

Họ Điền số 6 : $16 + 6 = 22$

$22 : 8 = 2$ dư 6. Khảm là thượng quẻ.

$22 + 7$ (giờ Ngọ) = 29; $29 : 8 = 3$ dư 5. Tốn là hạ quẻ.

$29 : 6 = 4$ dư 5 động ngũ hào – tượng quẻ sẽ là:

Thủy		Khảm thủy	Động ngũ hào	Địa		Khôn thể
Phong		Tốn mộc		Phong		Tốn mộc
Tĩnh				Thăng		
	(A)		(B)		(C)	

Ở (A), quẻ hồ có ly và đoàn.

Quẻ mà họ Hàn xem được cộng thêm họ Hàn số 21.

$16 + 21 = 37$; $37 : 8 = 4$ dư 5

Tốn là thượng quẻ.

$37 + 7$ (số của giờ) = 44; $44 : 8 = 5$ dư 4. Chấn là hạ quẻ, $44 : 6 = 7$ dư 2 động nhị hào.

Quẻ ích chuyển thành quẻ Trung phù.

Quẻ sẽ là:

Phong	Thể	Tốn mộc	Động nhị hào	Phong	trạch	Tốn mộc
Lôi		Chấn mộc		Trung		Đoài kim
Ích	Dụng			Phù		
	(A)		(B)		(C)	

Cách lập quẻ theo phương pháp: lấy năm tháng ngày giờ cộng thêm họ, không những có thể sử dụng cho nhiều nhà cùng dựng nhà một lúc mà còn có thể sử dụng trong các tình huống tương tự khác.

Ví dụ, trong hôn nhân. Đó là việc lớn của cả một đời người. Vào những ngày tháng đẹp, lễ tết cưới xin rất nhiều. Muốn để cho rõ ràng có thể thêm 2 họ của nam và nữ. Nghe nói: những người của miền cực Bắc không có họ. Song, tất nhiên phải có tên. Thêm số nét của tên cũng được. Còn có thể xem hướng nhà của họ nữa.

Lập quẻ với cùng sự việc, cùng thời gian thì phải có sự phân biệt 2 quẻ khác nhau. Bây giờ, chúng ta thử phân tích kết quả của các quẻ mà 3 nhà Vương – Điền – Hàn cùng xem để xây nhà cùng một lúc như thế nào?

Nhà họ Vương.

Lôi	Thể	Chấn mộc	Động tam hào	Chấn
-----	-----	----------	--------------	------

Hoả Phong		Ly hoả		Vi Lôi	
Dụng	(A)		(B)		(C)

Phân tích tượng quẻ:

Chủ quẻ: lôi hoả phong

biến quẻ: “chấn”

quẻ hổ đoán tổn

Ở hình (A) chấn mộc là thể; ly hoả là dụng, ở hình (C) tượng chấn mộc tử hoà.

(1) Chủ quẻ: mộc sinh hoả, thể sinh dụng có nỗi lo, hao tài. Đoài kim là hổ của thể. Đó là biểu hiện tiết khí quẻ thể. Vì vậy hễ cứ gặp năm hoả, tháng hoả, ngày hoả, giờ hoả sẽ có khả năng bị hao tán tiền tài; hoặc là vì người đàn bà mà tổn thất; hoặc trong nhà cũng có nhiều chuyện rắc rối về con gái.

Đó là vì: ly là âm, là trung nữ cho nên phụ nữ trong nhà họ Vương có một quan hệ ảnh hưởng rất là lớn.

(2) Cứ gặp năm tỵ, hợi, dần, mao chủ nhà đều có thể phát triển, thu lợi trong phương diện đất đai tiền tài. Bởi vì: chấn mộc là thể, khảm thủy trong quẻ không xuất hiện nhưng chấn mộc vẫn được lợi ở năm thủy, gặp được vận khí sinh thể. Nếu gặp được năm tháng dần, mao thì quẻ thể đắc thời cục, tình hình cũng tương đối tốt. Chủ nhân đắc ý mà người trưởng nam thì lại được phù trì. Vì quẻ biến xuất hiện, quẻ chấn trùng lặp. “Thể dụng tử hoà”, ở đây người con trai trưởng chủ nhân là có đủ khả năng để giúp đỡ gia đình. Do đó gặp năm thủy mộc, mọi việc đều hưng vượng.

(3) Nhà của họ Vương 22 năm sau sẽ bị hoả thiêu. Bởi vì tổng số của toàn quẻ là tổng cộng số của 6 quẻ. Tức là chấn 4 – ly 3 – đoài 2 – tốn 5. Đó là số của chủ quẻ, hổ quẻ, quẻ chấn 4 đó là số biến quẻ.

Cộng lại sẽ là: $4 + 3 + 2 + 5 + 4 = 22$ (năm)

Trong tượng quẻ: ly hoả đã được chấn mộc của quẻ thể tương sinh. Lại được tổn mộc của quẻ hổ phù. “Hoả” không thể là không vượng. Đoài kim là hổ của “thể” sẽ bị hoả làm tổn thương. Vì thế mà đoán rằng: ngôi nhà ấy sẽ bị lửa thiêu cháy hoàn toàn.

Nhà của họ Điền, quẻ là: “Thủy phong tỉnh” biến thành “Địa phong thăng”, Hổ có ly đoài:

Thủy Phong		Khảm thủy		Địa Phong		Khôn thổ
Dụng	(A)	Động ngũ hào	(B)	Thăng	(C)	Tổn mộc
Tĩnh		Tổn mộc				

Phân tích tượng quẻ:

(1) Tổn mộc là thể, dụng quẻ, khảm thủy sinh thể. Tuy rằng hổ của thể là đoài kim khắc thể, nhưng lại được hổ của dụng là ly hoả khắc chế đoài kim. Ở mùa đông, tuy ly hoả vô khí, nhưng rốt cuộc vẫn là một pháp bảo của khắc chế đoài kim. Hơn nữa, vì có sự tồn tại của đoài kim, nếu gặp các năm tháng, ngày, giờ dần, thì sẽ gặp những tổn thất của quẻ thể. Nếu gặp những năm tháng ngày giờ hợi, tỵ, thủy, “quẻ thể” sẽ được sinh phù – chủ có niềm vui phát triển hoặc sẽ được của cải tại nơi sông nước; hoặc sẽ phát triển được ở những sự giúp đỡ của người có họ mang bộ thủy.

Gặp những năm Mộc, dần, mao, quẻ thể vượng khí. Tất nhiên sẽ thoải mái, sung sướng.

(2) Do có sự tồn tại của đoàn kim, Đoàn là khẩu thiệt – Trong nhà tất sẽ có tranh cãi; khẩu thiệt xảy ra nhiều.

(3) Quẻ này thể là mộc, giáp xuân, lại mừng được khảm thủy tương sinh. Vì vậy, nhà ở này tất sẽ vượng phát.

Do đoàn kim làm loạn; nhà này sau 29 năm sẽ bị hư hỏng. Nguyên nhân là: Tổng số của các số trong 6 quẻ tức là khảm thủy là 6, tốn mộc là 5, hồ quẻ: ly hoả là 3, đoàn kim là 2, biến quẻ: khôn thổ là 8, tốn mộc là 5. Phép tính sẽ là:

$$6 + 5 + 3 + 2 + 8 + 5 = 29 \text{ (số)}$$

Nhà của họ Hàn:

Tượng quẻ là: “phong lôi ích” biến thành “phong trạch trung phù”. Quẻ hồ có căn khôn.

Phong	Thế		Tốn mộc	Động nhị hào	Phong trạch	Thế		Tốn mộc
Lôi			Chấn mộc		trung			Đoàn
Ích	Dụng			phù	Dụng			Kim
		(A)		(B)			(C)	

Phân tích tượng quẻ:

(1) Quẻ thể và quẻ dụng “Ngũ hành thuộc mộc” thời kỳ đầu là tượng tử hoà. Gia cảnh tương đối thuận lợi.

(2) Quẻ hồ: có căn khôn, cũng là thái bình.

(3) Biến quẻ: sau động nhị hào, chấn mộc biến thành đoàn kim – đoàn kim khắc tốn mộc, đã thể rõ trong “hung tượng” bất lợi. Đoàn là miệng, ở nhà này tất có kiện tụng, ở sau những năm tháng Dậu.

(4) Những năm Thân Dậu, tốn mộc bị khắc, trong nhà luôn bị bệnh tật. Rất may là: chủ quẻ chấn tốn tử hoà, vào những năm tháng dần mao sẽ có nhiều may mắn.

(5) Sau 31 năm nhà này sẽ bị hư hỏng.

Cách tính là: chủ quẻ, tốn 5, chấn 4; hồ quẻ căn 7, khôn 8; biến quẻ tốn 5, quẻ đoàn 2:

$$\text{Tổng cộng: } 5 + 4 + 7 + 8 + 5 + 2 = 31 \text{ (số)}.$$

Quẻ này nếu như không có đoàn kim hoặc có thêm quẻ khảm thủy, thì dù có quá 31 năm, cũng không bao giờ đổ nát hoặc bị phá hủy.

TIẾT 2. VÍ DỤ VỀ LẬP QUẺ BẰNG TIẾNG ĐỘNG VÀ CÁC NÉT CHỮ

Những cách lập quẻ trong “Mai hoa dịch số” được giới thiệu tương đối nhiều. Mỗi một cách đều có ví dụ và quẻ kèm theo. Ngoài cách lập quẻ bằng năm tháng, ngày giờ thường dùng, tiết này sẽ giới thiệu những thí dụ về cách lập quẻ theo tiếng động và nét chữ.

Mấy cách dự đoán này là những thứ chúng ta sẽ rất hay dùng đến trong thực tiễn dự đoán sau này.

Thí dụ 1: Nghe tiếng động để đoán xem “Hôm nay động tĩnh như thế nào?”

Có một vị khách hỏi ngày Thiệu Khang Tiết rằng: “Kim nhật động tịnh như hà?” (Hôm nay có động tĩnh gì?) Đó là một câu hỏi rất bình thường, nhưng vì có người hỏi, Thiệu Khang Tiết bèn dùng ngay 6 chữ đó để lập quẻ.

Cách lập quẻ:

Chia đều 6 chữ làm 2 phần. 3 chữ đầu “Kim nhật động...” (hôm nay động...) là thượng quẻ. Lấy chữ thứ nhất, thành bình là số 1; chữ thứ hai, nhập thanh là số 4; chữ thứ ba khứ thanh là số 3. Cộng: $1 + 4 + 3 = 8$ quẻ khôn là 8 tức là lấy quẻ khôn làm thượng quẻ.

Ba chữ sau “tĩnh như hà (...tĩnh ra sao)” làm hạ quẻ. Chữ đầu là khữ thanh số 3. Chữ thứ 2 là thanh bình số 1. Chữ thứ 3 là thanh bình số 1.

Cộng: $3 + 1 + 1 = 5$. Số 5 là quẻ tốn, đặt là hạ quẻ, rồi lấy $8 + 5 = 13$; lấy $13 : 2 = 6$ dư 1, động sơ hào, quẻ sẽ là: “Địa phong thăng” biến thành “Địa thiên thái”. Quẻ hồ có chấn và đoàn.

Địa	Thể		Khôn thổ	Động hào nhất	Địa	Thể		Khôn thổ
Phong			Chấn mộc		Thiên			Cần Kim
Thăng	Dụng				Thái	Dụng		
	(A)			(B)			(C)	

Thiệu Khang Tiết nói với người khách:

“Hôm nay có người đến mời, khách không nhiều, rượu cũng không say, chỉ ăn cơm thịt gà mà thôi”. Ngay tối hôm ấy, quả nhiên đúng như vậy.

Bạn đọc lưu ý, chăm chỉ, có thể phát hiện ra rằng: quẻ “Địa phong thăng”, “Địa thiên thái” không phải lần đầu tiên xuất hiện trong cuốn sách này, nhưng nội dung, kết quả nó phản ánh thì hoàn toàn khác nhau. Đó chính là biểu hiện của sự thần kỳ, sâu sắc và tuyệt diệu của bát quái. Chúng ta thử nhìn xem: ngài Thiệu Khang Tiết tại sao lại có thể đưa ra phán đoán với quẻ này như vậy?

(1) Quẻ “địa phong thăng”, chữ “Thăng” vốn có ý nghĩa là hay lên cao. Nó là một cái nghĩa may mắn “thông đạt”.

(2) Hào từ “sơ lục” nói: “Được phép bay lên, đại cát” cũng có ý là thuận lợi. Dựa vào 2 điều trên, Thiệu tiên sinh đã khẳng định “có động tĩnh”.

(3) Ở quẻ hồ có chấn và đoàn. Chấn là phương đông. Đoàn là phương tây. Có sự phân biệt của chiều bên đông và chiều bên tây.

(4) Trong quẻ có đoàn là cái miệng, khôn là cái bụng. Chủ sẽ có việc về cái miệng và cái bụng, cho nên biết rằng “Động tĩnh” chính là “có người tới mời”.

(5) “Khách không nhiều” vì quẻ khôn đứng một mình, không có quẻ khí cứng loại xuất hiện.

(6) “Rượu không say” vì trong quẻ không có “khảm thủy” vì thế rượu cũng không quá nhiều.

(7) “Thức ăn chỉ có cơm thịt gà” khôn chính là gạo (hoặc nếp) mà trong quẻ không có khí tương sinh. Vì vậy, biết rằng rượu không nhiều, các món ăn cũng không được phong phú.

Thí dụ 2:

Xem bảng đề trên “chùa Tây Lâm” bằng số nét chữ, Thiệu Khang Tiết bỗng nhìn thấy bảng chữ đề trên chùa Tây Lâm. Chữ “Lâm” đã thiếu 2 nét, vì thế tự nhiên nảy ra ý dự đoán: chữ “Tây” 7 nét nên lấy “cấn” làm thượng quẻ. Chữ “Lâm” 8 nét lấy khôn làm hạ quẻ. Lấy trên 7 dưới 8, cộng lại thành 15, chia cho 6 dư 3 làm động hào. Tượng quẻ là:

Sơn	Thể		Cấn thổ	Động tam hào	Cấn	Thể		Cấn thổ
Địa			Khôn thổ		vi			Cấn thổ
Bác					sơn	Dụng		
	(A)			(B)			(C)	

Phân tích tượng quẻ:

(1) Chùa là nơi cư trú của hoà thượng (đàn ông), hồ lại có trùng khôn, tức là hào của trùng âm.

Quẻ này chỉ có một hào thượng cửu là dương. Có một điểm là quần âm hãm dương, vì thế đoán rằng: trong chùa này tất có việc chết người, luôn luôn làm cho chùa không yên. Sau khi dò la, hỏi han các hoà thượng trong chùa, quả nhiên đã chứng thực là có chính xác một việc như thế.

(2) Biện pháp để giải phá là:

Đề nghị cho thêm 2 nét móc của chữ “Lâm”. Tại sao vậy? Vì: Thuần dương nam tính lại ở vào nơi thuần âm. Vậy tự nhiên là không bình thường. Trong quẻ có điểm là quần âm không ép dương thì càng thêm buồn phiền. Nét chữ “Lâm” thêm 2 nét móc thì nét của nó sẽ là 10; $10 : 8 = 1$ dư 2 thì hạ quẻ sẽ trở thành quẻ đoài.

Toàn quẻ “sơn địa bác” sẽ thành quẻ “Sơn trạch tổn” hào động sẽ là:

$(7 + 10) : 6 = 2... \text{ dư } 5$. Quẻ biến sẽ là “phong trạch trung phù”. Ở quẻ hồ sẽ có khôn chấn. Lúc đó tượng quẻ sẽ là

Sơn	Dụng		Cấn thổ	Động ngũ hào	Phong trạch	Dụng		Khôn thổ
Trạch			Đoài kim		Trung			Tổn
Tổn	Thể				Phù	Thể		mộc
	(A)			(B)			(C)	

Quẻ hồ là: hồ có khôn chấn.

(3) “tổn hao” chính là sự bắt đầu của việc “thu lợi”. Lúc ấy “quẻ dụng” quẻ “thượng hồ” đều sinh thể. “Quẻ thể” cường thịnh, vượng tướng, đương nhiên sẽ cát tường. Quẻ biến: đoài kim khắc tổn mộc “thể khắc dụng chủ sự cát” cũng là một điểm may mắn.

(4) Hoà thượng đã theo lời của Thiệu Khang Tiết thêm vào chữ “Lâm” 2 nét móc. Sau đó, quả nhiên chùa được yên ổn.

Thí dụ 3:

Xem thử tiếng con bò kêu.

Giờ, ngọ, ngày quý mao, có một con bò kêu ở phía bắc, tiếng kêu nghe rất thảm thiết. Thiệu Khang Tiết liền xem một quẻ về điều đó. Bò là khôn, là thượng quẻ; phương bắc là khảm, là hạ quẻ.

Khảm 6, khôn 8 cộng giờ ngọ là số 7.

$6 + 8 + 7 = 21$. Lấy $21 : 6 = 3$ dư 3 tam hào là động hào. Tượng quẻ sẽ là: khôn.

Địa	Thể		Khôn thổ	Động tam hào	Địa	Thể		Khôn thổ
Thủy			Khảm thủy		Phong			Tổn mộc
Sư	Dụng				Thăng	Dụng		
	(A)			(B)			(C)	

Quẻ hồ có khôn chấn.

Phân tích tượng quẻ:

(1) Hào từ của hào lục tam quẻ địa thủy sư là:

“Quân đội có những xe chở xác (hung)”, lục tam hào là hào âm, lại ở vị trí dương (bất chính).

Kết quả: “có lẽ thi thể của tướng quân sắp được chở bằng xe”. Đương nhiên là không lành.

(2) “Địa thủy sư” biến thành “Địa phong thăng”, khôn là thể, quẻ hồ là chủ quẻ, là khôn, và chấn tức là chấn mộc. Tổn mộc của quẻ biến đều khắc thể là khôn thổ, quẻ không có sinh khí.

Tổng số của toàn quẻ là: Thượng quẻ khôn là 8, hạ quẻ khảm là 6, số giờ là 7.

$8 + 6 + 7 = 21$. Cho nên đoán rằng: con bò này nội trong 21 ngày sẽ bị giết.

Đến ngày 20 thì có người mua bò này giết để khao dân làng.

Mọi người biết chuyện này đều vô cùng kinh ngạc về quẻ đoán của Thiệu Khang Tiết.

Phần hai

PHÉP DỰ ĐOÁN THEO SÁU HÀO

Chương 8

ĐI VÀO PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THỐNG

(CHÍNH TÔNG ĐẠI PHÁP)

Phương pháp vận dụng bát quái “Chu dịch” dự đoán thông tin ở mọi phương vị rất nhiều, phần một của sách này đã giới thiệu đôi điều. Phương pháp dự đoán theo sáu hào là một trong những phương pháp chủ yếu dự đoán các loại thông tin của nhân dân lao động thời cổ Trung Quốc, gọi là “Phép đại tông” về dự đoán.

Năm Ất tỵ Quang Tự nhà Thanh, Vương Hồng Tự, người Lâm Ốc Sơn, soạn “Bốc phê chính tông”, lời nói đầu viết: phép “Bốc phê” dẫn người đần giải u mê, dạy người khôn tìm may, tránh rủi. Sáu hào phải dựng ngay, các biến hoá phải trình bày cặn kẽ, không được bỏ qua mảy may, đó là điều kiện phải làm. Người đời đầu óc rỗng tuếch, không thể cứu xét tỉ mỉ, chỉ là lừa đời dối người, thật là đáng buồn hết sức. Sách này theo lý lẽ chính thống, không dám nói điều gì theo suy nghĩ chủ quan, để lại sai lầm có hại cho người đời sau nên đặt tên là chính tông.

Phương pháp dự đoán mà “Bốc phê chính tông” giới thiệu, có hình thức gieo quẻ, cũng là lấy đồng tiền thay cỏ thi, cũng chính là “phép dự đoán theo sáu hào” như người nay quen gọi.

Nội dung liên quan đến phép dự đoán theo sáu hào rất phong phú, sự vật được tượng quẻ phản ánh cũng rất nhiều, biến hoá hết sức phức tạp. Người mới học tiếp xúc với phép dự đoán theo sáu hào thường có cảm giác bụng dạ rối bời, luôn luôn không biết bắt đầu từ đâu. Có người thì do phương pháp học tập không đúng, có một số thì học mười mấy năm trời vẫn không thể tự mình lấy quẻ, bày quẻ và đoán quẻ được, do đó hết sức buồn nản, cho mình là “kẻ đầu óc ngu ngốc”. Kỳ thực không phải thế. Phép dự đoán theo sáu hào thiếu sách đọc nô nê dễ hiểu; chúng ta có vấn đề không hiểu, muốn tìm thầy để hỏi, nhưng không biết thầy ở đâu; tự học tập nghiên cứu thì một mặt tự liệu khó tìm, mặt khác không có bạn cùng trao đổi, dựa vào tự đào sâu suy nghĩ, tự nhiên lại tăng thêm khó khăn trong học tập và nâng cao, tỷ lệ thành công sẽ giảm thấp đi nhiều.

Cùng với sự phát đạt về mở rộng cải cách và hùng vượng sự nghiệp của đất nước, việc nghiên cứu học thuật sôi nổi chưa từng có, công tác nghiên cứu khí công, công năng đặc dịch, “Kinh dịch” v.v... có bước tiến nhảy vọt. Sách báo có liên quan về các mặt này kế tiếp xuất bản, dấy lên phong trào sôi nổi “sốt khí công”, “sốt công năng đặc dịch”, “sốt kinh dịch”... Sự phát triển tiếp theo tình hình rất tốt đẹp ấy đã tạo điều kiện cho chúng ta học tập dự đoán “Chu dịch”.

Dù “Hệ từ – Thượng truyện” nói “Dịch có bốn điều trong đạo của thánh nhân: trọng ngôn hơn từ – trọng động hơn biến – trọng chế khí hơn tượng – trọng bốc phê hơn chiêm.”

Dự đoán xếp vào vị trí thứ tư, cũng tức là xếp vào vị trí cuối cùng của bốn loại công dụng của “Chu dịch”. Hơn nữa, từ trong thực tiễn dự đoán của rất nhiều các bậc tiền nhân, chúng ta có thể thấy được dự đoán “Chu dịch” gắn liền với nền văn minh khoa học hiện đại, đã biểu hiện rõ ràng sức sống mãnh liệt của nó. Thực tiễn dự đoán “Chu dịch” là một trong

những cái chìa khoá mở cửa kho báu dịch học, hiến dâng báu vật cho nhân dân, hiến dâng báu vật cho tổ quốc. Chúng ta có lý do để nghiêm chỉnh học tập và nắm vững lấy nó, làm cho nền văn minh cổ đại của Trung Quốc trong tay chúng ta được phát huy rộng rãi.

Phép dự đoán theo sáu hào chứa đựng đầy đủ tư tưởng triết học khoa học, vận dụng vũ trụ quan một chia hai, đối lập và thống nhất, phương pháp luận duy vật biện chứng, nêu rõ quy luật tự nhiên về phát triển và biến hoá trong vũ trụ, phản ánh ngàn vạn loại vật tượng của bát quái, để làm cho trạng thái không gian ba chiều, chiều rộng và độ khó về nghiên cứu nó là hết sức rộng lớn.

Chúng ta thường nghe có người nói: “Dự đoán này nó không đúng, dự đoán là lừa dối người”. Người viết dòng này cho rằng “dự đoán này, nó không đúng” có thể là có thật: còn dự đoán là: lừa dối “người” khi kết luận như vật là quá tả và phiến diện.

Ở đây, xin có một sự so sánh: Bệnh viện là nơi mà mỗi người ở đời đều có khả năng phải đến. Bệnh viện của thủ đô và bệnh viện của huyện, thành về trình độ kỹ thuật có sự khác biệt rất lớn. Giữa giáo sư học viện y học và bác sĩ bình thường có sự khác biệt về y thuật. Có sự khác biệt giữa chuyên gia y học, bác sĩ điều trị xem bệnh cho người bệnh, bác sĩ bình thường cũng khám bệnh cho người bệnh, đến cả bác sĩ thực tập, y tá cũng có khi phải khám bệnh cho người bệnh”. “Thầy thuốc chân chất”, “Thầy lang vườn”, ở nông thôn vẫn cứ khám bệnh cho người bệnh của họ. Ở đây bắt đầu phải nói thầy thuốc trình độ sơ cấp ở nông thôn, đoán sai bệnh. Các thí dụ về sai lầm đi hại cho bệnh tình vẫn thường xảy ra. Bác sĩ của các bệnh viện lớn ở các thành phố lớn chẩn đoán sai lệch, hoặc tìm không ra bệnh của bệnh nhân; đó cũng là việc thường có. Mọi người chỉ phàn nàn trình độ thầy thuốc không cao, rất ít có người chỉ trích bản thân y học là “lừa dối người”.

Dự đoán cũng là như vậy, người thực hành dự đoán “Chu dịch” trình độ không đồng đều, ở người thuộc tầng thứ thấp thường hợp sai sót trong dự đoán nhiều hơn chút ít; người thuộc tầng lớp cao thường hợp sai sót trong dự đoán ít hơn một chút. Nhưng bất cứ người nào cũng không tránh được có sai sót. Tôi cho rằng phạm là những điều về khoa học đều là đi từ thất bại đến thành công. “Thất bại là mẹ thành công”, từ góc độ này thông qua tổng kết nâng cao, sẽ hoàn thiện phương pháp dự đoán và kinh nghiệm phán đoán, giành lấy tỉ lệ thành công lớn.

Thành phố có số bệnh viện lớn, gặp các bệnh khác thường mãi khi bệnh nhân chết rồi, cũng chưa làm rõ được bệnh nhân mắc bệnh gì. Nhưng bệnh viện quyết cũng không phải vì sai sót mà đóng cửa, ngược lại người đến bệnh viện thay cho bệnh viện mà nói thì rất nhiều.

Dự đoán “Chu dịch” tuy là một ngành học vấn, nhưng lại không giống như y học, những thầy thuốc có chuyên môn có thể giúp cho người ta học tập và đào tạo đi sâu, có thể đến bệnh viện thực tập rèn luyện, thầy thuốc trẻ tuổi có thể được các thầy thuốc lâu năm giúp đỡ, truyền nghề. Người nghiên cứu dự đoán “Chu dịch” trong một thời kỳ tương đối dài, đều là đơn độc, giống như “công tác bí mật”, chỉ sợ bị người ta phát hiện, lại thêm mang “tội danh” không đúng mà có. Điều kiện học tập của nó rất kém. Một số người trong số họ có được thành quả dự đoán như ngày nay đã là không dễ dàng gì.

Ngày 7 – 9 – 1984, ông Thiệu Vĩ Hoa dự đoán về dự báo thời tiết từ ngày mùng 1 đến ngày 10 tháng 10 ở thành phố Bắc Kinh, gửi trước đến cơ quan tạp chí tự nhiên Bắc Kinh, kết quả đúng 7 ngày, tỷ lệ thành công đạt tới 70%. Lại xin xem: bảng kết quả dự báo thời tiết khu vực Tây An (chỉ tỷ lệ chính xác).

Số tháng	Kết quả	Đài khí tượng trung ương	Đài khí tượng Thiểm Tây	Dự đoán bát quái

46	65,92%	71,05%	68,16%
----	--------	--------	--------

Trong bảng, có thể nhìn thấy rõ ràng dự báo thời tiết ở khu vực này bằng dự đoán bát quái so với đài khí tượng trung ương tỷ lệ chính xác còn cao hơn. Nhưng sai sót của đài trạm, vì “trời có gió mây không đo được” nên rất dễ dàng được mọi người thông cảm, còn sai sót của dự đoán bát quái, có người lại cho là “lừa dối người”. Đây là điều không công bằng.

Chúng ta hoàn toàn không muốn tìm cớ để bào chữa cho những sai sót có thể xảy ra trong dự đoán bát quái, trái lại phải gạt bỏ vương mắc để nhẹ nhàng tiến lên, nỗ lực học tập và nâng cao trình độ dự đoán của mình.

Nắm vững phép dự đoán theo sáu hào là một trong những dấu hiệu về trình độ dự đoán đã được nâng cao, phần sau của sách này chuyên đi vào bàn bạc vấn đề này, mong đạt tới ý tứ sâu sắc, lời lẽ dễ hiểu, lớp lang rạch ròi, làm cho mọi bạn đọc đều có thể đọc hiểu, xem hiểu, biết lấy quẻ, biết đoán quẻ và từng bước vận dụng vào trong thực tiễn dự đoán, tạo phúc cho người đời.

Tiết 1. LẬP QUẺ CHO CHÍNH XÁC

Phép lấy quẻ dự đoán theo sáu hào cũng còn gọi là “phép xóc quẻ”. Công cụ cơ bản của nó là ba đồng tiền tức đồng tiền đồng cổ.

Khi xóc quẻ, trước hết lấy 3 đồng tiền (tiền Càn Long là tốt nhất) đặt vào lòng bàn tay, hai bàn tay úp lại khoảng một phút, làm cho từ trường trong người và từ trường trong đồng tiền thông với nhau.

Mọi việc trong cuộc sống không thể không động từ trong lòng, thông tin từ trong lòng phát ra. Cho nên người xin người khác dự đoán, trong lòng phải tập trung ý niệm, thì phát thông tin ra ngoài mới đúng. Chỉ có ý niệm của người hỏi việc tập trung, đồng tiền mới có thể thông qua phản hồi thông tin để phản ánh chính xác, chân thực thứ tự sắp xếp âm dương của đồng tiền. Đồng tiền xóc tất cả sáu lần và ghi lại tượng hào hoặc dương hoặc âm hoặc lão dương của mỗi lần xóc, thứ tự ghi, xếp từ dưới lên trên. Tức là xóc lần đầu là hào đầu, xóc lần thứ hai là hào hai cho đến xóc lần thứ sáu là hào sáu, gọi là hào thượng lục hoặc hào thượng cửu.

Tháng 10 năm 1989, tôi và một đồng chí đi công tác đến Tế Nam, rủ nhau đi thánh địa nhà phật “Thiên phật sơn” dạo chơi, giữa đường gặp nhiều người xem tướng bói quẻ cho khách. Trong số đó, có một thầy bói trên 50 tuổi, tự xưng “đoán 10, ứng 10; bói 100 sai 1”. Lúc đó, có hai bạn trẻ xin xem “tướng tay”, mời ông ta đến nơi vắng vẻ trong rừng. Xem xong tướng tay một người trong số họ nói: “Cha tôi gần đây phải làm một việc ông có thể xem kết quả ra sao?”. Thầy bói nói: “Được, hãy xóc thêm một quẻ, mỗi quẻ 5 đồng”.

Tôi đứng cạnh theo dõi, thấy ông ta lấy quẻ, thứ tự đều sai cả, cụ thể là hào đầu lại ghi vào vị trí hào thứ sáu. Sau đó đương nhiên là không thể tính ra kết quả như thế nào, ông ta “âm ừ” nói: “Việc cha anh muốn làm, 70% có thể thành công, 30% không thể thành công được”. Thật là làm cho người ta cười dở, khóc dở. Tôi không thể nhịn được phải nói: “Ông lấy quẻ này, là quẻ gì?”. Ông ta lại “âm ừ”. “Quẻ sơn thủy”. Tôi biết ông ta còn chưa qua nhập môn, liền khuyên: “Ông xem tướng tay một cách gắng gượng, còn có thể nói lên được điều gì đó, bát quái thì đến lấy quẻ ông cũng không biết, tên quẻ cũng không hay, làm sao có thể lừa người, làm điều thất đức, mưu kiếm đồng tiền, hãy đợi sau này học thông thạo rồi hãy đem ra sử dụng”.

Nhưng loại người như hạng “thuật sĩ” tôi giảng hồ đó đây ấy không thể bỏ nhọ được các nhà dự đoán, trách nào có người phải chửi chúng ta “Đồng bịp”. Lấy quẻ, thứ nhất là thứ tự, thứ nhì là phải nhận rõ ký hiệu âm dương của đồng tiền. Mặt có chữ là ngửa, mặt không

chữ là sắp. Trong ba đồng tiền xóc quẻ, khi chỉ có một là sắp thì ghi là dương “—”; hoặc “’”; khi có 2 đồng sắp thì ghi “—” hoặc “’”, có 3 đồng sắp thì ghi □ hoặc “0” chỉ biến hào lão dương; âm là hào động trong quẻ.

Động thì có biến, dương động biến thành âm, âm động biến thành dương; Trong một quẻ, sáu hào đều động thì toàn biến; sáu hào đều không động thì đều không biến. Một chấm là thiếu dương, hai chấm là thiếu âm; một vòng tròn là lão dương, chủ về việc quá khứ, một dấu nhân “x” là “lão âm”, chủ về việc tương lai. Trong sáu hào, chỉ có một hào động khi đoán quẻ có thể tham khảo “hào từ”, có hai hào động trở lên, khi đoán quẻ, có thể tham khảo “quẻ từ”.

Lấy quẻ, khi ghi thì từ dưới lên trên; xếp tên quẻ thì từ trên xuống dưới. Xin nêu một ví dụ thực tế về xóc quẻ xếp quẻ:

Quẻ ngoại= x hào thượng chỉ hào âm và hào động
 ‘ hào năm chỉ hào dương
 “ hào bốn chỉ hào âm
 Quẻ nội= □ hào ba chỉ hào dương và hào động
 “ hào hai chỉ hào âm
 x hào âm chỉ hào âm và hào động

Quẻ ngoại là khảm, quẻ nội là cấn. Khảm là thủy, cấn là sơn tên quẻ là “Thủy sơn khiêm”.

Ví dụ về bảng tượng quẻ:

Càn	Đoài	Ly	Chấn	Tốn	Khảm	Cấn	Khôn
— — —	— — —	— — —	— — —	— — —	— — —	— — —	— — —
một	Hào	Hào	Hào	Hào	Hào	Hào	hai
chấm	đầu	đầu	đầu	đầu	đầu	đầu	chấm
là	hào	hào	là	là	hào	hào	là
vạch	hai	ba	vạch	âm,	ba	hai	âm,
liền (1)	là	là	liền (2)	hòa	đều	đều,	
là	vạch	vạch	là	hai	là	là	ba
dương,	liền (1)	liền (1)	dương;	hào	âm,	âm,	
ba	là	là	hào	ba	hào	hào	hào
hào	dương;	dương;	hào	là	hai	ba	đều
đều	hào	hào	ba	vạch	là	là	là
là	hai	hai	là	liền (1)	vạch	vạch	âm
dương	là	là	âm	là	liền (1)	liền (1)	
	âm	âm		dương	là	là	
				dương	dương	dương	

Tiết 2. BÀY QUẺ HOÀN TOÀN KHÔNG KHÓ

Phép dự đoán theo sáu hào, sau khi lấy quẻ, chỉ mới là mặt cái “giá mắc áo”, phải dùng biện pháp “mắc áo đội ngũ” bày thành quẻ mới có thể dự đoán, phán đoán kết quả nhân sự là cát hung. Chúng ta dựa theo thứ tự quen dùng về bày quẻ, từng bước một học tập nắm vững phương pháp bày quẻ.

A. ĐỊNH CỤC THÂM THIÊN GIÁP TÝ

Phần này chủ yếu nói về quy tắc: sắp xếp thiên can địa chi của 8 quẻ càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. Nắm vững được quy tắc này ta có thể tương đối mau chóng sắp xếp chính xác thiên can, địa chi đối ứng nhau của 6 hào trong 64 quẻ.

Bài ca nạp giáp bày quẻ (bày theo thứ tự từ dưới của quẻ nội, quẻ ngoại).

Càn kim giáp tý ngoại nhâm ngọ,	tý dần thìn, ngọ thân tuất
Khảm thủy mậu dần ngoại mậu thân,	dần thìn ngọ, thân tuất tý.
Cấn thổ bính thìn ngoại bính tuất,	thìn ngọ thân, tuất tý dần.
Chấn mộc canh tý ngoại canh ngọ,	tý dần thìn, ngọ thân tuất.
Tốn mộc tân sửu ngoại tân mùi,	sửu hợi dậu, mùi tỵ mão.
Ly hỏa kỷ mao ngoại kỷ dậu,	mao sửu hợi, dậu mùi tỵ
Khôn thổ ất mùi ngoại quý sửu,	mùi tỵ mao, sửu hợi dậu.
Đoài kim đinh tỵ ngoại đinh hợi,	tỵ mao sửu, hợi dậu mùi.

Giải thích bài ca cổ xưa “bày quẻ” này như thế nào, chúng ta sẽ trình bày ở phần sau.

1. Phương pháp nạp chi của bát quái

Quẻ nội càn	:	tý thủy, dần mộc, thìn thổ.
Quẻ ngoại càn	:	ngọ hỏa, thân kim, tuất thổ.
Quẻ nội khảm	:	dần mộc, thìn thổ, ngọ hỏa.
Quẻ ngoại khảm	:	thân kim, tuất thổ, tý thủy.
Quẻ nội cấn	:	thìn thổ, ngọ hỏa, thân kim.
Quẻ ngoại cấn	:	tuất thổ, tý thủy, dần mộc.
Quẻ nội chấn	:	tý thủy, dần mộc, thìn thổ.
Quẻ ngoại chấn	:	ngọ hỏa, thân kim, tuất thổ.
Quẻ nội tốn	:	sửu thổ, hợi thủy, dậu kim.
Quẻ ngoại tốn	:	mùi thổ, tỵ hỏa, mao mộc.
Quẻ nội ly	:	mao mộc, sửu thổ, hợi thủy.
Quẻ ngoại ly	:	dậu kim, mùi thổ, tỵ hỏa.
Quẻ nội khôn	:	mùi thổ, tỵ hỏa, mao mộc.
Quẻ ngoại khôn	:	sửu thổ, hợi thủy, dậu kim.
Quẻ nội đoài	:	tỵ hỏa, mao mộc, sửu thổ.
Quẻ ngoại đoài	:	hợi thủy, dậu kim, mùi thổ.

Tám quẻ trên đây, địa chỉ của sáu hào hai quẻ càn, chấn sắp xếp giống nhau, cách xếp địa chỉ trong sáu hào ấy là xếp cách ngôi từ dưới lên trên.

Như quẻ càn , hào đầu là tý thủy, hào hai là dần mộc, hào ba là thìn thổ, hào bốn là ngọ hỏa, hào năm là thân kim, hào sáu là tuất thổ. Các quẻ khác cũng phóng theo cách này.

Trong vận dụng thực tế dự đoán “Chu dịch”, các quẻ thường là sắp xếp sai, như là:

Thiên	_____	hào sáu	
	_____	hào năm	
Sơn	_____	hào bốn	
	_____	hào ba	
Độn	____	hào hai	
	____	hào đầu	

Hạ quẻ cấn là sơn: là quẻ nội cấn, như vậy xin xem thứ tự nạp chi của quẻ nội cấn; chúng ta hào đầu thìn thổ, hào hai là ngọ hỏa, hào ba là thân kim; Thượng quẻ là càn, là quẻ ngoại càn, như vậy xin xem thứ tự nạp chi của quẻ ngoại càn; chúng ta hào ba nạp ngọ hỏa, hào bốn thân kim, hào cửu thượng tuất thổ. Lần lượt bày trong quẻ, phải trở thành:

Thiên	_____	Tuất thổ
	_____	Thân kim

Sơn	_____	Ngọ hoả
	_____	Thân kim
Độn	_____	Ngọ hoả
	_____	Thìn thổ

Các quẻ khác phỏng theo cách nạp chi này.

Trong phép nạp chi, quẻ “càn” vì sao lại nạp tý, dần, thìn, ngọ, thân, tuất? Quẻ “khôn” tại sao lại nạp mùi, tỵ, mao, sửu, hợi, dậu? Cổ nhân khi bàn về “hào thần”, đã lấy 12 hào của hai quẻ “càn” và “khôn” ứng với 12 tháng trong một năm. Điều này trong sách “Chu dịch khái luận” đã nói rất rõ. Cái gọi là “hào thần” là chỉ 12 hào của hai quẻ “càn” và “khôn” làm 12 thần, lại đem 12 thần này chia làm 12 tháng, tức là hào sơ cửu của “càn” là “tý”, là tháng 11; hào cửu nhị làm “dần” là tháng giêng; hào cửu tam là “thìn”, là tháng 3; hào cửu tứ là “ngọ” là tháng 5; hào cửu ngũ là “thân” là tháng 7; hào thượng cửu là tuất là tháng 9. Hào sơ lục của “khôn” là “mùi” là tháng 6; hào lục nhị là tỵ là tháng 4, hào lục tam là “mao” là tháng 2, hào lục tứ là “sửu” là tháng chạp; hào lục ngũ là “hợi”, là tháng 10; hào thượng lục là dậu, là tháng 8.

Căn cứ nguyên tắc thần của 12 hào, cho nên hào đầu của “càn” lấy tý, cách ngôi mà định hào tiếp theo; hào đầu của quẻ khôn lấy mùi, cách ngôi mà định hào sau. Nhưng cách sắp xếp hào tiếp theo quẻ khôn không phù hợp với các cách trước kia, đó là vì quẻ khôn là quẻ âm, sự sắp xếp hào đầu của nó là đi ngược lên, tháng trực địa chỉ của nó hoàn toàn không thay đổi.

Còn về sáu quẻ chấn, khảm, cấn, tốn, ly, đoài, thứ tự địa chỉ của các hào cũng đều được sắp xếp theo một quy luật nhất định. Vì 3 quẻ chấn, khảm, cấn là quẻ dương, theo bát quái đồ, cách ngôi chuyển theo chiều thuận, cho nên hào sơ cửu quẻ chấn bắt đầu từ tý; hào sơ lục của quẻ khảm bắt đầu từ dần; hào sơ lục của quẻ cấn bắt đầu từ thìn. Theo sự sắp xếp hào đầu của ba quẻ ấy, chúng ta lấy tý, dần, thìn của ba hào trong của quẻ càn, cho nên chấn là trưởng nam, lấy hào đầu của càn làm hào đầu; quẻ khảm là trung nam lấy hào hai của càn làm hào đầu, cấn là thiếu nam nên lấy hào ba của càn làm hào đầu.

Thứ tự sắp xếp hào đầu của ba quẻ âm tốn, ly, đoài tương đối phức tạp. Nó không những là đi ngược các hào thứ mà thứ tự của ngôi hào và quẻ cũng hoàn toàn ngược lại. Đoài là thiếu nữ, theo nguyên tắc đếm ngược của quẻ âm, lấy hào đầu của khôn làm hào trên của đoài, nên hào thượng lục của quẻ đoài bắt đầu ở mùi thổ; ly là trung nữ, lấy hào hai của khôn làm hào thượng cửu, cho nên hào thượng cửu của ly là tỵ hoả; tốn là trưởng nữ, lấy hào ba của khôn là hào thượng cửu của quẻ tốn là mao mộc, các hào thứ từ trên xuống dưới, cách ngôi mà nạp chi.

Có một số bạn đọc xem đến đây có thể có cảm giác bồn chồn cảm thấy đã không dễ hiểu lại không dễ nhớ, thực ra không nên nôn nóng, phần cuối chương này sẽ cho bạn một bảng tượng quẻ hoàn chỉnh. Chỉ cần bạn sau khi lấy quẻ kiểm tra lại là biết được tượng quẻ sau khi đã được bày xong.

2. Phương pháp nạp can của bát quái

Trong 6 hào của bát quái, không những có cách sắp xếp địa chỉ mà còn có cách sắp xếp thiên can. Cách sắp xếp trước là “nạp chi”, cách sắp xếp sau là “nạp can”. Nạp can tức là đem thập thiên can lần lượt nạp vào bát quái. Quy luật là: “càn nạp giáp nhâm, khôn nạp ất quý, cấn nạp bính, đoài nạp đinh, khảm nạp mậu, ly nạp kỷ, chấn nạp canh, tốn nạp tân”.

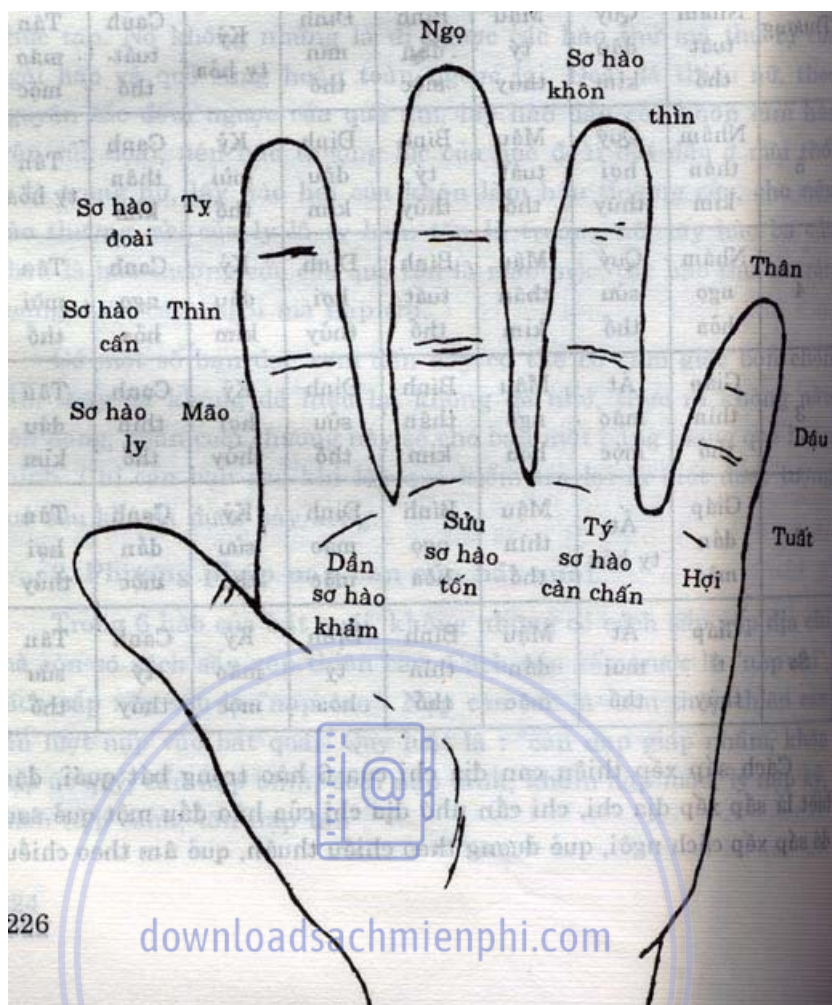
Còn nạp giáp nhâm tức là 3 hào trong quẻ nội của quẻ càn phối với giáp của thiên can; 3 hào trong quẻ ngoại của quẻ càn phối với nhâm của thiên can. Khôn nạp ất quý tức là 3 hào

trong quẻ nội của quẻ khôn phối với ất của thiên can; 3 hào trong quẻ ngoại của quẻ khôn phối với quý của thiên can. 6 quẻ khác, sáu hào trong mỗi quẻ chỉ phối với một thiên can. Thiên can, địa chi, ngũ hành trong bát quái phân phối thành bảng như sau:

	<i>Quẻ càn</i>	<i>Quẻ khôn</i>	<i>Quẻ khảm</i>	<i>Quẻ cấn</i>	<i>Quẻ đoài</i>	<i>Quẻ ly</i>	<i>Quẻ chấn</i>	<i>Quẻ tốn</i>
Thượng	Nhâm tuất thổ	Quý dậu kim	Mậu tý thủy	Bính dần mộc	Đinh mùi thổ	Kỷ tỵ hoả	Canh tuất thổ	Tân mão mộc
5	Nhâm thân kim	Quý hợi thủy	Mậu tuất thổ	Bính tý thủy	Đinh dậu kim	Kỷ mùi thổ	Canh thân kim	Tân tỵ hoả
4	Nhâm ngọ hoả	Quý sửu thổ	Mậu thân kim	Bính tuất thổ	Đinh hợi thủy	Kỷ dậu kim	Canh ngọ hoả	Tân mùi thổ
3	Giáp thìn thổ	Ất mão mộc	Mậu ngọ hoả	Bính thân kim	Đinh sửu thổ	Kỷ hợi thủy	Canh thìn thổ	Tân dậu kim
2	Giáp dần mộc	Ất tỵ hoả	Mậu thìn thổ	Bính ngọ hoả	Đinh mão mộc	Kỷ sửu thổ	Canh dần mộc	Tân hợi thủy
Sơ	Giáp tý thủy	Ất mùi thổ	Mậu dần mộc	Bính thìn thổ	Đinh tỵ hoả	Kỷ mão mộc	Canh tý thủy	Tân sửu thổ

Cách sắp xếp thiên can địa chi của 6 hào trong bát quái, đặc biệt là sắp xếp địa chi, chỉ cần nhớ địa chi của hào đầu một quẻ sau đó sắp xếp cách ngôi, quẻ dương theo chiều thuận, quẻ âm theo chiều nghịch, là được. Ví như: hào đầu của quẻ càn là tỵ thủy; hào đầu của quẻ khôn là mùi thổ; hào đầu của quẻ khảm là dần mộc; hào đầu của quẻ cấn là thìn thổ; hào đầu của quẻ chấn là tỵ thủy; hào đầu của quẻ tốn là sửu thổ; hào đầu của quẻ ly là mao mộc; hào đầu của quẻ đoài là tỵ hoả, sau đó cứ suy ra là tìm ra địa chi của mấy hào sau. Để tiện ghi nhớ, xin xem bảng về sau đây.

Ghi nhớ bằng bàn tay là một cách; một cách khác nữa là thuộc “Bài ca nạp giáp bài quẻ” trên cơ sở hiểu được nội dung. Đường nhiên còn có thể làm phiếu công cụ dự đoán thuận tiện mang theo, như vậy sẽ tránh được nỗi khổ tâm “ghi nhớ khó khăn”.



B. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH HÀO THẾ, HÀO ỨNG.

Trong 6 hào của một quẻ, có hào thế và hào ứng: hào thế là người xin đoán, hào ứng là người khác, việc khác, tức là người hay lĩnh vực mà người xin dự đoán cần dự đoán. Phương pháp xác định hào thế, hào ứng của quẻ có thể lấy bát quái cung cần làm ví dụ.

Cần là trời “thế” ở hào thứ 6 quẻ “Thiên phong cấu” “thế” ở hào đầu; quẻ “Thiên sơn độn” thế ở hào hai; quẻ “thiên địa bĩ” “thế” ở hào ba, quẻ “Phong địa quán” thế ở hào bốn; quẻ “sơn địa bác” “thế” ở hào năm; quẻ “hoả địa tấn” “thế” lùi lại hào bốn; quẻ “hoả thiên đại hữu” “thế” lùi lại hào ba.

Xác định hào ứng thì cách hào thế hai ngỏ là hào ứng. Như: quẻ cần, hào thế ở hào thứ sáu, hào ứng tất là ở hào thứ ba, quẻ “phong địa quán” hào thế ở hào thứ tư, hào ứng tất ở vào hào thứ nhất của nội quái. Như thế cũng tức là: thế ứng tất nhiên ở vị trí đối ứng nhau của nội quái ngoại quái; tức là hào đầu đối hào bốn, hào hai đối hào năm, hào ba đối hào sáu. Giữa chúng vừa vận cách hai hào vị.

C. TRÌ THẾ CỦA CÁC HÀO

Hào thế là bản thân mình, như thân thế của người, hưng vượng là tốt, làm việc thì hanh thông, cầu mưu thì vừa ý.

Hào thế hưng vượng, lại được nguyệt nhật (tháng, ngày), hào động, dụng thần sinh hợp hoặc được một trong những cái đó sinh hợp, càng là như vải thêu hoa. Hào thế nếu gặp tuần không, nguyệt phá, hưu tù vô khí thì không tốt. Lại gặp hình khắc xung hại thì là đã xấu lại càng thêm xấu.

Thế ứng tương sinh thì tốt, tương khắc thì xấu; thế ứng tử hoà mưu việc có thể được. Thế động, thế không, lòng mình không thực. Ứng động ứng không, người khác không thực. Hào thế bị khắc, không lợi cho bản thân mình; hào ứng bị khắc, không lợi cho người khác.

- *Hào phụ mẫu trì thế* (hào thế là hào đóng ở hào phụ mẫu, đều giống ở dưới), phụ mẫu là thần của tàn khổ, chu vi bận bịu, bồn ba, hôn nhân khó khăn, con cái hiếm hoi. Nếu trong quẻ, hào thế tài vượng, hào quan, quỷ động sinh thì lợi về đường văn khoa thi cử. Thê tài động khắc thế thì không có vợ hiền và đoan thọ.

- *Hào tử tôn trì thế*: tử tôn là thần phúc nên: chủ về không lo ngại, tai hoạ thoảng qua. Nhưng tử tôn lại là thần bác quan chế quỷ, khắc chế quan quỷ cho nên không lợi cho cầu danh, cầu quan.

- *Hào quan quỷ trì thế*: quan quỷ là thần của hoạn nạn, cho nên gặp việc thì khó yên, không bệnh thì cũng gặp nạn, tài vật thất tán, có nhập mộ càng khó khăn, gặp hung thì nguy hiểm biến thành bình yên. Nhưng cầu danh cầu quan lại rất mong có quan quỷ trì thế.

- *Hào thê tài trì thế*: Thê là nội trợ, tài là thần tài, tài là nguồn dưỡng mệnh, không thế không có được. Hào tài trì thế chủ về của cải phồn vinh, nếu gặp hào tử tôn động sinh càng là thân cường tài vượng, lợi về cầu quan hỏi kiện, nhưng không lợi về văn thư, khắc phụ mẫu, thê động biến huynh vạ sự đều xấu.

- *Hào huynh đệ trì thế*: vì hào huynh đệ trong ngũ hành là khắc thê khước tài, cho nên hào huynh đệ là thần cướp của, là tai hoạ mất của, là chủ dẫn đến thương tổn về đường vợ chồng. Gặp huynh đệ trì thế, không những không thể cầu tài mà còn phải phòng khắc thê phá tài. Nếu quan quỷ vượng hoặc hào huynh đệ hoá quan quỷ thì càng có tai nạn hung hiểm.

D. CÁCH SẮP XẾP LỤC THÂN

Trên đây đã biết đến lục thân, tức là: phụ mẫu, huynh đệ, thê tài, quan quỷ, tử tôn. Sáu hào trong một quẻ chia thành lục thân như thế nào?

Lục thân trong quẻ lấy ngũ hành thuộc bát quái làm chủ, phân định thứ tự lục thân địa chi của hào. Cách chia ấy là: sinh ra mình là phụ mẫu, mình sinh ra là tử tôn; khắc mình là quan quỷ; mình khắc là thê tài; tử hoà với nhau là huynh đệ. Lục thân trong quẻ không những là đối tượng cần dự đoán, cũng là căn cứ để lấy dụng thần, xác định chính xác dụng thần trong quẻ thì mới có thể dự đoán và phân đoán chính xác được.

Sở thuộc của lục thân tám cung trong quẻ:

Các cung Càn, Đoài thuộc kim: hào kim là huynh đệ, hào thổ là phụ mẫu, hào mộc là thê tài, hào hoả là quan quỷ, hào thủy là tử tôn.

Các cung Chấn, Tốn thuộc mộc: hào mộc là huynh đệ, hào thủy là phụ mẫu, hào thủy là thê tài, hào mộc là quan quỷ, hào kim là tử tôn.

Cung ly thuộc hoả; hào hoả là huynh đệ, hào mộc là phụ mẫu, hào kim là thê tài, hào thủy là quan quỷ, hào thổ là tử tôn.

Cung khảm thuộc thủy: hào thủy là huynh đệ, hào kim là phụ mẫu, hào hoả là thê tài, hào thổ là quan quỷ, hào mộc là tử tôn.

E. QUẺ THÂN

Vì phép quẻ thân, các sách không cùng ý kiến. Có sách không dùng đến quẻ thân, chỉ dùng dụng thần, cho rằng trong một quẻ, xem hào thế, hào ứng, dụng thần là được rồi, bất tất phải nói đến quẻ thân. Như dụng thần không tốt mà quẻ thân tốt, hoặc là quẻ thân không tốt mà dụng thần tốt, lấy đâu là chủ. Khi có mâu thuẫn, khó bàn luận ngã ngũ. Có người thì cường điệu tính quan trọng của quẻ thân, “Bốc phê chính tông” cho rằng: “Hào của quẻ thân là chủ

khi bói sự việc, nếu không có quẻ thân thì sự việc không có đầu mối, còn quẻ thân gặp tổn thương thì sự việc ấy khó thành”.

“Bốc phê chính tông” toàn thư không những nói về dụng thần mà còn nhấn mạnh tính quan trọng của quẻ thân, là phương pháp coi trọng cả hai cách. Ông Thiệu Vĩ Hoa trong dự đoán thông tin chỉ xem hào thể, hào ứng, dụng thần, không vận dụng phép quẻ thân, nhưng lại cho rằng phép quẻ thân không thể gạt bỏ hoàn toàn, bạn đọc có thể tham khảo trong dự đoán.

Phép xác định quẻ thân của “Bốc phê chính tông”: âm thể bắt đầu từ tháng ngọ trở đi, tức dương thể còn từ tháng tỵ mới sinh; muốn nhận ra ý trong quẻ đó thì đếm từ hào đầu đến hào thể là được.

“Âm thể bắt đầu từ tháng ngọ” là phương pháp định quẻ thân trong quẻ hào âm trì thể, tức là phạm gặp quẻ hào âm trì thể thì phải tự hào đầu của quẻ lấy ngọ, hào hai lấy mùi, hào ba lấy thân, hào bốn lấy dậu, hào năm lấy tuất, hào sáu lấy hợi, đếm mãi cho đến hào thể thì ngừng. Như thế gọi là “đếm đến hào thể là được”.

Nếu hào đầu vừa đúng là ngọ hoả trì thể, như thế thì ngọ hoả của hào đầu chính là quẻ thân; đếm đến hào thể là hào mùi thổ; mùi thổ chính là quẻ thân; đếm đến hào thể là thân, hào thân chính là quẻ thân; đếm đến hào thể là hợi; hào hợi phải là quẻ thân. Nếu địa chi của hào thể không là hợi hoặc không phải là chi muốn tìm, thì phải xem trong quẻ có hào hợi không, có hào thì không kể ở nội quái hay ở ngoại quái, thấy hợi thì là quẻ thân. Dưới đây là những ví dụ:

“Khôn vi địa”

Từ tôn dậu kim “thể	Quẻ này hào âm trì thể, hào
Thê tài hợi thủy “quẻ thân	đầu bắt đầu từ ngọ, hào hai
Huynh đệ sữu thổ”	mùi, hào ba thân, hào bốn dậu,
Quan quý mao mộc “ứng	hào năm tuất, hào sáu hợi,
Phụ mẫu tỵ hoả”	ngừng lại đây, lấy hào hợi thủy
Huynh đệ mùi thổ “	làm quẻ thân

“Thiên phong cấu”

Phụ mẫu tuất thổ	Quẻ này hào âm trì thể, hào đầu
Huynh đệ thân kim	bắt đầu từ ngọ, hào đầu vừa
Quan quý ngọ hoả, ứng, quẻ thân	đúng là hào thể, như vậy ngọ
Huynh đệ dậu kim	hoả là quẻ thân

“Phong hoả gia nhân”

Huynh đệ mao mộc,	Quẻ này là hào âm trì thể, hào
Tử tôn tỵ hoả, ứng	đầu bắt đầu từ ngọ,
Thê tài mùi thổ”	hào hai là mùi, hào hai
Phụ mẫu hợi thủy,	vừa đúng là hào thể, mùi thổ là
Thê tài sữu thổ” thể	quẻ thân
Huynh đệ mao mộc’	Quẻ khác cũng sắp xếp tương tự

“Dương thể còn được sinh từ tháng tỵ” là phương pháp xác định quẻ thân có hào dương trì thể. Phương pháp này cũng giống như phương pháp xác định hào âm trì thể. Phạm là gặp quẻ hào dương trì thể thì từ hào đầu của quẻ bắt đầu ở tỵ, hào hai là sữu, hào ba là dần, hào bốn là mao, hào năm là thìn, hào sáu là tỵ, tiếp tục đếm đến hào thể thì dừng. Nếu hào đầu

dùng làm tý lại là hào thế thì như vậy hào đầu tý thủy chính là quẻ thân. Hào hai là sủu thổ trì thế, sủu thổ tức là quẻ thân. Nếu không ăn khớp thời tìm trong quẻ. Như ví dụ dưới đây:

“Ly vi hoả”

Huynh đệ ty hỏa’ thế quẻ thân
Tử tôn mùi thổ:
Thế tài đậu kim’
Quan quỷ hội thủy ‘ứng
Tử tôn sủu thổ”
Phụ mẫu mảo mộ’

Quẻ này hào dương trì thế, hào đầu bắt đầu từ tý, đếm đến hào thế là ty hoả, hào thế là quẻ thân

“Sơn hoả bồn”

Quan quỷ dẫn mộ’
Thế tài tý thủy “quẻ thân
Huynh đệ tuất thổ “ứng
Thê tài hội thủy’
Huynh đệ sủu thổ”
Quan quỷ mảo mộ “thế

Quẻ này hào dương trì thế, hào đầu từ tý, hào đầu vừa đúng là hào thế cho nên hào năm tý thủy là quẻ thân

“Sơn phong cổ”

Huynh đệ dẫn mộ ‘ứng quẻ thân
Phụ mẫu tý thủy”
Thế tài tuất thổ”
Quan quỷ đậu kim ‘thế
Phụ mẫu hội thủy’
Thê tài sủu thổ”

Quẻ này hào dương trì thế, hào đầu từ tý, đếm đến hào thế là dẫn, cho nên dẫn mộ trong quẻ là quẻ thân

Một quẻ, có lúc có thể xuất hiện trường hợp hai quẻ thân, như:

“Địa phong thăng”

Quan quỷ đậu kim “quẻ thân
Phụ mẫu hội thủy”
Thế tài sủu thổ “thế
Quan quỷ đậu kim ‘quẻ thân
Phụ mẫu hội thủy’
Thế tài sủu thổ “ứng

Quẻ này hào âm trì thế, hào đầu từ ngọ. Đậu kim là quẻ thân.

“Địa trạch hàm”

Tử tôn đậu kim”
Thê tài hội thủy “ứng
Huynh đệ sủu thổ “quẻ thân
Quan quỷ mảo mộ ‘thế
Phụ mẫu ty hoả’

Quẻ này hào dương trì thế, sơ hào từ tý, sủu thổ vừa đúng rơi vào hào hai hà cho nên sủu thổ là quẻ thân, cùng lúc xuất hiện 2 quẻ thân.

Trong 64 quẻ, có lúc còn có thể xuất hiện trường hợp không có quẻ thân. Không có quẻ thân thì tra tìm trong các quẻ đầu của các cung, giống như tra tìm “phục thần” vậy.

Sau khi tra tìm “phục thần” ở trên hào thứ mấy thì viết quẻ thân vào bên cạnh hào thứ mấy của quẻ chủ. Ví dụ như sau:

“Thủy sơn kiến”

Tử tôn tý thủy”
Phụ mẫu tuất thổ”
Huynh đệ thân kim”

Phục Quẻ thân
đậu kim
Thế

Quẻ này hào âm trì thế,
hào đầu từ ngọ, quẻ thân
là đậu kim, trong quẻ

Huynh đệ thân kim”		không có đậu kim. Từ
Quan quỷ ngộ hoả”		cung đoài tra được đậu
Phụ mẫu thìn thổ”	Ứng	kim ở hào 5, quẻ thân thì phục ở hào 5

“Lôi thiên đại tráng”

Huynh đệ tuất thổ:		Quẻ này hào dương trì
Tử tôn thân kim”		thế, hào đầu từ tỵ, mao
Phụ mẫu ngộ hoả ‘Thế		mộc là quẻ thân, trong
Huynh đệ thìn thổ’	Phục Quẻ thân	quẻ không có mao mộc,
Quan quỷ dần thổ’	mao mộc	từ quẻ khảm trước được
Thê tài tỵ thủy ‘Ứng		mao mộc ở hào ba, quẻ thân phục ở hào ba

Còn có quẻ, không những bản thân không có hào quẻ thân, thì phải dùng cách trước tìm phục thân, cũng không trước ra quẻ thân, như thế này là quẻ không có quẻ thân. Ví dụ:

“Trạch phong đại quá”

Thê tài mùi thổ”		Quẻ này hào dương trì thế
Quan quỷ đậu kim’		hào đầu bắt đầu từ tỵ, đếm
Phụ mẫu hợi thủy’	Thế	đến hào thế, mao mộc là
Quan quỷ đậu kim’		quẻ thân, nhưng trong quẻ
Phụ mẫu hợi thủy’		và quẻ chấn đều không có
Thế tài sửu thổ”	Ứng	hào mao mộc, cho nên quẻ này không có quẻ thân.

Tóm lại như trên đã trình bày, phép quẻ thân có cả thấy bốn trường hợp; một là có quẻ thân; hai là một quẻ có hai quẻ thân; ba là lấy phục thân làm quẻ thân; bốn là không có quẻ thân.

Cách đoán hung cát của quẻ thân cũng giống như dụng thần, không thể tách rời quy tắc âm dương ngũ hành, sinh khắc chế hoá. Quẻ thân vượng tướng, có sinh quẻ thân là cát; ngược lại thì là hung. Nhưng khi vận dụng, có thể căn cứ khả năng của mình, người dùng thành thạo thì dùng, người dùng không thành thạo có thể không dùng. Đoán sự việc, lấy dụng thần là chính, đó là phương pháp chính thống.

Tiết 3. TOÀN CẢNH TƯỢNG HÀO 64 QUẺ THEO CÁCH BÓI TRUYỀN THỐNG (“BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG”)

Chúng ta đã có những tri thức cơ bản này đã nêu ở trên, lại có được bức vẽ toàn cảnh tượng hào 64 quẻ theo “Bốc phệ chính tông”, cho dù không nhớ được rất nhiều điều đã trình bày trên đây, cũng không ngại gì. Chỉ cần tra sách này là có thể làm rõ lệ thường của chính tông về trình tượng hào quẻ và phai thần, phục thần, quẻ thân, hào thế, hào ứng.

Chúng ta lấy bức vẽ toàn cảnh tượng hào 64 quẻ của “Bốc phệ chính tông” làm trợ thủ, còn lại chỉ là vấn đề đoán quẻ như thế nào. Tôi tin rằng bạn đọc xem xong tiết này, sẽ tăng thêm lòng tin, rõ hơn luồng suy nghĩ, trong lòng gạt bỏ được phiền muộn tinh thần thông thoáng phần chấn. Đó chính là điều mà tác giả cuốn sách này hằng mong đợi.

CUNG CÀN**“Quẻ càn” thuộc kim**

Phụ mẫu’	thế	Nhâm tuất	Càn là kiện, quẻ đầu cung càn
Huynh đệ’		Nhâm thân	tên gọi cung bát thuần tài, phụ
Quan quỷ’		Nhâm ngộ	huynh, tử đều toàn, là phục
Phụ mẫu’	ứng	Giáp thìn	thần của bảy quẻ của cung này

Thê tài'		Giáp dần		
Tử tôn'		Giáp tý		
“Thiên phong cấu” thuộc kim				
Phụ mẫu'		Nhâm tuất		Sau đó là gặp trong
Huynh đệ'		Nhâm thân		quẻ độc khuyết thê
Quan quý”	ứng	Nhâm ngộ quẻ thân		tài, lấy dần mộc hào
Huynh đệ'		Tân dậu		hai quẻ cần phục
Tử tôn'		Tân hợi, phục Dần mộc		dưới hợi thủy hào hai
Phụ mẫu”	thế	Tân sửu	thê tài	của quẻ này
“Thiên sơn độn” thuộc kim				
Phụ mẫu	‘	Nhâm tuất		Độn là thoái, trong quẻ
Huynh đệ	“ứng	Nhâm thân		khuyết thê tài, tử tôn;
Quan quý	‘	Nhâm ngộ		lấy dần mộc hào hai
Huynh đệ	‘	Bính thân		quẻ cần phục dưới ngộ
Quan quý	“thế	Bính ngộ phục	Dần mộc	hoả hào hai quẻ này,
			Thê tài	lấy tý thủy tử tôn quẻ
Phụ mẫu	“	Bính thìn phục	Tử tôn	cần phục dưới hào đầu
			Tý thủy	quẻ này.
“Thiên địa bĩ” thuộc kim				
Phụ mẫu	‘ứng	Nhâm tuất		Bĩ là tắc, trong quẻ
Huynh đệ	‘	Nhâm thân quẻ thân		khuyết tý thủy, tử tôn
Quan quý	‘	Nhâm ngộ		lấy tử tôn, tý thủy hào
Thê tài	“thế	Kỷ mao		đầu quẻ cần phục hào
Quan quý	“	Ất tý		đầu quẻ này
Phụ mẫu	“	Ất tý	phục Tử tôn	
			Tý thủy	
“Phong địa quán” thuộc kim				
Thê tài	‘	Tân mao		Quan là xem. Trong quẻ
Quan quý	‘	Tân tý	phục Huynh đệ	khuyết huynh đệ tý
			Thân kim	thủy, lấy huynh đệ thân
Phụ mẫu	“ thế	Tân mùi		kim hào năm quẻ cần và
Thê tài	“	Ất mao		tử tôn tý thủy hào đầu
Quan quý	“	Ất tý		quẻ cần phục
Phụ mẫu	“ ứng	Ất mùi	Tử tôn	
			Tý thủy	
“Sơn địa bác” thuộc kim				
Thê tài	‘	Bính dần		Bác là lạc. Trong quẻ
Tử tôn	“thế	Bính tý	Thân kim	khuyết huynh đệ lấy thân
			Huynh đệ	kim hào 5 quẻ cần phục
Phụ mẫu	“	Bính tuất	quẻ thân	dưới tý thủy hào 5 quẻ này
Thê tài	“	Ất mao		
Quan quý	“ ứng	Ất tý		
Phụ mẫu	“	Ất mùi		
“Hoả địa tấn” thuộc kim				
Quan quý	‘	Kỷ tý		Quẻ này tấn là tiến. Là quẻ

Phụ mẫu	“	Kỷ mùi	thứ bảy cung càn, tên gọi quẻ
Huynh đệ	‘thế	Kỷ Dậu	du hồn. Trong quẻ khuyết tử
Thê tài	“thế	Ất mao quẻ thân	tôn, lấy hào đầu, tỷ thủy tử
Quan quỷ	“thế	Ất tỵ	tôn quẻ càn phục hào đầu
Phụ mẫu	“ứng	Ất mùi phụ	quẻ này
		Tỷ thủy	
		Tử tôn	

“Hoả thiên đại hữu” thuộc kim

Quan quỷ	‘ứng	Kỷ tỵ	Đại hữu thì là rộng. Là quẻ mùi
Phụ mẫu	“	Kỷ mùi	của bát quái cung càn, tên gọi quẻ
Huynh đệ	‘	Kỷ Dậu	quy hồn. Trong quẻ này tài, quan,
Phụ mẫu	‘thế	Giáp thìn	phụ, huynh, tử đều toàn, không
Thê tài	‘	Giáp dần	phải tìm phục
Tử tôn	‘	Giáp tỵ	

CUNG KHẨM

“Khảm vi thủy” thuộc thủy

Huynh đệ	“thế	Mậu tỵ	Khảm là hiểm. Quẻ đầu của cung
Quan quỷ	‘	Mậu tuất	khảm tên là bát thuần khảm
Phụ mẫu	“ứng	Mậu thân	Trong quẻ tài, quan phụ, huynh, tử
Thê tài	“	Mậu ngọ	đều toàn, là phục thần của quẻ bảy
Quan quỷ	‘	Mậu thìn	cung này
Tử tôn		Mậu dần	

“Thủy trạch tiết” thuộc thủy

Huynh đệ	“	Mậu tỵ quẻ thân	Tiết là đứng. Trong quẻ quan,
Quan quỷ	‘	Mậu tuất	phụ, huynh, tử đều đủ, không
Phụ mẫu	“ứng	Mậu thân	cần tìm phục
Quan quỷ	“	Đinh sửu	
Tử tôn	‘	Đinh mao	
Thê tài	‘thế	Đinh tỵ	

“Thủy lôi truân” thuộc thủy

Huynh đệ	“	Mậu tỵ	Truân là nan. Trong
Quan quỷ	‘ứng	Mậu tuất	quẻ khuyết thê tài
Phụ mẫu	“	Mậu thân	lấy ngọ hỏa hào ba
Quan quỷ	“	Canh thìn phục	Thê tài quẻ khảm phục dưới
			Ngọ hỏa thìn thổ hào ba quẻ
			này.

Tử tôn	“thế	Canh dần	
Huynh đệ	‘thế	Canh tỵ	

“Thủy hoả ký tế” thuộc thủy

Huynh đệ	“ứng	Mậu tỵ	Ký tên là hợp. Trong
Quan quỷ	‘	Mậu tuất	quẻ khuyết thê tài
Phụ mẫu	“	Mậu thân	Lấy ngọ hỏa hào ba
Huynh đệ	‘thế	Kỷ Hợi phục	Thê tài quẻ khảm phục hào ba
			quẻ này.
Quan quỷ	“	Kỷ sửu	
Tử tôn	‘	Kỷ mao phục	Dần mộc
			Quẻ thân

“Trạch hoả cách” thuộc thủy

Quan quỷ	“	Đinh mùi		Cách là cải. Trong
Phụ mẫu	‘	Đinh dậu		quẻ khuyết thê tài,
Huynh đệ	“thế	Đinh hợi		lấy ngọ hoả hào ba
Huynh đệ	‘	Kỷ hợi phục	Thê tài	quẻ khảm phục hào
			Ngọ hoả	ba quẻ này.

Quan quỷ	“	Kỷ dậu	
Tử tôn	‘ứng	Kỷ mao quẻ thân	

“Lôi hoả phong” thuộc thủy

Quan quỷ	“	Canh tuất quẻ thân	Phong là đại. Trong quẻ tài,
Phụ mẫu	“thế	Canh thân	quan, phụ, huynh, tử đều
Thê tài	‘	Canh ngọ	
Huynh đệ	‘	Kỷ hợi	
Quan quỷ	“ứng	Kỷ sửu	
Tử tôn	‘	Kỷ mao	

“Địa hoả minh di” thuộc thủy

Phụ mẫu	“	Quý dậu	Minh di là thượng. Là quẻ
Huynh đệ	“	Quý hợi	thứ bảy của cung khảm,
Quan quỷ	“thế	Quý sửu	gọi là du hồn. Trong quẻ
Huynh đệ	‘	Kỷ hợi phục	khuyết thê tài, lấy ngọ
			hoả hào thứ ba quẻ khảm
Quan quỷ	“	Kỷ sửu	phục dưới hợi thủy hào
Tử tôn	‘ứng	Kỷ mao	thứ ba quẻ này.

“Địa thủy sư” thuộc thủy

Phụ mẫu	“ứng	Quý dậu	Sư là chúng. Là quẻ
Huynh đệ	“	Quý hợi	mùi của cung khảm
Quan quỷ	“	Quý sửu phục quẻ thân	gọi là quy hồn
Thê tài	“thế	Mậu ngọ Thân kim	Trong quẻ tài quan
Quan quỷ	‘	Mậu thìn	phu, huynh, tử đều
Tử tôn	“	Mậu dần	đủ, không cần tìm phục

CUNG CẤN**“Cấn vi sơn” thuộc thổ**

Quan quỷ	“thế	Bính dần	Cấn là chỉ. Là quẻ đầu của cung
Thê tài	“	Bính tý	cấn, tên gọi bát thuần. Trong quẻ
Huynh đệ	“	Bính tuất	tài, quan, phụ, huynh, tử đều toàn.
Tử tôn	‘ứng	Bính thân	Lấy quẻ thứ bảy trong cung này
Phụ mẫu	“	Bính ngọ	làm phục thân.
Huynh đệ	“	Bính thìn	

“Sơn hoả bồn” thuộc thổ

Quan quỷ	‘	Bính dần	Bồn là sức. Trong
Thê tài	“	Bính tý quẻ thân	quẻ khuyết phụ
Huynh đệ	“ứng	Bính tuất	mẫu, tử tôn lấy ngọ
Thê tài	‘	Kỷ hợi phục	tử tôn hoả hào hai, thân
			Thân kim kim hào ba phục
Huynh đệ	“	Kỷ sửu phục	phụ mẫu hào hai, hào ba của

			Ngo hoả	quẻ này.
Quan quẻ	‘thế	Kỷ mao		
		“Sơn thiên đại súc” thuộc thổ		
Quan quẻ	‘	Bính dần		Đại súc là tụ.
Thê tài	“ứng	Bính tý		Trong quẻ khuyết phụ
Huynh đệ	“	Bính tuất		mẫu, tử tôn.
Huynh đệ	‘	Giáp thìn phục	Tử tôn	Lấy phụ mẫu ngo hoả
			Thân kim	hào hai, tử tôn thân
Quan quẻ	‘thế	Giáp dần phục	Phụ mẫu	kim hào ba quẻ cần
			Ngo hoả	phục hào hai, hào ba
Thê tài	‘	Giáp tý		quẻ này
		“Sơn trạch tổn” thuộc thổ		
Quan quẻ	‘ứng	Bính dần		Tổn là ích
Thê tài	“ứng	Bính tý		Trong quẻ
Huynh đệ	“	Bính tuất		khuyết tử tôn
			Tử tôn	Lấy thân kim,
Huynh đệ	“thế	Đinh sửu phục	thân kim	tử tôn hào ba
			Quẻ thân	quẻ cần phục
Quan quẻ	‘	Đinh mao		hào ba quẻ này.
Phụ mẫu	‘	Đinh tý		
		“Hoả trạch khuê” thuộc thổ		
Phụ mẫu	‘ứng	Kỷ ty		Khuê là bối. Trong quẻ
Huynh đệ	“	Kỷ mùi phục	thê tài	khuyết thê tài. Lấy tý
			Tý thủy	thủy, thê tài hào năm
Tử tôn	‘thế	Kỷ dậu		quẻ cần phục hào năm
Huynh đệ	“thế	Đinh sửu phục	quẻ thân	quẻ này.
Quan quẻ	‘	Đinh mao		
Phụ mẫu	‘ứng	Đinh tý		
		“Thiên trạch lý” thuộc thổ		
Huynh đệ	‘	Nhâm tuất		Lý là lễ. Trong quẻ
Tử tôn	‘thế	Nhâm thân	thê tài	khuyết thê tài, lấy tý
			Tý thủy	thủy thê tài hào năm
Phụ mẫu	‘	Nhâm ngo		quẻ cần phục hào năm
Huynh đệ	“	Đinh sửu		
Quan quẻ	‘ứng	Đinh mao		
Phụ mẫu	‘	Đinh tý phục	thìn thổ	
			Quẻ thân	
		“Phong trạch trung phù” thuộc thổ		
Quan quẻ	‘	Tân mao		Trung phù là tín, là
Phụ mẫu	‘	Tân tý phục	tý thủy	quẻ thứ bảy cung cần,
			Thê tài	tên gọi du hồn – Quẻ
Huynh đệ	‘thế	Tân mùi		huyết thê tài, tử tôn
Huynh đệ	“	Đinh sửu phục	thân kim	lấy tử tôn hào ba, thê
			Tử tôn	tài hào năm quẻ cần
Quan quẻ	‘	Đinh mao		phục hào ba năm quẻ

Phụ mẫu	‘ứng	Đinh ty	này.
“Phong sơn tiệm” thuộc thổ			
Quan quỷ	‘ứng	Tân mao	Tiệm là tiến. Là quẻ
Phụ mẫu	‘	Tân ty phục	mùi cung cần, tên quy
		tý thủy	hôn. Trong quẻ khuyết
		Thê tài	thê tài, lấy tý thủy thê
Huynh đệ	“	Tân mùi	tài, hào năm quẻ cần
Tử tôn	‘thế	Bính thân	phục hào năm quẻ này.
Phụ mẫu	“	Bính ngộ	
Huynh đệ	“	Bính thìn	

CUNG CHẤN

“Chân vi lôi” thuộc mộc

Thê tài	“thế	Canh tuất	Chấn là động. Quẻ đầu cung chấn
Quan quỷ	“	Canh thân	gọi là bát thuần, trong quẻ tài,
Tử tôn	‘	Canh ngộ	quan, phu, huynh, tử đều toàn, là
Thê tài	“ứng	Canh thìn	phục thần 7 quẻ dưới cung này.
Huynh đệ	“	Canh dần	
Phụ mẫu	‘	Canh tý	

“Lôi địa dư” thuộc mộc

Thê tài	“	Canh tuất	Dư là duyệt (vui). Trong
Quan quỷ	“	Canh thân	quẻ phụ mẫu lấy tý thủy
Tử tôn	‘ứng	Canh ngộ quẻ thân phục	phụ mẫu của hào đầu quẻ
Huynh đệ	“	Ất mao	chấn phục hào đầu quẻ
Tử tôn	“	Ất tý	này.
Thê tài	“thế	Ất mùi phục	
		tý thủy	
		Phụ mẫu	

“Lôi thủy giải” thuộc mộc

Thê tài	“	Canh tuất	Giải là tán. Trong quẻ
Quan quỷ	“	Canh thân	khuyết phụ mẫu – Lấy
Tử tôn	‘	Canh ngộ	tý thủy phụ mẫu hào
Tử tôn	“ứng	Mậu ngộ	đầu quẻ chấn phục hào
Thê tài	‘thế	Mậu thìn	đầu quẻ này.
Huynh đệ	“	Mậu thìn phục	
		tý thủy	
		Phụ mẫu	

“Lôi phong hằng” thuộc mộc

Thê tài	‘ứng	Canh tuất	Hằng là cửu (lâu).
Quan quỷ	“	Canh thân	Trong quẻ khuyết
Tử tôn	‘	Canh ngộ	huynh đệ, lấy dần
Quan quỷ	‘thế	Tân dậu	mộc huynh đệ hào
Phụ mẫu	‘	Tân hợi phục	hai quẻ chấn phục
		dần mộc	hào hai quẻ này.
		Huynh đệ	
Thê tài	“	Tân sửu	quẻ thân

“Địa phong thăng” thuộc mộc

Quan quỷ	“	Quý dậu	Thăng là tiến. Trong
Phụ mẫu	“	Quý hợi	quẻ khuyết huynh đệ,
Thê tài	“thế	Quý sửu phục	tử tôn lấy dần mộc,
		tử tôn	

Quan quở	‘	Tân dậu	Ngo hoả quả thân	huynh đệ hào hai ngo hoả, tử tôn hào bốn
Phụ mẫu	‘	Tân hợi		quả chấn phục hào hai,
Thê tài	“ứng	Tân Sửu phục	huynh đệ Dần mộc	hào bốn quả này.

“Thủy phong tinh” thuộc mộc

Phụ mẫu	“	Mậu tý		Tinh là tinh.
Thê tài	“thế	Mậu tuất		Trong quả khuyết
Quan quở	“	Mậu thân phục	ngo hoả Tử tôn	huynh đệ, tử tôn, lấy dần mộc
Quan quở	‘	Tân dậu phục	thìn thổ	huynh đệ hào hai,
Phụ mẫu	‘ứng	Tân hợi phục	Quả thân dần thổ	ngo hoả tử tôn hào bốn quả chấn
Thê tài	“ứng	Tân Sửu	Huynh đệ	phục hào hai, bốn quả này.

“Trạch phong đại quá” thuộc mộc

Thê tài	“	Đinh mùi		Đại quá là hoa, tên gọi du hồn. Trong
Quan quở	‘	Đinh dậu		quả khuyết huynh đệ,
Phụ mẫu	‘thế	Đinh hợi phục	ngo hoả Tử tôn	tử tôn lấy dần mộc
Quan quở	‘	Tân dậu		huynh đệ hào hai
Phụ mẫu	‘	Tân hợi phục	dần mộc Huynh đệ	ngo hoả tử tôn hào bốn quả chấn phục
Thê tài	“ứng	Tân Sửu		hào hai, bốn quả này.

“Trạch lôi tủy” thuộc mộc

Thê tài	“ứng	Đinh mùi		Tủy là thuận. Là quả
Quan quở	‘	Đinh dậu phục	quả thân	mùi cung chấn, là quy
Phụ mẫu	‘	Đinh hợi phục	ngo hoả Tử tôn	hồn. Trong quả khuyết tử tôn, lấy ngo hoả tử
Thê tài	“thế	Canh thìn		tôn của hào bốn quả
Huynh đệ	“	Canh dần		chấn phục hào bốn
Phụ mẫu	‘	Canh tý		quả này.

CUNG TỔN**“Tốn vi phong” thuộc mộc**

Huynh đệ	‘thế	Tân mao	Tốn là thuận. Là quả đầu của cung
Tử tôn	‘	Tân tỵ quả thân	tốn, tên bát thuần phác; trong quả
Thê tài	“	Tân mùi	tài, quan, phụ, huynh, tử, đều toàn,
Quan quở	“ứng	Tân dậu	là phục thần của bảy quả dưới
Phụ mẫu	‘ứng	Tân hợi	cung này.
Thê tài	“ứng	Tân Sửu	

“Phong thiên tiểu súc” thuộc mộc

Huynh đệ	‘	Tân mao		Tiểu súc là tặc. Trong
Tử tôn	‘	Tân tỵ		quả khuyết quan quở, lấy
Thê tài	“ứng	Tân mùi		dậu kim hào ba quả tốn
Thê tài	‘	Giáp thìn phục	dậu kim	phục hào ba quả này.

Quan quý				
Huynh đệ	‘	Giáp dần		
Phụ mẫu	‘thế	Giáp tý		
“Phong hoả gia nhân” thuộc mộ				
Huynh đệ	‘	Tân mão		Gia nhân là đồng
Tử tôn	‘ứng	Tân ty		Trong quẻ khuyết
Thê tài	“	Tân mùi quẻ thân		quan quý, lấy đậu
Phụ mẫu	‘	Kỷ hợi phục	đậu kim	kim hào ba quẻ tổn
			Quan quý	phục dưới hợi thủy
Thê tài	“thế	Kỷ sửu		hào ba quẻ này.
Huynh đệ	‘thế	Kỷ mão		
“Phong lôi ích” thuộc mộ				
Huynh đệ	‘ứng	Tân mão		Ích là tổn. Trong
Tử tôn	‘	Tân ty		quẻ khuyết quan
Thê tài	“	Tân mùi quẻ thân		quý, lấy đậu kim,
Thê tài	“thế	Canh thìn phục	đậu kim	quan quý hào ba
			Quan quý	quẻ tổn phục hào
Huynh đệ	“	Canh dần		ba quẻ này.
Phụ mẫu	‘	Canh tý		
“Thiên lôi vô vọng” thuộc mộ				
Thê tài	‘	Nhâm tuất phục quẻ thân		Vô vọng là thiên tai.
Quan quý	‘	Nhâm thân		Trong quẻ tài, quan, phụ,
Tử tôn	‘thế	Nhâm ngọ		huynh, tử đều toàn không
Thê tài	“	Canh thìn		cần tìm phục.
Huynh đệ	“	Canh dần		
Phụ mẫu	‘ứng	Canh tý		
“Hỏa lôi phê hạp” thuộc mộ				
Tử tôn	‘	Kỷ ty		Phê hạp là khiết (có nghĩa là “cẩn”),
Thê tài	“thế	Kỷ mùi		trong quẻ: tài, quan, phụ huynh, tử
Quan quý	‘	Kỷ đậu		đều toàn, không cần tìm phục.
Thê tài	“	Canh thìn		
Huynh đệ	“ứng	Canh dần		
Phụ mẫu	‘	Canh tý		
“Sơn lôi di” thuộc mộ				
Huynh đệ	‘	Bính dần		Di là dưỡng, quẻ
Phụ mẫu	“	Bính tý phục	tý hoả	thứ bảy cung tổn là
			Tử tôn	quẻ du hồn, khuyết
Thê tài	“thế	Bính tuất		tử tôn, quan quý,
			Quan quý	lấy đậu kim hào ba,
Thê tài	“	Canh thìn phục	đậu kim	tý hoả hào năm quẻ
			Quẻ thân	tổn phục hào ba,
Huynh đệ	“	Canh dần		hào năm quẻ này.
Phụ mẫu	“ứng	Canh tý		
“Sơn phong cổ” thuộc mộ				
Huynh đệ	• ứng	Bính dần quẻ thân		Cổ là sự. Quẻ mùi

Phụ mẫu	“	Bính tý phục	tý hoả Tử tôn	cung tổn là quẻ quy hồn, khuyết tử tôn;
Thê tài	“	Bính tuất		lấy tý hoả hào năm
Quan quẻ	• thế	Tân dậu		của quẻ tổn phục
Phụ mẫu	‘	Tân hợi		hào năm quẻ này.
Thê tài	‘	Tân sửu		

CUNG LY

“Ly vi hoả” thuộc hoả

Huynh đệ	• thế	Kỷ ty quẻ thân	Ly là lệ (đẹp đẽ). Là quẻ đầu
Tử tôn	“	Kỷ mùi	cung ly, là quẻ bất thuần, tài
Thê tài	‘	Kỷ dậu	quan, phụ, huynh, tử đều toàn,
Quan quẻ	• ứng	Kỷ hợi	là phục thần của bảy quẻ dưới.
Tử tôn	“	Kỷ sửu	
Phụ mẫu	‘	Kỷ mao	

“Hoả sơn lữ” thuộc hoả

Huynh đệ	‘	Kỷ ty		Lữ là khách. Trong
Tử tôn	“	Kỷ mùi		quẻ khuyết phụ
Thê tài	• ứng	Kỷ dậu		mẫu, quan quẻ, lấy
Thê tài	‘	Bính thân	hợi thủy Quan quẻ	mao mùi hào đầu,
Huynh đệ	“	Bính ngọ quẻ thân		hợi thủy hào ba quẻ
Tử tôn	“thế	Bính thìn phục	mao mộc Phụ mẫu	ly phục hào, một, ba
				quẻ này.

“Hoả phong đỉnh” thuộc hoả

Huynh đệ	‘	Kỷ ty		Đỉnh là định. Trong
Tử tôn	“ứng	Kỷ mùi		quẻ khuyết phụ
Thê tài	‘	Kỷ dậu		mẫu, lấy mao mộc,
Thê tài	‘	Tân dậu		phụ mẫu hào đầu
Quan quẻ	‘thế	Tân hợi		quẻ ly phục hào đầu
Tử tôn	“	Tân sửu quẻ thân	mao mộc Phụ mẫu	quẻ này.

“Hoả thủy vị tể” thuộc hoả

Huynh đệ	• ứng	Kỷ ty		Vị tể là thất. Trong
Tử tôn	“	Kỷ mùi		quẻ khuyết quan
Thê tài	‘	Kỷ dậu		quẻ. Lấy hợi thủy,
Huynh đệ	“thế	Mậu ngọ phục	hợi thủy Quan quẻ	quan quẻ hào ba quẻ
				ly phục dưới ngọ
Tử tôn	‘	Mậu thìn		hoả hào ba quẻ này.
Phụ mẫu	“	Mậu dần		

“Sơn thủy nông” thuộc hoả

Phụ mẫu	‘	Bính dần		Nông là vị. Trong
Quan quẻ	“	Bính tý		quẻ khuyết thê tài,
Tử tôn	“thế	Bính tuất phục	dậu kim Thê tài	lấy dậu kim thê tài
				hào bốn quẻ ly phục
Huynh đệ	“	Mậu ngọ		

Tử tôn	‘	Mậu thìn		
Phụ mẫu	“ứng	Mậu dần		
“Phong thủy hoán” thuộc hoả				
Phụ mẫu	‘	Tân mao		Hoán là tán.
Huynh đệ	‘thế	Tân ty		Trong quẻ khuyết
Tử tôn	•	Tân mùi phục	dậu kim	thê tài quan quý;
			Thê tài	lấy hơi thủy
Huynh đệ	‘	Mậu ngọ phục	hợi thủy	quan quý hào ba
			Quan quý	dậu kim, thê tài
Tử tôn	• ứng	Mậu thìn quẻ thân		hào bốn quẻ ly
Phụ mẫu	“	Mậu dần		phục hào ba, bốn
				quẻ này
“Thiên thủy tụng” thuộc hoả				
Tử tôn	‘	Nhâm Tuất		Tụng là luận. Là cung ly.
Thê tài	“	Nhâm thân		Quẻ thứ bảy – quẻ du hồn,
Huynh đệ	‘thế	Nhâm ngọ		khuyết quan quý, lấy hơi
Huynh đệ	“	Mậu ngọ phục	hợi thủy	thủy, quan quý hào ba quẻ
			Quan quý	ly phục hào hai quẻ này.
Tử tôn	‘	Mậu thìn		
Phụ mẫu	“	Mậu dần phục	mão mộc	
			Quẻ thân	
“Thiên hoả đồng nhân” thuộc hoả				
Tử tôn	• ứng	Nhâm Tuất		Đồng nhân là thân. Là quẻ quy
Thê tài	‘	Nhâm thân		hồn quẻ mùi của cung ly. Trong
Huynh đệ	‘	Nhâm ngọ		quẻ tài, quan, phụ, huynh, tử đều
Quan quý	‘thế	Kỷ Hợi		toàn không cần tìm phục
Tử tôn	“	Kỷ Sửu		
Phụ mẫu	‘	Kỷ Mão		
CUNG KHÔN				
“Khôn vị địa” thuộc thổ				
Tử tôn	‘thế	Quý Dậu		Khôn là thuận, là quẻ đầu cung
Thê tài	“	Quý Hợi quẻ thân		này, là quẻ bát thuận. Trong
Huynh đệ	“	Quý Sửu		quẻ, tài, quan, phụ, huynh, tử
Quan quý	‘ứng	Ất Mão		đều toàn, là phục thân của bảy
Phụ mẫu	“	Kỷ Ty		quẻ hạ cung này.
Huynh đệ	“	Ất Mùi		
“Địa lôi phục” thuộc thổ				
Tử tôn	“	Quý Dậu		Phục là quân. Trong quẻ
Thê tài	“	Quý Hợi		khuyết phụ mẫu. Lấy ty
Huynh đệ	“ứng	Quý Sửu		hoả phụ mẫu hào hai quẻ
Huynh đệ	“	Canh Thìn		khôn phục hào hai quẻ
Quan quý	“	Canh dần phục	ty hoả	này.
			Phụ mẫu	
Thê tài	• thế	Canh tý quẻ thân		
“Địa trạch lâm” thuộc thổ				

Tử tôn	“	Quý Dậu	Lâm là đại. Trong quẻ: tài,
Thê tài	“ứng	Quý Hợi	quan, phụ, huynh, tử đều toàn,
Huỳnh đệ	“	Quý Sửu quẻ thân	không cần tìm phục. Trong quẻ
Huỳnh đệ	“	Đinh Sửu quẻ thân	có hai quẻ thân.
Quan quý	‘thế	Đinh Mão	
Phụ mẫu	‘thế	Đinh Tỵ	

“Địa thiên thái” thuộc thổ

Tử tôn	“ứng	Quý Dậu	Thái là thông.
Thê tài	“	Quý Hợi	Trong quẻ khuyết
Huỳnh đệ	“	Quý Sửu	phụ mẫu, lấy tỵ
Huỳnh đệ	• thế	Giáp Thìn	hoả phụ mẫu hào
Quan quý	‘	Giáp Dần quẻ thân phục	hai quẻ khôn phục
			hào hai quẻ này.
		tỵ hoả	
		Phụ mẫu	

Thê tài	‘	Giáp Tý	
---------	---	---------	--

“Lôi thiên đại tráng” thuộc thổ

Huỳnh đệ	“	Canh Thìn	Đại tráng là trí.
Tử tôn	“	Canh Thân	Trong quẻ: tài,
Phụ mẫu	‘thế	Canh Ngọ	quan, phụ, huynh,
Huỳnh đệ	‘	Giáp Thìn phục	tử đều toàn, không
		mão mộc	cần tìm phục.
		Quẻ thân	

Quan quý	‘	Giáp Dần	
Thê tài	• ứng	Giáp Tý	

“Trạch thiên quái” thuộc thổ

Huỳnh đệ	“	Đinh Mùi	Quái là quyết.
Tử tôn	• thế	Đinh Dậu	Trong quẻ khuyết
Thê tài	‘	Đinh Hợi	phụ mẫu, lấy tỵ hoả
Huỳnh đệ	‘	Giáp Thìn quẻ thân	phụ mẫu hào hai
Quan quý	• ứng	Giáp Dần phục	quẻ khôn phục hào
		tỵ hoả	hai quẻ này.
		Phụ mẫu	

Thê tài	‘	Giáp Tý	
---------	---	---------	--

“Thủy thiên nhu” thuộc thổ

Thê tài	“	Mậu Tý phục	dậu kim	Nhu là tu (cần). Là
			Quẻ thân	quẻ thứ bảy của cung
Huỳnh đệ	‘	Mậu Tuất		khôn, là du hồn.
Tử tôn	“thế	Mậu Thân		Trong quẻ khuyết
Huỳnh đệ	‘	Giáp Thìn		phụ mẫu, lấy tỵ hoả
Quan quý	‘	Giáp Dần phục	tỵ hoả	phụ mẫu hào hai quẻ
			Phụ mẫu	khôn phục hào hai

Thê tài	• ứng	Giáp Tý		quẻ này.
---------	-------	---------	--	----------

“Thủy địa tử” thuộc thổ

Thê tài	‘ứng	Mậu Tý	Tử là hoà. Là quẻ mùi cung
Huỳnh đệ	‘	Mậu Tuất	khôn, là quẻ quy hồn. Trong
Tử tôn	“	Mậu Thân quẻ thân	quẻ, tài, quan, phụ, huynh,
Quan quý	‘thế	Ất Mão	tử đều toàn, không cần tìm
Phụ mẫu	“	Ất Tỵ	phục.

Huynh đệ	“	Ất mùi	
CUNG ĐOÀI			
“Đoài vi trạch” thuộc kim			
Phụ mẫu	“thế	Đinh mùi	Đoài là duyệt (vui). Là
Huynh đệ	‘	Đinh dậu	quẻ đầu cung đoài, là bát
Tử tôn	‘	Đinh hợi quẻ thân	thuần. Trong quẻ tài, quan,
Phụ mẫu	“ứng	Đinh sửu	phụ, huynh, tử đều toàn, là
Thê tài	‘ứng	Đinh mao	phục thần của bảy quẻ cung
Quan quý	‘ứng	Đinh tỵ	này.
“Trạch thủy khốn” thuộc kim			
Phụ mẫu	“	Đinh mùi	Khốn là nguy. Trong quẻ tài,
Huynh đệ	‘	Đinh dậu	quan, phụ, huynh, tử đều
Tử tôn	‘ứng	Đinh hợi	toàn, không cần tìm phục.
Quan quý	“	Mậu ngộ quẻ thân	
Phụ mẫu	“	Mậu thìn	
Thê tài	“thế	Mậu dần	
“Trạch địa tụy” thuộc kim			
Phụ mẫu	“	Đinh mùi quẻ thân	Tụy là tỵ. Trong quẻ tài,
Huynh đệ	• ứng	Đinh dậu	quan, phụ, huynh, tử đều
Tử tôn	‘	Đinh hợi	toàn, không cần tìm phục.
Thê tài	“	Ất mao	
Quan quý	‘thế	Ất tỵ	
Phụ mẫu	“	Ất mùi quẻ thân	
“Trạch sơn hàm” thuộc kim			
Phụ mẫu	“ứng	Đinh mùi	Hàm là cảm. Trong
Huynh đệ	‘	Đinh dậu	quẻ khuyết thê tài,
Tử tôn	‘	Đinh hợi	lấy mao mộc huynh
Huynh đệ	‘thế	Bính thân	đệ hào hai quẻ đoài
Quan quý	“	Bính ngộ phục	phục hào hai quẻ
		Thê tài	này.
Phụ mẫu	‘	Bính thìn	
“Thủy sơn kiến” thuộc kim			
Tử tôn	“	Mậu tỵ	Kiến là nan. Trong
Phụ mẫu	‘	Mậu tuất phục	quẻ khuyết thê tài.
		dậu kim	lấy mao mộc, thê tài
		Quẻ thân	hào hai quẻ đoài phục
Huynh đệ	“thế	Mậu thân	hào hai quẻ này.
Huynh đệ	‘	Bính thân	
Quan quý	“	Bính ngộ phục	
		Thê tài	
Phụ mẫu	“ứng	Bính thìn	
“Địa sơn khiêm” thuộc kim			
Huynh đệ	“	Quý dậu	Khiêm là thoái. Trong
Tử tôn	“ứng	Quý hợi	quẻ khiêm khuyết thê
Phụ mẫu	“	Quý sửu	tài, lấy mao mộc thê
Huynh đệ	‘	Bính thân	tài hào hai quẻ đoài

Quan quý	“ứng	Bính ngộ phục	mão mộc Thê tài	phục hào hai quả này.
Phụ mẫu	“	Bính thìn		
		“Lôi sơn tiểu quá” thuộc kim		
Phụ mẫu	“	Canh Tuất		Tiểu quá là ngộ (gặp gỡ).
Huynh đệ	“	Canh thân		Là quả thứ bảy cung
Quan quý	‘thế	Canh ngộ	hợi thủy Tử tôn	đoài, là quả du hồn. Quả khuyết thê tài, tử tôn.
Huynh đệ	‘	Bính thân		Lấy mão mộc quả đoài
Quan quý	“	Bính ngộ phục	mão mộc Thê tài	phục hào hai quả này, hợi thủy tử tôn phục hào
Phụ mẫu	“ứng	Bính thìn		bốn quả này.
		“Lôi trạch quy muội” thuộc kim		
Phụ mẫu	“ứng	Canh thìn		Quy muội là đại. Là quả
Huynh đệ	“	Canh thân		mùi cung đoài, là quả
Quan quý	‘	Canh ngộ phục	hợi thủy Tử tôn	quy hồn. Trong quả khuyết tử tôn. Lấy hội
Phụ mẫu	‘thế	Đinh sửu		đoài phục hào 4 quả này.
Thê tài	‘	Đinh mão		
Quan quý	‘	Đinh tỵ		

Các quả trên đây mỗi quả có phục thần, trong dự đoán, nếu gặp các hào tĩnh và động của quả nào đó, lại không có dụng thần, có thể mượn phục thần làm dụng thần, chỉ cần ngũ hành phù hợp là được. Nếu như quả thân đã có dụng thần hoặc quả biến có dụng thần thì bất tất lại phải tra phục thần. Ví như: quả thiên sơn độn, yên tĩnh khuyết thê tài, lấy dần mộc hào hai quả cần phục ngộ hỏa hào hai quả cần. Nếu hào đầu của quả độn phát động biến thành quả “Thiên hỏa đồng nhân”, bính thìn phụ mẫu của hào đầu biến ra kỷ mão thê tài. Nên lấy mão thổ thê tài làm dụng thần, không cần phải xem phục thần dần mộc. Các quả khác cũng tượng tự như thế.

Tiết 4. CÁC BẬC THANG TIẾN LÊN ĐOÁN QUẢ CHÍNH XÁC

Phàm là hái trái quả, đều cần có kỹ năng trèo cao hay cần có cái thang kỹ năng trèo cao, kỹ năng trèo, thực ra cũng là một loại thang.

Đoán quả chuẩn xác là trái quả vị thơm ruột ngọt mà người dự đoán “Chu dịch” làm ra, muốn hái được trái quả này, phải dùng đến cái thang để trèo, cũng tức là phải nắm vững tri thức lý luận mà đoán quả đòi hỏi phải có. Dưới đây cùng ta hãy cùng nhau học tập tìm hiểu.

1. Cách chọn dùng lục thân

Hào phụ mẫu

Đoán về nhu cầu thì nó là trụ cột; đoán về phụ mẫu thì là hào hai dụng; đoán huynh đệ thì là tương sinh; đoán thê tài, là người ngoài; đoán tử tôn, là sát kỵ; đoán hôn nhân, là lời cầu hôn; đoán về bản thân, là âm đức tổ tiên; đoán về sĩ quan, là tuyên lệnh; đoán về cầu quan, là giấy tờ trợ giúp; về kiện tụng, là đơn kiện; về giao dịch, là giao kèo, khế ước; về người đi xa, là thư tín; về buôn bán, là phương hướng; về cầu mưu, là đầu mối; về xuất trận, là tướng là cờ.

Hào thê tài:

Đoán về nhà cửa, là cửa ngõ, hành lang; về bản thân, là tai nạn; về đi xa, là bạn đường; về buôn bán, là bất lợi; về mưu sự là cạnh tranh; về thế thiếp là sát kỵ; về huynh đệ là

hào dụng; về tử tôn là hào trợ; về cầu tài, là thần cướp; về mất mát, là cách thần; về mở hàng là nắm công việc.

Hào tử tôn:

Đoán về nhà cửa là nhà phụ; về bản thân là bình yên, về cát nhắc là đơn từ; về người đi xa, là tùy tùng; về buôn bán là đi chợ; về hôn nhân là khắc chồng; về phu thê là nội trợ; về bệnh tật, là thầy thuốc; về mưu vượng, là kết quả; về trộm cắp, là bắt người; về xuất trận là binh tốt; về kiện tụng, là hoà giải; về tử tôn, là hào dụng; về đi thuyền là nước dưới sâu.

Hào quan quỷ:

Đoán về nhà cửa, là sảnh đường; về bản thân, là trở ngại trì trệ; về hôn nhân, là mối lái; về sĩ quan, là quan chức; về bệnh tật, là dị bệnh; về kiện tụng là giặc cướp; về xuất trận, là địch thủ; về quan danh, là hào dụng; về huynh đệ, là sát kỵ; về đi thuyền là buồn lái.

2. Bài về lục thân phát động

- “Phụ động đương đầu khắc tử tôn”: hào phụ mẫu vốn là khắc hào tử tôn; nếu phát động, khắc hại càng thêm xấu.
- “Bệnh nhân vô được chủ hôn trầm”: hào tử tôn đoán bệnh tật, là thầy thuốc; bây giờ hào tử tôn bị hào phụ mẫu khắc, người bệnh không có cách nào tìm được thuốc hay.
- “Nhân thân tử tức ứng na đắc”: đoán hôn nhân và con cái mà hào tử tôn bị khắc thì không tốt.
- “Mãi mại lao tâm lợi bất đắc”: con cháu đông, đoán việc mua bán, đi buôn không tốt, tất nhiên bán buôn lao tâm, hơn nữa còn hao tổn tinh thần mà lại không có tiến bộ (thu lời).
- “Quan vọng hành nhân thư tín động”: đoán người đi xa, hào tử tôn là tùy tùng, bị phụ động khắc, tùy tùng không linh hoạt không vững vàng, ở đây tùy tùng có nghĩa là có thư tín, tức là thư tín phát từ chỗ người đi xa, do đó là “thư tín động”.
- “Luận quan hạ trạng lý tiên phân, can nhân khoa cử đăng kim bảng, thất vật đào vong yếu tố luận”. Phải căn cứ tình hình thực tế, phân biệt rõ ràng có lý vô lý, phán đoán việc kiện tụng; kẻ sĩ khoa cử lên bảng vàng, vì có nghiêm phục khắc chế và dạy dỗ, kẻ sĩ cần mẫn năng nổ, tất sẽ lên bảng vàng; vật bị mất, kẻ phiêu bạt, cũng phải luận theo tình hình cụ thể; ví như phạm tội chạy trốn, xưa nay vẫn nói “lưới trời luật bao la, thưa mà không lọt khỏi”, không thể không khiến ta chú ý khi dự đoán.
- “Tử tôn phát động thương quan quỷ, chiêm bệnh cầu y thân tiện thuyên”: theo thứ tự ngũ hành sinh khắc, hào tử tôn khắc chế hào quan quỷ, quan quỷ chủ về bệnh tật; bị khắc thì bệnh tật mất, vì vậy cầu y trị bệnh, tất nhiên sẽ gặp lương y mà khỏi bệnh.
- “Mãi mại thân khang khái, hôn nhân hỷ mỹ thị tiền duyên, sản phụ đương sinh tử dị dưỡng; tử tụng tư hoà bất đáo quan”... Nguyên nhân của nó là vì nhân tố bất lợi trong quan quỷ thuộc về mặt “quỷ” chịu khắc chế, do đó, buôn bán rất bình yên, sản phụ dễ sinh, dễ nuôi con, việc kiện tụng dễ hoà giải.
- “Yết quý cầu danh lưu tiến dụng, khuyến quân thủ phận thính hồ thiên” ở đây “yết quý cầu danh” đều có quan hệ với việc quan và danh lợi, như nay “quan quỷ” bị khắc việc có liên quan đến “quan” thì tìm cách làm, tất nhiên là không dễ “khuyến quân thủ phận thính hồ thiên” theo ngôn ngữ ngày nay thì nói là: đợi thời cơ đến.
- “Quan quỷ từng lai khắc huynh đệ”, quan quỷ là “khắc ngã”, huynh đệ là tỷ hoà với ta, do đó khắc ta cũng tất nhiên là khắc huynh đệ.
- “Hôn nhân vị tự sinh nghi trệ bệnh khốn môn đình hoạ sùng lai canh, chủng tầm tang giai bất lợi, xuất ngoại đào vong định kiến tai, tử tụng quan phi hữu tù hệ, mãi mại

tài khinh đồ bác du, thất thoát nan tâm đa ám muội”. Nguyên nhân trong đó đều là vì có nhân tố “khắc ngã”, gặp khắc của quan quý về mọi việc thì cẩn thận là tốt.

- “Tài hào phát động khắc văn thư, ứng cử cầu danh tổng thị hư, tương bản kinh doanh vi đại cát, thân nhân như ý lạc vô ngu, hành nhân tại ngoại thân tương động, sản phụ cầu tài thân thoát trừ, thất vật tĩn an gia vị xuất, bệnh nhân thương vị cánh thương tỳ.

Chúng ta xem xét trên quan hệ sinh khắc ngũ hành, hào tài là hào ta “khắc”, “hào ta khắc chế” lại khắc chế chính “hào ta sinh ra”, do đó phá vỡ sinh quan hệ giữa một số sự việc nói trên.

“Huynh đệ giao trùng khắc liễu tài, bệnh nhân nan dữ vị ly tai, ứng cử thủ tiêu vị đạo khách, quan phi âm tặc hao tiền tài, nhược đãi cát thân vi hữu trợ, xuất lộ hành nhân tiện vị lai, hoá vật kinh thương tiêu chiết bản, mãi tỳ cầu thiếp sự bất hài.

Lý giải về bài về lục hào phát động có thể dựa vào quan hệ sinh khắc ngũ hành và tham khảo cách chọn dùng lục thân và quẻ tượng để từng bước hiểu rõ ràng hơn, sau đó vận dụng linh hoạt vào thực tiễn dự đoán. Dưới đây, chúng tôi tiếp tục giới thiệu các vấn đề liên quan đến lục thân.

3. “Bài phú toái kim” lục hào biến hoá

Tử động sinh tài nhưng không lợi, không thích hợp với phụ mẫu; huynh động khắc tài, nhưng tử động có thể giải; tài động sinh quan quý, nhưng lại kỵ huynh dao (lay động) tử động khắc quan quý; tài động có thể tiêu phụ sau động hào sinh không lợi do huynh mang lại cho tài; quý động khắc ngã, phụ động có thể tiết (thoát ra); quý động sinh phụ, lại kỵ xung đột với tử; tài động khắc phụ, quý động khắc xung; huynh động sinh tử, kỵ quý dao động; phụ động khắc tử, huynh động không phương hại; tử hưng khắc quý, phụ động không phương hại; nếu huynh động, quý sẽ gặp thương; tài hưng khắc phụ, huynh động vô ưu; nếu tử động thì phụ mệnh nan lưu (là hiện tượng phản khắc của ngũ hành); phụ động khắc tử, tài động vô phương; nếu quý hưng thì tử của nó tất sẽ chết; quý hưng khắc huynh, tử động có thể cứu; tài mà giao trùng thì huynh đệ không tông (theo); huynh hưng khắc tài, quý hưng vô ngại; nếu mà phụ hưng thì tài gặp khắc hại.

Nhìn vào quan hệ lục thân biến hoá, thấy hết sức phức tạp, kỳ thực cũng không ngoài quy luật sinh khắc chế hoá. Chúng ta có thể xem lại phần “quy luật cơ bản của học thuyết ngũ hành”. Về tư sinh tương hỗ và chế ước tương hỗ, chúng ta đã khá thông thuộc, về thắng chế tương hỗ và khi vụ tương hỗ cũng không thể bỏ qua được. Không coi trọng những điều cơ bản này, sẽ làm cho người ta gặp bế tắc không có lối thoát.

4. Lục hào động biến

Lục hào trong quẻ không động thì không biến, động thì sẽ biến. Âm động biến thành dương, dương động biến thành âm, hào động thì quẻ biến. Lấy quẻ “tốn” biến thành quẻ “khảm” làm ví dụ.

Chủ	Huynh đệ mảo mộc	O thể	Phụ mẫu tý thủy	“ thể
Quẻ	Tử tôn tị hoả	‘ Động	Thê tàu mùi thổ	“
Tốn:	Thể tài mùi thổ	“ quẻ	Quan quý thân kim	“
	Quan quý dậu kim	O ứng	Tử tôn ngộ hoả	“ ứng
	Phụ mẫu hợi thủy	‘	Thê tài thìn thổ	‘
	Thê tài sửu thổ	“	Huynh đệ dần mộc	“

Ở thí dụ này, hai hào dương động cửu tam, thượng cửu của quẻ tốn biến thành quẻ khảm, khảm là động quẻ của tốn. Trong quẻ khảm, cách xếp lục thân ngũ hành của các hào

vẫn đi theo quẻ “tốn”. Để cho rõ vấn đề, hãy so sánh nguyên quẻ “khảm” với động quẻ “khảm”.

Nguyên quẻ “khảm”

Thuộc thủy

Huỳnh đệ Tý thủy “thế

Quan quỷ Tuất thổ ‘

Thê tài Ngọ hoả “ứng

Quan quỷ Thìn thổ ‘

Tử tôn Dần mộc “

Động quẻ “khảm” tùy “tốn”

thuộc mộc

Phụ mẫu Tý thủy “thế

Thê tài Tuất thổ ‘

Tử tôn Ngọ hoả “ứng

Thê tài Thìn thổ ‘

Huỳnh đệ Dần mộc “

Bên trái là tượng quẻ bản tính vốn có của quẻ “khảm”, bên phải là hình thái đặc thù sau biến động của tùy “tốn”.

“Thế” và “ứng” của chủ quẻ tốn, nguyên là “hung tượng” của “ứng khắc thế”. Bây giờ, sau động biến, hào thượng cửu huỳnh đệ mao mộc biến thành hào “phụ mẫu tý thủy”, tý thủy sinh mao mộc, làm cho hào thượng cửu huỳnh đệ mao mộc của quẻ tốn, khí thịnh đắc sinh; hào cửu tam quẻ tốn là hào ứng, có uy “khắc” thế, bay giờ động thành hào “tử tôn ngọ hỏa”, khra khắc kim, làm cho ứng hào “quan quỷ dậu kim” của quẻ tốn chịu khắc chế của hỏa, không có lực để lại khắc “thế”. Như thế, chủ quẻ tốn sẽ chuyển từ “hung” thành “cát”. Loại hiện tượng này, chúng ta quen gọi là hồi đầu sinh”.

Quẻ gặp sáu hào yên tĩnh thì phải xem “dụng thần” và nhật thần. Nhật thần khắc dụng thần hoặc hình hại nhau, làm việc gì đều phải cẩn thận từng ly từng tý. Càng cẩn phải xem thế ứng, hào “thế” bị khắc thì không tốt, “hào thế” gặp được nguyên thần tương sinh là tốt.

5. Thập thiên can phối lục thần

Lục thần là: thanh long, chu tước, câu trần, đặng xà, bạch hổ và huyền vũ (Trong “Bốc phê chính tông” còn gọi là lục thú). Lục thần trên thực tế là mượn tên các chòm sao trong vũ trụ để phân biệt các loại sự việc. Như: phương đông chòm Thanh long, phương tây chòm Bạch hổ, phương nam chòm Chu tước, phương bắc chòm Huyền vũ... Hào quẻ phối với lục thần không những có thể phân biệt loại sự việc, mà còn có thể tham khảo đoán xem cát hung.

Thập thiên can phối lục thần là: giáp, ất bắt đầu từ Thanh long; bính, đinh từ Chu tước, ngày mậu là Câu trần, ngày kỷ là Đặng xà; canh, tân bắt đầu từ Bạch hổ; nhâm, quý từ Huyền vũ.

Thanh long thuộc hổ, Chu tước thuộc hoả, Câu trần và Đặng xà thuộc kim, Huyền vũ thuộc thủy.

Giáp, ất bắt đầu từ Thanh long tức là khi đoán quẻ vào ngày giáp, ngày ất thì hào đầu bắt đầu từ Thanh long, hào hai là Chu tước, hào ba là Câu trần, hào bốn là Đặng xà, hào năm là Bạch hổ, hào thượng là Huyền vũ.

Lục thần phối với hào quẻ như bảng dưới đây:

BẢNG LỤC THẦN PHỐI QUẺ HÀO

Ngày Hào	Thiên can ngày					
Thứ tự hào	Giáp Ất	Bính Đinh	Mậu	Kỷ	Canh Tân	Nhâm Quý
Hào trên	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước	Câu trần	Đặng xà	Bạch hổ
Hào năm	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước	Câu trần	Đặng xà
Hào bốn	Đặng xà	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước	Câu trần
Hào ba	Câu trần	Đặng xà	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước
Hào hai	Chu tước	Câu trần	Đặng xà	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long

Hào đầu	Thanh long	Chu tước	Câu trần	Đằng xà	Bạch hổ	Huyền vũ
---------	------------	----------	----------	---------	---------	----------

Lục thần chủ về các việc như sau: Thanh long chủ việc tốt, vui mừng, nhưng lại khắc thế, khắc dụng thần, xác định là trong lạc sinh ra hung của bi. Chu tước chủ tranh cãi sông. Câu trần chủ về lo âu về điền thổ, lao dịch. Đằng xà chủ về việc lo hã, quái dị. Bạch hổ chủ về thương đau, hiếu phục. Huyền vũ là việc trộm cắp. Lục thần là chỗ tham khảo về thời lượng dự đoán, quẻ có cát, gặp Thanh long thì càng cát, quẻ có hung, gặp hổ xà lại thêm hung.

6. Bài ca về lục thần phát động

Thanh long phát động (lâm) dụng thần thì tiến tài tiến lộc, phú lộc rất nhiều. Gặp cừu gặp kỵ đều vô ích, tửu sắc thành tai họa ở trong đó.

Chu tước phát động thì văn ấn vượng, sát thần tướng hoàn toàn không công lao, thị phi khẩu thiệt đều vì thế, mà động xuất sinh thân mà lợi việc công.

Câu trần phát động thì lo âu về điền thổ, xung tuổi khốn đốn là gặp kỵ, phương sinh dụng hữu tình thì là cát, nếu yên tĩnh thì không mê muội.

Đằng xà bị quan quỷ khắc thì có nỗi lo lắng ưu tư triền miên, lo sợ vu vơ không rõ ràng, trì thế rơi vào tuần không, hưu thì cát, gặp ngày xung thì khó tránh khỏi hung.

Hào Bạch hổ động chủ về hình thương, kiện tụng, bệnh tật phải thành hung, trì thế động khắc phòng đến chết chóc, gặp hoá sinh thân sẽ không phải lo lắng.

Huyền vũ động dao thì nhiều ám muội, nếu gặp quan quỷ thì trộm cắp bốn bề vây hãm, có tính sinh thể thì không sợ gian tà phạm.

Tiết 5. VẪN CÒN NHỮNG ĐIỀU GÌ CẦN NẮM VỮNG

I. VỀ “DỤNG THẦN”

Quẻ có sáu hào, hào lục thân, lục thân lại chia ra các chiêm mỗi chiêm có dụng thần riêng của nó. Hào thế là bản thân nó, dụng thần là hào dùng để đoán sự việc (Thần, quỷ là chỉ sự biến hoá của hai khí âm dương).

1. Hào phụ mẫu là dụng thần

Dự đoán sự việc về cha mẹ, lấy hào phụ mẫu trong quẻ làm dụng thần. Phàm với người thân ở bậc trên hoặc ngang hàng với cha mẹ mình như chú bác, thầy giáo, bố mẹ chồng vợ, mẹ nuôi, vú nuôi hay người khác làm người chủ của họ xin đoán quẻ thì đều lấy hào phụ mẫu là dụng thần. Lại như đoán trời đất, thành trì, tường vách, nhà cửa, phòng ở, thuyền xe, quần áo, đồ che mưa, giáo huấn, vải vóc, văn tấu, văn chương, thư quán, văn thư... cũng đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thần.

2. Hào quan quỷ làm dụng thần.

Phàm đoán về công danh, cầu quan, quan chủ, quan trường, lời đình, quỷ thần, nữ xem về hôn nhân, vợ xem về chồng đều lấy hào quan quỷ làm dụng thần.

Đoán về loạn thần, trộm cướp, việc tôn giáo, cả đến nghi ngờ, bệnh tật, thi thể... cũng lấy hào quan quỷ làm dụng thần.

3. Hào huynh đệ làm dụng thần.

Phàm hỏi về anh em, chị em, anh họ em họ chú bác, anh em họ (con dì), con em kết nghĩa, anh em bè bạn... đều lấy hào huynh đệ làm dụng thần.

4. Hào thê tài làm dụng thần.

Phàm là vợ, anh chị em dâu, đầy tớ gái đều lấy hào thê tài làm dụng thần. Đoán về của cải, tài sản, kho tàng, tiền của cả đến mọi thứ vật thể gọi là để dùng, cũng đều lấy hào thê tài làm dụng thần.

5. Hào tử tôn là dụng thần.

Phạm thuộc về đời con cái đều gọi là tử tôn. Như con rể, cháu trai gái họ nội ngoại, đồ đệ, đầy tớ, trung thần lương tướng, y sinh, y dược, tăng đạo, binh tốt... đều lấy hào tử tôn làm dụng thần. Hào tử tôn là hào của phúc đức, các việc gặp hào này đều rất tốt, cầu quan cầu danh, nữ đoán việc hôn nhân thì không lợi.

“Hào dụng phát động ở trong cung, gặp hưu, tù đều không xấu. Được thêm sinh phù kiêm vượng tướng thì dạy dỗ, làm việc mãi mãi hanh thông”.

“Phát động gặp xung thì chẳng là không nữa, tĩnh không gặp khắc lại là hại, kỵ thần gặp không thì rất tốt; dụng thần và nguyên thần không thể được không. Xuân thổ, hạ kim, thu mộc, ba tháng đông là chân không, tuần không lại gặp tượng của chân không, lại gặp hào thượng cuối cùng vẫn là không.

6. Dụng thần cát tượng.

Dụng thần hoá cát; phạm gặp dụng thần nguyên thần động hoá sinh trở lại, hoá trường sinh, hoá đế vượng, hoá ngang bằng, hoá nhật nguyệt đều là dụng thần cát tượng.

7. Dụng thần bất lợi.

Dụng thần hoá cát, phạm gặp dụng thần, nguyên thần hoá khắc trở lại, hoá khổ, hoá nguyệt, hoá không, hoá quý, hoá thoái, là dụng thần bất lợi, đều là hung.

II. VỀ NGUYÊN THẦN, KỶ THẦN, CỪU THẦN

Nguyên thần là gì? Hào sinh dụng thần của hào nào đó là nguyên thần.

Kỵ thần là gì? Hào khắc dụng thần của hào nào đó là kỵ thần.

Cừu thần là gì? Hào khắc chế nguyên thần ngược lại còn sinh trợ kỵ thần là cừu thần.

Ví dụ: thổ là dụng thần, “hoả” sinh thổ là nguyên thần; “mộc” khắc thổ là kỵ thần; “thủy” khắc nguyên thần “hoả”, “thủy” sinh kỵ thần “mộc”, “thủy” sẽ là cừu thần của thổ.

Cho dù chúng ta đoán việc gì, trước hết phải xem dụng thần vượng tướng hay hưu tù, có nguyên thần tương sinh hay không, có kỵ thần tương khắc hay không, có cừu thần làm nhiều hay không.

Thử nêu một ví dụ:

Tháng thìn, ngày mậu dần, đoán bố mới bệnh, được quẻ “Càn vi thiên” biến “Phong thiên tiểu súc”:

“Càn vi thiên”	“Phong thiên đại súc”
Phụ mẫu tuất thổ – thế	Thê tài mao mộc ‘
Huynh đệ thân kim ‘	Quan quỷ tị hoả ‘
Quan quỷ ngọ hoả O	Phụ mẫu mùi thổ ‘ ứng
Phụ mẫu thìn thổ ‘ ứng	Phụ mẫu thìn thổ ‘
Thê tài dần mộc ‘	Thê tài dần mộc ‘
Tử tôn tý thủy ‘	Tử tôn tý thủy ‘ thế

Phân tích từng quẻ:

(1) Trong quẻ có tuất thổ, thìn thổ, mùi thổ là hào phụ mẫu lặp lại 3 lần, vì thời gian đoán quẻ là tháng thìn, hào thìn thổ phụ mẫu làm nguyệt kiến, cho nên ta xác định lấy thìn thổ làm phụ mẫu, làm dụng thần.

(2) Kỵ thần của dụng thần thìn thổ là dần mộc, dần mộc vốn là yên tĩnh, nhưng vì ngày đoán quẻ là mậu thân; thân kim xung khắc dần mộc, dần mộc động mà khắc thìn thổ, nên ông bố bệnh nặng.

(3) Trong quẻ, “ngọ hoả” là động hào, vốn dĩ hoả động có thể sinh thổ, làm cho dụng thần được nguyên thần sinh phù mà được ích. Hào một ngọ hoả hoá thành mùi thổ, tạo thành hợp giữa “ngọ và mùi” (về lục hợp của hào, sau đây sẽ nói tới). Kết quả: thanh hợp mà vong

sinh làm cho riêng thìn thổ bị kỵ thần dần mộc khắc, mà không được sinh phù của nguyên thần ngộ hỏa, cho nên bệnh không thấy tiến triển tốt.

(4) Bao giờ bệnh có thể khỏi? Phải đợi đến ngày Sửu, xung mùi thổ, tức ngày Sửu thổ thay mùi thổ, ngộ hỏa không hợp nhau nữa, sẽ chuyển tâm sinh thìn thổ, bệnh tất sẽ khỏi.

(5) Quả nhiên vào ngày Sửu thì ông bố dậy được.

Cho nên “nguyên thần phát động chí khí lên, kỵ nhất hoá khắc và gặp thương”. Đó là những gì chúng ta phải chú ý khi dự đoán.

1. Nguyên thần sinh dụng thần có sáu tình huống:
2. Nguyên thần lâm trường sinh để vượng, nhật kiến.
3. Nguyên thần động mà hoá tiến thần.
4. Nguyên thần lâm nguyệt kiến, nhật kiến.
5. Nguyên thần lâm nguyệt, nhật, lại lâm động hào.
6. Nguyên thần và kỵ thần cùng động.
7. Nguyên thần vượng động mà lâm không, hoá không.

Lâm tuần không hoá không hoàn toàn không phải là vô dụng, vì có động thì không là không, ngày điền thực không là không; giữa xuất không thì không là không nữa (Bạn đọc có thể xem chưa rõ ràng được, nhưng không vội gì, có một số điều chỉ có thể trình bày xen kẽ thôi, đợi đến sau này học tới, sẽ quay lại giảng giải, như khi nói về nguyệt kiến, nhật kiến...)

III. TIẾN THẦN VÀ THOÁI THẦN

Mọi sự mọi vật trong vũ trụ đều đang vận động, biến hoá không ngừng. Có động thì có biến; có biến thì có tiến thoái khác nhau. “Hệ từ” nói: “Biến hoá là tượng của tiến thoái”. Sự động biến của sáu hào chính là luận quy luật tự nhiên về biến hoá, tiến thoái của biến hoá này. Cái gọi là “Tiến thần thoái thần” tức là tiêu chí cụ thể của tiến lên và lui lại được biểu hiện sự việc, sự tình sau khi trải qua động biến.

Tiến thuận là hào quẻ do động mà hoá tiến. Cụ thể như: dần hoá mao, tị hoá ngộ, thân hoá dậu, hợi hoá tỵ, Sửu hoá thìn, thìn hoá mùi, mùi hoá tuất, tuất hoá Sửu.

Thoái thần là hào quẻ do động mà hoá thoái. Cụ thể như: mao hoá dần, ngộ hoá tị, dậu hoá thân, tỵ hoá hợi, thìn hoá Sửu, Sửu hoá tuất, tuất hoá mùi, mùi hoá thìn.

Tiến thần là biểu thị sự vật không ngừng phát triển về phía trước, như mùa xuân đến, thảo mộc đâm chồi nảy lộc, khắp nơi sinh sôi.

Thoái thần đương nhiên là biểu hiện của sự vật biến hoá ngược lùi lại, như mùa thu với cảnh tượng hoa tàn lá rụng; hoá tiến hoá thoái có nhiều sự phân biệt hỷ, kỵ, hoạ phúc...; cát thần nên gặp hoá tiến, hung thần nên gặp hoá thoái thì hợp.

IV. PHI THẦN VÀ PHỤC THẦN

Trong quẻ có dụng thần là dụng thần không khuyết. Hào không có dụng thần là dụng thần không lên quẻ hay dụng thần không hiện. Như dụng thần cần phải lâm nguyệt, nhật thì lấy nhật, nguyệt làm dụng thần. Nếu nguyệt nhật không làm dụng thần, có thể tìm dụng thần trong tám quẻ thuần để mượn dụng thần ấy. Hào dụng thần phải mượn này thì viết vào cạnh của hào đối ứng với nguyên quẻ. Dụng thần phải mượn này gọi là phục thần; hào của nguyên quẻ thì là phi thần.

V. DỤNG THẦN HIỆN HAI LẦN

Phục thần là để giải quyết vấn đề dụng thần không lên quẻ hay dụng thần không hiện. Bây giờ nói về trong quẻ có nhiều dụng thần. Ví như dụng thần hiện hai lần, đoán phụ mẫu mà trong quẻ có hai hào phụ mẫu, đoán huynh đệ mà trong quẻ có hai hào huynh đệ v.v...

Khi ta dự đoán, chỉ cần một dụng thần; như vậy, có hai hào dụng thần, rốt cùng thì phải chọn hào nào?

Trong “Tăng san bốc dịch” có nói: “Bỏ hữu tù, mà dùng vượng tướng; bỏ hào tĩnh mà dùng hào động, bỏ nguyệt phá và dùng hào không phá; bỏ tuần không mà dùng hào không có tuần không; bỏ phá thương mà dùng hào bất thương”. Với biện pháp này, dự đoán đều thấy ứng nghiệm.

VI. HÌNH XUNG HOÁ HỢP CỦA NGŨ HÀNH

Trong “Hệ từ” có nói: “Cần là vật dương. Khôn là vật âm. Âm dương hợp đức thì cương nhu hữu thể”, “hình thành nam nữ cấu hợp, vạn vật hoá sinh”. Những lời này nói về lý lẽ âm dương tương hợp.

Trong trời đất, vạn vật sự đều có hợp có phân; hợp lâu tất có phân; phân lâu tất có hợp; trong hợp có sinh, trong hợp có khắc; có trước phân sau hợp, có trước hợp sau phân; có tương hợp là tốt, có tương hợp là xấu. Đó là quy luật tất nhiên về phát triển của sự vật.

Lục hợp của hào là: tí hợp với Sửu, dần hợp với Hợi, mao hợp với Tuất, thìn hợp với Dậu, tị hợp với Thân, ngọ hợp với Mùi.

Tương hợp là hào hợp với hào, hào hợp với nhật nguyệt. Tương hợp có ý tương hoà, có tình tương hảo. Ứng đến hợp với thế là người khác, việc khác đến hợp với mình; thế hợp ứng là mình đến hợp với người khác, sự việc khác. Lục hợp là trong hợp có sinh, trong hợp có khắc. Như: tý hợp Sửu, mao hợp Tuất, tị hợp Thân là trong hợp có khắc. Dần hợp với Hợi, thìn hợp Dậu, ngọ hợp Mùi, là trong hợp có sinh. Về ngũ hành sinh khắc, có hợp là có cát, có hợp là có hung có tham sinh vong khắc, có tham hợp vong sinh.

Quy tắc của tương hợp: phải là một tý hợp một Sửu, không thể hai tý hợp một Sửu, cũng không thể hai Sửu hợp một tý phải hợp thành đôi với nhau. Hai hợp một hoặc là một hợp hai, gọi “tranh hợp”, đây là tương hợp không bền vững.

Phép lục hợp có:

1. Nhật nguyệt ngũ hành hợp với hào: hào tĩnh, hào động hợp với nhật, nguyệt là hào hữu tù được vượng tướng. Ví dụ: Tháng Sửu đoán được quẻ “khảm”, hào thể tí thủy và nguyệt kiến của tháng Sửu tương hợp.

2. Hào hợp với hào: gọi là hợp hảo, hào động hoá hợp là hoá sinh phù. Ví dụ: đoán được quẻ “bĩ”, hai hào ứng thế đều động, là mao hợp với Tuất; hai hào thể ứng có một hào không động thì không thể gọi là hợp.

3. Hào động hoá hợp là hào động và động hào tương hợp với nhau, vì đồng mà gặp hợp, hợp mà chịu sự cản trở thì khó hành động. Ví dụ: đoán được quẻ “Trung phù”, hào thể mùi thổ động, hoá xuất ngọ hoá là ngọ hợp mùi, là người, việc khác đến hợp với mình hợp hảo với mình.

4. Quẻ gặp lục hợp: ví dụ đoán được quẻ “Thiên địa bĩ” thì sáu hào nội ngoại tự tương hợp với nhau.

5. Lục xung biến thành lục hợp là trước xung nhưng sau lại hợp hảo. Ví dụ: đoán được quẻ “càn”. Quẻ “càn” là quẻ lục xung, nếu hào động của quẻ ngoại biến thành quẻ “thái”, thì là quẻ lục hợp.

6. Hợp biến hợp là trước tốt, sau lại cũng tốt. Ví dụ đoán được quẻ “Bôn” của “lữ”. Phàm được hợp là cát. Đoán danh thành danh, đoán lợi được lợi, đoán hôn sẽ thành, đoán về bản thân thì phần phát, đoán về nhà cửa thì thịnh vượng, đoán về cầu mưu tài thì được như ý. Nhưng đòi hỏi dụng thần phải có khí, thường dụng; dụng thần hữu tù, tử khố thì không đạt được gì.

Lục xung của hào: Tý ngộ tương xung, Sửu mùi tương xung, Dần thân tương xung, Mão dậu tương xung, Thìn Tuất tương xung, Tị Hợi tương xung, tương xung cũng là đối xung. Trong dự đoán có quẻ xung với quẻ, hào xung với hào v.v...

Quẻ lục xung có: càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, thiên lôi vô vọng, lôi thiên đại tráng, tất cả mười quẻ.

Tương xung có sáu tình huống: nhật nguyệt xung hào – quẻ gặp lục xung – lục hợp biến lục xung – lục xung biến lục xung – động hào biến xung – hào xung với hào.

Hào xung có năm tình huống: (1) hào gặp nguyệt xung là nguyệt phá (2) hào vượng tương gặp nhật xung là ám động (3) hào hưu tù gặp nhật xung là nhật phá (4) hào động hoá xung trở lại (5) hào xung với hào gọi là tương kích.

Nhật thân xung động hào là tán, động hào xung động hào là tán. Vượng tương có xung thì không tán; có khí mà xung thì không tán; hưu tù mà gặp xung thì dễ tán.

Quy tắc của lục xung: phải là một tý xung một Ngọ hoặc một Ngọ xung một Tý; hai Ngọ không xung một Tý, hai Tý không xung một Ngọ, các địa chỉ khác tương xung cũng tương tự như thế này.

Xung là tán. Phàm kỵ thần, cừu thần thường xung, việc hung thường xung, việc cát không thường xung. Gặp xung, còn phải xem dụng thần, dụng thần vượng tương, xung mà không tán; dụng thần hưu tù, hung mà lại hung hơn nữa. Lục hợp biến lục xung, dụng thần vượng tương, trước cát sau hung, mưu việc tuy thành nhưng có đầu không có cuối. Đoán bệnh, mới bệnh gặp xung sẽ khỏi; bệnh lâu gặp xung thì có thể chết, trong dự đoán cũng cần dựa vào tình hình mà đoán định cụ thể.

Sinh khắc xung hợp của hào:

Quẻ và lục hào có sinh có khắc, có xung có hợp. Điều này chính là phù hợp với quy luật vận động biến hoá của tự nhiên. Không có sinh thì không có khắc; không có khắc thì cũng không có cái gọi là sinh. Không có xung thì không có hợp, không có hợp thì cũng không có cái gọi là xung. Do đó, sinh khắc xung hợp là quy luật phổ biến của giới tự nhiên. Lấy quẻ “càn” làm ví dụ:

Càn vi thiên

Phụ mẫu tuất thổ, thế

Huynh đệ thân kim,

Quan quý ngộ hoả

Phụ mẫu thìn thổ, ứng

Thê tài dần mộc

Tử tôn tý thủy,

Nếu dự đoán cát hung thì lấy hào thế làm dụng thần. Hào thế tuất thổ là bản thân mình, thường ở vượng tương, sợ nhất là hưu tù xung khắc. Thường hoả vượng tương sinh, kỵ nhất dần mộc khắc thổ. Tại sao kỵ nhất dần mộc là vì mão mộc và tuất thổ cấu thành một trong lục hợp, do đó không nên vội vàng gì. Tuất Hợi lại không vong thường là hào thế rơi vào không vong, càng kỵ, nguyệt phá; nguyệt phá sẽ là thân phá. Hào thế tuất thổ này có bốn loại sinh khắc xung hợp: “Tăng san học dịch” có nói:

1. Nguyệt kiến có thể sinh khắc xung hợp, hào thế tuất thổ này nếu ở tháng dần mão thì bị mộc của dần mão khắc thương, là không lợi. Nếu ở ngày thìn thì thìn thổ xung tuất thổ, gọi là nguyệt phá, có trăm nghìn mà vẫn tay không. Nếu ở ngày tị ngộ thì hoả phải sinh tuất thổ gọi là hoả vượng thổ tương. Hào thế vượng tương, mọi việc đều hanh thông. Nếu ở ngày Sửu mùi, hai thổ này vượng tương có thể phù trợ là cát. Nếu ở ngày Tuất, gọi là thế lâm nhật

kiến, đó là vượng tướng, mọi việc đều cát. Nếu ở ngày thân, Dậu, Hợi, Tý, thì tuất thổ là khí tiết ra, thế sẽ hưu, tù vô lực.

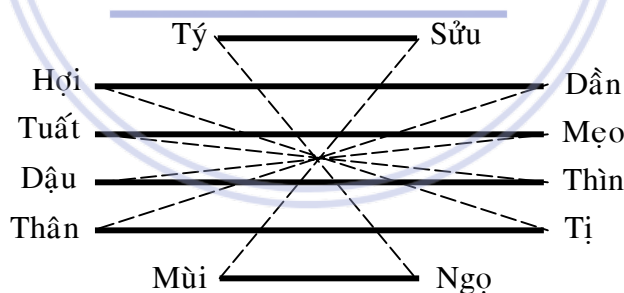
2. Nhật thần có thể sinh khắc xung hợp, hào thế tuất thổ này nếu ở ngày dần mao thì mộc giải khắc tuất thổ, gọi là hào thế bị tổn thương là tượng không lợi. Nếu ở ngày thìn thì thìn thổ xung hào tuất thổ, gọi là ám động. Nếu ở ngày mùi sửu, gặp thổ giúp đỡ thì tuất thổ cũng được phù trợ. Nếu ở ngày tị ngọ, tuất thổ lâm nhật kiến đương lệnh mà được quyền. Nếu ở các ngày thân, Dậu, ngọ, tý thì tuất thổ là tiết ra. Điều này gọi là nhật kiến có thể có đủ sinh khắc xung hợp.

3. Động hào trong quẻ có thể sinh khắc xung hợp. Hào thế tuất thổ của quẻ “cần” này gặp hào hai dần mộc phát động, có thể khắc tuất thổ; Hào bốn ngọ hỏa quan tinh phát động, có thể sinh tuất thổ. Hào thứ ba thìn thổ phát động, có thể xung tuất thổ. Điều này gọi là sinh khắc xung hợp dụng thần.

4. Hào thế phát động biến thành hào có thể sinh khắc trở lại. Hào thế phát động, mà động thì tất biến. Nếu như biến ra ngọ hỏa, gọi là sinh thế trở lại, biến sinh dần mộc, gọi là khắc thế trở lại, biến ra thìn thổ, gọi là xung thế trở lại; biến ra mao mộc, gọi là hợp thế với tuất; thế biến của quẻ cần này, trên thực tế là biến ra mùi thổ, gọi là tương phù ở thế.

Điều này gọi là dụng thần tự biến, có thể sinh khắc xung hợp ở dụng thần, tất nhiên tuất thổ vượng tướng, mọi việc đều cát. Nếu có 3 chỗ tương sinh, 1 chỗ tương khắc, cũng là cát. Nếu có 2 chỗ khắc, 2 chỗ sinh thì phải xem vượng suy của nguyên thần. Nguyên thần vượng thì đoán là cát. Kỳ thần vượng, có thể đoán là hung. Nếu gặp 3 chỗ tương khắc, một chỗ tương sinh, lại gặp ba hào tương sinh vượng tướng, là chỗ khắc gặp sinh. Nếu bốn chỗ đều khắc, tất nhiên là đại hung.

Mô hình địa chi lục hợp, lục xung



Trong hình, đường liền thực là tương hợp; đường gạch nối là tương xung.

Tam hợp hoá cục của hào

Thân tý thìn hợp hoá thủy cục, Hợi mao mùi hợp hoá mộc cục, dần ngọ tuất hợp hoá hỏa cục, tị Dậu sửu hợp hoá kim cục.

Hoá cục là các địa chi trong quẻ hào tương hợp với nhau, quẻ hào hoá hợp với nguyệt kiến, nhật kiến v.v...

Tam hợp hoá cục có bốn tình huống:

1. Trong một quẻ có một hào động mà hợp cục
2. Hai hào động thì một hào không động mà hợp cục. Một hào minh động, một hào ám động cũng là hai hào động.
3. Quẻ nội hào đầu động, hào ba động, động mà biến ra hào cấu thành hợp cục.
4. Quẻ ngoại hào bốn, sáu động, động mà biến ra hào cấu thành hợp cục.

Quy tắc của hợp cục: phải là ba chữ thân, tỵ, thìn đều đủ mới có thể hợp cục, nhiều một chữ, thiếu một chữ đều không thể hợp cục. Thiếu một chữ thì phải chờ trong quẻ ấy biến ra một hào, hoặc là hào lâm nguyệt kiến, nhật kiến bổ tể mới có thể hợp cục. Thiếu một chữ, gọi là hự cục, để dùng sau. Nhiều một chữ, cũng không thể hợp cục. Như trong hợp mao có hai chữ mao, đó là nhiều một chữ. Phải chờ hào động hoặc nhật, nguyệt lâm tuất, mao hợp với tuất, hợp mất đi một chữ mao, lúc đó mới có thể thành cục được. Trong tam hợp cục, có một chữ không phá thì phải đợi ngày tháng điền thực hào gặp nhật nguyệt kiến bổ sung mới có thể thành cục được; có một hào nhập khổ thì phải chờ ngày xung khai mới có thể thành cục được. Tóm lại, ba chữ đều đủ mới có thể hóa hợp thành cục

Tam hợp cục, đoán động danh và cầu quan, hợp thành quan cục là quan vượng; hợp thành tài cục là tài vượng; hợp cục sinh thế lợi cho chính mình, hợp cục sinh ứng lợi cho người khác; hợp thành cục tử tôn là phúc thần sinh tài, tài khí hội tăng; nhưng cục tử tôn lại là thần của thương quan, bác quan, là hoạn (nạn) của phá tài; đoán mồ mả nhà cửa thì hào phụ mẫu nên hợp thành cục; đoán hôn nhân, đoán vợ chồng thì tài quan vượng mà hợp cục; đoán người đi xa, dụng thần ở trong cục mà không quay về; đoán về xuất hành thì dụng thần hợp ở trong cục, tạm thời không đi được.

Phàm được tam hợp cục, dụng thần vượng tướng; đoán về việc vui mừng thì rất có lợi. Tam hợp cục, hào thế dụng thần ở trong cục là tốt. Nếu hào thế, dụng thần không ở trong cục, cần có cục sinh hào thế và dụng thần đều là cát tướng. Hợp cục trở thành kỵ thần, cừu thần mà khắc chế, khắc dụng thì là hung lại thêm hung.

Do đó, đoán việc vui mừng hợp cục thì vững chắc lâu dài. Đoán việc kiện tụng, ưu tư, hợp cục đến cuối vẫn không xem là tốt, khó mà mất, tiêu được. Tam hợp cục cũng có sự phân chia cát hung.

Ví dụ: tháng mao ngày đinh tị, đoán hai thôn tranh lấy nước mà đánh nhau, được quẻ “Khôn” từ “Ly”. Tượng quẻ là:

“Ly vị hoả”		“Khôn vi địa”	
Huỳnh đệ tị hoả	O thế	Thê tài dậu kim	“ thế
Tử tôn mùi thổ,	“	Quan quĩ hợp thủy	“
Thê tài dậu kim	O	Tử tôn sửu thổ	“
Quan quĩ hợp thủy	O ứng	Phụ mẫu mao mộc	“ ứng
Tử tôn sửu thổ	“	Huỳnh đệ tị hoả	“
Phụ mẫu mao mộc	O	Tử tôn mùi thổ	“

Quẻ nội là thôn mình, quẻ ngoại là thôn họ. Quẻ nội hợp mao mùi hợp thành mộc cục; quẻ ngoại tị dậu sửu hợp thành kim cục; cấu thành kim đến khắc mộc. May mà tháng mao mộc vượng, mà kim ngoại ở đất hưu tù, lại vì “kim” bị nhật thìn tị hoả khắc chế, “kim” không đủ để khắc động mộc. Hơn nữa, hai quẻ “ly” và “khôn” đều là quẻ lục xung, lục xung biến lục xung, xung mà lại tán, không đến nổi quẻ lục xung, lục xung biến lục xung, xung mà lại tán, không đến nổi tạo thành nguy hại lớn. Kết quả: ý nghiệm, tai nạn này, mau qua khỏi.

Lại thêm ví dụ: tháng tị, ngày dậu, đoán một việc lấy thêm người làm, được quẻ “Nhu” từ “Càn”

“Càn vi thiên”		“Thủy thiên nhu”	
Phụ mẫu tuất thổ	O thế	Tử tôn tỵ thủy	”
Huỳnh đệ thân kim		Phụ mẫu tuất thổ	‘
Quan quĩ ngộ hoả	O	Huỳnh đệ thân kim	“ thế
Phụ mẫu thìn thổ	‘ ứng	Phụ mẫu thìn thổ	‘

Thê tài dẫn mộc	‘	Thê tài dẫn mộc	‘
Tử tôn, tý thủy	‘	Tử tôn tý thủy	‘ ứng

Phân tích quẻ tượng:

1. Hào thể hào ứng tương xung. Nhưng xung không tán.
2. Dụng thần là quan quỷ ngộ hoả, sau động không có hai lớn
3. Ngộ hoả và nguyệt kiến tị hoả là tỵ hoà.
4. Ngộ hoả kiến dậu nhật, cũng không có hại lớn.
5. Chủ quẻ dẫn ngộ tuất hợp thành quan cục, quan cục hoả tương sinh thể, cục diện nay mưu việc lấy thêm người làm, tất sẽ thành.
6. Hoả khắc kim, chủ về tiêu hao, tạm thời có không lợi, quẻ nội dẫn mộc mùi động, bất lợi sinh hoả. Phải chờ đến ngày dẫn mới có cơ hội lấy thêm người làm.
7. Ngày dẫn: quả đã nghiệm như vậy.

Lại một ví dụ nữa: tháng ngộ ngày kỷ tị, đoán vận quan, được quẻ “đại hữu” từ “càn”.

“Càn vi thiên”		“Hoả thiên đại hữu”	
Phụ mẫu tuất thổ	‘ thể	Quan quỷ tị hoả	‘ ứng
Huỳnh đệ thân kim	O	Phụ mẫu mùi thổ	“
Quan quỷ ngộ hoả	‘	Huỳnh đệ dậu kim	‘
Phụ mẫu thìn thổ	‘ ứng	Phụ mẫu thìn thổ	‘ thể
Thê tài dẫn mộc	‘	Thê tài dẫn mộc	‘
Tử tôn tý thủy	‘	Tử tôn tý thủy	‘

Phân tích quẻ tượng:

1. Quan quỷ ngộ hoả là dụng thần
2. Ngộ hoả gặp nguyệt kiến ở vào thể vượng.
3. Ngộ hoả và nhật thần tỵ hoà, được tị hoả tương phù.
4. Thể ứng tỵ hoà thể được tỵ hoả tương sinh.
5. Trong quẻ, thân kim là động hào, ngộ hoả khắc. Vốn là ứng là không hại lớn.
6. Thân kim của động hào lúc này cùng thân tỵ chấn hợp hoá thành thủy cục, thủy cục có tượng khắc hoả.
7. Phân tích thêm: động hào thân kim và nhật thần tị hoả tác hợp, nên thủy cục không thành cục. Đây là “Tham hợp quên khắc”, làm cho quan tính ngộ hoả “Tuyệt xứ phù sinh”.
8. Kết luận: có vui của lên chức.

Tam hình của hào: Tý hình mao, mao hình tý là hình vô lễ

Tị hình thân, thân hình dẫn, dẫn hình tị là hình do trì thế (nắm quyền thế).

Sửu hình tuất, tuất hình mùi, thân hình sửu, là hình do vô ân.

Thìn ngộ dậu hợp là tự hình.

Tượng hình là việc hình phạt chủ về hung, về thương tổn, về bệnh tật, lại chủ về tai nạn do lao dịch. Phạm trong dự đoán, gặp hào thể, dụng thần vấp phải hình thì cần phải biết tuân thủ kỷ cương, pháp luật, xử sự phải cẩn trọng thì mới gặp may được.

Tượng hình, không chỉ trong quẻ hào động biến mà tạo ra tất cả, quẻ hào cùng với nhật nguyệt cũng có thể cấu thành tam hình. Tam hình cũng như vậy đòi hỏi dẫn hình tị, tị hình thân, thân hình dẫn, tất cả đều đầy đủ thì mới gọi là tam hình. Ba tý có thể hình một mao, một mao có thể hình ba tý, nhưng hai mao một tý có thể không hình, một tý hai mao cũng không hình lẫn nhau. Nguyên tắc hoá cục của các tình huống khác cũng tương tự như tam hợp cục.

Đối với tượng hình bát tự của người ta, hình hướng cụ thể nào cần có sự phân tích cụ thể này.

“Quỷ Cốc tử di văn” có nói: “Người quân tử không bị hình (phạt) thì nhất định không phát (đạt), cũng như cư sĩ (người đi tu) đi nhiều thì lên cao. Thiếu nhân đến như thế tất bị nạn, không thế thì cũng bị quan quật roi”. Tôi nghĩ ranh giới giữa “quân tử” và “tiểu nhân” thì phải phân biệt bằng phẩm đức cao thượng hay hèn kém.

Tam hình tuy chủ về hung tai, nhưng cũng có sự khác biệt về tham hợp vong hình. Ví dụ: tháng dần ngày canh thân, đoán bệnh con được quẻ “ly” từ “phong hoả gia nhân”.

“Phong hoả gia nhân”

Huynh đệ mảo mộ,

Tử tôn tị hoả, O ứng

Thê tài mùi thổ x

Phụ mẫu hội thủy

Thê tài sửu thổ “ thế

Huynh đệ mảo mộ,

“Ly vi hoả”

Tử tôn tị hoả, ứng

Thê tài, mùi thổ”

Quan quỷ đậu kim

Phụ mẫu hội thủy, ứng

Thê tài sửu thổ”

Huynh đệ mảo mộ”

Phân tích quẻ tượng

1. Bệnh con lấy tị hoả hào tử tôn làm dụng thần.
2. Tị hoả được tháng dần, dần mộ đã có sinh.
3. Tị hoả và ngày thân thân kim tương hợp, vốn là bệnh có thể chữa được.
4. Bây giờ vì cấu thành tị hình thân, thân hình dần, dần hình tị, do đó bệnh nguy

không chữa được.

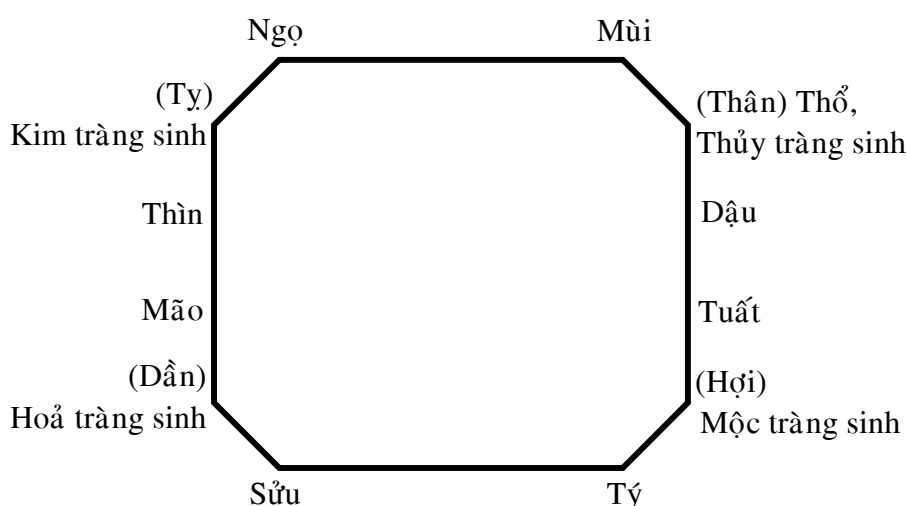
“Bốc phê chính tông” trong hợp có mang khắc, tập 14 có bàn:

“Phàm trong quẻ, hào tỵ biến sửu, hào tuất biến mảo. Lúc này, tỵ hợp với sửu, sửu hợp với tuất; trong hợp có mang theo khắc; gọi là “Ba phần hợp; bảy phần khắc”. Nếu hào trở thành vượng tướng được nhật nguyệt sinh phù, trợ giúp, hoặc là trong hào động, hào có sinh, có thể lấy cát của “hợp” mà xét đoán. Nếu hào tướng hưu tù thất lệnh, lại bị nhật, nguyệt khắc, hoặc trong quẻ động hào khắc, có thể lấy hung của “khắc” mà xét đoán”.

“Tương đối đặc thù là thân kim hoá tị hoả. Thân kim hoá tị hoả dù rằng không có nhật, nguyệt tướng sinh, cũng không có động hào tướng sinh, vẫn không lấy “hoả khắc kim” để xét đoán, là vì thân hợp tị hoả đã hợp thành “trường sinh”. Nếu gặp được tháng dần, ngày dần thì dần tị thân cấu thành tam hình tị hội, thân bị dần xung, thì không thể xét đoán là cát”. Ở thí dụ về quẻ này trên đây của chúng ta, thấy xuất hiện tình huống thân bổ sung dần xung, thân tị tam hình tị hợp.

Sách trình bày đến đây, có xuất hiện thân kim hoá tị hoả, hợp hóa trường sinh, không xét đoán là khắc, có bạn đọc thấy khô được rõ ràng. Như vậy là như thế nào? Tác giả xin trình bày xen vào đây một đôi điều:

Bài ca bàn tay trường sinh (đồ hình)



Bài ca bàn tay trưởng sinh trình bày về mười hai cung ký sinh của ngũ hành. Mười hai cung này thứ tự là: trưởng sinh, mộc dục, quan đới, lâm quan, đế vượng, suy, bệnh, tử, mộ, tuyệt, thai, dưỡng.

Nếu như: hoả trưởng sinh ở dần, theo thứ tự bắt đầu từ dần, ở mao là mộc dục, ở thìn quan đới, ở tị lâm quan, ở ngọ đế vượng, ở mùi suy, ở thân bệnh, ở dậu tử, ở tuất mộ, ở hợi tuyệt, ở tý thai, ở sửu dưỡng. Các ngũ hành khác cũng tương tự như vậy.

Nguyên lý của mười hai cung ký sinh của ngũ hành cũng tức là quá trình từ sinh trưởng đến tử vong trong mười hai tháng của mỗi ngũ hành cụ thể. Theo cách nói của “Tam mệnh thông hợp”, tên gọi và sự giải thích mười hai cung là như sau:

“Tuyệt” còn gọi là “thụ khí” hoặc “bào”, “vạn vật ở trong đất, chưa có tượng của nó, như mẹ bụng không thì chưa có vật (thai)”.

“Thai” tức là “thụ thai”, “thiên địa giao khí, hơi khí ấy tạo thành vật, vật ấy nảy mầm trong đất, ban đầu có hơi khí ấy cũng như con người thụ hơi khí của bố mẹ”.

“Dưỡng” tức là “thành hình”, “mọi vật thành hình ở trong đất, cũng như con người thành hình trong bụng mẹ”.

“Trưởng sinh”, “mọi vật phát sinh vươn lên tươi tốt, cũng như con người lúc đầu sinh ra rồi lớn lên”.

“Mộc dục” còn gọi là “bai”, “lúc đầu sinh ra từ vạn vật, hình thể mềm yếu, dễ bị tổn thương, như con người sinh được ba ngày, nhờ “mộc dục” mà không bị khốn tuyệt”.

“Quan đới”, mọi vật dần dần phát triển đủ như người mang đủ áo mũ.

“Lâm quan”, như người bắt đầu làm việc.

“Đế vượng”, “vạn vật thành thực, như hưng vượng của người”.

“Suy”, thân hình tiêu tụy giống như khí của con người suy yếu.

“Bệnh”, “vạn vật bệnh, như bệnh của người”.

“Tử”, “vạn vật chết, như con người chết”.

“Mộ”, cũng gọi là “khố”, kho tàng của vạn vật thành công, như con người cuối cùng quay về mộ.

Tiếp theo nên nói về *tam hình của hào*

Ví dụ về quẻ: tháng tuất, ngày đinh sửu, đoán bố ốm, được quẻ “mông” từ “khuê”:

“Hoả trạch khuê”		“Sơn thủy mông”	
Phụ mẫu ty hoả	‘	Quan quỷ dần mộc	‘
Huynh đệ mùi thổ	“	Thê tài tý thủy	“
Tử tôn dậu kim	O thể	Huynh đệ tuất thổ	“ thể
Huynh đệ sửu thổ	“	Phụ mẫu ngọ hoả	“
Quan quỷ mao thổ	‘	Huynh đệ thìn thổ	‘
Phụ mẫu tị hoả	O ứng	Quan quỷ dần mộc	“ ứng

Phân tích quẻ tượng:

1. Quẻ chủ có hào đầu, hào sáu trên là phụ mẫu tị hoả, lấy hào nào làm dụng thần? “Dụng thần đa quan” phải đặt vào chỗ nào?

“Bốc phệ chính tông” nói “Bỏ hào nhân ấy mà lấy hào trì thế; bỏ vô quyền mà lấy nhật nguyệt, bỏ yên tĩnh mà lấy hào động”. Cho nên quẻ này lấy hào tị hoả phụ mẫu của quẻ nội làm dụng thần.

2. Phụ mẫu tị hoả ở vào hưu tù, do đó khí suy.
3. Phụ mẫu động thành dần mộc, xem như dần tị tương hình, không có lợi cho bệnh thể.
4. Xét kỹ thì hoả trường sinh ở dần, dần mộc sinh tị hoả, tị hoả tham sinh mà vong hình, bệnh của ông bố có thể khỏi.

Thêm một ví dụ về “tham hợp vong hình”:

Tháng thìn ngày kỷ hợi, đoán bệnh của vợ, được quẻ “Khiêm” của “tý”.

“Thủy địa tý”		“Địa sơn khiêm”	
Thê tài tý thủy	“ ứng	Tử tôn dậu kim	“
Huynh đệ tuất thổ	O	Thê tài hợi thủy	“ thế
Tử tôn thân kim	“	Huynh đệ sửu thổ	“
Quan quỷ mao mộc	x thế	Tử tôn thân kim	‘
Phụ mẫu tị hoả	“	Phụ mẫu ngọ hoả	“ ứng
Huynh đệ mùi thổ	“	Huynh đệ thìn thổ	“

Phân tích quẻ tượng:

1. Tý thủy là thê (vợ), lấy hào tý thủy thê tài làm dụng thần.
2. Hào thế mao mộc là động hào, tý mao tương hình.
3. Quan quỷ mao mộc và huynh đệ tuất thổ cũng là động hào, lục hợp của hào, mao tuất tương hợp. Do đó, mao mộc tham hợp mà vong hình.
4. Người vợ này khỏi bệnh vào ngày丁酉.
5. Tại sao đoán khỏi vào dậu? Trước hết là vì ứng với ngày dậu, thê hoá tử tôn (dậu kim) mà sinh trở lại. Hơn nữa là vì quan quỷ mao mộc tham hợp mà vong hình, động biến tử tôn thân kim, “tử tôn” là thuốc, ngày thân thuốc đến, ngày dậu bệnh khỏi.
6. Phân tích đoán quẻ, chúng ta luôn luôn phải nắm vững mâu thuẫn chủ yếu trong quẻ, suy rộng ra để đoán xét. Lấy quẻ này làm ví dụ, còn có thể có nhân tố khác có thể tham khảo. Ví như: tháng thìn khắc tý thủy, ngày hợi tỵ hoà, với tý thủy; chủ về người bệnh không có lo lắng, đợi lương y “kim sinh thủy”, lương thực đến, bệnh này sẽ được loại bỏ.

Lại một ví dụ nữa: tháng thìn, ngày mậu ngọ, đoán bệnh của chồng, được quẻ “di” từ quẻ “ly”.

“Ly vi hoả”		“Sơn lôi di”	
Huynh đệ tị hoả	‘ thế	Phụ mẫu dần mộc	‘
Tử tôn mùi thổ	“	Quan quỷ tý thủy	“
Thê tài dậu kim	O	Tử tôn tuất thổ	“ thế
Quan quỷ hợi thủy	O ứng	Tử tôn thìn thổ	“
Tử tôn sửu thổ	“	Phụ mẫu dần mộc	“
Phụ mẫu mao mộc	‘	Quan quỷ tý thủy	‘ ứng

Phân tích quẻ tượng:

1. Xác định dụng thần: quan quỷ hợi thủy là dụng thần.
2. Dậu kim động để sinh, có lợi cho hợi thủy.
3. Dụng thần quan quỷ hợi thủy cùng động, hoá thìn thổ khắc hợi thủy.

4. Theo “Trường sinh trường quyết”, thủy trường sinh ở thân, Dậu là mộc dục, tuất là quan đới, lần lượt suy rộng ra, thủy khố tại thìn, khố là mộ, “người đó rốt cuộc là quy mộ”: “hung”.

5. Thìn thổ khắc hơi thủy. Thìn thổ lại gặp nguyệt kiến tháng thìn, thìn thổ càng vượng, khắc dụng càng hung.

6. Nhật thần lại là ngày ngọ, thủy hỏa không hợp.

7. Ngọ, Dậu, hơi tự mình, thấy ngay hung nguy.

8. “Chết vào giờ ngọ ngày hôm đó”, bạn đọc xem thấy không rõ ràng, theo các dữ kiện đưa ra ở quẻ này cần đoán chết vào giờ thìn. Nhưng ngày đoán quẻ, có thể “giờ thìn” đã qua rồi, vừa vào “giờ ngọ”, do đó nguyên quẻ có lời đoán “lập kiến hung nguy”. Suy luận như vậy, ngày ngọ, giờ ngọ, hỏa khí vượng thịnh, hơi thủy tự hình, không có sức khắc hỏa, bị hỏa khắc ngược lại, đương nhiên là chết vào “giờ ngọ”. Xét đoán cách khác thì “tử tôn thìn thổ” là thuốc, bây giờ “thìn thổ là mộc của hơi thủy, không có thuốc có thể cứu được, kéo dài qua giờ thìn, thì giờ ngọ “tuyệt thai” mà chết.

VII. QUẺ HÀO ĐỘNG BIẾN

Quẻ có quẻ biến, hào có hào biến. Hào biến thì quẻ biến, lục hào không động thì không biến, có hào động thì có biến. Động biến có biến hồi đầu sinh, có biến hồi đầu khắc, biến sinh là cát, biến hung là hung. Cho nên “cát hung sinh ra ở động”. Hào động là bắt đầu của sự việc, hào biến là kết thúc của sự việc.

Sinh khắc của quẻ biến

Quẻ biến có phân biệt biến sinh, biến khắc, biết tuyệt, biến khố, biến tử hoà. Quẻ tượng là đại tượng; đại tượng cát là cát mà lại thêm tốt; đại tượng hung là hung mà gặp tai ương. Khắc ít sinh nhiều là đại tượng cát, khắc nhiều sinh ít là đại tượng hung. Đại tượng hung nội trong tháng còn có thể chưa có phương hại, vượt qua tháng sẽ gặp tai ương; hoá khắc trở lại thì càng hung. Quẻ hoá khắc trở lại, bất kể dụng thần suy vượng, nói chung đều phải đoán là hung.

Hoá khắc trở lại, như quẻ “chấn” biến quẻ “càn”.

“Chấn vi lôi”

Thê tài tuất thổ x thế

Quan quỷ thân kim x

Tử tôn ngọ hỏa ‘

Thê tài thìn thổ x ứng

Huỳnh đệ dần mộc x

Phụ mẫu tý thủy ‘

“Càn vi thiên”

Thê tài tuất thổ ‘ thế

Quan quỷ thân kim ‘

Tử tôn ngọ hỏa ‘

Thê tài thìn thổ ‘ ứng

Huỳnh đệ dần mộc ‘ ứng

Phụ mẫu tý thủy ‘

Chấn là mộc, càn là kim, quẻ kim biến thành khắc trở lại, “kim khắc mộc” là đại tượng không cát. Các quẻ khác cũng phỏng theo thế này. Thêm ví dụ:

“Tốn vi phong”

Huỳnh đệ mão mộc O thế

Tử tôn tị hỏa ‘

Thê tài mùi thổ “

Quan quỷ dậu kim O ứng

Phụ mẫu hơi thủy ‘

Thê tài sửu thổ “

“Khảm vi thủy”

phụ mẫu tý thủy “ thế

Thê tài tuất thổ ‘

Quan quỷ thân kim “

Tử tôn ngọ hỏa “ ứng

Thê tài thìn thổ ‘

Huỳnh đệ dần mộc “

Ví dụ này, tốn mộc biến khảm thủy, là sinh trở lại, là tượng của đại cát. Hào biến sinh trở lại, hào biến khắc trở lại; trên đây đã có ví dụ, không nói thêm nữa.

Sinh khắc của động tĩnh

Sáu hào yên tĩnh tại vượng tướng, như người thân thể cường tráng có sức khỏe, có thể sinh hào hữu tù, cũng có thể khắc hại hào hữu tù.

Ví dụ: ngày dần mao vào mùa xuân, đoán được quẻ “khôn”:

“Khôn vi địa”

Tử tôn	dậu kim “ thế
Thê tài	hợi thủy “
Huỳnh đệ	sửu thổ “
Quan quỷ	mao mộc “ ứng
Phụ mẫu	tị hỏa “
Huỳnh đệ	mùi thổ “

Quẻ này, nếu đoán về phụ mẫu, quẻ tị hỏa là dụng thần, hào lục tam mao mộc lâm (gặp) lệnh mùa xuân, là đất của vượng tướng có thể sinh phụ mẫu tị hỏa. Nếu đoán về tử tôn, tử tônậu kim là đất của hữu tù, lại bị hào phụ mẫu khắc, không lợi cho tử tôn. Nếu đoán về huỳnh đệ, sửu mùi thổ gặp mùa xuân mộc khắc, cũng xem là không lợi.

Quẻ có hào động, có thể khắc hào tĩnh. Dù hào tĩnh vượng tướng, cũng không thể khắc chế được hào động. Ví dụ: tháng dần, đoán được quẻ “quy muội” của “đoài”.

“Đoài vi trạch”

“Lôi trạch quy muội”

Phụ mẫu	mùi thổ	“ thế	Phụ mẫu tuất thổ “ ứng
Huỳnh đệ	dậu kim O	Huỳnh đệ thân kim	“
Tử tôn	hợi thủy	‘	Quan quỷ ngộ hỏa ‘
Phụ mẫu	sửu thổ	“ ứng	Phụ mẫu sửu thổ “ thế
Thê tài	mao mộc	‘	Thê tài mao mộc ‘
Quan quỷ	tị hỏa	‘	Quan quỷ tị hỏa ‘

Dậu kim tuy ở đất hữu tù nhưng lâm phát động cho nên có thể khắc mao mộc của vượng tướng, mao mộc đương lệnh có thể khắc hai thổ của sửu mùi, nhưng mộc thổ bị kim khắc chế, hào mộc bản thân đã bị thương nên không có lực để khắc thổ. Các trường hợp khác cũng theo như vậy.

Tĩnh giống như ngồi như nằm, động giống như người đang đi, động khắc là hung.

Sinh khắc, xung hợp của động biến:

Phạm quẻ có hào động, động thì phải biến. Nhưng hào biến ra chỉ có thể sinh khắc xung hợp với hào động gốc, mà không thể cùng khắc hào khác được. Ví dụ: Tháng tỵ, ngày mao đoán được quẻ “tấn” của “khôn”.

“Khôn vi địa”

“Hỏa địa tấn”

Tử tôn	dậu kim	x thế	Phụ mẫu tị hỏa ‘
Thê tài	hợi thủy	“	Huỳnh đệ mùi thổ “
Huỳnh đệ	sửu thổ	x	Tử tônậu kim ‘ thế
Quan quỷ	mao mộc	“ ứng	Quan quỷ mao mộc “
Phụ mẫu	tị hỏa	“	Phụ mẫu tị hỏa “
Huỳnh đệ	mùi thổ	“	Huỳnh đệ mùi thổ “ ứng

Trong quẻ,ậu kim phát động,ậu là hào động. Tị hỏa biến ra là hào biến, tị hỏa của hào biến có thể khắc trở lạiậu kim gốc, nhưng tị hỏa không thể khắc hào khác. Hào bốn sửu thổ động có thể sinhậu kim của hào thế, không thể sinhậu kim biến ra. Làậu kim biến ra, trừ đối với hào gốc ra, cũng không thể sinh khắc các hào khác.

Có thể chế khắc hào biến được chỉ có nhật, nguyệt, những cái có thể sinh ra, khắc lại, chế ngự được, xung, hợp được. Nhật, nguyệt như trời, nắm quyền sinh sát, có thể sinh khắc hào động, hào tĩnh, hào phi (thần), hào phục (thần), hào biến, mà ngược lại các hào thì không thể khắc thương nhật, nguyệt được. “Hoàng kim sách” có câu: “Hào khắc thương nhật, nguyệt chỉ tổn công mà thôi”. Như trong ví dụ này, tý thủy nhật kiến có thể khắc hào tị hoả do hào thể động biến mà sinh ra, mao là nhật kiến, có thể xung khắc dậu kim do huỳnh đệ sửu thổ động biến mà sinh ra, vì “mao dậu” tương xung. Các quẻ khác cũng tương tự như thế này.

Am động:

Hào tĩnh vượng tướng, nhật thần xung là ám động. Hào tĩnh hưu tù, nhật thần xung là nhật phá. Am động có điều vui, có điều kỵ. Dụng thần hưu tù, được nguyên thần ám động tương sinh. Kỵ thần ám động sinh nguyên thần. Nguyên thần ám động sinh dụng thần. Như thế gọi là hỷ (vui). Nếu dụng thần hưu tù không có phù trợ, lại được kỵ thần ám động khắc chế thì đều gọi là hung.

Am động giống như người làm việc âm thầm, phúc đến không biết, hoạ đến không hay. Do đó, phạm gặp kỵ, thâm ám động khắc thế, khắc dụng, cần nâng cao cảnh giác, tăng thêm phòng ngừa, mọi chỗ đều cần trọng là hay nhất.

Ví dụ: tháng dần, ngày kỷ mùi, đoán bệnh cho con gái, được quẻ “khôn” biến “sư”.

“Khôn vi địa”

“Địa thủy sư”

Tử tôn	dậu kim	“ thế	Tử tôn	dậu kim	“ ứng
Thê tài	hợi thủy	“	Thê tài	hợi thủy	“
Huỳnh đệ	sửu thổ	“	Huỳnh đệ	sửu thổ	“
Quan quý	mão mộc	“ ứng	Phụ mẫu	ngọ hoả	“ thế
Phụ mẫu	tị hoả	x	Huỳnh đệ	thìn thổ	“
Huỳnh đệ	mùi thổ	“	Quan quý	dần mộc	“

Phân tích quẻ tượng:

1. Tử (tôn) thế dậu kim là dụng thần.
2. Tử (tôn) thế dậu kim lâm tháng dần, ở vào đất hưu tù.
3. May được nhật thần mùi thổ sinh.
4. Hào hai tị hoả động đến khắc kim.
5. May được nhật thần bang trợ, “sửu mùi” tương xung, sửu thổ ám động, thổ động sinh kim.

6. Bệnh người con gái tuy nặng nhưng không phương ngại gì.

Độc phát, độc tĩnh:

Trong một quẻ, năm hào không động, chỉ một hào động, gọi là độc phát. Trong một quẻ, năm hào động cả, chỉ một hào không động, gọi là độc tĩnh. Nếu trong quẻ có một hào minh động, một hào khác gặp nhật thần xung mà ám động, như thế này cũng gọi là độc phát.

Độc phát, độc tĩnh chẳng qua chỉ là để xem việc thành bại mà thôi. Sinh thì việc thành, khắc thì việc bại; tĩnh thì ứng chậm, động thì ứng nhanh. Còn vì cát hung, phải xem dụng thần; nếu như bỏ dụng thần mà không dùng tới thì là sai lầm.

Tận tĩnh, tận phát: trong một quẻ, sáu hào yên tĩnh, lại không có nhật thần xung động là tận tĩnh. Sáu hào đều động cả là tận phát. Tận tĩnh như hoa mùa xuân còn ngậm nụ, người ta chưa thấy được vẻ đẹp của nó. Tận phát giống như trăm hoa đua nở, người ta thấy rõ vẻ đẹp của nó, hễ gặp gió mạnh là mau chóng tàn rụng. Cho nên tĩnh thì đẹp, động thì thường là xấu. Dù là tận tĩnh hay tận phát phải xem dụng thần là chủ mà đoán sự việc.

VIII. VƯỢNG TƯỚNG CỦA TỬ THỜI

Sinh vượng, hưu tù, khổ tuyệt của tượng quẻ, tượng hào, ngũ hành, lục thân đều lấy tiết lệnh, nguyệt kiến, nhật thần của bốn mùa trong một năm là tiêu chí. Tượng quẻ, dụng thần lâm vượng là cát; tượng quẻ, dụng thần gặp đất hưu tù, khổ tuyệt thì không cát. Do vậy, tiết lệnh, nguyệt kiến, nhật thần là hết sức trọng yếu trong dự đoán, phải ra sức ghi nhớ trong lòng.

Nguyệt kiến tư quyền:

Tháng giêng kiến dần: dần mộc lâm nguyệt kiến, mộc vượng hoả tướng; thủy, kim, thổ còn lại là hưu, tù, tử.

Tháng hai kiến Mão: Mão mộc lâm nguyệt kiến, mộc vượng hoả tướng, thủy, kim, thổ còn lại là hưu, tù, tử.

Tháng ba kiến Thìn: Thìn thổ lâm nguyệt kiến. Vượng thổ sinh kim, kim là vượng tướng, mộc có dư khí, còn lại đều lâm hưu, tù.

Tháng tư là Tị, Tị hoả lâm nguyệt kiến.

Tháng năm kiến Ngọ: Ngọ hoả lâm nguyệt kiến. Tháng tư, năm hoả vượng, thổ tướng, còn lại đều lâm hưu tù.

Tháng sáu kiến Mùi, Mùi thổ lâm nguyệt kiến. Thổ sinh kim, kim là tướng, hoả có dư khí, còn lại đều lâm hưu tù.

Tháng bảy kiến Thân, Thân kim lâm nguyệt kiến.

Tháng tám kiến Dậu: Dậu kim lâm nguyệt kiến. Tháng bảy, tám kim vượng sinh thủy, thủy là tướng, còn lại đều lâm hưu tù.

Tháng chín kiến Tuất: Tuất thổ lâm nguyệt kiến. Thổ sinh kim, kim là tướng, còn lại đều lâm hưu tù.

Tháng mười kiến Hợi: Hợi thủy lâm nguyệt kiến.

Tháng mười một kiến Tý: Tý thủy lâm nguyệt kiến. Tháng mười, tháng mười một thủy vượng sinh mộc, mộc là tướng, còn lại đều hưu tù.

Tháng mười hai kiến Sửu: Sửu thổ lâm nguyệt kiến, thổ sinh kim, kim tướng, thủy có khí, còn lại là hưu tù.

Dụng thần lâm nguyệt kiến, nhật kiến, trường sinh đế vượng, được phúc dày. Kỵ thần lâm là họa rất sâu. Dụng thần lâm vượng địa, lại không có hào khắc thương là cát.

Kỵ thần lâm nguyệt kiến, nhật kiến, trường sinh đế vượng mà dụng thần hưu tù không có cứu trợ, các quẻ đều hung. Sinh phù kỵ thần là trợ ác làm hung; khắc chế nguyên thần là cản đường cứu thần cướp đoạt; kỵ thần bị khắc, có chế ngự là không có hung.

Nguyệt kiến tức nhật lệnh, nắm quyền một tháng, chủ lệnh của tam thần, một tháng ba mươi ngày được lệnh đương quyền nắm quản đề cương mọi xét đoán, tuần sát thiện ác của sáu hào, nắm quyền sinh sát. Nguyệt kiến có thể trợ giúp hào suy nhược, làm nhụt hào vượng cường, chế phục hào động biến, phù trợ phi thần, phục thần.

Nguyệt kiến đương quyền là cầm cương chủ soái, hào suy nhược có thể tương sinh tương hợp, có che đỡ, có phù trì, suy mà cũng vượng. Hào cường vượng có thể có khắc, có xung, có hình có phá, vượng mà cũng suy. Quẻ có hào biến khắc chế hào động; nguyệt kiến có thể chế phục hào biến; quẻ có hào động khắc chế hào tĩnh, nguyệt kiến có thể chế phục hào biến, dụng thần ẩn đi, phi thần áp trụ, nguyệt kiến có thể xung khắc phi thần, phù trợ phục thần mà trở nên có ích.

Nguyệt kiến hợp với hào thì có ích, hào gặp nguyệt phá nên vô dụng. Nguyệt kiến hợp với hào sẽ là nguyệt hợp mà có ích; Nguyệt kiến xung với hào thì là hào nguyệt phá không có ích.

Nguyệt kiến không nhập hào cũng là có ích; nguyệt kiến hễ nhập hào thì càng thấy kiên cường. Quẻ không có dụng thần thì lấy nguyệt kiến làm dụng thần, không cần phải tìm phục thần. Nguyệt kiến nhập quẻ động làm nguyên thần là phúc càng lớn. Động mà làm kỵ thần thì hoạ càng hung. Không nhập quẻ thì chậm, nhập quẻ thì nhanh.

Hào gặp nhật kiến, vượng tướng nắm quyền, gặp không bất không, gặp thương vô hại. (Trong tuần, xét đến cùng vẫn là không).

Ví dụ: Tháng dần, ngày canh tuất, đoán cầu tài, được quẻ “đại hữu”.

“Hoả thiên đại hữu”

Quan quỷ	tị hoả	‘ ứng
Phụ mẫu	mùi thổ	“
Huynh đệ	dậu kim	‘
Phụ mẫu	thìn thổ	‘ thế
Thê tài	dần mộc	‘
Tử tôn	tý thủy	‘

Hào tài dần mộc là dụng, lâm nguyệt kiến, khắc thế tất là được. Nhưng tuần này là không, phải đến giữa tuần giáp dần, hào dần xuất không thì có thể được. Quả là đến ngày giáp dần thì đạt được tài.

Nguyệt kiến là gì?

Nguyệt kiến xung hào là nguyệt phá.

Như: tháng giêng nguyệt kiến dần, dần xung hào thân ở trong quẻ, quẻ thân là gặp nguyệt phá. Các tháng khác cũng tương tự như thế.

Tháng giêng thân phá, tháng haiậu phá, tháng ba tuất phá, tháng tư hợi phá, tháng năm tỵ phá, tháng sáu sửu phá, tháng bảy dần phá, tháng tám mao phá, tháng chín thìn phá, tháng mười tị phá, tháng mười một ngọ phá, tháng mười hai mùi phá.

Dụng thần lâm nguyệt phá là điềm rủi ro. Nguyệt phá là rễ khô gỗ mục, gặp sinh cũng không lên, gặp thương tổn càng thương tổn. Quẻ tuy có hiện dụng thần, nếu gặp nguyệt phá thì tuy có mà cũng như không. Nếu là phục thần, lâm nguyệt phá thì cũng là vô dụng. Nếu có thìn sinh thì cũng không thể sinh được; hào động làm kỵ thần, cũng không thể làm hai; làm hào biến, không thể khắc thương hào động. Hiện giờ tuy bị nguyệt phá nhưng qua tháng sẽ không bị phá nữa. Hôm nay bị phá, nhưng đến ngày qua tuần không thì không bị phá, đến ngày gặp hợp thì không bị phá. Ứng nghiệm gần thì theo ngày; ứng nghiệm xa thì theo tháng, năm.

Ví dụ: tháng thìn, ngày mậu tỵ đoán bố về hôm nào, được quẻ “quải” của “càn”.

“Càn vi thiên”

Phụ mẫu	tuất thổ	O thế	Phụ mẫu	mùi thổ	“
Huynh đệ	thân kim	‘	Huynh đệ	dậu kim	“ thế
Quan quỷ	ngọ hoả	‘	Tử tôn	hợi thủy	‘
Phụ mẫu	thìn thổ	‘ ứng	Phụ mẫu	thìn thổ	‘
Thê tài	dần mộc	‘	Thê tài	dần mộc	‘ ứng
Tử tôn	tý thủy	‘	Tử tôn	tý thủy	‘

Phân tích quẻ tượng:

1. Phụ mẫu tuất thổ là thế, là dụng thần.
2. Thìn tuất tương xung, dụng thần làm nguyệt phá.
3. Hào động cường vượng, thực tế là bị phá
4. Hào phụ mẫu trì thế mà động, có tượng qua lại
5. Ngày mao, tuất mao tương hợp, ngày phá mà gặp hợp, sẽ có thư đến.

6. Ngày mùi sẽ về. Ngày mùi về, là hào phụ mẫu tuất thổ động mà hoá thành mùi thổ, hào mùi thổ là tuần không, ngày xuất không là trở về.

Nhật kiến năm lệnh:

Trong ba mươi ngày của một tháng, sự sắp xếp thiên can địa chi có quy luật âm dương ngũ hành sinh khắc chế hoá.

Nhật kiến tức là tý, Sửu, dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi mười hai chi lặp đi lặp lại. Địa chi là chủ của một ngày, là tiêu chí chủ thể ngũ hành sinh vượng khố tuyệt của sáu hào trong quẻ, là chỗ dựa trọng yếu để quyết đoán cát hung thành bại khi dự đoán thông tin.

Nguyệt kiến nắm quyền của tam tuần, nhưng lại có sự phân chia ra xuân, hạ, thu, đông, có sự phân biệt sinh, vượng, mộ, tuyệt của bốn mùa. Nhật kiến không như thế, tứ thời đều vượng, là chủ thể của sáu hào, thực hiện lệnh của một ngày, nắm quyền sinh sát của một ngày, cùng quyền cùng công với nguyệt kiến.

Dụng thần của quẻ được nhật kiến sinh, được hào động sinh, hợp thành dụng thần để vượng lại càng vượng, mà dụng thần hưu tú mà được nhật kiến như mầm non chịu hạn lâu ngày mà được mưa rào, biến nguy hiểm thành bình yên. Nhật kiến sinh trợ nguyên thần, càng làm mọi việc đều hanh thông.

Dụng thần bị nhật kiến khắc, nhật kiến xung; nhật kiến bị hình là điềm không lợi. Dụng hào vượng, nguyệt kiến sinh, còn có thể đối địch, dụng thần gặp hưu tú suy nhược, giống như có tuyết lại thêm sương, đã hung lại càng hung.

Nhật thần xung hào tĩnh, vượng tướng là ám động, ám động càng được thêm sức mạnh. Hào tĩnh mà hưu tú suy nhược gặp nhật thần xung, là nhật phá, hào phá trở thành vô dụng.

Hào gặp tuần không, nhật kiến xung mà là có ích, gọi là “xung không thì thành thực”. Hào gặp hợp, bị nhật kiến xung, gọi là chỗ hợp không nên xung. Tóm lại, hào hưu tú suy nhược, nhật kiến nắm lệnh thì có thể có sinh, có hợp, có phù, có ngang bằng. Hào cường vượng, nhật kiến có thể khắc, xung, hình (phạt) lại. Hào gặp nguyệt kiến, nhật xung mà không tán, gặp khắc mà không bị thương. Hào gặp nhật kiến nắm lệnh, nguyệt xung mà không bị phá, nguyệt khắc mà không bị thương. Gặp hào động khắc thì không phải là bị hại, bị hoá trở lại thì cũng không phải là bị hoá.

Cần chú ý: nguyệt sinh, nguyệt khắc, phải xem kỹ càng những chỗ khác. Phải xem còn có hào khắc xung khắc dụng hào hay không? Có hào khác sinh phù dụng thần không? Nguyệt kiến nắm quyền, không thể xung tán. Nguyệt khắc nhật sinh, gặp sự phù trợ của hào khác, dụng thần càng vượng; nguyệt khắc, nhật sinh gặp hào khác khắc lại, dụng thần sẽ suy.

Nhật kiến khắc hào, đúng là hoạ, hào khắc nhật kiến là uổng công vô ích. Nhật kiến nguyệt kiến như trời như vua, lục thần như quan như dân.

Ví dụ: tháng thân, ngày bính dần, đoán bệnh mình được quẻ “tiết” của quẻ “truân”:

“Thủy lôi truân”

Huỳnh đệ	tý thủy	“
Quan quý	tý thủy	‘ ứng
Phụ mẫu	thân kim	“
Quan quý	thìn thổ	“
Tử tôn	dần mộc	X thế
Huỳnh đệ	tý thủy	‘

“Thủy trạch tiết”

Huỳnh đệ	tý thủy	‘
Quan quý	tuất thổ	‘
Phụ mẫu	thân kim	“ ứng
Quan quý	Sửu thổ	“
Tử tôn	Mão mộc	‘
Thê tài	Tị hỏa	‘ thế

Phân tích tượng quẻ:

1. Đoán về mình, lấy tử tôn dần mộc là dụng thần.

2. Tháng bảy là kiến thân, thân dần tương xung, nguyệt kiến xung hào, tử tôn dần mộc tức dụng thần “nguyệt phá”.

3. Dụng thần có cái vui lâm nhật kiến, nhật kiến hành lệnh một ngày, tai hoạ bất ngờ, nguy hiểm trở thành gay gắt.

4. Dụng thần hào thể là hào động, do đó động mà cường vượng.

5. Dụng thần hào động hoá biến mà được tiến thân.

6. Tiến thân mao mộc tương phù, ngày mao bệnh phải lui; quả thật vậy đến ngày mao thì dậy được.

Ví dụ: Tháng dần, ngày ất Dậu đoán xem có thi đỗ không, được quẻ “đi” của quẻ “bôn”

“Sơn hoả bồn”

Quan quý dần mộc
Thê tài tý thủy
Huỳnh đệ tuất thổ
Thê tài hợi thủy
Huỳnh đệ Sửu thổ
Quan quý mao mộc

“Sơn lôi di”

Quan quý dần mộc
Thê tài tý thủy
Huỳnh đệ tuất thổ
Huỳnh đệ thìn thổ
Quan quý dần mộc
Thê tài tý thủy

Phân tích tượng quẻ:

1. Dụng thần quan quý mao mộc tri thể
2. Hào thể dụng thần mao mộc tương hợp với hào ứng tuất thổ.
3. Dần nguyệt mao mộc vượng tương.
4. Dụng thần là hào thể, mao mộc và nhật thân tương xung, nhật kiến xung là ám động.
5. Lại được hào hợi thủy tài động đến sinh thể
6. Hào thể lại hoá sinh trở lại, ám động được ích.
7. Quả đúng vào ngày tý thì được ghi tên bằng vàng. Ngày tý hào ứng hoá sinh trở lại.

Tuần không của hào

Tháng có ba tuần: thượng tuần, trung tuần, hạ tuần mỗi tuần mười ngày. Tuần không là nhật kiến gặp giáp tý tức là tuần giáp tý; gặp giáp tuất tức là tuần giáp tuất, gặp giáp thân. Lấy tuất, tuất làm ví dụ: bắt đầu từ ngày nhật kiến giáp tý trở đi, mười ngày này là: giáp tý, ất Sửu, đinh Mão, mậu Thìn, kỷ Tị, canh Ngọ, tân Mùi, nhâm Thân, quý Dậu. Trong mười ngày này, thập niên can chi có thể đương hội với mười địa chi trong mười hai địa chi, có hai địa chi tuất, hợi xuất không; hai địa chi xuất không là tuần không.

Mười ngày kết hợp thiên can địa chi đều ở trong tuần giáp tý, gieo quẻ ở bất cứ ngày nào trong mười ngày này thì trong quẻ đều có hai hào tuất, hợi thì là tuần không.

Nếp tuần không: trong tuần giáp tý, tuần không ở tuất hợi; giáp tuất tuần không ở thân Dậu; giáp thân tuần không ở Ngọ Mùi; giáp Ngọ tuần không ở Thìn Tị; giáp Thìn tuần không ở dần Mão; giáp dần tuần không ở tý Sửu.

Bàn về tuần không, từ xưa đã có nhiều cách nói như chân không; giả không, động không, xung không, điền không, vớ cổ tự không, khổ không, tuyệt không, hại không, phá không v.v...

Có nhiều cách nói nên làm cho người đời sau học tập, tìm hiểu không thể nào thích ứng và nắm vững được. Nhà dịch học, bậc thầy bát quái thánh Dã Hạc đã bàn luận rất kỹ về tuần không; qua kiểm nghiệm thực tế những điều bàn luận của ông rất chuẩn xác. Ông nói: “Vượng không phải là không, động không phải là không; có nhật kiến hào động sinh phù không phải là

không, động mà hoá không không phải là không, phục mà vượng tướng cũng không phải là không; nguyệt phá là không, có khí mà không động là không, phục mà bị khắc là không, chân không là không. Chân không là xuân thổ, hạ kim, thu mộc, tam đông gặp hoả là chân không.

Ví dụ: tháng sửu, ngày mậu thân, đoán đi xa ngày nào quay về, được quẻ “sư” của quẻ “tiết”.

“Thủy trạch tiết”			“Địa thủy sư”		
Huỳnh đệ	tý thủy	“	Phụ mẫu	dậu kim	“ ứng
Quan quý	tuất thổ	‘	Huỳnh đệ	hợi thủy	“
Phụ mẫu	thân kim	“ ứng	Quan quý	sửu thổ	“
Quan quý	sửu thổ	“	Thê tài	ngọ hoả	“ thế
Tử tôn	mão mộc	‘	Quan quý	thìn thổ	‘
Thê tài	tị hoả	O thế	Tử tôn	dần mộc	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Hào tử tôn mao mộc là dụng thần.
2. Hào thế là hào động, dụng thần sinh tị hoả
3. Lại thấy hào động và nhật kiến tương hợp, tức là tị và thân hợp, có việc ràng buộc, tạm thời không quay về được.
4. Trong tuần giáp thìn, dần mao tuần không, tử tôn mao mộc không thể quay về.
5. Quả nhiên như vậy. Ngày giáp dần thì quay về, ứng ngày giáp dần, một là dần mao xuất không, hai là động hào thế hoá, dần mộc sinh thế, cho nên có ứng nghiệm như vậy.

Ví dụ khác: tháng tuất, ngày giáp tý, một người đến xin đoán về quan vận, được quẻ “tụ” của quẻ “tụng”.

“Thiên thủy tụng”			“Trạch địa tụ”		
Tử tôn	tuất thổ	O	Tử tôn	thìn thổ	“
Thê tài	thân kim	‘	Thê tài	dậu kim	‘ ứng
Huỳnh đệ	ngọ hoả	“ thế	Quan quý	hợi thủy	‘
Tử tôn	thìn thổ	O	Quan quý	tị hoả	“ thế
Phụ mẫu	dần mộc	“ ứng	Tử tôn	thìn thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Đoán quan vận, cần lấy hào “quan quý” là dụng thần nhưng trong quẻ chủ, không có hào quan quý.
2. Trong mệnh không có quan, khó được tử tôn thìn thổ phát động, biến ra một hào quan tinh sinh thế, trì thế.
3. Nay hào thế làm nguyệt khố. Nguyệt khố là “mộ khô” của tị hoá, cho nên không cát.
4. Hào thế tị hoả gặp ngày giáp tý, gặp thủy khắc hoả, không những không có quan, ngược lại còn có đại hung.
5. Thán tuổi “mộ khô”, ngày hội là “tuyệt”, tháng hội thủy vượng, khắc hoả, càng hung, phải phòng tháng hội gặp tai hoạ của quan.

Phán đoán như thế này, người xin đoán quẻ không phục, nói được cơ quan và cấp trên rất quan tâm và coi trọng, làm sao có thể có quan tại. Hậu quả là do người này đi con đường vùng trộm dút lút nên tháng hội, ngày hội bị bắt và bị tổng giam.

IX. PHẢN NGÂM CỦA QUẺ, HÀO

Quẻ có phản ngâm của quẻ, hào có phản ngâm của hào. Phản ngâm trên thực tế là hiện tượng quẻ biến thành xung khắc, hào biến thành xung khắc.

Phản ngâm của quẻ: có cần biến thành tốn, tốn biến thành cần; khảm biến ly, ly biến khảm; chấn biến đoài, đoài biến chấn; khôn biến cấn, cấn biến khôn; hai quẻ khôn cấn đều là thổ, vì sao mà tương xung? “Bốc phê chính tông” có nói: “Quẻ tọa khôn ở tây nam bên trái có thân, bên phải có mùi, quẻ đối nhau, có sừ mùi tương xung và dần thân tương xung”.

Phản ngâm của hào, như: tý biến thành ngọ, ngọ biến thành tý; sừ biến mùi, mùi biến sừ; tị biến hợi, hợi biến tị; thìn biến tuất, tuất biến thìn; phản ngâm của hào và phản ngâm của quẻ khác nhau ở chỗ là quẻ biến phản ngâm tức là quẻ biến tương khắc. Như cần biến tốn là kim khắc ngâm mộc, mà sáu hào trong quẻ tương hỗ với nhau, không nhất định là đều phải biến thành tương xung tương khắc. Phản ngâm của hào tức là quẻ và hào đều đồng thời biến thành tương xung tương khắc.

Ví dụ: “Khôn” biến thành “tốn”.

“Khôn vi địa”

Tử tôn	dậu kim	x thế
Thê tài	hợi thủy	x,
Huynh đệ	sừ thổ	“
Quan quý	mão mộc	x ứng
Phụ mẫu	tị hoả	x
Huynh đệ	mùi thổ	“

“Tốn vi mộc”

Quan quý	mão mộc,	‘ thế
Phụ mẫu	tị hoả	‘
Huynh đệ	mùi thổ	“
Tử tôn	dậu kim	‘ ứng
Thê tài	hợi thủy	‘
Huynh đệ	sừ thổ	“

Tượng quẻ này, tốn mộc khắc khôn thổ, ngũ hành của sáu hào đối ứng nhau đều tương xung hoặc tương khắc.

Phản ngâm của quẻ lại có quẻ ngoại phản ngâm, quẻ nội không biến; quẻ nội phản ngâm mà quẻ ngoại không biến.

Quẻ ngoại phản ngâm, quẻ nội không động như quẻ “sư” của “hoán”.

“Phong thủy hoán”

Phụ mẫu	mão mộc	O
Huynh đệ	tị hoả	O thế
Tử tôn	mùi thổ	“
Huynh đệ	ngọ hoả	“
Tử tôn	thìn thổ	‘ ứng
Phụ mẫu	dần mộc	“

“Địa thủy sư”

Thê tài	dậu kim	“ ứng
Quan quý	hợi thủy	“
Tử tôn	sừ thổ	“
Huynh đệ	ngọ hoả	“ thế
Tử tôn	thìn thổ	‘
Phụ mẫu	dần mộc	“

Quẻ này là quẻ ngoại động quẻ nội không biến động nên các hào của quẻ ngoại tương khắc, là quẻ ngoại phản ngâm. Quẻ nội phản ngâm quẻ ngoại không biến động như quẻ “thăng” của “khôn”.

“Khôn vi địa”

Tử tôn	dậu kim	“ thế
Thê tài	hợi thủy	“
Huynh đệ	sừ thổ	“
Quan quý	mão mộc	x ứng
Phụ mẫu	tị hoả	x
Huynh đệ	mùi thổ	“

“Địa phong thăng”

Tử tôn	dậu kim	“
Thê tài	hợi thủy	“
Huynh đệ	sừ thổ	“ thế
Tử tôn	dậu kim	‘
Thê tài	hợi thủy	‘
Huynh đệ	sừ thổ	“ ứng

Đây là quẻ nội động, quẻ ngoại không biến nên các quẻ của quẻ nội xung khắc lẫn nhau, là quẻ nội ngoại phản ngâm.

Không kể là phản ngâm của quẻ hay quẻ nội phản ngâm, hay quẻ ngoại phản ngâm chỉ là địa chỉ trong hào quẻ phát sinh xung khắc, không có quan hệ gì với lục thân. Khi quẻ biến, lục thân vẫn theo cách sắp xếp lục thân của quẻ chủ.

Phàm quẻ và hào đều gặp phản ngâm thì đó là điềm nội ngoại không yên. Quẻ ngoại phản ngâm thì ngoại không yên, quẻ nội phản ngâm thì nội không yên. Đoán sự liên quan hai bên, quẻ nội phản ngâm thì bên mình loạn mà bên kia ổn định. Quẻ ngoại phản ngâm thì bên kia loạn, bên mình ổn định. Nói tóm lại, phàm gặp chủ quẻ phản ngâm thì mọi điều không thuận. Nếu dụng thần hoá khắc trở lại, quẻ biến thành khắc là điềm rất hung.

Ví dụ: tháng mao ngày nhâm thân đoán đi nhận chức, được quẻ “tĩnh” của “ty”.

“Thủy địa ty”

Thê tài	tý thủy	“ ứng
Huynh đệ	tuất thổ	‘
Tử tôn	thân kim	“
Quan quý	mão mộc	x ứng
Phụ mẫu	tị hoả	x
Huynh đệ	mùi thổ	“

“Thủy phong tĩnh”

Thê tài	tý thủy	“
Huynh đệ	tuất thổ	‘ ứng
Tử tôn	thân kim	“
Tử tôn	dậu kim	‘
Thê tài	hợi thủy	‘ thế
Huynh đệ	sửu thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Hào thế quan quý là dụng thần
 2. Dụng thần mao mộc lâm nguyệt kiến, nhưng lại lâm nhật kiến thân kim nên khắc, nên xem cái khác.
 3. Dụng thần là hào động, hoá ra tử tônậu kim, mao mộc tương xung lại là kim khắc mộc, gọi là thế hoáậu kim, xung khắc trở lại, tượng này vô cùng hung hiểm.
 4. Tra xét lại hào động khắc phụ mẫu tị hoả, hoá ra hào hợi thủy, lại là tương xung tương khắc, tượng trở lại thủy hoả không dung hợp.
 5. Hào đầu mùi thổ và quẻ biến sửu thổ cũng là sửu mùi tương xung, hào ba quẻ nội, lần lượt đều là quan hệ tương xung, tương khắc, tạo thành “quẻ nội phản ngâm”.
 6. Nội quẻ phản ngâm là “nội bất ninh” là điềm không cát, nói tóm lại, quan này chưa làm đã bị bãi, cân nhắc thấy không đi nhận chức là hơn cả, sau vì công việc đi rồi quay về (ứng quẻ phản ngâm).
 7. Nhưng vì người này được làm quan là tri phủ, thực tế đã trọn vẹn nhưng vì chức quan béo bở còn mong nhận chức, đến tháng bảy, vì thành bị công phá nên chết vì nhậm chức.
 8. Người này tháng bảy thì thành bị phá nên chết, tại sao?
- Xin tính theo nhất chương trường sinh quyết, trường sinh quan quý mao mộc ở hợi, tý là mộc dục, sửu là quan đới... mùi là mộ, tháng bảy thân tuyệt, mao mộc không sinh. Cho nên chết vào tháng bảy.

Ví dụ: tháng mao ngày ất hợi, đoán việc thăng tuyền được quẻ “trung phù” của “lâm”.

“Địa trạch lâm”

Tử tôn	dậu kim	x
Thê tài	hợi thủy	x ứng
Huynh đệ	sửu thổ	“
Huynh đệ	sửu thổ	‘ thế
Quan quý	mão mộc	‘ thế
Phụ mẫu	tị hoả	‘

“Phong trạch trung phù”

Quan quý	mão mộc	‘
Phụ mẫu	tị hoả	‘
Huynh đệ	mùi thổ	“ thế
Huynh đệ	sửu thổ	“
Quan quý	mão mộc	‘
Phụ mẫu	tị hoả	‘ ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Quan quý mao mộc lâm thế là dụng thần.
2. Dụng thần hào thế quan quý lâm nguyệt kiến
3. Nhật kiến là đất của mao mộc trường sinh, nhất định có thể lên cao.
4. Động hào, một hào khắc thế, một hào sinh thế vô phương

5. Hai hào động, sau động biến quẻ ngoại tạo thành quẻ phản ngâm, quẻ ngoại phản ngâm; ngoài không an.

6. Người này tháng đó từ Giang Tây thẳng nhậm sang Sơn Đông, chưa được một năm, lại được điều trở về Giang Tây. Đó là vì quẻ ngoại phản, cho nên có việc đi rồi lại quay trở về.

Phục ngâm của quẻ, hào:

Phục ngâm của quẻ là quẻ biến, địa chi ngũ hành của sáu hào không biến. Quẻ có ba loại nội ngoại phục ngâm, quẻ ngoại phục ngâm và quẻ nội phục ngâm.

Quẻ nội ngoại phục ngâm có “cần” và “chấn”, “vô vọng” và “đại tráng”; các hào quẻ ấy từ tý dần thìn, ngọ thân tuất biến trở lại thành tý dần thìn, ngọ thân tuất.

Lấy hai quẻ “cần” và “chấn” biến đi lại làm ví dụ:

Quẻ “cần” kim			Quẻ “chấn” mộc		
Phụ mẫu	tuất thổ	O thế	Phụ mẫu	tuất thổ	“ thế
Huynh đệ	thân kim	O	Huynh đệ	thân kim	“
Quan quý	ngọ hoả	‘	Quan quý	ngọ hoả	‘
Phụ mẫu	thìn thổ	O ứng	Phụ mẫu	thìn thổ	“ ứng
Thê tài	dần mộc	O	Thê tài	dần mộc	“
Tử tôn	tý thủy	‘	Tử tôn	tý thủy	‘

Quẻ nội ngoại phục ngâm là địa chi, ngũ hành của sáu hào trong quẻ nội, ngoại không biến.

Quẻ ngoại phục ngâm có “hằng” và “cấu”, “độn” và “tiểu quá”, “quy muội” và “ly”, “phong” và “đồng nhân”, “tụng” và “giải”, “bĩ” và “dự”. Quẻ ngoại đó hổ biến, hào từ ngọ thân tuất biến trở lại thành ngọ thân tuất. Như hai quẻ “bĩ” và “dự”.

“Thiên địa bĩ”			“Lôi địa dự”		
Phụ mẫu	tuất thổ	O ứng	Phụ mẫu	tuất thổ	“
Huynh đệ	thân kim	O	Huynh đệ	thân kim	“ ứng
Quan quý	ngọ hoả	‘	Quan quý	ngọ hoả	‘
Thê tài	mão mộc	“ thế	Thê tài	mão mộc	“
Quan quý	tị hoả	“	Quan quý	tị hoả	“ ứng
Phụ mẫu	mùi thổ	“	Phụ mẫu	mùi thổ	“

Quẻ ngoại phục ngâm là quẻ ngoại biến động, địa chi ngũ hành khác không biến.

Quẻ nội phục ngâm có “truân” và “nhu”, “thái” và “phục”, “đại hữu” và “phệ hạp”, “tùy” và “quải”, “đại súc” và “di”, “tiểu súc” và “ích”. Ba hào trong quẻ nội từ tý, dần, thìn phục biến lặp lại là tý, dần, thìn.

Như: quẻ “tiểu súc” và quẻ “ích”.

“Phong thiên tiểu súc”			“Phong lôi ích”		
Huynh đệ	mão mộc	‘	Huynh đệ	mão mộc	‘ ứng
Tử tôn	tị hoả	‘	Tử tôn	tị hoả	‘
Thê tài	mùi thổ	“ ứng	Thê tài	mùi thổ	“
Thê tài	thìn thổ	O	Thê tài	thìn thổ	“ thế
Huynh đệ	dần mộc	O	Huynh đệ	dần mộc	“
Phụ mẫu	tý thủy	‘ thế	Phụ mẫu	tý thủy	‘

Quẻ nội phục lệnh là quẻ nội biến, địa chi ngũ hành khác không biến.

Quẻ phục ngâm, sự biến hoá lục thân của nó vẫn sắp xếp theo phương pháp lục thân của quẻ chủ.

Quẻ chủ phục ngâm, đều chu về tượng lo lắng, rên xiết. Quẻ nội phục ngâm là sự lo lắng ở quẻ nội, quẻ ngoại phục ngâm thì sự lo lắng ở quẻ ngoại, cả nội ngoại phục ngâm là lo lắng ở cả quẻ nội và quẻ ngoại, phàm gặp quẻ như thế này thì đều không vừa lòng như ý. Đoán tình hình về các bên, quẻ nội phục ngâm thì lòng mình không vui, quẻ ngoại phục ngâm thì lòng người không yên. Muốn biến cát hung, phải xem dụng thần sinh khắc và xem kỹ dụng thần, kỵ thần phục ngâm.

Ví dụ: tháng thân ngày ất mão, đoán khi giặc đến nên lánh ở đâu, được quẻ “đại trắng” của “vô vọng”.

“Thiên lôi vô vọng”

Thê tài	tuất thổ	O
Quan quý	thân kim	O
Tử tôn	ngọ hoả	‘ thế
Thê tài	thìn thổ	x
Huynh đệ	dần mộc	x
Phụ mẫu	tý thủy	‘ ứng

“Lôi thiên đại trắng”

Thê tài	tuất thổ	“
Quan quý	thân kim	“
Tử tôn	ngọ hoả	‘ thế
Thê tài	thìn thổ	‘
Huynh đệ	mão mộc	‘
Phụ mẫu	tý thủy	‘ ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Tử tôn ngọ hoả trì thế, hào thế là dụng thần.
2. Quẻ gặp nội ngoại phục ngâm, lo lắng chồng chất.
3. Hào ứng tý thủy là phụ mẫu, được nguyệt kiến sinh ra, có thể thấy phụ mẫu bình yên.
4. Nhật kiến sinh thế, bản thân cũng bình yên.
5. Huynh đệ dần mộc phục ngâm, lại gặp nguyệt kiến khắc, gặp nạn nguyệt phá, huynh đệ có hung nguy.
6. Phụ mẫu lánh ở phía tây bắc, bản thân ở phía đông, đều vì có sinh mà vô sự.
7. Em trai vì nhớ cha mẹ, dọc đường đi thăm, quả nhiên gặp hại.

Ví dụ: tháng thân, ngày giáp ngọ, đoán bố ở xa có bình yên không, được quẻ “hằng” của “cầu”.

“Thiên phong cầu”

Phụ mẫu	tuất thổ	O
Huynh đệ	thân kim	O
Quan quý	ngọ hoả	‘ ứng
Huynh đệ	dậu kim	‘
Tử tôn	hợi thủy	‘
Phụ mẫu	sửu thổ	“ thế

“Lôi phong hằng”

Phụ mẫu	tuất thổ	“ ứng
Huynh đệ	thân kim	“
Quan quý	ngọ hoả	‘
Huynh đệ	dậu kim	‘ thế
Tử tôn	hợi thủy	‘
Phụ mẫu	sửu thổ	‘

Phân tích tượng quẻ:

1. Xác định dụng thần: hào phụ mẫu tuất thổ là dụng thần, hào đầu trong quẻ và hào sáu thượng đều là hào phụ mẫu tuất thổ, “dụng thần song sinh”, dùng động không lấy tĩnh, lấy vượng không lấy suy cho nên dụng thần quẻ này là hào sáu thượng của quẻ ngoại.
2. Quẻ ngoại phục ngâm, bố ở xa không yên tĩnh, cục thế nơi xa không ổn định.
3. Dụng thần được nhật kiến sinh nên ông bố bình yên vô sự.

Ví dụ: tháng dần ngày ất mão, ở xa đoán vợ ở nhà có bình yên không, được quẻ “càn” của vô vọng:

“Thiên lôi vô vọng”

Thê tài	tuất thổ	‘
Quan quý	thân kim	‘

“Càn vi thiên”

Thê tài	tuất thổ	‘ thế
Quan quý	thân kim	‘

Tử tôn	ngọ hoả	‘ thế	Tử tôn	ngọ hoả	‘
Thê tài	thìn thổ	x	Thê tài	thìn thổ	‘ ứng
Huỳnh đệ	dần mộc	x	Huỳnh đệ	dần mộc	‘ ứng
Phụ mẫu	tý thủy	‘ ứng	Phụ mẫu	tý thủy	‘

Phân tích tượng quẻ:

1. Xác định dụng thần: hào ba thê tài thìn thổ, hào sáu thê tài tuất thổ, “dụng thần lưỡng quan” lấy hào động, lấy hào ba thê tài thìn thổ làm dụng thần.
2. Quẻ nội phục ngâm, nội không yên.
3. Nguyệt kiến là dần. Dần mộc khắc thổ, khắc dụng thần.
4. Nhật kiến là mao. Mao mộc khắc thổ, khắc dụng thần.
5. Hào động dần mộc; dần mộc lại khắc dụng thần thìn thổ.
6. Thê tài gặp hung khắc, tất phải có nguy nan.
7. Về sau người vợ chết vào tháng thìn; ứng tháng thìn, thìn là tháng phục ngâm.

X. ĐOÁN Ý NGƯỜI ĐẾN (XIN ĐOÁN) ĐỂ THAM KHẢO

Đoán ý của người đến (xin đoán) là sau khi lập quẻ, căn cứ vào sáu hào để dự đoán xem người ấy đến xin bói về việc gì. Chúng ta lấy bát quái để đoán việc, phải hiểu ý của người đến. Điều này rất khó biết. Nhìn chung, thường thường sau khi lập quẻ, thầy xem quẻ hỏi người đến muốn đoán về việc gì, sau đó chọn lấy dụng thần rồi mới làm việc phán đoán. Nhưng có lúc, người đến lại hỏi lại: “Thầy xem nên đoán việc gì?. Người cao tay thì trả lời được, nhưng số đông không trả lời được. Không trả lời được cũng là bình thường thôi. Người ta có muôn nghìn việc, ai biết được cần hỏi việc gì. Người đến hỏi ngược lại cũng là tâm lý bình thường.

Đoán ý người đến xin đoán sách bói cổ xưa tuy có bàn đến, nhưng kinh nghiệm hoàn chỉnh thì chưa nhiều, nay xin đưa chương “làm sao biết được” “Hà tri chương” trong “Bốc phệ chính tông” sao chép lại để các bạn đọc tham khảo:

Chương “hà tri” (“Làm sao biết được”).

Làm sao biết được

Nhà họ bố mẹ ốm, bởi vì bạch hổ lâm hào lại thêm hình, khắc.

Bố mẹ gặp tai ương - hào thê tài phát động lại có hung thần sát.

Có con cháu - thanh long lâm hào tử tôn.

Không có con cháu - Sáu hào đều không thấy phúc thần (tử tôn) lâm.

Con cháu ốm - Hào phụ mẫu phát động lại tương khắc.

Con cháu gặp tai nạn - Bạch hổ đương lâm phúc đức (tử tôn).

Con nhỏ chết - Hào tử tôn không vong lại thêm bạch hổ.

Anh em chết - Dụng thần rồi tuần không vong lại gặp bạch hổ

tương khắc.

Vợ gặp tai nạn - Bạch hổ lâm hào huỳnh đệ động nên khắc thê tài.

Vợ có mang - Thanh long thê tài lâm, thiên hỷ thần.

Có thê thiếp - Hai quẻ nội ngoại đều có thê tài vượng tương.

Vợ chết - Hào thê tài lạc không vong lại lâm quan quỷ.

Thôi kiện - Hào quan quỷ có không vong lại có hữu tù.

Gặp lăm kiện tụng - Chu tước, bạch, hổ, trì thế lại được quan quỷ phù

trợ.

Nhiều con trai - Lục thần vượng khí lại có cát thần lâm.

Có thêm người	- Thanh long đắc vị lại đóng lại ở hào tài.
Giàu có lớn	- hào tài vượng tướng lại đóng ở khố.
Thêm ruộng đất	- Câu trần nhập địa tử tôn lâm.
Được lời	- Thanh long ở ngoại quẻ lại gặp tài phúc.
An nên làm ra	- Thanh long lâm tài hào vượng tướng.
Gặp tin vui	- Thanh long, phúc đức tại môn đình.
Được phú, quý, tốt lành	- Lâm tài vượng tướng, phúc có thanh long.
Quá nghèo hèn	- Hào tài gặp hao tinh, lại rơi vào hưu tù.
Không chỗ nương tựa	- Phúc đức rơi vào không vong, tử tuyệt
Bếp bị phá	- Huyền vũ gặp hai hào quan quỷ ở hưu tù.
Bị thủng nồi niêu	- Thủy hào huyền vũ quan quỷ lâm.
Có nhà ở mới	- Phụ mẫu vượng tướng lại gặp thanh long.
Nhà ở rách nát	- Bạch hổ lâm hào phụ mẫu hưu tù.
Mộ có kết	- Tồn ly không vong gặp bạch hổ.
Mộ có nước	- Bạch hổ không vong lại lâm tử huyệt.
Có hương hoả, thờ cúng	- Sáu hào không thấy có hoả.
Chỗ ở không tốt về phong thủy	- Sáu hào không thấy có thủy.
Có hai bếp	- Trong quẻ hai hào hoả cùng xuất hiện.
Không thờ cúng Phật	- Quan quỷ đóng kim lạc không vong.
Hai họ chung một nhà	- Quẻ có quan quỷ đều vượng tướng.
Một nhà có hai họ	- Hai hào phụ mẫu trong một quẻ.
Gà loạn gáy	- Có đăng xà nhập hào dậu.
Chó sửa lung tung	- Đăng xà nhập tuất lại gặp quan quỷ.
Đang cãi cọ	- Quan quỷ trì thế lại gặp chu tước.
Sắp có tai tiếng	- Chu tước lâm mộ hào.
Hay tranh giành	- Huynh đệ ở trì thế, ứng, chu tước lâm.
Sinh ra người hư	- Quan quỷ động lâm thân gặp huyền vũ.
Gặp tai hoạ	- Quan quỷ trì ứng khắc thế.
Có người mắc đạu mùa	- Hoả hào gặp đăng xà.
Có người ốm sắp chết	- Dụng thần vô cứu lại nhập mộ.
Hay mộng寐	- Quan quỷ trì thế gặp đăng xà.
Có quỷ quái	- Đăng xà bạch hổ lâm môn.
Có người trầm mình	- Quan quỷ thủy hào gặp huyền vũ.
Có người thất cổ	- Quan quỷ mộ từ hào thế gặp đăng xà.
Có việc hiếu	- Hào quan quỷ bạch hổ lâm.
Bị thất thoát (mất mát)	- Quan quỷ ứng hào vượng tướng gặp huyền vũ.
Mất quần áo	- Tài hào có câu trần hoặc huyền vũ lâm.
Mất gia súc	- Quan quỷ có bạch hổ lâm.
Mất trâu bò	- Quan quỷ sửu thổ ngũ hào lạc không vong.
Mất gà	- Sơ hào quan quỷ gặp huyền vũ.
Không có lợn trâu	- Sửu hợi không vong.
Không có gà chó	- Hai hào dậu tuất không vong.
Nhà ở không yên	- Sáu hào loạn động.

Tiên nhân tạo xuất hà tri chương, lưu dữ hậu nhân túc phạn nang. Hoạ phúc cát hung chân hữu nghiệm, thời sư cú cú tế suy tường.

(Tiền nhân nghĩ ra bao điều, lưu lại người sau làm cẩm nang hoạ phúc cát hung đều có nghiệm, bốc sư nhớ kỹ để suy cho rõ).

XI. VỀ XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM

“Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp”. Cát hung đối với quốc gia có quan hệ đến đại sự sinh tử tồn vong, đối với một đơn vị thì có quan hệ đến đại sự hưng suy, đối với một con người thì có quan hệ đến tiền đồ và vận mệnh của từng người.

Mọi việc ở đời đều có cát, có hung. Chúng ta dự đoán thông tin cát hung, khâu quan trọng nhất là xác định đúng thời gian việc cát đến và việc hung phát sinh. Thời gian này gọi là ứng kỳ (thời gian ứng nghiệm). Xác định thời gian ứng nghiệm là giai đoạn cuối cùng của việc dự đoán mọi thông tin, cũng là tiêu chí quan trọng có quan hệ đến dự đoán thông tin thành công hay không.

Xác định thời gian ứng nghiệm cát hung, từ xưa đến nay, đều được các nhà dự đoán “Chu dịch” rất coi trọng, nghiêm túc nghiên cứu và không ngừng tổng kết kinh nghiệm để đẩy mạnh bát quái dự đoán thông tin phát triển hơn nữa. Chúng ta, những người kế tục, một mặt phải ra sức học tập kinh nghiệm của tiền nhân, một mặt trong thực tiễn phải không ngừng tổng kết kinh nghiệm để tiến lên nữa.

Cách xác định thời gian ứng nghiệm bằng dự đoán theo sáu hào có rất nhiều và khá phức tạp, hơn nữa các loại sự việc, tình huống lại có cách xác định thời gian ứng nghiệm rất khác nhau. Xin giới thiệu dưới đây mấy cách để bạn đọc tham khảo:

1. Thời gian ứng nghiệm của sinh, khắc:

Trong quẻ, sáu hào phối hợp với lục thần, lục thần dùng để chọn dụng thần, hào thể là bản thân mình, hào ứng là người khác, dụng thần là sự việc phải đoán xác định thời gian ứng nghiệm của sự việc định đoán, chủ yếu lấy hào thể, dụng thần làm chủ, xem hào nào sinh thể, sinh dụng. Đoán về sự việc cát hung thì hào thể dụng thần phù hợp với sinh, không phù hợp với thì khắc; sinh thì cát, khắc thì hung. Nguyên thần gặp đất trường sinh để vượng mà sinh hợp với hào thể dụng thần, phúc lộc tăng gấp bội; kỵ thần gặp đất trường sinh để vượng nên khắc hào thể dụng thần, tai hoạ đến không nhỏ.

Thời gian ứng nghiệm của sinh thể, sinh dụng:

Về đoán việc vui là hào thể và dụng thần hợp với hỷ lâm nhật, nguyệt kiến hào động, hoá sinh trở lại; cách xác định thời gian ứng nghiệm: tự đoán bệnh cho mình như lấy hào thể sửu thổ làm dụng thần; tị hoả, ngọ hoả làm nguyên thần, có thể xác định thời gian tị ngọ hoả sinh sửu thổ, là thời gian ứng nghiệm bệnh khỏi. Nếu nguyên thần tị ngọ bị hợp thuỷ khắc thì phải đợi lúc xung mất hợp tị thuỷ hoặc hợp tị thuỷ nhập khố, mới là thời gian ứng nghiệm khỏi bệnh. Nếu tị ngọ hoả tuần không nguyệt phá, thì phải đợi lúc xuất không điền không là thực gặp hợp, là thời gian ứng nghiệm bệnh khỏi. Nếu tị ngọ tham hợp vong sinh thì phải đợi lúc gặp xung là thời gian ứng nghiệm; nếu tị hoả nhập khố, hoá khố thì đợi lúc xung là thời gian ứng nghiệm; nếu nguyên thần tị ngọ hoả không xuất hiện thì đợi lúc nó xuất hiện là thời gian ứng nghiệm; nếu nguyên thần tị ngọ tĩn mà không động, thì sau đó đến lúc gặp tị ngọ mới là thời gian ứng nghiệm.

Thời gian ứng nghiệm của khắc thể, khắc dụng:

Đoán việc cát hung, khắc thể và khắc dụng là hung. Nhưng không thể nhất luật coi khắc thể, khắc dụng đều là hung. Nhất thiết phải xem đoán việc gì. Như đoán người đi xa ngày nào trở về thì có kinh nghiệm quý báu là “dụng thần” khắc thể thì người sẽ trở về ngày.

Hễ khắc thể, khắc dụng là kỵ thần như thể dụng là mộc, kỵ thần tất phải là kim của thân dậu cho nên tất phải ở vào thời điểm thân dậu sẽ phát sinh ứng nghiệm hung tai. Như

đoán bệnh thì hào thế là mao mộc, thân kim là kỵ thần, tất sẽ lâm ngày tháng thân dậu, là ứng nghiệm bị khắc. Nếu thân dậu phối với kỵ thần, được cừu thần nhật, nguyệt, vào động sinh, lúc sinh là ứng nghiệm bị khắc. Nếu thân dậu gặp tuần không, nguyệt phá, phải đợi lúc xuất sinh, lúc lâm trường sinh là ứng nghiệm bị khắc. Nếu kỵ thần thân kim hoá dậu kim, lúc lâm dậu kim sẽ là ứng nghiệm bị khắc. Kỵ thần hoá thoài kỵ xung, dậu kim động mà hoá thân, gặp dần xung động mà ứng, cũng có gặp thân mà ứng. Tóm lại, đoán sự việc hung nguy, thích nghi kỵ thần, gặp khố, nhập khố, hóa khố, gặp hưu tù tử địa, hoá thoái, hoá tuyệt, hoá tử, hoá hợp là tốt.

2. Thời gian ứng nghiệm của tuần không:

Tuần không có cát, có hung. Hễ đoán cát hung, gặp hào thế dụng thần là tuần không thì việc cát vào giờ, ngày, tháng, năm xuất không, thực sự mới thành ứng; việc hung phải vào giờ, ngày, tháng, năm xuất không, thực sự tai nạn đến.

Ví như: đoán cầu tài trong tuần giáp Thìn, được hào tài dần mao mộc là dụng thần, phải vào ngày dần mao xuất không mới có thể được tài; Ví như đoán bệnh tật, việc hung, dần mao là kỵ thần, phải vào ngày xuất không, tất sẽ có tai họa đến.

Dụng thần tuần không phát động, đến ngày trực xuất không, việc mới thành. Dụng thần động lại gặp tuần không, hoá không, phải đợi kỳ xung khai mới ứng cát hung. Dụng thần tuần không mà gặp khắc, phải đợi kỳ xuất không hoặc chế sát thì mới ứng cát hung. Dụng thần tuần không mà nhập khố, phải đợi kỳ xung khố mới ứng cát hung.

3. Thời gian ứng nghiệm của phù hợp

Phù hợp có sự phân chia ra tam hợp lục hợp. Phàm đoán việc vui thì hay nhất là tam hợp, lục hợp. Đoán về lo ngại, hoạn nạn, xuất hành, người đi xa, không nên gặp phù hợp, lo ngại, hoạn nạn gặp phù hợp thì khó giải ra, khó kết lại. Xuất hành, người đi xa gặp phù hợp thì vướng vấp, động mà không động, quay về mà bị níu lại. Tam hợp, lục hợp, sinh hợp hào thế, hào dụng là cát, khắc xung hào thế là hung. Nguyên thần, dụng thần nhập cục là cát; kỵ thần cừu thần nhập cục là hung. Cho nên tam hợp, lục hợp có cát, có hung.

Tam hợp là loại thân tý Thìn hợp thủy cục. khi dự đoán, nếu hôm đó trong quẻ dụng thần hoặc động mà thành tam hợp cục, hoặc lâm nguyệt, nhật mà thành tam hợp cục toàn, thì lấy ngày hôm đó ứng nghiệm cát hung. Trong tam hợp cục có một hào xung phá thì phải đợi lúc phù hợp ứng nghiệm cát hung. Nếu một hào tĩnh, hai hào phát động thì phải đợi ngày trực của hào tĩnh mới ứng cát hung. Đợi hào tĩnh mà gặp tuần không hoặc động mà hoá tuần không, phải đợi lúc xuất không mới ứng cát hung của sự việc. Nếu tuần không mà gặp hợp, hào tĩnh mà gặp hợp, phải đợi, lúc xung sẽ ứng cát hung của sự việc. Tam hợp tự hợp hay hợp với nguyệt, nhật, phải đợi lúc xung hợp mới ứng cát hung của sự việc. Nếu nhập khố hoặc động mà hóa khố, phải đợi lúc xung khố, mới ứng cát hung. Nếu hoá tuyệt hoặc có một hào tuyệt, phải đợi lúc sinh vượng, mới cát hung ở trong

Chú ý: phải có hào thế, hào dụng ở trong cục hoặc cục sinh hợp thế, hào dụng mới là tốt, cục khắc thế hào dụng là xấu.

Lục hợp là loại tý hợp với Sửu. Nếu dụng thần lâm mao phát động, sau khi gặp mao thì giờ xuất là ứng nghiệm.

4. Thời gian ứng nghiệm của phù xung:

Phù xung chỉ là lục xung. Phàm việc vui không thích xung, xung phải là tán. Phàm hoạn nạn kiện tụng, lo buồn thì thích xung, xung thì sẽ tán, tán là cát. Mới bệnh gặp xung thì khỏi, bệnh lâu gặp xung sẽ chết.

Dụng thần gặp xung, lúc phù hợp thì ứng nghiệm cát hung của sự việc. Dụng thần bị xung tuần không, lúc xuất không mới thực là ứng nghiệm cát hung của sự việc. Nếu dụng thần là dẫn bất động sau gặp ngày, tháng dần, thân là việc ứng nghiệm.

5. Thời gian ứng nghiệm của tam hình:

Tam hình chủ về việc hung tai hoạ hoạn, gặp phải nó thì hoạ nạn không nhẹ. Tam hào có hai hào tương hình (phạt), cũng có ba hào tương hình. Nếu dần hình tị, tị hình thân, thân hình dần; tý hình mao, mao hình tý v.v... Như thế gọi là hai hào tương hình. Dần, tị, thân đều toàn (đầy đủ) và một tý hình ba mao, ba mao hình một tý, là ba hào tương hình.

Hai thế, dụng thần gặp hình, lúc trực nhật là thời gian ứng nghiệm việc hung. Ba hào có một hào tuần không, lúc xuất không mới thực là ứng nghiệm của việc hung. Ba hào có một hào nhập khố, lúc xung khố là thời gian ứng nghiệm của việc hung. Ba hào có một hưu tù, lúc gặp sinh vượng là thời gian ứng nghiệm của việc hung v.v...

Chương 9

ĐI SÂU TÌM HIỂU TRI THỨC ĐOÁN QUẢ

Có người nói: “Âm dương bát quái định càn khôn, sáu hào kim tiền đoán như thần; trên đoán trời, dưới đoán đất, thiên hạ cát hung trong quẻ đều rõ”.

Qua học tập 8 chương trước, chúng ta đã nắm đầy đủ cơ sở đoán quẻ trong ví dụ thực tế. Bây giờ chúng ta đi vào nắm lấy khâu cuối cùng là học tập, nghiên cứu tri thức về đoán quẻ.

Tiết 1. DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT

I. Càn là dương, là trời, khôn là âm là đất; càn là cha, khôn là mẹ; âm dương tương hợp sẽ hoá sinh vạn vật, cho nên nói trời đất là mẹ của vạn vật. Khi dự đoán thời tiết, chúng ta lấy lục thân làm chủ mà chọn dụng thần.

Hào phụ mẫu chủ về mưa:

Hào phụ mẫu bốn mùa chủ về mưa, không có ý là nói trong quẻ chỉ cần thấy hào phụ mẫu là có mưa hoặc là trong quẻ không có hào phụ mẫu là không có mưa. Hào phụ mẫu chủ về mưa là phải có điều kiện.

“Tăng san bốc dịch” có nói: Đoán mưa thì phải có hào phụ mẫu động”, “động là nhuần nhĩ tám phương”, hào phụ mẫu là trời đất, yên tĩnh chủ về tạnh nắng, động phải có biến, biến thì có mây dày mù đặc, nhật nguyệt che khuất, tất sắp có mưa. Hào tử tôn chủ về tạnh nắng, hào phụ mẫu khắc hào tử tôn, động mà khắc tử tôn, “chủ về tạnh nắng” mà bị khắc, tất nhiên là chủ về mưa.

Hào phụ mẫu động, có chia ra minh động, ám động; minh ám động đều chủ về mưa. Hào phụ mẫu chủ mưa, có hào phụ mẫu trực tuần không, hết không tất sẽ có mưa; hào phụ mẫu nhập khố lúc xung khai thì mưa; hào phụ mẫu, quan quỷ tĩnh mà gặp không, nhật kiến xung thì mưa; hào phụ mẫu động lại gặp nhật nguyệt, hào động sinh phù thì có mưa to; hào phụ mẫu hóa hào huynh đệ thì có mưa khác thường.

Hào phụ mẫu suy yếu, hào quan quỷ động thì mưa ít, mây dày; vừa tạnh vừa mưa, chắc là mẫu tử cùng động, trước sấm chớp sau mưa, tất là quỷ động xung khai hợp phụ mẫu.

Đoán mưa, phụ mẫu tuần không, ngày giờ xung khắc thì xung không không còn là không, đến trực nhật sẽ mưa. Tam hợp phụ cục chủ về mưa, hai hào phụ mẫu, huynh đệ đế vượng thì mùa đông có gió, chủ về điểm tuyết bay. Sương tuyết băng giá là khi ngưng đọng, mưa đọng hạt, cho nên hào phụ mẫu cũng chủ về sương tuyết băng giá.

Hào phụ mẫu chủ về mưa nhưng gặp những tình huống dưới đây sẽ không mưa: Ví như hào phụ mẫu hưu tù bất động – không có mưa. Hào phụ mẫu hoá thoái. Mưa không lâu tất

tạnh. Hào phụ mẫu nhập khố, động mà hoá khố, chủ về tạnh nắng; phụ mẫu hào hoá tử tôn. Mưa xong tạnh ráo. Hào phụ mẫu tính không có phù trợ – hạn hán sẽ xảy ra; Hào phụ mẫu – khắc bởi thê tài không mưa.

Đoán trời mưa, gặp tài hưng tử động – phải đợi đến ngày tài nhập khố, hoặc ngày tuyệt mới có mưa.

Thí dụ cổ:

Giờ Mão, ngày giáp tuất, tháng tị xem đến ngày nào có mưa. Được quẻ “lữ” từ quẻ “tiểu quá”.

“Lôi sơn tiểu quá”			“Hoả sơn lữ”		
Phụ mẫu	tuất thổ	x	Quan quỷ	tị hoả	‘
Huynh đệ	thân kim	“	Phụ mẫu	mùi thổ	“
Quan quỷ	ngọ hoả	‘ thế	Huynh đệ	dậu kim	‘ ứng
Huynh đệ	thân kim	‘	Huynh đệ	thân kim	‘
Quan quỷ	ngọ hoả	“	Quan quỷ	ngọ hoả	“
Phụ mẫu	thìn thổ	‘ ứng	Phụ mẫu	thìn thổ	thế

Phân tích tượng quẻ:

1. Tuất thổ phụ mẫu là dụng thân
2. Phụ mẫu lâm nhật kiến lại động.
3. Phụ mẫu động hoá nguyệt kiến tị hoà, hồi đầu sinh.
4. Giờ thìn ngày hôm nay – Không những có mưa lớn mà còn có sấm sét. Sau đó, quả nhiên đến giờ thìn đây tỵ mưa gió sấm chớp ầm ầm.

5. Ứng vào giờ thìn: vì thìn tuất tương xung, ứng có sấm sét; vì tuất hoà thành tị hoả; chính là phụ quỷ đồng hưng. Cho nên vừa có sấm sét vừa có mưa. Mưa và sấm sét đồng thời xảy ra.

Thí dụ ngày nay:

Ngày 16/9/1983, Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ V khai mạc tại Thượng Hải. Vào ngày 14 (tức ngày đính mùi, tháng 8 âm lịch) thầy Thiệu Vĩ Hoa đã xem và đoán thời tiết của Thượng Hải. Được quẻ “phong” từ quẻ “cách” và đoán rằng: - Chắc chắn ngày 16/9 ở Thượng Hải sẽ có mưa. Đại hội Thể thao toàn quốc không thể khai mạc đúng giờ. Trong khi đó, tối 15/9, đài Trung ương lại dự báo Thượng Hải nắng. Sau đó đúng ngày 16/9 ở Thượng Hải có mưa rất lớn. Đại hội Thể thao toàn quốc phải hoãn lễ khai mạc.

Quẻ tượng là:

“Trạch hoả cách” thuộc thủy			“Lôi hoả phong” thuộc thủy		
Quan quỷ	mùi thổ	“	Quan quỷ	tuất thổ	“
Phụ mẫu	dậu kim	O	Phụ mẫu	thân kim	“ thế
Huynh đệ	hợi thủy	‘ thế	Thê tài	ngọ hoả	‘
Huynh đệ	hợi thủy	‘	Huynh đệ	hợi thủy	‘
Quan quỷ	sửu thổ	“	Quan quỷ	sửu thổ	“ ứng
Tử tôn	mão mộc	‘ ứng	Tử tôn	mão mộc	‘

Phân tích tượng quẻ:

1. Phụ mẫu đa chủ về tứ thời có mưa, phụ mẫuậu kim là động hào – là dụng thần; phụ mẫu động hào tức là có mưa.
2. Chỉ cần xem hào phụ mẫu – dậu kim biến thành thân kim – có tượng hoá thoái.
3. Tháng 8 là tháng tân dậu – hào phụ mẫu lâm nguyệt kiến – rõ ràng là vượng.

4. Ngày 16/9 là ngày đính mùi âm lịch, thổ sinh kim – hào phụ mẫu được nhật kiến sinh phù càng tỏ ra vượng khí.

5. Trong cuốn “Tăng san bốc dịch” có nói “phụ mẫu đa vượng mà động, chắc có mưa lớn” cho nên đoán rằng ngày 16/9/1983 sẽ có mưa to.

II. TỬ TÔN CHỦ TẠNH

Trong “Hoàng kim sách” có nói: “Nhật thần chủ nhất nhật chi âm tình, tử tôn quản cửu thiên chi nhật nguyệt”.

(Nghĩa là: ngày chủ về râm tạnh một ngày, tử tôn quản mặt trăng mặt trời của 9 tầng không).

Trong “Tăng san bốc dịch” cũng có câu:

“Tử tôn là tinh đầu của mặt trời – mặt trăng, động thì vạn lý thanh quang”. Nhật nguyệt tinh đầu chính là ánh sáng. Nếu vượng tướng thì ánh sáng vô hạn, nếu suy là ảm đạm. Nếu vào khố và tuyệt thì tối sẫm – là một màu đen bao phủ. Tử tôn trì thế lại động – thì mặt trời rực rỡ giữa bầu trời vạn dặm không mây! Tử tôn hào hoá tiến thần – trời xanh biếc như rửa sạch lâu. Tử tôn thê tài là chủ tạnh ráo; Hào tử tôn tĩn mạ lại gặp không bị nhất tiến xung khắc – Chủ về tạnh ráo. Tử tôn có phục thần về thê tài chủ về quang đăng, không mưa. Nếu tử tôn ứng mà động trời xanh biếc không gợn mây. Tử tôn ở tam hợp cục chủ tạnh ráo. Tử tôn hưu tù hoặc không hoặc xuất hiện mà không động, tất có nắng to. Hơn nữa lại có phù vân sương mỏng, tử tôn hưu tù gặp không hoặc phục thần. Đó là biểu hiện của trời râm tạnh. Nếu mưa mà gặp phúc thần thì có sấm chớp, hẳn có cầu vồng.

Tượng quẻ khi có mưa mà gặp được hào tử tôn động, nếu không có chớp giạt thì cũng có cầu vồng. Huynh đệ hoà tử tôn, thì vân khai nhập xuất – mây quang trời nắng, tử tôn huynh đệ đều động – đó là báo hiệu của sấm động – của cầu vồng.

Thí dụ cổ:

Ngày giáp ngọ tháng Mão – đoán tạnh được quẻ “quải” từ quẻ “tráng”

“Lôi thiên đại tráng”

“Trạch thiên quải”

Huynh đệ	tuất thổ	“	Huynh đệ	mùi thổ	“
Tử tôn	thân kim	x	Tử tôn	dậu kim	‘ thế
Phụ mẫu	ngọ hỏa	‘ thế	Thê tài	hợi thủy	‘
Huynh đệ	thìn thổ	‘	Huynh đệ	thìn thổ	‘
Quan quý	dần mộc	‘	Quan quý	dần mộc	‘ ứng
Thê tài	tý thủy	‘ ứng	Thê tài	tý thủy	‘

Phân tích tượng quẻ:

1. Tử tôn thân kim là dụng thần. Động mà hoá đậu kim – là hóa thành tiến thần.

2. Hào tử tôn động. Được nhật nguyệt sinh phù

3. Ngày thân đậu, nghìn dặm trời quang.

Thí dụ cổ:

Vì mưa liên miên nên ngày ất mao, tháng ngọ xem một quẻ để biết ngày nào là ngày nắng, được quẻ “cấn” từ quẻ “minh di”.

“Địa hỏa minh di”

“Cấn vi sơn”

Phụ mẫu	dậu kim	x	Tử tôn	dần mộc	‘ thế
Huynh đệ	hợi thủy	“	Huynh đệ	tý thủy	“
Quan quý	sửu thổ	“ thế	Quan quý	tuất thổ	“
Huynh đệ	hợi thủy	‘	Phụ mẫu	thân kim	‘

Quan quỷ	sửu thổ	“	Thê tài	ngọ hoả	“
Tử tôn	mão mộc	O ứng	Quan quỷ	thìn thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Vì mưa nhiều ngày, trước tiên phải xem “hào mưa” – hào phụ mẫu dậu kim có khí tượng như thế nào? “Thượng lục hào động hoá hào tử tôn, hào tử tôn là dương, là mặt trời” (Lời đoán cũ: ngày hôm nay giờ Dậu sẽ nhìn thấy mặt trời) ứng vào giờ dậu, giờ dậu hoá mộc. Ở giờ dậu, tử tôn được nhật kiến giúp sức, cho nên giờ dậu nhìn thấy mặt trời.

2. “Hoàng kim sách” có nói: “Mẫu hoá tử tôn vũ hậu trường hồng thùy đế đông” (nghĩa là: hào phụ mẫu hoá tử tôn thì sau mưa sẽ có một cầu vồng dài rủ xuống chân trời) “Đệ liên phúc đức” tức là huynh đệ liên với tử tôn thì mặt trời mặt trăng ra khỏi đám mây như một tấm gương “Mặt trời, mặt trăng, cầu vồng” đều thuộc tử tôn. Nếu như gặp hào phụ mẫu hoá thành tử tôn thì sau mưa tất sẽ có cầu vồng.

3. Sau đó, quả nhiên, vào giờ Dậu thì thấy mặt trời hồng nhô ra thì lặn xuống, màu sắc rực rỡ như cầu vồng. Trên đây chúng tôi đã nói: Tượng quẻ sẽ có mưa, mà hào tử tôn bất động sẽ không có chớp thì sẽ có cầu vồng hoặc ráng mây hồng xuất hiện.

4. Hào tử tôn động, hoá quan quỷ thìn thổ. Mão chính là ngày hôm nay. Thìn là ngày mai, tử tôn bị nhật kiến, thìn thổ khắc, tức là sang “quan quỷ” thìn thổ được ngày mai là thìn thổ nhật kiến tương phù thì rõ là vượng tướng. Cho nên ngày mai trời râm không mưa.

III. HÀO THÊ TÀI – CHỦ VỀ TẠNH

Trong “Hoàng kim sách” có câu “thê tài phát động thì tám phương đều được ngấm trời quang”. “Tăng san bốc dịch” lại có câu: “nếu xem trời mưa thì phải xem hào phụ mẫu động. Nếu xem trời tạnh thì xem hào tài động” và “thê tài chủ về trong sáng trời quang đăng”. Nếu nói theo lục thân, thì hào thê tài khắc hào phụ mẫu nay phụ mẫu chủ về mưa lại bị khắc, đương nhiên là không có mưa, chủ về tạnh ráo.

Hào tài động chủ tạnh, minh động, âm động đều chủ tạnh; tài động khắc phụ mẫu sinh ra thế chủ về tạnh, tài động khắc phụ mẫu sinh phù tử tôn, chủ về tạnh. Tài động, tài vượng lại gặp nhật nguyệt hào động tương sinh chủ về hạn hạn. Tam hợp cục, hợp tài sẽ có áng mây nếu không có tài phát động thuộc cung cần thì khô hạn. Hào tài phát động biến nhập cung cần, lại gặp nhật nguyệt đồng sinh phù. Tất có là điềm đại hạn.

Hào tài hưng vượng, tử tôn không vong đến ngày thoát không vong tất tạnh. Tài hoá quan quỷ, tạnh không lâu, hoặc nắng mưa bất định. Quan quỷ vượng tương tài suy, sương dày như mưa phùn; quỷ suy tài vượng, mây mù phút chốc lại quang. Thê tài chủ tạnh không tránh khỏi không có mây; hào hợp tài bị huynh đệ khắc phá, không có gió, không tạnh; Tài hoá thoái, tạnh chẳng được lâu. Thí dụ cổ:

Ngày ất tỵ, tháng dậu, đoán xem ngày đó râm hay nắng, được quẻ “thăng” từ quẻ “hằng”.

“Địa phong thăng”			“Lôi phong hằng”		
Quan quỷ	dậu kim	“	Thê tài	tuất thổ	“ (Ứng)
Phụ mẫu	hợi thủy	“	Quan quỷ	thân kim	“
Thê tài	sửu thổ	x thế	Tử tôn	ngọ hoả	“
Quan quỷ	dậu kim	‘	Quan quỷ	dậu kim	‘ thế
Phụ mẫu	hợi thủy	‘	Phụ mẫu	hợi thủy	‘
Thê tài	sửu thổ	“ ứng	Thê tài	sửu thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Hào tài động hoá tử tôn ngộ hoả. Nửa buổi sáng trời tạnh có mây trôi. Đến giờ ngộ đầy trời là ánh sáng, không mây. Quả là như vậy.

2. Tại sao đoán là: nửa buổi sáng trời tạnh đến ngộ thì trời nắng không mây?

Đó là vì hào tài chủ về tạnh nhưng lại không chủ mặt trời hồng. Mặt trời là do hào tử tôn chủ (chủ). Đến giờ ngộ hoả không xuất hiện, hào tài không có gốc. Vì vậy nửa buổi sáng có thể là tạnh không có mây. Cho dù có mặt trời cũng bị mây che lấp. Đợi đến giờ ngộ hào tử tôn vào giờ ngộ sẽ được nhật kiến cường bá (mặt trời chiếu sáng rực rỡ), hào thê tài sửu thổ và tử tôn ngộ hoả đều là vượng tướng. Đương nhiên là đầy trời nắng đỏ, không có mây che.

Thí dụ cổ:

Ngày kỷ mao tháng thìn (thìn) đoán ngày hôm ấy râm hay tạnh. Được quẻ “lâm” từ quẻ “truân”.

“Thủy lôi truân”

“Địa trạch lâm”

Huỳnh đệ	tý thủy	“	Phụ mẫu	dậu kim	“
Quan quý	tuất thổ	O Ứng	Huỳnh đệ	hợi thủy	“Ứng
Phụ mẫu	thân kim	“	Quan quý	sửu thổ	“
Quan quý	thìn thổ	“	Quan quý	sửu thổ	“
Tử tôn	dần mộc	x Thế	Tử tôn	mão mộc	‘ Thế
Huỳnh đệ	tý thủy	‘	Thê tài	tỵ hoả	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Quẻ này có hai hào động trước tiên phải xem hào nào? Nguyên tắc xem hào vượng trước hết: tử tôn dần mộc trì thế lại là hào động, lại được nhật kiến phù giúp. Vì thế trước hết phải xem hào tử tôn dần mộc.

2. Tử tôn dần mộc trì thế, động lại hoá thành tử tôn mao mộc. Đó chính là động mà biến hoá tiến lại lâm nhật kiến (ngày kỷ mao), tử tôn mạnh và vượng chủ về dương – chủ về mặt trời. Tất nhiên ngày đó là ngày quang đăng sáng sủa.

3. Hào năm quan quý tuất thổ động; quan quý động hoá thành huỳnh đệ hội thủy ở ứng hào. “Hoàng Kim sách” có câu: “Quan quý động lâm ứng hào. Tất nhiên hữu vân vụ” (nhiều mây).

4. Quả nhiên, cả ngày nắng đẹp. Đến giờ Tuất các sao đều mờ, giờ Hợi mây mù kéo đến tứ phía.

IV. HÀO HUYNH ĐỆ: CHỦ VỀ MÂY GIÓ

“Hoàng kim sách” nói: “Nhược luận phong vân – toàn bằng huỳnh đệ”.

(Nếu khi bàn luận đến gió và mây, hoàn toàn phải dựa vào hào huỳnh đệ).

“Huỳnh đệ trường sinh, định cuồng phong lũy nhật”.

(Nếu hào huỳnh đệ gặp trường sinh chắc chắn gặp gió bão nhiều ngày).

“Tăng san bốc dịch” có câu: “Huỳnh đệ phát động cường chủ phong vân, nãi vân thanh phong khinh chi cảnh”.

(Hào huỳnh đệ phát động, tuy là chủ của phong vân – nhưng là cảnh mây tung gió nhẹ).

Hào huỳnh đệ tại sao lại là chủ của phong vân? Theo như ngũ hành xung khắc thì “Bằng vai nhau lại la huỳnh đệ”. Ngày xưa, coi huỳnh đệ là thần kiếp tài là họa phá hoại. Bằng vai nhau là huỳnh đệ, là cái nguồn của bất hoà. Bất hoà sẽ có tranh chấp, tranh chấp tức là động; động là sinh phong.

Tranh đấu tất có tiến thoái, tiến thoái là tượng của quẻ “tốn”. “Tốn” là gió, gió thổi gây vạn vật. Vì thế: Huynh đệ là thần phá tài, cướp tài; lại là vì có gió ất có mây, cho nên có phong vân tế hợp. Từ đó mà hào huynh đệ, chủ về phong vân.

Hào huynh đệ phát động chủ về phong vân. Nếu vượng gió lớn, suy thì gió nhỏ; hoá tiến thần, gió lớn; hoá thoái thần, gió nhỏ. Mộc hào lâm huynh, quan quý tĩnh mà gặp không, nhật kiến xung khắc – chủ về phong; huynh đệ lâm không, nhật kiến lại xung khắc, thì chủ về gió nhẹ, mây mỏng.

Tam hợp cục hợp thành huynh đệ cục chủ về gió, hào huynh đệ và hào phụ mẫu trong quẻ động thì có cả gió và mưa.

Huynh đệ hóa phụ mẫu thì gió trước mưa sau.

Thí dụ cổ:

Ngày đình hội, tháng ngọ, đoán ngày hôm ấy râm tạnh. Được quẻ “bĩ” thành quẻ “độn”.

“Thiên sơn độn”

“Thiên địa bĩ”

Phụ mẫu	tuất thổ	‘	Phụ mẫu	tuất thổ	‘	Ứng
Huynh đệ	thân kim	‘	Ứng	Huynh đệ	thân kim	‘
Quan quý	ngọ hoả	‘	Quan quý	ngọ hoả	‘	
Huynh đệ	thân kim	O	Thê tài	mão mộc	“Thế	
Quan quý	ngọ hoả	“Thế	Quan quý	tỵ hoả	“	
Phụ mẫu	mùi thổ	“	Phụ mẫu	mùi thổ	“	

Phân tích tượng quẻ:

1. Huynh động là phong vân, về cơ bản là một ngày trời râm.
2. Huynh đệ là thân kim, động mà hoá thê tài mao mộc; thê tài mao mộc chủ tạnh, cho nên đến giờ thân, trời chuyển quang đặng, khả năng có thể nhìn thấy mặt trời.
3. Giờ thân đã là 2 – 4 giờ chiều, nếu xét về cả ngày thì có thể đoán là râm chuyển sang nắng.
4. Thê tài mao mộc lại là biến hào; Giờ mao đã là ngày hôm sau – cho nên giờ mao ngày hôm sau sẽ nắng to.

V. HÀO QUAN QUÝ CHỦ VỀ SẤM, CHỚP, MÂY MÙ.

“Hoàng kim sách” nói: “Muốn biết sấm chớp, phải xem hào quan quý”, “ngũ lô khu điện là bởi quan quý phát cung ly”, “Tăng san bốc dịch” lại nói: “Quan quý lô đình điện mù”. Quan là quan nhân tam uy, có quyền lập pháp và phát hiện thi lệnh, hiệu lên thiên hạ, lô đình khắp nơi cho nên hiệu lệnh có tượng sấm kêu. Có sấm phải có chớp, chớp là hoả, có lửa phải có khói, hơn nữa sét đánh vào vật, mà có khói; khói là tượng của mù, cho nên quan quý là sấm chớp sương mù.

Hào quan quý chủ về sấm chớp mây mù, quan quý động ở cung chấn, tất có sấm chớp; kim quý động mà phùng không lại gặp nhật kiến, hôm đó xung khắc – tất sẽ có sét, được gọi là “Kim không, phùng xung, tắc hưởng”.

Hưởng là nổ, là tiếng vang; kim hoá kim thì nhanh chóng sẽ có sấm chớp, dồn dập; hoả quý động thì sấm rền – chớp dài. Tạnh mà gặp quan quý thì là mây là sương. Quý động tất có mây dày sương đặc. Trời u ám tối tăm, mùa hạ sẽ rất nóng, mùa đông sẽ rất lạnh.

Hào thế lâm thổ quý, hoàng sa (cát vàng) bay khắp nơi; quý xung hào thế, mây đen che kín không gian. Quan quý trì thế hoặc lâm phát động hoặc xung khắc hào ứng đều chủ về mây dày sương đặc. Tài quý đều động nhiều sương lấm mù.

Quan hoá thoái thần, sấm chớp kinh động, nơi xa có mưa lớn, nơi gần có mưa nhỏ.

Quý phụ cùng động, dầm trước mưa sau.

Tam hợp quỷ cục, mây đen đầy trời sấm chớp sáng loáng.

Quan hoá thoát thân vừa mưa đã tạnh.

Quỷ quan là sấm chớp mây mù, cần phải dựa vào mùa để tranh luận.

Thí dụ cổ:

Ngày đinh mao, tháng tỵ, đoán xem hôm nào trời mưa được quẻ “đại quá” từ quẻ “hằng”.

“Lôi phong hằng”

Thê tài	tuất thổ	‘	Ứng
Quan quỷ	thân kim	x	
Tử tôn	ngọ hoả	‘	
Quan quỷ	dậu kim	‘	thế
Phụ mẫu	hợi thủy	‘	
Thê tài	sửu thổ	“	

“Trạch phong đại quá”

Thê tài	mùi thổ	“
Quan quỷ	dậu kim	‘
Phụ mẫu	hợi thủy	‘
Quan quỷ	dậu kim	‘
Phụ mẫu	hợi thủy	‘
Thê tài	sửu thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Điều cần đoán của quẻ này là “Ngày nào có mưa?”

Hào phụ mẫu chủ mưa, trong quẻ hội thủy tĩnh lại không được nhật nguyệt sinh phù, vì thế tượng mưa không vượng. Cho dù cách một ngày nữa là đến ngày tỵ, tỵ hội tương xung.

Vì hội thủy là hào suy cho nên cũng không thể tạo thành “ám động” được. Cái mà có thể nhờ cậy được chỉ có thể là “nhật phá”, hào phá mà vô dụng. Vì thế mà có thể đoán rằng: những ngày sắp tới không có “mưa đẹp”.

2. Quẻ này, thân quỷ động lại hoá dậu hoá tiến thân. Dậu quỷ trì thế, tương xung nhật kiến đã tạo thành ám động. Mão dậu tương xung động lại hoá dậu kim, hoá tử và tương phù. Do đó giờ thân quỷ động hoá dậu, hoá tiến. Giờ thân sẽ có sấm sét.

3. Giờ thân quả nhiên sấm sét vang trời.

4. Nếu nhìn tượng quẻ, hào phụ mẫu hội thủy tĩnh lại sau, được quan quỷ thân kim dậu. Kim sinh phù, được sấm sét chấn động có khả năng sẽ có những trận mưa nhỏ lật vặt.

Dự đoán thời tiết, không phải chỉ có nhìn vào cái mà lục thần chuyên chủ, còn phải phân tích phản ngâm, phục ngâm trong quẻ để quyết đoán râm, nắng, mưa, sấm, chớp, gió. Đã Hạc lão nhân nói: “Quẻ được phản ngâm, nắng mưa cuối cùng sẽ lặp lại”. Hào phùng phục tượng thì hạn, lụt lần lượt xảy ra”.

Thí dụ: ngày canh dần tháng thìn dự đoán xem ngày nào thì nắng được quẻ “thăng” từ quẻ “quán”.

“Phong địa quán”

Thê tài	mão mộc	O
Quan quỷ	tỵ hoả	“
Phụ mẫu	mùi thổ	“
Thê tài	mão mộc	x
Quan quỷ	tỵ hoả	“
Phụ mẫu	mùi thổ	“

“Địa phong thăng”

Huỳnh đệ	dậu kim	“
Tử tôn	hợi thủy	“
Phụ mẫu	sửu thổ	“
Huỳnh đệ	dậu kim	‘
Tử tôn	hợi thủy	‘
Phụ mẫu	sửu thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Ngày xem quẻ là ngày dần. Trong quẻ 2 hào thê tài mao mộc đều động. Mão nhật là ngày mai có thể tạnh.

2. Vì quẻ nội, quẻ ngoại phản ngâm cho nên vừa nắng lại vừa mưa. Quả nhiên hôm sau tạnh xong lại mưa.

Thí dụ: ngày giáp tuất, tháng thìn đoán trời mưa được quẻ “chấn” từ quẻ “tráng”.

“Lôi thiên đại trảng”			“Chấn vi lôi”		
Huynh đệ	tuất thổ	“	Huynh đệ	tuất thổ	“ thế
Tử tôn	thân kim	“	Tử tôn	thân kim	“
Phụ mẫu	ngọ hoả	‘ thế	Phụ mẫu	ngọ hoả	‘
Huynh đệ	thìn thổ	‘	Huynh đệ	thìn thổ	“ Ứng
Quan quý	dần mộc	O	Quan quý	dần mộc	“
Thê tài	tý thủy		O Ứng	Thê tài	tý thủy ‘

Phân tích tượng quẻ:

Biến quẻ phục ngâm. Động mà như không động; tài động xung khai tất sẽ tạnh, hào phụ động xung khai tất mưa.

Quẻ này đoán mưa, phụ mẫu ngọ hoả trì thế, trước mắt tạnh – không có vượng tướng, tất không có mưa. Đợi đến ngày tý, tý ngọ tương xung phụ mẫu ám động – lúc ấy mới có mưa.

Dùng lục hào để dự đoán thời tiết mưa nắng tuy đã nói rất tỷ mỉ – song cái khó khăn trong dự đoán vẫn rất lớn. Đó chính là: “trời có những trận gió mưa không lường trước” còn việc đoán thời tiết dựa trên ngũ hành thì người xưa cũng có nhiều bất đồng.

“Động lâm bí quyết” nói: “Phàm người người đoán xét về mưa nắng thì thủy động có mưa, hoả động thì nắng, mộc động thì gió, thổ động thì u ám. Nếu gặp kim thủy thì mưa lớn không ngừng; những nếu gặp hoả thổ thì mưa nhỏ lại không lâu”. Điều này có khác với quan điểm trong “Bốc phê chính tông” và trong “Tăng san bốc dịch”, đã gây những khó khăn nhất định trong việc dự đoán thời tiết của hậu nhân. Rốt cuộc thì cũng không biết thế nào là đúng, khó mà quyết đoán.

Dựa vào ngũ hành bát quái và những kinh nghiệm thực tiễn của thầy Thiệu Vĩ Hoa thì cho rằng dựa vào ngũ hành của hào để quyết đoán thời tiết nắng mưa là có lý.

Về nguyên tắc (dựa vào hào) là đúng. Như khôn là thổ, là âm, cần là sơn, là mây mù; khôn cần là thế, có nghĩ là thổ khắc được thủy; vì vậy không mưa thì cũng mây mù u ám.

Ly là mặt trời, là sáng chủ về tạnh ráo. Khảm là thủy chủ về mưa; chấn tốn là mộc, mộc sinh phong chủ về gió.

Trong “Mai hoa dịch số” có câu:

“Cần chủ nắng ráo” – “Đoài là trạch” cho nên không mưa thì râm. Cần đoài là kim, tuy có nghĩa là sinh thủy nhưng phải là đông để sinh hào phụ mẫu. Vì thế, khi dự đoán thời tiết, thầy Thiệu Vĩ Hoa không những xem xét ngũ hành của hào, còn kết hợp cả nhật chi của ngày hôm đó để đoán định thời tiết.

Thí dụ, ngày 1/8/1983 Thiệu Vĩ Hoa đoán rằng:

Thời tiết ngày 5/8 là trời râm có gió. Nhưng đài truyền hình Thiểm Tây vào ngày 4/8 liên tục bốn lần liên phát đi bảng thông báo khẩn cấp là có bão lớn, mưa rất to vào ngày 5/8. Yêu cầu các đơn vị làm tốt công tác đề phòng. Kết quả: Ngày 5/8 là ngày râm, có gió không hề có một giọt mưa.

Tượng quẻ của ngày hôm đó là: quẻ “tụng” từ quẻ “hoán”.

“Phong thủy hoán”			“Thiên thủy tụng”		
Phụ mẫu	mão mộc	‘	Tử tôn	tuất thổ	‘
Huynh đệ	tý hoả	‘ thế	Thê tài	thân kim	‘
Tử tôn	mùi thổ	x	Huynh đệ	ngọ hoả	‘ thế
Huynh đệ	ngọ hoả	“	Huynh đệ	ngọ hoả	“
Tử tôn	thìn thổ	‘ Ứng	Tử tôn	thìn thổ	‘
Phụ mẫu	dần mộc	“	Phụ mẫu	dần mộc	“ Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Trước tiên, theo tượng quẻ mà phân tích, đông hào ở ngoại quẻ. Ngoại quẻ là tổn. Tổn mộc vì động mà sinh phong, phong từ xa thổi đến vì thế đoán rằng: Tây An có gió

2. Nội quẻ khảm, khảm chủ mưa bản thân tượng quẻ là tĩnh, bị khắc chế bởi nguyệt kiến mùi thổ và nhật kiến sửu thổ. Ngày tháng đều khắc thủy cho nên đoán rằng không mưa. Thổ chủ về âm u, vì vậy cho nên ngày hôm đó là ngày râm không gió cho nên không thể mưa.

3. Luận quẻ theo sáu hào: Hào tử tôn động vốn là vạn lý quan mây, hoá ra huỳnh đệ ngộ hoả, ngộ mùi tương hợp. Huỳnh đệ ngộ hoả chủ phong. Hào tử tôn lại gặp được nguyệt kiến mùi thổ. Nhật kiến sửu thổ đều là thổ, thổ chủ về râm tạnh.

Hơn nữa, tử tôn mùi thổ với nhật kiến sửu thổ đã tạo thành tương xung sửu mùi.

4. Quẻ “hoán” có câu “phong hành thủy thượng” (gió thổi trên mặt nước) nay thủy bị chế ngự, chỉ có gió. Vì thế nếu luận quẻ cho 6 hào cũng là ngày râm, có gió không có mưa.

Cho nên dự đoán thời tiết, phải căn cứ vào sự suy vượng ngũ hành, đối chiếu với nhật nguyệt kiến để đoán định, thì độ chuẩn xác mới tương đối cao.

Tiết 2. DỰ ĐOÁN THỜI VẬN CỦA MỘT NĂM

Mỗi con người có cái tốt cái xấu của vận khí. Một quốc gia, một vùng, một đơn vị cũng đều có cái hay cái dở của vận khí. Cái được gọi là tốt không gì khác chính là cảnh tượng quốc thái dân an, toàn quốc trên dưới đều dạt dào sinh khí, vui mừng bội thu, vũ hội thăng bình. Cái được coi là xấu chính là cái khó khăn nhiều, những tai hoạ tự nhiên nhiều, tạo ra sự tổn thất to lớn về người và của đất nước.

I. QUỐC THÁI, DÂN AN LÀ DẤU HIỆU QUAN TRỌNG CỦA VẬN NIÊN TỐT. TRƯỚC TIÊN PHẢI XEM QUẺ KHÍ VƯỢNG HAY KHÔNG, LẤY ÂM DƯƠNG, TƯƠNG SINH TƯƠNG HỢP LÀ GỐC.

“Hoàng kim sách” có câu: “Bản quẻ hữu tù quốc gia suy thoái; âm dương tương hợp thì tất nhiên phong hoà vũ thuận”. Khi đoán vận niên, nội quẻ là quốc gia – ngoại quẻ là nước khác. Nội quẻ vượng tương – tức là điềm báo quốc gia cường thịnh; nội quẻ hữu tù vô khí, đó là cảnh suy bại của lá thu lá vàng.

Âm dương tương hợp – tức là khí trời đất tương thông. Giữa thế ứng, lục hào quẻ tương sinh tương hợp, tất nhiên là mưa hoà gió thuận, ngũ cốc phong thu.

Tương xung tương khắc nhất định là nhiều tai hoạ, không ích lợi gì.

Sơ hào là vạn vật; nếu gặp sinh vượng, lâm tài phúc thì là tốt, gặp quan quỷ thì là hung.

Nhị hào là nhân dân, tử tôn phúc thần mà đóng ở đó thì cả năm bốn mùa đều bình yên; nếu quan quỷ mà chiếm cứ thì suốt năm lắm tai ương hoạn nạn.

Tam hào là “quan viên ở huyện phủ”, nếu sinh thế hợp thế thì sẽ có tấm lòng yêu dân, quý vật. Nếu là tử tôn ở tam hào thì nhiệt chính thanh liêm, chính trực vô tư. Nếu quan quỷ chiếm cứ, tất là tham ô hủ bại, tàn ác bất nhân; huỳnh đệ chiếm đoạt, động mà khắc thế thì các loại tạp thuế hà khắc chồng chất như lông trâu bò.

Tứ hào là tế tướng, lâm tử tôn sinh hợp hào thế, chắc chắn là quang minh lỗi lạc, chính trực vô tư, trị quốc có phương sách, có lòng yêu nước thương dân.

Ngũ hào là thiên tử, tối kỵ động, lại hình thế khắc thế, có nghĩa là yêu dân, kỵ gặp tuần không, tuần không thì là hữu danh vô thực; ngũ hào gặp quan quỷ lại phùng thái tuế, nước sẽ có hoạ to, người có nạn lớn.

Lục hào là trời, nên tĩnh không nên động, động mà lại tuần không, năm ấy chắc chắn có nhiều điều quái dị, biến đổi khác thường.

Ứng hào là thiên, thế hào là động. Ứng khắc thế thì niên vận không thuận, thế hào tuần không thì người nhiều tai hoạ. Ứng khắc thế là thiên khắc địa, thì niên vận không thuận lợi, hai khí âm dương bất hoà. Bất hoà thì đương nhiên người và vật đều gặp nhiều tai nạn.

“Hoàng kim sách” nói: “Huynh quý giai vong, tất chủ dân an quốc thái” (huynh đệ quan quý đều là không vong, tất là dân an quốc thái). Trên đây chúng tôi đã nói hào huynh đệ là thần cướp của, là hoạ phá hoại; hào quan quý là nguồn gốc gây ra tai hoạ, cho nên khi xem niên vận thì không nên có hào huynh đệ, quan quý xuất hiện trong quẻ, hoặc nếu có xuất hiện thì đẹp nhất là lâm không vong, lâm tử tuyệt, như vậy sẽ không có xảy ra tai hoạ mất của, phá hoại. Nếu như huynh đệ, quan quý gặp sinh vượng mà loạn động, tai nạn sẽ là vô cùng không thể nói hết được. Trung Quốc có câu “Quốc chính thiên tâm thuận, quan thanh dân tự an” (chính thể đất nước thuận lòng trời, quan lại thanh liêm lòng dân tự yên bình), đó chính là chuẩn mực của việc trị quốc.

“Đoán dịch thiên cơ” có nói: “Lục hào bất động, quả vô sát, thiên hạ nhân dân ca thái bình” (cả sáu hào không động, trong quẻ không có sát thần, nhân dân các nơi vui ca thái bình). Cả sáu hào đều không động tứ là cả sáu hào đều yên tĩnh, trong quẻ lại không có sát tinh, nhân dân an cư lạc nghiệp, đương nhiên đó là cảnh tượng hoà bình.

II. ĐOÁN VỀ THIÊN TAI

• *Hạn hán*: Quẻ có hào tài “lâm thái tuế” phát động, hào phụ mẫu vô khí, thụ khắc năm ấy tất có hạn hán.

Thái tuế là tên ngày xưa của mộc tinh, thời xưa ở Trung Quốc đã dựa vào chu kỳ di động của nó (trên thực tế là chu kỳ chuyển động quanh mặt trời của nó) sau này để ghi năm – 12 năm là một chu kỳ. Trong dự đoán bát quái, thái tuế chính là trực niên địa chi, còn gọi là thần thái tuế trực tuế.

• *Lũ lụt*: hào phụ mẫu, trì thái tuế phát động, hào tử tôn suy nhược. Nếu gặp quẻ đó thì năm ấy tất có lũ lụt, thủy quỷ động ắt có bi. Quốc ngoại mà động thì vùng xa nước ngập; quốc nội động thì nơi gần đê vỡ. Nếu không khắc “thế” thì nước tràn cũng vô sự.

• *Gió bão*: Hào Huynh đệ chủ phong; nếu huynh đệ phùng thái tuế thì năm ấy ắt nhiều gió, có cái hoạ về bão. Xà quỷ động ở cung tổn lại hoá huynh sẽ có những trận gió lạ.

• *Nạn côn trùng*: Quan quý lâm chu tước động mà khắc thế chủ về có nạn châu chấu.

• *Nạn thiếu lương thực*: câu trần gặp quỷ mà trì thế, năm ấy nhất định thất thu.

Tài hoà huynh, hoặc cùng quan quý động – tất sẽ khan hiếm lương thực.

• *Sấm dậy*: Thái tuế – lâm quan quý, phát động nhiều sấm sét, nhiều tai ương. Đàng xà quan quý động ở cung chấn, chắc chắn sẽ có sấm sét vang trời – hoặc xuân thu không mưa nhưng lại có sấm.

• *Nóng rét*: Thủy hào cư không địa: mùa đông rất ấm. Thủy hào ở tử địa – mùa hạ rất mát, nếu thủy hào vượng, hào động lại khắc thế: hạ tất nóng đông tất rét.

• *Hoả tai*: Hoả quỷ phát động, chủ về có hoả tai, nếu như không có liên quan đến thế hào, chỉ có liên quan với ứng hào, thì khu vực bên cạnh bị hoả tai (hoả hoạn) hoặc nội quẻ hoả quỷ phát động thì bản xứ có hoả hoạn. Ngoại quẻ – hoả quỷ phát động thì bên ngoài có hoả hoạn.

• *Núi lở*: Cấn là sơn, xà quỷ động ở cung cấn chắc chắn có hoạ về núi lở đá trôi.

• *Địa chấn*: Ngày xưa có câu: “Dương phục nhi bất năng xuất, âm bức nhi bất năng chung, vu thị hữu địa chấn” (Dương khí bị ép không ra được, âm khí bị chèn không bốc lên được, ắt sẽ có động đất). Đó chính là nguyên nhân nảy sinh động đất. Nhưng làm thế nào đoán được động đất bằng bát quái? Điều này ít thấy.

Trong “Hoàng kim sách” có câu:

“Khi nào xà quỷ động ở cung khôn sẽ có động đất, nếu gặp kim sẽ có thêm tiếng động, gặp hình thì đất nê, núi sập”.

Nạn động đất thiệt hại tương đối lớn. Vì vậy con người rất coi trọng. Thầy Thiệu Vĩ Hoa đã dùng bát quái dự đoán động đất. Tuy những dẫn chứng còn rất ít song cũng nói lên là động đất có thể dự đoán; cần có sự nghiên cứu. Thầy cho rằng: Xà quỷ phát động tại cung khôn không phải là chỉ quỷ khôn mà là muốn nói cả 8 quẻ trong cung khôn.

- *Mặt trời có vết đen*: xà quỷ động ở cung ly thì mặt trời sẽ có vết đen, năm ấy sẽ có nhiều cái khác thường.
- *Nhật nguyệt thực*: Tử tôn thụ hình hoá quan quỷ, hoặc quan quỷ động hình hại hoặc văn thư đăng xà khắc chế, thì sẽ có nhật nguyệt thực.
- *Trộm cắp*: Quỷ có huyền vũ động khắc thế. Năm đó sẽ có nhiều trộm đạo. Nếu như lâm kim xung khắc thái tuế hoặc ngũ hào. Đó chính là mưu động nhiễu loạn bốn bề.
- *Bệnh tật*: Thổ quỷ phát động, hoặc lâm bạch hổ, tất có ôn dịch. Nếu khắc thế thì nhân dân hay ốm đau. Nếu có khắc chế thì không ngại.
- *Chiến tranh*: Quỷ kim phát động e rằng có nạn đao binh xung khắc ứng hào, sinh hợp ngũ hào, đó chính là triều đình mang quân đi chinh thảo. Nếu như sinh ngoại quẻ, lại thuộc về cung khác khắc thái tuế là điềm ngoại quốc đến xâm lăng.

Nếu lưỡng quỷ đều động, tất sẽ xảy ra chiến tranh không phải ở một nơi.

Nếu hoá hồi đầu khắc, động hào nhật nguyệt khắc chế, tuy có chiến tranh nhưng cũng chẳng ngại.

Nếu hưu tù mà động đó chính là điềm trộm cắp.

Nếu bị cung khác đến khắc là ngoại quốc đến xâm phạm; cung khắc chính là ngoại quốc. Nếu không có cung khắc thì xem ngoại quẻ. Nếu ngoại quẻ thương khắc bản cung thì năm ấy tất có nước ngoài đến xâm phạm. Ngoại quẻ sinh nội quẻ thì lại có nguồn vui về tiến triển.

Được mùa: Tử tôn nếu đắc địa, hào tài có khí, không là không vong, huynh đệ quan quỷ suy nhược mà tỉnh thì ắt năm đó là năm được mùa.

Nếu muốn xem tình hình tai nạn xảy ra ở chỗ nào thì phải xem địa chi thuộc phương nào. Như tý thuộc phương bắc, mao phương đông...

Khi dự đoán niên vận, một là: có thể dựa thời gian lập quẻ hoặc gieo quẻ mà đoán định. Hai là: dựa vào những biến tướng khác lạ xuất hiện từ trời đất để lập quẻ mà dự đoán hoặc gieo quẻ cũng được; sau đó căn cứ vào tượng quẻ để đoán xét niên vận tốt xấu

Thí dụ:

Ngày 27/9/1986 chính là ngày cuối cùng của tháng giữa thu. Đột nhiên nổi gió, đổ mưa, sấm sét kinh động trời đất. Kéo dài mãi không thôi. Điều này rất hiếm ở miền Bắc. Hiện tượng trên là những sự kiện khác thường, nên thầy Thiệu Vĩ Hoa đã lập quẻ dự đoán, được quẻ “mông” từ quẻ “vị tể”.

Chủ quẻ		Động quẻ	
“Hoả thủy vị tể”		“Sơn thủy mông”	Lục thần
Huynh đệ ty hoả	‘ Ứng	Phụ mẫu dần mộc	‘Huyền vũ
Tử tôn mùi thổ	“	Quan quỷ tý thủy	“Bạch hổ
Thê tài dậu kim	‘	Động tử tôn tuất thổ	“Thế Đằng xà
Huynh đệ ngọ hoả	“Thế	Huynh đệ ngọ hoả	“Câu trăn
Tử tôn thìn thổ	“	Tử tôn thìn thổ	‘Chu tước

Phụ mẫu dẫn mộc	“	Phụ mẫu dẫn mộc	“Ứng Thanh long
Phân tích tượng quẻ:			
1. Bước 1: Chúng ta hãy tính bát tự			
Dương lịch là 1986 tháng 9 ngày 27			
Từ 19 đến 21 giờ			
Âm lịch là: 1986 tháng 8 ngày 24, giờ Tuất			
Bát tự là: Bính Dần, đinh Dậu, giáp Tuất, giáp Tuất.			
2. Huynh đệ ngộ hỏa trì thế, huynh đệ tỵ hỏa lại là ứng hào – 2 hào huynh đệ này đều là hỏa.			
Hỏa trường sinh tại dần, mộc dục tại mao, cứ theo vòng trường sinh mà tính tiếp. Hỏa tử ở dậu, hỏa mộ ở tuất. Huynh đệ ngộ hỏa cư ở tam hào nhân vị, huynh đệ tỵ hỏa cư ở lục hào, thiên vị. Tam hào đóng ra là dương, nhưng lại là âm, lục hào đáng là âm nhưng lại là dương. Đó không đắc vị. Vì thế mà nhà nước vào tháng 9 âm lịch tức tháng dậu sẽ có 2 vị lãnh đạo từ trần. Nhưng không phải hai vị đang đương chức (mà đã về hưu trí). Kết quả: Đúng tháng 9 hai vị nguyên soái là Lưu Bá Thừa và Diệp Kiếm Anh từ trần.			
3. Huynh đệ ngộ hỏa trì thế, huynh đệ tỵ hỏa lại là ứng hào; huynh đệ trì thế là thần cướp của. Đất nước sẽ có nỗi lo về hao tài.			
4. Tỵ hỏa là đông nam. Ngộ hỏa là nam. Vậy vào tháng 11 âm lịch ở phía nam và đông nam Bắc Kinh sẽ xảy ra sự việc không thuận.			
Về sau quả nhiên vào tháng 11 một số ít học sinh ở Vũ Hán, Thượng Hải đã nổi loạn, lý do để ứng vào tháng 11 là: Tý nguyệt tức tháng 11, sẽ tạo thành tương xung tý ngộ với thế hào, cho nên bất lợi.			
5. Ngũ hào là hào quân vương được nhật kiến tương phù – lại lâm quan đới là đất bình an.			
6. Quả này bao gồm cả vùng Tây An (nơi thầy Thiệu Vĩ Hoa lập quả nên cũng có ứng nghiệm không trích dẫn).			
Tin tức quả này đoán ra không chỉ đưa cho mấy đồng chí xem trước, mà còn gửi cho các đồng chí lãnh đạo ở Bắc Kinh xem trước khi xảy ra sự việc.			
Thí dụ khác			
9 giờ sáng ngày 19/12/1986 trên bầu trời đông nam thành phố Tây An xuất hiện một kỳ quan. Đó là năm mặt trời cũng xuất hiện.			
Thầy Thiệu đã lập quả theo giờ tỵ ngày 18/11 âm lịch. Được quả “khôn” từ “sự”.			
“Địa thủy sư”		“Khôn vi địa”	Lục thần
Phụ mẫu dậu kim	“ứng	Phụ mẫu dậu kim	‘Thanh long
Huynh đệ hợi thủy	“	Huynh đệ hợi thủy	“Huyền vũ
Quan quỷ dần thổ	“	Quan quỷ sửu thổ	“Bạch hổ
Thê tài ngộ hỏa	“thế	Tử tôn mao mộc	“Đằng xà
Quan quỷ thìn thổ	‘động	Thê tài tỵ hỏa	“Câu trần.
Tử tôn dần mộc	“	Quan quỷ mùi thổ	“Chu tước
Phân tích tượng quẻ:			
1. Bát tự là: Canh dần, canh tý, đinh dậu, ất tỵ.			
2. Quả “Địa thủy sư” lấy một dương để thống quân 5 âm –sẽ có một tượng là đại tướng cầm quân (“Chu dịch thiển thuật”) vì vậy đất nước sẽ có việc về tranh giành đất đai.			
Khôn là tây nam; ngoại quả là ở ngoài biên cương. Ly là nam là nội địa, cho nên chiến sự ở phía nam và phía tây nam sẽ xảy ra.			

3. Nhị hào quan quỷ là động hào, đó là một năm nhiều tai nạn. Năm 1987 đất nước có nhiều thiên tai và họa hại khác.

4. Quẻ khôn thuộc âm, là cái nhỏ nhất, là tây nam – cho nên rằng năm 1987 phía tây nam Trung Quốc sẽ xảy ra những nhiễu loạn hoặc có sự kiện trọng đại, phải đổ máu.

5. Tình hình ứng nghiệm: xảy ra đánh nhau với Việt Nam.

Trong nội bộ nước Ấn Độ thì gây lại khói lửa chiến tranh.

Thiên tai nhiều và những sự việc đáng tiếc xảy ra nhiều, đã gây tổn thất to lớn cho đất nước. Đặc biệt là nạn cháy rừng ở miền đông bắc vào tháng 4, 5 năm 1987 gây tổn thất ghê người

Ngày 1/10 một số rất ít người ở Tây tạng đã xuống đường gây nhiều sự chia rẽ đất nước, tạo thành sự kiện đổ máu.

Những sự việc trên đã xảy ra đúng như dự đoán trước đó.

Tiết 3. DỰ ĐOÁN ĐỊA CHẤN

Từ năm 1976, sau vụ động đất Đường Sơn, ở Trung Quốc, mọi người đã ra ất lo lắng về tai họa do động đất gây ra.

Nguyên nhân: Hiện nay tình hình địa chấn rất phức tạp, ngành đo đạc địa chấn không thể báo trước một cách chính xác và có hiệu quả thời gian xảy ra động đất. Con người không có cách gì phòng bị trước đã gây ra những tổn thất đáng sợ về người và của cải.

Những năm gần đây, vùng tây nam và tây bắc Trung Quốc là thời kỳ hoạt động mạnh của động đất. Vì thế khu vực Tây Hạ luôn luôn có những tin đồn “có động đất”.

Thầy Thiệu Vĩ Hoa vì muốn tìm hiểu những quy luật dự báo địa chấn, đã tích lũy kinh nghiệm bất kể có người hỏi, hay nghe nói “có động đất” hoặc nhìn thấy những hiện tượng khác lạ có liên quan đến động đất, đều lập quẻ dự đoán.

Khi dự đoán, chủ yếu về tình hình động đất, thêm vào đó, đoán vận niên. Những lời dự đoán: “Quẻ không có động đất” ứng nghiệm tương đối nhiều, quẻ có động đất ứng nghiệm được ba quẻ. Đứng về góc độ nghiên cứu, thăm dò, tổng kết, xin nêu ra mấy ví dụ để giúp các bạn tham khảo nghiên cứu.

Ví dụ 1:

Giờ thìn, ngày 23/9/1987 (tức 1-8 âm lịch)

Thầy Thiệu nhìn thấy từ dưới đất có làn mây bốc lên bèn gieo quẻ, dự đoán xem gần đây sắp có động đất hay không. Được quẻ “hằng” từ quẻ “đại tráng”.

“Lôi thiên đại tráng”

“Lôi phong hằng”

Lục thần

Huynh đệ tuất thổ

“

Huynh đệ tuất thổ

“Ứng Huyền vũ

Tử tôn thân kim

“

Tử tôn thân kim

“Bạch hổ

Phụ mẫu ngộ hỏa

‘Thế

Phụ mẫu ngộ hỏa

“Đằng xà

Huynh đệ thìn thổ

‘

Tử tôn dậu kim

‘Thế Câu trần

Quan quỷ dần mộc

‘

Thê tài hợi thủy

‘Chu tước

Thê tài tý thủy

O ứng

Huynh đệ sửu thổ

“Thanh long

Phân tích tượng quẻ:

1. Xếp bát tự: Năm đinh mao, tháng ất dậu, ngày ất hợi, giờ canh thìn.

2. Địa chấn: Theo sách cổ: xà quỷ tại khôn cung động hữu địa chấn.

Quẻ này: Đằng xà không lâm quỷ, hai hào “xà” và “quỷ” đều yên tĩnh. Nếu theo lý ứng mà đoán là “không có địa chấn”. Nhưng có thể nghĩ như thế này: xà là con rồng nhỏ, thanh long mới thực là đại xà. Trong quẻ, thanh long lâm tý thủy lại động; chính là đại xà lâm

thủy phát động ở cung khôn (“lôi thiên đại trảng” chính là 1 trong 8 quẻ của cung khôn) vì thế có thể đoán rằng có địa chấn xảy ra.

3. Phương hướng địa chấn:

Thế là chấn mộc, dụng là càn kim; kim động khắc chấn mộc, tất nhiên là chấn tại phương đông. Sơ hào tý thủy động, hoá huỳnh đệ sửu thổ. Tý thủy là bắc, sửu thổ là đông bắc. Vì thế, phương của địa chấn phải là đông nghiêng về bắc. Mặt khác, quẻ chấn là thế, quẻ hồ là đoài. Đoài là tây, ngộ hoả trì thế, tương ứng với động hào tý thủy bị khắc lại động, có đằng xà lâm (quẻ chấn động mà ngộ hoả trì thế, tất cũng động).

Ngộ hoả thuộc nam, vì vậy phía tây nam cũng có địa chấn. Như vậy rất phù hợp với dải cấu tạo địa chấn đông bắc tây nam của địa chất học, lý do để phán đoán quẻ này có động ở tây nam là:

“Hào nhị dẫn mộc quan quý, được tý thủy động hào sinh phùng. Ngày 26/9 là ngày mậu dần, quý lâm nhật kiến, vương địa. Khả năng là: Dần là phương đông bắc động, phải xung động đến phương đông khôn cho nên vùng Tây Tạng có động đất”.

4. Cấp địa chấn.

Hai nơi xảy ra địa chấn. Một nơi trên 5 độ dưới 6 độ rích-te. Nơi khác, trên 6 độ dưới 7 độ rích-te.

Nguyên nhân: Một đằng: quẻ chấn là 4, quẻ càn là 1, cộng là 5.

Đằng khác. Quẻ chấn là 4 quẻ càn là 1. Động hào là 1. Cộng là 6 cho nên đoán rằng trên 5 độ dưới 7 độ.

5. Thời gian bắt đầu động đất.

Chủ quẻ, động quẻ tổng số là 15. Vì vậy phán đoán thứ nhất: khổng chế nội trong 15 ngày.

Phải đặc biệt chú ý ngày 26/9 và ngày 2 và 3/10.

Tại sao vậy? Bởi vì:

Ngày 26/9 là ngày mậu dần mộc lâm nhật kiến nên vương lại được thủy hào động tương sinh cho nên càng vượng mạnh, khắc được thổ (quẻ này vốn là khôn cung thuộc thổ).

Thổ bị khắc tất động, động tất rung, ngày 2/10 là ngày giáp thân. Ngày 3/10 là ngày ất dậu. Đó chính là cơ hội cho càn kim, dậu kim lâm nguyệt kiến. Nhật kiến vương địa khắc chế chấn mộc. Do đó miền đông Trung Quốc có sự rung chuyển.

6. Tình hình ứng nghiệm.

Ngày 26/9/1987, Tây Tạng xảy ra địa chấn 5, 3 độ rích-te.

Ngày 2, ngày 3/10/1987 đào Ha-oai của Mỹ (miền đông Trung Quốc) đã xảy ra địa chấn 6,2 độ rích-te. Chính điều này đã làm Cục Địa chấn Trung Quốc hết sức kinh ngạc về nhiều dự đoán của thầy Thiệu Vĩ Hoa.

Thực tiễn dự đoán của Thầy Thiệu Vĩ Hoa đã cung cấp những dẫn chứng rất tốt về nghiên cứu và học tập cho người kế tục sau này.

Một thí dụ khác.

Giờ tuất, ngày 1/8/1988 có tin đồn rằng vùng Tây An có động đất. Nhân đó Thiệu Vĩ Hoa gieo quẻ và được quẻ “Minh di” từ quẻ “phục”.

“Lôi địa phục”

Tử tôn dậu kim

Thê tài hợi thủy

Huỳnh đệ sửu thổ

Huỳnh đệ thìn thổ

“

“

“Ứng

x

“Địa hoả minh di”

Tử tôn dậu kim

Thê tài hợi thủy

Huỳnh đệ sửu thổ

Thê tài hợi thủy

Lục thân

“Chu tước

“Thanh long

“Thế Huyền vũ

‘Bạch hổ

Quan quỷ dẫn mộc
Thê tài tý thủy

“
‘Thế

Huynh đệ sửu thổ
Quan quỷ mao mộc

“Đằng xà
Ứng Câu trần

Phân tích tượng quẻ:

Bát tự là: Mậu thìn, kỷ mùi, mậu tý, nhâm tuất.

Địa chấn: “Phục” là quẻ của cung khôn, tuy không có xà quỷ đóng tại cung khôn, nhưng thể là khôn thổ, dụng là chấn mộc, mộc khắc khôn thổ; khôn địa ở bên trên, chấn mộc ở bên dưới, dưới đất mà động thì bên trên sẽ rung.

Trong quẻ long xà yên tĩnh, nhưng tam hào huynh đệ thìn thổ động, thìn thổ lâm thái tuế. Thìn là long, là long động ở cung khôn, cũng là có điểm động đất.

Bạch hổ lâm động hào, chủ đề hung thương hiếu phục, báo trước điềm không lành về tai hoạ địa chấn.

Thìn là long, chính là chỉ “long thìn” thuộc tướng của 12 chi, chứ không phải chỉ thanh long trong “lục thần”.

Thế là phương khôn, bị chấn mộc khắc cho nên phương vị của địa chấn sẽ là hướng tây nam.

Cấp địa chấn:

Quẻ lâm nguyệt kiến vương địa, cấp độ tương đối cao:

Phán đoán 1: Khôn là 8, vậy cấp địa chấn sẽ là trên dưới 8 độ rích-te.

Phán đoán 2: Khôn là 8 thìn là 4, động tam hào là 3 cộng là 15; hai quẻ chia đôi là độ chấn động là 7,5 độ.

Thời gian xảy ra địa chấn.

Thìn là thái tuế là thìn thổ. Động mà xung với tuất thổ, Tuất thuộc tháng 9, cho nên có khả năng chắc chắn là xảy ra động đất vào tháng 9.

Ứng nghiệm:

Ngày 6/11/1988 tức 27/9 âm lịch: vùng núi Côn Lôn xảy ra động đất.

Ngày 7/11 tức 28/9 âm lịch giờ thìn tỉnh Vân Nam đã xảy ra động đất lớn trên cấp 7.

Vì ngày xảy ra địa chấn, chúng ta đều dựa vào nguyên lý sinh khắc chế hoá của âm dương ngũ hành để phán đoán.

Cho nên sau khi đã xác định được vào tháng 9 xảy ra địa chấn, cụ thể vào ngày nào trong một tháng, có tới mấy ngày thuộc tính ngũ hành giống nhau, ngày chính xác rất khó xác định.

Ở quẻ này đã dự báo trước mấy ngày mừng 5, mừng 6: ngày 17, 18 ngày 23, 28, 29 cộng là 7 ngày là những ngày có khả năng xảy ra địa chấn thì chúng ta còn đang bàn. Trong đó đặc biệt là ngày “23”. Ngày này ngũ hành thuộc Kim là “dậu Kim”. Đáng lẽ không nên quy vào ngày có khả năng xảy ra địa chấn. Quả nhiên là có lý.

Vậy mà ngày “11” lại cũng giống như ngũ hành, tại sao lại không ghi vào?

(Bởi vì không thể tránh khỏi khó khăn khi rà lại những chữ viết nhầm và bản in; trong cuốn “Chu dịch và dự đoán học” của Nhà xuất bản Văn nghệ Hoa Sơn phát hiện hàng chục chỗ sai sót. Điều này có thể sai về nét bút, sai về xếp chữ. Rất mong bạn đọc lưu ý sửa lại kéo lỗi sẽ có cảm giác “Khó càng thêm khó”).

Tiết 4. DỰ ĐOÁN VỀ HỌC NGHIỆP

Văn hoá là chìa khoá mở ra cánh cửa lớn của khoa học. Sự phát triển của sự nghiệp văn hoá đánh dấu nền văn minh, sự tiến bộ của một quốc gia của một dân tộc.

Do sự phát triển sự nghiệp văn hoá và sự khó khăn trong việc thành đạt, vấn đề dự đoán sự nghiệp học tập tỏ ra nổi bật nhất.

Không ít người yêu cầu mở rộng việc nghiên cứu, dự đoán việc học hành thi cử bằng bát quái. Kỳ thực, tổ tiên của chúng ta từ lâu đã có những lý luận và phương pháp dự đoán, vận dụng bát quái để đoán trước về sự nghiệp học tập.

Trong ứng dụng thực tế là rất sát thực và có thể làm được, tiết này có thể cung cấp những điều cần thiết để dự đoán về các việc thi cử, học thuật và chức danh.

I. VỀ NHỮNG THUẬN LỢI TRONG THI CỬ.

Phàm là những người có thành tích và cống hiến lớn về mặt văn hoá nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật thì tất nhiên: “Tài – quan – ấn” ba mặt này phải khắc địa. Đặc biệt là “ấn” không những không thể thiếu mà còn phải vượng tướng, được thời, mới tốt đẹp.

Dùng bát quái để dự đoán lên lớp phải coi quan, ấn là chủ: “Ấn tinh” (đó là một loại dấu hiệu trên số quẻ và số hào lấy chữ “tinh” để ví) tức là phụ mẫu hào. Phụ mẫu hào là ấn – là văn thư, quan hào là danh, là nguyên thần của phụ mẫu hào. Cho nên khi dự đoán lên lớp, tất phải được phụ mẫu hào hưng vượng, quan hào hưng vượng cùng phát động và tương sinh. Đó là nhân tố quan trọng trong việc học hành.

- Phụ vượng quan đầu, kim bảng đề danh: phụ mẫu hào, quan quẻ hào vượng mà trì thế, lâm nhật, nguyệt kiến, hoặc nhật nguyệt động hào sinh phù, động mà hoá cát – chắc chắn sẽ được đề danh bằng vàng.

- Được sự phù trợ của nhật nguyệt, không sợ ác sát, phụ mẫu quan tinh thế hào có một, lại bị động hào khắc chế – hoặc hoá hồi đầu khắc, nếu như được nhật nguyệt khắc kị thần thì thi cử chắc chắn sẽ mãn nguyện.

- Nhật nguyệt phụ trợ, nhất định sẽ đỗ cao. Thế hào vượng tướng, phụ hào quan hào có một, lại ẩn nấu không xuất hiện. Nếu như được nhật nguyệt hãm chế phi thần giúp đỡ phục thần, chắc chắn thi đỗ.

Nếu những quan hào thế hào, có một hào vượng, được nhật nguyệt sinh phù, thì thi là đỗ.

- Thái tuế nhập quan tinh, định đăng hoàng bảng: Thái tuế là hào đế vượng, thái tuế nhập quan, động mà sinh thế hoặc trì thế tất sẽ liên tiếp đỗ đạt.

- Nhật nguyệt xung khắc phi thần định đăng khoa: quan phụ mẫu có một hào không xuất hiện, phải xem phục thần, nếu phục thần vượng tướng lại được nhật nguyệt xung khắc phi thần, sinh phù phục thần, chắc chắn sẽ đỗ đạt cao.

- Quan quẻ vượng có thể phù trợ, phụ mẫu suy: quan vượng sinh thế trì thế, có thể phù trợ phụ mẫu suy nhược thì cũng thỏa chí đăng khoa.

- Ứng hợp nhật nguyệt sinh thế, tất sẽ được người tiến cử: phụ quan lưỡng vượng mà thế hào không vượng, nếu được nhật nguyệt tương sinh phù trợ, lại được ứng hào động mà sinh hợp thế hào, tất sẽ có người tiến cử và giúp đỡ.

- Thế hoá quan quẻ tất đăng khoa: phụ mẫu hào vượng tướng, mà thế hào hoá ra quan quẻ hồi đầu sinh, có thể đăng khoa giáp.

- Tam vượng hoá tiến, danh cao huyền: thế hưng phụ quan lưỡng vượng, trong đó có một hào hóa tiến, thì bảng vàng tất có tên.

- Long động sinh tế, song hỷ lâm môn: toàn cục đã cát, lại được long động sinh thế, không chỉ có danh mà còn có niềm vui khác.

Động gặp không vong, khi thoát khỏi không vong thì sẽ thấy niềm vui.

- Tài động phù trợ quan hào, may mắn được danh: phù hào ngộ không vong nếu tài hào phát động sinh phù quan hào có thể sẽ gặp được may mắn mà lại có công danh. Tài hào, quan hào đều động, phụ mẫu không vong thì không đẹp.

- Phúc biến quan quý, khoa giáp danh liệt: chủ quẻ không quan quý, nếu được tử tôn hào động, hoá xuất quan quý, sinh hợp thể hào, phụ mẫu hữu khí có thể đăng khoa giáp.
- Quan tinh dịch mã, liệt tiền danh: Dịch mã ca: dần, ngộ, tuất ở thân, tị Dậu Sửu ở hợi, thân tị thìn ở dần; hợi mao mùi ở tị. Có nghĩa là: những người sinh ra vào ngày: dần, ngộ, tuất gặp năm tháng ngày, giờ mà địa chi của nó có chữ thân, thì có thể coi là có 3 dịch mã. Dịch mã trong tứ trụ xuất hiện có hai tình huống: “Quý nhân dịch mã đa thắng được. Thương nhân dịch mã đa bôn ba” – Quan quý và dịch mã tương sinh thường tên tuổi được ghi đầu bảng.
- Thế ứng tương hợp định đăng khoa. Thế hào và ứng hào tương sinh tương hợp thì chỉ một lần thi cử đã đỗ đạt thành danh.
- Long hổ cự động, tất đoạt khôi nguyên: thế hào mà được long hổ động đến sinh hợp thế, tất đỗ đầu khoa. Nếu được quan phụ trì thế, sinh thế thì còn đẹp hơn nữa.
- Tử tôn lâm tuế quan (ngũ hào) tất nhiên, chí khí lớn, tài văn xuất chúng.
- Tam hợp vô xung, kim bảng liên tiếp: (tam hợp không có xung khắc), tin vui bảng vàng liên tiếp báo về.

Phụ quan thế hào hợp thành quan cục, phụ cục, lại không có nhật nguyệt xung phá, nhất định trong một thời gian rất ngắn có tin vui đỗ đạt, nếu hợp thành huỳnh đệ cục, lại gặp nhật nguyệt sinh phù quan tinh, chắc chắn sẽ đắc ý đẹp lòng.

Quẻ gặp được lục xung hoá lục hợp, tất chiếm đầu bảng; thì cử, tối kị quẻ lục xung, xung còn có ý nghĩa là tán, cho nên lục xung mà hoá hợp, tất nhiên tên xếp lên đầu bảng.

- Huynh hữu đoạt tiêu chỉ kị, tài vị văn thư chi dư – xem đỗ đạt học hành tối kị huỳnh đệ thê tài vượng mà trì thế.

Nếu trong quẻ mà phụ quan đều vượng lại ngừng vì huỳnh hào trì thế khắc chế tài hào, quan quý phụ mẫu lưỡng vượng, hoặc quan động sinh phụ, phụ động sinh thế, có thể được khoa danh.

Phụ hào thế hào cùng vượng, lại được nhật nguyệt động hào sinh phù, động mà hoá cát, không có cản phá. Quẻ này chủ về thi đỗ siêu đẳng:

Phụ hào thế hào cùng vượng mà không có sinh tương lại được sinh phù. Không có hình xung khắc phá. Đó là bậc sau (sau đỗ siêu đẳng).

Phụ thế hào cùng vượng mà gặp hình xung, đó là bậc sau nữa.

Phụ mẫu hào xuất hiện, không vượng không suy, không sinh phù, chẳng khắc chế mà thế hào không xung khắc thì thi cử đảm bảo trung bình.

Phụ thế hào cả hai đều bị khắc chắc chắn thi trượt.

Những quẻ nào mà được tiến thân là thượng đẳng; quẻ nào thoái thân là hạ đẳng. Quẻ nào gặp lục xung, biến lục xung hoặc lục hào loạn động, chỉ cần thế vượng cũng có khả năng thi đỗ bình thường.

Nếu phụ hào bị khắc, thế hào hưu tù bị khắc mà hoá hung chắc chắn thi trượt.

Thí dụ cổ

Ngày ất ty, tháng thân, đoán thi cử được quẻ “đỉnh” từ quẻ “đại quá”.

“Trạch phong đại quá”		“Hoả phong đỉnh”	
Từ thê tài mùi thổ	x	Tử tôn tị hoả	‘
Quan quý Dậu kim	O	Thê tài mùi thổ	“Ứng
Phụ mẫu Hợi thủy	“Thế	Quan quý Dậu kim	‘
Quan quý Dậu kim	‘	Quan quý Dậu kim	‘
Phụ mẫu Hợi thủy	‘	Phụ mẫu Hợi thủy	“Thế

Thê tài sửu thổ

“Ứng

Thê tài sửu thổ

‘

Phân tích tượng quẻ:

1. Thê hào phụ mẫu hợi thủy được nguyệt kiến tương sinh phụ mẫu hào vượng tướng đã cùng nhật kiến tạo thành “tị hợi” tương xung, xung mà ám động, hoá ra đậu kim sinh thê, chính là thân vượng, văn vượng.

2. Quẻ này quan tinh lâm nguyệt kiến, tuy có nhật kiến tị hoả tương khắc nhưng ngũ hào quan tinh là động hào. Vì động mà hoá xuất thê tài mùi thổ hồi đầu sinh cho quan hào. Vì vậy quan tinh cũng vượng.

3. Lục hào thê tài động, khắc thê, nhưng khi tài (hào) động, mùi thổ khắc thê, lại sinh cho quan. Quan động lại sinh thê, tạo thành một vòng liên tục trường sinh. Cho nên sau khi lục hào thê tài, mùi thổ động, không hề tạo ra sự uy hiếp nào đối với hào trì thê phụ mẫu hợi thủy.

4. Quẻ này: chắc chắn thi đỗ loại ưu, về sau quả nhiên đúng như vậy.

Thí dụ cổ nữa ngày giáp thân, tháng mao xem thi cử được quẻ “ích” từ quẻ “cấn”.

“Cấn vi sơn”

“Phong lôi ích”

Quan quỷ dần mộc

‘Thế

Quan quỷ mao mộc

‘Ứng

Thê tài tý thủy

x

Phụ mẫu tị hoả

‘

Huỳnh đệ tuất thổ

“

Huỳnh đệ mùi thổ

“

Tử tôn thân kim

O Ứng

Huỳnh đệ thìn thổ

“Thế

Phụ mẫu ngọ hoả

“

Quan quỷ dần mộc

“

Huỳnh đệ thìn thổ

x

Thê tài tý thủy

“

Phân tích tượng quẻ:

1. Quan quỷ dần mộc trì thê, vượng tướng bị nhật kiến giáp thân tương xung là ám động. Động hoá quan quỷ mao mộc là tiến thần. Lại được nhật nguyệt kiến sinh phù, vượng càng thêm vượng.

2. Trong quẻ sơ hào, thìn thổ động, tam hào tử tôn thân kim động. Thân kim là ứng hào lại được nhật kiến giúp sức. Vượng hào, vượng phát vốn là khắc quan quỷ thê hào. Thế hào tất hung, xem kỹ lại quẻ, ngũ hào thê tài tý thủy cũng động, lúc ấy trong quẻ thân tý thìn, tam hào hợp hoá là thủy cục. Thủy sinh mộc, đó là hợp sinh thê.

3. Quan quỷ dần mộc trì thê, không những không khắc lại được sinh, phù ở nhiều chỗ rõ ràng đó là điềm cát tường. Phán đoán là nhất định đăng khoa giáp. Lời phán đoán đó quả nhiên được nghiệm chứng.

Thí dụ khác (3)

Ngày bính tuất, tháng hợi, xem thi cử được quẻ “cách” từ quẻ “phong”

“Lôi phong hoả”

“Trạch hoả cách”

Quan quỷ tuất thổ

“

Quan quỷ mùi thổ

“

Phụ mẫu thân kim

x

Phụ mẫu đậu kim

“

Thê tài ngọ hoả

‘

Huỳnh đệ hợi thủy

‘Thế

Huỳnh đệ hợi thủy

‘

Huỳnh đệ hợi thủy

‘

Quan quỷ sửu thổ

“Ứng

Quan quỷ sửu thổ

“

Tử tôn mao mộc

‘

Tử tôn mao mộc

‘Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Quan quỷ tuất thổ yên tĩnh.

2. Phụ mẫu thân kim trì thê, động hoá đậu kim, động hoá ra tiến thần, điềm cát.

3. Nhật kiến tuất thổ lâm quan tinh, quan tinh nhật kiến sinh thổ, ứng hào và nguyệt kiến không đáng ngại.

4. Ứng nghiệm: thành tích thi cử là siêu quần, quả nhiên đỗ đầu.

Thí dụ ngày nay: Bác sĩ Lưu hỏi thầy Thiệu Vĩ Hoa; con trai ông cuối năm nay liệu có đỗ đại học không? Lập được quẻ “tùy” từ quẻ “tĩ”.

Năm 1986, tháng 2, ngày 25, giờ dậu.

(Bính dần) (Tân mao) (Đinh sửu) (Kỷ dậu)

“Thủy địa tử”		“Trạch địa tùy”	
Thê tài tý thủy	“	Huỳnh đệ mùi thổ	“
Huỳnh đệ tuất thổ	“	Tử tôn dậu kim	“Ứng
Tử tôn thân kim	x	Thê tài hợi thủy	“
Quan quẻ mao mộc	“Thế	Quan quẻ mao mộc	“
Phụ mẫu tị hỏa	“	Phụ mẫu tị hỏa	“Thế
Huỳnh đệ mùi thổ	“	Huỳnh đệ mùi thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Quan quẻ mao mộc lâm nguyệt kiến, vượng lại trì thế, thêm hoá quan tinh, phụ mẫu vượng địa. Thế hào vốn là hào tĩn, bị nhật kiến xung mới thành ám động. Động tất có biến, chúng ta nói: nhật kiến cầm lệnh của một ngày, “thời” tuy chưa được xưng là “kiến” nhưng “thời” cũng chủ cát hung của một giờ.

Quẻ này vốn là quẻ xem “thi đại học”. Nhưng mấu chốt của thành bại là giờ đi thi.

Hai tiếng đồng hồ có đề thi phát đến tay rõ ràng là đặc biệt quan trọng. Vì thế, quẻ này quan quẻ mao mộc trì thế, đã tạo thành xung khắc mao dậu với “thời thần” dậu kim, xung thì thế bị ám động, động hoá quan quẻ mao mộc, là có lợi cho phụ mẫu tị hỏa sinh vượng.

2. Tử hào tị thủy thân kim động, hình như có tượng khắc thế, nhưng kim trường sinh ở tị, mộ tại sửu, cho nên thân kim đã rơi vào tử địa, động hoá thủy, lại thành tiết khí, không có lực khắc chế quan và thế. Sau khi hoá thủy, ở biến quẻ lại gây nên tác dụng hợp thủy tương sinh mao mộc, khiến quan tinh mao mộc được vượng tướng.

3. Qua phân tích, chúng ta biết người học trò này cuối năm có thể đỗ với điểm cao.

4. Người học trò này trong quẻ đoán quả nhiên đã thi đỗ.

II. VỀ NHỮNG BẤT LỢI TRONG THI CỬ

Hào thê tài là kị thần của hào phụ mẫu, hào tử tôn là kị thần của hào quan quẻ, về thi cử tối kị hào thê tài, hào tử tôn vượng lại trì thế khắc thế. Vì vậy hai hào này không xuất hiện trong quẻ là tốt nhất.

“Tử hưng tài động, tối vi kị” (Tử tôn hào vượng, thê tài hào phát động là điều tối kị)

Tử tôn hào động mà khắc quan quẻ, tài động mà thương phụ mẫu, nếu tử tôn hào và thê tài hào trì thế lại vượng tướng thì thi cử sẽ uổng công lao.

- “Thế không phá hựu khổ tuyệt, nan toại thanh vân chi trí” (Thế hào gặp không phá, lại nhập khổ tuyệt thì toại nguyện bay nhảy).

Thế hào không phá lại phùng tuyệt địa hoặc bị nhật nguyệt động hào xung, động lại hoá thì là hung, không những khó đỗ đạt trong thi cử mà còn phải phòng ngừa những sự bất trắc xảy ra.

- “Phụ mẫu ngộ thương, trung đồ khí chi” (Phụ mẫu hào bị thương sát thì giữa đường bỏ thi):

Phụ mẫu vượng tướng, nếu hoá hưu tù, không phá, mộ phá, hoá hồi đần khắc hoặc bị xung tán thì giữa đường ta gặp việc chẳng lành mà phải bỏ thi.

- “Tử tài đồng động, danh lạc tôn sơn” (Tử tôn, thê tài hào đều động thì thanh danh sẽ rơi xuống vực sâu, núi hiểm):

Tử tôn, thê tài hào cũng động hoặc trì thế, quan quỷ phụ mẫu cũng khắc, tất công chẳng thành, danh không toại.

- Lục hào loạn động, không phí chỉ mạt” (cả sáu hào cùng động thì phí công đi thi).

Khi dự đoán thi cử, rất kỵ cả sáu hào quẻ cùng động, cùng xung. Nếu gặp quẻ này, thi sẽ khó đạt.

- “Phạm hoá thoái giả, bất nghị tiến khảo trường” (Phạm các hào nếu thoái hoá thì không có lợi cho đi thi).

Thế hào, quan hào, phụ hào cần phải hoá tiến không được hoá thoái. Nếu hoá thoái, vào trường thi sẽ gặp trở ngại tất sẽ mất lòng tin. Phụ mà hoá thoái học vấn nông cạn (có thể hiểu là một sách, không có năng lực ứng phó, thi thố trong trường thi).

Quan hào hóa thoái thì đường công danh trắc trở, đến bạc đầu cũng không thành.

- Hổ lâm tài hào, nan đăng hoàng giáp:

(Bạch hổ đóng ở tài hào, khó leo lên được bậc hoàng giáp): Bạch hổ lâm tài hoá, lại trì thế, hoặc tài hào phát động, phụ mẫu lại hưu tù không phá, tài động hoá huỳnh, phụ động hoá tài, thì khó mong được may mắn.

- Phụ quan bất tri, nhân sinh ứng; Tha nhân đắc danh ngã vô lợi: Phụ mẫu hào, quan quỷ hào không trì thế mà lại sinh ra ứng hào thì người khác được danh còn ta không được gì).

Hai hào phụ và quan không trì thế mà lại không sinh thế, hoặc giả là cảm ứng hoặc phát động sinh cho ứng, có thi cũng vô ích.

- Quan không phụ suy đẳng minh xuân: Quan quỷ là không, phụ mẫu suy nhược thì đến mùa xuân sang năm mới thi được.

Quan quỷ vốn là nguyên thần của hào phụ mẫu nay phụ mẫu suy, quan quỷ là không, hai hướng đều bất lợi. Cho nên chỉ có thể tiếp tục học thêm đợi mùa thi sang năm.

“Thi cử lại có sự phân biệt văn cả võ. Nếu là văn, có thể xem cả 2 hào quan quỷ và phụ mẫu. Nếu là thi về võ, chỉ xem xét quan tinh. Phạm là thế và quan tinh có một là không phá thì không có hy vọng. Nếu tử tôn phát động thì thành tích học tập có hơn người cũng khó tránh khỏi sơ suất lúc thi, không thể toại nguyện.

Quan quỷ khắc thế, nhật nguyệt động hào khắc thế, thế động hoá quan quỷ hoá khắc. Nếu như có thi cũng gặp tai ương.

Trong cuốn “Khoa cử kinh nghiệm thông khảo” có nói: phạm xem ứng cử hoặc cầu quan, thì xem hào quan quỷ trong quẻ, quan quỷ phụ mẫu cần phát có sự phân biệt. Ba hào huỳnh – tài – tử mà động chắc chắn sẽ không được gì”.

Trong “Tăng san bốc dịch” cũng nói:

“Xem sự tất thành của công danh thì nhìn vào tướng quẻ, nếu không phải là phụ mẫu vượng địa tướng sinh thân thì chắc chắn quan quỷ vượng mà trì thế” còn những quẻ mà công danh không thành, nếu không phải là tử tôn trì thế thì sẽ là tử tôn tài hào phát động, hoặc là thế hào bị khắc, hoặc cả sáu hào đều động khiến công danh không thành.

Tiết 5. DỰ ĐOÁN SỰ NGHIỆP

Mỗi một con người đều quan tâm đến sự nghiệp – tiền đồ và bản thân. Nội dung tiết này là dùng vào việc dự đoán sự nghiệp của cá nhân.

Bao gồm: Lập nghiệp – chuyển chuyển, cất nhắc – thi tay nghề.

Nói chung sự thành công của sự nghiệp đòi hỏi tài và quan lưỡng vượng.

Lấy quan tinh làm dụng thần, quan tinh vượng mà trì thế, tài động mà sinh quan, hoặc tài vượng động mà sinh hợp thế hào, hoặc tài quan nhật nguyệt sinh vượng thế hào. Đó là điểm đẹp.

Người ta sinh ra trên đời, có công danh, có quan tước hay không, hoặc có thể thành danh thành nghiệp hay không, ngoài sự nỗ lực chủ quan và điều kiện khách quan ra, còn có khả năng là có một mối quan hệ lớn với các tin tức về phương diện này, có tồn tại trong quẻ của họ không.

Năm 1990, tôi tham dự cuộc Hội thảo văn hóa thần bí của một trường đại học nọ tổ chức. Có tài liệu đã nói rõ: một con người ra đời sau 12 tháng đã hình thành cơ bản các vận tay. Hội nghiên cứu vận tay đã nghiên cứu vận tay và đời người, không dám nói 100% chính xác nhưng tỉ lệ chính xác ít nhất là trên 70%. Điều đó nói rằng: sự phối hợp âm dương của tiên thiên đem lại những tin tức tốt lành của nó có tác dụng vô cùng quan trọng đối với sự thành bại trong sự nghiệp của người ta trong tương lai. Sự huyền bí của nó, rốt cuộc là ở đâu, xin dành lại cho những người có tâm huyết sau này khám phá.

Trong “Tăng san bốc dịch” đã để lại những kinh nghiệm quý báu cho chúng ta trong việc dự đoán những tin tức về mặt này: “Học giả phụ mẫu thế hào động vượng, Kinh tu biến hoá thành long, Nhật nguyệt động hào tương sinh, Định thị ngũ gia trừ khí”. “Chiêm thế hào phụ mẫu, giai nghi vượng tướng hoặc động nhi biến cát, hoặc phụ mẫu trì thế, nhật nguyệt động hào sinh hợp thế hào, phản long phụ phượng khả chi”.

(Khi dự đoán việc học hành, phụ mẫu thế hào đều vượng, trải qua nhiều thay đổi để thành rồng, nhật nguyệt hào tương sinh. Đó là những khí cụ tàng trữ của ngũ gia.

Nếu xem thế hào phụ mẫu đều phải vượng tướng, hoặc động mà hoá cát, hoặc phụ mẫu hào trì thế, nhật nguyệt động hào sinh hợp thế hào thì có thể nói có rồng lượn phượng bay).

Sách còn nói: “Quan quý phụ mẫu hưng vượng thì văn chương sẽ được sử dụng. Phàm là được phụ mẫu vượng trì thế, quan quý động sinh phụ mẫu, hoặc quan tinh trì thế phụ mẫu hào vượng động. Hoặc quan phụ hào đều cương, vượng động sinh hợp thế hào. Hoặc nhật nguyệt đều là quan tinh, phụ mẫu sinh hợp thế hào đều là điềm báo thành danh, học thành văn võ kĩ hoá hưng để vượng gia “ còn có câu: “ngũ hào sinh thế, bình bộ đăng vân”.

Được thái tuế và ngũ hào sinh thế, hoặc nhật nguyệt lâm hào động mà sinh thế đều chủ về được ăn lộc của thứ dân, được “bình bộ đăng vân”. Nếu thái tuế lâm ngũ hào, động mà sinh cho thế hào, chắc chắn cao quý không thể nói hết.

Thầy Thiệu Vĩ Hoa trong dự đoán của mình cho rằng: phàm gặp các tình huống trên đây, các phán đoán đều ứng nghiệm, chưa bao giờ sai. Thật là quý giá!

Xin đưa một ví dụ như sau:

Ngày 18/12/1985, có đồng chí Nhiễm nói: họ hàng của anh đến xin xem một quẻ về vận khí từ nay về sau: người ấy sinh vào giờ Tuất ngày 21 tháng 6 năm 1938 (năm Bính tí, tháng ất mùi ngày tân dậu, giờ mậu tuất) được quẻ “Thái” từ quẻ “Nhu”.

“Thủy thiên nhu”

“Địa thiên thái”

Thê tài tý thủy

“

Tử tôn dậu kim

“Ứng

Huỳnh đệ tuất thổ

O

Thê tài tý thủy

“

Tử tôn thân kim	“Thế	Huynh đệ sữu thổ	“
Huynh đệ thìn thổ	‘	Huynh đệ thìn thổ	‘Thế
		<i>phụ mẫu</i>	
Quan quỷ dân mộc	‘phục	Quan quỷ dân mộc	‘
		<i>tị hoả</i>	
Thê tài tý thủy	‘Ứng	Thê tài tý thủy	‘

Phân tích tượng quẻ:

Người này thế hào thân kim, vượng cho nhật kiến được nguyệt kiến tương sinh lại được ngũ hào tuất thổ động sinh thế.

Thế hào lại hoá hồi đầu sinh, phụ mẫu vẫn thư hào phục lại được trường sinh. Quả là được công thành danh toại. Hơn nữa còn nổi tiếng khắp nơi. Lúc đó thầy Thiệu Vĩ Hoa phán đoán.

Dựa vào ngũ hào động sinh thế đoán rằng anh ta “bình bộ đẳng thiên”, hẳn gặp việc tốt là sẽ tiến lên theo thế nhảy vọt.

Thế hào lâm nhật kiến, nguyệt kiến lại sinh thế hào, phụ mẫu tuy ẩn phục, nhưng lại được trường sinh, nên đoán rằng về văn học có thành tích lớn, tiếng tăm sẽ lừng lẫy đó đây.

Trong quẻ, tài hoá tài, tài hoá tử tôn nên đoán anh ta tiền của rất nhiều

Vì huynh đệ động mà mất cửa, ứng hào thê tài sinh quan quỷ hào nên đoán rằng anh ta hôn nhân không thuận, người vợ bỏ đi.

Tử tôn vượng lại trì thế nên đoán rằng anh ta không có quan tước, chỉ là một danh nhân mà thôi.

Tử tôn trì thế, cả đời bình an, cho dù có người nào đó muốn trừng trị anh ta cũng không nổi, ngay cả trong “cách mạng văn hoá” cũng như thế.

Thầy Thiệu Vĩ Hoa nói xong, bản thân anh ta và những người có mặt ở đó người nào cũng đều ngơ ngác nhìn nhau, vô vùng kinh ngạc. Ông Nhiệm nói: “Anh ấy là diễn viên Dự kịch nổi tiếng về Dự kịch ở Trung Quốc, anh chắc không biết anh ấy. Anh đã đoán rất đúng”. Người diễn viên này nói: “Tôi là người không tin tướng số, sự thật hôm đã mở mắt cho tôi. Quẻ đoán hoàn toàn chính xác. Tôi đã nhiều lần gặp được Mao Chủ tịch, thủ tướng Chu Ân Lai và nhiều lãnh tụ khác, quả thực danh tiếng tôi không nhỏ nhưng tôi không có quan chức, lương hơn 400 đồng 1 tháng, vợ đã ly hôn, còn những điều khác thầy đã nói đều rất đúng.

Cứ theo như cử tôn trì thế thì không có công danh nhưng người này danh tiếng lừng lẫy, vì vậy tử tôn trì thế như đănói ở trên trong 1 điều kiện có lợi như ở quẻ này là có danh.

Điều này, các bạn có thể tham khảo, luận bàn điểm.

NHỮNG TÌNH HUỐNG CÓ LỢI CHO SỰ NGHIỆP

Quan tinh trì thế, tài động tương sinh, hoặc thế hào lâm động hoá tài, hoặc thế tài động hoá quan, hoặc quan tinh động lại sinh hợp thế nào. Hoặc nhật nguyệt là quan tinh sinh hợp thế nào, thì xem quan sẽ được quan, thi tay nghề sẽ được chọn, thăng chức sẽ có hi vọng. Thế hưng, tài tinh, quan tinh 3 cái đó đắc địa mà không bị hãm, quan vận nhất định hanh thổ, thi nghề sẽ thành.

Nếu tài quan đều vượng, thế hào lại bị hãm thì được quan mà mất phúc.

Nếu quan thế lưỡng vượng, tài hào bị hãm thì tiền ít mà lương không cao.

Ngũ hào sinh thế, bình bộ đẳng thiên, thanh vân đắc lộ, có niềm vui thăng quan, lên chức vượt cấp.

Quan tinh vượng mà sinh thế, lại được thái tuế lâm hào sinh quan chắc chắn có quyền của quan phụ tá.

Thái tuế lâm nhật nguyệt lại sinh thế, thì có niềm vui được thăng quan, có con trai hoặc tăng tiền của.

Quý nhân lâm thế, quan phụ lại sinh phù hoặc nhật nguyệt kiến sinh thế. Tất là có tài được làm tướng soái (Quý nhân là chỉ “thiên ất quý nhân”, là cát tinh). Trong bài ca tìm quý nhân đã nói:

“Giáp mậu tịnh ngư dương
 Ất kỷ thử hầu hương
 Bính đinh trư kê vị
 Nhâm quý thổ xà tàng
 Canh tân phùng hổ mã
 Thử thị quý nhân phương”

Giáp mậu tịnh ngư dương – “Giáp” là thiên can của năm giáp. “Mậu” là thiên can của năm mậu. Tức là những người sinh ra ở 2 năm này nếu trong tứ trụ có “ngư” và “dương” (sửu, mùi) thì trong tứ trụ của họ có quý nhân.

Nếu cả hai chữ sửu và mùi thì có 2 quý nhân; nếu có một chữ thì có một quý nhân. Có sách cho Giáp mậu là thiên can của năm, có sách cho giáp mậu là thiên can của ngày. Căn cứ vào tình hình thực tiễn chứng minh.

Có thể tìm quý nhân theo thiên can của năm.

Có thể tìm quý nhân theo thiên can của ngày.

Thí dụ: người sinh vào năm 1984. Tháng 6, ngày 1, giờ sửu. Tứ trụ sẽ là: Năm giáp tý, tháng tân mùi, ngày bính ngọ, giờ Ất hợi. Trong tứ trụ trên, mùi và sửu là quý nhân (có 2 quý nhân).

Quan tinh lâm tý, ngọ, mao, dậu là chức chánh.

Lâm dần thân tị hợi là phúc phó (phụ tá).

Lâm thìn tuất, sửu, mùi là tạp quan

Lâm nhật nguyệt kiến là quan có dấu ấn;

Quan tinh vượng tướng là chức quan lớn.

Quan tinh hưu tù là chức quan nhỏ.

Bạch hổ lâm vượng quan trì thế, quý nhân là chức võ. Nhật nguyệt lâm tài tinh để sinh thế, bạch hổ lâm kim quan lại trì thế. Nếu theo con đường văn, tất lên bảng vàng, nếu theo con đường võ, tất lập kỳ công.

Quan tinh động vượng, lập công xây dựng cơ nghiệp. Phụ mẫu hào không vượng, mà quan tinh độc vượng, hoặc nhật nguyệt lâm quan tinh sinh thế, bạch hổ lâm thế động hoặc quan quỷ lâm động mà sinh hợp với thế hào chủ sẽ lập công, thành danh.

Quan tinh trì thế, tài động sinh thế, thế làm quan động hóa tài. Thế lâm tài động hoá quỷ. Hoặc quan tinh tái tinh động để sinh hợp với hào khác. Thì không những được quan chức, thi nghề được thành đạt, mà còn có điểm báo chủ sẽ thành danh.

Quan tinh động sinh thế, phù thế, chủ tất có chí tiến thủ. Phàm mà được quan tinh phát động sinh hợp thế hào, nhật nguyệt động hào không có xung khắc, làm quan tất tiếng tăm được truyền tụng gần xa.

Nguyệt kiến mà lâm quan tinh sinh thế, chắc chắn đó là chức cảnh sát hiến binh.

Thế hào lâm nguyệt phù, nhật kiến quan tinh động lại sinh thế, tất sẽ có chức quan.

Quan vượng lại gặp sinh phù. Hoặc động mà hoá cát, thế vượng, tài vượng, hoặc tài động sinh thế, thì cả quân dân đều ca tụng công đức.

Quan vượng huynh hưng, hai ống tay gió mát, huynh động tuy là điềm hao tài, giảm lương, nhưng quan tinh vượng tướng, chắc chắn làm quan thanh liêm chính trực, làm việc chính nghĩa. Nội không tham nhũng, ngoại không nhận hối lộ.

Quan tinh lâm thế, minh động, ám động, lại thêm mã tinh lâm quan, tất có việc phải đi xa.

Nhật nguyệt động hào, là tài tinh, lại sinh phù cho thế hào trên đường đi công tác đắc lợi.

Nếu nhật nguyệt động hào, hình khắc, chắc chắn đường đi gian khổ.

Quan vượng thế vượng lại gặp quý nhân lộc mã sinh hợp thế nào sau này có lúc tên đề bảng vàng.

Quan tinh vượng, chức quan lớn, lại còn cao. Quan tinh hưu tù tử tuyệt, chức quan thấp hèn. Nếu phát động hợp thế, nhật nguyệt phù quan, tất sẽ có người giúp đỡ, tiến cử.

Phụ mẫu văn ấn, là con dấu của văn thư. Trong quẻ không thể thiếu. Cần phải vượng, không được suy. Phù thế là đẹp nhất, nếu lâm thái tuế sinh hợp thế hào chủ tất có việc triều đình vởi gọi vui mừng. Nếu gặp nhật kiến, quan trên sẽ khen thưởng. Nếu là tuần không thì việc không thành.

Quan tinh trì thế, hoặc động mà sinh thế, không bị nhật nguyệt kiến xung khắc đa trí, đa mưu, sau này tất sẽ được như ý.

Hào phụ mẫu vượng tướng, nơi công tác sẽ lớn, hoặc là quốc doanh; nếu hưu tù tử tuyệt thì đơn vị công tác nhỏ, không vừa ý mình; nếu như thụ khắc thì nơi làm việc không hưng vượng.

Quẻ không có phụ mẫu xuất hiện phải xem phúc thần vượng hay suy mà đoán.

Nếu quan tinh vượng tướng, phụ mẫu hưu tù, nếu không phải cơ sở nơi làm nhỏ thì cũng là nơi tan hoang, lạnh lẽo (không làm ăn được).

Thái tuế lâm ngũ hào lại sinh hợp thế hào hoặc hai hào thế và quan hợp thành cục. Đó là điềm lành. Tất có ân tình. Nơi công tác sẽ được tăng cấp và được tin dùng.

Trong quẻ có hai hào là quan tinh, tất phải nhậm chức ở hai nơi hoặc chủ được hai nơi đều tin dùng.

Nhậm chức ở đâu thì phải xem ngũ hành: quan ở hào kim là ở hướng tây, ở mộc là hướng đông, thủy ở hướng bắc, hoá ở hướng nam. Quan đóng thổ ở trung ương, tức ở giữa. Quan đóng ở mộc tức là vùng Sơn Đông, Quảng Đông ở Kim thì sẽ là Thiểm Tây, Quảng Tây, Giang Tây, Sơn Tây.

Sơ hào là nội địa, hào năm, sáu là vùng biên cương, nếu quẻ sơ hào ứng mà thế hào hoặc quan hào lâm sơ hào, ứng ở hào năm, sáu, hoặc thế tại hào năm, quan tại hào sáu, hoặc thế tại hào sáu, hoặc quan hào trì thế, đều tại hào năm sáu.

Nếu tại hào hai, ba, bốn thì cứ theo ngũ hành của hào mà định.

Quan tinh không xuất hiện, thì xem phúc hào mà định. Nếu quan tinh có dụng thần thì năm có dụng thần tất nhậm chức.

Thân cư quan chức, nếu tài vượng mà không động, phụ mẫu trì thế mà không lạc không vong mới là đất lành.

Nếu tài hào không tuyệt, phụ mẫu bị khắc chế sẽ là nơi đất xấu, dân nghèo. Phụ vượng lâm thế tất là nơi phồn hoa.

Phạm giữ những chức tướng soái hoặc chức quan chinh phạt mà hỏi quẻ lúc yên ổn, nếu tử tôn phát động, thì chủ sẽ có việc giáng chức, điều động.

Nếu đến việc mới hỏi thì tử tôn phát động là điểm mừng. Xuất trận tất sẽ lập công lớn. Nếu như tuế quán nguyệt kiến hợp thế hào, chắc chắn sẽ có niềm vui thăng quan tiến chức.

Cán quan trấn thủ, bất kể là văn quan võ chức, lục hào cần phải yên tĩnh, nhật thần và nguyệt kiến không xung phá thế hào thì bình an vô sự.

Nếu gặp quan quĩ phát động, thế ứng xung khắc tất sẽ không được an ninh.

Thí dụ cổ:

Ngày Ất hợi, tháng Thân, xem có cơ hội được lên thay chức hay không, được quẻ “tiết” từ quẻ “tĩnh”.

“Thủy phong tĩnh”		“Thủy trạch tiết”	
Phụ mẫu tý thủy	“	Phụ mẫu tý thủy	“
Thê tài tuất thổ	‘Thế	Thê tài tuất thổ	‘
Quan quĩ thân kim	“	Quan quĩ thân kim	“Ứng
Quan quĩ dậu kim	O	Thê tài sửu thổ	“
Phụ mẫu hợi thủy	‘	Huỳnh đệ mao mộc	‘
Thê tài sửu thổ	x	Tử tôn tỵ hỏa	‘Thế

Phân tích tượng quẻ:

1. Quan quĩ thân kim lâm nguyệt kiến, trì vượng mà động, động biến thê tài sửu thổ hồi đầu sinh. Điềm tốt.

2. Hào đầu động, biến tỵ hỏa, tỵ dậu sửu hợp thành quẻ tỵ hỏa sinh thổ, thổ sinh kim. Đây là quẻ “Đắc Khuyết” (tức là những chỗ khuyết được bù đắp), việc tất thành, về sau quả ứng nghiệm.

Thí dụ khác:

Ngày Ất mùi, tháng Dần, xem quan chức, được quẻ “quán” từ quẻ “tỷ”.

“Thủy địa tỷ”		“Phong địa quán”	
Thê tài tý thủy	x Ứng	Quan quĩ mao mộc	‘
Huỳnh đệ tuất thổ	‘	Phụ mẫu tỵ hỏa	‘
Tử tôn thân kim	“	Huỳnh đệ mùi thổ	“Thế
Quan quĩ mao mộc	“Thế	Quan quĩ mao mộc	“
Phụ mẫu tỵ hỏa	“	Phụ mẫu tỵ hỏa	“
Huỳnh đệ mùi thổ	“	Huỳnh đệ mùi thổ	“Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Quan quĩ lâm nguyệt kiến. Vượng lại trì thế.
2. Thê tài động lại hoá mao mộc, hào biến là quan tinh.
3. Động hào, động mà ứng thế, sinh ra thế.
4. Tuy nhiên quan tinh mộ vào ngày mùi, nhưng lại được vượng tướng, được phù trợ cho nên không ngại. Sau quả nhiên đã làm quan vào tháng hợi.

II. NHỮNG TÌNH HUỐNG BẤT LỢI CHO SỰ NGHIỆP

Hào tử tôn chính là sao chế quan, bác chức.

Cầu quan, xin việc, sợ nhất hào tử tôn trì thế, hoặc lâm phát nguyệt phát động lại khắc quan tinh. Nếu tử tôn trì thế hoặc động, khắc quan thì cầu quan cũng được. Đã là quan tất sẽ mất chức.

Tài vượng thế vượng, quan tinh tuần không nguyệt phá, hoặc bị nhật nguyệt động hào xung khắc. Động mà hoá hung. Đó là cây khô rễ mục, khó sinh trưởng. Rốt cuộc chỉ làm người dân bình thường. Trong quẻ quan tinh bất động, gặp khắc trì thế, huỳnh đệ phát động, hoặc thê

tài trì thế, hoá huynh. Phàm cầu quan thì không thành hoặc có thành thì cũng vì một nguyên nhân khác, không có lộc thực, cũng không có phúc.

Thế không thế phá, quan không quan phá thì có chức cũng chẳng được bao lâu. Thế suy, phát động hoá hồi đầu khắc, cần đề phòng nguy cơ đoán thọ.

Thế hào vượng tướng, hoá xuất quan tinh, hình thế khắc thế. Chính vì làm quan mà bị hại.

Nếu hoá xuất quan tinh lại khắc thế hào thì vì làm quan mà phải bồi thường vô ích.

Thi cử lấy quan tinh làm dụng thần, dụng hào nên hợp, không nên xung. Nếu như huynh hào tương xung, thì đề thi, thí sinh không thuộc.

Phụ vượng lại được ngày giờ động sinh hợp thì văn chương như cầm tú (hay); thế tài tương khắc, tất nhiều chỗ phá trở (ngăn cản), nguyệt kiến xung khắc, văn chương lạc đề.

Nguyệt kiến phát động mà hình khắc thế hào tất bị xử phạt. Quan hào trì thế mà tài hào phát động sinh hợp thế hào. Tất có người cung cấp lương thực thức ăn.

Tử tôn phát động, đề phòng hoạ mất chức, miễn quan.

Huynh đệ phát động, đề phòng hoạ hạ mức lương, thiên hạ phỉ báng.

Nếu tử tôn cũng động, chắc chắn sẽ bị hạ bậc lương.

Thế hào lạc không vô cứu, vô luận là đã nhận chức hay chưa, tất có hoạ lớn, thậm chí tử vong.

Hào quan quý động mà hình thế khắc thế tất có hoạ lớn. Thái tuế nhập hào hoặc động mà thương thế hào, tất sẽ bị hoạ giáng cấp, giáng chức.

Nếu gặp hổ xà hình hại, chắc không thoát khỏi bị bắt tù đầy.

Quẻ tĩnh, thế không, đó là điềm về hưu; Quan đang nhậm chức, thế hào không vong nếu mà cả sáu hào đều yên tĩnh, đó là biểu hiện của về hưu. Nếu gặp quý động cùng nhật nguyệt tuế quan làm tổn thương hào thế, phải mau lẩn trốn.

Huynh là đồng sự, quý động hoá huynh, khắc xung thế hào, thì chủ cùng người động sự bất hoà. Huynh đệ hình thế cũng vậy.

Thế mà khắc được huynh, tức là ta có thể khắc chế được họ.

Quý phục ơ thế, tất gặp trách phạt. Nếu không vào thế hoặc không vong, tất gặp hoạ mất chức mất việc.

Thế ở ngũ hào là không, phải phòng nhật nguyệt hình khắc, e sẽ có tai hoạ khôn lường.

Phàm được quan động sinh hợp thế hào, nhật nguyệt động hào không có xung khắc. Nếu tài hào lâm tuần không phục hoặc tuyệt, tất vì hối lộ mà huỷ hoại thanh danh.

Thế tĩnh lâm tuần không, nguyệt phá. Quan quý phùng nguyệt phá tuần không, không thể thành danh.

Quẻ có khắc thế, làm quan sẽ gặp hoạ.

Thiên mã tuần không vong, tuy có đa mưu cũng uống công vô ích.

Hào phụ mẫu là ẩn, là văn thư, không thể thiếu, càng không văn thư bất thực.

“Kim nhật đắc quan, minh nhật vong” (hôm nay được làm quan, ngày mai đã mất). Nếu quan khắc gặp hung; thế lại gặp khắc. Đó là điềm báo hôm nay làm quan ngày mai đã mất chức.

Thí dụ cổ:

Ngày đinh mão, tháng tuất, đoán xem có được làm quan hay không được quẻ “nhu”.

“Thủy thiên nhu”

Thê tài tý thủy “

Huynh đệ tuất thổ ‘

Tử tôn thân kim	“Thế
Huynh đệ thìn thổ	‘
Quan quỷ dần mộc	‘
Thê tài tý thủy	Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Tử tôn trì thế khắc quan quỷ.
2. Cả đời không được làm quan sau phải đi lính thú 20 năm có dư, già đến bạc đầu mà công chẳng thành.

Thí cụ cổ:

Ngày mao tháng tỵ xem cuộc đời có công danh hay không, được quẻ “lữ”.

“Hoả sơn lữ”	
Huynh đệ tỵ hoả	‘
Tử tôn mùi thổ	“
Thê tài dậu kim	‘Ứng
Thê tài thân kim	‘Phục
Huynh đệ ngọ hoả	“
Tử tôn thìn thổ	“Thế

Phân tích tượng quẻ:

1. Quẻ phùng lục hợp: thân tỵ, ngọ mùi, thìn dậu tương hợp.
2. Quẻ tuy có lục hợp nhưng tử tôn trì thế bất lợi cho công danh. Quan tinh phục tàng lại phùng xung, tỵ hợi tương xung, không ăn ý với nguyệt kiến.
3. Cả đời không có công danh, sau quả nhiên không có công danh, ốm mà chết.

Tiết 6. DỰ ĐOÁN HÔN NHÂN

Trời đất có âm dương, người có nam nữ. Có nam nữ đương nhiên sẽ có âm dương tương hợp, nam nữ hôn phối. Cho nên trong “hệ từ” có câu: “Cố thiên địa sau có vạn vật, có vạn vật sau có nam nữ, có nam nữ sau có vợ chồng, có vợ chồng sau có phụ tử”. “Nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh”.

“Nam nữ”, “vợ chồng” ở đây chính là vấn đề hôn nhân mà ta đang nói đến.

Hôn nhân là sự bắt đầu của gia đình, là tế bào của xã hội. Vì vậy vấn đề hôn nhân là vấn đề mang tính xã hội. Trong cuộc sống thực tế, có những đôi vợ chồng ân trọng như sơn – tình thâm tựa biển. Sống với nhau đến lúc bạc đầu. Nhưng cũng có đôi yêu nhau thắm thiết như cặp uyên ương nhưng giữa đường lại đứt gánh.

Tất cả những điều đó đều do sự tương sinh tương khắc của âm dương ngũ hành đem lại.

Trong “Chu dịch”, có rất nhiều quẻ bàn về hôn nhân và chọn đôi lứa, đồng thời tổ tiên chúng ta đã vì cuộc sống vợ chồng tươi đẹp xây dựng một gia đình hoà mục con cháu thịnh vượng, đã phát minh ra phương pháp sử dụng bát quái để dự đoán về sự tốt xấu của lứa đôi và sự sinh con trai con gái.

I. NHỮNG HÔN NHÂN THUẬN LỢI

Âm dương đắc vị là điềm cát.

Nếu nam xem về nữ, thế phải ở dương vị ứng hào ở âm vị.

Nếu nữ mà xem về nam, thế hào phải ở âm vị, ứng hào ở dương vị.

Như thế là âm dương đắc vị hợp đạo vợ chồng.

Cách phân định quan hào, tài hào và dụng thần:

Nam xem về nữ: hào thê tài là dụng thần.

Nữ xem về nam: hào quan quỷ là dụng thần

Nên sinh vượng, nên tương sinh, không được lưu, tù, tử tuyệt, hình xung phá hại.

Hai hào quan, hai hào tài ứng là chính:

Nam xem về nữ: trong quẻ có hai hào tài, hào nào nắm ở ứng là chính (vợ cả), hào khác là thứ (vợ lẽ).

Nữ mà xem về nam: quẻ có hai hào quan quỷ, lấy quan ở hào ứng tức là chính phu, lấy hào quan hào khác là chồng sau.

Nếu hai hào quan và tài đều không vào ứng hào thì lấy hào vượng làm chính, lấy hào suy làm phụ.

Thế ứng tương sinh, cát tường, dễ thành phu phụ:

Phạm đã xem hôn nhân, bất kể cưới lần đầu hay tái hôn, nếu gặp được thế ứng tương sinh tương hợp tử hoà thì cuộc hôn nhân ấy dễ thành mà cát lợi.

Tài quan cả hai đều là không thì xem như thế nào?

Nam xem về nữ: quan quỷ tuần không thì không lo.

Nữ xem về nam: thê tài tuần không chẳng ngại.

Thế ứng tài quan rõ ràng, chồng xứng vợ hoạ.

Quan vượng sinh thế đến bạc đầu bên nhau.

Quan quỷ trì thế, sinh thế, hợp thế vượng tương, cuộc tình duyên đẹp, sống đến bạc đầu.

Tài vượng tương sinh nhất định bạc đầu răng long. Tài hào vượng tương, lâm nhật nguyệt, động hào sinh hợp thế hào, động mà hoá cát. Vợ chồng yêu thương nhau đến bạc đầu răng long.

Ứng hào lâm tài tất có người giúp việc trong nhà. Nam và được ứng hài làm thê tài không những được người vợ đảm đang nội trợ mà còn thu được của cải bên ngoài.

Ứng hào quan quỷ tất thỏa lòng. nữ gặp ứng hào là quan quỷ, tất nhiên tình duyên vừa ý đẹp lòng. Quan quỷ sinh phù cho tài thì càng vượng.

Dạng sinh thế hào tương thân tương ái: Dung hào sinh hợp thế hào. Thế ứng tương hợp hôn nhân dễ thành, thương yêu nhau, gia đình hoà mục.

Quẻ gặp lục hợp là tốt nhất: phạm đoán việc hôn nhân, quẻ bất lục hợp, như kiểu tỷ hợp sữ, đó là điểm đại cát.

Quẻ nam mà hợp thì chủ về khí phách tốt đẹp. Quẻ nữ mà lục hợp thì tình cảm đậm đà.

Tài quỷ không vong (tuần không), nữ xem về nam tài hào không tuần không đều vào vượng địa, tất nhiên là đại cát.

Nam có tài, nữ có sắc phải xem dụng thần kim là dụng thần lại lâm sinh vượng chắc chắn đó là nam thanh, nữ tú, đáng vẻ đẹp thanh thoát.

Mộc lâm dụng thần ở vào đất vượng, đáng vóc cao đẹp, thanh tú.

Thổ là dụng thần gặp vượng địa là người đôn hậu, béo mà không cao.

Hoả làm dụng thần, vượng mà nhuận hồng, tóc ít, mặt hơi sạm.

Thủy làm dụng thần sinh ở vào vượng địa, tâm tính thông tuệ, lại khéo tay, khéo nói.

Tài quan đều vượng tất là người to béo;

Bất kể nam hay nữ, hai hào tài quan đều ở vượng địa, tất nhiên là người béo, to.

Nếu tài quan suy nhược thì gầy và nhỏ. Gặp câu trần, đằng xà, bạch hổ thì người xấu. Nhưng nếu gặp câu trần thì người tuy đen không đẹp, nhưng rất thành thực đáng tin.

Hào ứng tài thê vượng đạo đức và dung nhan đều được:

Nam mà được ứng hào thê tài vượng địa thì người vợ có sắc đẹp, đức hạnh tốt.

Dụng thần có thanh long, rất quý nhưng hãy làm đáng.

Phàm nam nữ xem hôn nhân, dụng mà có thanh long là đại cát xương. Quan hào mà gặp thanh long, nam tất quý tài mà có thanh long, đồ cưới bên nhà gái sẽ nhiều. Tài tinh đắc vị, là vì có vợ mà trở nên giàu có: Thế mà sinh ứng, con trai đi tìm con gái.

Ứng mà sinh thế, con gái tham của cải tiền tài. Tài vượng khắc ứng suy tất ghét nghèo yêu giàu. Tài hoá tiến thân thì đồ cưới nhiều.

Tài hoá tử tôn, nhật định người con gái có ý riêng. *Thực hay không thực hãy nhìn vào thế và ứng.* Nếu thế là không bản thân mình không thực tâm. Nếu ứng là không thì đối phương không thực tâm.

Nếu hoá thoái, tất bỏ ngay.

Nếu hoá tiến, thì bỏ nhau rồi lại yêu lại.

Người khác có hợp với ta không hãy xem động hào. Thế hào và động hào tương hợp thì người đến với ta sẽ hợp với ta.

Phụ mẫu là văn, là chủ hôn:

Phụ mẫu hào là văn thư, là người chủ hôn

Quẻ mà không có phụ mẫu chắc chắn sẽ rối ren.

Tài hào động thì phụ mẫu là những người bàn bạc và dàn xếp.

Định ngày cưới, phải xem hào phụ mẫu hợp tài sinh tất thành gia thất.

Ngày giờ tái hợp với phụ mẫu hào hoặc ngày lâm phụ mẫu hào thì ngày cưới đã định.

Tài động sinh thế tất ứng vào năm thành gia thất.

Vợ cả và vợ hai I được phân định trong quẻ.

Ứng là vợ cả. Nếu bị nhật nguyệt động hào xung khắc. Động mà hoá hung, chủ mất đi người vợ kết hôn lần đầu.

Nếu được tài hào vượng tướng, hào động mà hợp cát, hay một hào nào đó mà hoá thành tài hào vượng tướng, lại sinh hào hợp, vợ cưới tái hôn có thể sống đến bạc đầu.

Nếu hào tài không lâm vào ứng, thì lấy hào tài của quẻ chủ làm vợ cả, lấy hào tài của quẻ biến làm vợ tái hôn.

Nam mà xem nữ, tài phải vượng; Nữ xem về nam, quan phải hưng. Tài quan hai hào đều vượng, việc hôn nhân dễ thành lại may mắn. Hưu tù tử nguyệt thì chung cuộc sẽ bất hạnh.

Ứng nên yên tĩnh, nên sinh cho thế: xem hôn nhân thì cần ứng hào phải yên tĩnh, nhất định sẽ có hứa hôn.

Nếu các hào ở cùng một cung: thế ứng tử hoà, quan quý thế tài hào ở cùng một cung, thì nhất định là đã thân thiết lại càng gắn bó.

Phụ động là con trai đi hỏi vợ; Hào giữa thế mà ứng động tức có mối lái. Phụ mẫu hào động, tử tôn mộ tuyệt là việc cầu hôn cho trai.

Thế ứng tử hoà, lại được ngày giờ hợp thế hào, sẽ được sự giúp đỡ đắc lực của người mối; Nếu hai hào giữa đều động, thì sẽ có hai người mối lái tranh giành lẫn nhau.

Quẻ gặp hài hào phụ mẫu, chắc chắn có sự tranh chấp bề cánh

Dụng thần suy hoặc vượng, để đoán giàu nghèo:

Tài hào vượng tướng chắc chắn đó là cô gái con nhà giàu có, hiền lương, phúc đức.

Tài hào hưu nhất định sẽ là người con nhà nghèo khó.

Quan hào vượng tướng, nhà trai giàu có. Quan hào mà ứng hào vượng thì nhà gái giàu. Con gái mà ứng hưu tù thì nhà trai bần hàn.

Đằng xà tương lâm (gặp đằng xà) tiền lễ cưới ít:

Thế lâm huỳnh đệ có đằng xà, nhà trai túng quẫn, lễ không nhiều.

Ứng mà lâm quan quý, của hồi môn tất ít.

Thí dụ:

Ngày quý Dậu, tháng tý xem quẻ cầu hôn được quẻ “đỉnh” được quẻ “hằng”.

“Lôi phong hằng”		“Phong hoả đỉnh”	
Thế tài tuất thổ	x Ứng	Tử tôn ty hoả	‘
Quan quý thân kim	“	Thê tài mùa thổ	“Ứng
Tử tôn ngộ hoả	‘	Quan quý Dậu kim	‘
Quan quý Dậu kim	‘Thế	Quan quý Dậu kim	‘
Phụ mẫu Hợi thủy	‘	Phụ mẫu Hợi thủy	‘Thế
Thê tài Sửu thổ	“	Thê tài Sửu thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

Xem quẻ hôn nhân, chủ yếu xem hào thế, hào ứng, hào quan quý và hào thê tài.

Quẻ này đều có thể dùng tới cả.

Trước hết xem hào quan quý, tất cả có hai hào quan quý ở chủ quẻ. Lấy hào vượng: làm hào thứ ba. Hào thứ ba quan quý Dậu kim trì thế, phải ở trạng thái yên tĩnh, không cần thiết phải xem hào biến.

Xem quan tinh hào thứ ba và nhật nguyệt có quan hệ như thế nào? Tỷ hoà với nhật kiến lại trì thế nên vượng.

Xem tình trạng của hào thê tài như thế nào? Thê tài là sơ hào và thượng lục hào, cũng có 2 thê tài. Chúng ta bỏ sơ hào yên tĩnh, dùng thượng lục hào thê tài động, lại lâm ứng.

Tuất thổ động nên tương sinh thế hào Dậu kim. Lại là thế ứng tương sinh.

Tình hình là rất đẹp, thử quay lại xem có nhân tố bất lợi nào không?

Quý Dậu là nhật kiến, là ở tuần giáp tý, “Giáp tý tuần tại tuất Hợi không”. Thê tài tuất thổ vào vị trí tuần không. Có cơ chuyển biến tốt được không? Có – Bởi vì: động sẽ không phải là tuần không; ra khỏi tuần thì sẽ không phải là tuần không.

Phải chớp ngay thời cơ tốt, ngày hôm sau chính đã sang tuần giáp tuất, đã xuất khỏi tuần không, cầu gì cũng thành. Quả nhiên ngày ngày hôm sau, giờ tý (hoả sinh thổ) thì đính hôn. Sau sống đến bạc đầu.

Một thí dụ khác:

Ngày ất Sửu tháng Mão, xem cầu hôn, được quẻ “Tỷ” từ quẻ “phệ hạp”.

“Hoả lôi phệ hạp”		“Thủy địa ty”	
Tử tôn ty hoả	O	Phụ mẫu tý thủy	“Ứng
Thê tài ty hoả	x Thế	Thê tài tuất thổ	‘
Quan quý Dậu kim	o	Quan quý thân kim	‘
Thê tài Sửu thổ	“	Huỳnh đệ Mão mộc	“Thế
Huỳnh đệ dần mộc	“Ứng	Tử tôn ty hoả	“
Phụ mẫu tý thủy	O	Thê tài Mùi thổ	“

Phân tích tượng quẻ:

1. Quẻ này mới nhìn tương đối phức tạp vì có bốn hào là sơ hào, tứ hào, ngũ hào, thượng lục hào động. Chúng ta sẽ dần dần, kiên trì mà xem xét, làm rõ các mối quan hệ trong đó.

2. Trước hết xem thế nào. Thê tài Mùi thổ trì thế, động lại hoá ra thê tài tuất thổ, hoá thành tiến thân, là điềm tốt.

3. Hãy xếp một số hào động không quan trọng lắm sang một bên. Phân tích để tìm đường dây chính.

Sơ hào phụ mẫu tý thủy động, phụ mẫu là văn, thứ là chủ hôn. Quả không có phụ mẫu thì mới rắc rối.

Hào phụ mẫu động lại hoá thê tài. Chủ về sự hôn nhân được bố mẹ dàn xếp. Đó là điềm tốt.

Ứng hào yên tĩnh, bất động có lợi cho việc đính hôn. Quan quỷ dậu kim là hào ở giữa thế và ứng lại động, có một chút trở ngại cho hôn nhân, nhưng dậu kim lại cùng với nguyệt kiến là tháng mao, tạo thành sự tương xung mao dậu. Cho nên không có trở ngại nào lớn đe dọa cuộc hôn nhân này.

Qua việc phân tích này, chúng ta đã bỏ được sơ hào, ứng hào, quan tinh tứ hào. Đầu mối rõ ràng hơn nhiều.

Bây giờ chúng ta sẽ phân tích thượng lục tử tôn động hào.

4. Tử tôn là phúc thần, tỵ hoả động lại sinh thế. Nhưng vì tỵ hoả hóa tý thủy hồi đầu khắc, việc hôn nhân tất phải đợi đến ngày ngọ, tý ngọ tương xung, đã đẩy tý thủy đi hơn nữa ngọ lại là hoả sinh thế hợp thế, việc hôn nhân ấy tất thành.

5. Quả nhiên đúng vào ngày ngọ thì đính hôn

Thí dụ ngày nay:

Ngày mậu tý, tháng nhâm thìn, năm 1986 cô Từ ở đơn vị tôi đến xem hôn nhân. Hỏi tôi đến ngày nào thì có đối tượng, được quả “Tụng” (Quả này là một thí dụ cụ thể về dự đoán của Thiệu Vĩ Hoa).

“Thiên thủy tụng”

Tử tôn thất thổ

Thê tài thân kim

Huỳnh đệ ngọ hoả

Huỳnh đệ ngọ hoả

Phụ mẫu dân mộc

‘

‘

“Thê

“

“Ứng

Phân tích tượng quả:

1. Quả này ngọ hoả trì thế
2. Nhật kiến tý thủy là quan tinh xung khắc thế hào. May mà: tý thủy trường sinh tại thân, một tại nguyệt kiến tháng thìn.
3. Thế ứng tương sinh.
4. Thầy Thiệu đoán: “Hôn nhân tuy không lý tưởng lắm nhưng thành. Đến ngày kia là ngày dần tất thành”.

Cô Từ cười và nói: Thầy ơi, xin thầy đừng nói đùa. Bây giờ ngay cái bóng của đối tượng con chưa nhìn thấy thì thành với ai.

Kết quả là ngày sửu có người đến dạm hỏi – ngày dần trò chuyện thấy hợp duyên. Tháng 10 năm ấy thì kết hôn. Tôi nghĩ tháng 10 là tháng hợi, thủy sinh dần mộc ứng hào, ứng sinh thế cho nên kết hôn vào tháng 10.

II. NHỮNG TÌNH HUỐNG BẤT LỢI CHO HÔN NHÂN

- *Thuần dương bất thuận, thuần âm khó thành:*

Phàm xem hôn nhân, bất kể nam nữ, gặp quả thuần âm hoặc thuần dương, thì không hay. Bởi thuần dương bất sinh, thuần âm bất trưởng là điềm âm dương bất sinh, thuần âm bất trưởng là điềm âm dương khó hoà hợp.

- *Những trường hợp gặp quả cấu hoặc quả tiểu súc vợ chồng khó sống đến già.*

Nếu nam xem hôn nhân mà gặp “Thiên phong cấu”, thì phải nhớ kỹ câu “vật dừng thủ nữ” vì sẽ có hoạ một cô gái năm chồng.

Trai hoặc gái mà xem hôn nhân, lại gặp quẻ “phong thiên tiểu súc”, tất gặp tai họa “phu thê phản mục” (“Chu dịch”), vì thế nếu tránh được thì nên tránh.

- *Quẻ gặp lục xung, hôn nhân tất không thành:*

Xem hôn nhân kỵ gặp lục xung, xung là ly tán; tán là không thành, có thành cũng tán.

- *Tài quan hưu tù thì rốt cuộc bất lợi:*

Tài quan hưu tù không phá tử tuyệt, nếu không phải cuộc hôn nhân bị phá vỡ thì cũng vì bản hàn mà tan vỡ sớm.

Thế ứng gặp tuần không đều bất lợi, huynh đệ lâm huyền vũ, phải phòng bị lừa, xem hôn nhân mà gặp thế ứng bị tuần không phá, không những phí công vô ích, trái lại, có thành thì cũng hối hận. Huynh lâm huyền vũ động, phòng ngừa đối trá.

- *Lục đục thì xem hình xung:* trong quẻ tài quan thế ứng gặp hình xung, vợ chồng tất lục đục, chia ly.

- *Tài hóa phá, không lười biếng thì bệnh tật:* Hào tài sinh thế hợp thế, hóa tiến thần thì lòng trung ý thực. Gặp tán phá không tuyệt, không lười thì bệnh; hào tài khắc thế thì là loại vong ân phụ nghĩa.

- *Nam không nên tài nhiều, nữ không nên quan nhiều:* Nam đoán hôn nhân trong quẻ có hai hào tài, nếu không ly hôn, tái hôn, tất có nhiều thê thiếp.

Nữ xem hôn nhân, trong quẻ có hai hào quan quỷ, nếu không tái giá, cũng chắc chắn có ngoại tình. Hai quan quỷ xuất hiện, sẽ có sự tranh đoạt. Hào ở giữa động mà xung khắc là sự trắc trở, ác sát xung thân, tất có việc người trung gian phá hoại cuộc hôn nhân.

- *Quan không tài không rốt cuộc là không cát.* Nam lấy hào tài là vợ, nữ lấy quan tinh làm chồng; Nếu nam mà gặp hào tài là không chủ về vợ sẽ bị chết.

Nữ gặp hào quan là không chủ về chồng sẽ mất. Nữ mà gặp quan tinh suy nhược, chồng người đó sẽ ốm yếu, hoặc không có chí khí.

- *Quỷ hoá quỷ phản phúc, huynh hoá huynh hữu trở:*

Hào quan quỷ là dụng thần, nên tĩnh, không nên động.

Quỷ mà phát động, thì cuộc hôn nhân nếu không phải là quan phi (kiện tụng) tất việc hôn nhân có sự phản phúc.

Huynh là thần gây trắc trở, Huynh mà hoá huynh thì cuối cùng không thành.

- *Thế ứng sai lệch, vợ đoạt quyền chồng:*

Nữ mà hào quan trì thế, nam mà hào tài trì thế, đó là âm dương thất vị, tất vợ đoạt quyền chồng.

Tài khắc thế, thế đắc địa, nếu không bị hình thương thì cũng gặp héo hắt, gây mòn. Sáu hào cùng yên tĩnh, gia đình hoà mục, tài động bất hoà với ông bà, quỷ động bất hoà với chị em. Phụ động bất hoà với con cháu. Huynh động vợ chồng bất hoà.

- *Lục xung mà biến hợp thì chia ly rồi lại hợp:*

Quẻ mà gặp lục xung biến thành lục hợp thì tan lại hợp. Chia tay lại đoàn tụ.

Lấy sớm, cưới sớm thì xem bị khắc chế thê tinh mà thụ khắc sẽ không thể cưới sớm.

Quan tinh thụ khắc cũng không có tảo hôn. Hưu tù tử tuyệt cũng như vậy.

- *Thân bại danh liệt, thê hoá mộc dục:* đoán hôn nhân tài hoá mộc dục lại sinh thế tất bại gia phong; lại thêm vào khắc chế, vì gian tà mà hại đến thân.

Mộc dục sát trì thế, hoá hồi đầu sinh, tham sắc mà bại danh; nếu khắc thế thì vì sắc mà mất mạng, nếu có cứu tinh, thì sẽ từ cõi chết trở về.

- *Lừa vợ lừa chồng trì thế thoái thần:*

Hào thế hoá thoái, hóa xong, sau khi cưới nhật định sẽ có sự phản bội chồng hoặc vợ.

- *Nam kỵ huynh trì thế, nữ kỵ tử tôn trì thế:* Nam hào huynh đệ trì thế – tất sẽ sát vợ phải chịu hai lần cưới.

Nữ tử tôn hào trì thế tất sẽ sát phu tái giá. Nếu đã vuông tròn, tất hình thương, không chết cũng chia ly.

Quan hữu tù, tình duyên không trọn vẹn.

- *Tài hữu tù tình duyên tất phá tan:*

Quan quý hữu tù, lại có tuần không phá khổ tuyệt không thể bách niên giai lão, tài hào gặp trường hợp đó cũng phá tán chia ly.

- *Quan tình lưỡng vượng quải vô tài:* Quê mả có 2 quan quý đều ở vượng địa, lại không có hào tài, thì phải nhớ kỹ là: không thể thành hôn, gặp trường hợp này, không chết cũng chia ly.

- *Phòng quý khắc thế kỵ nhật xung tài:*

Hào quan quý khắc thế; không thể thành hôn, cần phải đề phòng tai hoạ sẽ đến.

Quý động mà ngày giờ xung khắc hào tài, sẽ có tái giá, tái hôn.

- *Quan tài trùng điệp, tái hôn tái giá:* trong quẻ mà có hai hào quan, hai hào tài là điềm phải tái hôn, tái giá hoặc các bên đều có tân duyên.

- *Huỳnh hào trì thế tất bị thương:* Hào huỳnh đệ trì thế hóa động hoá hung, hoá quý, hoá hồi đầu khắc, hoá mộ hoá phá, hoá không hoá tuyệt, tất sẽ có sự bi thương, bị kịch.

- *Huỳnh trì tài vượng, lưỡng tương địch:* Hào huỳnh đệ trì thế, tài vượng sẽ là thù địch, gặp nhau, coi nhau như kẻ thù.

- *Tài vượng huỳnh suy nhất định sinh ly:* hào tài vượng địa, huỳnh đệ hữu tù, suốt đời lục đục, chủ về chia ly.

- *Nhật nguyệt động, táng nguyên phối:* Nhật nguyệt hào động xung khắc với hào thế, động mà hoá huỳnh, tất sẽ là chủ về phải chôn người vợ chính thức của mình.

- *Tài quý hổ hoá nhất định là hung:*

Tài hoá quý, quý hoá tài, tài hoá huỳnh, huỳnh hoá tài, không chôn chồng, chắc chắn sẽ sát vợ.

- *Tài khắc ngộ khổ, bất yếu tắc vọng:*

Hào tài khắc thế, lại gặp hữu tù khổ tuyệt tuần không phá, động mà hoá hung, cùng với quan quý nhập khổ, không chết non cũng mất mát không chỉ cần gặp một thứ.

- *Tài hào, tử hào đều nhập khổ, không chết non cũng mất mát khi chỉ gặp một thứ.*

- *Tài hào, tử hào lưỡng nhập khổ:* Hào tài, hào tử lâm tuyệt không vong, đó là điềm khắc thế, sát tử.

- *Huỳnh lâm hổ động, quan tài lưỡng xung tắc hung:*

Hào huỳnh đệ trì thế, lại lâm bạch hổ phát động, nhất định là táng thế; trong quẻ, tài quan cả hai đều xung khắc, chắc chắn chia ly.

- *Nhật nguyệt hợp tài, trùng hôn tái giá:* Nhật nguyệt động hào quá vượng, mà hợp với hào tài, tài lại lâm huyền vũ. Chắc chắn chủ về vợ sẽ có hai lần cưới chồng, chồng chết sẽ tái giá.

- *Tài phúc tuần không quý vị vọng môn, hữu lâm hổ động thị táng phu:*

Hào tài phúc ở không vong, quan quý, thì người con gái chưa cưới chồng đã chết gọi là vong môn quả phụ (người quả phụ tựa cửa). Bạch hổ lại động thì là đã cưới rồi mà chồng chết.

Những thí dụ cổ:

Ví dụ 1.

Ngày Tân tỵ, tháng dậu, nam xem quẻ vợ chồng có hoà hợp không, được quẻ “Thái”.

“Địa thiên thái”	
Tử tôn dậu kim	“Ứng
Thê tài hội thủy	“
Huynh đệ sữu thổ	“
Huynh đệ thìn thổ	“Thế
Quan quỷ dần mộc	‘
Thê tài tý thủy	‘

Phân tích tượng quẻ:

1. Quẻ “địa thiên thái” tượng quẻ yên tĩnh, trước hết xem hào thế.
2. Huynh đệ thìn thổ là hào thế, thê tài là hội thủy, thìn thổ trì thế lại khắc thê tài.
3. Thê tài hội thủy phùng khắc, thử xem có con được nào thoát không? Rất may, thê tài hội thủy lại được nguyệt kiến dậu kim tương sinh. Vượng nên khó mà khắc nổi.
4. Lại xem quan hệ giữa hào thê tài và nhật kiến, hội thủy và tỵ hoả không hợp tạo thành tương xung tỵ hội.
5. Hào thê động nguyệt kiến sinh phù, lại phòng xung cho nên âm động, lâm dịch mã (tỵ dậu sữu mã ở hội) cho nên trong lòng muốn bỏ đi, không muốn ở lại. Về sau, quả nhiên đã bỏ đi.

Ví dụ 2: ngày hội, tháng tỵ, nữ xem vợ chồng có hợp không, được quẻ “đại quá” từ quẻ “nhu”.

“Thủy thiên nhu”		“Trạch phong đại quá”	
Thê tài tý thủy	“	Huynh đệ mùi thổ	“
Huynh đệ tấ thổ	“	Tử tôn dậu kim	‘
Tử tôn thân kim x Thế	Thê tài hội thủy		‘Thế
Huynh đệ thìn thổ	Tử tôn dậu kim		‘
Quan quỷ dần mộc	Thê tài hội thủy		‘
Thê tài tý thủy	O Ứng	Huynh đệ sữu thổ	“Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. “Nam ky huynh trì thế, nữ ky tử trì thế”. Nữ đi xem, gặp tử tôn hào trì thế, đã cưới rồi tất chủ về hình thương, không hại chồng thì cũng chia ly.
2. Quẻ này hào tử tôn động, vốn đã khắc quan quỷ dần mộc, đó là điểm khắc phu. May mà quan tinh dần mộc, lại được tý thủy động mà sinh phù. Phu tinh dần mộc lại tương ứng với thê tài hội thủy ở biến quẻ, tạo thành dần hội tương hợp.
3. Thê tài tý thủy động mà hoá huynh đệ sữu thổ, tạo thành tý sữu tương hợp. Dựa vào dần hội tương hợp và tý thủy tương hợp, đoán là:

Sẽ có điềm tái duyên tái giá.

4. Về sau quả ly hôn, chồng cô ta đã có ngoại tình.

Vận dụng bát quái “Chu dịch” dự đoán hôn nhân thầy Thiệu Vĩ Hoa đã tích lũy tương đối nhiều kinh nghiệm và những dẫn chứng về quẻ.

Chúng ta có thể thông qua việc phân tích các dẫn chứng này để làm rõ tình tự đoán quẻ và những quy tắc vận dụng phổ biến. Xem xét những dẫn chứng này, chúng tôi cố gắng phân tích thứ tự rõ ràng những căn cứ chủ yếu đoán quẻ không bỏ sót lại nêu bật những trọng điểm.

Dưới đây, chúng ta thử phân tích một vài ví dụ:

Ví dụ 1.

Mùa đông năm 1981 xem nhân duyên cho cô Vĩ Anh, dựa theo ngày sinh của cô ta:

Năm mậu tuất, tháng canh thân, ngày tân tỵ, giờ quý tỵ, để lập quẻ. Được quẻ “tùy” từ quẻ “truân”.

“Thủy lôi truân”		“Trạch lôi tùy”	
Huỳnh đệ tỵ thủy	“	Quan quỷ mùi thổ	“Ứng
Quan quỷ tuất thổ “Ứng	Phụ mẫu dậu kim		‘
Phụ mẫu thân kim	X	Huỳnh đệ hợi thủy	‘
Quan quỷ thìn thổ	“	Quan quỷ thìn thổ	“Thế
Tử tôn dần mộc	“Thế	Tử tôn dần mộc	“
Huỳnh đệ tỵ thủy	‘	Huỳnh đệ tỵ thủy	‘

Phân tích tượng quẻ:

Nghiên cứu quẻ này, có thể có độc giả không hiểu chủ quẻ, biến quẻ làm thế nào lại lập được. Bởi vì, nếu chỉ căn cứ vào bát tự thì còn chưa thể được quẻ “tùy” từ quẻ “truân”.

Bát tự là: mậu tuất, canh thân, tân tỵ, quý tỵ (giờ tân tỵ là viết lại của quẻ cũ) 11, 7, 18, 6 lại thêm họ Vĩ là 0.

Thượng quẻ là: $(11 + 7 + 18 + 10) : 8 = 5$ dư 6 là quẻ “khảm”.

Hạ quẻ sẽ là $(11 + 7 + 8 + 10 + 6) : 8 = 6$ dư 4 là quẻ “chấn”.

Hào động là 52 : 6 = 8 dư 4 là động hào, tứ hào động biến.

Quẻ này là hào tử tôn trì thế, nữ xem hôn nhân, nếu hào tử tôn trì thế thì chủ về thương phu tái giá, nếu không thương phu cũng chia ly. Vì vậy, đó là điềm không lành.

Quẻ này có hai hào quan quỷ. Quan quỷ trùng điệp lại là điềm không lành phải tái giá.

Vì thế, khuyên cô ta tạm thời không kết hôn. Để năm 1982 qua đi, hẵng hay. Vì năm 1981 là năm thạch lựu mộc, mệnh niên khắc thái tước.

Năm 1982 là năm đại hải thủy, thái tước khắc mệnh niên. Nếu tránh được hai năm này thì sẽ tránh được họa “tái giá”.

Cô Vĩ Anh không nghe lời khuyên, cho rằng tất cả đều tốt, tình cảm giữa hai người đều rất tuyệt, không đến nỗi nghiêm trọng như thế, cuối năm đó thì cưới. Kết quả năm 1982 đã ly hôn. Không thoát được kiếp “tái hôn. Đó là điều đáng buồn.

Thí dụ 2:

Tháng 7/1984 bố cô họ Hứa đến Tây An xin xem vận hạn của ông ta. Bát tự là: năm giáp thìn, tháng kỷ tỵ, ngày giáp tuất, giờ bính dần. Được quẻ “Khuê” từ quẻ “tổn”.

“Sơn trạch tổn”		“Hoả trạch khuê”	
Quan quỷ dần mộc	“Ứng	Phụ mẫu tỵ hoả	‘
Thê tài tỵ thủy	“	Huỳnh đệ mùi thổ	“
Huỳnh đệ tuất thổ	X	Tử tôn dậu kim	“Thế
Huỳnh đệ sửu thổ	“Thế	Huỳnh đệ sửu thổ	“
Quan quỷ mao mộc	‘	Quan quỷ mao mộc	‘
Phụ mẫu tỵ hoả	‘	Phụ mẫu tỵ hoả	“Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Cách lập quẻ cũng giống như trên, số tương ứng của bát tự cộng với số nét chữ của họ.

2. Trong quẻ hào huỳnh đệ trì thế, được nguyệt kiến tương sinh, nhật kiến tương phù, trì thế, lại vượng, lại hoá huỳnh đệ sửu thổ tỵ hoả, vượng lại càng vượng “nam kỳ hào huỳnh đệ trì thế”. Như vậy vượng tướng, tất sẽ gặp phải họa sát thê.

3. Nhìn lại động hào, lại là tứ hào huỳnh đệ tuất thổ động, sinh phù huỳnh đệ sửu thổ trì thế.

4. Thử xem hào thê tài tình hình thế nào?

Hào thế tài thứ năm yên tĩnh. Tý thủy trường sinh tại thân, tuyệt ở tỵ. Quả này tỵ là nguyệt kiến, thê tuyệt ở nguyệt kiến.

5. Hào thê tài còn có nhân tố bất lợi khác nữa không? Ta thấy rằng tý thủy lại gặp nhật kiến khắc chế, suy lại gặp hung.

6. Ngay lúc ấy, đoán rằng: Cha cô ta liên tục khắc ba vợ nhưng vẫn chưa thôi. Số phận quả thật long đong. Cha cô nghe xong giật mình kinh ngạc và nói: Đúng quá, tôi đã lấy ba đời vợ đều chết cả.

Thí dụ 3: ông bố cô Hứa này lại yêu cầu đoán cho con trai xem việc hôn nhân có hợp không? Căn cứ vào ngày sinh của cậu: năm Tân Mão, tháng Bính Thân, ngày Nhâm thìn, giờ Kỷ Dậu được quả “độn” từ quả “đồng nhân”.

“Thiên hoá đồng nhân”		“Thiên sơn độn”	
Tử tôn tuất thổ	‘Ứng	Tử tôn tuất thổ	‘
Thê tài thân kim	‘	Thê tài thân kim	‘Ứng
Huỳnh đệ ngộ hoả	‘	Huỳnh đệ ngộ hoả	‘
Quan quỷ hội thủy	‘Thế	Thê tài thân kim	‘
Tử tôn sửu thổ	“	Huỳnh đệ ngộ hoả	“Thế
Phụ mẫu mao mộc	O	Tử tôn thìn thổ	“

Phân tích tượng quả:

1. Quả này, quan quỷ trì thế, thế vương, tài vương vốn là điềm tốt tương sinh.
2. Nhưng không hay là tài vương huỳnh suy, huỳnh hoá huỳnh là thần của cách trở, bất lợi cho hôn nhân.

3. Quan quỷ trì thế lại hoá thế tài thân kim hồi đầu sinh thế. Đó chính là người vợ cưới lần thứ hai. Đích thực là tượng sinh ly.

4. Phụ mẫu sơ hào động”lục hào yên tĩnh, gia hoà mục”, phu động bất hoà với con cháu cũng điềm dâu con bất hoà chia ly.

5. Quan hệ con dâu và con trai sợ rằng khó có thể duy trì được đến năm 1987. Bởi vì: năm 1987 niên mệnh là lô trung hoả; năm 1987 là năm Đinh mao, mao mộc sinh hoả – hoả lại khắc thê tài thân kim; ngũ hào thê tài bị khắc không có tương sinh. Sau đó, quả nhiên vào năm đinh mao 1987 họ chia tay nhau.

6. Trong lời đoán của nguyên quả có câu: “Bởi vì mao mộc phụ mẫu động mà tương hợp với tuất, thổ hoá hoả, ngũ hào thê tài thân kim bị khắc không có sinh phù”.

7. Quả này sơ hào phụ mẫu mao mộc động, tương hợp với thượng lục tuất thổ. Mão là âm, nên mao mộc được coi là mẹ. Đáng lẽ dần ngộ tuất hợp hoá hoả. Dần là cha, thê thì bây giờ có thể dùng mẫu mao mộc thay dần mộc, hợp hoá là hoả, nhưng hoả lại khắc kim khiến hào thê tài vô sinh. Quả thật, điều này đáng được nghiên cứu và thảo luận.

Điều rất có ý nghĩa của quả này là: nếu như “phụ mẫu mao mộc” của cậu ta, năm 1987 vẫn ở nhà không thay đổi, thì khả năng sẽ không xảy ra chuyện ly hôn. Điều rất đúng lúc, mẹ cậu ta đã bỏ đi về phương thìn vào năm đinh mao. Con của bà ấy đã ly hôn.

Phương thìn mà mẹ cậu ta đi là chỉ hào phụ mẫu hoá tương hợp thìn thổ. Rõ là không kỳ lại thì làm sao thành sách, hay là bát quái thần kỳ, kinh người. Rất đáng để học tập nghiên cứu, suy ngẫm.

Thí dụ 4:

Ngày 12/11/1986 trong thời gian thầy Thiệu Vĩ Hoa giảng bài ở Nam Kinh đã dự đoán cho một tham tán đại sứ quán tại Trung Quốc cùng gia đình ông ta. Khi ông ta nói: con gái ông sinh giờ thân ngày 18/9/1964 thì lập quẻ “tráng” từ quẻ “hằng”.

“Lôi phong hằng”		“Lôi thiên địa tráng”	
Thê tài tuất thổ	“Ứng	Thê tài tuất thổ	“
Quan quỷ thân kim	“	Quan quỷ thân kim	“
Tử tôn ngộ hỏa	‘	Tử tôn ngộ hỏa	‘Thế
Quan quỷ dậu kim	‘Thế	Thê tài thìn thổ	‘
Phụ mẫu hợi thủy	‘	Huỳnh đệ dần mộc	‘
Thê tài sửu thổ	X	Phụ mẫu tý thủy	‘Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Quẻ này, thế ứng tương sinh, quan tài tương sinh thoát nhìn hầu như rất đẹp, nhưng đây là quẻ nữ xem về nam. Quan quỷ dậu kim lại đứng vào vị trí của ứng. Thê tài tuất thổ ở vị trí của thế thì mới có thể gọi là tốt chút ít.

Nhưng nay, thế và ứng lại lẫn lộn. Quả là có ý có hại lẫn nhau. “Sai” là sai vị trí, “lẫn lộn” cũng gọi là hại nhau. Trong ngũ hành có lục hợp, lục xung, lục hại. Đó là tý mùi hại nhau, sửu ngọ hại nhau, dần tỵ hại nhau, mao thìn hại nhau, thân hợi hại nhau, dậu tuất hại nhau. Thế hào và ứng hào quẻ này tạo thành dậu tuất tương hại. Nó chủ về lục thân sẽ có tổn và khắc.

2. Trong quẻ quan quỷ lưỡng sinh, hào thứ ba quan tinh lại hoá sinh cho thê tài thìn thổ, thìn dậu tương hợp. Đó là vì chồng cô ta có tình nhân mới.

3. Quẻ biến lục xung, quẻ lục xung lại là điềm chia ly.

4. Dựa vào những điều phân tích trên, thầy Thiệu nói: “việc hôn nhân của con gái ông rất không thuận, cưới nhau rồi lại bỏ nhau”. Ngài tham tán hỏi: “Ngài xem thời gian nào thì ly hôn?”. Thầy Thiệu trả lời: “Năm 1985”.

Năm 1985, mệnh niên thuộc kim, cô ta lại sinh vào năm 1964, vận niên thuộc hỏa chính là hỏa khắc kim.

Quan quỷ dậu kim bị hỏa khắc mà động vì vậy có lời phán đoán này như thế.

Ngày tham tán và phu nhân vô cùng kinh ngạc nói: “Bất quá Trung Hoa quá thần kỳ. Ngày Thiệu, ngày đoán rất đúng. Thật đúng vậy, con gái tôi cưới tháng 5/1985 đến tháng 7 thì đã ly hôn”.

5. Ngoài ra, sơ hào thê tài sửu thổ động. Động nhưng cùng với thế hào quan quỷ dậu kim tạo thành thổ sinh kim, thế hào vượng tướng, nguyên văn trong lời đoán là: “ứng năm sửu (năm 1985), dậu quan tương hợp sửu thổ”. Riêng tôi cho là sơ hào và tam hào không tạo thành tương hợp, sự tương hợp phải là: Tử tôn thìn thổ hào, do quan quỷ dậu kim biến thành. Chúng đã tạo thành “thìn dậu” tương hợp, phải chăng càng hợp lý hơn? Xin cung cấp để độc giả nghiên cứu.

Tiết 7. DỰ ĐOÁN VỀ CON CÁI

Con cái là sự kế tục của nhân loại, là thế hệ sau của đất nước. Sinh con, nuôi con là trách nhiệm của mỗi bậc cha mẹ phải làm tròn.

Thân thể và trí tuệ của đứa trẻ khoẻ khoắn, có thể lớn lên một cách thuận lợi hay không lại là một vấn đề mà mỗi người làm cha mẹ vô cùng quan tâm.

Dùng bát quái để dự đoán sinh con và nuôi con không chỉ là vấn đề cát hung mà còn là vấn đề ưu tiên hàng đầu quan hệ đến sự hưng vượng của mỗi quốc gia, rất đáng được quan tâm và nghiên cứu.

I. DỰ ĐOÁN THAI NGHÉN

Phương pháp dự đoán có thai.

Bằng bát quái, có cách lấy hào thai làm dụng thần, có cách lấy hào tử tôn dụng thần.

Thế nào là hào thai? Giả thuyết chúng ta lập quẻ vào ngày quý, nhâm quý là thủy, theo vòng trường sinh, thủy trường sinh tại thân, đếm xuôi cho đến ngộ, ngộ là thai, tức ngộ là hào thai. Nếu trong quẻ có ngộ thì ngộ là hào thai. Các ngày lập quẻ khác đều theo như cách này mà tính.

Lấy hào thai làm dụng thần, hoặc lấy hào tử tôn làm dụng thần hai cách này hiện nay trong xã hội đều dùng.

Có người giỏi dùng hào thai để dự đoán, có người lại thạo dùng hào tử tôn. Thầy Thiệu Vĩ Hoa thường lấy hào tử tôn để dự đoán.

Phương pháp dự đoán thai trong “Tăng san bốc dịch” là:

“Tử tôn hưu tù không phá tán, bào dưỡng hư không” có nghĩa là nói: “hào tử tôn lâm nhật nguyệt, hoặc gặp nhật nguyệt động hào sinh phù” Động mà hoá cát, đều có thành thai nghén. Nếu tuần không phá tán tuyệt, hoặc bị hình xung khắc lại, hoặc động mà hoá quỷ, hoá tuyệt, hoá phá, hoặc quan quỷ biến thành tử tôn, phụ biến tử tôn, tử tôn hoá phụ mẫu. Thì chỉ là bọt nước bóng bay. Nếu động mà tuần không thì không lo”. Lại còn nói “phúc thần vượng tướng lại được sinh phù, thì “thai rỗng nghén phượng” (con cái khoẻ mạnh). Nếu lấy hào tử tôn là dụng thần, “Bốc phê chính tông”, đoán xem có mang thai hay không thì lấy hào thai làm dụng thần. “Phàm xem có thai hay không thì lấy hào thai làm dụng thần, không xem hào tử tôn. Nếu xem trong quẻ cả sáu hào trên dưới và năm, tháng, ngày, giờ đều không có hào thai thì đều không có thai.

Trong quẻ mà có động hào hoá xuất thì trước mắt không có thai nhưng sau tất sẽ có thai khi gặp hào thai xuất hiện tức là có thai.

Những diễn giải về mặt dự đoán thai nghén của “Bốc phê chính tông” tương đối nhiều.

“Phàm thai hào vượng tướng, lại có sinh hợp phù trợ, không lâm vào quan quỷ phụ mẫu không vong, thì tất có thai. Nếu ở hào dương thì sinh con trai, hơn nữa lại dễ sinh dễ nuôi. Phú lâm thanh long, không vong bị khắc (bị hạn chế), lại thấy hào thai phát động, hoặc bị nhật thần (ngày) xung động, chắc chắn bị trụ thai.

Tử tôn khố tuyệt, lại bị nhật, nguyệt, động hào tử tôn hình xung khắc hại, đó là điềm đại hung.

Hoặc thai lâm quỷ, hoặc động mà hoá quỷ, tức thai chết lưu.

Hào tài phụ thương, phòng có tai họa cho hai mẹ con.

Người đàn bà mang thai mà đến xem quẻ mà quẻ không có quan quỷ, hoặc ở không khố tuyệt, thì người chồng của người đàn bà đã chết. Đó là đứa con để lại trong bụng (di phúc tử).

Nếu hào quan phục mà vượng tướng tức có đề bạt thăng chức, chồng người ấy phải đi xa.

“Huyết bất huyết chi thai ngưng huyết dã, dương tinh âm huyết tụ thành thai” hào thai xuất hiện, nếu như lạc vào không vong, thì chủ về tuy mang thai nhưng không thành hình.

Thai lâm quan quỷ, hoặc bị nguyệt kiến nhật thần hình xung khắc hại thì đều chủ về thai có thương tật. Thai lâm bạch hổ nhất định sảy thai. Thai lâm câu trần thì thai lộ rõ; Thai lâm thanh long, thai không lộ rõ.

Nếu gặp tam hợp, lục hợp thì thai ẩn. Quỷ lâm thai hào, người mẹ mang thai có bệnh.

Tài hợp phúc hao: sinh đôi an toàn.

Bạch hổ là thần, hoặc lâm thai nữ phát động, thai ấy tất bị phá; Lâm tài động cũng như vậy. Trong “Đoán thiên cơ” nói “Tử tôn không vong chủ về tổn thai; Thanh long không vong, hư hỷ lâm (mừng hỷ); Thanh long lâm quý, tất vì ốm đau mà hỏng thai; Nếu thêm hung sát, lại không có cát thần phát động giải cứu thì thai không bị tổn thương nhưng khó sinh”.

Phụ nữ mang thai, là trai hay gái, người trước đều có sự tìm tòi. Nền y học hiện đại cũng đã có thể tìm được thai của mẹ là trai hay gái. Nhưng sử dụng bát quái để dự đoán vẫn có giá trị nghiên cứu.

Về phương diện này, người xưa đã có tổng kết:

Trong “Thiên huyền phú” nói: “nếu xem con cái, tử tôn vượng tướng, nếu lâm hào dương chắc chắn sinh con trai, phúc đức hưu tù, ở vào hào âm thì sẽ sinh con gái. Nếu tử tôn thuộc sơ hào dương, thượng lục thuộc âm thì chữa con trai, tất sinh con trai. Nếu hào tử tôn thuộc âm, sơ lục thượng lục thuộc dương thì đó là bào thai mang âm tính, tất sinh con gái”.

Trong “Động lâm bí quyết” có nói: “Dương hào biến âm sinh con gái, âm hào biến dương thì sinh con trai. Hào tĩnh (nhưng vượng tướng) nếu mà phát động thì sinh con gái, hào vượng tướng (mà không phát động) thì sinh con trai”.

Trong “Tăng san bốc dịch” có nói:

“Hào tử tôn động lại hoá tử tôn, hoặc trong quẻ có nhiều hào tử tôn lại động, hoặc tử tôn động mà lại có vượng tướng, các hào khác lại hoá tử tôn vượng tướng, thì đều là những thai sinh đôi”.

Trong “Bốc phê nguyên quy” có nói:

“Có hai hào tử tôn cùng vượng, chắc chắn có thai đôi. Nếu trong hai hào có một hào suy, thì sinh ra sẽ có một đứa sống một đứa chết. Nếu một âm, một dương thì sẽ là một trai một gái. Nếu hai hào tử tôn xuất hiện nhưng tĩnh, không động thì không phải như vậy. Dương biến thành âm thì trai hay gái có thể thay đổi. Lục hào yên tĩnh thì trước hết xem các hào bao ngoài của quẻ. Âm bao dương (hai hào ngoài cùng là âm trong là dương thì sinh con gái). Dương bao âm (hai hào ngoài là dương mà trong là âm) thì sinh con trai. Âm bao dương có: quẻ khảm, đại quá, tiểu quá, hàm, hằng. Dương bao âm có: quẻ ly, trung phù, dĩ, tổn.

Sáu hào yên tĩnh mà không có các hào bao bọc (thuần dương và thuần âm) thì phải xem hào tử tôn. Nếu ở dương vị, là con trai nhưng nếu là ở âm vị thì sinh con gái.

Quẻ đã có hào động, tuy có các hào bao quẻ nhưng không dùng đến. Trước hết xem động hào: có một hào động mà hào dương động thì sinh con gái, hào âm động thì sinh con trai.

Nếu có hai hào cùng động thì xem hào ở trên. Nếu có ba hào động thì xem hào ở giữa”.

Trong “Bốc phê chính tông” có nói:

“Trong quẻ có hai hào tử tôn, lại có hai hào sinh phù cho hào thai, không phát động sẽ sinh đôi. Nếu tử tôn hoá tử tôn, thai hoá thai nếu như hoá thành thoái thần, thì thai sinh đôi sẽ hỏng. Lấy âm dương động tĩnh để định ra con gái hay con trai. Nếu một động một tĩnh, một âm, một dương thì sẽ chủ về sinh ra một trai một gái. Trong quẻ không có tử tôn, nếu hào thai lại bị động nguyệt kiến, nhật thần hình khắc, đó là điềm đại hung”.

Các phương pháp trên đây có thể để noi theo, tham khảo và để kiểm nghiệm trong thực tiễn dự đoán.

Tử tôn vượng tướng, hoặc hưu tù mà động, động lại hoá cát, chủ về có con.

Tử tôn khố tuyệt, động lại biến quý, quý biến tử tôn, phụ mẫu hoá tử tôn hoặc tử tôn hoá phụ mẫu, phụ động khắc tử tôn, chủ về không có con.

Thí dụ cổ:

Ngày canh tuất, tháng dậu, xem năm nào sinh con, được quẻ “Tiết” từ quẻ “Truân”.

“Thủy lôi truân”

“Thủy trạch tiết”

Huynh đệ tý thủy

“

Huynh đệ tý thủy

“

Quan quỷ tuất thổ

‘Ứng

Quan quỷ tuất thổ

‘

Phụ mẫu thân kim

“

Phụ mẫu thân kim

“Ứng

Quan quỷ thìn thổ

“

Quan quỷ sửu thổ

“

Tử tôn dần mộc

x Thế

Tử tôn mao mộc

‘

Huynh đệ tý thủy

‘

Thê tai tỵ hoả

‘Thế

Phân tích tượng quẻ:

Dần mộc tử tôn trì thế, động mà hoá tiến thân. Đó là điềm có con.

Ngày xem quẻ là ngày canh tuất, canh tuất thuộc tuần giáp thìn. “Giáp thìn tuần trung dần mao không”. Hào tử tôn dần mộc, mao mộc đều phùng không; Hơn nữa mao mộc với nguyệt kiến lại là mao dậu tương xung. Vì vậy, mao gặp xung lại nguyệt phá.

Phải đến năm dần, tử tôn ra khỏi tuần không mới có thể có con. Quả nhiên vào tháng mao, năm dần, cả hai vợ (vợ cả, vợ lẽ) sinh liền 2 đứa con.

Hào biến tử tôn mao mộc, tuy gặp nguyệt phá, nhưng nó hợp với ngày tuất tức mao tuất tương hợp, cho nên gặp phá mà vẫn có thể dùng được. Đó là hưu tù nhưng đợi thời thì có thể sử dụng được.

Thí dụ ngày nay.

Ngày bính thìn, tháng tân sửu, năm 1986 cô Khoan Hồng có mang, nhờ thầy Thiệu dự đoán. Được quẻ “Khôn” từ quẻ “Cấn”.

“Thiên phong cấn”

“Khôn vi địa”

Phụ mẫu tuất thổ

O

Huynh đệ dậu kim

“Thế

Huynh đệ thân kim

O

Tử tôn hợi thủy

“

Quan quỷ ngọ hoả

O Ứng

Phụ mẫu sửu thổ

“

Huynh đệ dậu kim

O

Thê tài mao mộc

“Ứng

Tử tôn hợi thủy

O

Quan quỷ tỵ hoả

“

Phụ mẫu sửu thổ

“Thế

Phụ mẫu mùi thổ

“

Phân tích tượng quẻ:

1. Trong chủ quẻ, 5 hào đều phát động, chủ về sự việc lặp đi lặp lại mà không thuận.

2. Hào phụ mẫu sửu thổ trì thế; Thế lâm nguyệt kiến, nhật kiến lại được ứng hào ngọ hoả tương sinh; vượng càng thêm vượng. Điềm khắc tử tôn rất hung. Đó là điềm chưa có thai.

3. Lại xem hào tử tôn hợi thủy, bị khắc bởi thế hào và nguyệt kiến. Hợi trường sinh tại thân, mộ ở thìn. Chúng ta xếp lục thần ngày bính sơ hào là Chu tước, nhị hào là Câu trăn, lâm động mà khắc nhị hào. Đó là dấu hiệu không lành.

4. Tử tôn hoá quỷ lại hóa tuyệt địa; phụ mẫu sửu thổ lại hoá mùi thổ, sửu mùi tương xung cũng là điềm không lành.

Đoán rằng: nếu quả thật có thai, sợ rằng khó qua khỏi cửa tháng 6 này (tháng mùi thổ). Tốt nhất tạm thời chưa nên có con vội.

Sau quả nhiên: tháng giêng có thai, tháng 6 đẻ non, thai nhi chết. Thực là tử tôn hoá quỷ lại ngộ sát thì khó mà được

Xem về có mang. Nếu gặp được tử tôn vượng tướng hoặc được nhật nguyệt động hào sinh phù mà hoá cát, thì sẽ sinh ra những đứa con khỏe mạnh, giỏi giang.

Nếu tử tôn hào suy nhược, tất sinh ra những đứa trẻ ngu đần.

Nếu gặp hươu tù khố tuyệt tuần không phá, lại bị hình xung khắc hại, thì có đẻ mà không có nuôi, sinh cũng như không.

Hào tử tôn mà gặp tuần không cũng không phải là hại, đợi năm nào xung tuần không và điền thực thì sẽ sinh nở và có con.

II. DỰ ĐOÁN LÚC SINH NỞ

Tình hình trước khi sinh nở của phụ nữ cũng có thể dùng bát quái để dự đoán.

Lấy hào tử tôn làm dụng thần.

“Bốc phê chính tông” nói: Phàm là xem thì thê tài là sản phụ, thai là bào thai, phúc là con cái. Ba hào này phải được nguyệt kiến nhật thần động, sinh phù tương hợp, giúp đỡ, thì sản phụ bình yên, bào thai ổn định, dễ sinh con.

Nếu bị hình khắc xung hại, người mẹ sẽ nhiều tai ương, bào thai bất an, con sinh ra khó nuôi.

Xem sinh nở lấy thanh long làm hỷ thần, nếu ở các hào thai phục tài động, thì nhang chóng đến giờ sinh, có thể là ngay ngày hôm ấy.

Hào tử tôn thai xung khắc thế, thì giờ sinh đến rất gần. Chỉ lấy ngày, giờ mà đoán.

Hào thai, hào tử tôn không động, lại không có ám xung, tất nhiên là còn chậm, phải đợi đến ngày tháng gặp xung mới sinh.

Hai hào thai phúc phát động, chủ về dễ sinh nở. Nếu bị hào quan quỷ phụ mẫu động mà tương hợp, hoặc bị nhật thần hợp, đều chủ về khó sinh sản. Phải đợi đến ngày giờ xung phá mới sinh.

Nếu gặp hai hào tử tôn và thê tài ở hươu và tuyệt, đương nhiên là hung. Nếu được hào động nhật thần (ngày) sinh phù là điềm nguy cấp nhưng được cứu.

Bạch hổ lâm quan phát động, hoặc lâm tài hoá quan, hoặc lâm quỷ động hoá không, hoặc bị xung tán, là điềm vô sinh hoặc có con nhưng không nuôi được. Phúc thần phát động mà nhật thần xung khắc với thai thì thường dễ rơi, chưa kịp đến nơi đã đẻ.

Quẻ mà gặp du hồn, quan quỷ ở không vong, thì chưa đầy tháng, chắc chắn chồng của sản phụ có công việc phải đi xa, ở nhà vợ đẻ, gọi là “bối sinh”. Nếu người chồng của sản phụ xem thì không lấy hào quan quỷ mà lấy hào để dự đoán.

Nếu thế hào là không, gặp du hồn quẻ thì sau khi chồng đi khỏi thì vợ sinh con.

Hai hào phụ và huỳnh nếu đương quyền vượng tướng, phát động lại hình khắc tử tôn thê tài, mà thê tài, tử tôn lại không được cứu trợ, thì cả mẹ lẫn con đều gặp hung.

Quan quỷ mà hoá tử tôn, thì chủ về có bệnh trước khi thai nghén.

Thê tài hoá quan quỷ, thì sau không sinh nở sẽ có nhiều tai ương.

Khắc thê tài là huỳnh đệ hào nếu huỳnh đệ không vong thì sản phụ an toàn.

Chỉ có một hào phụ mẫu vượng, tử tôn lại không xuất hiện, thì không lo ngại. Huỳnh động khắc thê tài, phụ động khắc tử tôn, nếu chồng xem quẻ cho vợ đẻ, thấy hào huỳnh động thì việc sinh nở không bình yên. Nếu phụ mẫu động thì con cái khó an toàn.

Hào phụ mẫu phát động vốn khắc tử tôn, nếu hào phúc lại được nguyệt kiến nhật thần sinh phù, hoặc ngộ tuần không, không bị khắc thì không đáng lo.

Trong “Đoán thiên cơ” nói:

“Nếu sát thần lâm hào tử tôn thì tử tôn bị tai hoạ, làm sao có thể chào đời”.

Xem sinh đẻ tối kỵ sát và động, nếu phụ mẫu huỳnh đệ động và sát thì chủ về hung ương, tai biến.

Nếu quỷ mà lâm sản thì người mẹ sẽ có lo lắng, kinh hoàng

Nếu trong quẻ không có phụ mẫu, không tử tôn thì cực xấu.

Giả dụ có phụ mẫu mà tử tôn hào vô khí cũng không tốt.

Thế hào mà hợp với hào tử tôn nhất định sẽ có ngày sinh con.

Thanh long chính là thần của sinh nở, tốt nhất là vượng tướng, đương quyền, phát động sẽ sinh quý tử.

Những người xem, đều lấy bạch hổ làm hung thần, chưa hiểu hết được tác dụng. Hổ chính là huyết thần. Đã có thai thì không thể tránh khỏi thấy huyết. Nếu như ở vào các hào: tý, canh thân, tân dậu thì đẻ rất nhanh hoặc ngay ngày hôm ấy sẽ sinh. Vì hổ có thể phá thai đẩy nhanh việc sinh đẻ, nên sinh nhanh chóng.

Hào thai tử tôn lâm quỷ hoặc hoá quỷ hào, hoặc bị quỷ xung khắc, thì không vào bàn để ngất đi rồi lại tỉnh, tục gọi là “Lạc địa quan”.

Cần là đầu, ly là mắt, khảm là tai, đoài là miệng. Bốn quẻ này xuất hiện trong quẻ thì dễ sinh.

Khôn là bụng, cần là tay, chấn là chân, tốn là mông. Nếu bốn quẻ này trong nội quẻ thì khó sinh. Nếu gặp sinh phù vượng tướng thì càng khó sinh. Nếu có giải cứu thì chỉ tốt một nửa thôi.

Thế mà ở vị trí thai dưỡng cũng là ngày sinh. Từ thế hào mà khởi trường sinh, nếu gặp vào ngày thai dưỡng thì đó có thể là đã đến ngày sinh.

Trong “Tăng san bốc dịch” nói: “Ngày sinh có gần có xa. Xa ứng vào tháng, gần ứng vào ngày. Nếu tử tôn động thì sẽ sinh vào ngày hợp và ngày trực.”

Nếu tử tôn tĩnh thì gặp ngày trực ngày xung là ngày sinh.

Nếu là tuần không thì vào ngày xung không, thực không sẽ sinh.

Nếu gặp phá thì vào ngày thực phá nhưng phùng hợp

Bạch hổ lâm huỳnh đệ mà động thì sinh vào ngày trực.

Tử tôn lâm tuyệt thì đợi đến ngày sinh vượng sẽ sinh.

Tử tôn gặp trường sinh thì đợi ngày thai dưỡng sẽ là ngày sinh.

Phục tàng đến ngày xuất hiện sẽ là ngày sinh”.

Thí dụ cổ (1)

Ngày ất hợi, tháng tý xem sinh nở có bình an không, được quẻ “tiểu quá” từ quẻ “phong”

“Lôi hoả phong”

Quan quỷ tuất thổ

Phụ mẫu thân kim

Thê tài ngộ hoả

Huỳnh đệ hợi thủy

Quan quỷ sửu thổ

Tử tôn mao mộc

“

“Thế

‘

‘

“Ứng

O

“Lôi sơn tiểu quá”

Quan quỷ tuất thổ

Phụ mẫu thân kim

Thê tài ngộ hoả

Phụ mẫu thân kim

Thê tài ngộ hoả

Quan quỷ thìn thổ

“

“

‘Thế

‘

“

“Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Thê tài ngộ hoả lại bị hưu tù vào mùa đông, bị nguyệt phá nhật thần khắc không hề có chút sinh khí. Mệnh khó bảo toàn.

2. Mão mộc tử tôn, tuy lâm nhật nguyệt vượng tướng, hoá quan quỷ là điềm không lành.

3. Sau quả nhiên cả hai mẹ con đều chết.

Thí dụ cổ (2)

Ngày mậu tý, tháng dần, xem sinh con có an toàn không, được quẻ “quán” từ quẻ “bác”.

“Sơn địa bác”		“Phong địa quán”	
Thê tài dần mộc	‘	Thê tài mao mộc	‘
Tử tôn tý thủy	x Thế	Quan quỷ tỵ hoả	‘
Phụ mẫu tuất thổ	“	Phụ mẫu mùi thổ	“Thế
Thê tài mao mộc	“	Thê tài mao mộc	“
Quan quỷ tỵ hoả	“Ứng	Quan quỷ tỵ hoả	“
Phụ mẫu mùi thổ	“	Phụ mẫu mùi thổ	“Ứng

Phân tích tượng quẻ:

Tử tôn tý thủy biến tuyệt, giờ tỵ ngày hôm nay, sản phụ sẽ đẻ rơi mà chết, quả ứng nghiệm.

Tử tôn hoá quỷ, quỷ hóa tử tôn, trăm trường hợp chết cả trăm.

Tiết 8. DỰ ĐOÁN BỆNH TẬT VÀ TAI NẠN

Vạn vật trên thế gian đều chịu sự sinh khắc chế hoá của âm dương ngũ hành. Con người cũng không ngoài quy luật đó. Vì thế, thiên “Âm dương ứng tượng đại luận” trong “Hoàng đế nội kinh” có nói:

“Âm dương là đạo của trời đất, là cương kỷ của muôn loài, là cha đẻ của mọi sự biến hoá, là cái gốc của sự mất còn”.

“Hệ từ của Chu dịch” cũng nói:

“Từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc phải biết về thuyết sinh tử”, “Âm dương giao hợp là bắt đầu của sự vật. Âm dương phân ly là kết thúc của sự vật. Hợp thì sinh, ly thì tử”.

Thiên “Ngọc bản ký yếu” của “Nội kinh” còn nói:

“Trùng dương tử, trùng âm tử” tức là: Dương mà gặp dương thì chết, âm mà gặp âm cũng chết.

Nền y học hiện đại cũng đã nhận thức được rằng: con người sở dĩ sinh bệnh, dẫn đến tử vong, hoặc bị những thương tổn khác, những tai họa khác, đều do sự sinh khắc chế hoá của âm dương ngũ hành có tác dụng quyết định.

Bất quá chính là quy luật biến hoá sinh khắc của âm dương ngũ hành mà người ta dựa vào đó dự đoán bệnh trạng cũng như thời gian tử vong của con người.

I. DỰ ĐOÁN BỆNH TẬT

Đã từ lâu, âm dương ngũ hành vẫn bị người ta cho là một danh từ triết học trừu tượng. Trên thực tế, cái khí của âm dương ngũ hành cũng là một loại vật chất, có chất và có lượng. Tuy vậy, khoa học hiện đại vẫn chưa có cách nào tiến hành sự trắc nghiệm toàn diện đối với nó. Nhưng y học hiện đại thừa nhận nó là một dạng vật chất vô cùng tinh vi này, con người nhìn không thấy, sờ không được, nhưng dùng bất quá thiên can địa chi tiến hành sắp xếp và ghi chép đối với cơ thể con người lại rất dễ dàng thấy được, những thông tin về âm dương ngũ hành của cơ thể con người thay đổi, phát sinh và chế khắc ra sao.

Nội ngũ hành:

Càn	đào	là	phế (phổi)
Ly		là	tâm (tim)
Chấn		là	can (gan)
Tốn		là	đảm (mật)
Cấn		là	tỳ (lá lách)
Khôn		là	vị (dạ dày)

Khảm	là thận
Ngoại ngữ hành:	
Cần	là đầu
Đoài	là miệng
Ly	là mắt
Chấn	là chân
Tốn	là móng
Khảm	là tai
Cấn	là tay
Khôn	là bụng

Ngũ hành là:

Thủy	là thận
Mộc	là gan
Hoả	là tim
Thổ	là tỳ vị
Kim	là phế

Quỷ là chứng bệnh, bệnh hoạn:

Hào quỷ là thủy: kinh thận có bệnh chứng bệnh của nó là ác hàn, mồ hôi trộm di tinh.

Hào quỷ là mộc: đường kinh gan có bệnh biểu hiện chứng bệnh là: cảm phong hàn toan thống hoặc tứ chi vô lực.

Hào quỷ là hoả: đường kinh tâm có bệnh. Chứng bệnh: sốt, khô miệng lưỡi hoặc nhọt độc.

Hào quỷ là thổ: đường kinh tỳ có bệnh triệu chứng: da vàng, phù thũng hoặc bị ôn dịch.

Hào quỷ là kim: đường kinh phế bị bệnh. Triệu chứng: hoặc khan, xuyên, nhiều đờm, buốt răng.

Hào quỷ ở khảm cung đại tiểu tiện không thông: khảm cung thủy, quỷ hoá hồi đầu khắc. Nếu là hào đầu của cung đó thì tiểu tiện không thông: nếu là âm hào thì đại tiện không thông.

Nếu cung dương mà âm tượng, cung âm mà dương tượng thì đại tiểu tiện đều không thông.

Nếu bạch hổ lâm dương thì đái ra máu, nếu lâm âm hào thì nôn hoặc đi ỉa ra máu. Nếu có hình khắc là chứng bệnh trĩ.

Đoài quỷ mà có sát thần phải cẩn thận, phạm xem bệnh mà kim quỷ vượng tướng lại khắc thể, tất sẽ có họa chảy máu vì dao đâm. Nếu nhẹ thì cũng là bệnh đau răng.

Quỷ ở chấn cung, phải phòng tai nạn gãy xương. Quỷ ở chấn cung chủ là bệnh ở chân; nếu gặp đấng xà thì chân tất sưng, nếu gặp bạch hổ có nạn gãy chân và thương tổn.

Quỷ ở mộc thì đau, buốt, nhức tê.

Quỷ ở thổ là chứng phong thấp.

Quỷ ở hoả là chứng mụn nhọt, độc.

Quỷ ở kim là gãy xương và thương tổn vì đao búa.

Quỷ ở ly cung là mắt nên mắt có bệnh.

Ly còn là tim, phải đề phòng các bệnh về tim và cao huyết áp.

Hoả quỷ hoá hồi đầu khắc nếu không khó thở cũng hôn mê.

Quỷ ở cần cung: phòng bệnh ở đầu.

Cần là đầu cho nên quỷ ở cần cung mà hoá mộc, tắt đầu đàn, hoa mắt. Mộc động hoá quỷ cũng thế.

Quỷ ở cần cung, tắt sinh mụn nhọt:

Hoả quỷ của cần sẽ sinh ra những mụn nhọt độc. Nếu hoá thổ quỷ, đó là bệnh phù thũng sưng tấy.

Quỷ ở tốn cung, bệnh ở hông, đùi:

Tốn là âm mộc, nếu mộc quỷ biến kim hoá hồi đầu khắc thì phòng đau ở hông hoặc bệnh về mắt.

Quỷ ở khôn cung, bệnh ở vùng bụng:

Hoả quỷ thì bụng đau nhưng tả lý

Thổ quỷ thì ăn không tiêu chướng bụng.

Mộc quỷ thì ruột bị đau rất.

Kim quỷ thì bị chứng bệnh đau gân, đau vòng ngực, đau thắt lưng.

Sự sắp xếp sáu hào của bát quái trong cơ thể người của “Bốc phê nguyên thủy” có lời bàn:

Sơ hào là bị thương tổn

Nhị hào là bệnh nặng ở hai chân

Tam hào là bệnh đau nhức vùng thắt lưng.

Tứ hào bệnh tắt ở bụng, ở ruột.

Ngũ hào bệnh tắt ở thận và nhiều chướng khí.

Lục hào là bệnh nặng trên đầu.

Chủ bệnh của lục thần:

Thanh long lâm quỷ: chủ về các bệnh tiểu sắc, phòng đục quá độ dẫn đến suy nhược vô hư.

Chu tước mà lâm quỷ: chủ về nóng sốt mặt đỏ, cuồng ngôn, loạn ngữ.

Câu trần lâm quỷ: bệnh phù nề ở ngực, tỵ vị bất hoà.

Đằng xà lâm quỷ chủ về tâm kinh đứng ngồi không yên (tâm thần kinh hoàng), bạch hổ lâm quỷ: trượt ngã mà tổn thương, gãy xương, buồn bã, đàn bà băng huyết, huyết tụ, hoặc huyết hư sau đẻ.

Huyền vũ lâm quỷ sắc đục quá độ buồn bã trong lòng, bị bệnh âm hư vì huyền vũ chủ về những việc ám muội.

II. CÁCH ĐOÁN BỆNH

Đoán bệnh dùng lục thân có nhiều cách:

Đoán bệnh cho mình: lấy thế hào làm dụng thần. Thế hào cần vượng tướng hoặc hào nhật nguyệt động, sinh thế, hợp thế. Hoặc tử tôn trì thế, hoặc hào tử tôn động ở trong quẻ, thì bất kể bệnh lâu hay mới uống thuốc sẽ khỏi.

Xem bệnh cho cha mẹ: lấy hào phụ mẫu làm dụng thần nếu được hào nhật nguyệt động lại sinh phù thì có bệnh cũng không lo. Thường cứ xem bệnh thì quỷ là hung thần. Riêng hào phụ mẫu hào có khác: quan quỷ chính là nguyên thần của hào phụ mẫu, bệnh nhẹ thì cần phải có quỷ hưng vượng, phụ hoá quỷ, thì gọi là hoá hồi đầu sinh, bệnh sẽ khỏi. Bệnh lâu dài và bệnh nặng: Quỷ hoá phụ, phụ hoá quỷ đó là điềm nguy hiểm. Huynh đệ chính là tiết khí của phụ mẫu, không được động nếu động, bệnh khó khỏi.

Nếu gặp tử tôn vượng, hào tài phát động, dụng thần suy nhược thì tất xuống hoàng tuyền.

Xem bệnh cho con cái, lấy hào tử tôn làm dụng thần. Nếu vượng tướng, lại được hào nhật nguyệt sinh hợp, tử tôn hoá hồi đầu sinh, thì bất kể bệnh mới phát hay đã lâu, cứ uống thuốc là khỏi. Nếu như trong quẻ, huynh đệ sinh vượng, tử tôn phát động thì chết rồi lại sống lại. Nhưng kỵ nhất là tài động tiết khí, bệnh triển miên kéo dài. Nếu bệnh từ lâu, quẻ hào phát động, thì mệnh khó toàn.

Xem bệnh cho anh em: lấy hào huynh đệ là dụng thần, nếu vượng tướng lại ở hào nhật nguyệt động, hoặc gặp động hào sinh phù, huynh động hoá hồi đầu sinh. Dù ốm cũng dễ khỏi. Nếu được hào phụ mẫu vượng tướng, phát động, sinh phù thì lúc nguy cấp nhất sẽ được giải cứu. Nếu gặp tài quẻ động, mãi mãi là khách dưới hoàng tuyền.

Tử tôn tuy khắc quẻ, nhưng lại có cái lo về hao khí.

Xem bệnh cho vợ: lấy hào tài làm dụng thần, nếu lâm động hào nhật nguyệt lại được sinh phù, tài động hoá tử tôn, hoá đế vượng. Có bệnh cũng chẳng đáng lo. Nếu tài vượng, quẻ yên tĩnh cũng chẳng sao.

Nếu phụ động thì khỏi, huynh động giao trùng hoặc tài động hoá huynh thì mệnh sẽ về chín suối.

Xem bệnh cho chồng: lấy quan quẻ làm dụng thần, cần phải vượng tướng và được nhật nguyệt, động hào sinh phù, tử tôn yên tĩnh, thì tài động thì gặp được thần phúc. Phụ động thì tổn thương khí lực, tối kỵ nhập khố, hoá khố, ngộ khố tất là hung. Phàm xem về bệnh tình, bất kể xem cho mình hay cho người thân, bệnh mới phát: dụng thần tuần không hoặc động mà hoá không. Quẻ lại gặp lục xung thì uống thuốc vào sẽ khỏi.

Những người bệnh đã lâu, dụng thần tuần không nhạt quá. Động mà hoá không, hoá phá, hoá hồi đầu khắc lại bị hào động nhật nguyệt khắc, dụng thần hóa quẻ, quẻ hoá dụng thần. Quẻ phù lục xung biến lục xung, hoặc đại tượng hoá hồi đầu khắc thì phải cấp tốc chữa trị. Khả năng sẽ được cứu.

Phàm xem bệnh lại gặp hào quẻ từ thế là bất lợi, bệnh khó yên khó khỏi, lại nguy hiểm; nếu hoá mộ thì hung lại càng hung.

Thêm nữa, nam thì sợ bị bệnh vào ngày trường sinh, nữ sợ bị bệnh vào ngày mộc dục. Già sợ bị bệnh vào ngày đế vượng, trẻ sợ bị bệnh vào ngày hưu tù, tử mộ. Phương pháp lúc đó là bắt đầu trường sinh từ thế hào như: mộc trường sinh tại hợi thì là lâm vào ngày kỵ.

Bệnh nặng hay nhẹ thì xem vị trí của quan quẻ: nếu quẻ hào ở nội quẻ thì bệnh sẽ nặng về ban đêm. Nếu quẻ ở ngoại quẻ thì bệnh nặng ở ban ngày. Quẻ mà có hai hào quan quẻ, một vượng, một tuần không, hoặc một động tĩnh, chắc chắn bệnh ban ngày nhẹ, đêm nặng. Nếu gặp quẻ động hào sinh phù dụng hào, mà quẻ hào hình khắc dụng hào. Tất sáng lạnh chiều nóng sốt, ban ngày nhẹ, ban đêm nặng.

Hoả quẻ khắc thế tài tất bị nôn mửa: hào tài chính là lộc, là ăn uống, nếu hoả quẻ động mà khắc tài, người bệnh chắc chắn sẽ bị nôn mửa, nặng thì không ăn uống gì được.

Quẻ không xuất hiện thì xem phù thần: quẻ mà ẩn ở tài thì vì ăn uống mà bị bệnh hoặc vì tài mà ốm đau. Hoặc vì chuyện sinh lý vợ chồng mà lâm bệnh. Quẻ mà ẩn ở huynh thì vì tranh tài mà cãi cọ, nhịn ăn mà ốm.

Quẻ mà ẩn ở phụ mẫu vì lao tâm, khổ tứ, quá lo lắng mà sinh bệnh; Quẻ ẩn tử tôn – nếu không phải vì rượu chè be bét thì cũng là quá độ mà bị cảm gió. Hoặc uống thuốc bổ quá liều mà dẫn đến ốm đau.

Quẻ biến quẻ, bệnh cũ chữ xong bệnh mới đã đến: trong quẻ có quẻ lại hoá quẻ chính là bệnh nặng thêm, hoá thoái, bệnh giảm. Nội ngoại có quẻ, bị bệnh ở hai nơi. Lưỡng quẻ đều

động, đều tĩnh thì nhiễm bệnh cùng một lúc. Nếu hai hào quĩ tự xung khắc, bệnh dễ mắc cũng dễ khỏi.

Ở bản cung, ở nhà mắc bệnh, bệnh nội thương ở ngoài quĩ ở bản cung. Quĩ ở ngoài quẻ thì bị bệnh ở nơi khác. Nội ngoại có quĩ thì bị chứng ngoại cảm nội thương.

Quĩ hào trì thế, bệnh cũ đã có từ trước: quĩ trì thế thì phần lớn đã có bệnh từ trước. Nếu khắc thương dụng thần, thường là bệnh cũ phát lại.

Nếu không phải thế thì khó chữa khó lành.

Tam hào trực không vong thì thất lưng có bệnh: tam hào trực không, vong tướng, tuần không là đau ở thất lưng. Bất không mà gặp động hào, quĩ lâm nhật thần hoặc khắc xung thế hào. Đó là bệnh ở vùng thất lưng.

Tam hào động, phùng không lâm quĩ cũng thế.

Thượng lục thụ hình, chủ về có bệnh đau đầu: lục hào là đầu, nếu quĩ khắc thương hào thứ sáu tất nhiên bệnh đau đầu xuất hiện, còn phải đề phòng tổn thương ở đầu.

Quĩ ở các hào giữa, có sừng đau, đau ở ngực: các hào ở giữa là vòng ngực. Quĩ hào đóng ở đó sẽ bế tắc không thông.

Kim quĩ thì xương ngực bị đau.

Thổ quĩ thì ngứa mẩn.

Thủy quĩ thì viêm hay tắc nghẽn

Hoả quĩ thì đau tim

Nếu tài quĩ thì chính là do ăn uống không tiêu mà thành bệnh

Nội ngoại có thể tài thì vừa thổ vừa tả:

Tài lâm ngoại quẻ chủ về thổ “nôn”.

Động mà lâm hạ quẻ thì chủ về tháo (ỉa chảy).

Nội ngoại quẻ có tài hào lại động thì vừa thổ lại vừa tả.

Tài mà bị hợp thì muốn nôn muốn tháo cũng khó.

Trong quẻ không có thể tài, không nghĩ đến ăn uống: thể tài chủ về ăn uống, nếu gặp không vong thì sẽ không ăn uống nổi. Nếu không có tài hào thì không nghĩ đến ăn uống.

Huynh đệ trì thế thì vì ăn uống mà mắc bệnh: hào huynh đệ trì thế, là độ ăn uống giảm hoặc ăn quá nhiều mà sinh bệnh.

Ứng hào quan quĩ lại hợp với dụng hào thì nhiễm bệnh từ người khác. Ứng hào lâm quan quĩ, hoặc hình, hoặc khắc hoặc hợp với dụng thần, tất nhiễm bệnh do đi thăm viếng bạn bè.

Quĩ hào thuộc chứng miên hành, dụng là lâm ứng bị bệnh mà nằm lại nhà khác.

Dụng hào hoá hào khác tức bị bệnh có nguyên nhân: Dụng thần hoá phụ mẫu thì ở nơi đang xây dựng hoặc quá mệt mỏi mà bị bệnh.

Nếu ở ngũ hào gặp nước là trên đường đi gặp mưa mà bị bệnh.

Dụng mà hoá huynh đệ, nếu không phải vì cãi nhau mà nôn ọe thì cũng do ăn uống mà bị tổn thương, nếu ở tam hào thì vì cởi áo mà bị lạnh.

Dụng hoá tử tôn, thì do rượu chè, chơi bời “phòng sự” mà sinh bệnh.

Tử tôn trì thế, gặp nguy mà mừng.

Tử tôn là thần phúc đức khắc chế quan quĩ, trì thế hoặc động ở trong quẻ; Tuy bệnh nguy cấp nhưng tất có niềm vui cải tử hoàn sinh nếu tử tôn lâm không phá, thì đến ngày thực phá, bệnh sẽ khỏi.

Tử tôn trì thế để phòng phụ động gây thương tổn: Tử tôn hào chính là thần giải ưu sầu. Thế dụng lâm tử tôn hoặc phát động là điềm đại cát; nhưng sẽ bất lợi, nếu hào phụ mẫu động lại khắc thương tử tôn, nếu phụ mẫu hào có khắc chế lại thì cũng không lo gì.

Tuyệt xứ phùng sinh, hung trung hữu cứu (tuyệt địa gặp sinh phù, trong lúc nguy nan được giải cứu) dụng thần gặp tuyệt địa, nếu được động hào trong quẻ sinh phù, tuy nguy cấp nhưng được cứu.

Phúc thần lâm nhật, bất được nhi dữ (phúc thần đóng vào nhật thần, không cần thuốc cũng khỏi): hào tử tôn của quẻ lâm nhật thần, sinh phù nhật thần, không cần thuốc bệnh cũng khỏi.

Quỷ lâm nguyệt phá, hung mà bất tử: xem bệnh, quỷ hào phải yên tĩnh, không nên có quỷ phát động; động thì có biến. Nếu quỷ hào lại được động hào nhật thần xung tán, đó là điềm đại cát.

Tử tôn động hoá khắc, bệnh khỏi lại mắc lại: Tử tôn mà khắc chế quan quỷ, bệnh khỏi được. Nếu tử tôn động mà hoá phụ mẫu hồi đầu khắc thì bệnh khỏi rồi mắc trở lại.

Dụng trực tuần không, đừng lo về bệnh mới phát: Dụng thần động, tĩnh phùng không, hoá không nếu không có hào nhật thần động hóa xung thì đợi đến ngày xung không, bệnh sẽ khỏi. Nếu gặp xung khắc thì tuy bệnh nặng nhưng không chết. Nếu trực và nguyệt phá thì xem suy và vượng của dụng thần. Nếu vượng thì đến ngày thực phá, bệnh khỏi. Nếu suy mà bị khắc thì bệnh trở nên nguy kịch.

Kỵ thần động khắc, nguyên thần động thì được cứu. Quẻ gặp kỵ thần, động lại khắc dụng thần, rất nguy, bệnh xảy ra ngay tức khắc. Nếu được nguyên thần phát động sẽ được cứu.

Thế quỷ nhập khố, chắc chắn là hung: Phạm sau khi xem bệnh, quỷ hào lâm thế, khố ở nhật thần, hoặc hoá nhập khố là điềm không lành.

Quỷ trì thế phát động mà nhập mộ là xấu.

Quỷ hóa trường sinh càng thêm nặng, quỷ hào đã phát động, bệnh tình tất nặng. Nếu quỷ hoá trường sinh, bệnh tình ngày một nặng thêm.

Dụng lâm quỷ sát, hung nguy tới ngay:

Dụng thần suy nhược lại hoá hồi đầu khắc, lại không được nhật nguyệt động hào giải cứu. Chắc chắn không có ngày sống sót.

Phá tán vô trợ, cát ít, hung nhiều.

Dụng thần lâm phá tán, lại hoàn toàn không có hào vượng tương sinh phù. Phần lớn sẽ thấy hung nguy.

Quỷ phục không vong, sớm phòng bất trắc: điều này chuyên nói về phụ mẫu và chồng bệnh nặng. Khi quỷ ẩn phục ở không vong, cần phải đề phòng những tai hoạ không lường trước được.

Lưỡng quỷ giáp dụng, không chết cũng hôn mê: Xem bệnh mà gặp hai quỷ hào giáp dụng hoặc giáp thế đều là những điềm bất cát. Nếu quỷ động mà khắc dụng hung lại càng hung.

Quỷ mộ giáp thế, mệnh nhập phong đô: Quẻ mà gặp quan quỷ nhập mộ, thế dụng đều nhập mộ, không chết cũng nguy khốn.

Nếu thế hào dụng thần, bị quỷ hào ép sát, hoặc hai quỷ hào nhập mộ giáp thế, giáp dụng tất chết, không nghi ngờ gì nữa. Nếu động hào nhật thần xung phá quỷ mộ, đúng là điềm trong hung có cứu.

Dụng động hoá khố đều chủ về hôn mê: Xem bệnh mà dụng thần động hoá khố thì bất kể là bệnh lâu hay mới đều là điềm chủ về hôn mê.

Dụng thần vượng thì ngày nào thoát khỏi mộ, bình yên.

Dụng thần hưu tù, gặp hình khắc hại thì khó khỏi. Bệnh lâu tất hung.

Thế không khố tuyệt, hữu cứu không lo, vô cứu tất chết.

Dụng thần biến quỷ, hóa hồi đầu khắc, lại không có động hào nhật nguyệt giải cứu, bệnh này chắc chết.

Bệnh lâu, dụng thần trực không nguyệt phá, dụng thần vượng tướng khó chữa khỏi ngay được.

Bệnh mới phát lại trực tuần không nếu gặp tam hợp lục hợp thì cuối cùng sẽ thành bệnh mãn tính.

Kỵ thần hoá dụng, dụng thần hoá kỵ, đó là bệnh nặng khó chữa.

Thế lâm quan quỷ lại gặp trường sinh, không chết thì cũng tàn tật suốt đời. Dụng lâm nhật nguyệt kiến sinh phù lại được động hào sinh phù, gọi là thái quá, già néo đứt dây, sợ nhất là dụng gặp ngày hung.

Xem bệnh, muốn biết cát hung phải nhìn thế nào nhập mộ. Bệnh lâu mà gặp xung tất chết, bệnh mới gặp xung sẽ khỏi; mà gặp hợp tất chết. Bệnh mới mà gặp quỷ biến ra tử tuyệt, chủ về nguy cấp.

Quỷ lục xung mà biến ra lục xung chính là hoá hồi đầu khắc, như Chấn biến Càn thì không cần xem dụng thần suy hay vượng đã biết ngay là nguy vong. Nếu biến tử hoà hoặc hoá tương sinh thì cát, hóa khắc thì hung.

Dụng thần mà gặp tam hình, chết là không còn nghi ngờ gì nữa:

Dụng thần và hào động nhật nguyệt hoặc động mà tạo thành tam hình, dụng thần bị hình khắc là hữu tử vô sinh (có chết, không có sinh). Nếu gặp một trong động hào nhật nguyệt hợp một chi thì có sự giải cứu.

Mộc quỷ lâm xà, chủ về diêm hung tử. Quỷ hào thuộc mộc lại lâm đằng xà mà khắc thế, tức chết vì tự thất cổ. Thế hào vượng tướng, lại có nhật nguyệt động hào sinh phù, động mà hoá cát thì tuổi già không bệnh mà chết.

Thế hào vượng tướng, lại bị khắc chế hình xung thì bị ốm mà chết.

Thế hào vượng tướng lại khắc chế lại có lục thần khắc chế, thì chết về tai bay vạ gió.

Thế hào vượng tướng, thừa hưởng trường niên. Dụng thần hưu tù, thì phải đề phòng chết yếu. Thế hào là gốc, lâm nhật nguyệt động hào sinh phù, động mà hoá vượng, hoá cát, hoá hồi đầu sinh, chính là diêm trường thọ.

Tử tôn là thầy thuốc, là thuốc thanh, nên vượng tướng, không được hưu tù, tử tuyệt. Đã vượng lại có y thuật cao, bệnh đến tay là chữa khỏi, uống thuốc thấy kiến hiệu ngay. Tử tôn suy thì bất lợi.

Thí dụ cổ:

Ngày canh dần, tháng thân, xem bệnh của con trai mới phát, được quỷ “giải” từ quỷ “hằng”.

“Lôi phong hằng”

Thê tài tuất thổ

Quan quỷ thân kim

Tử tôn ngộ hỏa

Quan quỷ dậu kim

Phụ mẫu hợi thủy

Thê tài sửu thổ

“Ứng

“

“

O Thế

‘

‘

“Lôi thủy giải”

Thê tài tuất thổ

Quan quỷ thân kim

Tử tôn ngộ hỏa

Tử tôn ngộ hỏa

Thê tài thìn thổ

Huỳnh đệ dần mộc

“

‘Ứng

‘

‘

‘ Thế

“

Phân tích tượng quỷ:

1. Xem bệnh cho con lấy tử tôn hào làm dụng thần; nhật kiến sinh dụng thần đó là điềm bệnh khởi.
2. Quan quỷ trì thế, hoá tử tôn, là điềm chết yếu.
3. Tử tôn tuần không thì không lo, vì bệnh mới phùng không, xuất không tất.
4. Nếu như muốn đoán thử xem em bé bị bệnh gì? Tử tôn ở tử hào; bệnh ở vùng bụng; Quan quỷ đậu kim cũng ở hào này (hào giữa) có khả năng bị bệnh lý, ỉa chảy. Dụng thần ngộ khổ tuyệt, lại động mà hoá mộ, hoá tuyệt. Lúc ấy phải xem vượng suy. Dụng thần mà vượng thì không lo. Dụng thần suy thì kỵ nhật nguyệt động hào khắc. Ngày nào khắc mà được kỵ thần thì bệnh khởi. Nếu suy, ngày nào sinh trợ cho kỵ thần thì sẽ gặp hung tai.

Thí dụ khác:

Ngày bính thân, tháng thìn, xem bệnh em trai có nguy cấp không, được quẻ “cách” từ quẻ “ký tế”.

“Thủy hoả ký tế”		“Trạch hoả cách”	
Huỳnh đệ tý thủy	“Ứng	Quan quỷ mùi thổ	“
Quan quỷ tuất thổ	‘	Phụ mẫu dậu kim	‘
Phụ mẫu thân kim	X	Huỳnh đệ hợi thủy	‘Thế
Huỳnh đệ hợi thủy	‘Ứng	Huỳnh đệ hợi thủy	‘
Tử tôn mao mộc	“	Tử tôn mao mộc	‘Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Xem cho em trai ốm nặng lấy huỳnh đệ hợi thủy làm dụng thần.
2. Huỳnh đệ hợi thủy hào trì thế, nguyệt khắc mà nhật sinh. Cần phải xem các hào khác. Phụ mẫu thân kim động lại sinh thế, là điềm khắc, gặp sinh, lâm nguy hữu cứu.
3. Quả nhiên vào giờ dậu hôm đó được danh y cứu chữa.

Thí dụ ngày nay:

Ngày nhâm tuất, tháng tỵ, năm 1988, thầy Thiệu Vĩ Hoa nhìn thấy ông già Chu thổ huyết, bèn xem một quẻ cát hung. Được quẻ “khuê” từ quẻ “phệ hạp”.

“Hoả lôi phệ hạp”		“Hoả trạch khuê”	
Tử tôn tỵ hoả	‘	Tử tôn tỵ hoả	‘
Thê tài mùi thổ	“Thế	Thê tài mùi thổ	“
Quan quỷ dậu kim	‘	Quan quỷ dậu kim	‘Thế
Thê tài thìn thổ	“	Thê tài sửu thổ	“
Huỳnh đệ dần mộc	X Ứng	Huỳnh đệ mao mộc	‘
Phụ mẫu tý thủy	‘	Tử tôn tỵ hoả	‘Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Tự mình xem cho người bệnh, lấy thế làm dụng thần.
2. Thê tài mùi thổ hào trì thế, nguyên thần tỵ hoả ở vào nguyệt kiến vốn là điềm lành. Nhưng tỵ hoả trường sinh tại dần, mộ vào ngày tuất, cho nên nguyên thần không có lực để sinh thế.
3. Xem các hào khác, kỵ thần huỳnh đệ dần mộc động, hoá kiến thần khắc thế.
4. Ngày bính dần là ngày kỵ thần là ngày ở vào vượng địa. Cho nên ông già họ Chu sẽ không qua khỏi giờ tuất, ngày dần. Sau quả nhiên, chết vào giờ dậu, ngày dần. Đó chính là kỵ thần động mà hoá tiến, lâm vượng địa lại khắc chết, tất sẽ chết.

Một thí dụ khác:

Ngày mùi năm 1987. Thích Thường Lan nhận được bức điện báo là ông nội cô bệnh nặng đã qua đời, nhờ thầy Thiệu xem cho một quẻ xem thực hư thế nào? Được quẻ “minh di” từ quẻ “Khiêm”.

“Địa sơn khiêm”		“Địa hoả minh di”	
Huỳnh đệ dậu kim	“	Huỳnh đệ dậu kim	“
Tử tôn hợi thủy	“Thế	Tử tôn hợi thủy	“
Phụ mẫu sửu thổ	“	Phụ mẫu sửu thổ	“Thế
Huỳnh đệ thân kim	‘	Tử tôn hợi thủy	‘
Quan quỷ ngọ hoả	“Ứng	Phụ mẫu sửu thổ	“
Phụ mẫu thìn thổ	X	Thê tài mao mộc	‘Ứng

Phân tích tượng quẻ:

1. Lấy phụ mẫu thìn thổ làm dụng thần.
2. Dụng thần động hóa kỵ thần mao mộc hồi đầu khắc, điềm hung.
3. Mão mộc trường sinh tại hội, khố ở mùi. Mão mộc ở trong quẻ thì khố ở mùi, nhật, nguyệt, không thể khắc thổ. Cho nên dụng thần có điềm gặp nguy nhưng không chết.
4. Dụng thần thìn thổ, lại giáp nhật nguyệt. Một hào phụ mẫu khác là sửu thổ, cùng với nhật kiến là ngày mùi, tạo thành sửu mùi tương xung. Bệnh mới phát mà gặp xung thì không chết.
5. Điện báo nói rõ là “chết”. Tại sao quẻ lại nói không chết? Quả thật có điều lạ sau đó cô ta về nhà, quả nhiên ông nội bệnh rất nặng sau đó sống lại.

III. DỰ ĐOÁN NHỮNG TAI NẠN KHÁC

Về vấn đề dự đoán những tai nạn của con người và những tai nạn do sự cố bất ngờ xảy ra, ngày xưa đã có những luận bàn chuyên đề, nhưng không có một phương pháp cụ thể nào.

Thầy Thiệu Vĩ Hoa trong quá trình dự đoán, đã tích lũy được một số kinh nghiệm. Nay, chúng tôi đưa mấy ví dụ để các bạn nghiên cứu tham khảo.

Năm 1983 ông Trương ở đơn vị tôi đề nghị tôi xem vận hạn con gái ông, tôi căn cứ vào ngày giờ sinh của cô (giờ Tuất năm 1960 tháng tám) lập được quẻ “khiêm” từ quẻ “minh di”.

“Địa hoả minh di”	“Địa sơn khiêm”		
Phụ mẫu dậu kim	“	Phụ mẫu dậu kim	“
Huỳnh đệ hợi thủy	“	Huỳnh đệ hợi thủy	“Thế
Quan quỷ sửu thổ	“Thế	Quan quỷ sửu thổ	“
Huỳnh đệ hợi thủy	‘	Phụ mẫu thân kim	‘
Quan quỷ sửu thổ	“	Thê tài ngọ hoả	“Ứng
Tử tôn mao mộc	O Ứng	Quan quỷ thìn thổ	“

Thượng quẻ thấy có huỳnh hoá huỳnh, quỷ hoá quỷ, rõ ràng có bị thương ở chân và tay. Trong quẻ sửu thổ trị thế tới 3 lần xuất hiện. Nếu gặp năm sửu, hoặc gặp 4 sửu thổ trùng lặp là thái quá. Thái quá tất bị thương, bị gãy. Trong quẻ phục ngâm chính là thân ngâm (rên xiết) bèn nói cho ông biết rằng năm 1985 phải đề phòng tai nạn ở chân và tay.

Quả nhiên vào năm 1985 (năm Ất sửu) chân bị xe hơi cán gãy.

Thầy Thiệu lại nói thí dụ nữa:

Bố của cô Hứa ở đơn vị tôi từ nhà đến, yêu cầu tôi xem cho một quẻ vận hạn. Theo ngày tháng năm sinh được quẻ “khuê” từ quẻ “tổn”.

“Sơn trạch tổn”		“Hoả trạch khuê”	
Quan quỷ dần mộc	‘Ứng	Phụ mẫu tỵ hoả	‘

Thê tài tý thủy	“	Huỳnh đệ mùi thổ	“
Huỳnh đệ tuất thổ	X	Tử tôn dậu kim	‘Ứng
Huỳnh đệ sửu thổ	“Thế	Huỳnh đệ sửu thổ	“
Quan quý mao mộc	‘	Quan quý mao mộc	‘
Phụ mẫu tỵ hoả	‘	Phụ mẫu tỵ hoả	‘Ứng

Quẻ này huỳnh đệ quan quý trùng điệp, thế lâm huỳnh hoá huỳnh, lại có quý hoá quý, tất sẽ có thương tổn ở chân tay. Vì vậy đoán: vào năm Ất mao năm 1975 sẽ bị thương ở chân tay.

Cô Hứa và những người khác giật mình kinh ngạc: “Rất đúng! Năm 1975 tôi bị ngã gãy chân”.

Ứng vào năm 1975, bởi vì quan quý mao mộc lâm thái tuế mà lại khắc thế.

Dự đoán tai nạn do sự cố, tai nạn trong lao động. Thầy Thiệu đã chỉ rõ: những quẻ có liên quan trong “Chu dịch” như: quẻ Hàm, quẻ Phong, quẻ Tiểu quá thì đều có hào tử của quẻ từ và hào từ nói về cơ thể bị thương tổn.

Các sách bói thời cổ cũng có nói: “Huỳnh hoá huỳnh, quý hoá quý, huỳnh hoá quý, quý hoá huỳnh” và có bàn luận về những vấn đề có liên quan đến thương tật trong “trọc” bệnh. Có thể cung cấp cho các bạn tham khảo.

Tiết 9. DỰ ĐOÁN NGƯỜI ĐI ĐƯỜNG

Trong “Hệ từ của Chu dịch” có câu:

“Cát hung sinh hồ động” cũng là nói: “Trong hoạt động của con người, có cát có hung. Nếu động mà thuận âm dương thì cát. Nếu động mà nghịch âm dương thì hung”. Vì vậy, khi được đường xa, hoặc bước ra khỏi cửa đi đâu, không xảy ra sự cố đáng tiếc thế này hoặc thế khác, thậm chí bị tai nạn xe cộ máy bay thuyền bè, trượt ngã hoặc chìm đắm dẫn đến chết người. Một trong những nguyên nhân quan trọng trong đó chính là: Họ không biết vận khí của mình như thế nào, không biết là vào lúc nào thì không nên ra khỏi cửa và cũng không biết phương hướng nào là nơi “cấm địa” của bản thân mình. Tóm lại là họ không biết những thông tin về cát hung của bản thân mình.

Thực tế chứng minh rằng: phạm con người ta vì công việc mà phải đi xa, hoặc vì những nguyên nhân khác bao gồm cả việc bắt cóc trẻ con, ngoài những nhân tố về xã hội, tâm lý thì còn có một nguyên nhân nữa là: Tứ trụ của họ gặp xung. Nếu gặp xung cát thì cát, nếu gặp xung hung thì hung. Còn nguyên nhân khác là bản thân họ đang ở vận khí xấu mà dẫn đến.

I. DỰ ĐOÁN HƯỚNG ĐI CỦA NGƯỜI ĐI XA

Dự đoán hướng đi của người đi xa phải lấy vị trí của lục thân làm dụng thần, nếu không có trong lục thân thì xem ở ứng hào.

Người đi ra ngoài có may, có rủi. Khi nào trở về có lâu có chóng? Lâu thì tính bằng năm tháng. Chóng thì tính bằng ngày giờ. Đi hay không đi thì xem động tĩnh: xem người đi khi nào trở về thì dụng thần phải động. Dụng thần mà sinh hợp thế nào thì chắc chắn quay về muộn.

Động tốc sinh hoãn định quy kỳ: Dụng thần động nhưng khắc thế thì về nhanh. Dụng thần động mà sinh thế thì về chậm.

Dụng thần mà ở tam tứ hào, ngày về phải chờ:

Ngày xưa, coi tam tứ hào là cửa ngõ. Nếu như dụng thần lâm tam tứ hào mà không bị chế phục, hào động mà sinh hợp thế hào thì phải kiên nhẫn mà chờ. Dụng thần ẩn phục bất

không thì hãy đợi đến ngày thực sẽ trở về phục mà không thì đợi nhật thần hợp, đến ngày thực sẽ về.

Ngoại quả phản ngâm, dụng thần vượng tướng, tất sẽ về. Nếu không về thì sẽ di chuyển chỗ khác.

Tính phùng xung là người có thể về: Dụng thần yên tĩnh, bất động, lại gặp nhật thần xung, người tất sẽ quay về. Như là dụng thần là tỵ hoả vào ngày hợp thủy xung khắc mới trở về.

Thế ứng đều động ngày về nhanh chóng: Người xưa coi thế hào là thân, ứng hào là chân, thế ứng đều động tức cả chân và thân đều động thì có thể về vào một ngày gần, hoặc đứng mà đợi.

Không, phục đãi thời nhân định quy: xem về người đi xa dụng thần tuần không, thì phải đợi đến ngày xuất không, sẽ về. Dụng thần mà ẩn phục thì đợi đến ngày dụng thần xuất hiện, người sẽ về. Hợp thì chờ xung, phá thì chờ hợp: Dụng thần bị nhất nguyên động hào, thế hào hợp, phải đợi đến ngày xung mới trở về.

Người đi phương nào thì xem ngũ hành: Phàm xem phương hướng của người đi thì xem phương ngũ hành mà dụng thần sở thuộc như là dụng thần hào yên tĩnh thì xem phương vị ngũ hành mà nó trực, như dụng thần là tỵ thủy phát động, biến ra hào thân kim, thì người đi đường trước tiên là đi về hướng Bắc, sau đó chuyển về hướng Tây Nam, hoặc đi về hướng đông bắc vì đây là quẻ khôn cần đối xung.

Thí dụ cổ:

Ngày Canh ngọ, tháng sửu, xem bố ngày nào đến, được quẻ “lý”.

“Thiên trạch lý”

Huỳnh đệ tuất thổ

Tử tôn thân kim

Phụ mẫu ngọ hoả

Huỳnh đệ sửu thổ

Quan quý mao mộc

Phụ mẫu tỵ hoả

‘Thế

‘Ứng

‘

Phân tích quẻ:

Phụ mẫu ngọ hoả là dụng thần, lâm nhật kiến lai khắc thế hào. Hôm nay chắc chắn đến. Quẻ nhiên ông bố đến vào giờ thân.

Thí dụ ngày nay:

Ngày tân mùi tháng tân hợi năm 1987, một thầy viết chữ lừng danh toàn quốc Dương Thiên Nhẫn tìm gặp thầy Thiệu Vĩ Hoa nói:

“Cháu bé đi đã hai ngày, xin ông xem bao giờ trở về”.

Được quẻ “giải” từ quẻ “sư”.

“Địa thủy sư”

Phụ mẫu dậu kim

Huỳnh đệ hợi thủy

Thê tài ngọ hoả

Quan quý sửu thổ

Quan quý thìn thổ

Tử tôn dần mộc

“Lôi thủy giải”

Quan quý tuất thổ

Phụ mẫu thân kim

Thê tài ngọ hoả

Thê tài ngọ hoả

Quan quý thìn thổ

Tử tôn dần mộc

“

“Ứng

‘

“

‘Thế

“

Phân tích tượng quẻ:

1. Tử tôn dần mộc là dụng thần.

2. Mộc trường sinh tại hội. Quả này dẫn mộc trường sinh ở nguyệt kiến. Vì thế đứa trẻ ra đi bình an, vô sự.

3. Dẫn mộc trường sinh tại hội, thổ ở mùi, ở nhật kiến. Đoán rằng: đứa trẻ đang trốn ở tầng hầm hoặc ở nhà kho.

4. Ngày mai là ngày thân, sẽ tạo thành dẫn thân tương xung với hào tử tôn mà dụng thần nhập khổ thì đổi ngày xung sẽ trở về. Vì vậy ngày mai là ngày nhâm thân sẽ về.

Sau quả nhiên như dự đoán. Dụng thần yên tĩnh gặp ngày xung thì về, thật vô cùng linh nghiệm.

II. DỰ ĐOÁN THỜI GIAN TRỞ VỀ CỦA NGƯỜI ĐI XA

Người đi khỏi nhà, có về sớm về muộn, có người quay về, người không. Thậm chí có người chết ở dọc đường. Muốn biết tường tận có thể dùng bát quái để dự đoán:

- Dụng thần vô xung, không nghĩ đến trở về: dụng thần yên tĩnh, lại không bị động hào nhật thần xung phá tất nhiên an cường nơi đất khác, không về.

- Về chậm đều do sinh hợp, không về do khắc dụng thần:

Dụng thần sinh hợp thế nào, tất nhiên quay về chậm, phải đợi lâu; Dụng thần bị thế hào khắc thì người chưa quay thể quay về.

- Quả ngộ lục xung vô định xứ: xem thời gian quay về của người đi xa, tối kỵ gặp lục xung. Vì gặp lục xung thì người ở ngoài đang bốn ba chưa có nơi cố định.

- Về rồi lại đi vì dụng hoá thoái thần: Dụng thần hoá tiến, người về ngay; Dụng thần hoá thoái về rồi lại đi tiếp.

- Lục hào yên tĩnh, không nghĩ đến trở về; Quả mà gặp sáu hào yên tĩnh, thì người ở ngoài không nghĩ đến quay về. Nếu sinh thế và hợp thế, tuy chưa động nhưng lòng đã muốn về.

- Nhìn thấy vật mà nghĩ đến tình vì có sự động ở bên trong: Dụng thần yên tĩnh chắc chắn nhìn thấy vật nghĩ đến tình mà nghĩ đến đường về. Nếu gặp nhật kiến mà khắc thì cũng sẽ khó có động.

- Nhật kiến tương hợp tất có sự ràng buộc: Dụng thần mà gặp được nhật kiến động hào hợp, thì vì có sự việc ràng buộc, không thể về; Khi nào gặp được ngày nhật kiến xung khai thì về.

- Yên tĩnh bị khắc thì người chưa có động: Thế hào khắc dụng hào thì tạm thời chưa về. Nếu dụng thần yên tĩnh mà bị khắc, thì người vẫn ở nguyên chỗ cũ, chưa có động.

Thế động mà khắc dụng, nhật thần có khắc cũng không quay về.

- Dụng phục quy trì, thụ khắc bất lai: Dụng thần mà ẩn phục, tất vì nguyên nhân có việc nên về chậm. Đổi ngày dụng thần xuất hiện sẽ về, nếu phục mà bị khắc thì không về.

- Thế không dụng không nhân bất lai: Thế hào, dụng thần đều trực không, người không thể trở về.

- Dụng thần mà phục ở huỳnh đệ là vì cờ bạc: Dụng thần mà ẩn ở hào huỳnh đệ, người này có thể chơi cờ bạc ở ngoài; nếu có chu tước lâm thì cãi nhau, đánh nhau; nếu bạch hổ lâm thì phong ba cách trở.

- Dụng thần phục ở tử tôn thì vui mà quên về: nếu không phải vì rượu chè mà không về, thì cũng là vui chơi du lãng mà quên về. Hoặc vì tăng đạo, trẻ thơ ngăn giữ lại.

- Dụng thần mà phục ở phụ mẫu thì đó là chuyện giấy tờ: Dụng thần phục ở phụ mẫu, nếu không vì chuyện giấy tờ trắc trở, thì có thể vì cấp trên hoặc nghệ nhân lưu giữ.

- Dụng thần mà phục ở thê tài lại thêm hàm trì: Dụng thần phục ở thê tài, vì buồn bán có lãi mà quên về; nếu gặp không vong hay huynh đệ động thì vì buồn bán mất cả vốn lẫn lãi mà không quay về.

Nếu có hàm trì, mà hàm trì còn có tên là đào hoa sát, nên người chủ đào hoa có đáng về hào hoa, thông minh, hiểu học khảng khái cởi mở, phong lưu. Muốn biết có đào hoa sát hay không, ta nhớ câu về:

“Dần, ngọ, tuất thì ở mao
Ty, dậu, Sửu thì xem ở ngọ
Thân, tý, Thìn thì ở dậu
Hợi, mao, Mùi thì xem ở tý”

“Dần ngọ tuất” đó là chi của năm; những người sinh trong 3 năm này mà trong tứ trụ của họ có chữ “mao” tức có đào hoa; “Dần ngọ tuất” lại có thể là chi của ngày, những người sinh vào ba ngày này mà trong tứ trụ có “mao” cũng là có đào hoa hoặc hàm trì.

Vì thế nếu có hàm trì thì cũng là người đi vì ham sắc mà quên về.

- Dụng thần phục ứng chi tài, định chiêu tể: Dụng thần mà phục ẩn ở ứng hào mà tài hào âm, là bị người khác dụ dỗ làm con rể.

Dụng thần mà ẩn phục ở ứng hào mà hào tài dương, sinh hợp thế hào, chắc chắn bị người khác giữ mất tiền của.

- Dụng thần phục mà vượng hoặc hưu tù thì chủ những việc khác nhau: Dụng thần vượng mà ẩn ở tài khố tức là được nắm tiền tài ở nhà giàu hoặc ở nhà công chức.

Dụng thần mà hưu tù khố tuyệt thì sẽ sống tha hương qua ngày.

- Dụng thần phục ở quan quý thì có cát, có hung: Dụng thần mà ẩn phục ở quan quý, nếu gặp trường sinh cát, hoặc được nhà công chức giữ lại. Nếu suy mà bị khắc, không ốm đau cũng dính vào việc hoạn nạn.

- Dụng thần nhập khố tất hung: Dụng thần trì khố, hoá khố, nhập khố hoặc ẩn phục ở khố, ở quý khố, có điềm vì bệnh hoạn mà không thể quay về; nếu quan quý lâm bạch hổ tức ở trong tù.

- Bất tham hoa sắc vì tặc (nếu không tham hoa sắc thì là đi trộm cướp): Dụng thần lâm huyền vũ, động lại gặp hào tài tương hợp, hoặc dụng ẩn phục ở động hào tài có huyền vũ lâm thì chắc chắn là tham hoa hiếu sắc mà không về.

Dụng mà ẩn phục ở quý lâm huyền vũ, hào tài không hợp, thì người này có thể làm trộm cắp ở bên ngoài.

- Quẻ mà gặp quẻ du hồn thì lang bạt bốn phương: Quẻ gặp du hồn, dụng hào phát động, người đi xa lang bạt kỳ hồ, đi chán mới quay về.

- Dụng thần ẩn phục ở hung thần chắc chắn là chủ việc hung:

Phục thần có câu: trần thì do trượt ngã mà tổn thương, phục ở đẳng xà thì kinh hoàng; phục ở bạch hổ lại lâm quý là ốm liệt không về được; Phục ở huyền vũ thì không làm trộm đạo cũng là hiếu sắc. Nếu lâm thanh long phát động, thì chủ về cát hung.

- Quẻ trung vô tài, vô lộ phí: Trong quẻ biến động, nhật nguyệt đều không có hào tài xuất hiện thì vì không có tiền đi đường mà tắc trở.

- Tam hợp bất quy xung tắc hồi: Dụng thần trực tam hợp thì không về. Khi nào xung phá mới về.

Dụng thần ngâm, về rồi lại không về.

Dụng thần khố tuyệt không phá, thì bất vô âm tín; Hoá hợp thì có trở ngại; Hoá quỷ có tai ương; Hoá khắc thì hung. Nếu biến quẻ tuyệt lại phản ngâm, dụng thần bị xung khắc thì khó định ngày về.

- Chấn cư kinh thành kim tại quan: Quẻ mà gặp chấn cung, người này tất đang ở trong kinh thành; nếu ở ngoài cung, chắc chắn ở nơi đến miếu quan viên; nếu cần kim thì ở kinh đô.

- Dụng tại bản cung nội quái, nhận tại bản địa: Tại bản cung ngoại quẻ thì người tại tha hương. Nội quẻ ở cung khác thì người ở huyện ngoài hoặc ranh giới giữa 2 huyện. Nếu ở ngoại quẻ, cung khác thì đi ra khỏi phủ huyện.

- Dụng thần mà gặp tứ khố thì phải xem ngũ hành: Thìn là thủy khố khố, ở bên cạnh nước; Tuất là hỏa khố, ở trong đền miếu, chùa chiền; Sửu là kim khố, đang ở nơi lò nấu kim loại hoặc bạc vàng; Mùi là mộc khố, đang ở vườn cây, đồng cỏ hoặc nơi xương mộc.

- Phụ động sẽ có tin đến, tài hư thì không có tin tức: hào phụ mẫu chính là thư tín; Hào phụ mẫu động sẽ có tin về. Nếu tài vượng thì thế động lại khắc phụ mẫu thì tuyệt vô âm mưu.

- Phụ vượng thì có tin đến, hữu tù thì bất tằm hơi: hào phụ mẫu sinh thế, hoặc phụ mẫu lâm vượng địa chủ về có tin của người đi xa; Hào phụ mẫu hữu tù khố tuyệt, thì vắng bất tằm hơi.

- Phụ mẫu không vong thì không hề có tin tức: hào phụ mẫu chủ văn thư, nếu gặp không vong tức không có tin lại. Nếu động lại sinh hợp thế hào sẽ có thư về.

Thí dụ cổ:

Ngày đình hội tháng ty xem đưa ở ngày nào về, được quẻ “phục” từ quẻ “quải”.

“Trạch thiên quái”

“Thiên trạch lý”

Huynh đệ mùi thổ

X

Huynh đệ tuất thổ

‘

Tử tôn dậu kim

‘Thế

Tử tôn thân kim

‘Thế

Thê tài hội thủy

‘

Phụ mẫu ngộ hỏa

‘

Huynh đệ thìn thổ

O

Huynh đệ sửu thổ

“

Quan quỷ dần mộc

‘Ứng

Quan quỷ Mão mộc

‘Ứng

Thê tài tý thủy

‘

Phụ mẫu tỵ hỏa

‘

Phân tích tượng quẻ:

1. Vì xem đưa ở gái lấy hào thê tài làm dụng thần. Trong quẻ có hai hào thê tài thì lấy tứ hào thê tài hội thủy vượng tướng lại lâm nhật kiến làm dụng thần.

2. Hội thủy tuy lâm nhật kiến nhưng lại gặp nguyệt phá. Tỵ hội tương xung. Hội thủy hào nguyệt phá. Chẳng khác gì cây khô gỗ mục. Nếu gặp sinh thì không sống lại được, gặp phá lại càng phá.

3. Có hai hào động là lưỡng trùng thổ động lại khắc dụng, không cát

4. Hội thủy động thần lại hoá ngộ hỏa chủ thần. Điềm xấu khắc mà không sinh.

5. Quả nhiên, đến ngày ngộ, cừu thần vượng tướng người con gái bị hãm hại dọc đường.

Thí dụ cổ:

Ngày quý sửu, tháng thân xem con trai bao giờ trở về, được quẻ “đi” từ quẻ “vô vọng”.

“Thiên lôi vô vọng”

“Sơn lôi đi”

Thê tài tuất thổ

‘

Huynh đệ dần mộc

‘

Quan quỷ thân kim

O

Phụ mẫu tý thủy

“

Tử tôn ngộ hoả	O Thế	Thê tài tuất thổ	“Thế
Thê tài thìn thổ	“	Thê tài thìn thổ	“
Huỳnh đệ dần mộc	“	Huỳnh đệ dần mộc	“
Tử tôn tý thủy	‘Ứng	Phụ mẫu tý thủy	“Ứng

Phân tích tượng quẻ:

Ngộ hoả tử tôn hào là dụng thần, thoát nhìn hầu như nguy hiểm không lớn. Nhưng phân tích kỹ thì vấn đề khá phức tạp.

Ngộ hoả tử tôn hào động, dụng thần động lại hoá tuất thổ. Hoả trường sinh tại dần, mộ tại tuất. Dụng thần động mà nhập mộ là điềm không lành.

Dần mộc hào huỳnh đệ là nguyên thần của dụng thần. Hiện gặp quan quỷ thân kim động. Quan quỷ trực nguyệt kiến lại được nhật kiến sửu thổ sinh kim, quan quỷ đã vượng lại càng vượng, có tử khắc hại dần mộc; Dần mộc trường sinh tại hợi, tuyệt tại thân, nguyên thần của dụng thần đã hãm vào tuyệt địa lại là không, không còn lực để trợ giúp dụng thần, thực là điều không tốt lành.

Thầy xem nói rằng: Con trai của ông ta vì qua đò, đắm thuyền mà chết. Thủy vốn là đất trường sinh của nguyên thần, nay dần mộc bị khắc chế hãm vào tuyệt địa, thủy không có nội tiết khí, đã làm dập tắt tử tôn ngộ hoả. Chính vì vậy mà có lời kết luận này.

Thí dụ dự đoán của thầy Thiệu Vĩ Hoà:

Ngày ất ty, tháng tuất, năm 1985 ông Vương ở đơn vị tôi xin xem một quẻ, cháu ngoại ông bỏ đi bao giờ về. Được quẻ “phệ hạc” từ quẻ “di”.

“Sơn lôi di”		“Hoả lôi phệ hạc”	
Huỳnh đệ dần mộc	‘	Tử tôn tý hoả	‘
Phụ mẫu tý thủy	“Phục	Thê tài mùi thổ	“Thế
Thê tài tuất thổ	X Thế	Quan quỷ dậu kim	‘
Thê tài thìn thổ	“	Thê tài thìn thổ	“
Huỳnh đệ dần mộc	“	Huỳnh đệ dần mộc	“Ứng
Phụ mẫu tý thủy	‘Ứng	Phụ mẫu tý thủy	‘

Phân tích quẻ:

1. Sau khi chủ quẻ xếp xong, trong quẻ không có tử tôn, dụng thần không xuất hiện, tra quẻ đầu của tám quẻ cung tổn bát quái, tử tôn tý hoả ẩn ở ngũ hào phụ mẫu tý thủy dưới.

Tý thủy là phi thân, tý hoả tử tôn là phục thần, đã tạo thành tình trạng phi thân đến khắc chế phục thần, không có lợi cho tử tôn.

2. Sơn lôi di là quẻ thứ bảy của tám quẻ cung tổn bát quái, gọi là quẻ du hồn, chủ về ở ngoài “chơi bời mà không quay về”.

3. Tử tôn tý hoả tuy lâm nhật kiến, nhưng phục mà bị khắc, lại mộ ở nguyệt kiến. Nguyệt kiến tuất thổ, tuất là hoa khô, biểu tượng của đền chùa. Xem ra có điềm đi vào chùa miếu mà không về.

4. Sau đó, nghe nói cậu ta đã lên núi Nga My ở tỉnh Tứ Xuyên đến nay vẫn chưa về.

Chương 10

NHỮNG THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM TRONG DỰ ĐOÁN CỦA TÔI

Học môn dự đoán “Chu dịch”, suy cho cùng vẫn chỉ là một câu: “Đem kinh nghiệm của người khác biến thành của mình, bản lĩnh của người ta được nâng cao dần lên”.

Dem kinh nghiệm của người khác biến thành của mình, một là học tập và vận dụng những kiến thức lý luận cơ sở, hai là mạnh dạn vận dụng những kiến thức lý luận ấy, đưa nó vào trong thực tiễn đầy thử thách, không sợ những vấp vác trắc trở và sai lầm phải có, trong khi không ngừng sửa chữa cho đúng, đúc kết lại, nâng cao lên mà hoàn thiện quá trình dự đoán và cuối cùng sẽ có thể khiến cho những kết luận, dự đoán của mình dẫn đến làm cho người khác chú ý, thán phục.

“Chuẩn hoá” hai tiếng này chính là điều tôi mong mỗi đồng đảo các bạn đọc giả có thể đạt đến.

Tiết 1. DỰ ĐOÁN CHIẾN TRANH VÙNG VỊNH TRUNG ĐÔNG

Ngày 15 tháng giêng năm 1991 đối với toàn thế giới là một ngày bình thường. Ngày đó, chính là ngày cuối cùng mà Liên hợp quốc quyết định Irắc phải rút quân khỏi Cô-oét.

Liên hợp quốc và sứ giả hoà bình các nước đang tiến hành cuộc đàm phán và khuyến giải cuối cùng đối với người lãnh đạo Irắc để tránh sự bùng nổ chiến tranh, tránh sự đổ máu, hy sinh và mất mát tài sản to lớn.

Hàng tỷ nhân dân thế giới quan tâm theo dõi vùng vịnh. Người ta bồn chồn, suy nghĩ về nhiều vấn đề nóng bỏng. Cuộc đàm phán và thuyết phục cuối cùng liệu có kết quả gì không? Thuyết phục cho hoà bình mà đổ vỡ, liệu có đánh nhau không? Nếu như khai chiến thì Liên hợp quốc sẽ tuyên chiến vào ngày giờ nào? Tiến công vào lúc nào, bằng phương tiện nào? Chiến tranh xảy ra mang lại hậu quả gì? Để trả lời hết vấn đề này chỉ có những nhân vật đầu não trong phủ Tổng thống Hoa Kỳ mới có thể làm được. Chỉ có họ mới nắm chắc được điều tối mật về chiến tranh vùng Vịnh.

Chính giờ khắc ấy, ông Hàn Khởi phó ban thường trực Hội Nghiên cứu Chu dịch tỉnh Thiểm Tây trong hội nghị Ban Chấp hành hội, đã đề xuất ý kiến mời mọi người dự đoán một quẻ về tình hình vùng Vịnh. Coi như một dịp để giao lưu học thuật trong nội bộ Hội Nghiên cứu Chu dịch. Thế là vào ngày 15 tháng giêng, tôi đã vận dụng bát quái, dự đoán về chiến tranh vùng Vịnh, nêu ra sáu điều phán đoán, để trả lời các câu hỏi trên. Kết quả hoàn toàn chính xác.

Cho đến hôm nay, khi tôi viết lại quẻ này, sự xúc động trong tôi còn trào dâng.

Dưới đây, tôi xin giới thiệu tỷ mỉ toàn bộ quá trình nảy sinh, phân tích, và phán đoán của quẻ dự đoán về chiến tranh vùng Vịnh và tình hình ứng nghiệm sau cùng.

Sáu giờ 30 phút ngày 30 tháng 11 năm Canh ngọ (tức 6h30' giờ Bắc Kinh ngày 15 tháng giêng năm 1991 dương lịch) Đài phát thanh nhân dân trung ương đã phát đi bài nói chuyện về vấn đề Irắc của quan sát viên Tân Hoa Xã. Tôi cảm thấy ngữ khí và nội dung bát quái để dự đoán tình hình Vịnh. Tôi lập được quẻ “Phong trạch trung phù” từ quẻ “Thủy trạch tiết”:

“Thủy trạch tiết”		Lục thần	“Phong trạch trung phù”	
Huỳnh đệ tỷ thủy	X	Huyền vũ	Tử tôn mao mộc	‘
Quan quẻ tuất thổ	‘	Bạch hổ	Thê tài ty hỏa	“
Phụ mẫu thân kim	“Ứng	Đằng xà	Quan quẻ mùi thổ	‘Thế
Quan quẻ sửu thổ	“	Câu trăn	Quan quẻ sửu thổ	‘
Tử tôn mao mộc	‘	Chu tước	Tử tôn mao mộc	‘
Thê tài ty hỏa	‘Thế	Thanh long	Thê tài ty hỏa	‘Ứng

Phân tích quẻ:

Bát tự là: canh ngọ, kỷ sửu, ất dậu, kỷ mao.

1. Lấy hào quan quỷ làm dụng thần. Hào tam sửu thổ lâm nguyệt kiến lấy hào này làm dụng thần.

2. Quyết định sử dụng “Mai hoa dịch số” và “phép dự đoán bằng sáu hào” để tiến hành tổng hợp và phân tích quẻ này.

Chi ra các khía cạnh xem xét sau đây:

I. ĐÀM PHÁN TRƯỚC CUỘC CHIẾN

1. Hào tam quan quỷ là hào âm lại ở vào dương vị là không đắc vị.

2. Hào tam quan quỷ là hào âm cùng với thượng lục hào cũng là hào âm cho nên không tương ứng.

3. Hạ quẻ đoài là thổ, là chủ; thượng quẻ là khảm là dụng, là sự việc; mà quẻ khảm chủ sự việc, trong quẻ khảm hào dương ở giữa, tâm là cứng rắn không khuất phục, chủ về thái độ của Batđa cứng rắn, sẽ không tiếp nhận đàm phán.

4. Quẻ thủy trạch tiết là một trong tám quẻ của cung khảm. Trong vạn vật bát quái, loại tượng về mục giao dịch: chủ về chuyện giao dịch không thành.

5. Căn cứ vào 4 điều trên, đoán định là đàm phán thất bại, cuộc chiến bùng nổ sớm.

II. NGÀY GIỜ NỔ RA CUỘC CHIẾN

Phán đoán 1: Chủ quẻ “thủy trạch tiết” là quẻ của cung khảm. Thời gian là tháng 11 của mùa đông.

Biến quẻ là quẻ “phong trạch trung phù” là quẻ của cung càn. Thời gian là tháng 12 của mùa đông. Trừ ngày giờ năm tháng thuộc sửu dần. Quẻ này được lập vào ngày 30/11 âm lịch.

Bởi vì: tiết “tiểu hàn” chỉ tháng 12 dương lịch vào ngày 21/11 âm lịch đã đến; cho nên ngày 30/11 âm lịch trên thực tế đã là tháng Kỷ sửu tức tháng 12. Chủ quẻ tổng số là:

Khảm 6 + Đoài 2 + Động hào 6; Cách tính: $(6 + 2 + 6) : 2 = 7$

Vì thế: phán đoán thứ nhất là: sau khi thương lượng thất bại vào ngày 15 tháng giêng, tức nội trong một tuần, sau ngày 30/11 (âm lịch) sẽ bùng nổ cuộc chiến.

Phán đoán thứ hai là:

Biến quẻ “Phong trạch trung phù” thời gian là sau tháng 12 chủ về các số 5, 7, 10. Vì ngày 15 tháng giêng là kỳ hạn cuối cùng của đàm phán. Không thể khai chiến được; cho nên đoán rằng: ngày 17 tất sẽ bắt đầu cuộc chiến. Ngoài ra theo quỹ luật sinh khắc ngũ hành, ngày 16 là ngày bính tuất, chính là ngày sửu tuất tương hình, Liên hợp quốc không thể nhẫn nại được nữa, vì vậy nhận định là ngày 17 bắt đầu cuộc chiến.

Phán đoán thứ ba:

Ngày giờ cụ thể khi phát động chiến tranh định vào giờ mao ngày 17 chính là mao mộc khắc thổ.

III. PHƯƠNG TIỆN TIẾN CÔNG KHI BẮT ĐẦU CUỘC CHIẾN

Quẻ dụng của biến quẻ là tốn, tốn là phong cho nên đoán định rằng: thủ đoạn tiến công khi bắt đầu là sử dụng những vật bay trên không là chính.

IV. DỰ ĐOÁN VỀ TÌNH HÌNH CUỘC CHIẾN

1. Chủ quẻ thổ là chủ, dụng là sự việc, quẻ khảm là quẻ về máu, đánh nhau tất sẽ tạo ra thảm kịch đổ máu.

2. Chủ quẻ là khảm, cung thuộc thủy, biến quẻ là chấn, cung thuộc thổ. Thổ khắc thủy, là một dấu hiệu không lành. Chủ về Irắc sẽ gặp điềm “hung”.

3. Tam hào quan quỷ lâm câu trần, câu trần quấy nhiễu điền thổ, chủ về đất đai của chủ Irắc không yên.

4. Quẻ đoài là thể, trong vạn vật tượng là hồng gãy, hoa quả rơi rụng sau khi cạn nước sẽ biến thành vùng đất chua mặn, khô cứng...

Cho nên đoán định rằng: Irắc không những không giữ được lãnh thổ Cô-oét mà mình chiếm giữ – hơn nữa, đất đai của Irắc cũng bị tàn phá.

5. Biến quẻ thể là đoài kim. Dụng là tổn mộc là thể khắc dụng, chủ về may mắn, tốt lành. Hố của thể là chấn, chủ về sự kinh hoàng chấn động, cho nên đoán rằng Irắc tuy gặp phải hiểm họa nhưng không có nỗi lo rơi vào tuyệt địa, không thể mất nước.

Tôi đem ngay những điều dự đoán này đến nhà ông Hàn Khởi; ông Hàn Khởi lập tức ký tên xác nhận, sau đó lại có nhiều người ký thêm nữa để chứng thực ngày, giờ dự đoán. Ông Hàn Khởi vào cùng lúc đó cũng đưa ra những tư liệu dự đoán của người khác. Tôi còn nhớ, có một vị ủy viên hội nghiên cứu ở Hàm Dương cũng dự đoán rằng ngày 17 tháng giêng cũng bắt đầu cuộc chiến, ngày giờ nổ ra sớm hơn dự đoán của tôi 2 tiếng, cũng là hoàn toàn chính xác.

Những dự đoán về vận mệnh của Batđa thì sự việc sau đó đã chứng tỏ sai lệch. Nhưng việc xác định về thời gian thì ông đã đoán trước tôi, khiến tôi rất khâm phục ông.

V. NHỮNG CHỨNG NGHIỆM CỦA DỰ ĐOÁN

Cuộc chiến tranh vùng Vịnh bắt đầu nổ ra vào giờ Mão ngày 17 tháng giêng. Máy bay của liên quân đã cất cánh lúc 5 giờ 30 sáng ngày 17 đến 7h50' đã đến Batđa.

Phương tiện tấn công là:

Các điều dự đoán khác về cơ bản là đều đúng. Các bạn đã biết về cuộc chiến, không cần nói thêm.

Tiết 2. NHỮNG KINH NGHIỆM VỀ DỰ ĐOÁN CỦA TÔI

Học tập dự đoán “Chu dịch”, nội dung hết sức phong phú và phức tạp, không thể mong chóng thành công và có con đường tắt để đi. Thức ăn thì nuốt từng miếng từng miếng một, kinh sách thì học từng cuốn từng cuốn một; Các thí dụ về quẻ thì phân tích; lĩnh hội từng quẻ từng quẻ một.

Có mấy điểm dưới đây, xin cung cấp để bạn đọc tham khảo.

I. SỰ LIÊN QUAN HỮU CƠ CỦA CÁC TRI THỨC DỰ ĐOÁN.

Bát quái bao la vạn tượng, những thứ chúng ta cần phải nắm vững rất nhiều; Học thuộc một quyển sách là rất khó, huống hồ, việc vận dụng tri thức trong sách vở lại có tính linh hoạt, biến đổi cực kỳ to lớn.

Vì thế, chúng ta phải nhờ đến những công cụ dự đoán để giảm nhẹ căng thẳng do phải ghi nhớ động não.

Làm như vậy thì có thể dồn tinh lực của chúng ta vào việc lĩnh hội bát quái; sự tiến bộ sẽ nhanh hơn.

Cách cấu chuỗi những kiến thức như sau:

Theo thói quen cá nhân, lần lượt ghi vào những tờ giấy con gấp nhỏ trong sổ công tác những điều mà mỗi lần dự đoán điều cần đến, hay thường dùng đến. Như vậy, chỉ cần mở ra là tìm được rất nhiều thứ, không cần phải lần giở từng trang.

Những tấm các ghi tri thức bát quái xếp theo trình tự như sau:

1. Tên và cách nạp giáp của 64 quẻ trong 8 cung.
2. Lục thần và ghi ý của nó.
3. Nguyệt kiến, nguyệt phá, nhật kiến, nhật phá, tuần không.
4. Bài ca lục thập giáp tý nạp âm ngũ hành.

5. Hình xung khắc, hại, hợp.
6. Thần sát.
7. Ngũ hành tứ thời vượng tướng và ngũ phương.
8. Bài ca về tìm ngày, tìm giờ.

Mỗi tờ giấy gấp dài 80 cm, rộng 9 cm. những trang gấp rộng 6,3 cm có nghĩa là: cuốn sách nhỏ có trang gấp luôn mang theo mình dài 9 cm, rộng 6,3 cm còn nhỏ hơn cuốn sổ công tác.

Những tờ giấy này mặt trước mặt sau đều có thể ghi được. Mặt giấy lại rất rộng có thể ghi những điều khác mà mình thấy cần.

II. KHÔNG CÓ VIỆC GÌ THÌ KHÔNG LẬP QUÊ, KHÔNG HỎI KHÔNG LẬP QUÊ. TÂM KHÔNG ĐỘNG KHÔNG LẬP QUÊ.

Thường thường có người chỉ vì hiếu kỳ, cứ gặp mặt là nói xem cho tôi một quẻ. Khi hỏi anh ta có việc gì? Xem cái gì? Thì trả lời “nhân tiện xem thử”. Gặp những trường hợp như vậy mà cứ lập quẻ bừa là việc không có đầu mối, dắt dây, không có bến bờ. Rất khó được quẻ tốt. Tốt nhất là không xem.

Tất nhiên, sẽ có người có tâm, muốn dự đoán cho cả cuộc đời của họ, đó lại là việc khác. Chỉ có điều mất nhiều công sức.

Người khác không hỏi, bắt tất phải chủ động bảo người ta xem quẻ. Vì rằng thấy người khác xảy ra việc bản thân mình tâm động, sẽ có cảm giác không vui, nếu không lập quẻ giúp họ, thì lúc ấy lập quẻ rất linh nghiệm.

Một thí dụ:

Ngày 1/4/1991 chính vào lúc tôi viết cuốn sách này đang căng thẳng nhất, không muốn ai quấy rầy. Đúng lúc đó, có một vị cán bộ gọi điện đến, xin được vào buổi chiều đến xem một quẻ. Tôi đã định chối từ, nhưng ông khách cứ một mực đòi đến, đành phải nhượng bộ. Lúc ấy lòng tôi cảm thấy lạ lùng, không biết có việc gì mà buộc phải tìm tôi. Ngay lúc đó tôi lập quẻ.

Năm tân mùi, tháng tân mao, ngày tân sửu, giờ quý tỵ.

Đó là giờ tỵ ngày 17/2/1991

“Hoả thiên đại hữu”

“Hoả trạch khuê”

Thế

—
—
—
—

Ly hoả

—
—

Thế

—
—
—
—

Ly hoả

Dụng

Cần kim

Dụng

Đoài kim

Động tam hào

Phân tích tượng quẻ:

1. Chủ quẻ ly hoả là thể cần kim là dụng thể khắc dụng là điềm tốt. Hình như không có việc gì lớn.

2. Hổ của dụng là cần kim, hổ của thể là đoài kim, đoài của quẻ dụng nhiều ly hoả không thể khắc chế, trái lại làm cho thể bị hại, bị tổn thương.

3. Hổ của thể là đoài, đoài chủ về khẩu thiệt, tranh cãi; xem ra vì tranh cãi mà nhiều sự, làm anh ta rơi vào thế khó xử.

4. Quẻ này có thể xảy ra 2 trường hợp:

Một là: Bị thương do dùng bạo lực để đánh nhau xảy ra vì tranh cãi kiện tụng.

Hai là: Vì sự nghiệp gặp trắc trở, ý kiến lại chia rẽ, cãi cọ làm hỏng việc, rơi vào thế khó xử.

5. Tổng số của toàn quẻ là:

$$3 + 1 + 2 + 1 + 3 + 2 = 12$$

Nội trong 2 tuần tình hình sẽ có chuyển biến tốt.

Đợi đến chiều, vị cán bộ gõ cửa vào nhà thì phát hiện ra rằng, họ đưa đến một người đàn bà vẻ mặt không có gì là buồn rầu. Tôi bèn dùng nhận định thứ 2 (tức sự nghiệp bị trắc trở) để phân tích và kết luận quẻ này.

Hai người cảm thấy rất lạ lòng chưa gặp gỡ, hỏi han, lập quẻ sao có thể nói chuẩn xác như vậy.

Ví như có những người phát sinh mâu thuẫn với cô ta, dụng quẻ là càn kim, đó là một người con trai. Hở của dụng lại là càn kim nữa, tức người con trai khác. Hở của thể là đoài kim tức một người con gái. Đoán rằng: cô ta có mâu thuẫn với hai người con trai và một người con gái. Kết quả rất ứng nghiệm.

III. CHỈNH LÝ VÀ GHI LẠI NHỮNG LẦN DỰ ĐOÁN, KHÔNG KỂ ĐÚNG HAY KHÔNG ĐÚNG, ĐỀU PHẢI GHI LẠI.

Tết năm nay, một người họ Trần ở Trùng Khánh, đã đem ra một cuốn sổ ghi chép những quẻ mà bản thân anh ta tích lũy dương và nói.

“Tại sao tôi đoán đều chẳng chuẩn xác gì cả?”

Tôi nhận cuốn sổ, giúp anh ta phân tích và phán đoán tới 7, 8 quẻ. Kết quả quẻ nào cũng đúng với thực tế.

Bốn người có mặt ở đó rất ngạc nhiên và thốt lên:

“Bát quái quả là có bí quyết riêng của nó!”

Những quẻ mà mình đoán sai, khi trình độ đã được nâng cao đều có thể cho những quẻ đó sống lại, coi đó là một tài liệu quý báu.

IV. CHÚ Ý TỪ TRONG CÁC QUẺ THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI KHÁC, HỌC LẤY NHỮNG KIẾN THỨC VỀ ỨNG BIẾN VÀ CHÌA KHÓA CỦA ĐOÁN QUẺ.

Trong những phần kiến thức cơ sở của bát quái, có một số tri thức đoán quẻ chưa được nêu ra nhưng lại được biểu đạt một cách rõ ràng trong quá trình phân tích, phán đoán các thí dụ về quẻ.

Có một số kinh nghiệm, một khi đã được bản thân mình lĩnh hội nắm vững thì có thể sử dụng rộng rãi, nêu một biết mười.

V. ĐỪNG BỎ QUA BẤT KỲ MỘT CƠ HỘI HỌC TẬP VÀ TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM NÀO.

Học tập dự đoán “Chu dịch”, ngoài việc đọc một số cuốn sách còn phải chú ý làm quen với một số “nhân vật sáng giá” để xem họ trầm tĩnh, điềm đạm lập và đoán quẻ như thế nào.

Có khi ngẫu nhiên mà thu được những tri thức quý giá hơn nhiều những tri thức ta thu được trong sách vở.

VI. CỐ GẮNG MỞ RỘNG DIỆN TRI THỨC DỰ ĐOÁN VÀ MỞ RỘNG TÂM NHÌN CỦA MÌNH.

Bát quái chỉ là một trong những phương tiện dự đoán. Còn như môn khác như xem tướng mặt, tướng tay, vân tay, bách tuế lưu niên, chiết tự đều là những phương pháp quan trọng để dự đoán nếu như bạn có thể nắm vững toàn diện, thì tự nhiên như hổ thêm cánh, như rồng thêm vây thuận lợi mọi bề. Bởi vì các phương tiện dự đoán đều có tác động hiệu chỉnh lẫn nhau, đặc biệt biểu hiện trong dự đoán nhân sự. Tác dụng của chúng ta không thể xem nhẹ.

Ví như tinh thông tướng mặt, bách tuế lưu niên, thì sẽ được lợi là chỉ cần nhìn mặt, không cần hỏi; biết xem tướng tay, vân tay, chỉ cần chìa tay đã biết người.

Biết chiết tự thì nhìn một chữ đã định được nhân sự.

Đương nhiên, học không tinh thông khó tránh khỏi bị người khác cho rằng đó là “mê tín”, “lừa đảo”.

VIII. ẾT HỢP VỚI SỰ NGHIỆP TIẾN HÀNH NGHIÊN CỨU CHUYÊN MỤC.

Cổ đã có thì hôm nay dùng. Học cốt để dùng. Cái đáng quý là kết hợp được với thực tiễn. Mỗi một người đều có hoàn cảnh mà mình thông thạo và những sự vật mà mình đặc biệt quan tâm.

Việc dự đoán của chúng ta trước hết phải bắt đầu từ những việc của bản thân mình. Mỗi lần dự đoán là một lần đối chiếu, nếu sai thì tìm nguyên nhân. Đúng thì tổng kết thành kinh nghiệm.

Chúng ta tiến hành nghiên cứu dự đoán chuyên ngành, giành được những thành quả, có lợi cho phát triển kinh tế, có lợi cho an toàn của con người. Chỉ cần đạt được một thành tích là đã tốt lắm rồi.

Tự ngữ nói: “Công phu bất phụ hữu tâm nhân” (Công sức bỏ ra không phụ những người có tâm huyết, tấm lòng).

Hãy tiếp tục kiên trì nhất định sẽ đạt được những thành quả dự đoán xuất sắc.

VIII. KHÔNG NÊN ĐỂ NHỮNG BẠC DANH NHÂN LÀM MÌNH KHIẾP ĐẢM.

Tôn trọng danh nhân, thực lòng, muốn học tập danh nhân, là đức tính tốt đẹp; nhưng không sợ sệt trước danh nhân, dám đỏi và vượt danh nhân, cũng là đức tính tốt đẹp của bạn. Bởi vậy lúc bắt đầu không ngại gì đặt mục tiêu cao hơn một chút. Về mặt chiến lược thì coi thường khó khăn. Về mặt chiến thuật thì coi trọng khó khăn, từng bước từng bước tiến đến mục tiêu. Phải có ý chí không sợ thất bại, những bậc cao thủ, có tiếng tăm về dự đoán, đều có ghi chép về sai lệch trong dự đoán. Vì thế hãy kiên trì, không nản chí, sẽ có ngày bạn trở thành một nhà dự đoán chân chính.

IX. ĐI CON ĐƯỜNG RIÊNG CỦA MÌNH.

Sinh hồn của dự đoán “Chu dịch” chính là cảm ứng. Quẻ là phần chết, nhưng giải quẻ là phần sống.

Từ một mức độ nào đó mà nói những thí dụ về quẻ viết trên giấy, thì phần lớn là những quẻ chưa được dự đoán ở mức độ cao. Những ứng nghiệm dự đoán của những quẻ không thấy hào mà đã ra kết quả, mới là trình độ dự đoán cao hơn một bậc.

Vì vậy, trên cơ sở thông thạo những tri thức truyền thống của “Chu dịch” phải ra sức tìm kiếm, dám đi theo con đường của riêng mình. Đó là tinh thần tiến thủ vô cùng quý giá.

*****HẾT*****